

Giải Nghĩa  
KINH THÁNH

# Phúc Âm Ma-thi-ơ

Warren W.  
Wiersbe

*Giải Nghĩa*  
KINH THÁNH

# Phúc Âm Ma-thi-ơ

Warren W.  
Wiersbe

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

# Phuc Am Ma-thi-o

## Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: [www.VM1.global](http://www.VM1.global)

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

## LỜI GIỚI THIỆU

Như Warren W. Wiersbe đã nói trong lời mở đầu, *Phúc Âm Ma-thi-ơ* đã được nhiều học giả Kinh Thánh xem là tài liệu quan trọng nhất về đức tin Cơ Đốc. Các nhà sử học cũng cho biết *Phúc Âm Ma-thi-ơ* là sách được Hội Thánh đầu tiên đọc và trích dẫn nhiều nhất.

Ma-thi-ơ không trình bày cuộc đời Chúa Cứu Thế theo trình tự thời gian như Mác hay Lu-ca nhưng tác giả đã thu thập và sắp đặt những tài liệu để trình bày cho người Do Thái về con người và chức vụ của Ngài trong chủ đề đặc biệt: Chúa Cứu Thế Giê-xu là Vua. Có nhiều yếu tố làm nổi bật đặc tính Do Thái trong *Phúc Âm Ma-thi-ơ*: Phúc Âm này được viết bởi một người Do Thái tên Lê-vi; nhiều lần trích dẫn Cựu Ước của người Do Thái; Chúa Giê-xu nhiều lần được đề cập đến như là Con Vua Đa-vít; tác giả dùng cụm từ “Nước Thiên Đàng” như một khái niệm căn bản của người Do Thái. Ngoài ra, những sự kiện khác như gia phả của Chúa Giê-xu được kể đến đời Áp-ra-ham, tổ phụ của dân tộc Do Thái (1:1- 17); Giô-sép được đề cập như là con cháu Đa-vít (1:18- 25); sứ mạng của các môn đồ cho chiên lạc mất nhà Y-sơ-ra-ên (chương 10); những ẩn dụ trong các

chương 20- 22 và 25 mang bối cảnh Do Thái, v.v... đã làm nổi bật đặc tính Do Thái của Phúc Âm này. Với đặc tính như thế, *Phúc Âm Ma-thi-ơ* trở thành nhịp cầu nối liền giữa Cựu Ước và Tân Ước.

Tập giải nghĩa *Phúc Âm Ma-thi-ơ* nằm trong bộ giải nghĩa Kinh Thánh “Be Series” của Tiến sĩ Warren W. Wiersbe, một giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng hiện nay. Với tập giải nghĩa này, Warren W. Wiersbe giúp chúng ta đi qua từng chương của sách *Phúc Âm Ma-thi-ơ* để thấy thế nào Chúa Cứu Thế Giê-xu là Vua và từ đó chúng ta bước vào tình yêu sâu đậm và trung thành với Ngài, Vua trên muôn vua.

Được phép của nhà xuất bản SP Publications, Inc., Cook Communications Ministries, Văn Phẩm Nguồn Sống sẽ lần lượt dịch, hiệu đính và ấn hành trọn bộ giải nghĩa Kinh Thánh Tân Cựu Ước này để đáp ứng nhu cầu học hỏi Lời Chúa của các tôi tớ con cái Chúa. Chúng tôi ước ao được sự đón nhận và đóng góp ý kiến của tất cả quý vị.

Văn Phẩm Nguồn Sống  
Tháng 12, 1999

# MỤC LỤC

1	Vua Ra Đời (Ma-thi-ơ 1)	5
2	Tôn Thờ Vua (Ma-thi-ơ 2)	10
3	Các Chứng Cớ Về Vua (Ma-thi-ơ 3—4)	18
4	Phép Tắc Của Vua: Sự Công Bình Thật (Ma-thi-ơ 5)	32
5	Phép Tắc Của Vua: Sự Thờ Phượng Thật (Ma-thi-ơ 6)	47
6	Phép Tắc Của Vua: Sự Đoán Xét Thật (Ma-thi-ơ 7)	61
7	Quyền Năng Của Vua (Ma-thi-ơ 8—9)	72
8	Sứ Giả Của Vua (Ma-thi-ơ 10)	87
9	Vua Bị Chống Đối (Ma-thi-ơ 11—12)	99
10	Những Bí Mật Của Vua (Ma-thi-ơ 13)	115
11	Vua Lánh Mặt (Ma-thi-ơ 14)	128
12	Mối Quan Tâm Của Vua (Ma-thi-ơ 15)	141
13	Sự Ngạc Nhiên Của Vua (Ma-thi-ơ 16)	152
14	Sự Vinh Hiển Của Vua (Ma-thi-ơ 17)	165
15	Sự Quả Trách Của Vua (Ma-thi-ơ 18)	177
16	Những Giáo Huấn Của Vua (Ma-thi-ơ 19: 1-15)	190
17	Mệnh Lệnh Của Vua (Ma-thi-ơ 19:16—20:34)	201
18	Sự Phán Xét Của Vua (Ma-thi-ơ 21:1—22:14)	214
19	Câu Trả Lời Của Vua (Ma-thi-ơ 22:15-46)	227
20	Vua Lên Án (Ma-thi-ơ 23)	238
21	Vua Trở Lại (Phần một) (Ma-thi-ơ 24:1-44)	249
22	Vua Trở Lại (Phần hai) (Ma-thi-ơ 24:45—25:46)	261
23	Sự Chuẩn Bị Của Vua (Ma-thi-ơ 26:1-56)	273
24	Vua Bị Xử Án (Ma-thi-ơ 26:57—27:26)	286
25	Vua Chịu Khổ Và Chết (Ma-thi-ơ 27:27-66)	297
26	Vua Chiến Thắng (Ma-thi-ơ 28)	307

# DÀN BÀI

## PHÚC ÂM MA-THI-Ơ

*Chủ đề:* Nhà Vua và Vương Quốc của Ngài

*Câu gốc:* Ma-thi-ơ 2:2; 4:17

- I. MẠC KHẢI VỀ VUA—Chương 1—10
  - A. Bản thân của Ngài—1—4
  - B. Phép tắc của Ngài—5—7
  - C. Quyền năng của Ngài—8—10
- II. NHÀ VUA GẶP SỰ CHỐNG ĐỐI—Chương 11—13
  - A. Sứ điệp của Ngài bị bài bác—11:1-19
  - B. Công tác của Ngài bị phủ nhận—11:20-30
  - C. Phép tắc của Ngài bị loại trừ—12:1-21
  - D. Bản thân Ngài bị tấn công—12:22-50
  - E. Huyền nhiệm của Vương Quốc—13
- III. VUA LÁNH MẶT—14-20
  - A. Trước khi sứ đồ Phi-e-rơ xưng nhận Chúa—14:1—16:12
  - B. Phi-e-rơ xưng nhận Chúa—16:13-28  
(Lần đầu tiên nói đến thập tự giá—16:21)
  - C. Sau khi Phi-e-rơ xưng nhận Chúa—17:1—20:34  
(Lần thứ hai nhắc đến thập tự giá—17:22)  
(Lần thứ ba nhắc đến thập tự giá—20:17-19)
- IV. CHỐI BỎ VUA—Chương 21—27
  - A. Vua ra mặt công chúng—21:1-16
  - B. Mâu thuẫn với các nhà lãnh đạo—21:17—23:39
  - C. Sứ điệp tiên tri của Ngài—24—25
  - D. Khổ nạn và cái chết của Ngài—26—27
- V. VUA PHỤC SINH—Chương 28

# Vua Ra Đời

*Ma-thi-ơ 1*

Nếu một người bỗng nhiên xuất hiện và tự xưng là vua, lập tức thiên hạ sẽ đòi hỏi bằng chứng. Người đó gốc gác như thế nào? Được những ai tôn trọng? Có những dự kiến nào? Trước những câu hỏi quan trọng này, Ma-thi-ơ đã mở đầu sách ông bằng câu chuyện tường thuật cẩn thận về sự giáng sinh của Chúa Giê-xu Christ và các biến cố đi kèm với sự ra đời của Ngài. Ma-thi-ơ đưa ra bốn sự kiện nói về Vị Vua.

## Huyết Thống của Vua

*Ma-thi-ơ 1: 1-25*

<sup>1</sup> Gia phả Đức Chúa Jê-sus Christ, con cháu Đa-vít và con cháu Áp-ra-ham.

<sup>2</sup> Áp-ra-ham sanh Y-sác; Y-sác sanh Gia-cốp; Gia-cốp sanh Giu-đa và anh em người. <sup>3</sup> Giu-đa bởi Tha-ma sanh Pha-rê và Xa-ra. Pha-rê sanh Êch-rôm; Êch-rôm sanh A-ram; <sup>4</sup> A-ram sanh A-mi-na-đáp; A-mi-na-đáp sanh Na-ách-son; Na-ách-son sanh Sanh-môn. <sup>5</sup> Sanh-môn bởi Ra-háp sanh Bô-ô. Bô-ô bởi Ru-tơ sanh Ô-bết. Ô-bết sanh Gie-sê; <sup>6</sup> Gie-sê sanh vua Đa-vít. Đa-vít bởi vợ của U-ri sanh Sa-lô-môn. <sup>7</sup> Sa-lô-môn sanh Rô-bô-am; Rô-bô-am sanh A-bi-gia; A-bi-gia sanh A-sa; <sup>8</sup> A-sa sanh Giô-sa-phát;

## 6 / Ma-thi-ơ

Giô-sa-phát sanh Giô-ram; Giô-ram sanh Ô-xia. <sup>9</sup> Ô-xia sanh Giô-tam; Giô-tam sanh A-cha; A-cha sanh Ê-xê-chia. <sup>10</sup> Ê-xê-chia sanh Ma-na-sê; Ma-na-sê sanh A-môn; A-môn sanh Giô-si-a. <sup>11</sup> Giô-si-a đang khi bị đày qua nước Ba-by-lôn sanh Giê-chô-nia và anh em người.

<sup>12</sup> Khi đã bị đày qua nước Ba-by-lôn, thì Giê-chô-nia sanh Sa-la-thi-ên; Sa-la-thi-ên sanh Xô-rô-ba-bên; <sup>13</sup> Xô-rô-ba-bên sanh A-bi-út; A-bi-út sanh Ê-li-a-kim; Ê-li-a-kim sanh A-xô. <sup>14</sup> A-xô sanh Sa-đốc; Sa-đốc sanh A-chim; A-chim sanh Ê-li-út; <sup>15</sup> Ê-li-út sanh Ê-lê-a-xa; Ê-lê-a-xa sanh Ma-than; Ma-than sanh Gia-cốp; <sup>16</sup> Gia-cốp sanh Giô-sép là chồng Ma-ri; Ma-ri là người sanh Đức Chúa Jêsus, gọi là Christ.

<sup>17</sup> Như vậy, từ Áp-ra-ham cho đến Đa-vít, hết thấy có mười bốn đời; từ Đa-vít cho đến khi bị đày qua nước Ba-by-lôn, cũng có mười bốn đời; và từ khi bị đày qua nước Ba-by-lôn cho đến Đấng Christ, lại cũng có mười bốn đời.

<sup>18</sup> Vả, sự giáng sanh của Đức Chúa Jêsus Christ đã xảy ra như vậy: Khi Ma-ri, mẹ Ngài, đã hứa gả cho Giô-sép, song chưa ăn ở cùng nhau, thì người đã chịu thai bởi Đức Thánh Linh. <sup>19</sup> Giô-sép, chồng người, là người có nghĩa, chẳng muốn cho người mang xấu, bèn toan đem để nhẹm. <sup>20</sup> Song đang ngẫm nghĩ về việc ấy, thì thiên sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong giấc chiêm bao, mà phán rằng: Hỡi Giô-sép, con cháu Đa-vít, người chớ ngại lấy Ma-ri làm vợ, vì con mà người chịu thai đó là bởi Đức Thánh Linh. <sup>21</sup> Người sẽ sanh một trai, người khá đặt tên là Jêsus, vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội. <sup>22</sup> Mọi việc đã xảy ra như vậy, để cho ứng nghiệm lời Chúa đã dùng đấng tiên tri mà phán rằng:

<sup>23</sup> Này, một gái đồng trinh sẽ chịu thai, và sanh một con trai,

Rồi người ta sẽ đặt tên con trai đó là Em-ma-nu-ên;  
nghĩa là: Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.

<sup>24</sup> Khi Giô-sép thức dậy rồi, thì làm y như lời thiên sứ của Chúa đã dặn, mà đem vợ về với mình; <sup>25</sup> song không hề ăn ở với cho đến khi người sanh một trai, thì đặt tên là Jêsus.

Vì người thuộc hoàng tộc tùy thuộc vào huyết thống, cho nên đối với Chúa Giê-xu xác lập quyền của Ngài theo dòng vua Đa-vít thật là quan trọng. Ma-thi-ơ đã nêu rõ nguồn gốc nhân loại của Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ* 1:1-17) cũng như nguồn gốc thiên thượng của Ngài (1:18-25).

*Nguồn gốc nhân loại của Chúa Giê-xu* (1:1-17). Đối với người Do Thái bản gia phả rất quan trọng, vì nếu không có gia phả họ không thể nào xác nhận tư cách thành viên trong chi phái tông tộc của mình hoặc quyền thừa kế tài sản. Bất cứ ai tuyên bố

là “Con cháu Vua Đa-vít” phải chứng minh cho được điều đó. Nhìn chung Ma-thi-ơ cho thấy phả hệ của Chúa thông qua người cha nuôi Giô-sép, trong khi đó Lu-ca cho thấy phả hệ của Ngài qua dòng dõi của Ma-ri (*Lu-ca* 3:23).

Khi đọc Thánh Kinh nhiều người thường bỏ qua danh sách tên tổ phụ (có vài trường hợp các tên ấy không thể phát âm được). Nhưng những “danh sách tên họ” này là phần quan yếu của sách Phúc Âm. Danh sách này cho thấy Chúa Giê-xu Christ là một phần của lịch sử và cả lịch sử Do Thái đều chuẩn bị dọn đường cho sự giáng sinh của Ngài. Trong sự quan phòng của Ngài, Đức Chúa Trời đã tế trí để hoàn thành mục đích cao cả của Ngài trong kế hoạch đưa con Ngài xuống thế gian.

Gia phả này cũng cho thấy ân sủng kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Trong các bản gia phả của người Do Thái ít khi có tên phụ nữ vì họ theo chế độ phụ hệ. Nhưng trong bản danh sách phả hệ này chúng ta thấy có nhắc đến bốn phụ nữ trong lịch sử Cựu Ước: Ta-ma (*Ma-thi-ơ* 1:3), Ra-háp, Ru-tơ (1:5), và Bát-sê-ba “vợ của U-ri” (1:6).

Rõ ràng Ma-thi-ơ có lược bỏ một số tên trong bảng gia phả này. Có lẽ ông làm điều này để tóm tắt một cách hệ thống ba giai đoạn lịch sử dân Y-sơ-ra-ên, mỗi giai đoạn gồm có mười bốn đời. Giá trị bằng số của các mẫu tự Hy Bá Lai trong chữ “Đa-vít” là 14. Có thể Ma-thi-ơ dùng phương pháp này để giúp người đọc nhớ được danh sách khó nhớ này. Nhưng có nhiều người Do Thái có thể truy nguyên gốc tích gia đình của họ đến đời vua Đa-vít. Để có thể gọi Chúa Giê-xu là Đấng Christ, thì nguồn gốc nhân loại không chưa đủ, mà còn cần đến nguồn gốc Thiên thượng nữa.

*Nguồn gốc thiên thượng của Chúa Giê-xu (1:18-25).* *Ma-thi-ơ* 1:16 và 18 nói rõ ràng sự giáng sinh của Chúa Giê-xu Christ khác hẳn với sự ra đời của bất cứ con trai Do Thái nào khác được liệt kê trong gia phả. Ma-thi-ơ chỉ rõ rằng Giô-sép không “sinh ra” Chúa Giê-xu Christ. Đúng hơn, “Giô-sép là chồng của Ma-ri” người đã sinh ra Chúa Giê-xu, được gọi là Đấng Christ. Chúa Giê-xu bởi người mẹ phần xác sinh ra mà không cần đến người cha phần xác.

## 8 / Ma-thi-ơ

Điều này được gọi là giáo lý về sự giáng sinh bởi nữ đồng trinh. Mọi em bé chào đời trên thế giới đều là một tạo vật hoàn toàn mới. Nhưng Chúa Giê-xu Christ, là Đức Chúa Trời hằng hữu (Giăng 1:1,14), Ngài hiện hữu trước Ma-ri, Giô-sép hoặc bất kỳ tổ tiên nào của Ngài về phần xác. Nếu Chúa Giê-xu Christ được mang thai theo công lệ loài người và được sinh ra giống như bất kỳ em bé nào khác, thì Ngài không thể là Đức Chúa Trời được. Việc Ngài đến thế gian thông qua người mẹ phần xác đối với Ngài là điều cần thiết, nhưng không cần do một người cha phần xác sinh ra. Bởi phép lạ của Đức Thánh Linh, Chúa Giê-xu đã được hoài thai trong lòng trinh nữ Ma-ri (Lu-ca 1:26-38).

Một số người đã nêu lên thắc mắc có lẽ Ma-ri không phải là trinh nữ. Họ nói rằng từ ngữ trong *Ma-thi-ơ* 1:23 nên dịch là “người phụ nữ trẻ”. Nhưng từ ngữ đồng trinh trong câu này là đúng nghĩa và không thể nào dịch là “người phụ nữ trẻ” được.

Cả Ma-ri và Giô-sép đều thuộc về gia đình của Vua Đa-vít. Các lời tiên tri Cựu Ước cho biết rằng Đấng Mết-si-a sẽ do một người nữ sinh ra (*Sáng Thế Ký* 3:15), thuộc dòng giống Áp-ra-ham (*Sáng Thế Ký* 22:18) qua chi phái Giu-đa (*Sáng Thế Ký* 49:10) và ở trong gia đình của Đa-vít (II *Sa-mu-ên* 7:12-13). Bản gia phả của Ma-thi-ơ truy ra dòng dõi thông qua Sa-lô-môn, trong khi Lu-ca lại thông qua Na-than, một người con trai khác của Đa-vít. Điều đáng lưu ý là Chúa Giê-xu Christ là người Do Thái duy nhất còn sống có thể thực sự chứng minh cho lời tuyên bố của Ngài về quyền thừa kế ngôi Vua Đa-vít! Tất cả các hồ sơ lưu trữ khác đều bị phá huỷ khi đế quốc La Mã đánh chiếm Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Chúa.

Đối với người Do Thái vào thời đó, lễ hứa hôn (đính hôn) tương đương với lễ thành hôn - ngoại trừ người nam và người nữ không sống chung với nhau. Họ được gọi là vợ chồng, và khi giai đoạn hứa hôn kết thúc, việc cưới xin được hoàn tất. Nếu như người phụ nữ đã hứa hôn có thai, nàng được xem như đã phạm tội ngoại tình (xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:13-21). Nhưng Giô-sép không trách phạt hoặc li dị Ma-ri khi ông khám phá ra rằng

Ma-ri đang có thai, vì Đức Chúa Trời đã cho ông biết sự thật. Tất cả đều ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai 7:14.

Trước khi đi qua phần quan trọng này, chúng ta phải tìm hiểu ba danh xưng được dùng cho Con Đức Chúa Trời. Danh xưng Giê-xu có nghĩa là “Đấng Cứu Rỗi” và xuất xứ từ tên gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ, Giô-sua (“Giê-hô-va là Sự Cứu Rỗi”). Có nhiều bé trai Do Thái mang tên Giô-sua (hoặc, theo tiếng Hy Lạp, Giê-xu) nhưng con trai Ma-ri sinh ra được gọi là “Giê-xu Christ”. Từ ngữ Christ (Cứu Thế) có nghĩa “được xức dầu”; trong tiếng Hy Lạp có nghĩa tương đương với Mết-si-a. Ngài là “Giê-xu Đấng Mết-si-a”. Giê-xu là tên loài người, Đấng Christ là tước hiệu chính thức của Ngài. Em-ma-nu-ên mô tả Ngài là ai - “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”. Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời. Chúng ta tìm thấy danh hiệu “Em-ma-nu-ên” này trong Ê-sai 7:14 và 8:8.

Như vậy, Vị Vua ở đây là một người nam Do Thái cũng là Con Thánh của Đức Chúa Trời. Nhưng, có ai thừa nhận vương quyền của Ngài không? Có, các nhà thông thái từ phương Đông. Họ đã đến và thờ lạy Ngài.

## Tôn Thờ Vua

### *Ma-thi-ơ 2*

#### *Ma-thi-ơ 2:1-12*

<sup>1</sup> Khi Đức Chúa Jêsus đã sanh tại thành Bết-lê-hem, xứ Giu-đê, đang đời vua Hê-rốt, có mấy thầy bác sĩ ở đông phương đến thành Giê-ru-sa-lem, <sup>2</sup> mà hỏi rằng: Vua dân Giu-đa mới sanh tại đâu? Vì chúng ta đã thấy ngôi sao Ngài bên đông phương, nên đến đặng thờ lạy Ngài. <sup>3</sup> Nghe tin ấy, vua Hê-rốt cùng cả thành Giê-ru-sa-lem đều bối rối. <sup>4</sup> Vua bèn nhóm các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo trong dân lại mà tra hỏi rằng Đấng Christ phải sanh tại đâu. <sup>5</sup> Tâu rằng: Tại Bết-lê-hem, xứ Giu-đê; vì có lời của đấng tiên tri chép như vậy:

<sup>6</sup> Hỡi Bết-lê-hem, đất Giu-đa!

Thật người chẳng phải kém gì các thành lớn của xứ Giu-đa đâu,

Vì từ người sẽ ra một tướng,

Là Đấng chăn dân Y-sơ-ra-ên, tức dân ta.

<sup>7</sup> Vua Hê-rốt bèn vời mấy thầy bác sĩ cách kín nhiệm, mà hỏi kỹ càng về ngôi sao đã hiện ra khi nào. <sup>8</sup> Rồi vua sai mấy thầy đó đến thành Bết-lê-hem, và dặn rằng: Các người hãy đi, hỏi thăm cho chắc về tích con trẻ đó; khi tìm được rồi, hãy cho ta biết, đặng ta cũng đến mà thờ lạy Ngài. <sup>9</sup> Mấy thầy nghe vua phán xong, liền đi. Kia, ngôi sao mà họ đã thấy bên đông phương, đi trước mặt cho đến chừng ngay trên chỗ con trẻ ở mới dừng lại. <sup>10</sup> Mấy thầy thấy ngôi sao, mừng rỡ quá bội. <sup>11</sup> Khi vào đến nhà, thấy con trẻ cùng Ma-ri, mẹ Ngài, thì sấp mình xuống mà thờ lạy Ngài; rồi bày của báu ra, dâng cho Ngài những lễ vật, là vàng, nhũ hương, và một dược. <sup>12</sup> Kế đó, trong giấc chiêm bao, mấy thầy được Đức Chúa Trời mách bảo đừng trở lại nơi vua Hê-rốt; nên họ đi đường khác mà về xứ mình.

Chúng ta phải thú nhận rằng chúng ta biết rất ít về những nhà thông thái. Từ ngữ được dịch “những người thông thái” (chiêm

tin) nói đến một nhóm học giả nghiên cứu các vì sao. Tước hiệu của họ cho thấy họ có liên hệ đến ma thuật, nhưng có lẽ họ là những nhà thiên văn thì đúng hơn. Tuy nhiên, sự có mặt của họ trong Kinh Thánh không có nghĩa là Đức Chúa Trời tán thành thuật chiêm tinh.

Đức Chúa Trời ban cho họ một dấu hiệu đặc biệt, đó là một ngôi sao kỳ diệu báo tin cho họ biết Vị Vua mới ra đời. Ngôi sao lạ dẫn họ đến Giê-ru-sa-lem nơi Lời Đức Chúa Trời đã phán với họ rằng Vị Vua sẽ được sinh tại Bết-lê-hem. Họ đến Bết-lê-hem, và tại đó họ thờ lạy Hài Nhi.

Chúng ta không biết có bao nhiêu nhà thông thái. Do ba của lễ được nêu trong *Ma-thi-ơ* 2:11, một số người đã cho rằng có ba vị vua từ Đông phương, dầu vậy điều này không có gì chắc chắn. Khi đoàn người của họ đến Giê-ru-sa-lem, cả thành phố bỗng rối loạn nên chúng ta có thể suy đoán đoàn của họ đông hơn con số ba người.

Bạn hãy nhớ rằng những người thông thái này là dân ngoại bang. Từ ban đầu, Chúa Giê-xu đến để làm “Cứu Chúa của thế gian” (*Giăng* 4:42). Các nhà thông thái này cũng là những người giàu có, và là những học giả - những nhà khoa học. Không có nhà trí thức nào đi theo ánh sáng Đức Chúa Trời ban cho lại bỏ lỡ dịp tiện thờ lạy nơi chân Chúa Giê-xu. Trong Chúa Giê-xu Christ “đã giấu kín mọi sự quý báu về khôn ngoan thông sáng” (*Cô-lô-se* 2:3). Trong Ngài hiện hữu “sự đầy đầy của bản tính Đức Chúa Trời” (*Cô-lô-se* 2:9).

Các nhà thông thái đang tìm Vị Vua mới ra đời, nhưng vua Hê-rốt sợ hãi Vị Vua ấy và muốn tiêu diệt Ngài. Đây là Hê-rốt đại đế, được Thượng viện La Mã tôn vương do ảnh hưởng của Mark Antony. Hê-rốt là một con người độc ác và gian trá, không cho phép một ai, ngay cả người trong gia đình, can thiệp vào việc cai trị hoặc cản ngăn ông ta thỏa mãn những ham muốn xấu xa. Là một tên giết người tàn bạo, ông ta đã sát hại vợ và hai anh rể của mình vì nghi ngờ họ mưu phản. Ít nhất ông ta đã cưới vợ chín lần để thỏa mãn dục vọng và củng cố quyền lực chính trị của mình.

Không có gì ngạc nhiên khi Hê-rốt tìm cách giết Chúa Giê-xu, vì Hê-rốt muốn một mình mang tước vị “Vua dân Giu-đa”. Nhưng còn có lý do khác. Hê-rốt không phải là người Do Thái chính tông. Nhưng là một người Ê-dôm, con cháu của Ê-sau. Đây là bức tranh về sự tranh giành xưa kia giữa Ê-sau và Gia-cốp xảy ra ngay trước khi cả hai chào đời (*Sáng Thế Ký* 25:19-34). Đó là sự đối đầu giữa thiêng liêng và xác thịt, giữa thuộc linh và phàm tục.

Các nhà thông thái đang tìm kiếm vị Vua nhưng Hê-rốt đang chống lại Ngài; các thầy tế lễ Do Thái coi khinh Ngài. Những thầy tế lễ này biết Kinh Thánh và chỉ cho người khác tìm đến Chúa Cứu Thế, nhưng chính họ không đến thờ lạy Ngài. Họ đã trích dẫn lời tiên tri *Mi-chê* 5:2 nhưng không vâng theo. Họ chỉ ở cách Con Đức Chúa Trời có năm dặm, nhưng họ không đến gặp Ngài. Những người ngoại bang tìm và gặp Ngài, nhưng người Do Thái lại không.

Câu 9 của chương 2 cho thấy ngôi sao không hiện ra luôn luôn cho các nhà thông thái. Khi họ bắt đầu hướng đến Bết-lê-hem, họ thấy ngôi sao xuất hiện trở lại và ngôi sao dẫn họ đến nhà Chúa Giê-xu trú ngụ. Lúc bấy giờ, Giô-sép đã đem Ma-ri và con trẻ khỏi nơi tạm trú lúc Ngài giáng sinh (*Lu-ca* 2:7). Cảnh máng cỏ gồm các gã chăn chiên và những nhà thông thái theo truyền thống lâu nay là không đúng với Thánh Kinh, vì mãi lâu về sau các nhà thông thái mới đến thờ lạy Chúa.

Ma-thi-ơ dẫn chứng lời tiên tri thứ hai đã ứng nghiệm để minh chứng rằng Chúa Giê-xu Christ là Vua (*Ma-thi-ơ* 2:5). Lời tiên tri ứng nghiệm cách Ngài sinh ra và nơi chốn Ngài chào đời. Bết-lê-hem có nghĩa là “nhà bánh”, và đây là nơi “Bánh Hằng Sống” đến thế gian (*Giăng* 6:48). Bết-lê-hem trong Cựu Ước có liên hệ với Đa-vít, hình bóng về Chúa Giê-xu Christ trong sự đau khổ và vinh quang của Ngài.

## Sự Chống Nghịch Vua

*Ma-thi-ơ* 2:13-18

<sup>13</sup> Sau khi mấy thầy đó đi rồi, có một thiên sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong chiêm bao, mà truyền rằng: Hãy chờ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trốn qua nước Ê-díp-tô, rồi cứ ở đó cho tới chừng nào ta bảo ngươi; vì vua Hê-rốt sẽ kiếm con trẻ ấy mà giết. <sup>14</sup> Giô-sép bèn chờ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài đang ban đêm lánh qua nước Ê-díp-tô. <sup>15</sup> Người ở đó cho tới khi vua Hê-rốt băng, hầu cho ứng nghiệm lời Chúa đã dùng đấng tiên tri mà phán rằng: Ta đã gọi Con ta ra khỏi nước Ê-díp-tô.

<sup>16</sup> Vua Hê-rốt thấy mình đã bị mấy thầy bác sĩ đánh lừa, thì tức giận quá, bèn sai giết hết thầy con trai từ hai tuổi sắp xuống ở thành Bết-lê-hem và cả hạt, theo đúng ngày tháng mà mấy thầy bác sĩ đã cho vua biết. <sup>17</sup> Vậy là ứng nghiệm lời đấng tiên tri Giê-rê-mi đã nói rằng:

<sup>18</sup> Người ta có nghe tiếng kêu la,

Phàn nàn, than khóc trong thành Ra-ma:

Ấy là Ra-chên khóc các con mình,

Mà không chịu yên ủi, vì chúng nó không còn nữa.

Một người được nhận diện không những bởi bạn bè nhưng còn bởi những kẻ thù. Hê-rốt giả vờ rằng ông ta muốn thờ lạy vị Vua mới sinh ra (*Ma-thi-ơ* 2:8), trong khi thực sự ông ta muốn giết hại Ngài. Đức Chúa Trời báo cho Giô-sép đem Con Trẻ và Ma-ri lánh nạn qua Ai Cập. Ai Cập là nước ở kề bên. Có nhiều người Do Thái sinh sống ở đó. Những lễ vật do các nhà thông thái mang đến chi trả cho việc đến sinh sống tại Ai Cập. Một lời tiên tri khác cũng được ứng nghiệm: “Ta gọi Con trai ta ra khỏi xứ Ai Cập” (*Ô-sê* 11:1).

Sự tức giận của Hê-rốt là bằng chứng cho lòng kiêu ngạo của ông. Ông không chấp nhận bất kỳ ai qua mặt mình, nhất là mấy nhà thông thái ngoại bang. Điều này khiến ông ta giết hại các bé trai từ hai tuổi trở xuống tại thành Bết-lê-hem. Chúng ta không phải tưởng tượng có hàng trăm bé trai bị giết, vì không có nhiều bé trai ở lứa tuổi ấy trong một ngôi làng nhỏ như Bết-lê-hem.

Ngay cả ngày nay cũng chỉ có khoảng 20.000 người sinh sống tại đó. Có lẽ không hơn 20 trẻ em đã bị giết. Nhưng giết một em cũng đã là quá nhiều rồi.

Ở đây Ma-thi-ơ giới thiệu chủ đề thù và địch, chủ đề mà ông xoay quanh suốt cả sách. Ma quỷ là đứa nói dối và kẻ giết người (*Giăng* 8:44), và Hê-rốt cũng thế. Ông ta nói dối với các nhà thông thái và giết hại các trẻ sơ sinh. Nhưng tội ác giết người khủng khiếp này cũng là điều ứng nghiệm lời tiên tri chép trong *Giê-rê-mi* 31:15. Để hiểu được sự ứng nghiệm này, chúng ta phải ôn lại lịch sử Do Thái.

Bết-lê-hem được đề cập đến lần đầu trong Kinh Thánh có liên quan đến sự qua đời của người vợ yêu quý của Gia-cốp, bà Ra-chên (*Sáng Thế Ký* 35:16-20). Ra-chên đã chết khi sinh đứa con trai mà bà đặt tên là Bê-nô-ni, “con trai của sự đau đớn tôi”, Gia-cốp đặt tên lại cho con trai mình là Bê-ni-gia-min, “con trai của tay hữu”. Cả hai tên này có liên hệ đến Chúa Giê-xu Christ, vì Ngài là “người từng trải sự buồn bực, và biết sự đau ốm” (*Ê-sai* 53:3), và hiện giờ Ngài là Con Đức Chúa Trời ngồi bên hữu ngai Ngài (*Hê-bơ-rơ* 1:3; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:31). Gia-cốp đã dựng một cây trụ để đánh dấu ngôi mộ của Ra-chên nằm ở gần Bết-lê-hem.

Lời tiên tri Giê-rê-mi được loan báo khoảng 600 năm trước khi Đấng Christ giáng sinh, lúc thành Giê-ru-sa-lem bị đánh chiếm. Một số phu tù bị lưu đày đến Ra-ma trong đất Bê-ni-gia-min, gần thành Giê-ru-sa-lem. Điều này nhắc tiên tri Giê-rê-mi nhớ lại nỗi đau buồn của Gia-cốp khi Ra-chên qua đời. Tuy nhiên, bây giờ chính Ra-chên đang khóc. Ra-chên đại diện cho các bà mẹ Y-sơ-ra-ên đang khóc khi họ nhìn thấy các con trai họ đang bị bắt làm phu tù. Dường như Ra-chên đã nói: “Tôi đã bỏ mạng sống để sinh một con trai, và bây giờ hậu tự nó không còn nữa.”

Gia-cốp nhìn thấy Bết-lê-hem như là nơi chết chóc, nhưng sự giáng sinh của Chúa Giê-xu đã khiến nơi ấy thành chốn có sự sống. Vì khi Ngài đến, Ngài sẽ đem sự cứu rỗi đến cho dân Y-sơ-ra-ên và trong tương lai, Ngài sẽ thiết lập ngôi Đa-vít. Y-sơ-ra-ên “Con trai của sự đau đớn tôi” một ngày nọ sẽ trở thành “con trai

tay hữu”. Tiên tri Giê-rê-mi loan báo lời hứa của Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ trở về lại trong đất của họ (*Giê-rê-mi* 31:16-17), và lời hứa này đã ứng nghiệm. Nhưng qua tiên tri Ngài, Đức Chúa Trời đã phán lời hứa lớn hơn rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ được tập hợp trở lại trong tương lai và ngôi nước nhà Y-sơ-ra-ên được thiết lập (*Giê-rê-mi* 31:27). Lời phán hứa này cũng sẽ được ứng nghiệm.

Ngày hôm nay rất ít người nghĩ đến Bết-lê-hem như là nơi chôn cất nhưng là nơi Chúa Giê-xu Christ đã hạ sinh. Vì Ngài đã chết vì tội lỗi chúng ta và đã sống lại, nên chúng ta có một tương lai tươi sáng phía trước. Chúng ta sẽ sống đời đời với Ngài trong thành vinh hiển nơi không còn bóng dáng của sự chết và chẳng còn lệ rơi.

### Sự Khiêm Nhu của Vua

*Ma-thi-ơ* 2:19-23

<sup>19</sup> Nhưng sau khi vua Hê-rốt băng, có một thiên sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong chiêm bao, tại nước Ê-díp-tô, mà truyền rằng: <sup>20</sup> Hãy chờ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trở về xứ Y-sơ-ra-ên, vì những kẻ muốn giết con trẻ đã chết rồi. <sup>21</sup> Giô-sép bèn chờ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trở về xứ Y-sơ-ra-ên. <sup>22</sup> Song khi nghe vua A-chê-la-u nối ngôi vua cha là Hê-rốt mà trị vì tại xứ Giu-đê, thì Giô-sép sợ, không dám về; và bởi đã được Đức Chúa Trời mách bảo trong chiêm bao, nên người vào xứ Ga-li-lê, <sup>23</sup> ở trong một thành kia tên là Na-xa-rét. Vậy là ứng nghiệm lời mấy đấng tiên tri đã nói rằng: Người ta sẽ gọi Ngài là người Na-xa-rét.

Hê-rốt băng hà năm thứ 4 trước công nguyên, điều này có nghĩa là Chúa Giê-xu sinh ra vào khoảng giữa năm thứ 6 và năm thứ 5 trước công nguyên. Không thể nào không chú ý đến sự tương tự giữa *Ma-thi-ơ* 2:20 và *Xuất Ê-díp-tô* Ký 4:19, nói về sự kêu gọi Môi-se. Là Con của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu ở tại Ai Cập và được gọi trở về xứ Y-sơ-ra-ên. Môi-se ra khỏi Ai Cập, trốn tránh để cứu mạng sống mình, và Đức Chúa Trời kêu gọi ông quay trở lại Ai Cập. Trong cả hai trường hợp, chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời được thành tựu. Phải có can đảm Giô-sép mới có thể

đem gia đình rời khỏi Ai Cập. Với Môi-se cũng phải có lòng can đảm để trở lại Ai Cập.

A-chê-la-u là một trong những con trai của Hê-rốt, và Hê-rốt đã định truyền ngôi vua cho ông ta. Tuy nhiên, dân Do Thái khám phá ra rằng, A-chê-la-u là một con người độc ác như cha của mình, mặc dù ông ta có nhiều lời hứa tốt đẹp. Vì thế họ cử một toán đại biểu đến Rô-ma để phản đối việc phong vương cho ông ta. Hoàng đế Augustus đồng ý với dân Do Thái và cử A-chê-la-u làm tổng trấn cai trị trên nửa vương quốc của cha ông. Có thể Chúa Giê-xu đã ghi nhớ trong trí một chi tiết nhỏ này của lịch sử Do Thái khi Ngài phán lời thí dụ về các nén bạc trong (*Lu-ca* 19:11-27).

Toàn bộ câu chuyện là một ví dụ về cách Đức Chúa Trời dẫn dắt con cái của Ngài. Giô-sép biết rằng ông và gia đình sống dưới sự cai trị của vua A-chê-la-u không an toàn gì hơn thời gian họ đã sống dưới sự cai trị của Hê-rốt đại đế. Rất có thể khi họ đang đi trở về xứ Bết-lê-hem thì nghe vua A-chê-la-u đang nối ngôi trị vì. Dĩ nhiên, Giô-sép và Ma-ri cầu nguyện, chờ đợi và tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời. Họ thận trọng chờ đợi. Đến kỳ thuận tiện, Đức Chúa Trời phán với Giô-sép trong giấc chiêm bao, và ông ta đưa vợ cùng Con Trai nàng về Na-xa-rét, là quê hương của họ từ lâu (*Ma-thi-ơ* 2:19-20).

Nhưng ngay cả điều này cũng ứng nghiệm lời tiên tri! Một lần nữa, Ma-thi-ơ chỉ ra từng chi tiết trong cuộc đời của Chúa Giê-xu đã được tiên báo trong Thánh Kinh. Thật là quan trọng khi lưu ý rằng Ma-thi-ơ đã không chỉ trưng dẫn một tiên tri duy nhất trong *Ma-thi-ơ* 2:23, nhưng thay vào đó Ma-thi-ơ nói “... để cho ứng nghiệm lời các đấng tiên tri đã nói ....” (số nhiều).

Chúng ta sẽ không tìm thấy bất cứ lời tiên tri cụ thể nào gọi Chúa Giê-xu là một “người Na-xa-rét”. Thuật ngữ Na-xa-rét là một điều sỉ nhục: “Há có vật gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao?” (*Giăng* 1:46). Trong nhiều lời tiên tri Cựu Ước, có nhắc đến cuộc đời bị hắt hủi của Đấng Mết-si-a bị chối bỏ; và có thể đây là điều Ma-thi-ơ ghi nhớ trong trí (*xem Thi Thiên* 22:1-31; *Ê-sai* 53:2-3,8). Thuật ngữ “Na-xa-rét” được áp dụng cho cả Chúa Giê-xu lẫn người

theo Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 24:5) và Ngài thường được gọi là “Giê-xu người Na-xa-rét” (*Ma-thi-ơ* 21:11; *Mác* 14:67; *Giăng* 18:5,7).

Nhưng có lẽ Ma-thi-ơ, bởi Đức Thánh Linh hướng dẫn, đã nhìn thấy mối liên hệ thiêng liêng giữa danh xưng “Người Na-xa-rét” và từ ngữ Hy Bá Lai *netzer*, có nghĩa là “một nhành hoặc chồi”. Một vài tiên tri đã dùng tước vị này cho Chúa Giê-xu (xem *Ê-sai* 4:2; 11:1; *Giê-rê-mi* 23:5; 33:15; *Xa-cha-ri* 3:8; 6:12-13).

Chúa chúng ta lớn lên tại Na-xa-rét và được đồng hóa với thành phố ấy. Thực ra, kẻ thù của Ngài nghĩ rằng Ngài đã sinh ra tại đó; vì họ bảo rằng Ngài xuất thân từ xứ Ga-li-lê (*Giăng* 7:50-52). Nếu như họ tra xem các hồ sơ ghi chép ở đền thờ, họ sẽ thấy Ngài đã sinh ra tại Bết-lê-hem.

Ai đã từng nghe kể về một vị vua sinh ra trong một làng thấp hèn và lớn lên ở một thành phố bị khinh miệt? Sự khiêm nhu của Vị Vua là điều chắc chắn phải được ca ngợi và học theo như một gương mẫu (*Phi-líp* 2:1-13).

## Các Chứng Cớ Về Vua

*Ma-thi-ơ 3-4*

Suốt thời gian 30 năm trôi qua giữa chương 2 và 3 của sách *Ma-thi-ơ*, Chúa Giê-xu sống ở Na-xa-rét và làm nghề thợ mộc (*Ma-thi-ơ* 13:55; *Mác* 6:3). Nhưng đã đến lúc Ngài bắt đầu thi hành chức vụ giảng đạo và chức vụ ấy sẽ kết thúc tại thập tự giá. Ngài vẫn còn đủ tư cách làm Vị Vua không? Điều gì đã xảy ra làm cho Ngài không còn đủ tư cách làm Vua? Trong các chương 3 và 4, *Ma-thi-ơ* kết tập những lời chứng của năm nhân chứng để biện minh rằng Chúa Giê-xu Christ, là Con Đức Chúa Trời và là Vua.

### Giăng Báp-tít

*Ma-thi-ơ* 3:1-15

<sup>1</sup> Lúc ấy, Giăng Báp-tít đến giảng đạo trong đồng vắng xứ Giu-đê, <sup>2</sup> rằng: Các ngươi phải ăn năn, vì nước thiên đàng đã đến gần! <sup>3</sup> Ấy là về Giăng Báp-tít mà đáng tiên tri Ê-sai đã báo trước rằng:

Có tiếng kêu trong đồng vắng:

Hãy dọn đường Chúa,

Ban bằng các nẻo Ngài.

<sup>4</sup> Và, Giăng mặc áo bằng lông lạc đà, buộc dây lưng bằng da; ăn, thì ăn những châu chấu và mật ong rừng. <sup>5</sup> Bấy giờ, dân thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, và cả miền chung quanh sông Giô-đanh đều đến cùng người; <sup>6</sup>

và khi họ đã xưng tội mình rồi, thì chịu người làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh.

<sup>7</sup> Bởi Giăng thấy nhiều người dòng Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến chịu phép báp-têm mình, thì bảo họ rằng: Hỡi dòng dõi rắn lục kia, ai đã dạy các người tránh khỏi cơn giận ngày sau? <sup>8</sup> Vậy, các người hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn, <sup>9</sup> và đừng tự khoe rằng: Áp-ra-ham là tổ chúng ta; vì ta nói cho các người rằng Đức Chúa Trời có thể khiến đá nảy sanh ra con cái cho Áp-ra-ham được. <sup>10</sup> Bây giờ cái búa đã để kề rễ cây; vậy hễ cây nào không sanh trái tốt, thì sẽ phải đốn và chụm. <sup>11</sup> Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-têm cho các người ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa. <sup>12</sup> Tay Ngài cầm nia mà dè thật sạch sân lúa mình, và Ngài sẽ chứa lúa vào kho, còn rơm rạ thì đốt trong lửa chẳng hề tắt.

<sup>13</sup> Khi ấy, Đức Chúa Jê-sus từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Giô-đanh, đặng chịu người làm phép báp-têm. <sup>14</sup> Song Giăng từ chối mà rằng: Chính tôi cần phải chịu Ngài làm phép báp-têm, mà Ngài lại trở đến cùng tôi sao! Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: <sup>15</sup> Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy. Giăng bèn vâng lời Ngài.

Trải qua trên 400 năm, dân Do Thái không nghe được lời của đấng tiên tri nào. Giăng đã xuất hiện và cơn phục hưng lớn xảy ra. Chúng ta hãy xem xét bốn sự kiện về Giăng.

*Sứ điệp của Giăng (Ma-thi-ơ 3:1-2,7-10).* Lời rao giảng của Giăng tập trung vào sự ăn năn và Nước Đức Chúa Trời. Từ ngữ ăn năn có nghĩa là “thay đổi suy nghĩ và làm theo sự thay đổi ấy”. Giăng không bằng lòng với sự hối hận hoặc hối tiếc nhưng muốn “kết quả xứng đáng với sự ăn năn” (*Ma-thi-ơ 3:8*). Tấm lòng và cuộc đời được biến đổi phải có bằng chứng cụ thể.

Dân chúng đủ mọi hạng người đến nghe Giăng rao giảng và chứng kiến Giăng làm báp-têm. Nhiều người thâu thuốc và kẻ xấu nét đến nghe với lòng khiêm nhường thành thật (*Ma-thi-ơ 21:31-32*), nhưng các nhà lãnh đạo tôn giáo từ chối không chịu đầu phục. Họ nghĩ rằng họ đã tốt đủ để làm hài lòng Đức Chúa Trời nhưng Giăng gọi họ là “dòng dõi rắn lục”. Chúa Giê-xu cũng đã dùng cùng một ngôn ngữ khi đối diện với đám đông tự cho mình là công bình (*Ma-thi-ơ 12:34; 23:33; Giăng 8:44*).

Phái Pha-ri-si là những người đặt nặng theo truyền thống trong thời của họ, trong khi đó những người theo phái Sa-đu-sê thì tự do hơn (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 23:6-9). Những người Sa-đu-sê dành quyền cai trị đất nước, nhưng đến lúc chống đối Chúa Giê-xu, người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê lại hiệp lực.

Sứ điệp của Giăng là một lời phán xét. Dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và cần phải ăn năn, và các nhà lãnh đạo giáo hội phải làm gương trước. Cái rìu đang để kê gốc cây; và nếu như cây (dân Y-sơ-ra-ên) không sinh trái tốt, nó sẽ bị chặt đi (xem *Lu-ca* 13:6-10). Nếu dân Y-sơ-ra-ên ăn năn thì con đường đã được dọn sẵn để đón Đấng Mết-si-a đến.

*Thẩm quyền của Giăng* (Ma-thi-ơ 3:3-4), Giăng đã làm ứng nghiệm lời tiên tri chép trong Ê-sai 40:3. Về phương diện thiêng liêng, Giăng là “Ê-li, đấng tiên tri phải đến” vì người đến trong tâm thần và quyền phép của Ê-li” (*Lu-ca* 1:16-17). Thậm chí Giăng ăn mặc giống như Ê-li và rao giảng cùng một sứ điệp về sự phán xét (*II Các-vua* 1:8). Giăng là vị tiên tri cuối cùng và cao trọng hơn hết của thời Cựu Ước (*Lu-ca* 16:16; *Ma-thi-ơ* 11:7-15; 17:9-13).

*Phép báp-têm của Giăng* (Ma-thi-ơ 3:5-6, 11-12). Dân Do Thái làm báp-têm cho những người ngoại bang trở lại đạo, nhưng Giăng đang làm báp-têm cho người Do Thái. Phép báp-têm có thẩm quyền từ trời (Ma-thi-ơ 21:23-27); chứ không phải là điều do Giăng đặt ra hoặc vay mượn. Đó là phép báp-têm của sự ăn năn, trông đợi Đấng Mết-si-a đến (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 19:1-7). Phép báp-têm của Giăng hoàn thành hai mục đích: Chuẩn bị dân Y-sơ-ra-ên cho Đấng Christ và giới thiệu Cứu Chúa Giê-xu cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (*Giăng* 1:31).

Nhưng Giăng đề cập đến hai phép báp-têm khác: phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh và phép báp-têm bằng lửa (Ma-thi-ơ 3:11). Phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh xảy ra trong ngày Đức Thánh Linh giáng lâm (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:5). Chúng ta cần lưu ý rằng Chúa Giê-xu không nói gì về lửa cả. Ngày nay, bất cứ khi nào một tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy được sinh

lại và lập tức được báp-têm bởi Đức Thánh Linh vào trong thân thể Đấng Christ, là Hội Thánh Ngài (*ICô-rinh-tô* 12:12-13). Ngược lại, phép báp-têm bằng lửa ám chỉ đến sự phán xét ngày sau, như Ma-thi-ơ giải thích trong *Ma-thi-ơ* 3:12.

*Sự vâng lời của Giăng* (3:13-15). Không phải Chúa Giê-xu nhận phép báp-têm vì Ngài là một tội nhân ăn năn. Giăng đã ngăn Chúa Giê-xu, nhưng Chúa Giê-xu biết điều đó đẹp ý Cha Ngài. Tại sao Chúa Giê-xu nhận lãnh báp-têm? Thứ nhất, Ngài nhận báp-têm để chấp nhận chức vụ của Giăng. Thứ hai, Ngài tự gắn bó mình với bọn thâu thuế và người xấu nết, cũng vì chính những người ấy mà Ngài đã đến để cứu rỗi họ. Nhưng điều chính yếu là phép báp-têm Ngài nhận vẽ ra một bức tranh về phép báp-têm của Ngài trong tương lai trên thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 20:22; *Luca* 12:50) lúc tất cả “các luồng sóng và nước lớn” đoán phạt của Đức Chúa Trời sẽ chìm ngập lấy Ngài (*Thi-thiên* 42:7; *Giăng* 2:3).

Như thế, Giăng Báp-tít đã làm chứng Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời và cũng là Chiên Con của Đức Chúa Trời (*Giăng* 1:29). Bởi lời chứng của Giăng, nhiều tội nhân đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 10:39,42).

## Đức Thánh Linh

*Ma-thi-ơ* 3:16

<sup>16</sup> Vừa khi chịu phép báp-têm rồi, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nước; bỗng chúc các tầng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài.

Đức Thánh Linh ngự xuống như chim bồ câu giúp Giăng nhận biết Chúa Giê-xu (*Giăng* 1:31-34) và cũng bảo đảm với Chúa Giê-xu khi bắt đầu thi hành chức vụ rằng chức vụ của Chúa Thánh Linh sẽ luôn luôn là chức vụ của Ngài (*Giăng* 3:34). Chim bồ câu là một biểu tượng đẹp đẽ về Thánh Linh của Đức Chúa Trời trong sự thánh khiết và sứ mạng hòa bình. Chúng ta thấy chim bồ câu trong Kinh Thánh lần đầu được chép trong *Sáng Thế Ký* 8:6-11.

## 22 / Ma-thi-ơ

Nô-ê đã thả hai con chim, một con quạ và một bồ câu; nhưng chỉ có chim bồ câu bay trở về. Con quạ tiêu biểu cho xác thịt; có nhiều thức ăn cho quạ ở bên ngoài tàu. Nhưng chim bồ câu không tự làm ô uế bởi các xác chết, vì vậy chim bay trở về tàu. Bồ câu được thả ra lần thứ hai, nó bay trở về mang theo một nhánh ô-li-ve, biểu tượng của sự hòa bình. Lần thứ ba, chim bồ câu không trở về nữa.

Có lẽ có một bức tranh khác nữa ở đây. Tên Giô-na có nghĩa là chim bồ câu và Giô-na cũng kinh nghiệm phép báp-tem. Chúa Giê-xu dùng câu chuyện Giô-na để nói về chính Ngài trong sự chết, sự chôn và sự sống lại (*Ma-thi-ơ* 12:38-40). Cũng như Giô-na đã được sai đến với dân ngoại, Chúa Giê-xu sẽ thi hành chức vụ của Ngài cho dân ngoại.

### Đức Chúa Cha

*Ma-thi-ơ* 3:17

<sup>17</sup> Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng.

Đức Chúa Cha phán từ trời trong ba dịp đặc biệt: lúc Chúa Giê-xu nhận phép báp-têm, lúc Chúa ở trên núi hóa hình (*Ma-thi-ơ* 17:3), và khi Ngài gần thọ hình trên thập tự giá (*Giăng* 12:27-30). Ngày xưa, Đức Chúa Trời đã phán với Con của Ngài, ngày nay Đức Chúa Trời phán qua Con Ngài (*Hê-bơ-rơ* 1:1-2).

Tiếng phán từ trời của Đức Chúa Cha dường như là tiếng vọng từ *Thi Thiên* 2:7 - "Chúa phán cùng ta rằng, 'Người là Con Ta; ngày nay ta đã sinh Người'. *Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:22 cho chúng ta biết rằng "sự sinh ra" này ám chỉ sự sống lại của Ngài từ cõi chết, chứ không nói đến sự giáng sinh của Ngài tại Bết-lê-hem. Lời phán này hoàn toàn phù hợp với kinh nghiệm báp-têm trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Chúa Giê-xu.

Lời phán của Đức Chúa Cha cũng nói đến Chúa Giê-xu Christ như là "Đầy tớ chịu khổ" được tiên báo trong *Ê-sai* 40:1-53:12. Trong *Ma-thi-ơ* 12:18, Ma-thi-ơ đã trích dẫn *Ê-sai* 42:1-3, trong

đó mô tả Đấng Mết-si-a như là Tôi Tớ, “Người mà ta rất yêu dấu, đẹp lòng Ta mọi đàng.” “Người Tôi Tớ” mà tiên tri Ê-sai mô tả là người khiêm nhường, bị chối bỏ, chịu khổ, chết và được chứng kiến sống lại trong đắc thắng. Trong lúc chúng ta nhìn thấy đất nước Y-sơ-ra-ên mờ nhạt qua một số “bài ca về người Đầy Tớ”, thì chính Đấng Mết-si-a là Chúa Giê-xu Christ được bày tỏ rõ nét nhất qua những bài ca ấy. Lần nữa, chúng ta lại thấy mối liên hệ với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn và sự sống lại.

Rốt lại, lời phán của Đức Chúa Cha xác nhận mọi việc Chúa Giê-xu đã làm cho đến lúc ấy. “Những năm sống ẩn mình tại Na-xa-rét” của Ngài là thời gian mà Đức Chúa Cha lấy làm đẹp lòng. Lời khen ngợi của Đức Chúa Cha chắc chắn là niềm khích lệ lớn lao đối với Đức Chúa Con khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ.

## Sa-tan

*Ma-thi-ơ 4:1-11*

<sup>1</sup> Bấy giờ, Đức Thánh Linh đưa Đức Chúa Jê-sus đến nơi đồng vắng, đặng chịu ma quỷ cám dỗ. <sup>2</sup> Ngài đã kiêng ăn bốn mươi ngày bốn mươi đêm rồi, sau thì đói. <sup>3</sup> Quỷ cám dỗ đến gần Ngài, mà nói rằng: Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá nầy trở nên bánh đi. <sup>4</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: Có lời chép rằng: Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời.

<sup>5</sup> Ma quỷ bèn đem Ngài vào nơi thành thánh, đặt Ngài trên nóc đền thờ, <sup>6</sup> và nói rằng: Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy gieo mình xuống đi; vì có lời chép rằng:

Chúa sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ ngươi, thì:

Các đá ấy sẽ nâng ngươi trong tay,

Kéo chân ngươi vấp nhằm đá chông.

<sup>7</sup> Đức Chúa Jê-sus phán: Cũng có lời chép rằng: Ngươi đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.

<sup>8</sup> Ma quỷ lại đem Ngài lên trên núi rất cao, chỉ cho Ngài các nước thế gian, cùng sự vinh hiển các nước ấy; <sup>9</sup> mà nói rằng: Ví bằng ngươi sấp mình trước mặt ta mà thờ lạy, thì ta sẽ cho ngươi hết thảy mọi sự nầy. <sup>10</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng nó rằng: Hỡi quỷ Sa-tan, ngươi hãy lui ra! Vì có lời chép rằng: Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. <sup>11</sup> Ma quỷ bèn bỏ đi; liền có thiên sứ đến gần mà hầu việc Ngài.

Sau phước hạnh thánh thiện và cao cả mà Chúa Giê-xu kinh nghiệm tại sông Giô-đanh, Chúa Giê-xu được Đức Thánh Linh đưa vào đồng vắng để chịu thử thách. Không phải Chúa Giê-xu chịu ma quỷ cám dỗ để Đức Chúa Cha biết thêm về Con Ngài, vì Chúa Giê-xu đã được Đức Chúa Cha chấp nhận. Đức Chúa Giê-xu chịu cám dỗ để mọi tạo vật trên trời, dưới đất, hoặc bên dưới đất thủy đều biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Đấng Toàn Thắng. Ngài đã vạch mặt ma quỷ và mưu chước của nó, và Ngài đã đánh bại ma quỷ. Vì Ngài đắc thắng cám dỗ, chúng ta cũng có thể đắc thắng như Ngài.

Cũng như A-đam đầu tiên đã gặp ma quỷ, A-đam sau cùng đã gặp kẻ thù (*ICô-rinh-tô* 15:45). A-đam đã gặp ma quỷ trong vườn phước hạnh, nhưng Chúa Giê-xu đối mặt với ma quỷ trong đồng vắng. A-đam có đủ mọi thứ nhu cầu, nhưng Chúa Giê-xu đói khát sau 40 ngày nhịn ăn. A-đam thất bại và đưa loài người chìm đắm trong tội lỗi và sự chết, nhưng Chúa Giê-xu chiến thắng và Ngài liên tục chiến thắng ma quỷ, cuối cùng Ngài đã chiến thắng trọn vẹn trên thập tự giá (*Giăng* 2:31; *Cô-lô-se*. 2:15).

Kinh nghiệm sự cám dỗ, Chúa chúng ta đã chuẩn bị để làm thầy tế lễ thượng phẩm đầy cảm thông (*Hê-bơ-rơ* 2:16-18; 4:15,16). Điều quan trọng cần lưu ý là Chúa Giê-xu đã đối diện với ma quỷ như một *con người*, chứ không phải là Con Đức Chúa Trời. Lời nói đầu tiên của Ngài là “Người ta sống chẳng phải bởi chỉ nhờ bánh mà thôi...” Chúng ta không được nghĩ rằng Chúa Giê-xu đã dùng quyền năng thiên thượng của Ngài để chiến thắng kẻ thù, bởi vì đó là điều ma quỷ muốn Ngài làm. Nhưng Ngài đã dùng các nguồn thiêng liêng mà ngày nay sẵn có cho chúng ta, đó là quyền năng của Đức Thánh Linh (*Ma-thi-ơ* 4:1) và quyền năng của Lời Đức Chúa Trời (“Có Lời chép rằng...”). Chúa Giê-xu không để cho ma quỷ có phần gì trong bản thể của Ngài (*Giăng* 14:30), nhưng dầu sao đi nữa sự cám dỗ của Ngài là thật. Sự cám dỗ liên hệ đến ý chí Chúa Giê-xu đến để làm theo ý muốn của Cha Ngài (*Hê-bơ-rơ* 10:1-19).

*Cám dỗ thứ nhất* (*Ma-thi-ơ* 4:1-4) liên hệ đến tình yêu thương

của Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài. “Vì người là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, tại sao Cha người không chăm nuôi người? Tại sao Ngài bỏ Người trong đồng vắng hiu quạnh này?” Lời cảm dỗ này nghe giống như lời ma quỷ đã cám dỗ Ê-va trong *Sáng Thế Ký* 3:1-24. Ma quỷ khôn khéo gợi ý rằng Cha của chúng ta không yêu thương chúng ta.

Nhưng cũng có lời đề nghị khác: “Người hãy dùng quyền năng siêu nhiên để thỏa mãn mọi nhu cầu của người đi!”. Khi chúng ta đặt những nhu cầu vật chất trước nhu cầu tâm linh, chúng ta phạm tội. Khi chúng ta cho phép hoàn cảnh chi phối mọi hoạt động chúng ta thay vì đi theo ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta phạm tội. Chúa Giê-xu có thể khiến đá trở nên bánh, nhưng làm vậy thì Ngài đã thực thi quyền năng độc lập với Đức Chúa Trời, trong khi Ngài đến là để vâng lời Cha Ngài (*Giăng* 5:30; 6:38).

Chúa trích dẫn *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:3 để đánh bại ma quỷ. Nuôi mình bằng Lời Đức Chúa Trời và vâng theo lời Ngài quan trọng hơn việc chu cấp thức ăn cho cơ thể. Tóm lại, Lời Chúa là thức ăn của chúng ta (*Giăng* 4:32-34).

*Cám dỗ thứ hai* (*Ma-thi-ơ* 4:5-7) còn tinh vi hơn. Lần này ma quỷ cũng dùng Lời của Đức Chúa Trời. Ma quỷ có ý nói rằng “Người có ý định sống nhờ lời Kinh Thánh, thế thì hãy để ta trích dẫn cho Người một câu Kinh Thánh để xem Người có vâng theo không.” Ma quỷ đưa Đức Chúa Giê-xu lên nóc đền thờ, có thể ở độ cao 500 bộ (150,5 mét) phía trên thung lũng Ki-đôn. Rồi trích dẫn *Thi-Thiên* 91:11-12, trong đó Đức Chúa Trời hứa gìn giữ những người thuộc về Ngài. “Nếu thật sự tin Kinh Thánh, hãy nháy xuống đi, xem thử Cha người có gìn giữ người chăng”.

Bạn hãy lưu ý cẩn thận lời đáp của Chúa chúng ta! “Cũng có lời chép rằng...” (*Ma-thi-ơ* 4:7). Chúng ta không bao giờ được tách một phần Kinh Thánh ra riêng, nhưng phải luôn luôn “dùng tiếng thiêng liêng để giải bày sự thiêng liêng” (*I Cô-rinh-tô* 2:13). Chúng ta có thể dùng Kinh Thánh để biện minh cho nhiều điều xấu nếu chúng ta tách riêng từng câu từng chữ ra khỏi văn mạch. Ma quỷ đã khôn khéo bỏ bớt cụm từ “trong các đường lối người”

khi trích dẫn *Thi Thiên* 91:11. Khi con cái của Đức Chúa Trời ở trong ý chỉ của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Cha sẽ bảo vệ người. Ngài chăm nom những ai “ở trong đường lối của Ngài”.

Chúa Giê-xu đáp lại bằng lời Kinh Thánh trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:16: “Người đứng thử Chúa là Đức Chúa Trời người”. Chúng ta thử Đức Chúa Trời khi chúng ta tự đặt mình vào những hoàn cảnh bắt buộc Ngài thi thố phép lạ cho chúng ta. Người bị bệnh tiểu đường không chịu dùng insulin và bảo rằng: “Chúa Giê-xu sẽ săn sóc tôi”. Có thể người đó đang thử Chúa. Chúng ta thử Đức Chúa Trời khi chúng ta tìm cách buộc Ngài phải hành động ngược lại với Lời của Ngài. Đối với chúng ta là người tin cậy Chúa, đọc toàn bộ Kinh Thánh, suy gẫm tất cả những lời phán của Đức Chúa Trời là điều quan trọng, vì tất cả Kinh Thánh đem lại ích lợi cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. (*II Ti-mô-thê* 3:16-17).

*Cám dỗ thứ ba* (*Ma-thi-ơ* 4:8-11) đưa ra cho Chúa Giê-xu con đường tắt để được vinh hiển. Chúa Giê-xu biết rằng Ngài sẽ chịu khổ và chết trước khi Ngài bước vào sự vinh hiển của Ngài (*Lu-ca* 24:26; *I Phi-e-rơ* 1:11; 5:1). Nếu Ngài sắp mình xuống và thờ lạy ma quỷ *chỉ một lần* (đây là sức mạnh của động từ trong tiếng Hy Lạp) thì Ngài có thể hưởng mọi vinh quang mà không cần phải gánh chịu đau đớn. Ma quỷ luôn luôn muốn được thờ lạy, bởi vì ma quỷ lúc nào cũng muốn làm mình bằng Đức Chúa Trời (*Ê-sai* 14:12-14). Thờ lạy vật thọ tạo thế cho Đấng Tạo Hóa là sự đối trá đang cai trị thế giới ngày nay (*Rô-ma* 1:24-25).

Không có một lối tắt nào đối với ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta muốn có phần trong sự vinh hiển, chúng ta cũng phải dự phần trong sự đau đớn (*I Phi-e-rơ* 5:10). Là vua của thế gian này, ma quỷ có thể cho hết thấy mọi sự trong thế gian này cho Đấng Christ (*Giăng* 12:31; 14:30). Nhưng Chúa Giê-xu không cần điều ma quỷ cho. Đức Chúa Cha đã hứa ban cho Chúa Giê-xu Vương quốc của Ngài: “Hãy cầu Ta, Ta sẽ ban cho Con các ngoại bang làm cơ nghiệp...” (*Thi Thiên* 2:8). Bạn sẽ tìm thấy lời hứa giống như vậy trong *Thi Thiên* 22:22-31, và đây là *Thi Thiên* nói

về thập tự giá.

Chúa của chúng ta đáp lại bằng lời Kinh Thánh trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:13: “Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người, và chỉ phục vụ một mình Ngài mà thôi”. Ma quỷ không nói gì về sự phục vụ, nhưng Chúa Giê-xu biết rằng khi chúng ta thờ, chúng ta tôn thờ một điều gì thì chúng ta sẽ phục vụ điều đó, thờ phượng và phục vụ phải đi đôi với nhau.

Ma quỷ liền bỏ đi. Một kẻ thù đã bị đánh bại. Nhưng ma quỷ không ngừng cám dỗ Chúa Giê-xu. Chúng ta có thể dịch *Lu-ca* 4:13 như sau: “Và khi ma quỷ đã cám dỗ Chúa đủ cách, nó bỏ đi chờ cơ hội khác.” Qua Phi-e-rơ, ma quỷ lại cám dỗ Chúa Giê-xu từ bỏ thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 16:21-23) và qua đám đông mà Ngài đã hóa bánh nuôi ăn, ma quỷ cám dỗ Ngài “làm vua” (*Giăng* 6:15). Chiến thắng một cám dỗ không bao giờ đảm bảo thoát khỏi cám dỗ kế tiếp. Có thể nói rằng mỗi lần chúng ta kinh nghiệm chiến thắng là làm cho ma quỷ càng nỗ lực cám dỗ hơn.

Một điểm lưu ý trong bản tường thuật là *Lu-ca* đã đảo ngược thứ tự của lần cám dỗ thứ hai và thứ ba như đã ghi lại trong Phúc Âm *Ma-thi-ơ*. Từ ngữ “rồi sau đó” trong *Ma-thi-ơ* 4:5 dường như nói lên một tiến trình. *Lu-ca* chỉ dùng một liên từ đơn giản “và” và không cho biết ông đang mô tả một trình tự. Kết thúc lần cám dỗ thứ ba Chúa truyền lệnh “Hỡi quỷ Sa-tan, Người hãy lui ra!” là một bằng chứng cho thấy *Ma-thi-ơ* đã theo thứ tự lịch sử. Không có sự trái ngược bởi vì *Lu-ca* không khẳng định diễn tả câu chuyện theo trình tự.

Sau khi đánh bại ma quỷ, Chúa Giê-xu sẵn sàng bắt đầu chức vụ. Không người nào có quyền kêu gọi người khác làm theo mệnh lệnh khi người đó không tự mình tuân lệnh. Chúa chúng ta đã tự chứng tỏ Ngài là Vị Vua trọn vẹn mà vương quyền của Ngài đáng cho chúng ta tôn kính và vâng theo. Nhưng đúng với mục đích của mình, *Ma-thi-ơ* có thêm một lời chứng mạnh mẽ xác nhận vương quyền của Chúa Giê-xu Christ.

## Chức Vụ Quyền Năng Của Chúa Cứu Thế

*Ma-thi-ơ 4:12-25*

<sup>12</sup> Và, khi Đức Chúa Jê-sus nghe Giăng bị tù rồi, thì Ngài lánh qua xứ Ga-li-lê. <sup>13</sup> Ngài bỏ thành Na-xa-rét mà đến ở thành Ca-bê-na-um, gần mé biển, giáp địa phận xứ Sa-bu-lôn cùng xứ Nép-ta-li, <sup>14</sup> để cho ứng nghiệm lời đấng tiên tri Ê-sai đã nói rằng:

<sup>15</sup> Đất Sa-bu-lôn và Nép-ta-li,

Ở về trên con đường đi đến biển, bên kia sông Giô-đanh,

Tức là xứ Ga-li-lê thuộc về dân ngoại,

<sup>16</sup> Dân ấy ngồi chỗ tối tăm,

Đã thấy ánh sáng lớn;

Và trên những kẻ ngồi trong miền và dưới bóng sự chết,

Thì ánh sáng đã mọc lên.

<sup>17</sup> Từ lúc đó, Đức Chúa Jê-sus khởi giảng dạy rằng: Các người hãy ăn năn, vì nước thiên đàng đã đến gần.

<sup>18</sup> Khi Ngài đang đi dọc theo mé biển Ga-li-lê, thấy hai anh em kia, là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, với em là Anh-rê, đương thả lưới dưới biển, vì hai anh em vốn là người đánh cá. <sup>19</sup> Ngài phán cùng hai người rằng: Các người hãy theo ta, ta sẽ cho các người nên tay đánh lưới người. <sup>20</sup> Hai anh em liền bỏ lưới mà theo Ngài. <sup>21</sup> Từ đó đi một đỗi xa xa nữa, Ngài thấy hai anh em khác, là Gia-cơ, con của Xê-bê-đê, với em là Giăng, đang cùng cha mình là Xê-bê-đê vá lưới trong thuyền; Ngài bèn gọi hai người. <sup>22</sup> Tức thì hai người đó bỏ thuyền và cha mình mà theo Ngài.

<sup>23</sup> Đức Chúa Jê-sus đi khắp xứ Ga-li-lê, dạy dỗ trong các nhà hội, giảng tin lành của nước Đức Chúa Trời, và chữa lành mọi thứ tật bệnh trong dân. <sup>24</sup> Vậy, danh tiếng Ngài đồn ra khắp cả xứ Sy-ri, người ta bèn đem cho Ngài mọi người đau ốm, hay là mắc bệnh nọ tật kia, những kẻ bị quỷ ám, điên cuồng, bại xuội, thì Ngài chữa cho họ được lành cả. <sup>25</sup> Và lại, từ xứ Ga-li-lê, xứ Đê-ca-bô-lơ, thành Giê-ru-sa-lem, xứ Giu-đê, cho đến xứ bên kia sông Giô-đanh, thiên hạ kéo nhau rất đông mà theo Ngài.

Ma-thi-ơ đã chỉ cho chúng ta thấy từng chi tiết trong cuộc đời của Chúa Giê-xu đều được hướng dẫn bởi Lời Đức Chúa Trời. Cần nhớ rằng chức vụ của Chúa Giê-xu được mô tả trong *Giăng* 1:19 cho đến 3:36 xảy ra sau khi Ngài chịu cám dỗ và trước sự kiện được ghi nhận trong *Ma-thi-ơ* 4:12. Chúng ta không nên nghĩ rằng Giăng Báp-tít bị bỏ vào ngục ngay sau khi Chúa Giê-xu chịu cám dỗ. Ma-thi-ơ viết sách này theo đề tài hơn là theo thời gian. Chúng ta cần xem xét sự hài hòa của các sách Phúc Âm để thấy

được diễn tiến của các sự việc.

Trong câu 16, Ma-thi-ơ trích dẫn lời tiên tri Ê-sai (xem Ê-sai 9:1-2) Ê-sai viết về dân “đi” trong nơi tối tăm, nhưng lúc Ma-thi-ơ trích dẫn phân đoạn này thì tình trạng lại bị đăt đến nỗi dân đang “ngồi” chỗ tối tăm. Chúa Giê-xu Christ đã đem ánh sáng đến cho họ. Ngài đặt trung tâm hoạt động của Ngài tại thành Ca-bê-na-um trong “xứ Ga-li-lê thuộc về dân ngoại”. Đây là một lời ám chỉ khác cho thấy sứ điệp của Phúc Âm được lan tràn ra khắp đất. Tại Ga-li-lê có một giống dân tạp chủng bị những người Giu-đa “chính tông” khinh bỉ.

Chúa Giê-xu đã đem ánh sáng của Ngài đến xứ Ga-li-lê bằng cách nào? Câu 23 cho thấy qua sự giảng dạy và chữa lành. Điểm nổi bật này được nhắc đến thường xuyên trong Phúc Âm Ma-thi-ơ (xem *Ma-thi-ơ* 9:35; 11:45; 12:15; 14:34-36; 15:30; 19:2). Ma-thi-ơ đã nói rõ rằng Chúa Giê-xu đã chữa lành “mọi thứ tật bệnh” (*Ma-thi-ơ* 4:23). Chẳng có trường hợp nào quá khó đối với Ngài.

Kết quả của những phép lạ này làm cho Chúa Giê-xu nổi danh và thiên hạ khắp nơi kéo nhau rất đông đến theo Ngài. Địa danh “Si-ri” nói đến một vùng ở phía bắc xứ Ga-li-lê. “Đê-ca-bô-lơ” có nghĩa là “10 thành phố” là một địa phận được hình thành bởi 10 thành phố ban đầu do các thuộc hạ của A-lich-sơn Đại Đế xây dựng. Địa phận Đê-ca-bô-lơ nằm phía đông bắc vùng Ga-li-lê. “Bên kia sông Giô-đanh” nghĩa là miền Bê-rê, khu vực phía đông sông Giô-đanh. Tin tức đồn ra nhanh chóng, những người bị đau ốm tật bệnh đều được đem đến cho Chúa Giê-xu để Ngài chữa lành.

Ma-thi-ơ liệt kê một số trường hợp bệnh tật trong câu 24. “Những bệnh tật và đau đớn” có thể bao gồm hầu hết mọi thứ tật bệnh. Dĩ nhiên Chúa chúng ta cũng thường giải cứu những người bị ma quỷ ám. Từ ngữ “người điên” không hẳn là những người bị mất trí nhưng còn chỉ những người bị khổ sở vì chứng động kinh (xem *Ma-thi-ơ* 17:15). “Sự tê liệt” có nghĩa là “bị liệt”.

Các phép lạ chữa lành chỉ là một phần chức vụ của Chúa Giê-xu trong khắp xứ Ga-li-lê. Tại đây Ngài cũng dạy dỗ và rao giảng

Lời của Đức Chúa Trời. Chữ “Ánh sáng” đã hứa trong sách tiên tri Ê-sai chỉ về Lời Đức Chúa Trời, cũng như cuộc sống vẹn lành và chức vụ đầy yêu thương của Ngài. Từ ngữ “rao giảng” trong các câu *Ma-thi-ơ* 17:17, 23 có nghĩa là “rao truyền như một sứ giả”. “Với uy quyền” Chúa Giê-xu tuyên bố Tin Mừng rằng Nước Thiên đàng đã đến gần.

Cụm từ “Nước Trời” (Kingdom of heaven) xuất hiện 32 lần trong sách *Phúc Âm Ma-thi-ơ*. Trong khi cụm từ Nước Đức Chúa Trời xuất hiện năm lần (*Ma-thi-ơ* 6:33; 12:28; 19:24; 21:31-43). Vì lý do tôn kính danh xưng thánh của Chúa, người Do Thái không dùng chữ “Đức Chúa Trời” nhưng họ thay thế bằng chữ “trời”. Người con trai hoang đàng đã xưng tội rằng anh ta đã phạm tội “với trời”, dĩ nhiên nghĩa là anh ta phạm tội “chống nghịch lại với Đức Chúa Trời”. *Ma-thi-ơ* sử dụng cụm từ Nước Trời nhiều chỗ trong sách *Ma-thi-ơ* mà những đoạn tương ứng trong sách *Mác* và *Lu-ca* lại dùng là Nước Đức Chúa Trời.

Trong Tân Ước, từ vương quốc (nước) có nghĩa là “cai trị, quyền bính” hơn là một nơi chốn hoặc một lãnh địa cụ thể. Cụm từ “Nước Trời” nói đến quyền tể trị của Đức Chúa Trời. Các nhà lãnh đạo Do Thái muốn có một chính khách đứng lên giải phóng họ ra khỏi ách thống trị của đế quốc La Mã, nhưng Chúa Giê-xu đến đem quyền cai trị tâm linh cho tấm lòng con người. Điều này không chối bỏ thực tại của vương quốc trong tương lai như chúng ta đã biết.

Đức Chúa Giê-xu không chỉ công bố Phúc Âm và dạy dỗ dân chúng về chân lý của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài còn kêu gọi một số môn đệ theo Ngài để được Ngài huấn luyện họ cho công việc của Nước Trời. Trong *Ma-thi-ơ* 4:17-22, chúng ta biết về sự kêu gọi Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ, và Giăng là những người đã gặp Chúa Giê-xu và tin cậy Ngài (*Giăng* 1:29-42). Họ đã trở lại nghề đánh cá của mình, nhưng Ngài đã đến và kêu gọi họ từ bỏ công việc và đi theo Ngài. Chúng ta có thể tìm thấy những chi tiết này trong *Mác* 1:16-30 và *Lu-ca* 5:1-11.

Thuật ngữ “những tay đánh lưới người” không phải là mới.

Trải qua nhiều thế kỷ, các triết gia Hy Lạp và La Mã đã sử dụng thuật ngữ này để mô tả công việc của một người tìm cách để “nắm bắt” những người khác bằng lời giảng dạy và thuyết phục. “Đánh lưới người” chỉ là một trong nhiều hình ảnh về sự rao giảng Phúc Âm trong Kinh Thánh, chúng ta không nên chỉ giới hạn mình trong đó. Chúa Giê-xu cũng dùng hình ảnh về người chần tìm kiếm con chiên bị lạc mất (*Lu-ca* 15:1-7), và hình ảnh các con gặt trong cánh đồng chín vàng (*Giăng* 4:34-38). Vì bốn môn đồ ở đây làm nghề đánh cá, nên Chúa Giê-xu đã dùng hình ảnh này.

Chúa Giê-xu có đến bốn và có thể là bảy người trong nhóm các môn đệ là người đánh cá chuyên nghiệp (*xem Giăng* 21:1-3). Tại sao Chúa Giê-xu kêu gọi quá nhiều người làm nghề chài lưới vào công việc của Ngài? Những người làm nghề chài lưới là những người luôn luôn bận rộn, không có thì giờ rảnh rỗi. Lúc thì họ phân loại mẻ cá họ đánh bắt được, chuẩn bị cho mẻ lưới mới, hoặc là vá lưới và sửa chữa các dụng cụ đánh bắt. Đức Chúa Trời cần những con người bận rộn không hề sợ làm việc.

Người đánh cá là những con người can đảm và kiên nhẫn. Phải có lòng kiên nhẫn và tính can đảm để chinh phục người khác về cho Đấng Christ. Người đánh cá phải có năng khiếu. Họ phải học tập kinh nghiệm từ người khác để biết tìm nơi có cá và cách đánh bắt cá. Công việc chinh phục linh hồn cũng đòi hỏi phải có kỹ năng. Người chài lưới phải cùng làm việc với nhau, công việc của Đức Chúa Trời đòi hỏi sự hợp tác. Nhưng trên hết mọi sự, nghề đánh cá đòi hỏi phải có lòng tin. Người đánh cá không thấy cá và họ không chắc rằng lưới của họ sẽ đầy cá. Công việc chinh phục linh hồn tội nhân cần lòng tin và sự lan lợi.

Ma-thi-ơ đã trình bày cho chúng ta về nhân cách của một Vị Vua. Mỗi chứng nhân đều khẳng định rằng: “Đây là Con của Đức Chúa Trời, đây là Vua”.

## Phép Tắc Của Vua: Sự Công Bình Thật

*Ma-thi-ơ 5*

Bài Giảng Trên Núi là một trong những sứ điệp bị hiểu sai nhiều nhất. Một nhóm người cho rằng kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời là buộc chúng ta phải vâng theo những điều luật này nếu như chúng ta mong muốn vào Nước Thiên Đàng. Một nhóm khác gọi bài giảng này là “bản hiến chương hòa bình thế giới” và mong mỗi mọi quốc gia trên thế giới chấp nhận. Cũng có nhóm người thứ ba cho rằng Bài Giảng Trên Núi không áp dụng cho ngày hôm nay, nhưng sẽ được áp dụng vào một thời gian nào đó trong tương lai, có lẽ trong thời kỳ Đại Nạn hoặc ngàn năm bình an.

Tôi luôn luôn cho rằng *Ma-thi-ơ 5:20* là câu chìa khóa cho bài giảng quan trọng này. “Vì Ta phán cho các ngươi rằng, nếu sự công bình của các ngươi chẳng trởi hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, thì các ngươi chắc không vào Nước Thiên Đàng”. Chủ đề chính là sự công bình thật. Các nhà lãnh đạo tôn giáo chỉ có sự công bình giả tạo, bên ngoài dựa theo luật pháp, nhưng sự công bình Chúa Giê-xu mô tả là sự công bình thật và sinh động xuất phát từ bên trong tấm lòng. Người Pha-ri-si quan tâm về những chi tiết trong cách xử sự, nhưng họ làm ngơ vấn đề chính yếu là bản chất. Cách xử sự phát sinh từ bản chất.

Cho dù Bài Giảng Trên Núi có thể ứng dụng vào những vấn đề của thế giới hay những diễn biến trong tương lai, điều chắc chắn là bài giảng phải được ứng dụng cho chúng ta ngày nay. Chúa Giê-xu ban phát sứ điệp này cho từng cá nhân tín hữu, chứ không cho thế giới vô tín nói chung. Những điều dạy dỗ trong Bài Giảng Trên Núi được nhắc lại trong các thư tín Tân Ước cho Hội Thánh ngày nay. Chúa Giê-xu ban phát những lời dạy dỗ này cho các môn đệ trước nhất (câu 1), và họ đã chia sẻ lại cho chúng ta.

Trong chương này Chúa Giê-xu cho ba lời giải thích về sự công bình thật.

### Sự Công Bình Thật Là Gì ?

*Ma-thi-ơ* 5:1-16

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus xem thấy đoàn dân đông, bèn lên núi kia; khi Ngài đã ngồi, thì các môn đồ đến gần.

<sup>2</sup> Ngài bèn mở miệng mà truyền dạy rằng:

<sup>3</sup> Phước cho những kẻ có lòng khó khăn, vì nước thiên đàng là của những kẻ ấy!

<sup>4</sup> Phước cho những kẻ than khóc, vì sẽ được yên ủi!

<sup>5</sup> Phước cho những kẻ nhu mì, vì sẽ hưởng được đất!

<sup>6</sup> Phước cho những kẻ đói khát sự công bình, vì sẽ được no đủ!

<sup>7</sup> Phước cho những kẻ hay thương xót, vì sẽ được thương xót!

<sup>8</sup> Phước cho những kẻ có lòng trong sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời!

<sup>9</sup> Phước cho những kẻ làm cho người hòa thuận, vì sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời!

<sup>10</sup> Phước cho những kẻ chịu bắt bớ vì sự công bình, vì nước thiên đàng là của những kẻ ấy!

<sup>11</sup> Khi nào vì cơ ta mà người ta mắng nhiếc, bắt bớ, và lấy mọi điều dữ nói vu cho các người, thì các người sẽ được phước. <sup>12</sup> Hãy vui vẻ, và nức lòng mừng rỡ, vì phần thưởng các người ở trên trời sẽ lớn lắm; bởi vì người ta cũng từng bắt bớ các đấng tiên tri trước các người như vậy.

<sup>13</sup> Các người là muối của đất; song nếu mất mặn đi, thì sẽ lấy giống chi mà làm cho mặn lại? Muối ấy không dùng chi được nữa, chỉ phải quăng ra ngoài và bị người ta đạp dưới chân. <sup>14</sup> Các người là sự sáng của thế gian; một cái thành ở trên núi thì không khi nào bị khuất được: <sup>15</sup> Cũng không ai thấp đèn mà để dưới cái thùng, song người ta để trên chân đèn, thì nó soi sáng mọi người ở trong nhà. <sup>16</sup> Sự sáng các người hãy soi trước mặt người

ta như vậy, đặng họ thấy những việc lành của các người, và ngợi khen Cha các người ở trên trời.

Là một vị thầy vĩ đại, Chúa chúng ta không bắt đầu bài giảng quan trọng này bằng lời quở trách các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Ngài bắt đầu bằng cách nhấn mạnh đến đặc điểm công bình và những phước hạnh do sự công bình đem lại cho cuộc đời người tin Chúa. Người Pha-ri-si dạy rằng công bình chỉ là sự việc bên ngoài, một vấn đề vâng theo điều luật và giới răn. Sự công bình có thể được đo lường bằng sự cầu nguyện, bố thí, kiêng ăn, v.v.v. Trong bài giảng về Tám Phước Lành và những hình ảnh về người tin Chúa, Chúa Giê-xu mô tả đặc tính của Cơ Đốc nhân tuân chảy từ bên trong lòng.

Chúng ta hãy tưởng tượng thế nào đám đông đã bị thu hút khi Chúa Giê-xu phán lời đầu tiên: “Phước cho”. (Theo từ ngữ Latinh chữ phước cho là *beatus*, và từ chữ này chúng ta có từ *beatitudo*, phước lành). Đây là một từ có sức thu hút mạnh mẽ đối với người nghe Chúa Giê-xu thời đó. Đối với họ nó có nghĩa là “niềm vui thiên thượng và hạnh phúc vẹn toàn”. Từ ngữ này không được dùng cho thế giới loài người, nhưng diễn tả niềm vui mà chỉ những thần linh hay những người chết kinh nghiệm. “Phước cho” ngụ ý sự thỏa mãn của nội tâm mà không tùy thuộc vào những hoàn cảnh bên ngoài để được hạnh phúc. Đây là điều Đức Chúa Trời ban cho người tin cậy Ngài.

Các Phước Lành mô tả những thái độ phải có trong cuộc sống của chúng ta ngày nay. Có bốn thái độ được mô tả ở đây.

*Thái độ của chúng ta đối với chính mình (Ma-thi-ơ 5:3)*. Tâm linh nghèo khó có nghĩa là phải khiêm nhường, đánh giá đúng đắn về bản thân của mình (*Rô-ma 12: 3*). Nó không có nghĩa là “nghèo nàn thuộc linh” và không có nghị lực. “Nghèo khó về tâm linh” là điều đối nghịch với thái độ tự tôn tự mãn của thế gian. Đó không phải là sự khiêm nhường giả tạo bảo rằng, “Tôi không có giá trị gì, Tôi không thể làm được điều gì đâu” nhưng là thành thật với chính mình. Chúng ta tự biết mình, chấp nhận chính mình, và cố gắng để xứng đáng với sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

*Thái độ của chúng ta đối với tội lỗi (Ma-thi-ơ 5:4-6).* Chúng ta than khóc về tội lỗi và từ bỏ nó. Chúng ta nhìn tội lỗi theo cách Đức Chúa Trời nhìn và tìm cách đối phó như cách của Đức Chúa Trời. Che giấu tội lỗi hoặc bênh vực cho tội lỗi chắc chắn là thái độ sai lầm. Chúng ta không chỉ khóc lóc về tội lỗi chúng ta, nhưng còn phải khiêm nhường xưng ra cho Đức Chúa Trời (*Lu-ca 18:9-14; Phi-líp 3:1-14*).

Nhu mì không phải là yếu đuối vì cả Môi-se lẫn Chúa Giê-xu đều là những người nhu mì (*Dân Số Ký 12:3; Ma-thi-ơ 11:29*). Từ ngữ dịch là “nhu mì” được người Hy Lạp dùng để tả một con ngựa đã bị chế ngự. Nó nói lên sức lực nằm trong sự kiểm soát.

*Thái độ của chúng ta đối với Đức Chúa Trời (5:7-9).* Chúng ta kinh nghiệm lòng thương xót của Đức Chúa Trời khi chúng ta tin nhận Chúa Giê-xu Christ (*Ê-phê-sô 2:4-7*) và Ngài ban cho chúng ta một tấm lòng tinh sạch (*Công Vụ Các Sứ Đồ 15:9*) cùng sự bình an trong lòng (*Rô-ma 5:1*). Nhưng khi đã nhận được sự thương xót của Ngài, chúng ta hãy chia sẻ yêu thương của Ngài cho người khác. Chúng ta tìm cách gìn giữ tấm lòng chúng ta được tinh sạch để có thể ngắm xem Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta trở nên người kiến tạo hòa bình trong thế giới rối ren và lưu dẫn sự thương xót, thánh khiết và bình an của Đức Chúa Trời đến với người khác.

*Thái độ của chúng ta đối với thế gian (Ma-thi-ơ 5:10-16).* Làm một Cơ Đốc nhân tận hiến không phải dễ. Xã hội chúng ta không thân thiện gì với Đức Chúa Trời cũng như với con cái Ngài. Dù muốn, dù không vẫn có sự xung khắc giữa chúng ta và thế gian. Tại sao? Bởi vì chúng ta khác với thế gian và thái độ chúng ta cũng khác với họ.

Khi đọc bài giảng Các Phước Lành, chúng ta thấy rằng bài giảng nêu ra một quan điểm hoàn toàn khác biệt với quan điểm của thế gian. Thế gian đề cao tính tự cao chứ không phải sự khiêm nhường. Thế gian ủng hộ tội lỗi, nhất là khi “trốn tránh được”. Thế gian đang gây chiến chống lại Đức Chúa Trời trong khi Đức Chúa Trời đang tìm cách giải hòa với kẻ thù và khiến họ

trở nên con cái của Ngài. Chúng ta phải chấp nhận sự bất bớ nếu chúng ta sống theo cách Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống. Phải chắc chắn rằng chúng ta chịu khổ không do những lỗi lầm hoặc làm trái ý Chúa của chúng ta.

### Sự Công Bình Thật Đến Như Thế Nào?

*Ma-thi-ơ 5:17-20*

<sup>17</sup> Các người đừng tưởng ta đến đặng phá luật pháp hay là lời tiên tri; ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn. <sup>18</sup> Vì ta nói thật cùng các người, đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn. <sup>19</sup> Vậy, ai hủy một điều cực nhỏ nào trong những điều răn nầy, và dạy người ta làm như vậy, thì sẽ bị xưng là cực nhỏ trong nước thiên đàng; còn như ai giữ những điều răn ấy, và dạy người ta nữa, thì sẽ được xưng là lớn trong nước thiên đàng. <sup>20</sup> Vì ta phán cho các người rằng, nếu sự công bình của các người chẳng trởi hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người đồng Pha-ri-si, thì các người chắc không vào nước thiên đàng.

Chắc rằng sau khi dám đông nghe Chúa mô tả về hạng người được Đức Chúa Trời ban phước, họ tự hỏi, “Nhưng chúng ta chẳng bao giờ đạt tới được đức tính ấy. Làm thế nào chúng ta có được sự công bình này? Sự công bình đến từ đâu?” Họ phân vân không hiểu lời giảng dạy của Chúa có liên hệ thế nào đến mọi điều họ đã được dạy trong suốt cuộc đời của mình. Thế còn Môi-se và Luật Pháp thì như thế nào?

Trong Luật Pháp Môi-se, chắc chắn Đức Chúa Trời đã thực sự bày tỏ những tiêu chuẩn cho đời sống thánh khiết. Người Pha-ri-si bảo vệ Luật Pháp và cố gắng tìm cách làm theo. Nhưng Chúa Giê-xu phán rằng sự công bình thật mà Đức Chúa Trời đẹp lòng phải vượt trội hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si - đối với những người bình thường, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là những người thánh khiết nhất trong cộng đồng xã hội. Nếu họ còn không đạt tới tiêu chuẩn ấy, thì những người khác còn hy vọng nào? Chúa Giê-xu giải thích thái độ của Ngài đối với Luật Pháp bằng cách mô tả ba mối liên hệ có thể có

sau đây.

*Chúng ta có thể tìm cách phá đổ Luật Pháp (Ma-thi-ơ 5:17a).* Người Pha-ri-si nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang làm điều này. Trước hết, uy quyền của Ngài không phải xuất phát từ bất kỳ nhà lãnh đạo hoặc trường phái nào đã được mọi người thừa nhận. Thay vì mượn thẩm quyền để giảng dạy như các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã làm, Chúa Giê-xu giảng dạy bằng thẩm quyền của Ngài.

Không phải chỉ thẩm quyền nhưng còn qua hành động của Ngài. Dường như Chúa Giê-xu bất chấp Luật Pháp. Ngài chủ động chữa lành tật bệnh cho dân chúng trong ngày Sa-bát và không để ý gì đến truyền thống phép tắc của người Pha-ri-si. Sự giao du của Chúa chúng ta cũng có vẻ trái ngược với Luật Pháp, vì Ngài kết bạn với người thu thuế và kẻ xấu nết.

Tuy nhiên, chính người Pha-ri-si đang phá đổ Luật Pháp. Bởi những truyền thống phép tắc của họ, họ đã làm dân chúng mất đi Lời của Đức Chúa Trời; và bởi lối sống giả hình của họ, họ không tuân theo chính Luật Pháp mà họ tuyên bố bảo vệ. Người Pha-ri-si cho rằng họ đang gìn giữ Lời Đức Chúa Trời, trong khi thực sự họ đang trói chặt Lời Đức Chúa Trời. Họ chối bỏ Chúa Giê-xu Christ khi Ngài đến thế gian chứng tỏ rằng chân lý sâu xa của Luật Pháp đã không thấu vào tấm lòng của họ được.

Chúa Giê-xu phán rõ rằng Ngài đã đến để tôn trọng Luật Pháp và giúp đỡ con dân Chúa yêu mến, học tập và sống theo Luật Pháp. Ngài không chấp nhận sự công bình giả tạo của các nhà lãnh đạo tôn giáo. Sự công bình của họ chỉ là sự giả dạng bên ngoài. Tôn giáo của họ là một nghi thức chết, không phải là mối tương giao sống động. Chỉ là giả tạo, tôn giáo ấy không tạo ra trong người khác sự sống. Nó chỉ làm cho họ kiêu ngạo, chứ không khiêm nhường; nó đưa con người đến sự ràng buộc chứ không phải tự do.

*Chúng ta có thể tìm cách làm trọn Luật Pháp (Ma-thi-ơ 5:17b).* Chúa Giê-xu đã làm trọn Luật Pháp trong mọi khía cạnh của đời

sống. Trong sự giáng sinh, Ngài đã làm trọn luật pháp vì Ngài đã “sinh ra dưới Luật Pháp” (*Ga-la-ti* 4:4). Mọi nghi thức qui định cho một bé trai Do Thái đều được cha mẹ Ngài thực hiện cho Ngài. Chắc chắn, Ngài làm trọn Luật Pháp trong cuộc sống của Ngài, vì không người nào có thể buộc tội Ngài được. Trong khi Ngài không tuân theo các lễ thói của những thầy thông giáo và người Pha-ri-si, Ngài luôn luôn thực hiện những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời trong Luật Pháp. Đức Chúa Cha “rất hài lòng về” Con của Ngài (*Ma-thi-ơ* 3:17; 17:5).

Chúa Giê-xu cũng làm trọn Luật Pháp trong sự giảng dạy của Ngài. Chính điều này đã đưa đến mâu thuẫn giữa Ngài với các nhà lãnh đạo tôn giáo. Khi bắt đầu chức vụ, Chúa Giê-xu nhận thấy Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời bị phủ kín bởi những phép tắc và lý giải do con người đặt ra. Ngài đã đập vỡ tan lớp vỏ “tôn giáo” và đem dân chúng trở lại với Lời của Đức Chúa Trời. Và rồi Ngài dạy Lời Đức Chúa Trời cho họ một cách mới mẻ và sống động - họ đã quen thuộc với “văn tự” của Luật Pháp nhưng không thấu hiểu được tinh thần của Luật Pháp. Bởi sự chết và sự sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu đã làm trọn Luật Pháp. Ngài nhận lãnh sự rửa sả của Luật Pháp (*Ga-la-ti* 3:13). Ngài đã làm xong các kiểu mẫu cùng lễ nghi của thời Cựu Ước để con dân Chúa không còn phải thực hiện theo đòi hỏi của Luật Pháp (xem *Hê-bơ-rơ* 9:1-10:39). Ngài bỏ qua giao ước cũ và giới thiệu giao ước mới.

Chúa Giê-xu không phá đổ Luật Pháp bằng cách đấu tranh với Luật Pháp nhưng bằng cách làm trọn Luật Pháp. Có lẽ cần có một minh họa để làm sáng tỏ vấn đề này. Nếu tôi có một hạt sỏi, tôi có thể phá vỡ nó bằng một trong hai cách. Tôi có thể đặt nó trên một hòn đá và dùng búa đập mạnh nó bể thành nhiều mảnh. Hoặc tôi có thể trồng nó xuống đất và để nó tự tan ra bằng cách trở thành một cây sỏi.

Khi Chúa Giê-xu chết, Ngài vén bỏ bức màn của đền thờ và mở con đường đi vào nơi chí thánh (*Hê-bơ-rê* 1:19) Ngài phá đổ bức tường ngăn cách giữa người Do Thái và người ngoại bang (*Ê-*

## Phép Tắc Của Vua: Sự Công Bình Thật / 39

*phê-sô* 2:11-13). Vì Luật Pháp đã được trọn trong Đấng Christ nên chúng ta không còn cần đến thờ do tay con người tạo nên nữa (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:48) hoặc những nghi thức tôn giáo (*Cô-lô-se* 2:10-13).

Làm thế nào chúng ta có thể làm trọn Luật Pháp? Chỉ bằng cách vâng phục Đức Thánh Linh và để cho Ngài hành động trong cuộc đời chúng ta (*Rô-ma* 8:1-3). Đức Thánh Linh khiến chúng ta có thể kinh nghiệm “sự công bình của Luật Pháp” trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Điều này không có nghĩa là chúng ta sống cuộc đời hoàn toàn không có tội, nhưng có nghĩa là Đấng Christ sống cuộc đời của Ngài qua chúng ta bởi quyền năng của Đức Thánh Linh (*Ga-la-ti* 2:20).

Khi chúng ta đọc Bài Giảng Các Phước Lành, chúng ta thấy được cá tính hoàn hảo của Chúa Giê-xu Christ. Trong khi Chúa Giê-xu không bao giờ phải khóc lóc về tội lỗi của Ngài, bởi vì Ngài là Đấng vô tội, Ngài vẫn là một người “từng trải sự buồn bực biết sự đau ốm” (*Ê-sai* 53:3). Ngài chẳng bao giờ đói khát sự công bình bởi vì Ngài là Con Thánh của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã vui lòng làm theo ý muốn Cha Ngài và tìm cách làm trọn công việc của Ngài (*Giăng* 4:34). Phương cách duy nhất chúng ta có thể kinh nghiệm sự công bình của Tám Phước Lành là nhờ quyền năng của Chúa Giê-xu Christ.

*Chúng ta tìm cách giữ và dạy Luật Pháp* (*Ma-thi-ơ* 5:19). Điều này không có nghĩa là chúng ta coi trọng Cựu Ước và bỏ mặc Tân Ước. Sách *Cô-rinh-tô* thứ nhì chương 3 bày tỏ rằng chức vụ của chúng ta là phục vụ giao ước mới. Nhưng có một chức vụ thích đáng của Luật Pháp (*I Ti-mô-thê* 1:9) không mâu thuẫn với sứ điệp vinh hiển về ân sủng của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu muốn chúng ta biết nhiều hơn về sự công bình của Đức Chúa Trời, vâng theo và chia sẻ cho nhiều người khác. Luật Pháp của Đức Chúa Trời không thay đổi. Chín điều răn được nhắc lại trong các thư tín Tân Ước và là mệnh lệnh cho các tín hữu vâng theo. (Ngoại trừ mệnh lệnh về ngày Sa-bát, được ban bố nhằm làm dấu chỉ cho dân Y-sơ-ra-ên, xem *Nê-hê-mi* 9:14).

Chúng ta không vì sợ luật pháp thấy được mà vâng theo. Chẳng phải vậy, nhưng vâng theo Luật Pháp ghi trong lòng vì tình yêu. Đức Thánh Linh dạy dỗ chúng ta bằng Lời của Đức Chúa Trời và giúp chúng ta vâng theo. Tội lỗi vẫn là tội lỗi, và Đức Chúa Trời vẫn đoán phạt tội lỗi. Nói tóm lại, trong thời đại hiện nay chúng ta phải chịu trách nhiệm về việc làm của chúng ta nhiều hơn vì chúng ta được dạy dỗ và hiểu biết nhiều hơn.

### Sự Công Bình Hành Động Như Thế Nào Trong Đời Sống Hằng Ngày

*Ma-thi-ơ 5:21-48*

<sup>21</sup> Các người có nghe lời phán cho người xưa rằng: Người chớ giết ai; và rằng: Hễ ai giết người thì đáng bị tòa án xử đoán. <sup>22</sup> Song ta phán cho các người: Hễ ai giận anh em mình thì đáng bị tòa án xử đoán; ai mắng anh em mình rằng: Ra-ca, thì đáng bị tòa công luận xử đoán; ai mắng anh em mình là đồ điên, thì đáng bị lửa địa ngục hành phạt. <sup>23</sup> Ấy vậy, nếu khi nào người đem dâng của lễ nơi bàn thờ, mà nhớ lại anh em có điều gì nghịch cùng mình, <sup>24</sup> thì hãy để của lễ trước bàn thờ, trở về giảng hòa với anh em trước đã; rồi hãy đến dâng của lễ. <sup>25</sup> Khi người đi đường với kẻ nghịch mình, phải lập tức hòa với họ, kẻo họ nộp người cho quan án, quan án giao người cho thầy đội, mà người phải ở tù. <sup>26</sup> Quả thật, ta nói cùng người, người trả còn thiếu một đồng tiền, thì không ra khỏi tù được.

<sup>27</sup> Các người có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội tà dâm. <sup>28</sup> Song ta phán cho các người biết: Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi. <sup>29</sup> Vậy nếu con mắt bên hữu xui cho người phạm tội, thì hãy móc mà quăng nó cho xa người đi; vì thà chịu một phần thân thể người phải hư, còn hơn là cả thân thể bị ném vào địa ngục. <sup>30</sup> Lại nếu tay hữu xui cho người phạm tội, thì hãy chặt mà liệng nó cho xa người đi; vì thà chịu một phần thân thể người phải hư, còn hơn là cả thân thể vào địa ngục.

<sup>31</sup> Lại có nói rằng: Nếu người nào để vợ mình, thì hãy cho vợ cái tờ để. <sup>32</sup> Song ta phán cùng các người: Nếu người nào để vợ mà không phải vì cơ ngoại tình, thì người ấy làm cho vợ mình ra người tà dâm; lại nếu người nào cưới đàn bà bị để, thì cũng phạm tội tà dâm.

<sup>33</sup> Các người còn có nghe lời phán cho người xưa rằng: Người chớ thề dối, nhưng đối với Chúa, phải giữ vẹn lời thề mình. <sup>34</sup> Song ta phán cùng các người rằng đừng thề chi hết: Đừng chỉ trời mà thề, vì là ngôi của Đức Chúa Trời; <sup>35</sup> đừng chỉ đất mà thề, vì là bệ chân của Đức Chúa Trời; đừng chỉ

## Phép Tắc Của Vua: Sự Công Bình Thật / 41

thành Giê-ru-sa-lem mà thế, vì là thành của Vua lớn. <sup>36</sup> Lại cũng đừng chỉ đầu người mà thế, vì tự người không thể làm cho một sợi tóc nên trắng hay là đen được. <sup>37</sup> Song người phải nói rằng: Phải, phải; không, không. Còn điều người ta nói thêm đó, bởi nơi qui dữ mà ra.

<sup>38</sup> Các người có nghe lời phán rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng. <sup>39</sup> Song ta bảo các người, đừng chống cự kẻ dữ. Trái lại, nếu ai vả má bên hữu người, hãy đưa má bên kia cho họ luôn; <sup>40</sup> nếu ai muốn kiện người đặng lột cái áo vấn, hãy để họ lấy luôn cái áo dài nữa; <sup>41</sup> nếu ai muốn bắt người đi một dặm đường, hãy đi hai dặm với họ. <sup>42</sup> Ai xin của người, hãy cho, ai muốn mượn của người, thì đừng trở.

<sup>43</sup> Các người có nghe lời phán rằng: Hãy yêu người lân cận, và hãy ghét kẻ thù nghịch mình. <sup>44</sup> Song ta nói cùng các người rằng: Hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các người, <sup>45</sup> hầu cho các người được làm con của Cha các người ở trên trời; bởi vì Ngài khiến mặt trời mọc lên soi kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công bình cùng kẻ độc ác.

<sup>46</sup> Nếu các người yêu những kẻ yêu mình, thì có được thưởng gì đâu? Những kẻ thù thuế há chẳng làm như vậy sao? <sup>47</sup> Lại nếu các người tiếp đãi anh em mình mà thôi, thì có lạ gì hơn ai? Người ngoại há chẳng làm như vậy sao? <sup>48</sup> Thế thì các người hãy nên trọn vẹn, như Cha các người ở trên trời là trọn vẹn.

Chúa Giê-xu lấy ra sáu điều răn quan trọng trong Luật Pháp Cựu Ước và giải thích cho các môn đồ dưới ánh sáng của nếp sống mới mà Ngài đã ban cho khi đến trần gian. Ngài thay đổi tận nền móng mà không làm đổi thay những tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Ngài đối phó với mọi thái độ cùng những ý định trong lòng con người chứ không chỉ hành động bên ngoài. Người Pha-ri-si cho rằng sự công bình bao gồm việc thực hiện một số việc làm nào đó, nhưng Chúa Giê-xu dạy rằng sự công bình là ở nơi thái độ của tấm lòng.

Với tội lỗi cũng như vậy. Người Pha-ri-si liệt kê một số việc làm bị kể là tội lỗi, nhưng Chúa Giê-xu giải thích do thái độ của tấm lòng mà có tội lỗi. Giận dữ là phạm tội giết người ở trong lòng; sự ham muốn xác thịt là phạm tội tà dâm ở trong lòng. Người nói rằng anh ta “sống theo lời dạy của Bài Giảng Trên Núi” có thể không nhận thấy rằng Bài Giảng Trên Núi còn khó làm theo hơn là 10 điều răn trong Luật Pháp Môi-se.

*Tội giết người* (Ma-thi-ơ 5:21-26; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13). Cứ 35 vụ tử vong tại Chicago, có một vụ do giết người gây ra, và hầu hết những vụ giết người này là do sự tức giận giữa vòng bạn bè hoặc người thân. Chúa Giê-xu không phán rằng giận dữ dẫn đến tội giết người. Ngài phán giận dữ là giết người.

Đầu có sự giận dữ thánh khiết chống lại tội lỗi (*Ê-phê-sô* 4:26), nhưng ở đây Chúa Giê-xu nói đến sự giận dữ bất khiết nghịch lại với con người. Từ ngữ Ngài dùng trong *Ma-thi-ơ* 5:22 có nghĩa là “sự giận dữ chất chứa trong lòng, và nung nấu ý muốn làm hại người khác”. Chúa Giê-xu mô tả một hành động tội lỗi trải qua mấy giai đoạn. Đầu tiên là nổi giận vô cớ, kể đến sự giận dữ này bộc phát thành lời: “Ra-ca - con người đần độn”, và khi được đổ thêm dầu sẽ dẫn đến chữ mắng “Mầy là đồ điên - kẻ mất dạy!”

Giận dữ thật là một việc làm ngu dại. Nó biến chúng ta thành kẻ phá hoại thay vì xây dựng. Giận dữ cướp mất khỏi chúng ta sự tự do và giam chúng ta vào trong tù ngục. Chúng ta ghét một người nào tức là trong lòng chúng ta đã phạm tội giết người (*I Giăng* 3:15).

Điều này không có nghĩa là chúng ta cứ việc giết người chúng ta ghét, vì dẫu sao trong tư tưởng chúng ta đã phạm tội rồi. Cảm giác tội lỗi đương nhiên không bào chữa cho hành vi phạm tội. Tội nóng giận làm chúng ta đánh mất mối tương giao với Đức Chúa Trời cũng như với anh em, nhưng nóng giận không bắt chúng ta phải ngồi tù như tội giết người. Tuy nhiên, nhiều người đã phạm tội sát nhân vì không làm chủ được tội nóng giận.

Chúng ta phải thành thật nhìn nhận tội nóng giận và xưng tội với Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy đến làm hòa với anh em của mình, và phải thực hiện ngay không chút chậm trễ. Càng kéo dài bao lâu, sự trói buộc càng tệ hại bấy nhiêu. Chúng ta tự giam hãm mình trong ngục tù kinh khiếp này khi chúng ta không chịu giảng hòa với anh em mình (xem thêm *Ma-thi-ơ* 18:15-20). Có người nói cách chí lý rằng người từ chối tha thứ cho anh em là phá sập cây cầu mà chính anh ta phải bước qua.

*Tội tà dâm (Ma-thi-ơ 5:27-30; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:14).* Chúa Giê-xu khẳng định luật thánh khiết của Đức Chúa Trời, và giải thích rằng ý định luật này là cho con người thấy sự thánh khiết của tính dục và tấm lòng đầy tội lỗi của con người. Đức Chúa Trời dựng nên tính dục và Ngài bảo vệ nó. Ngài qui định giới luật và trách phạt những ai chống lại giới luật đó. Ngài quy định giới luật cho tính dục không phải vì Ngài muốn tước đoạt khỏi chúng ta, nhưng vì Ngài muốn làm ơn cho chúng ta.

Tình dục bất khiết bắt nguồn từ những ham muốn trong lòng. Một lần nữa, Chúa Giê-xu không phán rằng những ham muốn tình dục giống hệt như việc làm của tình dục, và do đó một người có thể phạm tội tà dâm. Ham muốn và hành động không giống nhau, nhưng theo phương diện thuộc linh, cả hai đều là một. Chữ “ngó” mà Chúa Giê-xu nói đến không phải là một thoáng nhìn tình cờ, nhưng là cái nhìn say mê thèm khát. Có thể chấp nhận cho một người nam nhìn lướt qua một phụ nữ đẹp và công nhận rằng cô ấy đẹp, nhưng không thèm muốn cô ấy. Người đàn ông Chúa Giê-xu mô tả nhìn phụ nữ nhằm mục đích thỏa mãn lòng thèm khát nhục dục chất chứa bên trong như là một sự thay thế cho hành động. Đó không phải là điều tình cờ, nhưng có dự tính.

Làm thế nào chúng ta đắc thắng? Bằng cách thánh hóa những ham muốn trong lòng (sự thèm khát dẫn đến hành động) và làm chủ các hành động của thân thể. Rõ ràng Chúa chúng ta không nói về phẫu thuật theo nghĩa đen, vì làm điều này không giải quyết được vấn đề trong lòng. Con mắt và bàn tay thường thường là hai “thủ phạm” đưa đến tội phạm tình dục, vì vậy chúng ta phải chế ngự chúng. Chúa Giê-xu phán, “Hãy giải quyết lập tức và dứt khoát với tội lỗi. Đừng trì hoãn - hãy đoạn tuyệt ngay.” Phẫu thuật thiêng liêng quan trọng hơn phẫu thuật về thể xác, vì tội lỗi của thân thể dẫn đến sự hình phạt đời đời. Chúng ta có thể xem những phân đoạn Kinh-Thánh khác như *Cô-lô-se 3:5* và *Rô-ma 6:13; 12:1-2; 3:14*.

*Ly dị (Ma-thi-ơ 5:31-32).* Chúng ta sẽ bàn về vấn đề ly dị trong chương 19:1-12, trong đó Chúa đề cập đến vấn đề này cách

chi tiết hơn.

*Thề* (Ma-thi-ơ 5:33-37; Lê-vi Ký 19:12; Phục Truyền Luật Lệ Ký 23:23). Đây không phải là tội “rửa sả” nhưng là tội dùng lời thề để khẳng định điều chúng ta nói là đúng. Người Pha-ri-si dùng đủ mọi mưu mẹo để né tránh sự thật, trong đó có lời thề. Họ tránh dùng danh thánh của Đức Chúa Trời, nhưng họ gần xúc phạm đến danh của Ngài khi chỉ thành Giê-ru-sa-lem, trời, đất, hoặc một vài bộ phận của thân thể mà thề.

Chúa Giê-xu dạy phải thành thật khi trò chuyện. Bản tính chúng ta thành thật thì không cần “chỗ dựa” nào để làm cho người khác tin mình. Lời nói tùy thuộc vào nhân cách, và lời thề không thể bù đắp cho nhân cách kém cỏi. “Hễ lảm lời vi phạm nào có thiếu; nhưng ai cầm giữ miệng mình là người khôn ngoan” *Châm Ngôn* 10:19). Một người càng dùng nhiều lời để thuyết phục, chúng ta càng thấy nghi ngờ người đó.

*Sự trả thù* (Ma-thi-ơ 5:38-42; Lê-vi Ký 24:19-22). Luật pháp vốn công bằng nhằm ngăn con người không buộc kẻ phạm tội phải trả giá đắt hơn tội đáng phải nhận. Luật pháp cũng ngăn ngừa tư thù cá nhân. Chúa Giê-xu thay thế điều luật bằng một thái độ: hãy sẵn lòng chịu đau khổ mất mát hơn là gây cho người khác đau khổ. Dĩ nhiên, Chúa ứng dụng điều này đối với những xúc phạm cá nhân, chứ không cho nhóm người, hoặc quốc gia. Người trả thù chỉ làm cho chính anh ta và người phạm tội cảm thấy buồn đau, và kết quả là một cuộc tranh chấp dai dẳng bất an.

Để “đưa má bên kia”, chúng ta phải đứng yên và không bỏ chạy. Làm điều này đòi hỏi đức tin và lòng yêu thương. Chúng ta có thể sẽ bị tổn thương, nhưng bị tổn thương bên ngoài còn tốt hơn trong lòng bị đau đớn. Nhưng ý nghĩa sâu xa hơn là chúng ta nên tìm cách giúp đỡ người phạm lỗi. Chúng ta có thể bị xúc phạm, bởi vì người ta có thể tấn công chúng ta thêm nữa; nhưng chúng ta cũng đắc thắng vì Chúa Giê-xu ở về phía chúng ta, giúp đỡ và xây dựng nhân cách của chúng ta. Các nhà tâm lý học cho chúng ta biết rằng bạo lực phát sinh từ sự yếu đuối chứ không phải từ sức mạnh. Chính con người mạnh mẽ mới có thể yêu thương và chịu

đựng tổn thương, còn người yếu kém chỉ nghĩ về mình và gây cho người khác đau đớn để tự bảo vệ mình. Anh ta gây thương tổn cho người khác rồi bỏ đi để bảo vệ mình.

*Yêu kẻ thù nghịch* (Ma-thi-ơ 5:43-48; Lê-vi Ký 19:17-18). Không có nơi nào Luật Pháp dạy ghét kẻ thù nghịch mình. Những phân đoạn Kinh Thánh như *Xuất-Ê-díp-tô Ký* 23:4-5 dạy điều ngược lại. Chúa Giê-xu định nghĩa kẻ thù chúng ta là những người rửa sả, căm ghét và bóc lột chúng ta một cách ích kỷ. Vì tình yêu Cơ Đốc là một việc làm đòi hỏi ý chí, không chỉ là cảm xúc, nên Ngài có quyền đòi hỏi chúng ta yêu kẻ thù nghịch mình. Chúa đã yêu chúng ta khi chúng ta còn là kẻ thù nghịch Ngài (*Rô-ma* 5:10). Chúng ta có thể bày tỏ tình yêu này bằng cách chúc phước cho người rửa sả chúng ta, làm điều tốt cho họ, và cầu thay cho họ. Khi chúng ta cầu nguyện cho kẻ thù, chúng ta thấy dễ yêu thương họ hơn và loại bỏ được “nọc độc” ra khỏi thái độ của chúng ta.

Chúa Giê-xu đưa ra một số mấy lý do cho lời khuyên dạy này.

(1) Yêu kẻ thù là dấu hiệu của sự trưởng thành, chứng tỏ rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời, và không là trẻ con nữa. (2) Yêu kẻ thù là chúng ta giống Đức Chúa Trời. Đức Chúa Cha ban những điều tốt của Ngài cho người chống nghịch Ngài. Câu 45 gợi ý rằng lòng yêu thương của chúng ta “tạo ra bầu không khí” phước hạnh giúp chúng ta dễ dàng thu phục kẻ thù và khiến họ làm bạn của chúng ta. Tình yêu giống như ánh nắng và mưa móc mà Đức Chúa Cha ban cho một cách rộng rãi. (3) Tình yêu là lời chứng cho nhiều người. Câu hỏi cần đặt ra là “Những điều chúng ta làm có gì hơn kẻ khác không?” Đức Chúa Trời mong đợi chúng ta sống cao hơn những người hư mất trong thế gian, những người yêu người yêu mình và ghét kẻ ghét mình. Là những Cơ Đốc nhân, chúng ta phải lấy thiện báo ác như là một nguồn tình yêu.

Chữ *trọn vẹn* trong câu 48 không có ý là hoàn toàn vô tội, vì không thể nào có được điều đó trong cuộc sống này mặc dù đó là mục tiêu tốt phải hướng tới. Trọn vẹn nói đến sự hoàn thiện, trưởng thành như là con cái Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời yêu

**46 / Ma-thi-ơ**

kẻ thù nghịch Ngài và tìm cách khiến họ trở nên con cái Ngài.  
Chúng ta phải cùng Ngài làm điều đó.

## Phép Tắc Của Vua: Sự Thờ Phượng Thật

*Ma-thi-ơ 6*

Sự công bình thật trong Nước Trời phải được áp dụng trong mọi sinh hoạt của cuộc sống hằng ngày. Đây là điểm nhấn mạnh trong phần cuối của Bài Giảng Trên Núi. Chúa Giê-xu áp dụng nguyên tắc này trong mối tương quan của chúng ta với Đức Chúa Trời trong sự thờ phượng (*Ma-thi-ơ 6:1-18*), trong mối tương quan của chúng ta với vật chất (*6:19-34*), và mối tương quan của chúng ta với người khác (*7:1-20*).

Chúa Giê-xu cũng khuyến cáo về sự nguy hiểm của thói đạo đức giả (*6:2,5,16*) là tội dùng tôn giáo để che đậy tội lỗi. Một người đạo đức giả không phải là người không đạt tới được những lý tưởng cao xa của mình, hoặc là người thỉnh thoảng phạm tội, vì tất cả chúng ta đều kinh nghiệm những thất bại này. Người đạo đức giả cố ý sử dụng tôn giáo cách khôn khéo để che giấu tội lỗi và đề cao thành tích của mình. Đạo đức giả hay giả hình theo nguyên ngữ Hy Lạp có nghĩa là “một diễn viên mang mặt nạ”.

Sự công bình của người Pha-ri-si là giả trá, không thành thật. Họ thực hành lễ nghi tôn giáo để người đời khen ngợi, chứ không phải để Đức Chúa Trời ban thưởng. Sự công bình thật phải ra từ trong lòng. Chúng ta phải tự xét lại lòng mình để xem chúng ta có nghiêm chỉnh và thành thật trong sự cam kết theo Chúa của mình không.. Trong chương này, Chúa Giê-xu trải nghiệm điều này trong bốn lãnh vực khác nhau trong cuộc sống.

### Sự Bố Thí

*Ma-thi-ơ 6:1-4*

<sup>1</sup> Hãy giữ, đừng làm sự công bình mình trước mặt người ta, cho họ đều thấy. Bằng không, thì các người chẳng được phần thưởng gì của Cha các người ở trên trời.

<sup>2</sup> Vậy, khi người bố thí, đừng thổi kèn trước mặt mình, như bọn giả hình làm trong nhà hội và ngoài đường, để được người ta tôn kính. Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. <sup>3</sup> Song khi người bố thí, đừng cho tay tả biết tay hữu làm việc gì, <sup>4</sup> hầu cho sự bố thí được kín nhiệm; và Cha người, là Đấng thấy trong chỗ kín nhiệm, sẽ thưởng cho người.

Bố thí kẻ nghèo, cầu nguyện, và kiêng ăn là những thực hành quan trọng trong tôn giáo của người Pha-ri-si. Chúa Giê-xu không lên án những việc làm này, nhưng Ngài khuyến cáo chúng ta phải chắc chắn rằng lòng chúng ta ngay thẳng khi thực hiện những điều này. Người Pha-ri-si bố thí để mong được Đức Chúa Trời ban ơn và gây sự chú ý của con người. Cả hai động cơ đều sai. Không có số lượng bố thí nào có thể mua được sự cứu rỗi, vì sự cứu rỗi là sự ban cho của Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô 2:8-9*). Sống để người ta khen ngợi mình là điều khờ dại vì sự vinh hiển của con người ngắn ngủi (*I Phi-e-rơ 1:24*). Được Đức Chúa Trời ca ngợi mới là điều đáng kể.

Bản chất tội lỗi của chúng ta xảo quyệt đến nỗi có thể làm hoen ố ngay cả công việc tốt lành như việc chia sẻ cho người nghèo. Nếu động cơ của chúng ta là tìm kiếm sự khen ngợi của con người, thì cũng giống như người Pha-ri-si, chúng ta sẽ mong

người khác chú ý đến những việc chúng ta đang làm. Nhưng nếu động cơ của chúng ta là phục vụ Đức Chúa Trời với lòng kính yêu Ngài và làm vừa lòng Ngài, thì khi chúng ta ban cho chúng ta sẽ không cần mong người khác chú ý. Kết quả là đời sống thuộc linh của chúng ta sẽ tăng trưởng, Đức Chúa Trời sẽ được sáng danh và nhiều người được ích lợi. Nhưng khi chúng ta ban cho với động cơ sai, tự chúng ta đánh mất phước hạnh và sự ban thưởng, và cũng không làm sáng danh Chúa, cho dù đồng tiền chúng ta chia sẻ có thể giúp ích cho người đang thiếu thốn.

Như vậy phải chăng bố thí công khai là việc làm sai trật? Có phải tất cả việc bố thí phải âm thầm? Không cần phải như vậy, vì mọi người trong Hội Thánh đầu tiên biết rằng Ba-na-ba đã góp khoản thu nhập của ông từ số tiền bán đất của mình (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:34-37). Khi các tín hữu đặt tiền nơi chân các sứ đồ, họ cũng đã dâng hiến công khai. Dĩ nhiên sự khác nhau ở động cơ và cách thực hiện công việc ấy. Một hình ảnh tương phản là A-na-ria và Sa-phi-ra (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:1-11) là cố dùng của dâng của mình để làm mọi người nghĩ rằng họ thiêng liêng hơn điều họ thật sự có.

## Sự Cầu Nguyện

*Ma-thi-ơ* 6: 5-15

<sup>5</sup> Khi các người cầu nguyện, đừng làm như bọn giả hình; vì họ ưa đứng cầu nguyện nơi nhà hội và góc đường, để cho thiên hạ đều thấy. Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. <sup>6</sup> Song khi người cầu nguyện, hãy vào phòng riêng, đóng cửa lại, rồi cầu nguyện Cha người, ở nơi kín nhiệm đó; và Cha người, là Đấng thấy trong chỗ kín nhiệm, sẽ thưởng cho người.

<sup>7</sup> Vả, khi các người cầu nguyện, đừng dùng những lời lặp vô ích như người ngoại; vì họ tưởng vì cố lời mình nói nhiều thì được nhậm. <sup>8</sup> Vậy, các người đừng như họ; vì Cha các người biết các người cần sự gì trước khi chưa xin Ngài. <sup>9</sup> Vậy, các người hãy cầu như vậy:

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời;

Danh Cha được thánh;

<sup>10</sup> Nước Cha được đến;

Ý Cha được nên, ở đất như trời!

<sup>11</sup> Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày;

<sup>12</sup> Xin tha tội lỗi cho chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi;

<sup>13</sup> Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ, mà cứu chúng tôi khỏi điều ác!

[Vì nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời. A-men.]

<sup>14</sup> Vả, nếu các người tha lỗi cho người ta, thì Cha các người ở trên trời cũng sẽ tha thứ các người. <sup>15</sup> Song nếu không tha lỗi cho người ta, thì Cha các người cũng sẽ không tha lỗi cho các người.

Chúa Giê-xu đưa bốn điều để hướng dẫn chúng ta cầu nguyện.

*Chúng ta phải cầu nguyện ở nơi kín nhiệm trước khi cầu nguyện nơi đông người (Ma-thi-ơ 6:6).* Cầu nguyện công khai trong nơi nhóm họp không có gì sai (*I Ti-mô-thê 2:1*), cũng như khi tạ ơn về thức ăn (*Giăng 6:11*) hoặc cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ (*Giăng 11:42-42; Công Vụ Các Sứ Đồ 27:35*). Nhưng nếu chúng ta hay cầu nguyện công khai mà lại không có thói quen cầu nguyện ở nơi riêng tư, thì đó là điều sai quấy. Người ngoài có thể nghĩ rằng chúng ta đang cầu nguyện nhưng thực sự chúng ta không cầu nguyện gì cả. Đó chỉ là hành động đạo đức giả. Từ được dịch là “nơi kín nhiệm” có nghĩa “phòng riêng”. Có thể nói đến cái phòng cất giữ đồ đạc trong nhà. Chúa Giê-xu của chúng ta đã cầu nguyện ở nơi vắng vẻ riêng tư (*Mác 1:35*) Ê-li-sê (*II Các-vua 4:32*) và Đa-ni-ên (*Đa-ni-ên 6:10*) cũng làm như vậy.

*Chúng ta phải cầu nguyện một cách thành thật (Ma-thi-ơ 6:7-8).* Lời cầu nguyện được nhắc lại nhiều lần không hẳn là “những lời lặp vô ích”. Chính Chúa Giê-xu và Phao-lô đã lặp lại lời cầu nguyện của mình (*Ma-thi-ơ 26:36-46; II Cô-rinh-tô 12:7-8*). Tuy nhiên lời cầu nguyện trở thành “lời lặp vô ích” nếu nó chỉ là những lời lảm nhảm không phải xuất phát từ tấm lòng chân thành khao khát tìm kiếm và làm theo ý muốn Chúa. Chỉ đọc thuộc lòng những bài cầu nguyện cũng có thể là lời lặp vô ích. Dân ngoại bang đọc thuộc những bài cầu nguyện như thế trong các cuộc tế lễ thần của họ (xem *I Các-vua 18:26*).

Tiến sĩ Robert A. Cook đã thường nói: “Hết thảy chúng ta đều

có lời cầu nguyện theo thói quen, một khi chúng ta bỏ lời cầu nguyện ấy, lúc ấy chúng ta mới thật sự bắt đầu cầu nguyện". Tôi để ý điều này không những lúc tôi cầu nguyện riêng một mình mà thường vào những lúc tôi hướng dẫn các giờ nhóm cầu nguyện. Với một số người, cầu nguyện giống như việc đặt chiếc kim lên đĩa máy hát để phát lại những lời cầu xin cũ. Đức Chúa Trời không nghe những lời cầu nguyện thiếu chân thành.

*Chúng ta phải cầu nguyện theo ý muốn của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 6:9-13).* Bài cầu nguyện này được mọi người quen gọi là "Bài cầu nguyện của Chúa", nhưng đúng hơn là "Bài cầu nguyện của các môn đệ". Thực ra, Chúa Giê-xu dạy lời cầu nguyện này để tránh cho chúng ta dùng lời lặp vô ích. Chúa Giê-xu không dạy "Hãy cầu nguyện bằng những lời này" nhưng Ngài dạy, "Hãy cầu nguyện như vậy", có nghĩa là "Hãy dùng bài cầu nguyện này làm bài mẫu, chứ không là bài cầu nguyện thay thế."

Mục đích cầu nguyện là tung hô danh của Đức Chúa Trời và xin Ngài giúp sức để hoàn thành ý muốn của Ngài trên thế gian. Bài cầu nguyện này bắt đầu bằng sự quan tâm đến những điều thuộc về Đức Chúa Trời, chứ không phải của chúng ta: Danh Thánh của Đức Chúa Trời, Nước của Ngài, và ý muốn của Đức Chúa Trời. Robert Law đã nói: "Cầu nguyện là công cụ mạnh mẽ không phải để làm cho ý muốn của con người thành tựu ở trên trời, bèn là để cho ý muốn của Đức Chúa Trời thành tựu trên trần gian". Chúng ta không có quyền cầu xin Đức Chúa Trời điều gì không làm vinh hiển danh Ngài, làm trì hoãn Nước Ngài, hoặc làm xáo trộn ý chỉ của Ngài trên đất.

Điều đáng chú ý là không có chủ từ số ít nào trong bài cầu nguyện này. Tất cả chủ từ đều ở số nhiều. Bài cầu nguyện bắt đầu bằng "*Lạy Cha chúng tôi.*" Khi chúng ta cầu nguyện, chúng ta phải biết rằng chúng ta là một thành phần trong đại gia đình con cái của Đức Chúa Trời trên khắp thế giới. Chúng ta không có quyền cầu xin cho riêng chúng ta điều gì làm tổn hại thành viên khác trong gia đình. Nếu chúng ta đang cầu xin theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Ngài sẽ đáp lời và ban phước cho tất cả các con

dân Ngài bằng cách này hay cách khác.

Chúng ta cần đặt ý chỉ của Đức Chúa Trời lên trước hết, rồi sau đó mới trình bày những nhu cầu của mình. Đức Chúa Trời quan tâm đến các nhu cầu của chúng ta và Ngài biết những nhu cầu ấy trước khi chúng ta thưa với Ngài (*Ma-thi-ơ* 6:8). Nhưng nếu đúng như thế, tại sao chúng ta cần cầu nguyện? Vì cầu nguyện là phương cách Đức Chúa Trời quy định để thỏa đáp những nhu cầu này (Xem *Gia-cơ* 4:1-3) Cầu nguyện là chuẩn bị cho chúng ta sử dụng thích hợp những điều sẽ được ban cho. Nếu chúng ta biết nhu cầu của mình, và trình bày nhu cầu ấy cho Đức Chúa Trời, tin cậy Ngài về sự chu cấp của Ngài, lúc ấy chúng ta sẽ làm cho câu giải đáp có giá trị hơn là nếu Đức Chúa Trời áp đặt nó trên chúng ta khi chúng ta không cầu xin.

Cầu xin cho các nhu cầu vật chất hàng ngày, cho sự tha tội, và cho sự dẫn dắt cùng sự bảo vệ khỏi điều ác là điều đúng đắn. “Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ” không có nghĩa là Đức Chúa Trời cám dỗ con cái của Ngài (*Gia-cơ* 1:13-17). Trong lời cầu xin này chúng ta xin Đức Chúa Trời hướng dẫn để chúng ta không đi ra khỏi ý muốn của Ngài và sa vào tình trạng cám dỗ (*I Giăng* 5:18), hoặc sa vào tình trạng thử Ngài để đòi Ngài phải đưa tay quyền năng giải cứu chúng ta (*Ma-thi-ơ* 4:5-7).

*Chúng ta phải cầu nguyện, với tinh thần tha thứ cho người khác* (6:14-15). Trong phần “phụ lục” cho bài cầu nguyện, Chúa Giê-xu đã khai triển phần cuối câu 6:12 “.. như chúng ta tha thứ cho những người mắc nợ chúng ta”. Về sau Ngài nhắc lại bài học này cho các môn đệ của Ngài (*Mác* 11:19-26). Ngài không dạy rằng con cái Chúa nhận được sự tha thứ của Đức Chúa Trời qua việc tha thứ cho người khác, vì điều này trái ngược lại với ân sủng và lòng thương xót của Ngài. Tuy nhiên, nếu chúng ta đã thật sự kinh nghiệm ơn tha tội của Chúa, chúng ta sẽ có tấm lòng sẵn sàng tha thứ cho người khác (*Ê-phê-sô* 4:32; *Cô-lô-se* 3:13) Chúa Giê-xu đã minh họa nguyên tắc này trong thí dụ về người đầy tớ không thương xót (*Ma-thi-ơ* 18:21-35).

Chúng ta thấy rằng cầu nguyện là “việc gia đình.” “Cha chúng

tôi”..., nếu mỗi thành viên trong gia đình không sống hòa thuận với nhau, làm thế nào họ nói được rằng họ có mối tương giao bình thường với Đức Chúa Trời? Điều nhấn mạnh trong *thư Giăng* thứ nhất chương 4 là chúng ta bày tỏ lòng yêu mến Đức Chúa Trời bởi việc chúng ta yêu thương anh em mình. Không phải chúng ta có được quyền cầu nguyện khi chúng ta tha thứ cho nhau, chúng ta đã có đặc ân cầu nguyện khi chúng ta trở thành con cái Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 8:15-16). Sự tha thứ thuộc về vấn đề thông công: Nếu tôi không ở trong mối thông công với Đức Chúa Trời, tôi không thể nào cầu nguyện linh nghiệm được. Nhưng mối thông công với anh em quyết định mối thông công của tôi với Đức Chúa Trời, do đó, tha thứ là điều quan trọng cho sự cầu nguyện.

Sự cầu nguyện liên hệ đến sự chúc tụng ca ngợi danh thánh của Đức Chúa Trời, mong cho Nước Ngài mau đến (*II Phi-e-rơ* 3:12), và giúp hoàn tất ý muốn của Ngài trên đất, vì thế người cầu nguyện không được có tội lỗi trong lòng. Nếu Đức Chúa Trời đáp lời cầu xin của một người không có lòng tha thứ thì Danh của Ngài sẽ không được tôn kính. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể hành động qua một người như vậy để làm cho ý muốn của Ngài được nên trên đất được? Nếu Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện của một người như thế là Ngài đang khuyến khích tội lỗi. Điều quan trọng của sự cầu nguyện không chỉ là nhận sự đáp lời, nhưng là sống như một người mà Đức Chúa Trời có thể tin cậy để đáp lời cầu xin.

### Sự Kiêng Ăn

*Ma-thi-ơ* 6:16-18

<sup>16</sup> Khi các người kiêng ăn, chớ làm bộ buồn rầu như bọn giả hình; vì họ nhân mặt, cho mọi người biết họ kiêng ăn. Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. <sup>17</sup> Song khi người kiêng ăn, hãy xúc dầu trên đầu, và rửa mặt, <sup>18</sup> hầu cho người ta không xem thấy người đang kiêng ăn, nhưng chỉ Cha người là Đấng ở nơi kín nhiệm xem thấy mà thôi; và Cha người thấy trong chỗ kín nhiệm sẽ thưởng cho người.

Sự kiêng ăn duy nhất mà Đức Chúa Trời thật sự đòi hỏi dân Do Thái là nhằm ngày lễ Chuộc Tội hàng năm (*Lê-vi Ký* 23:27). Người Pha-ri-si kiêng ăn mỗi ngày Thứ Hai và Thứ Năm (*Lu-ca* 18:12) và làm ra vẻ để mọi người biết họ đang kiêng ăn. Đương nhiên mục đích của họ là tìm kiếm sự tán thưởng của con người. Kết quả là người Pha-ri-si đánh mất phước hạnh của Đức Chúa Trời.

Khiêng ăn không có gì sai, nếu chúng ta thực hành đúng đắn và với động cơ đúng. Chúa Giê-xu đã kiêng ăn (*Ma-thi-ơ* 4:3) các tín hữu của Hội Thánh đầu tiên cũng đã kiêng ăn (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:2). Khiêng ăn giúp chế ngự lòng thèm muốn của thể xác (*Lu-ca* 21:34) và giữ đúng những ưu tiên trong đời sống thuộc linh. Nhưng đừng bao giờ để cho sự kiêng ăn trở thành dịp cho sự cảm dỗ (*I Cô-rinh-tô* 7:7). Nếu chúng ta lấy đi của bản thân một nhu cầu tự nhiên (như thức ăn hay ngủ) thì đó không phải là kiêng ăn. Chúng ta phải dâng chính mình cho Đức Chúa Trời và tôn thờ Ngài. Nếu như không dâng tấm lòng (*Xa-cha-ri* 7:1-14) thì sự kiêng ăn không có giá trị thuộc linh bền vững nào cả.

Giống như bố thí và sự cầu nguyện, sự kiêng ăn thật phải được thực hiện ở nơi kín nhiệm; tức là giữa mình và Đức Chúa Trời. Bộ mặt của chúng ta làm vẻ ủ rũ, buồn rầu và chờ mong sự cảm thương và ca ngợi sẽ làm hư đi chính mục đích kiêng ăn. Ở đây Chúa đặt ra một nguyên tắc căn bản của sự sống thuộc linh: Không có điều nào thật sự thiêng liêng lại xâm phạm đến điều tự nhiên Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Đức Chúa Trời không bao giờ phá bỏ một điều tốt để lập nên một điều khác. Nếu chúng ta phải làm ra vẻ đau khổ để được xem là thiêng liêng, thì trong cách nhìn của chúng ta về đời sống tâm linh đã có điều gì sai trật.

*Hãy nhớ rằng sự giả hình đánh mất đi thực chất trong nếp sống Cơ Đốc.* Chúng ta lấy tiếng tăm thay cho nhân cách, chỉ dùng ngôn từ thay cho lời cầu nguyện thật lòng, dùng tiền bạc thay cho sự dâng trọn tấm lòng. Không có gì lạ khi Chúa Giê-xu so sánh người Pha-ri-si với những mồ mả được tô trắng bên ngoài, nhưng bên trong đầy sự dơ dáy (*Ma-thi-ơ* 23:27-28).

Nếp sống giả hình không những lấy mất nhân cách, mà còn

lấy mất những phước hạnh thuộc linh của chúng ta. Thay vì được sự chấp nhận của Đức Chúa Trời, chúng ta đi nhận sự khen ngợi ngắn ngủi của con người. Chúng ta cầu nguyện, nhưng không có sự trả lời. Chúng ta kiêng ăn, nhưng con người bên trong chúng ta chẳng có gì khác hơn. Đời sống thuộc linh trở nên trống rỗng và không có sự sống. Ngay bây giờ chúng ta đánh mất ơn phước của Đức Chúa Trời, và khi Chúa Giê-xu trở lại chúng ta cũng không nhận được phần thưởng từ Ngài.

*Sự giả hình cũng làm chúng ta mất đi ảnh hưởng thuộc linh.* Người Pha-ri-si gieo ảnh hưởng xấu; bất cứ điều gì họ đụng đến đều bị ô uế và hủy hoại. Những ai kính trọng và vâng theo lời người Pha-ri-si tưởng rằng chính họ đang được giúp đỡ, nhưng trong thực tế họ đang bị tổn thương.

Bước đầu tiên để chiến thắng bản tính giả hình là phải thành thật với Đức Chúa Trời trong nếp sống riêng tư của chúng ta. Chúng ta đừng cầu nguyện xin bất cứ điều gì mà lòng không thật muốn như vậy, nếu không thì sự cầu nguyện của chúng ta chỉ là những câu nói rỗng tuếch. Động cơ của chúng ta là phải làm hài lòng một mình Đức Chúa Trời, cho dù người ta có nói hoặc làm điều gì đi nữa. Chúng ta phải vun xới tấm lòng nơi kín nhiệm. Một câu nói rất hay, "Phần quan trọng nhất của đời sống Cơ Đốc là phần chỉ một mình Đức Chúa Trời nhìn thấy mà thôi." Khi tiếng tăm trở thành quan trọng hơn nhân cách là lúc chúng ta đã trở thành kẻ giả hình.

## Sử Dụng Của Cải Của Chúng Ta

*Ma-thi-ơ 6: 19-34*

<sup>19</sup> Các người chớ chứa của cải ở dưới đất, là nơi có sâu mối, ten rét làm hư, và kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy; <sup>20</sup> nhưng phải chứa của cải ở trên trời, là nơi chẳng có sâu mối, ten rét làm hư, cũng chẳng có kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy. <sup>21</sup> Vì chưng của cải người ở đâu, thì lòng người cũng ở đó.

<sup>22</sup> Con mắt là đèn của thân thể. Nếu mắt người sáng sủa thì cả thân thể người sẽ được sáng láng; <sup>23</sup> nhưng nếu mắt người xấu, thì cả thân thể sẽ tối

tâm. Vậy, nếu sự sáng láng trong người chỉ là tối tâm, thì sự tối tâm này sẽ lớn biết là dường bao!

<sup>24</sup> Chẳng ai được làm tôi hai chủ; vì sẽ ghét người này mà yêu người kia, hoặc trọng người này mà khinh người kia. Các người không có thể làm tôi Đức Chúa Trời lại làm tôi Ma-môn nữa.

<sup>25</sup> Vậy nên ta phán cùng các người rằng: Đừng vì sự sống mình mà lo đồ ăn uống; cũng đừng vì thân thể mình mà lo đồ mặc. Sự sống há chẳng quý trọng hơn đồ ăn sao, thân thể há chẳng quý trọng hơn quần áo sao? <sup>26</sup> Hãy xem loài chim trời: Chẳng có gieo, gặt, cũng chẳng có thâu trữ vào kho tàng, mà Cha các người trên trời nuôi nó. Các người há chẳng phải là quý trọng hơn loài chim sao? <sup>27</sup> Và lại, có ai trong vòng các người lo lắng mà làm cho đời mình được dài thêm một khắc không? <sup>28</sup> Còn về phần quần áo, các người lại lo lắng mà làm chi? Hãy ngắm xem những hoa huệ ngoài đồng mọc lên thể nào; chẳng làm khó nhọc, cũng không kéo chỉ; <sup>29</sup> nhưng ta phán cùng các người, dẫu vua Sa-lô-môn sang trọng đến đâu, cũng không được mặc áo tốt như một hoa nào trong giống đó. <sup>30</sup> Hỡi kẻ ít đức tin, loài cỏ ngoài đồng, là giống nay còn sống, mai bỏ vào lò, mà Đức Chúa Trời còn cho nó mặc đẹp thể ấy thay, huống chi là các người! <sup>31</sup> Ấy vậy, các người chớ lo lắng mà nói rằng: Chúng ta sẽ ăn gì? Uống gì? Mặc gì? <sup>32</sup> Vì mọi điều đó, các dân ngoại vẫn thường tìm, và Cha các người ở trên trời vốn biết các người cần dùng những điều đó rồi. <sup>33</sup> Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa. <sup>34</sup> Vậy, chớ lo lắng chi về ngày mai; vì ngày mai sẽ lo về việc ngày mai. Sự khó nhọc ngày nào đủ cho ngày ấy.

Chúng ta quen chia cuộc sống ra làm hai phần “phần thiêng liêng” và “phần vật chất” nhưng Chúa Giê-xu không phân chia như vậy. Trong nhiều thí dụ, Ngài dạy rõ ràng rằng một thái độ đúng đối với của cải là một dấu hiệu của đời sống thuộc linh chân chính (*Lu-ca 12:13; 16:31*). Người Pha-ri-si là kẻ ham tiền (câu 14) và dùng tôn giáo để kiếm lợi. Nếu chúng ta có sự công chính của Chúa Giê-xu Christ trong đời sống, chúng ta sẽ có thái độ đúng đối với của cải vật chất.

Không có nơi nào Chúa Giê-xu đề cao sự nghèo khó hoặc phê phán cách thu lợi chính đáng. Đức Chúa Trời dựng nên mọi sự, gồm cả cơm ăn áo mặc và các loại quý kim. Đức Chúa Trời phán rằng mọi vật Ngài làm nên đều tốt lành (*Sáng Thế Ký 1:31*). Đức Chúa Trời biết rằng chúng ta cần dùng những điều đó để sống

## Phép Tắc Của Vua: Sự Thờ Phụng Thật / 57

(*Ma-thi-ơ* 6:32). Thực ra, Ngài đã ban cho “mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (*ITi-mô-thê* 6:17). Sở hữu của cải là điều đúng, nhưng để của cải cai trị làm chủ chúng ta là điều hoàn toàn sai. Tội thờ thần tượng cũng nguy hiểm như tội đạo đức giả! Trong Kinh Thánh có nhiều câu khuyến cáo nhắc nhở chúng ta chống lại thói tham tiền (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:17; *Thi Thiên* 119:36; *Mác* 7:22; *Lu-ca* 12:15; *Cô-lô-se* 3:5; *Ê-phê-sô* 5:5).

Chúa Giê-xu dạy chúng ta đề phòng tội sống vì của cải vật chất đời này. Ngài nêu ra những hậu quả đau buồn của tội tham lam và thờ thần tượng.

*Làm nô lệ* (*Ma-thi-ơ* 6:19-24). Sự ham mê vật chất sẽ bắt tâm trí và ý chí của chúng ta làm nô lệ (*Ma-thi-ơ* 6:19-24). Nhưng Đức Thánh Linh có năng quyền buông tha và kiểm soát cuộc đời chúng ta.

Nếu lòng ham mê vật chất, và đặt lợi ích vật chất lên trên những đầu tư cho thiên đàng, thì kết quả chỉ là sự hư mất bi thảm. Chúng ta có thể sử dụng của cải cho công việc Đức Chúa Trời. Nhưng nếu chúng ta đầu tư của cải vật chất cho riêng mình chúng ta sẽ mất, và tấm lòng của chúng ta sẽ hư mất theo luôn với của cải. Thay vì chúng ta hưởng được sự giàu có thiêng liêng, chúng ta sẽ trở nên nghèo nàn.

Cất giữ của cải ở trên trời có nghĩa là gì? Có nghĩa là sử dụng tất cả những gì chúng ta có vì cơ danh vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chứa của cải trên trời có nghĩa là buông lỏng, không gắn chặt với của cải vật chất của đời, cũng có nghĩa là đo lường đời sống bằng của báu thật trong Nước Thiên Đàng chứ không bởi sự giàu có tạm bợ của thế gian này.

Của cải không chỉ làm chủ tấm lòng, nhưng còn làm chủ tâm trí nữa (*Ma-thi-ơ* 6:22-23). Kinh Thánh thường dùng con mắt để bày tỏ những thái độ của tâm trí. Nếu con mắt tập trung vào ánh sáng cách thích hợp, thân thể có thể hoạt động di chuyển một cách hợp lý. Nhưng nếu con mắt không chú ý và trông một thành hai, thì sự di chuyển sẽ không vững vàng. Thật rất khó tiến về phía trước trong lúc cố nhìn về cả hai phía cùng một lúc.

Nếu mục đích của đời sống chúng ta là tìm kiếm của cải vật chất thì chúng ta đang đi trong tối tăm. Nếu quan điểm của chúng ta là phục vụ Chúa và tôn vinh danh Ngài, thì chúng ta đang đi trong sự sáng. Nếu điều gì đáng phải là ánh sáng mà thực sự là tối tăm, lúc ấy chúng ta đang bị tối tăm cai trị. Quan điểm quyết định hậu quả.

Sau hết, xu hướng về vật chất có thể bắt ý chí làm nô lệ (*Ma-thi-ơ* 6:24). Chúng ta không thể phục vụ cả hai ông chủ cùng một lúc. Hoặc Chúa Giê-xu Christ là chủ, hoặc tiền bạc là chủ. Đó là vấn đề thuộc ý chí. “Còn như kẻ muốn nên giàu có, ắt sa vào sự cám dỗ, mắc bẫy dò...” (*1 Ti-mô-thê* 6:9). Nếu Đức Chúa Trời ban cho giàu có, và chúng ta sử dụng của cải để làm vinh hiển danh Ngài, thì sự giàu có là một phước hạnh. Nhưng nếu chúng ta ước mong giàu có và sống theo cách nhìn như thế, chúng ta sẽ trả giá đắt vì những của cải ấy.

*Làm giảm giá trị* (*Ma-thi-ơ* 6:25-30): Sự tham muốn không những hạ giá trị của cải chúng ta, mà còn làm giảm danh giá chúng ta nữa. Chúng ta bắt đầu lo lắng, bối rối, và âu lo như thể là không bình thường và thuộc về thế gian. Người chạy theo tiền tài cho rằng của cải sẽ giải quyết mọi vấn đề nhưng trong thực tế, giàu có tạo thêm nhiều khó khăn hơn. Của cải vật chất cho chúng ta cảm giác bảo đảm giả tạo, nguy hiểm, và cảm giác đó dẫn đến bị kịch. Chim sẻ và hoa huệ không buồn phiền và lo lắng nhưng hưởng được sự giàu có của Đức Chúa Trời mà con người không thể sánh kịp. Thiên nhiên tùy thuộc vào Đức Chúa Trời là Đấng bất biến, trong khi con người lại nhờ cậy nơi tiền bạc là cái chóng qua.

Chúa Giê-xu dạy rằng lo lắng là tội lỗi. Chúng ta có thể đề cao sự lo lắng bằng cách gán cho nó một số tên gọi khác - quan tâm, gánh nặng, thập tự giá phải mang - nhưng mọi kết quả vẫn như nhau. Thay vì làm cho chúng ta sống lâu hơn, sự âu lo khiến cho cuộc sống chúng ta ngắn lại (*Ma-thi-ơ* 6:27). Cụm từ “phân tâm, không định” trong từ Hy Lạp theo nghĩa đen có nghĩa là “bị lôi kéo theo nhiều hướng khác nhau”. Lo lắng làm chúng ta phân tâm. Mọi vật trong thiên nhiên hài hòa với nhau bởi vì mọi vật

đều tin cậy nơi Đức Chúa Trời cho đến khi con người can thiệp vào. Tuy nhiên, con người đã bị tách rời khỏi muôn vật vì con người cố tìm cách sống cuộc sống riêng của mình bằng cách nhờ cậy nơi của cải vật chất.

Đức Chúa Trời nuôi nấng chim sẻ cũng như mặc áo tốt cho loài hoa ngoài đồng; Ngài cũng sẽ chăm sóc đồ ăn, đồ mặc cho chúng ta. Chính vì đức tin ít ỏi của chúng ta ngăn trở Ngài thực hiện điều Ngài muốn. Ngài dành cho chúng ta những ơn phước lớn lao nếu chúng ta vâng phục Ngài và sống vì của cải còn lại đời đời.

*Không làm chứng tốt (Ma-thi-ơ 6:31-33).* Lo lắng về của cải vật chất đời này là nếp sống của người ngoại đạo. Nếu chúng ta đặt ý muốn của Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài ưu tiên trong cuộc đời chúng ta, Ngài sẽ chăm lo cho chúng ta mọi thứ khác. Có lời chứng nào tốt đẹp hơn cho thế gian khi một Cơ Đốc nhân dám thực hành cách sống trong *Ma-thi-ơ 6:33*. Thật đáng buồn khi có quá nhiều người không thực hiện điều đó.

*Đánh mất sự vui thỏa trong hiện tại (Ma-thi-ơ 6:34).* Lo lắng cho ngày mai không giải quyết được gì cho ngày mai cũng như hôm nay. Nó chỉ lấy mất đi năng lực sống của chúng ta ngày hôm nay và làm suy giảm năng lực của chúng ta ngày mai. Một người đã nói rằng một Cơ Đốc nhân trung bình là người đang tự đóng đinh mình giữa hai tên tội phạm: những tiếc nuối của quá khứ và những âu lo về ngày mai. Lập kế hoạch cho ngày mai và ngay cả để dành cho tương lai là điều phải lẽ (*II Cô-rinh-tô 12:14; ITi-mô-thê 5:8*) nhưng lo lắng về việc ngày mai và để cho tương lai lấy mất đi ơn phước của ngày hôm nay đó là tội lỗi.

Trong phần Kinh Thánh này có ba chữ vạch ra cách chiến thắng sự lo lắng: (1) đức tin (*Ma-thi-ơ 6:30*) tức tin cậy Đức Chúa Trời, Đấng thỏa mãn các nhu cầu của chúng ta (2) Cha (*Ma-thi-ơ 6:32*) chúng ta biết rằng Ngài chăm sóc các con cái của Ngài; và (3) trước hết (*Ma-thi-ơ 6:33*) chúng ta đặt để ý muốn của Đức Chúa Trời ưu tiên trong cuộc sống của chúng ta để danh Ngài được vinh hiển. Nếu chúng ta tin cậy nơi Cha của chúng ta và mời Ngài ngự ở vị trí đầu nhứt, Ngài sẽ chu cấp cho chúng ta mọi điều cần

## 60 / Ma-thi-ơ

dùng.

Giả hình và lo lắng đều là tội lỗi. Nếu chúng ta làm theo sự công bình của Nước Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ tránh được các tội lỗi này và sống vì danh vinh hiển của Ngài.

## Phép Tắc Của Vua: Sự Đoán Xét Thật

*Ma-thi-ơ 7*

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si mắc tội đoán xét sai lầm về chính bản thân họ, về người khác và ngay cả Đức Chúa Trời nữa. Chính nếp sống giả hình đã dẫn họ đến thái độ đoán xét. Điều này giải thích lý do Chúa chúng ta sắp xếp bài giảng quan trọng này ngay với lời dạy về sự đoán xét. Trong lời dạy này Ngài đưa ra ba sự đoán xét khác nhau.

### Tự Đoán Xét Mình

*Ma-thi-ơ 7:1-5*

<sup>1</sup> Các người đừng đoán xét ai, để mình khỏi bị đoán xét. <sup>2</sup> Vì các người đoán xét người ta thế nào, thì họ cũng đoán xét lại thế ấy; các người lường cho người ta mực nào, thì họ cũng lường lại cho mực ấy. <sup>3</sup> Sao người dòm thấy cái rác trong mắt anh em người, mà chẳng thấy cây đà trong mắt mình? <sup>4</sup> Sao người dám nói với anh em rằng: Để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt anh, mà chính người có cây đà trong mắt mình? <sup>5</sup> Hỡi kẻ giả hình! Trước hết phải lấy cây đà khỏi mắt mình đi, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình được.

Nguyên tắc đầu tiên của sự đoán xét là chúng ta hãy tự đoán xét mình trước. Chúa Giê-xu không cấm chúng ta có những nhận xét về người khác; vì sự nhận xét cẩn thận là điều cần thiết trong đời sống Cơ Đốc nhân. Tình yêu Cơ Đốc không phải là tình yêu mù quáng (*Phi-líp* 1:9-10). Người nào tin mọi điều mình nghe, và chấp nhận bất cứ ai tự nhận là thiêng liêng sẽ thấy thất vọng và mất đi nhiều ơn phước thiêng liêng. Nhưng trước khi đoán xét người khác, chúng ta nên tự đoán xét lấy mình. Có một vài lý do cho điều này:

*Chúng ta sẽ bị đoán xét (Ma-thi-ơ 7:1).* Thì của động từ *bị đoán xét* nói lên sự đoán xét cuối cùng một lần đủ cả. Chúng ta tự đoán xét mình trước hết là chúng ta đang chuẩn bị cho kỳ phán xét cuối cùng khi đối diện trước mặt Đức Chúa Trời. Người Pha-ri-si “đóng vai Đức Chúa Trời” khi họ lên án người khác nhưng họ không nghĩ rằng một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ phán xét họ.

*Chúng ta đang bị đoán xét (Ma-thi-ơ 7:2).* Phần đoạn Kinh Thánh tương ứng trong *Lu-ca* 6:37-38 sẽ làm sáng tỏ thêm ý này. Không chỉ Đức Chúa Trời sẽ đoán xét chúng ta vào ngày cuối cùng, nhưng ngay bây giờ chúng ta cũng đang bị người đời đoán xét; và chúng ta ban phát thế nào sẽ nhận lại đúng y như vậy. Cách đoán xét và mức độ đoán xét sẽ phản hồi ngay lại cho chúng ta. Chúng ta gặt những gì chúng ta đã gieo.

*Chúng ta phải nhìn thấy rõ ràng để giúp người khác (Ma-thi-ơ 7:3-5).* Mục đích tự xét mình là giúp chúng ta chuẩn bị để sẵn sàng phục vụ người khác. Cơ Đốc nhân bắt buộc phải giúp đỡ người khác lớn lên trong ân sủng. Khi chúng ta không tự xét mình, không những chúng ta làm tổn thương chính mình, mà còn làm thương tổn những người chúng ta có thể chăm sóc. Người Pha-ri-si đoán xét và phê bình người khác để tự coi mình là tốt (*Lu-ca* 18:9-14), nhưng Cơ Đốc nhân tự xét mình để giúp người khác trở nên tốt. Sự khác nhau là ở chỗ đó!

Hãy xem Chúa chúng ta minh họa cho lời dạy này. Ngài chọn biểu tượng con mắt bởi vì đây là cơ quan nhạy cảm nhất của thân thể con người. Bức tranh nói về một người có cây đũa trong mắt

## Phép Tắc Của Vua: Sự Đoán Xét Thật / 63

đang tìm cách lấy cái rác ra khỏi mắt người khác, quả là một chuyện tức cười. Nếu chúng ta không thành thật nhìn nhận tội lỗi và xưng ra với Chúa, chúng ta tự làm đui mù và không thể thấy rõ đúng mức để giúp ích người khác. Người Pha-ri-si thấy tội lỗi của người khác, nhưng họ không nhìn thấy tội của mình.

Trong *Ma-thi-ơ* 6:22-33, Chúa Giê-xu dùng hình ảnh con mắt để dạy chúng ta cách nhìn thiêng liêng về cuộc sống. *Chúng ta không nên xét đoán động cơ của người khác.* Chúng ta nên xem xét hành động và thái độ của họ, nhưng chúng ta không thể đoán xét động cơ của họ - vì chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy tấm lòng của họ. Có thể một người làm việc tốt đẹp xuất phát từ động cơ xấu. Cũng có thể công việc người ấy thất bại trong khi có động cơ rất chân thành. Khi chúng ta đứng trước mặt Chúa Giê-xu Christ trong giờ phán xét cuối cùng, Ngài sẽ xem xét các việc kín giấu trong lòng và ban thưởng tùy theo việc chúng ta đã làm (*Cô-lô-se* 3:22-25; *Rô-ma* 2:16).

Hình ảnh con mắt dạy chúng ta một lẽ thật khác: Chúng ta phải thực hành đức yêu thương và lòng nhân hậu khi tìm cách giúp đỡ người khác (*Ê-phê-sô* 4:15). Tôi đã nhiều lần đi khám mắt, và có một lần được giải phẫu để lấy ra một vảy thép bị bắn vào mắt; và tôi hiểu được sự khéo léo nhẹ nhàng của các thầy thuốc.

Giống như các bác sĩ nhãn khoa chúng ta nên chăm sóc người chúng ta muốn giúp đỡ bằng tấm lòng yêu thương dịu dàng. Nếu chúng ta đến cùng người khác với lòng thiếu kiên nhẫn và nhạy cảm thì càng làm họ tổn thương hơn.

Chúng ta phải tránh hai thái cực trong việc tự xét về đời sống thuộc linh. Trước hết là sự tra xét hơi hợt. Đôi khi chúng ta tự tin quá đến nỗi bỏ qua không tra xét tấm lòng chúng ta cách chân thành và thấu đáo. Chỉ cái nhìn thoáng vào chiếc gương soi là Lời Đức Chúa Trời chúng sẽ không nhìn thấy được tình trạng thật của mình (*Gia-cơ* 1:22-25).

Thái cực thứ hai là cứ liên tục tự tra vấn, đôi khi đến nỗi trở nên mất quân bình. Chúng ta không nên chỉ nhìn vào chính mình,

kéo chúng ta sẽ nản chí và thất bại. Chúng ta nên nhìn vào Chúa Giê-xu bằng đức tin của mình và hãy để Ngài tha thứ, rịt lành và phục hồi chúng ta. Sa-tan là kẻ kiện cáo (*Khải Thị* 12:10), và nó vui mừng khi chúng tự buộc tội và lên án chính mình.

Sau khi tự tra xét mình cách chân thành trước mặt Đức Chúa Trời, lấy đi những vật che khuất mắt chúng ta, lúc ấy chúng ta có thể giúp ích được người khác và đánh giá công việc của họ cách đúng đắn. Nhưng nếu biết trong chúng ta còn có tội lỗi mà nỗ lực giúp đỡ người khác, chúng ta là những người đạo đức giả. Trong thực tế, chúng ta có thể lấy việc chăm sóc người khác làm bình phong che đậy tội lỗi của mình. Người Pha-ri-si đã phạm tội này, và đã bị Chúa Giê-xu lên án.

### Xét Đoán Người Khác

*Ma-thi-ơ* 7: 6-20

<sup>6</sup> Đừng cho chó những đồ thánh, và đừng quăng hạt trai mình trước mặt heo, kẻo nó đạp dưới chân, và quay lại cắn xé các người.

<sup>7</sup> Hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho. <sup>8</sup> Bởi vì, hễ ai xin thì được; ai tìm thì gặp; ai gõ cửa thì được mở. <sup>9</sup> Trong các người có ai, khi con mình xin bánh, mà cho đá chẳng? <sup>10</sup> Hay là con mình xin cá, mà cho rắn chẳng? <sup>11</sup> Vậy nếu các người vốn là xấu, còn biết cho con cái mình các vật tốt thay, huống chi Cha các người ở trên trời lại chẳng ban các vật tốt cho những người xin Ngài sao?

<sup>12</sup> Ấy vậy, hễ điều chi mà các người muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ, vì ấy là luật pháp và lời tiên tri.

<sup>13</sup> Hãy vào cửa hẹp, vì cửa rộng và đường khoáng khoáng dẫn đến sự hư mất, kẻ vào đó cũng nhiều. <sup>14</sup> Song cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ kiếm được thì ít.

<sup>15</sup> Hãy coi chừng tiên tri giả, là những kẻ mang lốt chiên đến cùng các người, song bề trong thật là muông sói hay cắn xé. <sup>16</sup> Các người nhờ những trái nó mà nhận biết được. Nào có ai hái trái nho nơi bụi gai, hay là trái vả nơi bụi tật lê? <sup>17</sup> Vậy, hễ cây nào tốt thì sanh trái tốt; nhưng cây nào xấu thì sanh trái xấu. <sup>18</sup> Cây tốt chẳng sanh được trái xấu, mà cây xấu cũng chẳng sanh được trái tốt. <sup>19</sup> Hễ cây nào chẳng sanh trái tốt, thì phải đốn mà chum đi. <sup>20</sup> Ấy vậy, các người nhờ những trái nó mà nhận biết được.

Cơ Đốc nhân phải sử dụng khả năng phán đoán chính xác; vì không phải tất cả mọi người đều là chiên. Một số người độc ác tham lam, một số khác là muông sói đội lốt chiên. Chúng ta là chiên của Chúa, nhưng điều này không có nghĩa để cho người ta lừa dối chúng ta.

*Lý do chúng ta phải xét đoán (Ma-thi-ơ 7:6).* Là con dân của Đức Chúa Trời, chúng ta được vinh dự nắm giữ “những vật thánh” của Ngài. Ngài giao phó cho chúng ta những lễ thật quý báu trong lời Ngài (*II Cô-rinh-tô 4:7*) và chúng ta phải cẩn thận giữ gìn. Không có thầy tế lễ tận hiến nào lại quăng thịt từ bàn thờ cho một con chó bẩn thỉu, và chỉ có người đại mới quăng hột trai trước mặt heo. Sự thật chúng ta phải đem Phúc Âm “đến cho mọi người” (*Mác 16:15*) nhưng chúng ta không được bán rẻ Phúc Âm bằng sự đầu óc thiếu phân biện. Chúng ta thấy Chúa Giê-xu từ chối không trả lời vua Hê-rốt (*Lu-ca 23:9*), và cả Phao-lô cũng không chịu tranh luận với dân chúng đang chống nghịch lời Hằng Sống (*Công Vụ Các Sứ Đồ 13:44-49*).

Thế thì đoán xét không phải để lên án người khác, nhưng để rồi chăm sóc nâng đỡ họ. Điều cần lưu ý là Chúa Giê-xu luôn luôn chăm lo đến từng cá nhân tùy theo nhu cầu và tình trạng thuộc linh của họ. Ngài không dùng bài nói chuyện thuộc lòng để trò chuyện với mọi người. Ngài dạy Ni-cô-đem về sự sinh lại, nhưng Ngài phán với người đàn bà Sa-ma-ri về nước hằng sống. Khi các nhà lãnh đạo tôn giáo cố tìm cách bắt bẻ, Ngài không trả lời câu hỏi của họ (*Ma-thi-ơ 21:23-27*). Một Cơ Đốc nhân khôn ngoan là người biết đánh giá tình trạng lòng người trước khi chia xẻ ngọc châu quý giá.

*Những vật tốt Đức Chúa Trời ban cho chúng ta (7:7-11).* Tại sao Chúa đề cập đến sự cầu nguyện vào lúc này trong sứ điệp của Ngài? Các câu Kinh Thánh này có vẻ như làm gián đoạn sứ điệp của Chúa, nhưng thật ra không phải như vậy. Bạn và tôi đều là con người có thể sai lầm tất cả, chúng ta đều phạm lỗi. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có đủ thẩm quyền đoán xét chính xác, vì vậy, chúng ta phải cầu xin và tìm kiếm sự khôn ngoan và sự chỉ dẫn của

Ngài. “Nếu trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời...” (*Gia-cơ 1:5*). Sa-lô-môn vị vua trẻ tuổi biết mình thiếu sự khôn ngoan để cai trị dân Y-sơ-ra-ên, vì vậy ông đã cầu xin Đức Chúa Trời và Ngài đã ân cần trả lời (*1 Các Vua 3:3*). Để có được khả năng phán đoán thuộc linh, chúng ta phải kiên trì cầu xin, kiên trì tìm kiếm ý chỉ của Ngài, kiên trì gõ cửa, Đức Chúa Trời đáp ứng nhu cầu của con cái Ngài.

*Nguyên tắc chỉ đạo (Ma-thi-ơ 7:12)*. Nguyên tắc này được gọi là “Luật Vàng”, một trong những câu trong Kinh Thánh bị hiểu sai nhiều nhất. Câu Kinh Thánh này không phải là ý tóm tắt toàn bộ chân lý Cơ Đốc giáo, cũng không phải là kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Đừng tìm cách xây dựng khoa thần học trên Luật Vàng này.

Lẽ thật lớn lao này là nguyên tắc hướng dẫn thái độ của chúng ta đối với người khác. Luật này chỉ áp dụng cho người tin Chúa, và phải được thực hiện trong mọi lãnh vực của cuộc sống. Người thực hiện Luật Vàng từ chối không chịu nói và hay làm bất cứ điều gì có hại đến bản thân mình và người khác. Nếu đoán xét người khác không theo nguyên tắc này, chúng ta sẽ trở nên kiêu ngạo và chỉ trích, và rồi bản tính thiêng liêng của chúng ta sẽ sa sút.

Thực hành Luật Vàng sẽ khiến tình yêu của Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta tuôn tràn ra và giúp chúng ta có thể nâng đỡ người khác, cả đến những người muốn làm hại chúng ta.

Nhưng hãy nhớ rằng thực hành Luật Vàng có nghĩa phải trả giá. Chúng ta muốn Đức Chúa Trời dành điều tốt nhất cho chúng ta và người khác, nhưng những người khác lại chống nghịch ý muốn của Ngài, và rồi họ sẽ chống chúng ta. Chúng ta là muối, nhưng là muối xát vào vết thương. Chúng ta là ánh sáng, nhưng là ánh sáng phơi bày dơ dáy bụi bặm.

*Nền tảng cho sự đoán xét (Ma-thi-ơ 7:13-20)*. Vì có nhiều tiên tri giả trong thế gian, chúng ta nên cẩn thận để không bị lừa phỉnh. Nhưng điều nguy hiểm hơn hết là tự lừa dối mình. Thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã tự lừa dối mình khi tin rằng họ công

bình còn người khác là tội lỗi. Con người có thể nói năng đúng, tin những giáo lý chính xác, vâng theo những luật lệ đúng nhưng vẫn không được cứu. Chúa Jêsus dùng hai bức tranh giúp chúng ta tự đoán xét mình và người khác.

*Hai con đường (Ma-thi-ơ 7:13-14)*, dĩ nhiên, đó là đường dẫn đến sự sống và một đường khác dẫn đến sự hư mất. Đường rộng rãi thì dễ đi lại nhiều người yêu thích. Nhưng chúng ta không nên phán đoán công việc thuộc linh dựa trên số thống kê; đa số không phải lúc nào cũng đúng. Sự kiện “mọi người đều làm như vậy” không phải là bằng chứng cho thấy những gì họ làm là đúng.

Sự thật hoàn toàn ngược lại: con dân của Đức Chúa Trời luôn luôn là thành phần còn sót lại, một thiểu số nhỏ nhoi trong thế gian này, vì lý do dễ hiểu: Bước đi trong con đường hẹp là sống trong khuôn phép, trong cô đơn và trả giá đắt. Chúng ta có thể bước đi trên con đường khoáng khoáng và giữ lấy “hành trang” tội lỗi cùng lạc thú thế gian. Nhưng nếu bước đi trên con đường hẹp, chúng ta phải lột bỏ những điều ấy.

Đây là điều kiểm chứng đầu tiên: *Bạn có trả giá cho việc bạn tuyên xưng đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ không?* Nếu không, đó không phải là đức tin thật. Nhiều người “tin nhận” Chúa Giê-xu Christ mà chẳng hề từ bỏ con đường khoáng khoáng đầy dẫy những tham dục và chèn chén say sưa. Họ là một Cơ Đốc nhân dễ dãi, không đòi hỏi, từ bỏ. Tuy nhiên Chúa Giê-xu phán rằng đường hẹp là đường gian nan khó khăn. Chúng ta không thể nào bước đi trên hai con đường cùng một lúc theo hai hướng khác nhau được.

*Hai thứ cây (Ma-thi-ơ 7:15-20)* cho thấy đức tin thật nơi Chúa Giê-xu Christ làm thay đổi đời sống và sinh bông trái làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Mọi vật trong thiên nhiên sinh sản theo loại của nó, và đây cũng là điều thật sự xảy ra trong lãnh vực thuộc linh. Cây tốt sinh trái tốt, cây xấu cho trái xấu. Cây sinh trái xấu phải bị đốn và quăng vào lửa. “Ấy vậy, các người nhờ những trái nó mà nhận biết được” (*Ma-thi-ơ 7:20*).

Điều kiểm chứng thứ hai: *Quyết định theo Chúa Giê-xu Christ của tôi có thay đổi cuộc đời tôi không?* Những tiên tri giả giảng

dạy giáo lý giả chỉ sinh ra công bình giả (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:29). Bông trái của họ (những kết quả trong công việc của họ) chỉ là hư hoại và không thể nào tồn tại lâu dài. Chính cuộc sống của các tiên tri giả cho thấy sự sai trật của họ; càng gần gũi họ chúng ta càng thấy cuộc sống và lời dạy của họ là giả dối. Họ không tôn vinh Chúa Giê-xu Christ mà chỉ tôn vinh chính mình; mục đích của họ nhằm lợi dụng người khác chứ không giúp ích cho ai. Người tin theo lời giáo huấn sai trật hoặc đi theo người dạy đạo sai sẽ chẳng bao giờ kinh nghiệm được cuộc sống đổi mới. Thật bất hạnh cho một số người không nhận ra điều này cho đến lúc quá muộn.

### Sự Đoán Xét Của Đức Chúa Trời

*Ma-thi-ơ* 7: 21-29

<sup>21</sup> Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi. <sup>22</sup> Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? <sup>23</sup> Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!

<sup>24</sup> Vậy, kẻ nào nghe và làm theo lời ta phán đây, thì giống như một người khôn ngoan cất nhà mình trên vầng đá. <sup>25</sup> Có mưa sa, nước chảy, gió lay, xô động nhà ấy; song không sập, vì đã cất trên đá. <sup>26</sup> Kẻ nào nghe lời ta phán đây, mà không làm theo, khác nào như người dại cất nhà mình trên đất cát. <sup>27</sup> Có mưa sa, nước chảy, gió lay, xô động nhà ấy, thì bị sập, hư hại rất nhiều.

<sup>28</sup> Vả, khi Đức Chúa Jêsus vừa phán những lời ấy xong, đoàn dân lấy đạo Ngài làm lạ; <sup>29</sup> vì Ngài dạy như là có quyền, chứ không giống các thầy thông giáo.

Qua phác họa hình ảnh hai con đường và hai loại cây, Chúa chúng ta đúc kết sứ điệp của Ngài qua hình ảnh hai người cất nhà. Hai con đường minh họa *sự khởi đầu* của đời sống đức tin; hai loại cây minh họa *sự tăng trưởng* và kết quả của đời sống đức tin hiện nay; và hai ngôi nhà tiêu biểu cho sự *kết thúc* của đời sống đức tin,

lúc Đức Chúa Trời sẽ đoán xét mọi sự. Tại nơi cửa dẫn đến con đường rộng rãi khoảng khoát có những tiên tri giả tạo mọi điều kiện dễ dàng cho người ta đi vào. Nhưng ở tại cuối con đường ấy là sự hư mất. Sự trải nghiệm cuối cùng không phải là chúng ta tự nghĩ gì về mình, hoặc người khác nghĩ gì - nhưng là: *Đức Chúa Trời sẽ phán gì?*

Làm thế nào chúng ta có thể chuẩn bị cho kỳ đoán phạt này? *Bằng cách làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời.* Vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời là thử nghiệm cho đức tin thật nơi Chúa Giê-xu Christ. Sự thử nghiệm không phải bằng lời nói, không chỉ nói: “Lạy Chúa, Lạy Chúa”, mà không vâng theo mệnh lệnh của Ngài. Thật dễ dàng học biết một từ ngữ tôn giáo, thậm chí nhớ thuộc lòng nhiều câu Kinh Thánh và lời thánh ca nhưng vẫn không làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Khi một người thật sự được sinh lại, người đó có Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong lòng (*Rô-ma 8:9*); Ngài dạy người ấy biết và làm theo ý muốn Đức Chúa Cha. Tình yêu của Đức Chúa Trời trong lòng (*Rô-ma 5:5*) thúc giục người ấy vâng phục Chúa và phục vụ người khác.

Lời nói không thể thay thế cho sự vâng lời, cả đến những sinh hoạt tôn giáo. Giảng dạy, đuổi quỷ, và làm nhiều phép lạ có thể được linh cảm từ trên cao, nhưng những điều ấy cũng không đảm bảo cho sự cứu rỗi. Có thể Giu-đa đã tham gia vào một vài hoặc mọi hoạt động này, nhưng Giu-đa không phải là Cơ Đốc nhân thật. Trong ngày sau rốt, quỷ Sa-tan sẽ dùng “những việc kỳ dị giả” để lừa phỉnh con người (*II Tê-sa-lô-ni-ca 2:7-12*).

Chúng ta phải nghe lời Đức Chúa Trời và làm theo (*Gia-cơ 1:22-25*). Chúng ta không nên lấy nghe (hoặc học hỏi) lời Ngài làm đủ. Điều chúng ta nghe phải được kết quả trong hành động. Đây là ý nghĩa của việc xây cất nhà trên hòn đá. Chúng ta không nên nhầm lẫn hình bóng này với “nền móng” trong *I Cô-rinh-tô 3:9*. Thánh Phao-lô thiết lập Hội Thánh địa phương tại thành phố Cô-rinh-tô trên Chúa Giê-xu Christ khi ông rao giảng Phúc Âm và chinh phục mọi người cho Đấng Christ. Đây là nền tảng duy nhất cho một Hội Thánh địa phương.

Nền móng trong thí dụ này là sự làm theo Lời Chúa. Sự vâng lời là bằng chứng của đức tin thật (*Gia-cơ* 2:14). Hai người đàn ông trong câu chuyện có nhiều điểm chung. Cả hai đều có ao ước xây dựng một ngôi nhà. Cả hai đã xây xong nhà trông tốt đẹp và chắc chắn. Nhưng khi sự đoán xét xảy ra (cơn gió bão), một trong hai ngôi nhà bị sập. Điểm khác nhau là gì? Chắc chắn không phải chỉ là cái nhìn bên ngoài. Điểm khác biệt ở đây là cái nền: người cất nhà thành công “đào đất cho sâu” và dựng nhà mình trên nền đá vững chắc (*Lu-ca* 6:48).

Nếp sống đạo giả dối sẽ tồn tại cho đến khi sự đoán xét bắt đầu. Đôi khi sự phán xét này là những hình thức rèn luyện đức tin. Giống như người có lòng nông cạn nhận lấy hạt giống đạo (*Ma-thi-ơ* 13:4-9), khi sự bắt bớ, thử luyện đến thì liền vấp phạm. Nhiều người đã xưng nhận đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ, khi cuộc sống trở nên khó khăn và gian nan thì liền chối bỏ đức tin.

Sự phán xét được nói ở đây có thể là sự phán xét sau cùng trước toà án trắng của Đức Chúa Trời. Chúng ta không nên nghĩ rằng thí dụ này hàm chứa tất cả giáo lý chúng ta học được trong các thư tín. Chúa đang làm sáng tỏ một điểm quan trọng: Mọi hình thức tin đạo cuối cùng rồi sẽ bị thử nghiệm trước mặt Đức Chúa Trời. Người đặt lòng tin cậy nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu và bày tỏ đức tin của mình trong sự vâng lời sẽ không sợ hãi. Nhà của họ được xây trên Vầng Đá, nhà ấy sẽ đứng vững vàng. Nhưng người đã tuyên xưng đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ mà không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ bị đoán phạt.

Bằng cách nào chúng ta trải nghiệm lời tuyên xưng đức tin của mình? Có phải bằng cách đo lường số người? Không phải như vậy, vì có nhiều người đi trên lối rộng và khoáng khoát dẫn đến sự hư mất. Có nhiều người nhờ cậy vào lời nói “Lạy Chúa, lạy Chúa” - nhưng điều này không bảo đảm được sự sống đời đời. Ngay cả các hoạt động tôn giáo trong tổ chức Hội Thánh cũng không đưa đến sự cứu rỗi. Thế thì làm thế nào chúng ta tự xét đoán mình và những người xưng nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa của họ?

## Phép Tắc Của Vua: Sự Đoán Xét Thật / 71

Thí dụ về hai con đường dạy chúng ta xem xét lại giá đã trả cho việc xưng nhận Chúa. Chúng ta đã trả giá trong việc tuyên xưng đức tin nơi Chúa chưa? Thí dụ về *hai loại cây* dạy chúng ta xem lại cuộc sống chúng ta đã thật sự thay đổi chưa. Có những bông trái thánh thiện xuất phát từ đời sống chúng ta không? Và thí dụ về *hai ngôi nhà* nhắc nhở chúng ta rằng đức tin thật nơi Đấng Christ sẽ còn lại đời đời, không chỉ trong những cơn bão của cuộc đời, mà còn trong cả sự phán xét cuối cùng. Đoàn dân lấy làm lạ về lời giảng dạy này. Tại sao? Vì Chúa Giê-xu dạy cách có quyền phép. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si “dùng quyền của họ” mà giảng dạy, họ luôn luôn trích dẫn lời của các thầy dạy đạo và những chuyên viên luật pháp. Chúa Giê-xu không cần một thầy giáo nào để tăng thêm uy lực cho lời dạy của Ngài, vì Ngài giảng dạy trong tư cách là Con Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể xem nhẹ bài giảng này, vì chính Đức Chúa Trời đã phán dạy chúng ta. Chúng ta hoặc cúi xuống trước ngôi Ngài và phục tùng quyền tể trị của Ngài, hoặc chúng ta sẽ bị Ngài đoán phạt.

## Quyền Năng Của Vua

*Ma-thi-ơ 8-9*

Chúng ta đã được giới thiệu về Con Người của Vua (các chương 1-4) các phép tắc của Vua (các chương 5-7) và bây giờ chúng ta sẵn sàng để biết về quyền năng của Vua. Xét cho cùng, nếu một vị vua không có quyền hành hoàn thành bất cứ việc gì, liệu những lời chứng hoặc các phép tắc của Vua ấy có đáng tin không? Trong các chương 8-9, Ma-thi-ơ ghi lại 10 phép lạ. Các phép lạ này không được sắp xếp theo trình tự thời gian, ngoại trừ phép lạ thứ 4, bởi vì tác giả Ma-thi-ơ sắp xếp các sử điệp và sự kiện theo một phương pháp riêng. Tuy nhiên trước khi tìm hiểu các phép lạ này, chúng ta nên dừng lại để giải đáp câu hỏi: Tại sao Chúa chúng ta thi hành các phép lạ? Chắc chắn Ngài muốn đáp ứng các nhu cầu của con người. Đức Chúa Trời quan tâm đến lợi ích trước mắt của con người Ngài đã dựng nên cũng như hạnh phúc đời đời của họ. Không nên tách rời nghĩa vụ thuộc thể với nghĩa vụ thuộc linh, chúng ta phải chăm lo cả thân thể lẫn tâm linh con người cùng một lúc (xem *Ma-thi-ơ 4:23-25*).

Tất nhiên các phép lạ của Chúa tạo thêm bằng cứ để xác quyết cho lời tuyên bố của Ngài là Đấng Mết-si-a của dân Y-sơ-ra-ên.

“Người Giu-đa đòi một dấu hiệu” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Các phép lạ tự nó không phải là bằng chứng cho thấy một người được Đức Chúa Trời sai đến vì quỷ Sa-tan cũng có thể thực hiện phép lạ (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9). Các phép lạ chỉ tăng thêm sức mạnh cho lời tuyên bố của Ngài, nhất là bản tính và công việc thiên thượng của Ngài. Trong trường hợp của Chúa Giê-xu Christ, các phép lạ cũng làm ứng nghiệm các lời tiên tri trong Cựu Ước (xem *Ê-sai* 29:18-19; 35:4-6). *Ma-thi-ơ* 8:17 nhắc chúng ta nhớ đến *Ê-sai* 53:4. Chính Chúa Giê-xu Christ trong *Ma-thi-ơ* 11:1-5 cũng đã liên hệ Giảng Báp-tít đến những lời hứa trong Cựu Ước. Những “dấu kỳ phép lạ” giống như vậy cũng sẽ là chứng cứ cho các môn đồ Ngài trong chức vụ của họ (*Ma-thi-ơ* 10:8; *Hê-bơ-rơ* 2:1-4).

Ngoài lòng thương xót và chứng cứ, lý do thứ ba Ngài thực hiện phép lạ là Ngài mong muốn bày tỏ chân lý cứu rỗi cho mọi người. Các phép lạ là “những bài giảng bằng hành động”. Ngay cả Ni-cô-đem cũng bị thu hút bởi các phép lạ ấy (*Giăng* 3:1-2). Điều đáng lưu ý là có đến năm phép lạ được thi thố tại thành phố Ca-bê-na-um, tuy vậy cả thành phố vẫn khước từ Ngài (*Ma-thi-ơ* 11:21-23). Ngay cả dân Y-sơ-ra-ên cũng không tin rằng Ngài đã ứng nghiệm lời tiên tri Cựu Ước (xem *Giăng* 12:37-41). Giống như sự đoán phạt giáng trên dân Ai Cập trong thời Môi-se, các phép lạ của Chúa là những án phạt trong dân Y-sơ-ra-ên, vì dân sự phải chấp nhận sự việc và quyết định. Các nhà lãnh đạo tôn giáo quả quyết rằng Chúa Giê-xu đang làm việc cho quỷ Sa-tan (*Ma-thi-ơ* 9:31-34; 12:24).

Một điều chắc chắn là Chúa Giê-xu không thực hiện phép lạ để thu hút quần chúng. Lúc nào Ngài cũng tránh xa đám đông. Nhiều lần Chúa Giê-xu dặn những người được Ngài chữa lành không tỏ việc ấy cho ai (*Ma-thi-ơ* 8:4,18; 9:30; *Lu-ca* 8:56). Ngài không muốn dân chúng tin Ngài chỉ trên nền tảng các phép lạ (xem *Giăng* 4:46-54). Đức tin phải đặt nền tảng trên Lời của Ngài (*Rô-ma* 10:17).

Các phép lạ trong những chương sách này được ghi lại thành ba nhóm, xen giữa là một biến cố liên quan đến đời sống môn đệ.

Ma-thi-ơ không cho độc giả của ông biết tại sao ông sắp xếp như thế, nhưng chúng ta sẽ đi theo cách này. Để giúp chúng ta nắm vững một số bài học thuộc linh, tôi trình bày đặc điểm sắp xếp từng phần.

### Ân Sủng Cho Người Bị Xã Hội Loại Bỏ

Ma-thi-ơ 8: 1-22

<sup>1</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus ở trên núi xuống, có đoàn dân đông lắm theo Ngài.

<sup>2</sup> Này, có một người phung đến gần, lạy Ngài, mà thưa rằng: Lạy Chúa, nếu Chúa khứng, chắc có thể làm cho tôi sạch được. <sup>3</sup> Đức Chúa Jê-sus giơ tay sờ người, mà phán rằng: Ta khứng, hãy sạch đi. Tức thì người phung được sạch. <sup>4</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng người rằng: Hãy giữ, chớ nói cùng ai; song hãy đi tỏ mình cùng thầy cả, và dâng của lễ theo như Môi-se dạy, để làm chứng cho họ.

<sup>5</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus vào thành Ca-bê-na-um, có một thầy đội đến cùng Ngài, <sup>6</sup> mà xin rằng: Lạy Chúa, đứa đầy tớ tôi mắc bệnh bại, nằm liệt ở nhà tôi, đau đớn lắm. <sup>7</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta sẽ đến, chữa cho nó được lành. <sup>8</sup> Thầy đội thưa rằng: Lạy Chúa, tôi chẳng đáng rước Chúa vào nhà; xin Chúa chỉ phán một lời, thì đầy tớ tôi sẽ được lành. <sup>9</sup> Vì tôi ở dưới quyền người khác, tôi cũng có quân lính dưới quyền tôi nữa; tôi biểu tên này rằng: Hãy đi! Thì nó đi; biểu tên kia rằng: Hãy đến! Thì nó đến; và dạy đầy tớ tôi rằng: Hãy làm việc này! Thì nó làm. <sup>10</sup> Đức Chúa Jê-sus nghe lời đó rồi, lấy làm lạ, mà phán cùng những kẻ đi theo rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, ta chưa hề thấy ai trong dân Y-sơ-ra-ên có đức tin lớn dường ấy. <sup>11</sup> Ta cũng nói cùng các người, có nhiều người từ đông phương tây phương sẽ đến, ngồi đồng bàn với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp trong nước thiên đàng. <sup>12</sup> Nhưng các con bốn quốc sẽ bị liệt ra chốn tối tăm ở ngoài, tại đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng. <sup>13</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng thầy đội rằng: Hãy về, theo như điều người tin thì sẽ được thành vậy. Và chính trong giờ ấy, đứa đầy tớ được lành.

<sup>14</sup> Đoạn, Đức Chúa Jê-sus vào nhà Phi-e-rơ, thấy bà gia người nằm trên giường, đau rét. <sup>15</sup> Ngài bèn sờ tay người bệnh, rét liền mất đi; rồi người đứng dậy giúp việc hầu Ngài.

<sup>16</sup> Đến chiều, người ta đem cho Đức Chúa Jê-sus nhiều kẻ bị quỷ ám, Ngài lấy lời nói mà đuổi quỷ ra; cũng chữa được hết thấy những người bệnh, <sup>17</sup> vậy cho được ứng nghiệm lời của Đấng tiên tri Ê-sai đã nói rằng: Chính Ngài đã lấy tật nguyên của chúng ta, và gánh bệnh hoạn của chúng ta.

<sup>18</sup> Và, khi Đức Chúa Jê-sus thấy đoàn dân đông lắm ở xung quanh mình, bèn truyền qua bờ bên kia. <sup>19</sup> Có một thầy thông giáo đến, thưa cùng Ngài

rằng: Lạy thầy, thầy đi đâu, tôi sẽ theo đó. <sup>20</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Con cáo có hang, chim trời có ổ; song Con người không có chỗ mà gối đầu. <sup>21</sup> Lại một môn đồ khác thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, xin Chúa cho phép tôi về chôn cha tôi trước đã. <sup>22</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy theo ta, để kẻ chết chôn kẻ chết.

Người bị phung, kẻ ngoại bang và phụ nữ là những người bị nhiều người Giu-đa, nhất là người Pha-ri-si, ruồng bỏ, loại trừ khỏi cộng đồng. Nhiều người Pha-ri-si cầu nguyện mỗi sáng như vậy “Tôi dâng lời cảm tạ tôi là người đàn ông chứ không phải là đàn bà, là người Giu-đa chứ không phải dân ngoại bang, một người tự do chứ không phải kẻ nô lệ.”

*Người phung được sạch* (Ma-thi-ơ 8:1-4). Có một số loại bệnh Kinh Thánh xếp vào bệnh phung. Chứng bệnh kinh tởm này buộc nạn nhân phải sống cách ly với người khác và la to “ô uest! ô uest!” khi có ai đó đến gần để người đó khỏi bị lây ô uest. Việc người phung chạy đến với Chúa Giê-xu và vi phạm luật lệ là một chứng cứ bày tỏ lòng tin chắc Chúa Giê-xu sẽ chữa lành cho ông.

Bệnh phung là hình ảnh của tội lỗi (Ê-sai 1:5-6). Những lời chỉ dạy cho các thầy tế lễ chép trong Lê-vi Ký 13:1-59; giúp chúng ta hiểu được bản chất của tội lỗi: Tội lỗi ăn sâu vào trong da thịt (13:3) nó ăn lan (13:7); tội lỗi làm cho người bị ô uest và phải sống một mình (câu 45-46); và chỉ dành cho lửa thiêu hủy (câu 52,57).

Khi Chúa Giê-xu rờ đến người phung, Ngài mang lấy sự ô uest của người bị phung đồng thời cũng truyền sức sống của Ngài cho người phung nữa. Đây không phải là cách Ngài đã làm cho chúng ta trên thập tự giá khi Ngài gánh thay tội lỗi chúng ta sao? (II Cô-rinh-tô 5:21). Người phung không thắc mắc khả năng chữa lành bệnh của Ngài; nhưng không biết Ngài có sẵn lòng chữa lành không. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời sẵn lòng cứu giúp. Ngài là “Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta, Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi...” (I Ti-mô-thê 2:3-4). Đức Chúa Trời “không muốn cho một người nào bị chết mất” (II Phi-e-rơ 3:9).

Chúa Giê-xu truyền lệnh cho người được chữa lành bệnh phung

không được nói cùng ai nhưng phải đến gặp thầy tế lễ để họ chứng nhận rằng mình đã được chữa lành và được hội nhập trở lại xã hội. Nghi thức này được mô tả trong sách *Lê-vi Ký* 14:1-57; và là một hình ảnh đẹp trong công tác của Chúa Giê-xu Christ đối với tội nhân. Con chim đổ huyết hình bóng về sự chết của Đấng Christ; con chim được thả ra hình bóng về sự sống lại của Ngài. Bỏ con chim vào trong chậu là hình bóng về sự nhập thể khi Ngài mang lấy hình hài con người để có thể chết thay cho chúng ta. Dùng huyết bôi trên lỗ tai, ngón tay cái và ngón chân làm hình bóng về đức tin vào sự chết của Ngài mà mỗi cá nhân cần có. Dầu đổ ra trên huyết nhắc chúng ta nhớ đến Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Đấng vào ngự trong lòng kẻ tin nhận Đấng Christ.

Người được chữa lành bệnh phong không vâng lời Chúa Giê-xu Christ, anh ta kể cho mọi người nghe về điều Chúa đã làm cho mình (Chúa Giê-xu Christ dạy chúng ta rao ra cho mọi người nghe, nhưng chúng ta lại giữ yên lặng) *Mác* 1:45 cho chúng ta biết rằng lời làm chứng của người được chữa lành bệnh phong khiến Chúa Giê-xu phải lánh khỏi thành phố; nhưng đám đông vẫn đến theo Ngài.

*Đây tớ thầy đội được chữa lành (Ma-thi-ơ 8:5-13)*. Thầy đội là một sĩ quan chỉ huy 100 quân trong binh đội La Mã. Những thầy đội được nhắc đến trong các sách *Phúc Âm* và *Công Vụ Các Sứ Đồ* đều là những người mẫu mực, có tư cách và tinh thần trách nhiệm cao. Viên thầy đội này cũng là người như vậy. Sự việc ông lo lắng đến đưa đây tớ thấp hèn cho thấy lòng tốt của ông. Từ ngữ “bệnh bại” nói đến một dạng bại liệt.

Mọi điều trong con người thầy đội có thể cản trở ông không đến cùng Chúa Giê-xu được. Ông ta là một người lính chuyên nghiệp, còn Chúa Giê-xu là người hiền hoà. Ông ta là người ngoại bang, Chúa Giê-xu là người Do Thái. Nhưng ông là người có đức tin lớn. Ông hiểu rằng Chúa Giê-xu nhận thẩm quyền từ trên. Chúa Giê-xu Christ chỉ phán một tiếng thì bệnh tật lui ngay giống như một sĩ quan ra lệnh thì các thuộc cấp phải thi hành ngay. Một chi tiết chúng ta đáng lưu ý là chỉ có những ai chịu

thuận phục quyền hành mới có quyền thực thi quyền hành.

Các sách Phúc Âm ghi lại hai lần Chúa Giê-xu ngạc nhiên: ở đây, Ngài lấy làm lạ bởi đức tin lớn của viên thầy đội ngoại bang; và trong *Mác* 6:6, Ngài lấy làm lạ bởi lòng vô tín của người Giu-đa. Ma-thi-ơ ghi lại hai phép lạ dành cho người ngoại bang: phép lạ này và phép lạ chữa lành con gái của người đàn bà Ca-na-an (*Ma-thi-ơ* 15:21-28). Trong cả hai trường hợp, Chúa đánh giá cao đức tin của họ. Đây là lần đầu cho thấy người Giu-đa không tin nhưng người ngoại bang lại tin. Hơn nữa, ở cả hai phép lạ này, Chúa chúng ta chữa lành từ xa. Đây là điều nhắc nhở chúng ta về địa vị thuộc linh “cách xa” của người ngoại bang (*Ê-phê-sô* 2:12).

*Bà gia Phi-e-rơ được chữa lành* (*Ma-thi-ơ* 8:14-17). Bà đang nằm trên giường đau rét và Phi-e-rơ cùng Anh-rê thưa với Chúa Giê-xu về điều bà cần khi họ vào nhà sau giờ thờ phượng tại nhà hội (*Mác* 1:29). Phụ nữ không nắm giữ vị trí cao trong dân Y-sơ-ra-ên, và người Pha-ri-si chắc hẳn không để ý gì đến nhu cầu trong gia đình của Phi-e-rơ. Chúa Giê-xu đã nắm tay và chữa lành cho bà, rồi bà chỗi dậy phục vụ Chúa và người khác.

Đây dường như là một phép lạ nhỏ nhưng kết quả thật lớn, vì sau khi mặt trời lặn (lúc chấm dứt ngày Sa-bát), cả thành phố nhóm lại trước cửa và Ngài thỏa đáp mọi nhu cầu của họ (*Mác* 1:32-34). Ôn phước trong gia đình phải dẫn đến phước hạnh nơi cộng đồng. Sự thay đổi trong cuộc đời một phụ nữ đã dẫn đến phép lạ trong cuộc đời của nhiều người khác.

Ma-thi-ơ nhìn thấy điều này đã làm ứng nghiệm lời tiên tri *Ê-sai* 53:4. Xin lưu ý rằng Chúa Giê-xu hoàn tất lời tiên tri này ngay trong cuộc sống của Ngài chứ không phải trên thập tự giá. Ngài đã mang sự đau ốm và bệnh tật của con người trong suốt chức vụ của Ngài trên thế gian. Nói rằng có “sự chữa lành trong sự chuộc tội” và mọi kẻ tin đều có “quyền” đòi hỏi điều đó là sự diễn dịch sai Kinh Thánh. *I Phi-e-rơ* 2:24 ứng dụng chân lý này đối với ơn tha thứ tội lỗi chúng ta mà Ngài gánh thay trên thập tự giá. Tội lỗi và bệnh tật luôn đi đôi với nhau (xem *Thi Thiên* 103:3), bởi vì bệnh tật là hậu quả của tội lỗi của A-đam và cũng là hình ảnh

minh họa của tội lỗi. Nhưng Đức Chúa Trời không bị bắt buộc chữa lành hết mọi bệnh tật. Ngài chỉ cứu mọi tội nhân kêu cầu danh Ngài.

*Phần xen kể thứ nhất về “đời sống môn đệ” (Ma-thi-ơ 8:18-22).* Bởi vì đoàn dân đông theo Chúa Giê-xu và chưa có sự chống đối xảy ra nên nhiều người muốn theo Ngài làm môn đệ. Tuy nhiên, họ không trả giá cho việc làm môn đệ của mình. Đây là lần đầu tiên danh hiệu chỉ “Con Người” được dùng trong sách *Ma-thi-ơ* cho Chúa Giê-xu. Đây là danh hiệu chỉ về Đấng Mết-si-a và vương quyền của Ngài trong sách tiên tri *Đa-ni-ên* 7:13. *Ma-thi-ơ* 8:22 có thể hiểu như thế này, “Hãy để những người chết phần tâm linh lo mai táng người chết”. Chúa Giê-xu không đòi hỏi người đàn ông tỏ ra thiếu kính trọng cha của ông ta (người đang sống), nhưng Ngài yêu cầu ông ta phải có những ưu tiên đúng đắn trong cuộc sống. Rao giảng Phúc Âm và đem sự sống đến cho người chết tâm linh là điều tốt đẹp hơn là ngồi đợi cho đến khi cha của bạn qua đời và chôn cất ông ta.

### Bình An Cho Người Bối Rối

*Ma-thi-ơ 8:23 – 9:17*

<sup>23</sup> Kế đó, Đức Chúa Jê-sus xuống thuyền, các môn đồ theo Ngài. <sup>24</sup> Thành linh biển nổi bão lớn, đến nỗi sóng dậy phủ thuyền; nhưng Ngài đương ngủ. <sup>25</sup> Các môn đồ đến gần, đánh thức Ngài, mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin cứu chúng tôi với, chúng tôi hầu chết! <sup>26</sup> Ngài phán rằng: Hỡi kẻ ít đức tin kia, cơ sao các người sợ? Ngài bèn đứng dậy, quở gió và biển; thì liền yên lặng như tờ. <sup>27</sup> Những người đó lấy làm lạ, nói rằng: Người này là ai, mà gió và biển đều vâng lệnh người?

<sup>28</sup> Đức Chúa Jê-sus qua bờ bên kia rồi, tại xứ dân Ga-da-ra, gặp hai người bị quỷ ám ở nơi mồ đi ra, bộ dữ tợn lắm, đến nỗi không ai dám đi ngang qua đường đó. <sup>29</sup> Chúng nó la lên rằng: Lạy Con Đức Chúa Trời, chúng tôi với Ngài có can hệ gì chẳng? Có phải Ngài đến đây để làm khổ chúng tôi trước kỳ không? <sup>30</sup> Vả, khi ấy, ở đàng xa có một bầy heo đông đương ăn. <sup>31</sup> Các quỷ xin Đức Chúa Jê-sus rằng: Nếu Chúa đuổi chúng tôi ra, xin cho nhập vào bầy heo đó. <sup>32</sup> Ngài biểu các quỷ rằng: Hãy đi đi! Các quỷ ra khỏi hai người đó, liền nhập vào bầy heo. Tức thì cả bầy ở trên dốc núi nhảy xuống biển, thấy đều chết chìm dưới nước. <sup>33</sup> Những đứa chăn heo bèn

chạy trốn, trở về thành, thuật các chuyện đã xảy ra, và chuyện hai người bị quí ám nữa. <sup>34</sup> Cả thành liền ra đón Đức Chúa Jêsus; khi vừa thấy Ngài, thì xin Ngài đi ra khỏi xứ mình.

9

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus xuống thuyền lại trở qua biển và đến thành mình. <sup>2</sup> Nay, có người đem lại cho Ngài một người đau bại nằm trên giường. Đức Chúa Jêsus thấy đức tin của các người đó, thì phán cùng người bại rằng: Hỡi con, hãy vững lòng, tội lỗi con đã được tha. <sup>3</sup> Khi ấy, có một vài thầy thông giáo đều nghĩ thầm rằng: Người này nói lộng ngôn. <sup>4</sup> Song Đức Chúa Jêsus biết ý tưởng mấy thầy đó, thì phán rằng: Nhân sao trong lòng các người có ác tưởng làm vậy? <sup>5</sup> Trong hai lời này: Một là nói, tội lỗi người đã được tha; hai là nói, người hãy đứng dậy mà đi, thì lời nào dễ nói hơn? <sup>6</sup> Vả, hầu cho các người biết Con người ở thế gian có quyền tha tội. Rồi Ngài phán cùng người bại rằng: Hãy đứng dậy, vác lấy giường, mà trở về nhà người. <sup>7</sup> Người bại liền dậy mà trở về nhà mình. <sup>8</sup> Đoàn dân thấy phép lạ đó, thì ai nấy đều sợ hãi, và ngợi khen Đức Chúa Trời đã cho người ta được phép tắc dường ấy.

<sup>9</sup> Đức Chúa Jêsus đã đi khỏi nơi đó rồi, thấy một người tên là Ma-thi-ơ đương ngồi tại sở thu thuế, bèn phán cùng người rằng: Hãy theo ta. Người liền đứng dậy, mà theo Ngài.

<sup>10</sup> Vả, đương khi Đức Chúa Jêsus ngồi ăn tại nhà Ma-thi-ơ, có nhiều người thu thuế cùng kẻ xấu nét đến ngồi ăn với Ngài và môn đồ Ngài. <sup>11</sup> Người Pha-ri-si thấy vậy, thì nói cùng môn đồ Ngài rằng: Làm sao thầy các người ngồi ăn chung với người thu thuế và kẻ xấu nét vậy? <sup>12</sup> Đức Chúa Jêsus nghe điều đó, bèn phán rằng: Chẳng phải là người khỏe mạnh cần thầy thuốc đâu, song là người có bệnh. <sup>13</sup> Hãy đi, và học cho biết câu này nghĩa là gì: Ta muốn sự thương xót, nhưng chẳng muốn của lễ. Vì ta đến đây không phải để kêu kẻ công bình, song kêu kẻ có tội.

<sup>14</sup> Khi ấy, các môn đồ của Giăng đến tìm Đức Chúa Jêsus, mà thưa rằng: Cớ sao chúng tôi và những người Pha-ri-si kiêng ăn, còn môn đồ thầy không kiêng ăn? <sup>15</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Trong khi chàng rể còn ở với bạn hữu đến mừng cưới, thì những bạn hữu đó có thể nào buồn rầu được ư? Nhưng đến ngày nào chàng rể sẽ bị đem đi khỏi họ, thì họ mới kiêng ăn. <sup>16</sup> Không có ai vá miếng nỉ mới vào cái áo cũ; vì nếu làm vậy, miếng nỉ mới sẽ chẳng rách áo cũ, và đàng rách trở nên xấu hơn. <sup>17</sup> Cũng không có ai đổ rượu mới vào bầu da cũ; nếu làm vậy thì bầu nứt, rượu chảy ra, và bầu phải hư; song ai nấy đổ rượu mới vào bầu mới, thì giữ được cả hai bề.

*Bình an trong cơn bão (Ma-thi-ơ 8:23-27).* Biển Ga-li-lê có chiều dài độ 13 dặm và rộng khoảng 8 dặm. Những cơn bão dữ

tợn thình lình nổi lên trên biển là chuyện bình thường. Chúa Giê-xu biết chắc cơn bão sắp xảy đến và chắc chắn Ngài có quyền ngăn không cho cơn bão xảy ra. Tuy nhiên Ngài đã cho phép xảy ra để dạy cho các môn đệ Ngài bài học về quyền năng của Ngài.

Cơn bão nổi lên vì họ vâng lời Chúa chớ không phải vì bất tuân (như Giô-na). Chúa Giê-xu ngủ vì Ngài yên nghỉ trong ý muốn của Cha Ngài và đây là điều các môn đệ nên làm. Ngược lại, họ bắt đầu hoảng sợ và trách cứ Chúa không quan tâm. Ma-thi-ơ muốn cho độc giả của ông thấy bức tranh tương phản giữa “ít đức tin” của các môn đệ và “đức tin lớn” của viên thầy đội.

*Bình an trong chốn đông người (Ma-thi-ơ 8:28-34).* Đây là sự việc cho thấy nhiều điều nhất để lại ấn tượng rõ nét nhất. Trước hết nó cho chúng ta thấy được những gì quỷ Sa-tan đối đãi với con người: nó làm con người mất đi sự tỉnh táo và tự chủ, gieo rắc sợ hãi vào trong lòng con người, khiến con người đánh mất niềm vui gia đình và bè bạn, và (nếu nó có thể làm) buộc con người nhận lấy án phạt đời đời. Tại đây cũng cho thấy điều xã hội làm cho con người đang cơn quẫn bách: giam hãm, cô lập, đe dọa, mà xã hội không thể nào thay đổi anh ta được. Tại đây chúng ta lại thấy điều mà Chúa Giê-xu có thể cho người đàn ông mà trọn cuộc đời ở trong xiềng xích nô lệ và vật lộn không ngừng. Đây cũng là điều mà Ngài sẽ thực hiện cho bất cứ ai cần đến Ngài.

Chúa Giê-xu Christ đã đến với họ thậm chí còn bất chấp cả bão tố. Đây là ân sủng của Đức Chúa Trời. Ngài đã giải bày cho họ bằng quyền năng của Lời Ngài. Ngài phục hồi trí khôn, quan hệ xã hội và tâm tình phục vụ cho họ. Chuyện kể trong *Mác 5:1-21* cho thấy một trong số người được chữa lành đã xin được làm môn đệ của Chúa, nhưng thay vì chấp nhận lời thỉnh cầu của ông ta, Chúa Giê-xu sai ông ta trở về nhà để làm chứng nhân cho Ngài. Cơ Đốc nhân phải bắt đầu phục vụ tại nhà trước.

Có ba lời cầu xin nằm trong biến cố này: (1) Các quỷ kêu nài Chúa Giê-xu cho chúng nhập vào bầy heo, (2) dân chúng xin Ngài lìa khỏi thành phố, và (3) một người đã khỏi bị quỷ ám xin Ngài cho ông đi theo Ngài (xem *Mác 5:18-20*). Chúa Giê-xu đáp lời

cầu xin của các quỷ và dân chúng, nhưng Ngài không chấp nhận lời cầu xin của người được cứu khỏi quỷ.

Chúng ta có thể xây dựng một “bài tuyên xưng đức tin” từ những lời của ma quỷ, (ma quỷ cũng có đức tin, xem *Gia-cơ* 2:19). Ma quỷ tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và thần tính của Chúa Giê-xu Christ cũng như sự phán xét có thật trong tương lai. Ma quỷ cũng tin vào sự cầu xin. Ma quỷ biết Chúa Giê-xu Christ có quyền cho chúng nhập vào bầy heo.

Sự việc quỷ Sa-tan làm hại 2.000 con heo không đáng so sánh với việc Chúa Giê-xu giải phóng hai người đàn ông thoát khỏi ách ma quyền. Đức Chúa Trời sở hữu mọi vật (*Thi-Thiên* 50:10-11) và Ngài có thể sử dụng theo ý Ngài muốn. Chúa Giê-xu coi con người cao trọng hơn heo hoặc chiên (*Ma-thi-ơ* 12:12). Ngài đem bình an đến cho cuộc đời của những người này và toàn cộng đồng dân chúng mà từ lâu họ lâm phải cảnh đau khổ phiền muộn.

*Bình an trong tâm hồn* (*Ma-thi-ơ* 9: 1-8) Chúa đã tỏ bày chính Ngài có quyền trên tật bệnh và bão tố, nhưng Ngài có thể làm gì đối với tội lỗi? Sự tê liệt là chứng bại liệt dần dần. Người đàn ông này không thể tự mình làm được gì, nhưng may mắn anh ta có bốn người bạn có lòng yêu thương, đức tin và hy vọng. Họ mang anh ta đến với Chúa Giê-xu và không để cho điều gì cản trở lối đi của họ. Tình trạng bại liệt của người đàn ông có phải do tội lỗi của anh ta không? Chúng ta không biết, nhưng chúng ta biết được rằng Chúa Giê-xu giải quyết vấn đề tội lỗi trước. Vì đây là nhu cầu bức thiết nhất.

Qua phép lạ này chúng ta không nên kết luận mọi tật bệnh đều phát sinh từ tội lỗi hoặc hiểu cách máy móc tha thứ có nghĩa là chữa lành tật bệnh. Một vị mục sư của tôi thường nói: “Đức Chúa Trời có thể chữa lành mọi tật bệnh trừ chứng bệnh cuối cùng”. Thanh tẩy tấm lòng của người bị bại quan trọng hơn việc chữa lành thân thể của ông ta. Ông ta trở về nhà với một thân thể khoẻ mạnh và tấm lòng được làm hòa với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã phán, “những kẻ gian ác không hưởng được sự bình an” (*Ê-sai* 57:21).

*Phần xen kể thứ hai về “Đời sống môn đệ” (Ma-thi-ơ 9: 9-17).* Chúng ta đã đề cập đến sự kêu gọi của Ma-thi-ơ trong chương thứ nhất của sách này. Chúng ta chỉ cần nhận xét bốn hình ảnh về chức vụ của Chúa Giê-xu mà Ngài đã bày tỏ trong sứ điệp này. Như một *Bác sĩ*, Ngài đến chữa lành tâm linh cho tội nhân bệnh hoạn. Như một *Chàng rể*, Ngài đến ban cho niềm vui thiên thượng. Cuộc đời của Cơ Đốc nhân là yến tiệc chứ không phải tang chế. Hình ảnh *tấm vải* nhắc chúng ta rằng Ngài đến đem cho chúng ta tâm linh vẹn lành, Ngài không đến để “chấp vá sửa chữa chúng ta” và rồi lại để chúng ta rách nát. Hình ảnh *bầu da* đựng rượu dạy chúng ta Ngài ban cho chúng ta tâm linh đầy tràn. Tôn giáo của người Giu-đa là một bầu da cũ sẽ bị nứt rách nếu rượu mới là Phúc Âm của Chúa đổ đầy vào. Chúa Giê-xu không đến để khôi phục lại luật pháp Môi-se hoặc trộn lẫn luật pháp với ân sủng. Ngài đến mang lại một nếp sống mới.

## Hàn Gắn Những Tấm Lòng Tan Vỡ

*Ma-thi-ơ 9: 18-38*

<sup>18</sup> Đang khi Đức Chúa Jê-sus phán các điều đó, xảy có người cai nhà hội kia bước vào, quì lạy trước mặt Ngài mà thưa rằng: Con gái tôi mới chết; xin Chúa đến, đặt tay trên nó, thì nó sẽ được sống. <sup>19</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn đứng dậy, cùng môn đồ Ngài đều đi theo người.

<sup>20</sup> Này, có một người đàn bà mắc bệnh mất huyết đã mười hai năm, lại gần sau lưng mà rờ tron áo Ngài. <sup>21</sup> Vì người đàn bà ấy tự nghĩ rằng: Nếu ta chỉ rờ áo Ngài, thì cũng sẽ được lành. <sup>22</sup> Đức Chúa Jê-sus xây mặt lại, thấy người đàn bà, thì phán rằng: Hỡi con, hãy vững lòng, đức tin con đã làm cho con được lành. Liền trong giờ đó, người đàn bà lành bệnh.

<sup>23</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus đến đến nhà người cai nhà hội, thấy bọn thối sáo, và chúng làm om sòm, <sup>24</sup> thì phán rằng: Các ngươi hãy lui ra; con gái nhỏ này chẳng phải chết đâu, nhưng nó ngủ. Chúng nghe thì chê cười Ngài. <sup>25</sup> Bọn đó đã bị đuổi ra rồi, Ngài bèn vào, cầm lấy tay đứa gái, thì nó liền chỗi dậy.

<sup>26</sup> Tin này đồn ra khắp cả xứ đó.

<sup>27</sup> Đức Chúa Jê-sus ở đó ra đi, có hai người mù theo Ngài mà kêu rằng: Hỡi con cháu vua Đa-vít, xin thương chúng tôi cùng! <sup>28</sup> Khi Ngài đã vào nhà rồi, hai người mù đến; Ngài bèn phán rằng: Hai người tin ta làm được điều hai người ao ước sao? Họ thưa rằng: Lạy Chúa, được. <sup>29</sup> Ngài bèn rờ mắt

hai người mà phán rằng: Theo như đức tin các ngươi, phải được thành vậy.  
<sup>30</sup> Mắt hai người liền mở. Đức Chúa Jê-sus lấy giọng nghiêm phán rằng: Hãy giữ, đừng cho ai biết chuyện nầy. <sup>31</sup> Song lúc hai người ra khỏi nhà, thì đồn danh tiếng Ngài khắp cả xứ.

<sup>32</sup> Khi đi khỏi chỗ đó, thì người ta đem tới cho Ngài một người câm bị quỷ ám. <sup>33</sup> Quỷ bị đuổi ra rồi, thì người câm nói được. Đoàn dân lấy làm lạ mà nói rằng: Không hề bao giờ thấy sự như vậy trong dân Y-sơ-ra-ên. <sup>34</sup> Nhưng người Pha-ri-si lại nói rằng: Người nầy cậy phép chúa quỷ mà trừ quỷ.

<sup>35</sup> Đức Chúa Jê-sus đi khắp các thành, các làng, dạy dỗ trong các nhà hội, giảng tin lành nước Đức Chúa Trời, và chữa lành các thứ tật bệnh. <sup>36</sup> Khi Ngài thấy những đám dân đông, thì động lòng thương xót, vì họ cùng khổ, và tan lạc như chiên không có kẻ chăn. <sup>37</sup> Ngài bèn phán cùng môn đồ rằng: Mùa gặt thì thật trủng, song con gặt thì ít. <sup>38</sup> Vậy, hãy cầu xin chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa mình.

*Một gia đình tan vỡ (Ma-thi-ơ 9:18-19,23-26).* Chắc hẳn Giai-ru thấy khó khăn để tìm đến với Chúa Giê-xu, bởi vì ông là người Giu-đa sùng đạo và là nhân vật lãnh đạo trong nhà hội. Nhưng lòng yêu thương đưa con gái sắp chết thôi thúc Giai-ru tìm đến xin Ngài giúp đỡ, cho dù các nhà lãnh đạo tôn giáo đang chống đối Ngài. Khi Giai-ru đến gặp Chúa Giê-xu, con gái của ông đang hấp hối. Sự chậm trễ vì người đàn bà được chữa lành đã tạo cho "kẻ thù sau cùng" có cơ hội thực hiện công việc của nó. Các bạn bè của Giai-ru đến bảo cho ông biết con gái ông đã chết.

Chúa Giê-xu nhanh chóng trấn an Giai-ru và cùng đi với ông. Thực tế, sự chậm trễ đó giúp cho đức tin của Giai-ru mạnh mẽ thêm lên khi ông thấy thế nào đức tin đơn sơ của người đàn bà đã chữa lành bà ta. Chúng ta phải học tập tin cậy Chúa Giê-xu Christ và lời hứa của Ngài cho dù chúng ta cảm thấy ra sao, cho dù người ta có nói gì đi chăng nữa, và hoàn cảnh có ra thế nào. Quang cảnh tại nhà ất đã làm cho Giai-ru sợ hãi, tuy vậy Chúa Giê-xu kiểm soát được tình hình và đỡ bé gái từ kẻ chết sống lại.

*Một hy vọng tan vỡ (Ma-thi-ơ 9:20-22).* *Mác 5:26;* cho chúng ta biết người phụ nữ này đã đến với nhiều thầy thuốc, nhưng không ai cứu được bà. Bạn hãy tưởng tượng nỗi tuyệt vọng xâm chiếm lòng bà như thế nào. Mọi hy vọng của bà đều tan biến. Do bệnh

băng huyết này, bà bị kể là ô uế (*Lê-vi Ký* 15:25), điều này chỉ làm cho bà càng thêm vô vọng. “Trôn áo” là những cái tua nơi các chéo áo mà người Do Thái mang trên y phục của họ để nhắc họ nhớ họ là dân của Đức Chúa Trời ((*Dân Số Ký* 15:37-41; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:12).

Thật là thú vị khi hai con người trái ngược nhau, Giai-ru và người phụ nữ, gặp nhau nơi chân Chúa Giê-xu. Giai-ru là một nhà lãnh đạo Do Thái còn người phụ nữ thì không ai biết đến, cũng không có chút thanh danh hoặc tài sản nào. Giai-ru là người lãnh đạo nhà hội, trong khi bà không thể thờ phượng vì nỗi khổ của mình. Giai-ru đến cầu xin cho con gái của ông ta còn người phụ nữ đến vì nhu cầu của chính mình. Con gái của Giai-ru đã sống khoẻ mạnh 12 năm rồi chết, người đàn bà bị bệnh 12 năm và bây giờ được chữa lành. Giai-ru cầu xin công khai - mọi người đều biết, còn người phụ nữ kín đáo bày tỏ đức tin của mình - chỉ có Chúa Giê-xu hiểu lòng bà. Cả Giai-ru và người đàn bà đều tin cậy Chúa Giê-xu Christ và Ngài đáp ứng nhu cầu của họ.

Có thể Giai-ru đã tức giận người đàn bà, bởi vì bà đã cầm chân Chúa Giê-xu để Ngài không đến kịp trước khi con gái ông ta chết. Nhưng vấn đề thật sự của ông ta không phải là người phụ nữ, nhưng là chính ông ta: Ông ta cần có đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Chúa Giê-xu đòi người đàn bà làm chứng lại việc đã xảy ra cho mình (xem bản tường thuật trong sách *Mác*) vì lợi ích của bà ta lẫn của Giai-ru. Điều Đức Chúa Trời vừa giúp người khác phải khích lệ chúng ta tăng thêm lòng tin cậy Ngài. Trong sự cầu nguyện chúng ta không nên nghĩ về mình nhiều quá đến nỗi không thể trông cậy nơi Chúa, nhưng biết rằng Ngài chẳng bao giờ chậm trễ.

Lòng tin của người đàn bà này gần như mê tín, tuy nhiên Chúa Giê-xu đã khen ngợi và chữa lành cho bà. Chúng ta phải “tiếp cận Đấng Christ” nơi nào chúng ta có thể tìm được, ngay cả phải bắt đầu nơi trôn áo của Ngài. Người Pha-ri-si làm cho các tua áo của họ dài ra để làm ra vẻ thiêng liêng hơn, nhưng họ thiếu đi quyền năng chữa bệnh (*Ma-thi-ơ* 23:5). Có nhiều người khác

cũng đã rời đến viền áo của Chúa Giê-xu và họ cũng đã được chữa lành (14:34-36).

Khi cụ Jamês Simpson, người phát minh ra chất thuốc mê, khi sắp qua đời, một người bạn đã nói với Cụ ta rằng: “Ông sẽ sớm yên nghỉ nơi bóng cánh của Ngài”. Nhà khoa học đáp, “Tôi không biết tôi có thể làm điều đó không, nhưng tôi nghĩ rằng tôi đã nắm được viền áo của Ngài. “Không phải sức mạnh của đức tin cứu chúng ta, nhưng là lòng tin nơi Chúa Cứu Thế quyền năng.”

*Những thân thể tan vỡ (Ma-thi-ơ 9:27-34).* Chúng ta không biết tại sao những người này bị mù. Mù loà là một vấn nạn nhức nhối trong xã hội phương đông thời bấy giờ. Các phần kỹ thuật cho thấy Chúa Giê-xu đã chữa lành cho ít nhất sáu người mù, và mỗi trường hợp đều khác nhau. Hai người mù này biết Chúa Giê-xu Christ là con vua Đa-vít (xem *Ma-thi-ơ 1:1*) và nhất quyết theo Ngài vào trong. (Dĩ nhiên họ nhờ bạn bè giúp dẫn đường cho họ). Chúa Giê-xu Christ đã khen ngợi đức tin của họ. Lời xưng nhận của họ, “Lạy Chúa, được!” đã đem đến cho họ quyền năng chữa lành và họ đã được sáng mắt trở lại.

Sự mù loà là hình ảnh của sự ấu trĩ thuộc linh và vô tín (*Ma-thi-ơ 15:14; Ê-sai 6:10; Rô-ma 11:25*). Tội nhân phải sinh lại mới thấy được Nước Đức Chúa Trời (*Giăng 3:3*). Và người tin Ngài phải gắng sức lớn lên trong đức tin, nếu không đời sống thuộc linh của người ấy sẽ trở thành mù loà. (*II Phi-e-rơ 1:5-9*).

Phép lạ cuối trong chương sách này nói đến một trường hợp bị quỷ ám (*Ma-thi-ơ 9:32-34*). Chúng ta biết có sự khác biệt giữa bệnh tật và việc làm của ma quỷ (*Ma-thi-ơ 10:8*). Ma quỷ cũng có quyền năng gây ra những đau khổ bệnh tật về thể xác. Ở đây, ma quỷ đã làm cho người đàn ông bị câm. Bạn hãy nghĩ đến sự thiệt thòi của con người tật nguyền này lớn như thế nào. Chúa Giê-xu chữa lành cho ông ta và dân chúng thừa nhận rằng đây là một chuyện mới lạ xảy ra trong dân Y-sơ-ra-ên.

Tuy vậy, các bậc lãnh đạo tôn giáo không công nhận Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a. Và họ đã giải thích các phép lạ của Ngài như thế nào? Họ bảo rằng Chúa Giê-xu cậy phép chúa quỷ

mà trừ quỷ. Họ lập lại ý như vậy ở một lần khác và Chúa Giê-xu đã bác bỏ lời nhận định ấy (*Ma-thi-ơ* 12:22). Với lòng vô tín, người Pha-ri-si đang đùa giỡn trong tay quỷ Sa-tan.

*Phần xen kể thứ ba về "đời sống môn đệ" (9:35-38).* Không những Chúa Giê-xu chữa lành tật bệnh nhưng Ngài còn giảng dạy nữa. Nhưng Ngài không thể làm việc một mình - Ngài cần người khác giúp đỡ Ngài. Ngài yêu cầu các môn đệ cầu xin Đức Chúa Trời sai thêm con gặt đến trong mùa mình. Không lâu sau đó chính các môn đệ bước vào chức vụ rao giảng, dạy dỗ về Nước Đức Chúa Trời và chữa lành các thứ tật bệnh (xem *Ma-thi-ơ* 10:142). Cũng vậy, khi chúng ta cầu nguyện theo lệnh của Ngài, chúng ta sẽ thấy điều Ngài đã chứng kiến, cảm nhận điều Ngài đã kinh nghiệm và làm điều Ngài đã thực hiện. Đức Chúa Trời sẽ làm phong phú cuộc đời chúng ta khi chúng ta tham gia vào mùa gặt đã chín vàng (*Giăng* 4:34-38).

## Sứ Giả Của Vua

*Ma-thi-ơ 10*

Chỉ Chúa Giê-xu Christ mới có thể hoàn thành công tác cứu rỗi, và Ngài đã một mình thi hành công tác ấy. Nhưng công tác truyền rao ơn cứu rỗi này chỉ có thể hoàn tất bởi những tôi con Ngài, tức những người đã tin nhận và được Ngài ban cho ơn cứu rỗi. Nhà vua cần sứ giả để truyền các mệnh lệnh - và Ngài vẫn luôn cần đến họ. “Ta sẽ sai ai đi, ai sẽ đi cho chúng ta?” (*Ê-sai 6:8*). Chúng ta cầu xin con gạt không thôi vẫn chưa đủ (*Ma-thi-ơ 9:36-38*). Nhưng chúng ta phải chuẩn bị mình sẵn sàng để phục vụ Ngài.

Trước khi Chúa Giê-xu sai sứ giả của Ngài đi ra thi hành chức vụ, Ngài giảng “bài giảng tấn phong” để khích lệ và chuẩn bị cho họ bước vào công trường của Ngài. Trong bài dạy này, Vua có một số điều phán với tất cả tôi con của Ngài trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Nếu không nhận ra điều này, chúng ta sẽ có thể lầm lẫn sứ điệp của chương sách này.

### Những Chỉ Dẫn Cho Các Sứ Đồ Thời Xưa

*Ma-thi-ơ 10: 1-15*

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus gọi mười hai môn đồ đến, ban quyền phép trừ tà ma, và chữa các thứ tật bệnh. <sup>2</sup> Tên mười hai sứ đồ như sau nầy: Sứ đồ thứ nhất là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, và Anh-rê là em người; Gia-cơ con của Xê-

bê-đê, và Giảng là em Gia-cơ; <sup>3</sup> Phi-líp cùng Ba-tê-lê-my; Thô-ma, và Ma-thi-ơ là người đầu thuê; Gia-cơ con của A-phê, cùng Tha-đê; <sup>4</sup> Si-môn là người Ca-na-an, cùng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là kẻ phản Đức Chúa Jê-sus.

<sup>5</sup> Ấy đó là mười hai sứ đồ Đức Chúa Jê-sus sai đi, và có truyền rằng: Đừng đi đến dân ngoại, cũng đừng vào một thành nào của dân Sa-ma-ri cả; <sup>6</sup> song thà đi đến cùng những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. <sup>7</sup> Khi đi đường, hãy rao giảng rằng: Nước thiên đàng gần rồi. <sup>8</sup> Hãy chữa lành kẻ đau, khiến sống kẻ chết, làm sạch kẻ phung, và trừ các quỷ. Các người đã được lãnh không thì hãy cho không. <sup>9</sup> Đừng đem vàng, hoặc bạc, hoặc tiền trong lưng các người; <sup>10</sup> cũng đừng đem cái bao đi đường, hoặc hai áo, hoặc giày, hoặc gậy; vì người làm việc đáng được đồ ăn. <sup>11</sup> Các người vào thành nào hay là làng nào, hãy hỏi thăm ai là người đáng tiếp rước mình, rồi ở nhà họ cho đến lúc đi. <sup>12</sup> Và khi vào nhà nào, hãy cầu bình an cho nhà ấy; <sup>13</sup> nếu nhà đó xứng đáng, thì sự bình an các người xuống cho; bằng không, thì sự bình an các người trở về các người. <sup>14</sup> Nếu ai không tiếp rước, không nghe lời các người, khi ra khỏi nhà đó, hay là thành đó, hãy phủ bụi dơ dáy chân các người. <sup>15</sup> Quả thật, ta nói cùng các người, đến ngày phán xét, thì xứ Sô-đôm và xứ Gô-mô-rơ sẽ chịu đoán phạt nhẹ hơn thành ấy.

“Môn đồ” là học trò, người đi theo thầy và học cái khôn của thầy mình. Chúa Giê-xu có nhiều môn đệ, một ít trong số họ là “những kẻ theo đóm ăn tàn”, và một số đã thực sự thay đổi (*Giăng* 6:66). Từ trong đám đông người theo Ngài, Chúa Giê-xu đã chọn một nhóm nhỏ 12 người; và Ngài gọi họ là “sứ đồ”. Danh từ này có nguồn gốc từ chữ *apostello* trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là “sai đi thi hành một sứ mạng”. Người Hy Lạp dùng từ này chỉ về các đại diện của nhà vua hay những sứ giả có thẩm quyền của nhà vua. Xem thường sứ giả của nhà vua là có ý đồ phản loạn.

Một người muốn làm sứ đồ của Chúa Giê-xu phải hội đủ một số những đặc điểm. Người ấy phải chứng kiến Chúa Giê-xu Christ sống lại (*I Cô-rinh-tô* 9:1) và từng sống với Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:21-22). Người ấy được Chúa lựa chọn (*Ê-phê-sô* 4:11). Các sứ đồ đã đặt nền móng của Hội Thánh (*Ê-phê-sô* 2:20) và rồi họ qua đi.

Ngày nay mọi kẻ tin đều được sai đi làm sứ giả cho Chúa (*Giăng* 20:21; 17:18), nhưng chẳng ai có thể tự xưng mình là sứ đồ vì chẳng ai trong chúng ta chứng kiến Chúa Giê-xu đã sống lại (*I*

*Phi-e-rơ 1:8*). Các sứ đồ đầu tiên đã được Chúa Giê-xu Christ ban năng quyền đặc biệt để làm phép lạ. Các phép lạ này là một phần trong “minh chứng chính thức” về chức sứ đồ của họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ 2:43; 5:12; II Cô-rinh-tô 12:12; Hê-bơ-rơ 2:1-4*). Họ đã chữa lành người bệnh (nên lưu ý “người bệnh” nói đến ở đây bao gồm tất cả mọi tật bệnh), làm sạch kẻ phung, đuổi quỷ, và kêu kẻ chết sống lại. Bốn sự phục vụ này giống với những phép lạ mà Chúa Giê-xu đã làm trong các chương 8 và 9. Rõ ràng các sứ đồ đã đại diện cho Chúa và mở mang công việc của Ngài.

Sứ mạng của Chúa Giê-xu Christ giao cho 12 sứ đồ không phải là sứ mạng của chúng ta ngày nay. Ngài sai phái họ chỉ riêng cho dân Do Thái. “Trước cho người Giu-đa” là một kiểu mẫu lịch sử, vì “Sự Cứu Rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (*Giăng 4:22*). Mười hai vị sứ giả này rao giảng Nước Trời đã đến như Giảng Báp-tít (*Ma-thi-ơ 3:2*) và chính Chúa Giê-xu đã làm (*4:17*). Điều đáng buồn là, người Giu-đa đã chối bỏ Chúa Giê-xu Christ cùng các sứ giả của Ngài, vì thế Nước Đức Chúa Trời đã bị cất khỏi họ (*21:43*).

Các sứ đồ sống nhờ sự tiếp đãi của người khác khi họ thi hành chức vụ từ thành này đến thành kia. Vào thời ấy một thành phố từ chối không tiếp khách là vi phạm phép tắc giao tế. Tuy nhiên, các sứ giả chỉ lưu lại với những người “xứng đáng”, những người tin nhận Chúa Giê-xu Christ và nhận lấy sứ điệp bình an và tha thứ của Ngài. Các vị sứ giả không được thỏa hiệp. Nếu thành nào từ chối không nghe lời họ, các sứ giả phải cảnh cáo họ và rời khỏi đó. Phải bụi nơi chân là hành động phán xét (*Công Vụ Các Sứ Đồ 13:51*).

Chúng ta không biết “chiến dịch rao giảng Phúc Âm” này kéo dài bao lâu. Chính Chúa Giê-xu đi ra rao giảng (xem *Ma-thi-ơ 11:1*), và sau đó các sứ đồ trở về thuật lại cho Chúa những việc họ đã làm (*Lu-ca 9:10*), *Mác 6:7* cho chúng ta biết Chúa Giê-xu đã sai họ đi ra thành từng đôi, điều này giải thích tại sao tên của họ được liệt kê theo từng đôi ở các câu 2-4. *Khải Thị 21:14* cho chúng ta biết tên của 12 sứ đồ được khắc trên các tường thành của thiên đàng. Dĩ nhiên, tên Ma-thia sẽ thay thế cho tên Giu-đa

(*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:26). Chúng ta có thể rút ra được những nguyên tắc thuộc linh trong chương sách này, nhưng không nên áp dụng những lời chỉ dạy này cho đời sống chúng ta. Sứ mạng của Chúa giao cho chúng ta bao gồm “khắp thế gian” (*Ma-thi-ơ* 28:19-20), không chỉ dành cho nước Do Thái. Chúng ta rao giảng Phúc Âm về ân sủng của Đức Chúa Trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:24). Sứ điệp rao báo của chúng ta là “Chúa Giê-xu Christ đã chịu chết vì tội lỗi chúng ta” chứ không phải “Nước Trời đến gần”. Vua Nước Trời đã đến; Ngài đã chịu thương khó, chịu chết và đã sống lại từ trong kẻ chết. Hiện nay Ngài ban sự cứu rỗi cho tất cả những ai tin Ngài.

### Những Lời Chỉ Dẫn Cho Các Môn Đệ Trong Tương Lai

*Ma-thi-ơ* 10: 16-23

<sup>16</sup> Kia, ta sai các người đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông sói. Vậy, hãy khôn khéo như rắn, đơn sơ như chim bồ câu. <sup>17</sup> Hãy coi chừng người ta; vì họ sẽ nộp các người trước tòa án, đánh đòn các người trong nhà hội; <sup>18</sup> lại vì cơ ta mà các người sẽ bị giải đến trước mặt các quan tổng đốc và các vua, để làm chứng trước mặt họ và các dân ngoại. <sup>19</sup> Song khi họ sẽ đem nộp các người, thì chớ lo về cách nói làm sao, hoặc nói lời gì; vì những lời đáng nói sẽ chỉ cho các người chính trong giờ đó. <sup>20</sup> Ấy chẳng phải tự các người nói đâu, song là Thánh Linh của Cha các người sẽ từ trong lòng các người nói ra. <sup>21</sup> Anh sẽ nộp em cho bị giết, cha sẽ nộp con cho bị giết, con cái sẽ dấy lên nghịch cùng cha mẹ mà làm cho người phải chết đi. <sup>22</sup> Các người lại sẽ bị thiên hạ ghen ghét vì danh ta; song ai bền lòng cho đến cuối cùng, thì sẽ được rỗi. <sup>23</sup> Khi nào người ta bắt bớ các người trong thành này, thì hãy trốn qua thành kia; vì ta nói thật, các người đi chưa khắp các thành dân Y-sơ-ra-ên thì Con người đã đến rồi.

Khung cảnh phân đoạn này khác với phân đoạn trước. Ở đây Chúa phán về sự bắt bớ nhưng chúng ta không nghe nói gì về việc mười hai sứ đồ chịu khổ trong suốt thời gian họ ra đi. Chúa Giê-xu cũng nói đến chức vụ cho dân ngoại (*Ma-thi-ơ* 10:18). Thánh Linh của Đức Chúa Trời chưa được ban xuống cho họ, nhưng Chúa Giê-xu nói về Đức Thánh Linh sẽ phán qua môi miệng họ. (*Ma-thi-ơ* 10:20). *Ma-thi-ơ* 10:22 cho biết có sự bắt bớ khắp nơi; tuy nhiên

các sứ đồ chỉ thực hiện nhiệm vụ trong lãnh thổ của họ mà thôi. Sau cùng, *Ma-thi-ơ* 10:23; cho biết về sự tái lâm của Chúa, và đương nhiên các sự kiện này cũng xảy ra trong tương lai. Thật khó tránh khỏi kết luận cho rằng các lời chỉ dạy này ứng dụng cho các chứng nhân tại một thời điểm nào đó trong tương lai.

Vậy lúc nào những việc ấy xảy ra? Ở mức độ nào đó, một số sự kiện này đã xảy ra trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*; đầu Chúa Giê-xu Christ chưa trở lại vào lúc ấy. Và chức vụ trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* không giới hạn trong vòng “các thành dân Y-sơ-ra-ên” (*Ma-thi-ơ* 10:23). Dường như thời kỳ được mô tả trong phần này tương đương với thời kỳ khổ nạn mà Chúa Giê-xu Christ mô tả trong Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve của Ngài (*Ma-thi-ơ* 24:1-25:46). Thật ra, lời phán “ai bền lòng cho đến cuối cùng thì sẽ được cứu” (*Ma-thi-ơ* 10:22) là một phần trong lời tiên tri của Chúa (*Mác* 13:13; *Ma-thi-ơ* 24:13). Điều này không nói đến một người tự giữ mình được cứu, nhưng chịu bắt bớ và trung tín với Chúa. Nếu những lời chỉ dạy này áp dụng trong thời kỳ khổ nạn tương lai, chúng ta dễ hiểu tại sao Chúa Giê-xu đề cập nhiều đến sự thù nghịch và bắt bớ. Thời kỳ khổ nạn sẽ là thời kỳ chống đối. Tội tở của Đức Chúa Trời giống như chiên đi giữa bầy muông sói. Họ cần có “tinh thần bền bỉ và tấm lòng mềm mại”. Sự chống đối này sẽ đến từ nhà hội, (*Ma-thi-ơ* 10:17), các nhà cầm quyền (10:18) và ngay cả gia đình (*Ma-thi-ơ* 10:21).

Ngày nay tín hữu khắp nơi cũng chịu những cảnh bắt bớ tương tự như ngày xưa. Đó là điều rất phổ biến khắp thế giới. Tôn giáo hình thức luôn luôn bắt bớ người tin đạo chân thật. Ngay cả sứ đồ Pha-ô-lô cũng bắt bớ Hội Thánh khi ông còn là Sau-lơ chưa tin Chúa tại Tạt-sơ. Lịch sử Hội Thánh cho biết “tổ chức tôn giáo” không có Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Giê-xu Christ đã không ngừng chống đối bất cứ ai dám làm chứng nhân cho Chúa Giê-xu một cách mạnh mẽ.

*Ma-thi-ơ* 10:18 cho biết rằng chính quyền cũng sẽ ủng hộ chương trình bắt bớ này. Các lời tiên tri trong Kinh Thánh dạy chúng ta rằng trong ngày cuối cùng chính quyền và tôn giáo sẽ kết hiệp với

nhau để thống trị thế giới. *Khải Thị* chương 13 mô tả một thời gian trong kỳ đại nạn kẻ cai trị thế giới (Kẻ địch lại Đấng Christ) sẽ bắt buộc thế giới thờ lạy nó và ảnh hưởng của nó. Nó sẽ cầm quyền trên tôn giáo, kinh tế, và chính trị khắp thế giới và nó sẽ dùng cả ba lực lượng này để bắt bớ những người trung thành với Chúa.

Cũng sẽ có sự băng hoại trong tình yêu và lòng chung thủy trong đời sống gia đình. “Vô tình” là một trong những dấu hiệu thời kỳ cuối cùng (*II Ti-mô-thê* 3:3). Chúa Giê-xu trích dẫn *Mi-chê* 7:6 để chứng minh điều này (*Ma-thi-ơ* 10:21). Ba cơ chế mà Đức Chúa Trời đã thiết lập trong thế gian này là gia đình, chính quyền và Hội Thánh. Trong ngày sau rốt, thay vì ủng hộ lẽ thật cả ba sẽ chống đối lẽ thật.

Những thời kỳ đại nạn cũng là cơ hội thuận tiện. Người tin đạo sẽ làm chứng trước mặt các bậc cầm quyền và các vua (*Ma-thi-ơ* 10:18). Kẻ thù sẽ tìm cách làm cho họ sa ngã nhưng Thánh Linh của Đức Chúa Trời sẽ dạy cho họ điều phải nói. Tín hữu ngày hôm nay không được dùng các lời dạy trong *Ma-thi-ơ* 10:19-20 để biện hộ cho việc không chịu học hỏi Lời Kinh Thánh để chuẩn bị cho việc làm chứng, dạy dỗ hoặc rao giảng. Những câu Kinh Thánh này mô tả một tình trạng khẩn cấp chứ không phải là kiểu mẫu của Đức Chúa Trời cho chức vụ ngày hôm nay. Ngay trong thời các sứ đồ, Đức Thánh Linh ban sứ điệp cho họ khi họ đối mặt với kẻ thù nghịch (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:8). Sứ mạng đặc biệt này của Đức Thánh Linh sẽ rõ ràng trong suốt thời kỳ đại nạn.

Thời kỳ đại nạn sẽ là thời kỳ chống đối bách hại, là cơ hội thuận tiện nhưng cũng là thời kỳ thuận phục. Các sứ giả nhà vua phải “bền lòng cho đến cuối cùng” và trung tín trong chức vụ của họ, dù họ phải mất mạng sống mình. Mặc dầu bị gia đình gây đau đớn, từ bỏ, bị bắt bớ kiện cáo từ thành này đến thành khác, bị giải nộp đến trước mặt các cấp lãnh đạo, tôi con của Chúa phải trung thành với Ngài. Đức Chúa Trời sẽ sử dụng họ làm chứng nhân chinh phục linh hồn người khác. *Khải Thị* 7:1-8 cho thấy có 144.000 sứ giả trong dân Y-sơ-ra-ên sẽ mang Lời của Đức Chúa Trời đi rao

giảng khắp đất trong suốt thời kỳ đại nạn; và kết quả có vô số người không ai đếm được sẽ đến cùng Chúa Giê-xu Christ (*Khải Thị* 7:9).

Rất có thể những lời phán dạy trong *Ma-thi-ơ* 10:1-42 sẽ rất quý báu và ý nghĩa cho các sứ giả rao báo tin mừng trong thời gian ấy. Ngày nay chúng ta có thể rút ra nhiều bài học từ những lời dạy này, cho dù ý nghĩa của lời dạy ấy được áp dụng chủ yếu cho các tôi con của Đức Chúa Trời trong tương lai. Cho dù hoàn cảnh của chúng ta có khó khăn như thế nào, chúng ta cũng có thể biến sự chống đối thành cơ hội để làm chứng cho Chúa. Chúng ta có thể tin cậy Thánh Linh của Đức Chúa Trời giúp chúng ta nhớ lại điều Chúa đã dạy chúng ta (*Giăng* 14:26). Thay vì trốn tránh hoặc tìm một nơi an nhàn hơn, chúng ta phải “bền lòng cho đến cuối cùng, vì biết rằng Đức Chúa Trời sẽ vừa giúp và chăm sóc chúng ta.

### Những Lời Chỉ Dạy Cho Các Môn Đệ Trong Hiện Tại *Ma-thi-ơ* 10: 24-42

<sup>24</sup> Môn đồ không hơn thầy, tôi tớ không hơn chủ. <sup>25</sup> Môn đồ được như thầy, tôi tớ được như chủ, thì cũng đủ rồi. Nếu người ta đã gọi chủ nhà là Bê-ên-xê-bun, phương chi là người nhà! <sup>26</sup> Vậy, các ngươi đừng sợ; vì chẳng có việc gì giấu mà chẳng phải bày ra, cũng chẳng có việc gì kín nhiệm mà sau sẽ chẳng biết. <sup>27</sup> Cho nên lời ta phán cùng các ngươi trong nơi tối tăm, hãy nói ra nơi sáng láng; và lời các ngươi nghe kẻ lỗ tai, hãy giảng ra trên mái nhà. <sup>28</sup> Đừng sợ kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn; nhưng thà sợ Đấng làm cho mất được linh hồn và thân thể trong địa ngục. <sup>29</sup> Hai con chim sẻ há chẳng từng bị bán một đồng tiền sao? Và ví không theo ý muốn Cha các ngươi, thì chẳng hề một con nào rơi xuống đất. <sup>30</sup> Tóc trên đầu các ngươi cũng đã đếm hết rồi. <sup>31</sup> Vậy, đừng sợ chi hết, vì các ngươi quý trọng hơn nhiều con chim sẻ. <sup>32</sup> Bởi đó, ai xưng ta ra trước mặt thiên hạ, thì ta cũng sẽ xưng họ trước mặt Cha ta ở trên trời; <sup>33</sup> còn ai chối ta trước mặt thiên hạ, thì ta cũng sẽ chối họ trước mặt Cha ta ở trên trời.

<sup>34</sup> Chớ tưởng rằng ta đến để đem sự bình an cho thế gian; ta đến, không phải đem sự bình an, mà là đem gươm giáo. <sup>35</sup> Ta đến để phân rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, dâu với bà gia; <sup>36</sup> và người ta sẽ có kẻ thù nghịch, là người nhà mình. <sup>37</sup> Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho ta; ai yêu

con trai hay là con gái hơn ta thì cũng không đáng cho ta; <sup>38</sup> ai không vác cây thập tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta. <sup>39</sup> Ai gìn giữ sự sống mình, thì sẽ mất; còn ai vì cơ ta mất sự sống mình, thì sẽ tìm lại được.

<sup>40</sup> Ai rước các người, tức là rước ta; ai rước ta, tức là rước Đấng đã sai ta.

<sup>41</sup> Ai rước một đấng tiên tri vì là tiên tri, thì sẽ lãnh phần thưởng của đấng tiên tri; ai rước một người công chính vì là công chính, thì sẽ lãnh phần thưởng của người công chính. <sup>42</sup> Ai sẽ cho một người trong bọn nhỏ này chỉ uống một chén nước lạnh, vì người nhỏ đó là môn đồ ta, quả thật, ta nói cùng các người, kẻ ấy sẽ chẳng mất phần thưởng của mình đâu.

Nếu những chân lý trong đoạn Kinh Thánh này có thể áp dụng cho tôi con Chúa trong bất cứ giai đoạn nào của lịch sử Thánh Kinh, thì những chân lý ấy dường như có một ý nghĩa đặc biệt đối với Hội Thánh ngày nay. Điểm nhấn mạnh ở đây là “Đừng sợ” (c.26,28,31). Nỗi sợ hãi mà Chúa Giê-xu bàn đến được giải thích trong các câu *Ma-thi-ơ* 10:32-33: không dám xưng nhận Chúa Giê-xu Christ ra trước mặt thiên hạ. Đức Chúa Trời không có “chức vụ phục vụ bí mật”. Sự công khai xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ là bằng chứng của sự cứu rỗi (*Rô-ma* 10:9-10). Có nhiều lý do tại sao chúng ta đừng sợ công khai xưng nhận Đấng Christ. Chúng ta hãy cùng xem những lý do tìm thấy trong *Ma-thi-ơ* 10:1-42.

*Chịu khổ là điều được chờ đón* (10:24-25). Người ta đã bắt bớ Chúa Giê-xu Christ khi Ngài thi hành chức vụ trên thế gian, vậy tại sao chúng ta mong đợi điều gì khác? Chúng ta là môn đệ của Ngài, và môn đệ “không hơn” thầy của mình. Người ta đã nói rằng Chúa Giê-xu cùng hội với quỷ Sa-tan (Bê-ên-xê-bun: chúa quỷ; chủ nhà), vì vậy họ cũng sẽ gọi những người theo Ngài như thế. Tuy nhiên, chúng ta nên xem chịu khổ vì Ngài và với Ngài là một đặc ân. (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:41; *Phi-líp* 3:10).

*Đức Chúa Trời sẽ bày mọi điều ra dưới ánh sáng* (*Ma-thi-ơ* 10:26-27). Kẻ thù của Chúa Giê-xu Christ dùng những phương cách đối trá và bí mật để chống lại Phúc Âm của Ngài, nhưng những người tin đạo thật sẽ sống và làm chứng về Chúa cách công khai và mạnh mẽ. Chúng ta không có gì phải giấu giếm. Chúa Giê-xu phán: “Ta chẳng từng nói kín giấu điều gì” (*Giăng* 18:20). Những người làm chứng đối cáo tội Ngài trong lúc xử án Ngài,

nhưng Đức Chúa Trời biết rằng tại đó lẽ thật được bày tỏ ra. Chúng ta không có gì phải sợ vì một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ phơi bày những điều kín giấu trong lòng người (Rô-ma 2:16) và đoán xét những việc kín nhiệm ấy. Công việc của chúng ta không phải là làm đẹp lòng người ta nhưng là rao báo sứ điệp của Đức Chúa Trời. Chúng ta không sợ sự xét đoán của con người ngày hôm nay vì chúng ta biết rằng một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ phán xét.

*Chúng ta chỉ sợ một mình Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 10:28).* Tất cả những gì người ta có thể làm là giết thân thể; và nếu thân thể của người tin Chúa bị giết, linh hồn của họ được về ở với Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời có quyền huỷ diệt cả thân thể lẫn linh hồn trong hỏa ngục. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời sẽ không đoán phạt con cái của Ngài (Rô-ma 8:1; Giăng 5:24). Martin Luther cảm nhận được lời dạy dỗ này và ông viết:

Người thân với danh mạng ta,  
Dù ai kia toan cướp phá?  
Thôi cướp đi ta không chồn,  
Bởi chẳng thể cướp linh hồn,  
Phước Chúa trên thiên quốc trường tồn.

Người nào kính sợ một mình Đức Chúa Trời sẽ chẳng cần sợ bất kỳ ai hoặc nhóm người nào. Sự kính sợ Đức Chúa Trời xoá tan mọi nỗi sợ hãi.

*Đức Chúa Trời chăm sóc con cái Ngài (Ma-thi-ơ 10:29-31).* Chúng ta không mất nhiều tiền để mua chim sẻ bán ngoài chợ. Nếu so sánh những câu này với Lu-ca 12:6, chúng ta thấy giá chim sẻ rẻ đến nỗi người bán cho thêm người mua một con! Nhưng Đức Chúa Trời biết lúc nào con chim sẽ rơi xuống đất và Ngài có ở đó. Nếu Đức Chúa Trời chăm nuôi chim sẻ cách lạ lùng như vậy thì Ngài lại không chăm sóc người phục vụ Ngài sao? Chắc chắn Ngài sẽ làm điều ấy. Đối với Đức Chúa Trời, chúng ta có giá trị hơn cả bầy chim sẻ.

Đức Chúa Trời quan tâm đến mọi chi tiết trong cuộc đời chúng ta. Ngay cả tóc trên đầu chúng ta Ngài đã đếm cả rồi - Ngài

không “đếm” chung chung, Ngài đếm từng sợi một. Đức Chúa Trời nhìn thấy chim sẻ rơi xuống đất, và Ngài nhìn thấy từng sợi tóc trên đầu mỗi một con cái Ngài rụng xuống. Khi Ngài bảo bọc con cái Ngài, Ngài bảo vệ đến từng sợi tóc (*Lu-ca 21:18*). Chúng ta không có gì sợ hãi khi Đức Chúa Trời luôn chăm sóc chúng ta cách diệu kỳ.

*Đấng Christ tôn vinh những ai xưng nhận danh Ngài (Ma-thi-ơ 10:32-33)*. Xưng nhận danh Ngài không có nghĩa chỉ nói bằng môi miệng, nhưng còn thể hiện trong nếp sống nữa. Đó là miệng xưng “Chúa Giê-xu Christ là Chúa” và lòng vâng phục Ngài và làm theo ý muốn Ngài. Lời nói và việc làm phải đi đôi với nhau.

Chúa Giê-xu có hai chức vụ đặc biệt ở trên trời. Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Ngài ban ân sủng cho chúng ta để giữ chúng ta khỏi tội lỗi. Là Đấng Biện Hộ, Ngài tha thứ và chữa lành khi chúng ta phạm tội (*I Giăng 2:1-2*). Công lao của chức vụ cầu thay của Ngài trên trời không tùy thuộc vào sự thành tín của chúng ta, vì Ngài là thành tín còn chúng ta thì không (*II Ti-mô-thê 2:12-13*). Nhưng chức vụ của Ngài ở trên trời đem lợi ích cho những người trung tín với Ngài. Khi Đấng Christ xưng nhận chúng ta trước mặt Đức Chúa Cha, Ngài đảm bảo chúng ta những phước hạnh do sự hy sinh của Ngài trên thập tự giá. Khi Ngài chối bỏ chúng ta trước mặt Đức Chúa Cha, chúng ta không có phần gì trong ân sủng cứu chuộc của Ngài. Lỗi tại chúng ta, chứ không phải Ngài.

Nhưng có một điều liên quan khác nữa. Một ngày kia chúng ta sẽ ứng hầu trước ngai đoán xét của Ngài để nhận lãnh mọi điều mình đã làm (*II Cô-rinh-tô 5:10; Rô-ma 14:10*). Nếu chúng ta chối Ngài, chúng ta sẽ mất phần thưởng và sự vui mừng khi nghe Ngài phán “Được lắm”. Chắc chắn rằng, bất kỳ ai chối Ngài trên thế gian có thể được Ngài tha thứ khi biết ăn năn. Phi-e-rơ đã chối Chúa ba lần, ông đã được Chúa tha thứ và được phục hồi.

*Chúng ta không thể nào tránh khỏi xưng đột (Ma-thi-ơ 10:34-39)*. Một khi chúng ta phó thác cuộc đời cho Chúa Giê-xu Christ và xưng nhận danh Ngài, tất nhiên chúng ta dự phần trong cuộc chiến. Chúng ta không gây chiến mà là Đức Chúa Trời tuyên

chiến với quỷ Sa-tan (*Sáng Thế Ký* 3:15). Trong đêm Chúa Giê-xu giáng sinh, các thiên sứ tuyên bố: “bình an trên đất” (*Lu-ca* 2:14). Nhưng dường như Chúa Giê-xu phủ nhận chân lý này khi Ngài phán. “Ta đến không phải đem sự bình an mà là đem gươm giáo” (*Ma-thi-ơ* 10:34). Nếu như dân Y-sơ-ra-ên tiếp nhận Ngài, Ngài đã ban bình an cho họ rồi. Nhưng người ta đã chối bỏ Ngài, và kết quả là “gươm giáo”. Thay vì có “bình an trên đất”, thì chỉ có “bình an ở trên trời” (*Lu-ca* 19:38). Ngài đã làm nên hòa bình bởi huyết Ngài đã đổ ra trên thập tự giá (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:20) để con người có thể phục hòa với Đức Chúa Trời và hòa thuận với nhau.

Phương cách duy nhất để người tin Chúa thoát khỏi tranh chiến đó là chối bỏ Đấng Christ và thỏa hiệp với tội lỗi. Và rồi người đó sẽ chống nghịch Chúa và chống nghịch chính mình. Chúng ta sẽ bị hiểu nhầm và bắt bớ ngay cả bởi những người thân cận. Tuy vậy chúng ta đừng để điều này ảnh hưởng đến lời chứng của chúng ta. Điều quan trọng là chúng ta chịu khổ vì cơ Chúa và sự công bình của Ngài, chứ không phải vì bản thân chúng ta khó sống chung với người khác. “Sự vấp phạm về thập tự giá” (*Ga-la-ti* 5:11) khác với Cơ Đốc nhân gây vấp phạm.

Mỗi Cơ Đốc nhân phải quyết định dứt khoát, chỉ một lần thôi, lòng yêu kính Chúa Giê-xu Christ, hằng ngày vác thập tự giá và theo Ngài. Tình yêu trong câu 37 là động cơ để vác thập tự giá trong câu 38. “Vác thập tự giá” không có nghĩa là mang một dấu hiệu trên ve áo hoặc dán một cái nhãn trên xe hơi của chúng ta. Nhưng có nghĩa là xưng nhận Chúa Giê-xu Christ và vâng phục Ngài cho dù có phải chịu khổ hay sỉ nhục. Vác thập tự giá có nghĩa là chúng ta chết đối với bản ngã mỗi ngày. Nếu Chúa bị treo trên thập tự giá vì tội chúng ta, thì ít ra điều chúng ta có thể làm là vác thập tự cho Ngài.

*Ma-thi-ơ* 10:39 cho chúng ta thấy chỉ có hai sự chọn lựa: giữ gìn sự sống mình hoặc hy sinh sự sống mình. Không thể đi hàng hai. Nếu giữ gìn lợi ích riêng của chúng ta, chúng ta sẽ thua cuộc, ngược lại làm chết bản ngã của mình và sống cho Chúa, chúng ta

sẽ thắng cuộc. Bởi vì sự tranh chiến thuộc linh không thể tránh khỏi trên thế gian, thì tại sao chúng ta không làm chết bản ngã và để cho Đấng Christ đắc thắng cho chúng ta và trong chúng ta? Rốt lại, sự tranh chiến thật sự xảy ra ở bên trong - sự tư kỷ đối đầu với sự hy sinh.

*Chúng ta có thể đem phước hạnh cho người khác (Ma-thi-ơ 10:40-42).* Không phải mọi người đều chối bỏ lời làm chứng của chúng ta. Có nhiều người sẽ tiếp đón chúng ta và nhận lãnh ơn phước. Xét cho cùng chúng ta là những sứ giả của Nhà Vua. Vua của chúng ta sẽ đảm bảo chắc chắn rằng họ được phần thưởng về những gì họ đã làm. Khi người ta tiếp đón chúng ta, họ tiếp đón Nhà Vua bởi vì chúng ta là đại sứ của Ngài. Đọc *II Sa-mu-ên 10:1-19* để thấy những gì xảy ra khi người ta xử tệ với đoàn tùy tùng của Nhà Vua.

Tuy nhiên ơn phước không phải tự nhiên mà có được. Phước hạnh có được tùy nơi thái độ của chủ nhà. Nếu chủ nhà tiếp đãi sứ giả như một vị tiên tri (người phát ngôn cho Đức Chúa Trời), thì sẽ nhận phần thưởng, nếu chủ nhà chỉ tiếp đãi sứ giả như một người công bình, cũng sẽ nhận một phần thưởng khác. Ngay cả cho một cốc nước lạnh, với lòng thành thật cũng nhận được phần thưởng.

Bạn hãy nhớ rằng chủ đề của phần cuối chương này là đời sống môn đệ, chớ không phải chức phận làm con. Chúng ta trở nên con cái Đức Chúa Trời bởi tin nơi Chúa Giê-xu Christ, chúng ta là môn đệ khi chúng ta trung tín theo Ngài và vâng theo ý muốn của Ngài. Chức phận làm con không thay đổi, nhưng nghĩa vụ môn đệ thay đổi khi chúng ta bước đi với Đấng Christ. Ngày nay cần có nhiều môn đệ trung tín, những người biết học tập nơi Chúa và sống cho Ngài.

Phần đoạn này kết thúc phần thứ nhất của sách *Ma-thi-ơ: SỰ MẠC KHẢI CỦA VUA*. Chúng ta đã nhìn thấy Con Người của Ngài (chương 1-4), Các Phép Tắc của Ngài (Các chương 5-7) và Quyền năng của Ngài (chương 8-10). Dân chúng sẽ đáp lại sự mặc khải này như thế nào?

## Vua Bị Chống Đối

*Ma-thi-ơ 11-12*

Tất cả mọi chứng cứ đã được nêu ra. Giảng Báp-tít đã giới thiệu Nhà Vua cho mọi người. Chúa Giê-xu đã hé mở cho thấy Con Người, phép tắc và quyền phép của Ngài. Giờ đây là lúc các nhà lãnh đạo quyết định. Thay vì chấp nhận Ngài, họ bắt đầu chống lại Ngài. Có bốn lĩnh vực chống đối được nêu ra trong hai chương này.

### Sự Chống Nghịch Tiên Tri Của Ngài

*Ma-thi-ơ 11: 1-30*

<sup>1</sup> Vả, Đức Chúa Jê-sus đã dạy các điều đó cho mười hai môn đồ rồi, bèn lìa khỏi chỗ nấy đặng đi giảng dạy trong các thành xứ đó.

<sup>2</sup> Khi Giảng ở trong ngục nghe nói về các công việc của Đấng Christ, thì sai môn đồ mình đến thưa cùng Ngài rằng: <sup>3</sup> Thấy có phải là Đấng phải đến, hay là chúng tôi còn phải đợi đấng khác chăng? <sup>4</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hãy về, thuật lại cùng Giảng những điều các người nghe và thấy: <sup>5</sup> Kẻ mù được thấy, kẻ què được đi, kẻ phung được sạch, kẻ điếc được nghe, kẻ chết được sống lại, kẻ khó khăn được nghe giảng tin lành. <sup>6</sup> Phước cho ai chẳng vấp phạm vì cớ ta!

<sup>7</sup> Khi họ ra về, Đức Chúa Jê-sus mới phán về việc Giảng cho đoàn dân nghe, rằng: Các người đã đi xem chi trong đồng vắng? Có phải xem cây sậy bị gió rung chăng? <sup>8</sup> Các người đi xem cái chi nữa? Có phải xem người

mặc áo tốt đẹp chẳng? Kia, những người mặc áo tốt đẹp thì ở trong đền vua. <sup>9</sup> Nhưng các người lại đi xem cái chi nữa? Có phải là xem đấng tiên tri chẳng? Phải, ta nói cùng các người, cũng hơn đấng tiên tri nữa. <sup>10</sup> Ấy vì người đó mà có chép rằng:

Nầy, ta sai sứ ta đến trước mặt con,

Đặng dọn đường sẵn cho con đi.

<sup>11</sup> Quả thật, ta nói cùng các người, trong những người bởi đàn bà sanh ra, không có ai được tôn trọng hơn Giăng Báp-tít, nhưng mà kẻ rất nhỏ hèn trong nước thiên đàng còn được tôn trọng hơn người. <sup>12</sup> Song, từ ngày Giăng Báp-tít đến nay, nước thiên đàng bị hãm ép, và là kẻ hãm ép đó choán lấy. <sup>13</sup> Vì hết thầy các đấng tiên tri và sách luật đã nói trước cho đến đời Giăng. <sup>14</sup> Nếu các người muốn hiểu biết, thì ấy là Ê-li, là đấng phải đến. <sup>15</sup> Ai có tai mà nghe, hãy nghe.

<sup>16</sup> Ta sẽ sánh dòng dõi nầy với ai? Dòng dõi nầy giống như con trẻ ngồi giữa chợ, kêu la cùng bạn mình, <sup>17</sup> mà rằng: Ta đã thổ sáo, mà bây không nhảy múa; ta đã than vãn, mà bây không khóc. <sup>18</sup> Vì Giăng đã đến, không ăn, không uống, người ta nói rằng: Giăng bị quỷ ám. <sup>19</sup> Con người đến, hay ăn hay uống, thì họ nói rằng: Kia, là người ham ăn mê uống, bạn bè với người thu thuế cùng kẻ xấu nết. Song le, sự khôn ngoan được xưng là phải, bởi những việc làm của sự ấy.

<sup>20</sup> Vì dân các thành mà Đức Chúa Jê-sus đã làm rất nhiều phép lạ rồi, không ăn năn, nên Ngài quở trách rằng: <sup>21</sup> Khốn nạn cho mấy, thành Cô-ra-xin! Khốn nạn cho mấy, thành Bết-sai-đa! Vì nếu các phép lạ đã làm giữa bấy, đem làm trong thành Ty-rơ và Si-đôn, thì hai thành đó thật đã mặc áo gai, đội tro, ăn năn từ lâu rồi. <sup>22</sup> Vậy nên ta bảo bây, đến ngày phán xét, thành Ty-rơ và thành Si-đôn sẽ chịu đoán phạt nhẹ hơn bây. <sup>23</sup> Còn mấy, Ca-bê-na-um, là thành đã được cao tới trời, sẽ hạ xuống tới âm phủ! Vì nếu các phép lạ đã làm giữa mấy, đem làm trong thành Sô-đôm, thì thành ấy còn lại đến ngày nay. <sup>24</sup> Vậy nên ta rao bảo rằng, đến ngày phán xét, xứ Sô-đôm sẽ chịu đoán phạt nhẹ hơn mấy.

<sup>25</sup> Lúc đó, Đức Chúa Jê-sus nói rằng: Hỡi Cha! Là Chúa của trời đất, tôi khen ngợi Cha, vì Cha đã giấu những điều nầy với kẻ khôn ngoan, người sáng dạ, mà tỏ ra cho những con trẻ hay. <sup>26</sup> Thưa Cha, phải, thật như vậy, vì Cha đã thấy điều đó là tốt lành. <sup>27</sup> Mọi việc Cha ta đã giao cho ta; ngoài Cha không có ai biết Con; ngoài Con và người nào mà Con muốn tỏ ra cùng, thì cũng không ai biết Cha.

<sup>28</sup> Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các người được yên nghỉ. <sup>29</sup> Ta có lòng nhu mì, khiêm nhường; nên hãy gánh lấy ách của ta, và học theo ta; thì linh hồn các người sẽ được yên nghỉ. <sup>30</sup> Vì ách ta dễ chịu và gánh ta nhẹ nhàng.

*Sự giải thích (Ma-thi-ơ 11:1-15).* Giảng Báp-tít bị bỏ tù trong ngục Machaerus bởi vì ông đã thẳng thắn tố cáo Hê-rốt, vua chư hầu đã lấy vợ của em trai mình là Hê-rô-đia làm vợ. (Lu-ca 3:19-20). Lẽ ra các nhà lãnh đạo Do Thái phải phản đối vua Hê-rốt và đòi trả tự do cho Giảng, nhưng họ không làm gì cả. Thái độ của họ đối cùng Giảng phản ánh lòng của họ đối với Chúa Giê-xu, vì Giảng Báp-tít đã giới thiệu Chúa Giê-xu và tôn kính Ngài.

Chúng ta thật dễ dàng cảm thông với Giảng Báp-tít khi ông chịu khổ trong ngục. Giảng Báp-tít là người quen sống nơi đồng hoang rộng rãi, và bây giờ bị giam cầm trong bốn vách tường. Giảng Báp-tít là người năng động, được Đức Chúa Trời giao cho sứ mạng rao giảng giờ đây ông phải im lặng. Giảng Báp-tít rao báo về sự phán xét nhưng sự phán xét ấy đến chậm (Ma-thi-ơ 3:7-12). Giảng Báp-tít chỉ nghe kể lại một phần chức vụ của Chúa Giê-xu và ông không thể nhìn thấy trọn vẹn bức tranh đời sống và chức vụ của Ngài.

Chúa chúng ta đã trả lời cho Giảng Báp-tít cách khéo léo, dịu dàng. Ngài nhắc cho Giảng Báp-tít nhớ các lời tiên tri trong Cựu Ước nói về công việc của Đấng Mết-si-a (Ê-sai 29:18-19; 35:4-6). Dầu môn đệ của Giảng đã trình lại mọi điều Chúa Giê-xu đang làm (Lu-ca 7:18), nhưng Chúa Giê-xu vẫn bảo họ hãy “chỉ cho Giảng thấy lần nữa”. Giảng Báp-tít đã đến trong tâm thần và quyền năng của Ê-li (Lu-ca 1:17), và chính Ê-li cũng có những ngày yếu đuối sồn ngã. Chúa Giê-xu bảo đảm với Giảng Báp-tít rằng Ngài đang làm trọn ý chỉ của Đức Chúa Cha.

Sau khi trả lời cho Giảng Báp-tít, Chúa Giê-xu khen ngợi ông. Giảng không phải là “người giảng đạo nổi tiếng” đáp ứng được thị hiếu của đám đông, cũng không phải là cây sậy thay đổi theo chiều gió. Giảng là người can đảm vạch ra tội lỗi, một người cao trọng nhất trong các đấng tiên tri. Sự kiện Giảng được đặc ân công bố về Đấng Mết-si-a đã tạo cho ông một địa vị quan trọng. Chức vụ của Giảng là cao điểm của luật pháp và các đấng tiên tri.

Giảng Báp-tít là “Ê-li đấng phải đến” (Ma-thi-ơ 11:14) mang ý nghĩa gì? Người đến trong tâm thần và quyền phép của Ê-li (Lu-

ca 1:17), người cũng ăn mặc và thi hành chức vụ như Ê-li (*Ma-thi-ơ* 3:4; *II Các Vua* 1:7,8). Giống như Ê-li, Giăng rao giảng sứ điệp về sự phán xét cho dân tộc bội đạo Y-sơ-ra-ên. Chức vụ của Giăng đã được báo trước (*Ê-sai* 40:3) và ông làm cho ứng nghiệm lời tiên tri ấy. *Mác* 4:5 cho biết Ê-li sẽ đến “trước ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va chưa đến” - “Ngày của Đức Giê-hô-va” ở đây là thời kỳ khổ nạn sẽ đến trên khắp đất (xem *Ma-thi-ơ* 24:15) - Nhưng chẳng có sự phán xét nào theo sau chức vụ của Giăng Báp-tít. Tại sao như vậy? Giăng sửa soạn một dân tộc cho Chúa Giê-xu và giới thiệu Chúa Giê-xu cho họ (*Lu-ca* 1:15-17; *Giăng* 1:29-34). Nếu như dân chúng nghe lời chứng của Giăng và tiếp nhận Đấng Mết-si-a, thì Giăng đã làm ứng nghiệm lời tiên tri theo nghĩa đen. Nhưng thay vào đó, các lời tiên tri được ứng nghiệm theo ý nghĩa thuộc linh trong đời sống của những người tin theo Chúa. Chúa Giê-xu cắt nghĩa rõ điều này trong *Ma-thi-ơ* 17:10-13. Nhiều học giả Kinh Thánh tin rằng *Mác* 4:5 sẽ được ứng nghiệm theo đúng nghĩa đen khi Ê-li đến với vai trò là một trong “hai người làm chứng” đã được nói đến trong *Khải Thị* 11:1-19.

Dân chúng rất kính trọng Giăng (*Ma-thi-ơ* 21:26), nhiều người trong số họ đã ăn năn và nhận lãnh báp-têm nơi Giăng. Nhưng các nhà lãnh đạo tôn giáo không công nhận Giăng, điều này chứng tỏ tấm lòng vô tín và cứng cổ của họ. Thay vì trở nên như trẻ thơ và tự hạ mình, các nhà lãnh đạo tỏ ra ấu trĩ và ương ngạnh, giống như trẻ con, bấu môi la lối vì chúng không đạt được điều chúng muốn. Thí dụ trong *Ma-thi-ơ* 11:16-19 nói lên tình trạng thuộc linh của các nhà lãnh đạo tôn giáo, và điều đáng buồn là ngày hôm nay vẫn có nhiều tấm lòng vô tín như vậy.

*Sự lên án* (*Ma-thi-ơ* 11:16-24). Nghe chữ *khốn nạn* trên môi miệng Chúa Giê-xu quả là điều bất thường. Từ này có nghĩa là sự phán xét, nhưng cũng gồm ý nghĩa thương tiếc và buồn rầu. Điều đáng buồn cho những thành phố này là xem nhẹ cơ hội nghe tận tai nhìn tận mắt Đấng Thánh của Đức Chúa Trời và được cứu. Các thành phố Ty-rơ và Si-đôn thuộc về dân ngoại, những thành

phố Sô-dôm và Gô-mô-rơ thờ lạy hình tượng hắc sê ăn năn nếu họ nhìn thấy các phép lạ mà Chúa Giê-xu và các môn đệ của Ngài đã làm. Ca-bê-na-um là thành “đã được tôn cao tới trời” bởi vì được đặc ân có Đấng Mết-si-a sống giữa họ. Tuy nhiên càng có nhiều đặc quyền thì càng lãnh nhiều trách nhiệm và sự đoán phạt càng lớn hơn. Năm trong số mười phép lạ ghi lại trong *Ma-thi-ơ* 8:1-9:38 được Chúa thực hiện tại Ca-bê-na-um.

*Sự mời gọi* (*Ma-thi-ơ* 11:25-30). Tại sao các bậc lãnh đạo giáo hội chống đối Giăng và Chúa Giê-xu? Bởi vì họ (các nhà lãnh đạo) cho mình là thiêng liêng và khôn ngoan, không muốn trở nên những em bé khiêm nhường thật thà. Có sự khác biệt rất lớn giữa những đứa trẻ hư đốn trong ví dụ (*Ma-thi-ơ* 11:16-19) và các con trẻ dễ bảo trong lời khen ngợi này. Đức Chúa Cha bày tỏ chính Ngài cho Đức Chúa Con, và Đức Chúa Con lại bày tỏ chính mình Ngài và Cha Ngài cho những ai sẵn lòng đến với Con Đức Chúa Trời bằng đức tin. Những câu Kinh Thánh này nói lên cả quyền tể trị của Đức Chúa Cha lẫn trách nhiệm của tội nhân. Lời mời gọi này được tóm tắt trong ba mệnh lệnh.

“*Hãy đến*”. Các thầy biệt lập (người Pha-ri-si) đều nói “Hãy làm” và tìm cách khiến dân chúng làm theo luật pháp Môi-se và các truyền thống. Nhưng sự cứu rỗi đích thực chỉ được tìm thấy nơi một người đó là Chúa Giê-xu Christ. Đến với Ngài có nghĩa là tin cậy Ngài. Lời mời này mở rộng cho những ai mệt mỏi và nặng gánh ưu tư. Đây chính là cảm giác của những người đang bị đè nặng dưới ách chủ nghĩa luật pháp của người Pha-ri-si (*Ma-thi-ơ* 23:4; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:10).

“*Mang lấy*”. Đây là một kinh nghiệm sâu đậm. Khi chúng ta đến với Chúa Giê-xu Christ bởi đức tin, Ngài *ban cho* chúng ta sự yên nghỉ. Khi mang lấy ách của Ngài và học theo Ngài, chúng ta sẽ *tìm thấy* sự yên nghỉ, đó là sự yên nghỉ của thuận phục và vâng lời. Điều thứ nhất, là được “hòa thuận với Đức Chúa Trời” (*Rô-ma* 5:1), điều thứ hai là có “sự bình an của Đức Chúa Trời” (*Phi-líp* 4:6-8). Trong thời của Chúa, “gánh lấy ách” nghĩa là trở nên môn đệ. Từ “dễ chịu” có nghĩa “vừa vặn”; Ngài có chiếc ách

hoàn toàn thích hợp cho đời sống và nhu cầu của chúng ta (I Giăng 5:3). Làm theo ý muốn Chúa không còn là gánh nặng (I Giăng 5:3).

“*Học*”. Hai mệnh lệnh đầu miêu tả thời kỳ quyết định trong cuộc đời khi chúng ta tìm đến và thuận phục Chúa Giê-xu Christ; nhưng bước tiếp theo này đi vào một quá trình. Càng học biết nhiều về Chúa Giê-xu, chúng ta càng tìm thấy được sự bình an, bởi vì chúng ta tin cậy nơi Đấng Christ nhiều hơn. Lời mời gọi này dành cho “tất cả mọi người” - không chỉ dành cho dân Y-sơ-ra-ên (*Ma-thi-ơ* 10:5-6).

### Sự Chống Nghịch Các Phép Tắc Của Ngài

*Ma-thi-ơ* 12: 1-21

<sup>1</sup> Lúc đó, nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jê-sus đi qua giữa đồng lúa mì; các môn đồ đói, bứt bông lúa mà ăn. <sup>2</sup> Người Pha-ri-si thấy vậy, bèn nói cùng Ngài rằng: Kia, môn đồ thầy làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát. <sup>3</sup> Song Ngài đáp rằng: Chuyện vua Đa-vít đã làm trong khi vua với kẻ đi theo bị đói, các người há chưa đọc đến sao? <sup>4</sup> Tức là vua vào đền Đức Chúa Trời, ăn bánh bày ra, là bánh mà vua và kẻ đi theo không có phép ăn, chỉ để riêng cho các thầy tế lễ. <sup>5</sup> Hay là các người không đọc trong sách luật, đến ngày Sa-bát, các thầy tế lễ trong đền thờ phạm luật ngày đó, mà không phải tội sao? <sup>6</sup> Vả lại, ta phán cùng các người, tại chỗ này có một đấng tôn trọng hơn đền thờ. <sup>7</sup> Phải chi các người hiểu nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhân từ, không muốn của tế lễ, thì các người không trách những người vô tội; <sup>8</sup> vì Con người là Chúa ngày Sa-bát.

<sup>9</sup> Đức Chúa Jê-sus đi khỏi nơi đó, bèn vào nhà hội. <sup>10</sup> Ở đó, có một người teo một bàn tay. Có kẻ hỏi Ngài rằng: Trong ngày Sa-bát, có phép chữa kẻ bệnh hay không? Ấy là họ có ý kiếm dịp kiện Ngài. <sup>11</sup> Ngài bèn phán cùng họ rằng: Ai trong vòng các người có một con chiên, nếu đương ngày Sa-bát, bị té xuống hầm, thì há không kéo nó lên sao? <sup>12</sup> Huống chi người ta trọng hơn con chiên là dường nào! Vậy, trong ngày Sa-bát có phép làm việc lành. <sup>13</sup> Đoạn, Ngài phán cùng người tay teo rằng: Hãy giơ tay ra. Người liền giơ tay, thì tay nấy cũng lành như tay kia. <sup>14</sup> Những người Pha-ri-si đi ra ngoài rồi, bàn với nhau, lập mưu đặng giết Ngài.

<sup>15</sup> Song Đức Chúa Jê-sus biết điều ấy, thì bỏ đi khỏi chỗ đó; có nhiều người theo, và Ngài chữa lành cả. <sup>16</sup> Ngài cấm ngặt họ đừng cho ai biết Ngài; <sup>17</sup> để được ứng nghiệm lời đấng tiên tri Ê-sai đã nói rằng:

- <sup>18</sup> Này, tôi tớ ta đã chọn,  
 Là người mà ta rất yêu dấu, đẹp lòng ta mọi đàng.  
 Ta sẽ cho Thánh Linh ta ngự trên người,  
 Người sẽ rao giảng sự công bình cho dân ngoại.
- <sup>19</sup> Người sẽ chẳng cãi lẫy, chẳng kêu la,  
 Và chẳng ai nghe được tiếng người ngoài đường cái.
- <sup>20</sup> Người sẽ chẳng bẻ cây sậy đã gãy, chẳng tắt ngọn đèn gần tàn,  
 Cho đến chừng nào người khiến sự công bình được thắng.
- <sup>21</sup> Dân ngoại sẽ trông cậy danh người.

Chúa Giê-xu có dụng ý khi vi phạm các phép tắc về ngày Sa-bát một đôi lần. Ngài dạy dân chúng rằng giữ luật pháp bề ngoài không bao giờ cứu họ và khiến họ nên thánh được. Sự công bình thật phải phát xuất từ tấm lòng. Nguyên ngữ Sa-bát theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “nghỉ hay nghỉ ngơi”, điều này giải thích tại sao Ma-thi-ơ đưa ra những mâu thuẫn về ngày Sa-bát tại đây. Chúa Giê-xu ban sự yên nghỉ cho tất cả người tìm đến với Ngài. Không có sự yên nghỉ nếu chỉ tuân thủ các lễ nghi tôn giáo.

Không có gì vi phạm khi thỏa mãn cơn đói tại nơi đồng ruộng của người lân cận (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 23:24-25), nhưng làm điều đó trong ngày Sa-bát là vi phạm luật theo truyền thống của thầy thông giáo và người Pha-ri-si; vì hành động đó là “làm việc” trong ngày Sa-bát. Chúa Giê-xu đưa ra lời giải đáp gồm ba mặt.

*Ngài dẫn chứng một vị vua (Ma-thi-ơ 12:3-4).* Chỉ các thầy tế lễ mới được phép ăn bánh thánh, tuy nhiên vua Đa-vít và đoàn tùy tùng của vua đã ăn bánh ấy. Tất nhiên Con vua Đa-vít có quyền ăn bông lúa mì nơi đồng ruộng của Cha Ngài. Và nếu như vua Đa-vít phá bỏ luật pháp và không bị định tội, chắc chắn Chúa Giê-xu cũng có thể phá bỏ lễ thói của con người mà không phạm luật (xem *I Sa-mu-ên* 21:1).

*Ngài dẫn chứng các thầy tế lễ (Ma-thi-ơ 12:5-6).* Các thầy tế lễ phải dâng một số của lễ quy định trong ngày Sa-bát (*Dân Số Ký* 28:9-10), mà không bị kết tội. Thực tế, sự phục vụ của họ nằm trong sự vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời đã ban cho. Điều này cho thấy truyền thống của con người về ngày Sa-bát là sai, vì

chúng mâu thuẫn với chính luật pháp của Đức Chúa Trời.

Ngài dẫn chứng một đấng tiên tri (Ma-thi-ơ 12:7). Câu Kinh Thánh trích dẫn từ *Ô-sê* 6:6 cũng là câu Chúa Giê-xu đã trích dẫn trong *Ma-thi-ơ* 9:13. Luật về ngày Sa-bát được ban bố cho dân Y-sơ-ra-ên như là dấu chứng về mối tương giao của họ với Đức Chúa Trời (*Nê-hê-mi* 9:12-15; *Ê-xơ-ra* 20:9-11; 31:13-17). Nhưng điều luật ấy cũng là hành động nhân từ dành cho cả người lẫn súc vật, cho họ được nghỉ ngơi mỗi tuần. Bất kỳ giáo luật nào đi ngược lại với ân sủng và sự chăm sóc của Chúa cũng rất đáng nghi ngờ. Đức Chúa Trời muốn có lòng nhân từ, chứ không muốn của lễ tôn giáo. Ngài muốn lòng yêu thương chứ không muốn thái độ duy luật. Người Pha-ri-si nghĩ rằng họ hy sinh vâng giữ luật Sa-bát nghĩa là họ đang phục vụ Đức Chúa Trời. Khi lên án Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài, họ nghĩ rằng họ đang bênh vực cho Đức Chúa Trời. Những người duy luật trong giáo hội ngày nay quả giống họ làm sao!

Cần lưu ý rằng Chúa Giê-xu đã dẫn chứng đấng tiên tri, thầy tế lễ, và vị vua vì chính Ngài là Đấng Tiên Tri, Thầy Tế Lễ và Vua. Cũng cần lưu ý rằng ba lần Chúa Giê-xu dùng câu “lớn hơn”. Là Thầy Tế Lễ, Ngài “lớn hơn đền thờ” (*Ma-thi-ơ* 12:6) là Đấng tiên tri, Ngài “lớn hơn Giô-na” (*Ma-thi-ơ* 12:41); là Nhà Vua, Ngài “lớn hơn Sa-lô-môn” (*Ma-thi-ơ* 12:42).

Khi tuyên bố chính Ngài là “Chúa ngày Sa-bát”, Chúa Giê-xu thực sự khẳng định sự bình đẳng với Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời đã thiết lập ngày Sa-bát (*Sáng Thế Ký* 2:1-3). Và rồi Ngài chữa lành người teo tay để chứng minh cho lời tuyên bố này. Thật buồn khi các bậc lãnh đạo giáo hội sử dụng người này và sự tật nguyền của anh ta làm vũ khí chống lại Chúa Giê-xu. Nhưng Chúa không sợ sự hăm dọa của họ. Không làm điều thiện trong ngày Sa-bát (hoặc bất cứ ngày nào khác) cũng giống như làm điều ác. Chúa Giê-xu lập luận rằng một nông dân có thể săn sóc súc vật của mình vào ngày Sa-bát, thế thì chúng ta không nên chăm sóc con người được làm nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời sao?

Họ phản ứng lại lời thách thức mạnh mẽ này bằng cách tìm mưu giết Ngài. Họ đã tố cáo Ngài khi Ngài chữa lành cho người đau bại (*Ma-thi-ơ* 9:1-8), và giao du với người tội lỗi khi dùng bữa chung với các bạn của Ma-thi-ơ (9:11-13). Nhưng hành động này còn tệ hại hơn nữa. Họ cho rằng Ngài đã cố tình vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Ngài đã *làm việc* trong ngày Sa-bát: gặt lúa và chữa lành người bệnh.

Khi thấy họ căm ghét, Chúa Giê-xu bỏ đi nơi khác. Ngài không công khai chống lại kẻ thù nghịch, nhưng Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri trong *Ê-sai* 42:1-4. Kẻ thù của Ngài chỉ là cây sậy đã gãy, ngọn đèn gần tàn. Hãy lưu ý là Ma-thi-ơ đề cập đến dân ngoại hai lần, ám chỉ dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Vua mình và Nước Đức Chúa Trời sẽ đến với dân ngoại.

Sự né tránh của Chúa vào lúc này báo trước cho giai đoạn “thối lui” của Ngài trong *Ma-thi-ơ* 14:20. Trong suốt thời gian ấy, Chúa Giê-xu tránh gây xung đột trực tiếp với kẻ thù để Ngài có thể theo đúng “chương trình của Đức Chúa Trời” và chịu đóng đinh trên thập tự giá. Hơn nữa, trong suốt thời gian ấy, Ngài dạy dỗ các môn đệ Ngài và chuẩn bị họ trước khi Ngài chịu đóng đinh trên thập tự.

### Chống Nghịch Quyền Năng Của Ngài

*Ma-thi-ơ* 12: 22-37

<sup>22</sup> Bấy giờ có kẻ đem đến cho Đức Chúa Jê-sus một người mắc quỷ ám, đui và câm; Ngài chữa cho, đến nỗi người câm nói và thấy được. <sup>23</sup> Chúng lấy làm lạ, mà nói rằng: Có phải người đó là con cháu vua Đa-vít chăng? <sup>24</sup> Song những người Pha-ri-si nghe vậy, thì nói rằng: Người nầy chỉ nhờ Bê-ên-xê-bun là chúa quỷ mà trừ quỷ đó thôi.

<sup>25</sup> Đức Chúa Jê-sus biết ý tưởng họ, thì phán rằng: Một nước mà chia xé nhau thì bị phá hoang; một thành hay là một nhà mà chia xé nhau thì không còn được. <sup>26</sup> Nếu quỷ Sa-tan trừ quỷ Sa-tan, ấy là tự nó chia xé nhau; thì nước nó làm sao còn được ư? <sup>27</sup> Và nếu ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỷ, thì con các ngươi nhờ ai mà trừ quỷ ư? Bởi đó, chính chúng nó sẽ xử đoán các ngươi vậy. <sup>28</sup> Mà nếu ta cậy Thánh Linh của Đức Chúa Trời để trừ quỷ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến tận các ngươi. <sup>29</sup> Hay là, có lẽ nào, ai vào

nhà một người mạnh sức để cướp lấy của, mà trước không trói người mạnh sức ấy sao? Phải trói người rồi mới cướp của nhà người được. <sup>30</sup> Ai không ở với ta, thì nghịch cùng ta; ai không thân hiệp với ta, thì tan ra. <sup>31</sup> Ấy vậy, ta phán cùng các người, các tội lỗi và lời phạm thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu. <sup>32</sup> Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha.

<sup>33</sup> Hoặc cho là cây tốt thì trái cũng tốt, hoặc cho là cây xấu thì trái cũng xấu; vì xem trái thì biết cây. <sup>34</sup> Hỡi dòng dõi rắn lục; bay vốn là loài xấu, làm sao nói được sự tốt? Bởi vì do sự đầy dẫy trong lòng mà miệng mới nói ra. <sup>35</sup> Người lành do nơi đã chứa điều thiện mà phát ra điều thiện; nhưng kẻ dữ do nơi đã chứa điều ác mà phát ra điều ác. <sup>36</sup> Vả, ta bảo các người, đến ngày phán xét, người ta sẽ khai ra mọi lời hư không mà mình đã nói; <sup>37</sup> vì bởi lời nói mà người sẽ được xưng là công bình, cũng bởi lời nói mà người sẽ bị phạt.

*Lời buộc tội* (12:22-24). Người đàn ông được mang đến với Chúa Giê-xu chắc chắn đang ở trong tình trạng trầm trọng, vì ông ta bị mù, câm, và quỉ ám, Chúa Giê-xu chữa lành cho người ấy, một điều mà người Pha-ri-si không làm được. Họ cáo giác Ngài trừ quỉ bởi năng quyền của quỉ chứ không bởi quyền năng của Đức Chúa Trời. Họ không đồng ý với nhận định của Ni-cô-đem về các phép lạ của Ngài (*Giăng* 3:2).

*Câu giải đáp* (*Ma-thi-ơ* 12:25-30). Chúa Giê-xu chỉ cho họ thấy rằng lời phát biểu của họ không có căn cứ và phi lý. Tại sao quỉ Sa-tan chống lại chính nó? Chúa Giê-xu khẳng định quỉ Sa-tan có một vương quốc, vì nó là chúa của thời đại này (*Ma-thi-ơ* 4:8-9; *Giăng* 12:31). Ngài cũng phán rằng quỉ Sa-tan có “nhà”, nhà ở đây dường như muốn nói đến thân thể của người đàn ông mà nó ám (xem *Ma-thi-ơ* 12:33-44). Nếu quỉ Sa-tan trừ quỉ Sa-tan, thì nó đang chống lại chính mình, chia rẽ nước của nó và phá hoại nhà mình.

Sự cáo buộc của người Pha-ri-si cũng vô căn cứ từ quan điểm của họ, mặc dù họ không thấy điều đó. Có những thầy trừ quỉ là người Giu-đa (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 19:13-16) đã thành công. Họ đã dùng quyền phép nào để trừ quỉ? Nếu dùng quyền của quỉ

Sa-tan là họ liên minh với quỷ. Dĩ nhiên, không có người Pha-ri-si nào chấp nhận lời kết luận ấy.

Chúa Giê-xu có quyền đuổi quỷ vì trước hết Ngài đã đắc thắng Sa-tan, chúa của các quỷ. Sự đắc thắng của Ngài bởi quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời (“ngón tay của Đức Chúa Trời”, *Lu-ca* 11:20) chứ không bởi quyền của một quỷ nào. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời là Đấng chiến thắng Sa-tan, và con người phải quyết định chọn đứng ở phía nào. Không thể nào có sự thỏa hiệp. Hoặç chúng ta ở về phía Đức Chúa Trời hoặç chúng ta chống nghịch Ngài.

*Lời khuyên bảo (Ma-thi-ơ 12:31-37)*. Chúa Giê-xu cảnh cáo rằng lời nói của họ bộc lộ sự độc ác trong lòng họ. Tội chống nghịch Đức Thánh Linh không phải ở lời nói; lời nói tuôn ra chỉ là “trái” của tấm lòng tội lỗi. Nếu lòng chất chứa điều thiện thì điều thiện sẽ tuôn tràn qua môi miệng và làm ích cho người khác. Nhưng nếu tấm lòng chất chứa tội lỗi, thì từ môi miệng sẽ tuôn ra những điều xấu xa làm hại đến người nói lẫn kẻ nghe.

Nhưng tội “phạm đến Đức Thánh Linh” là tội gì? Ngày nay chúng ta có phạm tội ấy không? Nếu có thì như thế nào? Chúa Giê-xu phán rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ những lời nói phạm đến Con Người nhưng Ngài không tha lời nói phạm đến Đức Thánh Linh. Điều này có phải Đức Thánh Linh quan trọng hơn Chúa Giê-xu Christ, Con của Đức Chúa Trời không? Hoàn toàn không phải như vậy. Chúng ta thường nghe người ta nói phạm đến danh của Đức Chúa Trời hoặç của Chúa Giê-xu Christ, nhưng hiếm khi nghe nói đến danh Đức Thánh Linh. Thế nào Đức Chúa Trời có thể tha thứ những lời nói phạm đến danh Con Ngài mà lại không tha thứ cho lời nói phạm đến Đức Thánh Linh?

Dường như tình trạng này chỉ xảy ra trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất. Chúa Giê-xu không khác với bất kỳ người Giu-đa nào (*Ê-sai* 53:2). Nói phạm đến Chúa Giê-xu Christ có thể được tha thứ trong khi Ngài còn sống trên thế gian. Nhưng khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng lâm trong ngày lễ Ngũ Tuần như là bằng cơ chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu là Đấng Christ

và Ngài đang sống, chối bỏ lời chứng của Đức Thánh Linh là sự chối bỏ sau cùng và hậu quả là sự đoán phạt.

Khi các bậc lãnh đạo giáo hội chối bỏ Giăng Báp-tít họ đang chối bỏ Đức Chúa Cha là Đấng đã sai phái Giăng Báp-tít. Khi họ chối bỏ Chúa Giê-xu, họ đang chối bỏ Đức Chúa Con. Nhưng khi họ không chấp nhận chức vụ của các sứ đồ, họ đã khước từ Đức Thánh Linh - và đến đây không còn phương cách nào khác. Chẳng có lời chứng nào nữa. Sự chối bỏ như thế không thể nào tha thứ được.

Nhóm từ "lời hư không" trong câu 36 có nghĩa là "những lời vô ích". Nếu Đức Chúa Trời phán xét "lời nói nhỏ nhặt" của chúng ta, Ngài sẽ đoán xét những lời nói cố ý của chúng ta như thế nào? Chính bởi cuộc chuyện trò vào những lúc không gìn giữ, chúng ta để lộ cá tính thật của mình.

Ngày nay có "tội không thể tha thứ" nào không? Vâng có, tội chối bỏ Chúa Giê-xu Christ, Chúa Giê-xu nói rõ rằng mọi tội đều được thứ tha (*Ma-thi-ơ* 12:31). Tội tà dâm, tội giết người, tội phạm thượng, và các tội khác đều được Ngài tha thứ, nhưng Đức Chúa Trời không thể tha thứ cho tội chối bỏ Con Ngài. Chính Đức Thánh Linh là Đấng làm chứng về Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 15:26) và Ngài cũng là Đấng tuyên án tội nhân hư mất (*Giăng* 16:7-11).

### Chống Lại Nhân Tính Của Ngài

*Ma-thi-ơ* 12: 38-50

<sup>38</sup> Bấy giờ có mấy thầy thông giáo và người Pha-ri-si thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Bẩm thầy, chúng tôi muốn xem thầy làm dấu lạ. <sup>39</sup> Ngài đáp rằng: Dòng dõi hung ác gian dâm này xin một dấu lạ, nhưng sẽ chẳng cho dấu lạ khác ngoài dấu lạ của đấng tiên tri Giô-na. <sup>40</sup> Vì Giô-na đã bị ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, cũng một thể ấy, Con người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. <sup>41</sup> Đến ngày phán xét, dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy với dòng dõi này mà lên án nó, vì dân ấy đã nghe lời Giô-na giảng và ăn năn; mà đây này, có một người tôn trọng hơn Giô-na! <sup>42</sup> Đến ngày phán xét, nữ hoàng Nam phương sẽ đứng dậy với dòng dõi này mà lên án nó, vì người từ nơi cùng trái đất đến nghe lời khôn ngoan vua Sa-lô-

môn; mà đây nầy, có một người tôn trọng hơn vua Sa-lô-môn!

<sup>43</sup> Khi tà ma ra khỏi một người, thì nó đi đến nơi khô khan kiếm chỗ nghỉ, nhưng kiếm không được; <sup>44</sup> rồi nó nói rằng: Ta sẽ trở về nhà ta mà ta mới ra khỏi; khi trở về, thấy nhà không, quét sạch, và sửa soạn tử tế. <sup>45</sup> Nó bèn lại đi, đem về bảy quỷ khác dữ hơn nó nữa, cùng vào nhà đó mà ở; vậy, số phận người ấy sau lại xấu hơn trước. Dòng dõi dữ nầy cũng như vậy.

<sup>46</sup> Khi Đức Chúa Jêsus còn phán cùng dân chúng, thì mẹ và anh em Ngài đến đứng ngoài, muốn nói cùng Ngài. <sup>47</sup> [Có người thưa cùng Ngài rằng: Đây nầy, mẹ và anh em thầy ở ngoài, muốn nói cùng thầy.] <sup>48</sup> Ngài đáp rằng: Ai là mẹ ta, ai là anh em ta? <sup>49</sup> Ngài gơ tay chỉ các môn đồ mình, mà phán rằng: Nầy là mẹ ta cùng anh em ta! <sup>50</sup> Vì hễ ai làm theo ý muốn Cha ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em ta, cùng là mẹ ta vậy.

“Người Giu-đa đòi phép lạ” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Đòi phép lạ là bằng chứng của sự vô tín. Họ muốn Ngài chứng tỏ cho thấy Ngài là Đấng Mết-si-a. Chúng ta tự hỏi không biết còn bằng chứng nào nữa để cho họ. Nếu tra xem lời Kinh Thánh, và thành tâm tìm hiểu cuộc đời của Chúa Giê-xu, họ sẽ kết luận rằng “Đây là Con Đức Chúa Trời”. Nhưng đối với Chúa Giê-xu, cho họ một dấu hiệu sẽ là điều sai lầm. Vì như thế Ngài đã thỏa mãn lòng vô tín của họ và cho phép họ đặt ra các tiêu chuẩn cho đức tin. Cho dù Ngài có làm phép lạ nào đi nữa, thì cũng chẳng làm họ vừa lòng. Chúa Giê-xu đưa ra ba điểm để trả lời cho thách thức của họ.

*Ngài nhắc lại lịch sử của họ (Ma-thi-ơ 12:39-42).* Tiên tri Giô-na là người Giu-đa được sai đến với người ngoại bang, và nữ vương Sê-ba là người ngoại bang đã đến thăm vua Sa-lô-môn là người Giu-đa (*II Sử Ký* 9:1-12). Do sự đố kỵ giữa người Giu-đa và dân ngoại bang, việc nhắc đến dân ngoại ở đây hẳn đã làm cho người Pha-ri-si tức giận. Nhưng chúng ta đã biết trong nhiều dịp khác, Chúa Giê-xu hoặc Ma-thi-ơ có đề cập đến dân ngoại bang.

Giô-na là một phép lạ cho dân thành Ni-ni-ve bởi vì ông đã kinh nghiệm (trong bụng con cá lớn) sự chết, sự chôn và sự sống lại. Phép lạ duy nhất về Chúa Giê-xu ban cho dân tộc Ngài là sự chết, sự chôn và sự sống lại.

Các sứ điệp trong bảy chương đầu của sách *Công Vụ* tập trung vào sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ mà không nói đến sự chết

của Ngài trên thập tự giá. Dân Giu-đa trong thời đó tin rằng Ngài đã chết, và thường hay bàn tán với nhau về cái chết ấy (*Lu-ca* 24:18). Họ không tin Ngài đã sống lại (*Ma-thi-ơ* 28:11-15). Trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-7:60, Đức Thánh Linh đã cho dân Y-sơ-ra-ên lời chứng đầy đủ rằng Chúa Giê-xu đang sống. Đây là phép lạ duy nhất mà họ cần.

Chúa Giê-xu cao trọng hơn Giô-na về nhiều phương diện. Nhân cách của Ngài lớn hơn vì Giô-na chỉ là con người. Ngài lớn hơn Giô-na trong sự vâng lời vì Giô-na không vâng lời Đức Chúa Trời và bị Ngài quở phạt. Chúa Giê-xu đã chết thực sự trong khi Giô-na nằm trong bụng con cá lớn. Chúa Giê-xu đã sống lại từ trong kẻ chết bởi quyền năng của Ngài. Giô-na thi hành chức vụ chỉ cho một thành phố trong lúc Chúa Giê-xu hy sinh đời mình cho toàn thế giới. Hẳn nhiên Chúa Giê-xu cao trọng hơn Giô-na về tình yêu thương của Ngài vì Giô-na không yêu thương dân thành Ni-ni-ve - ông ta muốn họ phải chết. Sứ điệp của Giô-na cứu dân Ni-ni-ve thoát khỏi cơn đoán phạt và ông ta là sứ giả của cơn thanh ngộ của Đức Chúa Trời. Sứ điệp của Chúa Giê-xu là sứ điệp của ân sủng và ơn cứu rỗi. Khi tin nhận Chúa Giê-xu Christ, chúng ta không chỉ được cứu khỏi cơn đoán phạt, nhưng còn nhận được sự sống dư dật, đời đời.

Chúa Giê-xu cũng lớn hơn vua Sa-lô-môn về sự khôn ngoan, giàu có và công tác của Ngài. Nữ hoàng Sê-ba đã ngạc nhiên về những điều bà chứng kiến trong vương quốc của vua Sa-lô-môn; nhưng những điều chúng ta có được trong Nước Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ còn trở vượt hơn sự vinh hiển của vua Sa-lô-môn. Ngồi chung bàn với Chúa Giê-xu, nghe lời Ngài dạy, và cùng chia sẻ những phước hạnh của Ngài là điều thỏa thích hơn nhiều khi viếng thăm và thán phục một kinh đô huy hoàng nhất, cho dù đó là vương quốc của vua Sa-lô-môn.

Bài học chính rút ra từ bài học lịch sử này là: Dân thành Ni-ni-ve sẽ làm chứng nghịch lại các nhà lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên, vì họ đã ăn năn lúc nghe sứ điệp của Giô-na rao giảng. Nữ hoàng Sê-ba cũng sẽ lên án họ, vì bà đã từ xa đi đến để nghe lời khôn ngoan

của vua Sa-lô-môn, nhưng các bậc cầm quyền Do Thái không chịu nghe sự khôn ngoan của Chúa Giê-xu Christ, Đấng đang ở ngay giữa họ. Dịp tiện càng lớn, án phạt càng nặng. Sự bi thảm trong lịch sử Y-sơ-ra-ên là dân chúng đã chối bỏ những người giải cứu họ lần đầu tiên, nhưng rồi phải tiếp nhận trong lần thứ hai. Sự thật này hoàn toàn đúng với trường hợp của Giô-sép, Môi-se, vua Đa-vít, các đấng tiên tri (*Ma-thi-ơ* 23:29) và Chúa Giê-xu Christ.

*Ngài bộc lộ tấm lòng của họ* (12:43-45). Chúng ta nên nối ý những câu này với *Ma-thi-ơ* 12:24-29. “Nhà” của Sa-tan là thân thể của người bị quỷ ám. Dường như tà ma không có nơi nương thân và chúng tìm các thân thể để vào trú ngụ (8:28-31). Khi tà ma ra khỏi, đời sống người đàn ông trở nên tốt đẹp hơn; nhưng đời sống của người đó vẫn còn trống trải. Khi quỷ trở lại, nó mang theo nhiều quỷ khác nữa để rồi cuộc đời anh ta kết thúc trong thảm kịch.

Bài học này trước hết dành cho dân Y-sơ-ra-ên, nhất là thế hệ đương thời Chúa Giê-xu khi Ngài thi hành chức vụ trên đất. Dân tộc này đã được thanh tẩy khỏi hình tượng tà thần vốn đã gây đau khổ cho họ trong thời Cựu Ước. Nhưng sự cải cách không chưa đủ. Cải cách có thể làm cho sạch nhưng không thể làm cho đầy. Đáng lý ra dân Y-sơ-ra-ên đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế và được đầy dẫy đời sống tâm linh, nhưng thay vào đó, họ từ chối Ngài và kết cuộc là sự hư mất.

Cũng có bài học ứng dụng cho cá nhân. Lau dọn nhà sạch sẽ chưa đủ; chúng ta phải mời người đến thuê nhà ngay. Người Phari-si hãnh diện về “nhà sạch” của họ, nhưng tấm lòng của họ trống rỗng. Chỉ có tôn giáo, hoặc sự cải cách sẽ không đem đến sự cứu rỗi. Phải có sự tái sinh, nhận Chúa Giê-xu Christ vào lòng (*Khải Thị* 3:20).

*Ngài chối bỏ sự tôn trọng của họ* (*Ma-thi-ơ* 12:46-50). Ngay cả gia đình về phần xác của Chúa Giê-xu cũng không hiểu trọn vẹn về Ngài và chức vụ của Ngài (*Giăng* 7:1-5). Một số bạn bè của Ngài cho Ngài bị điên (*Mác* 3:21). Nhưng Đức Chúa Giê-xu không muốn sự vinh hiển đến từ loài người. Chúa Giê-xu nhấn

mạnh đến gia đình của Đức Chúa Trời cho dù không tỏ ra thiếu kính trọng đối với gia đình về phần xác của Ngài.

Lưu ý cách dùng từ “hễ ai” (*Ma-thi-ơ* 12:50) của Ngài. Điều này tương ứng với lời mời ân cần của Ngài trong *Ma-thi-ơ* 11:28-30 khi Ngài khích lệ mọi người đến tin nhận Ngài. Nếu cả dân tộc không công nhận Ngài, thì ít nhất các cá nhân trong dân tộc Y-sơ-ra-ên cũng như giữa dân ngoại cũng có thể tin nhận Ngài. Nhưng điều gì sẽ xảy ra cho vương quốc được hứa?

## Những Bí Mật Của Vua

*Ma-thi-ơ 13*

Chương sách này ghi lại các sự kiện của ngày khó khăn trong chức vụ của Chúa Giê-xu Christ. Ngài biết rằng sự chống đối ngày càng gia tăng của các nhà lãnh đạo giáo hội sẽ đưa Ngài đến việc thọ hình trên thập tự giá. Ngài phải giải thích sự việc này cho các môn đệ Ngài, nhưng câu hỏi họ nêu lên sẽ là “Điều gì sẽ xảy đến cho vương quốc mà chúng tôi đã từng rao giảng?” Câu hỏi ấy được trả lời bằng một loạt các thí dụ. Trước hết Ngài giải nghĩa những chân lý có liên quan đến vương quốc, sau đó Ngài giải thích cho họ những sự kiện về thập tự giá.

Việc Chúa dùng những thí dụ đã làm rối trí các môn đệ. Trong khi giảng dạy Ngài đã dùng một số thí dụ, nhưng vào lúc này Ngài dạy họ một loạt bảy thí dụ có liên quan với nhau, và rồi sau đó Ngài lại thêm một thí dụ thứ tám. Chữ thí dụ hay ẩn dụ (parable) có nghĩa là “trình bày cặp theo”. Đó là một câu chuyện, hoặc một sự so sánh được đặt bên cạnh một sự việc khác để làm cho bài học được rõ ràng. Nhưng đây không phải là những thí dụ tầm thường; Chúa Giê-xu gọi các thí dụ này là “Những điều mầu nhiệm của Nước thiên đàng” (*Ma-thi-ơ 13:11*). Trong Tân Ước,

“điều mầu nhiệm” là chân lý thuộc linh chỉ được hiểu bởi sự mạc khải từ trên cao. Đó là sự “giấu kín thiêng liêng” chỉ bày tỏ cho những người “trong nội bộ” đã học hỏi nơi Chúa và vâng theo Ngài.

Trong loạt thí dụ này, Chúa Giê-xu giải thích tiến trình rao giảng Phúc Âm trên thế giới. Nếu dân Y-sơ-ra-ên nhận Ngài là Vua, phước hạnh ắt đã tuôn tràn từ Giê-ru-sa-lem cho đến khắp cả trái đất. Nhưng họ đã chối bỏ Ngài, và Đức Chúa Trời phải thiết lập một chương trình mới trên thế gian. Trong thời kỳ hiện tại, “Nước Trời” pha trộn giữa thật và giả, tốt và xấu như đã được mô tả trong các thí dụ này. Đó là “thế giới Cơ Đốc” bày tỏ lòng trung thành với Vua nhưng vẫn còn chứa đựng nhiều điều trái ngược với phép tắc của Vua.

Tại sao Chúa Giê-xu dạy bằng các thí dụ? Có hai lý do: vì sự thờ ơ chậm chạp của dân chúng (*Ma-thi-ơ* 13:10-17) và vì đã được tiên báo trong *Thi Thiên* 78:2; *Ma-thi-ơ* 13:34-35. Chúa Giê-xu không giảng dạy bằng thí dụ để làm bối rối hoặc lên án dân chúng. Trái lại, Ngài tìm cách kích thích sự quan tâm và gợi sự tò mò của họ. Những thí dụ này sẽ soi sáng cho người có lòng tìm kiếm và tin cậy, nhưng sẽ đem lại sự tối tăm cho người không quan tâm và cứng lòng.

Bảy thí dụ cho chúng ta thấy tiến trình thuộc linh của “nước trời” trong thời kỳ hiện tại, trong đó chúng ta thấy được ba giai đoạn phát triển thuộc linh.

### Sự Bắt Đầu Của Vương Quốc

*Ma-thi-ơ* 13:1-9,18-23

<sup>1</sup> Cũng ngày ấy, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nhà, ngồi bên mé biển. <sup>2</sup> Đoàn dân nhóm họp xung quanh Ngài đông lắm, đến nỗi Ngài phải xuống thuyền mà ngồi, còn cả đoàn dân đứng trên bờ. <sup>3</sup> Ngài dùng thí dụ mà giảng nhiều điều cùng họ.

Ngài phán như vậy: Có người gieo giống đi ra đặng gieo. <sup>4</sup> Khi đương gieo, một phần giống rơi dọc đường, chim bay xuống và ăn. <sup>5</sup> Một phần khác rơi nhằm chỗ đất đá sỏi, chỉ có ít đất thịt, bị lấp không sâu, liền mọc lên; <sup>6</sup>

song khi mặt trời mọc lên, thì bị đốt, và vì không có rễ, nên phải héo. <sup>7</sup> Một phần khác rơi nhằm bụi gai, gai mọc rậm lên, phải nghẹt ngòi. <sup>8</sup> Một phần khác nữa rơi nhằm chỗ đất tốt, thì sanh trái; hoặc một hột ra được một trăm, hoặc một hột sáu chục, hoặc một hột ba chục. <sup>9</sup> Ai có tai, hãy nghe!

<sup>18</sup> Ấy vậy, các người hãy nghe nghĩa ví dụ về kẻ gieo giống là gì. <sup>19</sup> Khi người nào nghe đạo nước thiên đàng, mà không hiểu, thì quỉ dữ đến cướp điếu đã gieo trong lòng mình; ấy là kẻ chịu lấy hột giống rơi ra dọc đường. <sup>20</sup> Người nào chịu lấy hột giống nơi đất đá sỏi, tức là kẻ nghe đạo, liền vui mừng chịu lấy; <sup>21</sup> song trong lòng không có rễ, chỉ tạm thời mà thôi, đến khi vì đạo mà gặp sự cực khổ, sự bắt bớ, thì liền vấp phạm. <sup>22</sup> Kẻ nào chịu lấy hột giống nơi bụi gai, tức là kẻ nghe đạo; mà sự lo lắng về đời này, và sự mê đắm về của cải, làm cho nghẹt ngòi đạo và thành ra không kết quả. <sup>23</sup> Song, kẻ nào chịu lấy hột giống nơi đất tốt, tức là kẻ nghe đạo và hiểu; người ấy được kết quả đến nỗi một hột ra một trăm, hột khác sáu chục, hột khác ba chục.

Thí dụ về người gieo giống không bắt đầu bằng cụm từ “Nước thiên đàng giống như...” bởi vì thí dụ này mô tả Nước thiên đàng bắt đầu như thế nào. Nước Thiên Đàng bắt đầu bằng việc rao giảng lời Đức Chúa Trời, gieo hạt giống đạo trong lòng con người. Khi chúng ta nói: “Hãy để tôi gieo ý tưởng này vào trong tâm trí bạn” là chúng ta đã diễn tả ý tưởng của thí dụ này. Hột giống đạo là lời Đức Chúa Trời; các loại đất tượng trưng cho nhiều tấm lòng khác nhau; và kết quả khác nhau tùy thuộc sự đáp ứng khác nhau đối với lời Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã giải thích thí dụ này, vì vậy về ý nghĩa không có gì khó hiểu.

Tại sao lại so sánh Lời Đức Chúa Trời với hạt giống? Bởi vì Lời Đức Chúa Trời là Lời “sống và linh nghiệm” (*Hê-bơ-rơ* 4:12). Không giống như lời của con người, lời Đức Chúa Trời có sự sống bên trong và sự sống đó được truyền đến cho những người tin nhận. Chân lý của Đức Chúa Trời phải bén rễ trong lòng người nghe, được vun xới và đơm hoa kết trái. Thật đáng ngạc nhiên có đến ba phần tư hạt giống không kết quả. Chúa Giê-xu không miêu tả thời kỳ của một mùa gặt lớn, nhưng Ngài miêu tả thời kỳ Lời Đức Chúa Trời sẽ bị chối bỏ. Ngài không nghĩ đến “có vô số

người” theo Ngài, vì Ngài biết rằng hầu hết mọi người sẽ không nhận Lời Hằng Sống của Ngài và kết quả.

Nhờ kết quả mà nhận biết được sự cứu rỗi thật (*Ma-thi-ơ* 7:16). Quả bao gồm sự thánh khiết (*Rô-ma* 6:22), phẩm tính của Cơ Đốc nhân (*Ga-la-ti* 5:22-23), các việc lành (*Cô-lô-se* 1:10), dẫn dắt người khác về cho Đấng Christ (*Rô-ma* 1:13), chia sẻ những gì mình có (*Rô-ma* 15:25-28), và tấm lòng ca ngợi Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 13:15). Nếu một cây muốn sinh trái, nó phải đâm rễ trong đất và phải phơi dưới ánh nắng mặt trời.

Trong thí dụ, mặt trời tiêu biểu cho sự bắt bớ. Sự bắt bớ giúp cho người tin đạo lớn lên. Nhưng ánh nắng sẽ làm chết cây không có rễ. Điều này giải thích tại sao một số “người tin đạo” không đứng vững: Đức tin của họ yếu ớt, hiểu biết của họ nghèo nàn, và quyết định của họ không thành thật. Có thể “tin” mà không được cứu (*Giăng* 2:23-25). Nếu đời sống không kết quả thì chưa có đức tin cứu rỗi trong lòng.

Chữ “hãy nghe” trong *Ma-thi-ơ* chương 13 được lặp lại mười chín lần. Thí dụ về người gieo giống được ghi lại trong ba sách Phúc Âm đầu, và ở mỗi sách lời khuyên dạy kết thúc khác nhau. Nghe lời Đức Chúa Trời là điều quan trọng. “Đức tin đến bởi sự người ta nghe và người ta nghe khi lời Đấng Christ được rao giảng” (*Rô-ma* 10:17). Chúa Giê-xu phán “Ai có tai mà nghe hãy nghe” (*Ma-thi-ơ* 13:9), “Hãy cẩn thận về điều mình nghe” (*Mác* 4:24), và “Hãy coi chừng về cách các người nghe” (*Lu-ca* 8:18).

## Chống Phá Nước Thiên Đàng

*Ma-thi-ơ* 13: 24-43

<sup>24</sup> Đức Chúa Jê-sus phán ví dụ khác cùng chúng rằng: Nước thiên đàng giống như người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. <sup>25</sup> Nhưng đương khi người ta ngủ, thì kẻ thù chủ ruộng liền đến, gieo cỏ lùng vào trong lúa mì, rồi đi. <sup>26</sup> Đến khi lúa mì lớn lên, và trở bông, thì cỏ lùng cũng lòi ra. <sup>27</sup> Các đầy tớ của chủ nhà bèn đến thưa rằng: Thưa chủ, chủ không gieo giống tốt trong ruộng chủ sao? Vậy thì cỏ lùng bởi đâu mà ra? <sup>28</sup> Chủ đáp rằng: Ấy là một kẻ thù đã làm điều đó. Các đầy tớ thưa rằng: Vậy chủ có muốn

chúng tôi đi nhờ cỏ đó chẳng? <sup>29</sup> Chủ rằng: Chẳng nên, e khi nhổ cỏ lòng, hoặc các người nhổ lộn lúa mì đi chẳng. <sup>30</sup> Hãy để cho cả hai thứ cùng lớn lên cho đến mùa gặt; đến mùa gặt, ta sẽ dặn con gặt rằng: Trước hết hãy nhổ cỏ lòng, bỏ lại từng bó mà đốt đi; song hãy thu trữ lúa mì vào kho ta.

<sup>31</sup> Ngài lấy ví dụ khác mà phán rằng: Nước thiên đàng giống như một hạt cải mà người kia lấy gieo trong ruộng mình; <sup>32</sup> hạt ấy thật nhỏ hơn cả các giống khác, song khi đã mọc lên, thì lớn hơn các thứ rau, và trở nên cây cối, cho đến nỗi chim trời tới làm ổ trên nhánh nó được.

<sup>33</sup> Ngài lấy ví dụ khác nữa mà phán rằng: Nước thiên đàng giống như men mà người đàn bà kia lấy trộn vào trong ba đấu bột, cho đến chừng nào bột dậy cả lên.

<sup>34</sup> Đức Chúa Jêsus lấy lời ví dụ mà phán những điều đó cùng đoàn dân, Ngài chẳng phán điều gì cùng họ mà không dùng lời ví dụ, <sup>35</sup> để được ứng nghiệm lời đấng tiên tri rằng:

Ta sẽ mở miệng ra mà nói lời ví dụ,

Ta sẽ rao báo những điều kín nhiệm từ khi dựng nên trời đất.

<sup>36</sup> Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus cho chúng về, rồi vào nhà; môn đồ đến gần mà hỏi Ngài rằng: Xin thầy giải lời ví dụ về cỏ lòng trong ruộng cho chúng tôi. <sup>37</sup> Ngài đáp rằng: Kẻ gieo giống tốt, là Con người; <sup>38</sup> ruộng, là thế gian; giống tốt, là con cái nước thiên đàng; cỏ lòng, là con cái quỷ dữ; <sup>39</sup> kẻ nghịch thù gieo cỏ ấy, là ma quỷ; mùa gặt, là ngày tận thế; con gặt, là các thiên sứ. <sup>40</sup> Còn người ta nhổ cỏ lòng mà đốt trong lửa thế nào, thì ngày tận thế cũng sẽ như vậy; <sup>41</sup> Con người sẽ sai các thiên sứ Ngài thu mọi gương xấu và những kẻ làm ác khỏi nước Ngài, <sup>42</sup> và quăng những người đó vào lò lửa, là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng. <sup>43</sup> Khi ấy, những người công bình sẽ chói rạng như mặt trời trong nước của Cha mình. Ai có tai, hãy nghe!

Sa-tan chống phá Nước thiên đàng bằng cách cướp lấy lời Đức Chúa Trời trong lòng con người (*Ma-thi-ơ* 13:4,19). Nhưng khi thất bại, nó có nhiều mưu chước khác để tấn công công việc của Đức Chúa Trời. Ba thí dụ này cho thấy Sa-tan chỉ là kẻ bắt chước. Sa-tan gieo những Cơ Đốc nhân giả, khuyến khích sự phát triển giả tạo và đưa ra giáo điều ngụy tạo.

*Cỏ lòng - Cơ Đốc nhân giả* (13:24-30,36-43). Sa-tan không thể nhổ rễ lúa mì (những Cơ Đốc nhân), vì vậy nó cài những Cơ Đốc nhân giả vào giữa vòng họ. Trong thí dụ này, hạt giống tốt không phải là Lời Đức Chúa Trời nhưng tiêu biểu cho người đã được biến đổi qua việc tin theo Lời Đức Chúa Trời. Cánh đồng

không phải là tấm lòng con người nhưng là cánh đồng là thế gian. Chúa Giê-xu Christ đang gieo trong những người thật lòng tin Ngài ở khắp mọi nơi để họ có thể kết quả (*Giăng* 12:23-26). Nhưng bất luận nơi nào Đấng Christ gieo những Cơ Đốc nhân thật thì quỷ Sa-tan cũng đến gieo những Cơ Đốc nhân giả.

Chúng ta phải coi chừng những giả mạo của ma quỷ. Ma quỷ có những Cơ Đốc nhân giả dối (*II Cô-rinh-tô* 11:26) là những kẻ tin một Phúc Âm giả (*Ga-la-ti* 1:6-9). Nó khuyến khích sự công bình giả (*Rô-ma* 10:1-3), và thậm chí còn có Hội Thánh giả (*Khải Thị* 2:9). Vào thời kỳ sau rốt, nó sẽ tạo ra một Đấng Christ giả (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:1-12).

Chúng ta cũng phải tỉnh thức để biết chắc rằng các sứ giả của Sa-tan không bước vào sự tương giao thật và gây thiệt hại (*II Phi-e-rơ* 2:1-22; *I Giăng* 4:1-6). Lúc con cái Đức Chúa Trời ngủ nghĩ là lúc Sa-tan hành động. Trách nhiệm của chúng ta không phải là nhổ bỏ Cơ Đốc nhân nhưng là gieo trồng Cơ Đốc nhân thật (điều này không có ý nói đến kỷ luật trong phạm vi Hội Thánh địa phương). Chúng ta không phải là những thám tử nhưng là những nhà truyền giáo. Chúng ta phải chống lại Sa-tan và vạch trần sự dối trá của nó. Nhưng chúng ta cũng phải gieo lời Đức Chúa Trời và kết quả ở nơi Đức Chúa Trời đã đặt để chúng ta.

Điều gì sẽ xảy ra cho cỏ lùng? Đức Chúa Trời sẽ gom lại và đốt đi. Thật là thú vị khi thấy một số “bó” này đã xảy ra khi các nhóm giáo phái khác nhau tìm kiếm cách hòa trộn và liên kết lại với nhau. Sự hiệp nhất thuộc linh giữa những Cơ Đốc nhân thật lòng tin Chúa là một chuyện, nhưng sự hợp nhất tôn giáo về mặt hình thức giữa những người tự nhận là Cơ Đốc nhân là một chuyện hoàn toàn khác. Ngày nay việc phân biệt chân giả thật là khó khăn, nhưng đến ngày cuối cùng, các thiên sứ sẽ phân loại chúng ra.

*Hột cải - sự phát triển giả* (*Ma-thi-ơ* 13:31-32). Bên đông phương, hạt cải tượng trưng cho điều gì đó nhỏ bé và tầm thường. Nó sinh ra một thân cây, dẫu không phải là “cây cối” theo đúng nghĩa, nhưng cũng cao lớn đủ cho chim trời đến làm tổ ở trên

cành nó.

Bởi vì Chúa Giê-xu không giải thích thí dụ này, cho nên chúng ta phải dùng những lời giải thích của Ngài trong các thí dụ khác để tìm ra ý nghĩa. Chim trời trong thí dụ người gieo giống tiêu biểu cho quỷ Sa-tan (13:19). Các câu văn như (*Dân Số Ký* 4:12; và *Ê-xê-chi-ên* 17:23; cho thấy cây cối là biểu tượng của thế lực đời này. Nhưng sự kiện này ngụ ý rằng thí dụ dạy về sự phát triển không bình thường của Nước Trời, tạo điều kiện cho Sa-tan có thể hành động. Cơ Đốc giáo đã nắm được quyền trên khắp thế giới với hệ thống tổ chức phức tạp gồm nhiều nhánh. Lúc khởi đầu khiêm tốn nhưng ngày nay tự đắc về của cải vật chất và ảnh hưởng chính trị. Một số người cho rằng lời thí dụ này dạy về sự thành công trong việc rao giảng Phúc Âm trên toàn thế giới. Nhưng ý nghĩa đó trái nghịch với lời dạy của Chúa Giê-xu trong thí dụ thứ nhất. Có thể Kinh Thánh Tân Ước dạy chúng ta về sự giảm sút trong việc truyền rao Phúc Âm khi ngày cuối cùng hầu gần nữa là khác.

*Men - tín lý giả* (*Ma-thi-ơ* 13:33). Hột cải minh họa cho sự phát triển giả tạo bề ngoài của Nước thiên đàng, trong khi đó men cho thấy sự phát triển bên trong của giáo lý và lối sống giả dối. Qua Kinh Thánh, chúng ta biết men là hình ảnh của tội lỗi. Trong kỳ lễ Vượt Qua các gia đình người Giu-đa phải dẹp men khỏi nhà họ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:15-19; 13:7). Men không được dùng trong các của lễ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 34:25), ngoại trừ các ổ bánh được dùng trong kỳ lễ sau lễ Vượt Qua 50 ngày (*Lê-vi-ký* 23:15-21). Nhưng nếu bánh tượng trưng cho người Giu-đa và dân ngoại trong Hội Thánh, thì tội lỗi cũng có trong Hội Thánh.

Chúa Giê-xu dùng hình ảnh men để nói đến sự giả hình (*Lu-ca* 12:1), đạo lạc (*Ma-thi-ơ* 16:6-12) và sự thỏa hiệp với thế gian (*Ma-thi-ơ* 22:16-21). Phao-lô dùng hình ảnh men để đề cập đến tính xác thịt trong Hội Thánh (*I Cô-rinh-tô* 5:6-8) cũng như giáo lý giả (*Ga-la-ti* 5:9). Tội lỗi giống như men: Nó phát triển cách âm thầm, làm băng hoại và “đậy cả lên” (*I Cô-rinh-tô* 5:2; 4:18-19; 8:1).

Sa-tan đã tận lực đưa ra giáo lý sai lầm và cách sống giả dối vào trong khi rao giảng Lời Chúa. Ngay từ những ngày sơ khai của Hội Thánh đầu tiên, người tin đạo thật đã tranh chiến với những giáo lý sai lầm và sự giả hình. Thật đáng buồn khi một số Hội Thánh đã một lần đặt lòng tin nơi Lời Đức Chúa Trời vội bỏ chân lý quay sang tin vào chuyện hoang đường. “Hãy xem xét mọi việc điều gì lành thì giữ lấy” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:21).

Nước Đức Chúa Trời bắt đầu bằng việc gieo hạt giống đạo Đức Chúa Trời vào lòng con người. Nhiều hạt không có kết quả; nhưng có một số hạt kết nhiều quả. Quỷ Sa-tan gieo vào trong thế gian những Cơ Đốc nhân giả mạo để chống phá công việc của Đức Chúa Trời, nó cũng thúc đẩy sự tăng trưởng giả tạo và xen vào giáo lý sai lầm. Chúng ta thấy dường như Sa-tan đang chiến thắng. Nhưng chân giả sẽ phơi bày vào cuối thời đại chứ không phải ngay trong thời đại.

### Kết Quả Của Nước Thiên Đàng

*Ma-thi-ơ 13: 44-50*

<sup>44</sup> Nước thiên đàng giống như của báu chôn trong một đám ruộng kia. Một người kia tìm được thì giấu đi, vui mừng mà trở về, bán hết gia tài mình, mua đám ruộng đó.

<sup>45</sup> Nước thiên đàng lại giống như một người lái buôn kiếm ngọc châu tốt,

<sup>46</sup> khi đã tìm được một hột châu quý giá, thì đi bán hết gia tài mình mà mua hột châu đó.

<sup>47</sup> Nước thiên đàng cũng giống như một tay lưới thả xuống biển, bắt đủ mọi thứ cá. <sup>48</sup> Khi lưới được đầy rồi, thì người đánh cá kéo lên bờ; đoạn, ngồi mà chọn giống tốt để riêng ra, đem bỏ vào rổ, còn giống xấu thì ném đi. <sup>49</sup> Đến ngày tận thế cũng như vậy: Các thiên sứ sẽ đến và chia kẻ ác với người công bình ra, <sup>50</sup> ném những kẻ ác vào lò lửa; ở đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng.

Vào ngày cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ có ba hạng người. Người Giu-đa (của báu giấu kín), Hội Thánh (ngọc châu) và các nước ngoại bang đã được cứu sẽ đi vào thiên đàng vinh hiển (tay lưới).

*Của báu giấu kín (Ma-thi-ơ 13:44).* Ví dụ này thường được giải thích là tội nhân tìm gặp Đấng Christ và bỏ hết mọi sự mình

có để được Ngài và được cứu rỗi. Nhưng lời giải thích này sẽ gặp phải một số vấn đề. Trước hết, Chúa Giê-xu Christ không phải là của báu giấu kín. Có lẽ Ngài là người nổi tiếng nhất trong lịch sử. Thứ hai, tội nhân không thể nào “tìm gặp Đấng Christ” được vì họ đui mù và cứng cổ (*Rô-ma* 3:10). Chính Đấng Christ đến tìm tội nhân hư mất (*Lu-ca* 19:10). Và chẳng có tội nhân nào mua được sự cứu rỗi. Xin chúng ta lưu ý nhân vật trong ví dụ không mua của báu giấu kín; nhưng ông đã mua cả đám ruộng đó. “Đám ruộng là thế gian” (*Ma-thi-ơ* 13:38). Phải chăng tội nhân hư mất mua thế gian để được Đấng Christ sao? Rồi đem Ngài đi giấu ư?

Một lần nữa, hình bóng Cựu Ước giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa. Của báu ở đây là dân Y-sơ-ra-ên (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 19:5; *Thi Thiên* 135:4). Dân Y-sơ-ra-ên đã được lập trong thế gian để dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời, nhưng dân tộc ấy thất bại, trở thành một dân tộc không ai biết đến, một của báu không được đầu tư để sinh lợi cho Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu Christ đã dâng cả mạng sống Ngài để mua chuộc cả thế gian nhằm cứu dân mình (*Giăng* 11:51). Ngài đã chết trên thập tự giá vì tội cả thế gian; nhưng trong ý nghĩa đặc biệt, Ngài chịu chết vì dân Y-sơ-ra-ên (*Ê-sai* 53:8). Dân Y-sơ-ra-ên đã chịu đoán phạt và dường như bị hủy diệt, nhưng trong cái nhìn của Đức Chúa Trời dân ấy “bị giấu kín” và sẽ lại được bày tỏ ra trong sự vinh hiển.

Về mặt chính trị, cũng có một tương lai cho dân Y-sơ-ra-ên, khi dân tộc này được lập quốc trở lại vào ngày 14 tháng 5 năm 1948. Nhưng đất nước Y-sơ-ra-ên đã đi sai lạc về phương diện thuộc linh. Đức Chúa Trời nhìn thấy dân Y-sơ-ra-ên là của báu của Ngài, và một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ tái lập Y-sơ-ra-ên trong nước vinh hiển.

*Hột châu quý giá* (*Ma-thi-ơ* 13:45-46). Một bài thánh ca nổi tiếng làm sống mãi lời giải thích hạt châu là Chúa Giê-xu Christ và sự cứu rỗi của Ngài. Nhưng có nhiều ý cũng phản đối lời giải thích này như đã được áp dụng trong thí dụ trước. Tội nhân không tìm đến Chúa, nhưng Đấng Christ tìm đến với người có tội. Không có tội nhân nào có thể trả được nợ cứu rỗi cho dù anh ta có bán hết

thấy điều mình có.

Hột châu ở đây tiêu biểu cho Hội Thánh. Kinh Thánh phân biệt rõ giữa người Giu-đa, người ngoại bang và Hội Thánh của Đức Chúa Trời (*I Cô-rinh-tô* 10:32). Hội Thánh ngày nay là thân thể của Đấng Christ gồm có những kẻ tin là người Giu-đa và dân ngoại bang (*Ê-phê-sô* 2:11). Không giống như hầu hết các đá quý khác, hột châu là vật nguyên khối - người ta không thể chạm trở nó như kim cương hay ngọc bích. Hội Thánh là một khối thống nhất (*Ê-phê-sô* 4:4-6), mặc dù Hội Thánh hữu hình trên thế gian bị phân chia thành nhiều hệ phái. Giống như hột châu, Hội Thánh là kết quả của sự đau đớn. Chúa Giê-xu Christ đã chịu chết vì Hội Thánh (*Ê-phê-sô* 5:25) và Hội Thánh đã được khai sinh bởi sự đau khổ của Ngài trên thập tự giá.

Hạt châu dần dần lớn lên và Hội Thánh Đức Chúa Trời cũng từ từ tăng trưởng khi Đức Thánh Linh cáo trách và biến đổi tội nhân ăn năn. Không ai nhìn thấy được quá trình tạo hình hạt châu, vì nó nằm kín trong lớp vỏ của con sò dưới đại dương. Cũng vậy chẳng người nào nhìn thấy được sự lớn mạnh của Hội Thánh Đức Chúa Trời trên trần gian. Ngày nay Hội Thánh của Đức Chúa Trời ở giữa vòng các dân tộc (đại dương trong Kinh Thánh nói đến các dân tộc, (*Dân Số Ký* 7:1-3; *Khải Thị* 13:1; 17:15) và một ngày kia vẻ đẹp của Hội Thánh của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ ra.

Vì vậy, mặc dầu Sa-tan có hành động xảo quyệt trong thế gian, Đấng Christ vẫn đang hình thành Hội Thánh của Ngài. Ngài hy sinh tất cả điều Ngài có để mua chuộc Hội Thánh Ngài, và Sa-tan không thể làm điều gì để ngăn trở Ngài được. Chỉ có một Hội Thánh, một hạt châu quý giá mà thôi, dù có nhiều Hội Thánh địa phương. Không phải ai có tên trong Hội Thánh địa phương là thuộc viên của Hội Thánh Đức Chúa Trời, thân thể của Đấng Christ. Chỉ bởi sự ăn năn và đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ chúng ta mới trở nên chi thể trong thân của Ngài. Dĩ nhiên tất cả những kẻ thật lòng tin Chúa phải gắn bó với Hội Thánh địa phương nơi họ cư ngụ để thờ phượng và phục vụ Đức Chúa Trời.

*Mẻ lưới* (*Ma-thi-ơ* 13:47-50). Công cuộc rao giảng Phúc Âm

của Đức Chúa Trời trong thế gian không biến đổi thế gian. Giống như một lưới kéo khổng lồ thu tóm đủ loại cá, tốt lẫn xấu, Hội Thánh hữu hình ngày nay gồm có cả những người tin đạo thật lẫn giả (thí dụ về cỏ lùng), tốt lẫn xấu. Đến ngày tận thế, Đức Chúa Trời sẽ chia Cơ Đốc nhân thật với giả, kẻ ác với người công bình. Khi Chúa Giê-xu Christ trở lại thế gian, để chiến đấu trong trận chiến Hạp-ma-ghe-đôn (*Khải Thị* 19:11), Ngài sẽ phân chia người tin với kẻ vô tín còn sống trên thế gian. Những người đang sống này không phải là các chi thể trong Hội Thánh Đấng Christ (đã được cất lên trời) hoặc dân Y-sơ-ra-ên. Những dân ngoại này sẽ được phân xử theo luật công bình: Người được cứu sẽ vào hưởng nước thiên đàng, những kẻ hư mất sẽ bị quăng vào hồ lửa địa ngục. Chúng ta cũng tìm thấy được ý nghĩa ấy trong thí dụ “chiên và dê” (*Ma-thi-ơ* 25:31).

Trong loạt thí dụ này Chúa Giê-xu dùng đến 2 lần nhóm từ “ngày tận thế” (13:39,49). Ngài không có ý nói đến ngày tận chung của “thời kỳ Hội Thánh”, vì Chúa chưa bày tỏ cho các môn đệ chân lý về Hội Thánh cho mãi về sau này (*Ma-thi-ơ* 16:18). “Thời kỳ” Ngài muốn nói đến là thời kỳ dân Giu-đa vào lúc kết thúc cơn Đại Nạn mô tả trong *Ma-thi-ơ* 24:1-31 và *Khải Thị* 6:1-9:21. Chúng ta nên thận trọng đừng “gán cho” các phân đoạn chép trong *Phúc Âm Ma-thi-ơ* này những chân lý sau này được bày tỏ qua Phao-lô và các sứ đồ khác.

Khi Chúa Giê-xu phán xong các lời thí dụ này, Ngài hỏi các môn đệ xem họ có hiểu các lời Ngài đã dạy không và họ mạnh mẽ trả lời: “Vâng thưa Chúa có hiểu”. Sự hiểu biết đòi hỏi trách nhiệm. Để giải thích điều này, Chúa thêm một thí dụ sau cùng (*Ma-thi-ơ* 13:51-52) để nhắc nhở họ về trách nhiệm của mình.

*Họ phải là những thầy thông giáo khám phá lẽ thật.* Các thầy thông giáo được hình thành như một nhóm người được trọng vọng dưới sự lãnh đạo của E-xơ-ra. Mục đích của họ nhằm bảo tồn luật pháp, nghiên cứu và áp dụng những chân lý của luật pháp vào trong đời sống hằng ngày. Dần dà, sự nghiệp cao quý của họ trở nên suy đồi chỉ còn là công việc theo thói quen giữ gìn các truyền

thống và lời giải thích của con người, và chất thêm gánh nặng trong cuộc sống của dân chúng (*Lu-ca* 11:46-52). Họ quá chú tâm đến quá khứ đến nỗi làm ngơ những gì xảy ra trong hiện tại. Thay vì chia xẻ chân lý sống động của Lời Đức Chúa Trời, họ quảng bá những giáo lý chết và “khắc cốt ghi tâm” những lời dạy khô khan không giúp được cho ai.

Là người tin Chúa, chúng ta không tìm tòi lẽ thật, bởi vì chúng ta có lẽ thật trong Con Ngài (*Giăng* 14:6) và trong lời Đức Chúa Trời (*Giăng* 17:7). Chúng ta được dạy dỗ bởi Thần Lẽ Thật *Giăng* 16:13, vì Ngài là lẽ thật (*I Giăng* 5:6). Chúng ta tìm tòi trong lẽ thật để có thể khám phá những lẽ thật mới mẻ hơn. Chúng ta là những thầy thông giáo - những học trò - ngồi nơi chân Chúa Giê-xu lắng nghe lời của Ngài. Niềm vui của đời sống Cơ Đốc nhân là đặc ân được học biết lẽ thật của Đức Chúa Trời qua Lời của Ngài. Nhưng chúng ta không được dừng lại tại đó.

*Họ phải là những môn đệ làm theo chân lý.* “Vì vậy, mọi thầy thông giáo đều trở nên môn đệ của Nước Thiên Đàng... “ là lời dịch chính xác hơn cho *Ma-thi-ơ* 13:52. Thầy thông giáo đặt nặng vấn đề học, nhưng môn đệ coi trọng cách sống. Môn đồ là người làm theo lời Đức Chúa Trời (*Gia-cơ* 1:22) và họ học bằng cách làm theo.

Thật khó để giữ cho đời sống chúng ta được quân bình. Chúng ta thường đặt nặng vấn đề học tập thay cho cách sống. Hoặc chúng ta quá bận rộn trong sự phục vụ Chúa đến nỗi không còn thời gian học hỏi lời của Ngài. Mỗi thầy thông giáo phải là một môn đệ của Chúa và mỗi môn đệ của Chúa phải là thầy thông giáo.

*Họ phải là những nhà quản lý phân phát lẽ thật.* Các thầy thông giáo gìn giữ Luật Pháp nhưng không đem Luật Pháp vào trong đời sống dân chúng. Sự dạy dỗ quý báu của Luật Pháp bị lẽ thói của con người che khuất. Hạt giống không được gieo trồng để có thể sinh hoa kết trái, “Vàng bạc thuộc linh” không được đem ra sử dụng để có thể sinh lợi. Là Cơ Đốc nhân chúng ta nên thận trọng dè dặt nhưng không giữ chặt.

Người quản gia bảo vệ tài sản, nhưng cũng phân phát khi có nhu cầu. Ông ta phân phát cái cũ lẫn cái mới. Những nguyên tắc và hiểu biết mới mẻ dựa trên các lẽ thật cũ. Cái mới không thể phủ nhận của cái cũ bởi vì cái cũ ra từ cái mới (*Lê-vi Ký* 26:10). Nếu không có cái cũ, cái mới chỉ có tính chất mới nhưng không có giá trị lâu dài. Nhưng cái cũ không có ích lợi gì nếu không có những áp dụng mới vào cuộc sống ngày nay. Chúng ta cần đến cả hai.

Khi Chúa Giê-xu phán dạy xong các lời thí dụ này, Ngài đi ngang qua biển trong một cơn bão và Ngài chữa lành những người bị quỷ ám trong xứ Ga-đa-ra (*Ma-thi-ơ* 8:28-34). Lúc đó Ngài về thăm quê hương tại Na-xa-rét, *Ma-thi-ơ* đã ghi lại (13:53-58).

Hai điều gây ngạc nhiên cho dân thành Na-xa-rét là lời nói khôn ngoan và phép lạ của Ngài. Tuy vậy, họ không tin Ngài và điều này làm hạn chế chức vụ của Ngài tại đây. Điều gì gây cho người ta nghi ngờ Ngài? Họ quá quen thuộc Ngài theo cách nhìn con người, vì Ngài đã lớn lên ở giữa vòng họ. Đó là trường hợp nhận biết Ngài theo xác thịt (xem *II Cô-rinh-tô* 5:18) và không có sự soi tỏ thiêng liêng mà Đức Chúa Trời ban cho những người vâng phục Ngài (*Ma-thi-ơ* 11:25-30). Những người này bước đi bằng mắt thấy chứ không phải bằng đức tin.

Nhưng nếu bạn bè và gia đình của Ngài không tin Ngài, thì có hy vọng nào cho dân Y-sơ-ra-ên tin vào Ngài? Trong những ngày đầu chức vụ, Chúa Giê-xu đã giảng dạy tại thành Na-xa-rét (*Lu-ca* 4:16-31) và người ta đã chối bỏ Ngài và bây giờ Ngài lại bị người ta khước từ. Đây là cuộc viếng thăm cuối cùng của Ngài đến Na-xa-rét và dân làng không còn có cơ hội nào nữa. Mọi người biết Chúa Giê-xu là “Giê-xu người Na-xa-rét” và những người theo Ngài được gọi là “Người Na-xa-rét”, nhưng người Na-xa-rét không chấp nhận Ngài. *Ma-thi-ơ* đã chọn sự kiện này thật phù hợp để kết thúc phần “Nổi Loạn Chống Lại Vua”.

## Vua Lánh Mặt

*Ma-thi-ơ 14*

Tôi đặt tựa đề cho các chương 14-20 là “Vua lánh mặt”. Trong thời gian được Ma-thi-ơ ghi lại trong các chương này, Chúa Giê-xu thường rút lui khỏi đám đông và dành thì giờ một mình với các môn đệ Ngài (xem *Ma-thi-ơ* 14:13; 15:21,29; 17:1-8). Một số lý do cho những lần rút lui này là sự chống đối của kẻ thù Ngài càng gia tăng, Ngài cần nghỉ ngơi, và Ngài cần phải chuẩn bị cho các môn đệ Ngài hiểu được cái chết sắp đến của Ngài trên thập tự giá. Rất tiếc, các môn đệ thường bị cuốn hút vào cảm xúc phấn khởi do đoàn dân đông gây ra khi họ muốn tôn Ngài làm vua (xem *Giăng* 6:15).

Tuy nhiên chúng ta không nên nghĩ rằng những lần rút lui này hoặc thời gian nghỉ ngơi tránh khỏi đoàn dân đông là thời gian Ngài không hành động. Thường thì đoàn dân đông theo Ngài và Ngài không thể nào ở riêng một mình được. Ngài không hẹp hòi thỏa đáp các nhu cầu của họ cho dù Ngài cần sự yên tĩnh để nghỉ ngơi. Trong các chương 14-20, chúng ta sẽ thấy ba nhóm người này. Kẻ thù của Chúa Giê-xu Christ, đám đông đói khát và các môn đệ. Khi câu chuyện đạt đến cao điểm, dường như kẻ thù

chiến thắng nhưng thật ra không phải. Trong chương kết thúc, Ma-thi-ơ mô tả Vua đã sống lại giao quyền cho các môn đệ của Ngài đi khắp thế gian chia xẻ tin mừng cho vô số người.

Trong chương này chúng ta cũng thấy ba nhóm người này và phản ứng của Chúa đối với họ.

### Kẻ Thù Của Ngài: Sự Cảnh Cáo

*Ma-thi-ơ* 14: 1-13

<sup>1</sup> Lúc ấy, Hê-rốt là vua chư hầu, nghe tiếng đồn Đức Chúa Jê-sus, <sup>2</sup> thì phán cùng mấy tôi rằng: Đây là Giăng Báp-tít. Người chết đi sống lại, nhân đó mới làm được mấy phép lạ như vậy. <sup>3</sup> Số là, bởi cơ Hê-rô-đi-a, vợ Phi-líp là em mình, nên vua Hê-rốt đã truyền bắt trói Giăng và bỏ tù. <sup>4</sup> Vì Giăng có can vua rằng: Vua không có phép được lấy người đó làm vợ. <sup>5</sup> Vua muốn giết Giăng, song sợ dân chúng, vì họ đều tôn Giăng là đấng tiên tri.

<sup>6</sup> Vừa đến ngày ăn mừng sanh nhật vua Hê-rốt, con gái của Hê-rô-đi-a nhẩy múa ở giữa người dự đám, vua lấy làm thích lắm, <sup>7</sup> đến nỗi lấy lời thề mà hứa cho con gái ấy điều chi nàng muốn xin. <sup>8</sup> Vậy, nàng bị mẹ xui giục, bèn tâu rằng: Xin lấy cái đầu Giăng Báp-tít để trên mâm mà cho tôi đây. <sup>9</sup> Vua lấy làm buồn rầu; song vì đã thề lỡ rồi, và có những người dự yến ở đó, nên truyền cho nàng như lời. <sup>10</sup> Vua bèn sai người chém Giăng trong ngục, <sup>11</sup> rồi họ để đầu người trên mâm mà đem cho con gái ấy, nàng bèn đem cho mẹ mình. <sup>12</sup> Đoạn, các môn đồ của Giăng đến, lấy xác mà chôn, rồi đi báo tin cho Đức Chúa Jê-sus.

<sup>13</sup> Đức Chúa Jê-sus vừa nghe tin ấy, liền bỏ đó xuống thuyền, đi tẽ ra nơi đồng vắng. Khi đoàn dân biết vậy, thì từ các thành đi bộ mà theo Ngài.

Gia đình của vua Hê-rốt xuất hiện trong bốn sách *Phúc Âm* và sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* và chúng ta dễ nhầm lẫn các viên chức cai trị khác nhau.

*Hê-rốt Đại Đế* thành lập triều chính và cai trị từ năm 37 trước Chúa đến năm thứ 4 sau Chúa. Ông ta không phải là người Giu-đa theo huyết thống nhưng là dân Ê-dôm, hậu tự của Ê-sau. “Về thực tế ông là một người ngoại đạo, và là một người rất tàn bạo” (*Từ Điển Thánh Kinh* của Unger). Ông ta có chín vợ (một số sách nói ông có mười vợ), và ông không ngần ngại sát hại con hoặc vợ của mình nếu họ chống đối lại ý muốn của ông. Chính ông là

người đã giết hại các trẻ em từ hai tuổi trở xuống tại Bết-lê-hem (*Ma-thi-ơ* 2:13-18). *Hê-rốt An-ti-ba*, vua Hê-rốt được đề cập đến trong chương này, là con trai của Hê-rốt Đại Đế. Tước hiệu của ông là “tổng đốc” (tetrach) có nghĩa là “nhà cai trị một phần tư vương quốc”. Ông cai trị từ năm thứ 4 trước Chúa đến năm 39 sau Chúa với lối cai trị lọc lừa và vị kỷ. Ông ta thích xa hoa và có tham vọng trở thành nhà cai trị lớn.

*Hê-rốt A-c-ríp-ba* là vua Hê-rốt đã bỏ tù Phi-e-rơ và giết Gia-cơ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1-25). Ông là cháu nội của Hê-rốt Đại Đế.

Hê-rốt A-c-ríp-ba II là vua Hê-rốt đã hỏi cung Phao-lô (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 25:13). Ông là con trai của vua Hê-rốt A-c-ríp-ba I.

Tất cả các vua Hê-rốt đều mang dòng máu Ê-đôm, và giống như tổ phụ Ê-sau của họ, họ thù địch với dân Giu-đa (*Sáng Thế Ký* 25:19). Họ giữ lễ nghi phép tắc của Do Thái giáo để giúp họ thực hiện được kế hoạch thâm tóm quyền lực và của cải.

Hê-rốt A-c-ríp-ba đã phạm tội gồm ghiếc: Người đã lấy Hê-rô-đi-a vợ Phi-líp I là em mình, bỏ vợ của mình và gửi trả nàng lại cho cha nàng là vua Petra (*Lê-vi Ký* 18:16, 20-21). Hê-rốt đã nghe theo tiếng cám dỗ và lao mình vào tội lỗi đáng sợ.

Nhưng có những tiếng nói khác mà Đức Chúa Trời sai đến để cảnh cáo Hê-rốt.

*Tiếng nói của tiên tri* (*Ma-thi-ơ* 14:3-5). Giảng Báp-tít đã cảnh cáo Hê-rốt cách mạnh mẽ và kêu gọi ông ta ăn năn. Giảng biết rằng một người cai trị phạm tội sẽ làm cho đất bị ô uế và dễ dàng tạo cơ hội cho người khác phạm tội, và ông cũng biết rằng Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt tội nhân (*Ma-thi-ơ* 3:5). Chúng ta nên khen ngợi Giảng vì ông đã can đảm vạch tội và lên án nó. Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, nếu các bậc lãnh đạo dân phạm tội (mặc dầu họ là người không tin Chúa) cơn đoán phạt của Ngài chắc chắn sẽ giáng trên cả dân chúng.

Thay vì lắng nghe lời của tôi tớ Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài, Hê-rốt sai bắt Giảng và bỏ ông vào ngục. Giảng Báp-tít bị giam trong ngục Machaerus, nằm cách phía đông Biển Chết bốn

dặm. Nhà tù đó nằm trên đỉnh núi đá cao 3.500 bộ so với mặt biển và chỉ có lối vào ở một phía.

Chính Hê-rô-đia, vợ Hê-rốt, người đã nuôi thù hằn với Giăng (xem *Mác* 6:19) và bà ta đã ảnh hưởng đến chồng mình. Bà ta lập mưu sai con gái của mình vào nháy múa tại bữa tiệc sinh nhật của Hê-rốt. Hê-rô-đia biết rằng chồng của bà sẽ không chống nổi sức quyến rũ của con gái bà ta và vua sẽ vội vàng hứa ban cho con gái mình một điều gì. Nàng cũng biết Hê-rốt sẽ giữ “thẻ điện” trước quan khách và triều thần của mình. Âm mưu được thực hiện và kết quả Giăng bị chém đầu.

*Tiếng nói của lương tâm (Ma-thi-ơ 14:1-2).* Khi Hê-rốt nghe về những công việc lạ lùng của Đức Chúa Giê-xu, ông chắc rằng Giăng Báp-tít đã sống lại. Lương tâm vua bị cáo trách, cả vợ vua lẫn bạn bè đều không thể an ủi vua được. Tiếng nói lương tâm có sức mạnh, và có thể đó là tiếng nói của Đức Chúa Trời phán với những người sẽ phải lắng nghe.

Thay vì lắng nghe tiếng cáo trách của lương tâm, Hê-rốt quyết định giết Chúa Giê-xu như ông đã giết Giăng Báp-tít. Một số người Pha-ri-si (có lẽ nằm trong âm mưu) báo với Chúa Giê-xu rằng vua Hê-rốt muốn tìm cách giết Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 13:31-32). Những lời báo này không làm cho Ngài lo lắng. Chữ “chồn cáo” trong *Lu-ca* 13:32 là giống cái. Chúa Giê-xu phán: “Hãy đi nói với con chồn cái ấy...” Có thể Ngài đang ám chỉ đến Hê-rô-đia, người đang thực sự nắm quyền phía sau ngai vàng chẳng?

*Tiếng nói của Chúa Giê-xu (Lu-ca 23:6-11).* Cuối cùng lúc Hê-rốt gặp Chúa Giê-xu, ông ta thấy rằng Con Đức Chúa Trời không nói với ông ta một lời! Hê-rốt đã làm cho tiếng của Đức Chúa Trời bị yên lặng! “Ngày nay nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (*Hê-bơ-rơ* 3:7-8).

*Tiếng nói của lịch sử:* Đáng lý ra Hê-rốt nên biết rằng ông không thể chạy tội mình được. Lịch sử ghi lại rằng Hê-rốt đã đánh mất uy tín và thế lực. Lực lượng của ông ta đã bị quân Ả-rập đánh bại, và lời thỉnh cầu được phong làm vua (do vợ của ông thúc đẩy) đã bị hoàng đế Ca-li-gu-la từ chối. Hê-rốt đã bị đày qua

đảo Gaul (Nước Pháp) và sau đó bị dày qua Tây Ban Nha và chết tại đó.

Mọi người đều biết Hê-rốt là nhà cai trị hèn nhác chỉ quan tâm đến thú vui và quyền lực cho chính mình. Vua không quan tâm lo lắng đến đời sống dân chúng, ông ta chỉ phục vụ bản thân mình. Ông ta có cái “vinh dự” là người đã giết vị tiên tri cao trọng nhất đã được Đức Chúa Trời sai đến để công bố Phúc Âm của Ngài.

Chúa Giê-xu phản ứng thế nào khi nghe tin Giăng bị giết? Thận trọng; Ngài yên lặng rút lui khỏi miền đó và đi về nơi “vắng vẻ”. Ngài sống theo chương trình thiên thượng (xem *Giăng* 2:4; 7:6; 7:30; 8:20; 12:23,27; 13:1; 17:1), và Ngài không muốn gây hấn với Hê-rốt. Bởi vì bộ hạ của Hê-rốt ở khắp mọi nơi nên Chúa phải khôn ngoan và thận trọng. Chắc chắn Chúa Giê-xu đã kín đáo rời khỏi khi Ngài nghe Giăng đã bị giết. Dân Giu-đa đã để cho Giăng bị giết vì họ không làm gì để giúp ông cả. Cũng chính các nhà lãnh đạo này lại đòi xử tử Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu không bao giờ để các nhà cai trị dân Giu-đa quên lời chứng của Giăng (*Ma-thi-ơ* 21:23). Vì họ từ chối lời chứng của Giăng nên họ chối Đấng Mết-si-a là Vua của họ.

### **Đoàn Dân Đông: Lòng Thương Xót**

*Ma-thi-ơ* 14:14-21

<sup>14</sup> Ngài ở thuyền bước lên, thấy đoàn dân đông đúc, động lòng thương xót, mà chữa cho kẻ bệnh được lành.

<sup>15</sup> Đến chiều tối, môn đồ tới gần Ngài mà thưa rằng: Ở đây vắng vẻ, và trời tối rồi, xin thầy cho dân chúng về, để họ đi vào các làng đặng mua đồ ăn. <sup>16</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Không cần họ phải đi; chính các ngươi hãy cho họ ăn. <sup>17</sup> Môn đồ thưa rằng: Chúng tôi có đây năm cái bánh và hai con cá mà thôi. <sup>18</sup> Ngài phán rằng: Hãy đem đây cho ta. <sup>19</sup> Ngài bèn truyền cho chúng ngồi xuống trên cỏ, đoan, lấy năm cái bánh và hai con cá đó, ngửa mặt lên trời mà tạ ơn; rồi bẻ bánh ra đưa cho môn đồ, môn đồ phát cho dân chúng. <sup>20</sup> Ai nấy đều ăn no, còn bánh thừa lại thâu được đầy mười hai giỏ.

<sup>21</sup> Số người ăn ước chừng năm ngàn, không kể đàn bà con nít.

Chúa Giê-xu và các môn đệ của Ngài rất cần được nghỉ ngơi

(Mác 6:31) nhưng nhu cầu của đoàn dân đông cảm động lòng Ngài. Chữ được dịch “động lòng thương xót” theo nghĩa đen có nghĩa là “bị khuấy động tâm can”. Điều đó mạnh hơn sự thương cảm. Từ ngữ này được sử dụng mười hai lần trong các sách Phúc Âm, và trong số ấy có tám lần liên quan đến Chúa Giê-xu Christ.

Chúa Giê-xu “động lòng thương xót” khi Ngài thấy đám dân đông đang có nhu cầu (*Ma-thi-ơ* 9:36). Họ như chiên tan lạc sau khi bị hớt lông - tả tơi, kiệt sức, và lang thang. Hai lần Ngài “động lòng thương xót” khi Ngài nhìn đám dân đông đang đói không có thức ăn (*Ma-thi-ơ* 14:14; 15:32). Hai người mù (*Ma-thi-ơ* 20:34) và người bị phong (*Mác* 1:4) cũng khuấy động lòng thương xót của Ngài, như Ngài đã động lòng thương xót bà góa thành Na-in (*Lu-ca* 7:13).

Chúa Giê-xu đã dùng cụm từ này trong ba thí dụ. Một vua kia đã động lòng thương xót người đầy tớ không thể trả nổi nợ và người đã xóa nợ của anh ta; chúng ta cũng nên tha thứ cho người khác (*Ma-thi-ơ* 18:21-35). Người Sa-ma-ri đã động lòng thương xót người Giu-đa đã bị nạn và đã yêu thương săn sóc anh (*Lu-ca* 10:25-37). Người cha động lòng thương xót đứa con hoang đàng của mình, ông chạy ra ôm hôn nó khi nó trở về nhà (*Lu-ca* 15:20). Nếu Cha chúng ta ở trên trời bày tỏ lòng thương xót đối với chúng ta như vậy, chúng ta không có lòng thương xót đối với người lân cận sao?

Phép lạ hóa bánh nuôi 5.000 người được ghi lại trong cả bốn sách Phúc Âm (*Mác* 6:35-44; *Lu-ca* 9:12-17; *Giăng* 6:4-13). Đó quả thật là một phép lạ. Những người giải thích rằng Chúa Giê-xu chỉ nhắc nhở dân chúng bày ra bữa trưa mang theo đã không để ý đến những điều Kinh Thánh ghi lại *Giăng* 6:14; khẳng định sự kiện ấy là “dấu lạ” hoặc “phép lạ”. Lẽ nào đám đông lại muốn tôn Chúa Giê-xu làm vua chỉ vì Ngài phỉnh họ chia sót bữa ăn trưa của họ? (*Giăng* 6:14-15). Không đời nào!

Chúng ta hãy hình dung nổi bối rối lúng túng của các môn đệ. Ở đây có đến hơn 5.000 người đang đói và họ không có gì để nuôi số người này. Chắc chắn các môn đệ biết rằng Chúa Giê-xu có

đủ quyền năng đáp ứng nhu cầu, nhưng họ đã không quay sang Ngài để nhờ Ngài giúp đỡ. Thay vào đó, các môn đệ kiểm lại nguồn thức ăn họ có được (một em bé có năm cái bánh và hai con cá) và ngân quỹ có hạn của họ. Khi xét đến vấn đề thời gian (chiều tối) và nơi chốn (nơi vắng vẻ), họ đi đến kết luận không thể nào làm được gì để giải quyết khó khăn này. Họ góp ý với Chúa “Xin Thầy cho dân chúng về”.

Ngày nay nhiều con cái Chúa có hành động giống như các môn đệ. Vì lý do nào đó, chưa phải là lúc, là chỗ Đức Chúa Trời hành động. Chúa Giê-xu quan sát nỗi thất vọng của các môn đệ khi họ gắng tìm cách giải quyết nan đề, nhưng “chính Ngài đã biết điều Ngài sẽ làm rồi” (*Giăng 6:6*). Ngài muốn dạy họ bài học đức tin và vâng phục. Bạn lưu ý các bước chúng ta phải có trong việc giải quyết mọi nan đề của cuộc sống.

*Hãy bắt đầu bằng những gì Bạn có.* Anh-rê tìm thấy một cậu bé mang một phần ăn trưa nhỏ, và người môn đồ này đưa cậu bé đến với Chúa Giê-xu. Cậu bé có sẵn lòng dâng phần ăn trưa của mình cho Chúa không? Vâng, cậu bé bằng lòng giao phần ăn trưa của mình cho Chúa. Đức Chúa Trời bắt đầu từ hiện trạng của chúng ta và sử dụng những gì chúng ta có.

*Hãy giao những gì bạn có cho Chúa Giê-xu.* Chúa Giê-xu nhận lấy phần ăn trưa đạm bạc, tạ ơn rồi phân phát ra cho mỗi người. Trong tay Ngài phép lạ bánh hóa ra nhiều đã xảy ra. “Ít trở nên nhiều nếu Đức Chúa Trời có tại đó”. Chúa Giê-xu bẻ bánh và trao cho các môn đệ và đến phiên họ phân phát bánh nuôi đoàn dân đông.

*Hãy vâng theo điều Ngài truyền dạy.* Các môn đệ bảo dân chúng ngồi xuống theo lệnh Chúa Giê-xu. Họ mang bánh phát cho dân chúng và khám phá ra rằng có dư cho mọi người. Là tôi tớ của Ngài, chúng ta là “những đại lý phân phối” chứ không phải “những nhà sản xuất”. Nếu chúng ta trao điều chúng ta có cho Ngài, Ngài sẽ chúc phước tạ ơn và trao lại cho chúng ta để dùng nuôi người khác.

*Hãy giữ gìn các kết quả.* Có mười hai giỏ đầy bánh và cá sau

khi dân chúng ăn no nê. Các miếng bánh này được các môn đệ cẩn thận thu lại để không có miếng nào phải bỏ phí (*Mác* 6:43; *Giăng* 6:12). Tôi tự hỏi không biết cậu bé mang về lại nhà mình bao nhiêu miếng bánh? Chúng ta thử tưởng tượng mẹ cậu bé ngạc nhiên biết bao khi bà nghe cậu kể lại câu chuyện.

Sứ đồ Giăng đã ghi lại bài giảng về “Bánh Hằng Sống” mà Chúa Giê-xu đã giảng ngày hôm sau tại nhà hội ở thành Ca-bê-na-um (*Giăng* 6:22). Dân chúng thích thú nhận lãnh bánh thuộc thể, nhưng họ không chịu nhận Bánh Hằng Sống là Con Đức Chúa Trời từ trời xuống. Phép lạ nuôi 5.000 người thực sự là một bài giảng bằng hành động. Chúa Giê-xu là Bánh Sự Sống, và chỉ có Ngài mới thỏa mãn sự đói khát thuộc linh trong lòng con người. Điều đáng buồn là con người phí thời gian và tiền bạc vào “những thứ không phải là bánh” (*Ê-sai* 55:1-7). Con người ngày hôm nay đang phạm phải sai lầm tương tự.

Chúa Giê-xu vẫn để lòng thương xót trên đám dân đông đói khát, và Ngài vẫn phán dạy Hội Thánh Ngài: “Hãy cho họ ăn”. Chúng ta quá ư dễ dàng đuổi người ta đi, viện lý do này khó khăn khác, bảo rằng chúng ta không đủ khả năng. Chúa Giê-xu đòi hỏi chúng ta trao cho Ngài mọi sự chúng ta có và để Ngài sử dụng nếu Ngài thấy phù hợp. Thế giới đói khát đang nuôi mình bằng những điều trống rỗng trong khi chúng ta lấy mất khỏi họ Bánh Sự sống. Khi chúng ta giao cho Đấng Christ điều chúng ta có, chúng ta sẽ không bao giờ bị mất. Cuối cùng chúng ta sẽ hưởng được ơn phước bội phần hơn.

### Các Môn Đệ: Săn Sóc Và Quan Tâm

*Ma-thi-ơ* 14: 22-36

<sup>22</sup> Kế đó, Ngài liền hối môn đồ xuống thuyền, qua trước bờ bên kia, trong khi Ngài đang truyền cho dân chúng tan đi. <sup>23</sup> Xong rồi, Ngài lên núi để cầu nguyện riêng; đến chiều tối, Ngài ở đó một mình.

<sup>24</sup> Bấy giờ, thuyền đã ra giữa biển rồi, vì gió ngược, nên bị sóng vỗ. <sup>25</sup> Song đến canh tư đêm ấy, Đức Chúa Jê-sus đi bộ trên mặt biển mà đến cùng môn đồ. <sup>26</sup> Khi thấy Ngài đi bộ trên mặt biển, thì môn đồ bối rối mà

nói rằng: Ấy là một con ma; rồi sợ hãi mà la lên. <sup>27</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus liền phán rằng: Các ngươi hãy yên lòng; ấy là ta đây, đừng sợ! <sup>28</sup> Phi-e-rô bèn thưa rằng: Lạy Chúa, nếu phải Chúa, xin khiến tôi đi trên mặt nước mà đến cùng Chúa. <sup>29</sup> Ngài phán rằng: Hãy lại đây! Phi-e-rô ở trên thuyền bước xuống, đi bộ trên mặt nước mà đến cùng Đức Chúa Jê-sus. <sup>30</sup> Song khi thấy gió thổi, thì Phi-e-rô sợ hãi, hồng sụp xuống nước, bèn la lên rằng: Chúa ơi, xin cứu lấy tôi! <sup>31</sup> Tức thì Đức Chúa Jê-sus giơ tay ra nắm lấy người, mà nói rằng: Hỡi người ít đức tin, sao ngươi hồ nghi làm vậy? <sup>32</sup> Ngài cùng Phi-e-rô lên thuyền rồi, thì gió yên lặng. <sup>33</sup> Các người trong thuyền bèn đến quì lạy Ngài mà nói rằng: Thầy thật là Con Đức Chúa Trời!

<sup>34</sup> Khi qua biển rồi, Ngài và môn đồ đến xứ Ghê-nê-xa-rét. <sup>35</sup> Người xứ đó nhận biết Ngài, thì sai người báo tin cho khắp các miền xung quanh, và họ đem các kẻ bệnh đến cùng Ngài, <sup>36</sup> xin chỉ cho rờ đến viền áo mà thôi; vậy, ai rờ đến cũng đều được lành bệnh cả.

Sứ đồ Giăng ghi lại lý do tại sao Chúa Giê-xu vội vã rời khỏi đám đông và hối môn đệ trở lại thuyền: Đám đông muốn tôn Ngài làm vua (*Giăng* 6:14-15). Chúa biết rằng việc làm của họ không xuất phát từ động cơ thiêng liêng và mục đích của họ nằm ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu các môn đệ lưu lại, họ sẽ rơi vào mưu định của dân chúng; vì cho đến lúc bấy giờ, các môn đệ vẫn không hiểu hết được chương trình của Chúa Giê-xu Christ. Họ bần bần luận “ai là người cao trọng nhất”, và một cuộc nổi dậy của quần chúng chắc hẳn hoàn toàn thích hợp với họ.

Kinh nghiệm của các môn đệ trong cơn bão có thể là điều khích lệ khi chúng ta băng qua những cơn giông tố của cuộc đời. Khi thấy mình trong cơn bão, chúng ta có thể yên nghỉ trên những lời hứa chắc chắn.

“*Ngài đã mang tôi đến nơi đây*”. Cơn bão xảy ra nằm trong ý muốn của Đức Chúa Trời chứ không ngoài ý chỉ của Ngài như cơn bão của Giô-na. Liệu Chúa Giê-xu có biết cơn bão sắp xảy ra không? Tất nhiên Ngài biết. Ngài có chủ động đưa họ vào cơn bão không? Đúng vậy. Giữa cơn bão mà ở trong ý Chúa họ sẽ an toàn hơn là ở trên đất liền với đám đông mà ở ngoài ý Ngài. Chúng ta đừng bao giờ đánh giá sự an toàn của chúng ta chỉ căn

cứ trên hoàn cảnh mà thôi.

Khi đọc Kinh Thánh, chúng ta khám phá ra có hai loại bão tố: cơn bão *sửa trị*, đó là khi Đức Chúa Trời trách phạt chúng ta; và cơn bão để *trưởng thành* khi Đức Chúa Trời giúp chúng ta lớn lên. Tiên tri Giô-na gặp bão vì ông không vâng lời Đức Chúa Trời và Ngài đã sửa trị ông. Các môn đệ cũng gặp bão vì họ vâng lời Chúa Giê-xu Christ và họ được dạy dỗ để lớn lên. Trước đó khi Ngài ở trên thuyền với các môn đệ, Ngài cho họ gặp bão để thử luyện họ (*Ma-thi-ơ* 8:23-27). Nhưng bây giờ Ngài ở bên ngoài thuyền để thử nghiệm họ.

Nhiều Cơ Đốc nhân có ý nghĩ sai lầm là hễ vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ “thuận buồm xuôi gió”. Nhưng điều này không đúng. Chúa Giê-xu đã hứa “Các ngươi sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian” (*Giăng* 16:33). Khi chịu bão tố vì cơ vâng lời Chúa, chúng ta nên nhớ rằng Ngài đã mang chúng ta đến thì Ngài cũng chăm sóc bảo vệ chúng ta.

“*Ngài đang cầu thay cho tôi*”. Toàn cảnh này là bức tranh thật sống động về Hội Thánh và Chúa Giê-xu Christ ngày nay. Con cái Đức Chúa Trời đang ở trên biển đời giông tố, nhưng Chúa Giê-xu Christ đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời “cầu nguyện thế cho chúng ta” (*Rô-ma* 8:34). Ngài thấy các môn đệ và biết nỗi khó khăn của họ (*Mác* 6:48), cũng vậy, Ngài nhìn thấy và biết nhu cầu của chúng ta. Ngài cảm nhận gánh nặng của chúng ta và biết những thử thách chúng ta đang trải qua (*Hê-bơ-rơ* 4:14-16). Chúa Giê-xu đang cầu thay cho môn đệ của Ngài để đức tin của họ không nao sần.

Nếu bạn biết Chúa Giê-xu Christ hiện diện ở phòng kế bên đang cầu thay cho bạn, điều đó sẽ không đem đến cho bạn sự khích lệ mới mẻ để chịu nổi cơn giông bão và làm theo ý muốn Ngài sao? Dĩ nhiên bạn sẽ được khích lệ. Ngài không ở trong phòng bên cạnh nhưng Ngài ở trên trời đang cầu thay cho bạn, Ngài nhìn thấy nhu cầu của bạn, Ngài thấu hiểu nỗi sợ hãi của bạn, và Ngài điều hướng mọi hoàn cảnh.

“*Ngài sẽ đến với tôi*”. Chúng ta thường có cảm giác như Chúa

Giê-xu đang ở cách xa chúng ta khi chúng ta trải qua những giờ phút gian nan trong cuộc đời. Trong *Thi Thiên*, Đa-vít than thở rằng dường như Đức Chúa Trời ở cách xa và không quan tâm đến ông. Dầu vậy ông biết rằng cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ông. Ngay cả vị đại sứ đồ Phao-lô cũng gặp phải hoàn cảnh khó khăn quá đến nỗi ông cảm thấy "... bị đè nén quá chừng, quá sức mình, đến nỗi mất lòng trông cậy giữ sự sống" (*II Cô-rinh-tô* 1:8).

Chúa Giê-xu luôn luôn có mặt với chúng ta trong mọi cơn giông tố của cuộc đời. "Khi người vượt qua các dòng nước, Ta sẽ ở cùng..." (*Ê-sai* 43:2). Có thể Ngài không đến đúng lúc chúng ta nghĩ rằng Ngài phải đến, bởi vì Ngài biết lúc nào chúng ta cần đến Ngài nhất. Ngài chờ đợi cho đến khi con thuyền ra xa hẳn ngoài biển khơi để mọi hy vọng của con người tiêu tan. Ngài đang thử luyện đức tin của các môn đệ, và điều này có nghĩa là Ngài muốn chúng ta rời xa mọi chỗ dựa của con người.

Tại sao Chúa Giê-xu đi bộ trên mặt biển? Để chỉ cho các môn đệ Ngài thấy rằng chính ngay điều họ sợ hãi (biển cả) chỉ là nấc thang để Ngài đến với họ. Thường thường chúng ta sợ hãi những kinh nghiệm khó khăn trong cuộc sống (như việc giải phẫu hoặc mất người thân yêu), nhưng rồi chúng ta khám phá ra rằng những kinh nghiệm đau thương này lại đem Chúa Giê-xu Christ đến gần với chúng ta hơn.

Tại sao các môn đệ không nhận ra Chúa Giê-xu? Bởi vì họ không tìm kiếm Ngài. Giá như họ lấy đức tin chờ đợi, ắt họ đã nhận biết Ngài rồi. Nhưng thay vào đó, họ vội vã kết luận sai lầm bóng người hiện ra đó là một con ma. Nỗi sợ hãi và đức tin không thể nào hiện diện trong cùng một tấm lòng, vì sự sợ hãi luôn luôn che khuất mắt chúng ta không thấy được sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

"*Ngài sẽ vừa giúp tôi lớn lên*". Toàn bộ mục đích của cơn bão thử thách là nhằm giúp cho các môn đệ trưởng thành trong đức tin. Sau hết, một ngày kia Chúa Giê-xu sẽ lìa khỏi họ, và họ sẽ đối diện với nhiều thử thách trong chức vụ. Họ phải học tập tin cậy Ngài ngay cả lúc Ngài không có mặt với họ hay những lúc dường

như Ngài không chăm sóc quan tâm.

Bây giờ chúng ta chú ý đến Phi-e-rơ. Trước khi trách Phi-e-rơ vì bị sụp xuống nước, chúng ta hãy khen ngợi ông vì hành động đức tin phi thường của ông. Ông đã dám làm một việc khác người. Ai cũng ngồi yên trong thuyền và nhìn, nhưng phải là một người có đức tin thật mới dám rời thuyền và đi bộ trên mặt nước.

Điều gì đã làm cho Phi-e-rơ sụp xuống nước? Đức tin của ông ta bắt đầu dao động vì ông đã rời mắt khỏi Chúa và bắt đầu nhìn sự vật chung quanh mình. Chúa Giê-xu hỏi Phi-e-rơ, “Tại sao người nghi ngờ?” (*Ma-thi-ơ* 14:31). Từ được dịch là nghi ngờ mang ý nghĩa “đứng phân vân ở ngã ba đường”. Phi-e-rơ bắt đầu bước đi bằng đức tin lớn nhưng về sau đức tin của ông yếu hẳn vì ông nhìn cả hai bên thay vì chỉ nhìn về phía Chúa.

Chúng ta nên có lời khen Phi-e-rơ vì ông *biết* đang bị chìm và ông kêu cầu Chúa giúp đỡ. Phi-e-rơ kêu cứu khi ông “đang bắt đầu chìm”, ông không đợi khi mình bị nước cuốn đi. Có lẽ kinh nghiệm này sống lại trong tâm trí của ông nhiều năm sau đó lúc ông viết thư tín đầu tiên của mình: “Vì mất của Chúa đoái trông người công bình, Tai Ngài lắng nghe lời cầu nguyện người” (*I Phi-e-rơ* 3:12).

Kinh nghiệm này đầy thách thức cho Phi-e-rơ, nhưng đã giúp ông lớn lên trong sự nhận biết chính mình và nhận biết Chúa. Những cơn giông bão của cuộc đời không phải dễ chịu, nhưng thật cần thiết. Những lần trải qua như vậy dạy chúng ta tin cậy một mình Chúa Giê-xu Christ và vâng theo Lời dạy của Ngài cho dù hoàn cảnh có là gì chăng nữa. Người ta đã nói: “Đức tin không phải là tin bất chấp bằng chứng, nhưng là vâng theo bất chấp hậu quả.”

“*Ngài sẽ giúp tôi vượt qua*”. Nếu Chúa Giê-xu phán “Hãy đến” thì Ngài sẽ làm hoàn thành việc Ngài mời đến. Bởi vì Ngài là “cội rễ và cuối cùng của đức tin chúng ta” (*Hê-bơ-rơ* 12:2), bất cứ điều gì Ngài bắt đầu, Ngài sẽ hoàn tất. Chúng ta có thể thất bại dọc đường, nhưng cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ chiến thắng. Chúa Giê-xu *cùng đi* với Phi-e-rơ trên mặt biển và lên thuyền.

Kinh nghiệm của Phi-e-rơ hóa ra là một phước hạnh cho các môn đệ khác cũng như cho chính ông ta. Khi họ tận mắt nhìn thấy quyền năng của Chúa Cứu Thế Giê-xu trong việc chế ngự và làm yên cơn bão, họ chỉ có thể phủ phục xuống trước mặt Ngài mà thờ lạy Ngài. Khi Chúa Giê-xu lần đầu dẹp yên cơn bão (*Ma-thi-ơ 8:23-27*), các môn đệ nói rằng: “Người này là ai?”. Nhưng bây giờ lời chứng của họ đã rõ ràng: “Thầy thật là Con Đức Chúa Trời”.

Các môn đệ đã giúp nuôi 5.000 người và rồi Đức Chúa Trời cho phép họ đi qua cơn bão. Trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, họ đã chinh phục 5.000 người trở lại tin nhận Chúa (*Công Vụ Các Sứ Đồ 4:4*), và rồi cơn bão bắt bớ xảy ra. Rất có thể Phi-e-rơ và các môn đệ nhớ lại kinh nghiệm trải qua cơn bão với Chúa và họ thêm lên lòng mạnh mẽ.

Phép lạ này tôn cao vương quyền của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Thực ra khi Ma-thi-ơ viết lời thỉnh cầu của Phi-e-rơ “Xin khiến tôi đi trên mặt nước...”, ông ta đã dùng tiếng Hy Lạp có nghĩa là “lời phán truyền của vua”. Phi-e-rơ biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Vua trên khắp vũ trụ vạn vật, trong đó có cả sóng gió. Lời Ngài phán là mệnh lệnh và mọi vật phải tuân lệnh Ngài.

Thuyền cập bến thành Ghê-nê-xa-rét, gần thành Ca-bê-na-um và thành Bết-sai-đa; và tại đó Chúa Giê-xu đã chữa lành nhiều người. Những người dân thành này có biết Chúa Giê-xu đã trải qua cơn bão để đáp ứng nhu cầu của họ không? Chúng ta có nhớ chăng Ngài đã chịu đựng cơn bão đoán phạt để cứu rỗi linh hồn chúng ta? (*Thi Thiên 42:7*). Ngài chịu đựng cơn bão tội lỗi để chúng ta không còn chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải bắt chước các môn đệ, phủ phục nơi chân Ngài và nhận biết rằng Chúa Giê-xu là Vua muôn vua, Chúa trên muôn chúa.

## Mối Quan Tâm Của Vua

*Ma-thi-ơ 15*

Như trong chương trước, chúng ta thấy Chúa đối chất với kẻ chống nghịch Ngài (*Ma-thi-ơ 15:1-11*), dạy dỗ các môn đệ Ngài (*Ma-thi-ơ 15:12-20*), và đáp ứng nhu cầu cho đám dân đông (*Ma-thi-ơ 15:21-31*). Đó là mẫu hình hoạt động của Chúa Giê-xu trong suốt thời gian Ngài lánh mặt.

Chúa rất quan tâm đến lẽ thật và lòng yêu thương. Ngài dạy các nhà lãnh đạo Do Thái về lẽ thật và phơi bày thói đạo đức giả của họ, đồng thời Ngài bày tỏ lòng yêu thương đối với dân ngoại khi Ngài chu cấp nhu cầu cho họ. Qua nghiên cứu hai mối quan tâm ấy, chúng ta có thể hiểu được sứ điệp của chương này.

### Lẽ Thật: Ngài Không Chấp Nhận Truyền Thống Của Người Giu-đa

*Ma-thi-ơ 15: 1-20*

<sup>1</sup> Bấy giờ, có mấy người Pha-ri-si và mấy thầy thông giáo từ thành Giê-ru-sa-lem đến gần Đức Chúa Jêsus, mà thưa rằng: <sup>2</sup> Sao môn đồ thầy phạm lời truyền khẩu của người xưa? Vì họ không rửa tay trước khi ăn. <sup>3</sup> Ngài

đáp rằng: Còn các người sao cũng vì cố lời truyền khẩu mình mà phạm điều răn của Đức Chúa Trời? <sup>4</sup> Vì Đức Chúa Trời đã truyền điều răn này: Phải hiếu kính cha mẹ người; lại, điều này: Ai mắng nhiếc cha mẹ thì phải chết. <sup>5</sup> Nhưng các người lại nói rằng: Ai nói cùng cha mẹ rằng: Những điều mà tôi có thể giúp cha mẹ, đã dâng cho Đức Chúa Trời rồi, thì người ấy không cần phải hiếu kính cha mẹ. <sup>6</sup> Như vậy, các người đã vì lời truyền khẩu mình mà bỏ lời Đức Chúa Trời. <sup>7</sup> Hỡi kẻ giả hình! Ê-sai đã nói tiên tri về các người phải lắm, mà rằng:

<sup>8</sup> Dân này lấy mỗi miếng thờ kính ta;

Nhưng lòng chúng nó xa ta lắm.

<sup>9</sup> Sự chúng nó thờ lạy ta là vô ích,

Vì chúng nó dạy theo những điều răn mà chỉ bởi người ta đặt ra.

<sup>10</sup> Đoạn, Ngài gọi đoàn dân đến, mà phán rằng: Hãy nghe, và hiểu. <sup>11</sup> Chẳng phải điều chi vào miệng làm dơ dáy người; nhưng điều chi ở miệng ra, ấy mới là điều làm dơ dáy người vậy! <sup>12</sup> Môn đồ bèn lại gần, mà thưa rằng: Thầy có hay rằng người Pha-ri-si nghe lời thầy nói mà phiền giận chẳng? <sup>13</sup> Ngài đáp rằng: Cây nào mà Cha ta trên trời không trồng, thì phải nhổ đi. <sup>14</sup> Hãy để vậy: Đó là những kẻ mù làm người dẫn đưa; nếu kẻ mù dẫn đưa kẻ mù, thì cả hai sẽ cùng té xuống hố. <sup>15</sup> Phi-e-rơ bèn cất tiếng thưa rằng: Xin thầy cắt nghĩa lời ví dụ ấy cho chúng tôi. <sup>16</sup> Đức Chúa Jê-sus hỏi rằng: Các người cũng còn chưa hiểu biết sao? <sup>17</sup> Các người chưa hiểu vật gì vào miệng thì đi thẳng xuống bụng, rồi phải bỏ ra nơi kín sao? <sup>18</sup> Song những điều bởi miệng mà ra là từ trong lòng, thì những điều đó làm dơ dáy người. <sup>19</sup> Vì từ nơi lòng mà ra những ác tưởng, những tội giết người, tà dâm, dâm dục, trộm cướp, làm chứng dối, và lộng ngôn. <sup>20</sup> Ấy đó là những điều làm dơ dáy người: Song sự ăn mà không rửa tay chẳng làm dơ dáy người đâu.

Sự kiện sống động này liên hệ đến ba lời thỉnh cầu của các thầy thông giáo và ba lời đáp của Chúa Giê-xu.

*Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si (Ma-thi-ơ 15:1-11).* Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si cấu kết chống đối Giê-xu và từ thành Giê-ru-sa-lem kéo nhau đến chất vấn Ngài cho thấy tính chất nghiêm trọng trong mục đích của họ. Có thể ủy ban này đại diện cho các cấp lãnh đạo trong tòa Công Luận tại Giê-ru-sa-lem. Điều họ cáo buộc về “phép rửa tay trước khi ăn” chẳng có liên quan gì đến sự tinh sạch. Họ muốn nói đến nghi thức rửa tay của người Giu-đa chính thống (Mác 7:1-4). Chúa Giê-xu và môn

đệ Ngài ngồi đồng bàn với những người xấu nét cũng đủ để họ không chấp nhận nhưng họ lại không tìm cách để được tinh sạch! Dĩ nhiên trong lời kiện cáo này, các nhà lãnh đạo giáo hội đang buộc Chúa Giê-xu quan tâm đến nền tảng niềm tin tôn giáo của họ. Nếu Chúa Giê-xu chối bỏ những truyền thống thiêng liêng của dân chúng, thì Ngài là kẻ tà đạo rồi!

Những truyền thống này xuất phát từ đâu? Do các thầy dạy đạo của những thế hệ trước truyền lại. Những truyền thống này nguyên là những luật truyền khẩu mà theo lời các Ra-bi Do Thái do Môi-se truyền cho các trưởng lão, và họ truyền lại cho dân chúng. Cuối cùng luật truyền khẩu này được viết ra và trở thành kinh Mishnah. Chẳng may, kinh Mishnah lại quan trọng và có thẩm quyền hơn Luật Pháp Môi-se.

Chúa Giê-xu đáp lại sự buộc tội của họ bằng lời lên án (*Ma-thi-ơ* 15:3). Chính họ là những người đang phá bỏ Luật pháp của Đức Chúa Trời qua việc thực hành các truyền thống! Kế đến Ngài dùng một minh họa (*Ma-thi-ơ* 15:4-6) để nói về tục “co-ban” của họ (*Mác* 7:11). Theo tiếng Hê-bơ-rơ, co-ban có nghĩa “một món quà”. Nếu một người Do Thái muốn trốn tránh trách nhiệm đóng góp tài chính, anh ta tuyên bố của cải mình là “co-ban - món quà dâng cho Đức Chúa Trời”. Điều này có nghĩa anh ta được miễn các bổn phận khác, như việc săn sóc cha mẹ mình. Nhưng làm như vậy, người đó đang đánh mất năng quyền của Lời Đức Chúa Trời trong cuộc sống của mình, và do đó làm thương tổn đến nhân cách của mình và mất phước hạnh của Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu dùng một ứng dụng để kết thúc lời đáp của Ngài (*Ma-thi-ơ* 15:7-11). Ngài trích dẫn *Ê-sai* 29:13. Chúa Giê-xu vạch rõ rằng vâng theo truyền thống làm cho con người bất tuân lời Đức Chúa Trời, và điều này chứng tỏ lời truyền khẩu là sai lầm. *Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:12; dạy chúng ta phải “hiếu kính” cha mẹ, nhưng luật “co-ban” khiến người ta bất kính cha mẹ mình, và đồng thời cũng không vâng lời Đức Chúa Trời.

Rất tiếc, truyền thống là cái gì ở bên ngoài nhưng lẽ thật của Đức Chúa Trời là cái gì ở bên trong tấm lòng. Người ta vâng giữ

truyền thống để làm hài lòng con người và được trọng vọng (*Ga-la-ti* 1:14) nhưng vâng giữ lời Chúa để làm đẹp lòng Ngài. Truyền thống liên quan đến *nghe lẽ* trong khi lẽ thật của Đức Chúa Trời đối diện với *thực tại*. Truyền thống chỉ là những lời nói trống rỗng trên môi miệng, nhưng lẽ thật len lỏi vào trong tấm lòng và biến đổi đời sống. Thật thế, truyền thống khiến con người đánh mất quyền năng của lời Chúa. Hội Thánh ngày nay có quá nhiều “những truyền thống Cơ Đốc”, những lời dạy do con người đặt ra thường được mọi người xem có thẩm quyền ngang với Lời Đức Chúa Trời – ngay cả những lời ấy có trái ngược với lời dạy của Ngài. Vâng giữ những truyền thống này, Cơ Đốc nhân đã tự đánh mất đi năng quyền của Lời Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta dâng tấm lòng mình cho Ngài, và không chỉ hầu việc bằng môi miệng. Chúng ta tin Ngài trong lòng (*Rô-ma* 10:9-10), yêu mến Ngài từ trong lòng (*Ma-thi-ơ* 22:37), ca ngợi bằng tấm lòng (*Cô-lô-se* 3:16), vâng phục Ngài bằng tấm lòng (*Ê-phê-sô* 6:6; *Rô-ma* 6:17), và dâng hiến từ tấm lòng (*II Cô-rinh-tô* 9:7). Không có gì đáng ngạc nhiên khi vua Đa-vít cầu nguyện, “Đức Chúa Trời ôi! Xin hãy dựng nên trong tôi một lòng trong sạch” (*Thi Thiên* 51:10).

Chúa Giê-xu tuyên bố mạnh mẽ với đoàn dân đông rằng tội lỗi đến từ trong lòng, chứ không từ đồ ăn. Chính những gì ra từ miệng mới làm dơ dáy chúng ta, chứ không phải vật từ ngoài vào miệng chúng ta.

*Các môn đệ* (*Ma-thi-ơ* 15:12-14). Các môn đệ kinh ngạc vì những lời dạy của Chúa Giê-xu về thức ăn. Xét cho cùng, các môn đệ đã được giáo huấn để trở nên những người Giu-đa mẫu mực (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:14; cho lời chứng của Phi-e-rô). Họ biết sự khác biệt giữa thức ăn “sạch” và “không sạch” (*Lê-vi Ký* 11:1-47).

Nhưng các môn đệ có mối bận tâm khác: Lời dạy này đã làm thương tổn người Pha-ri-si và chắc chắn gây nên những rắc rối nghiêm trọng. Nhưng Chúa Giê-xu không bận tâm về người Pha-ri-si. Con người cũng như lời dạy của họ không đến từ Đức Chúa

Trời, vì vậy sẽ không tồn tại lâu. Trong khi có nhiều nhóm biệt lập muốn tìm cách lưu giữ truyền thống, thì phần lớn học thuyết của người Pha-ri-si không còn nữa. Tuy nhiên, tinh thần Pha-ri-si (truyền thống, tinh thần duy luật, đạo đức giả, hình thức bên ngoài) vẫn tồn tại trong chúng ta, đó là điều Chúa Giê-xu gọi là “men của người Pha-ri-si” (*Ma-thi-ơ* 16:6).

Chúa Giê-xu cũng chỉ rõ người Pha-ri-si là kẻ mù và họ có thể đưa những người theo họ sa xuống hố. Trong *Ma-thi-ơ* 23:16, Ngài gọi họ là “kẻ dẫn đường bị mù” - một lời mô tả hoàn toàn xác đáng. Tại sao phải sợ những cây không có rễ sắp bị héo khô, hoặc những người mù dẫn đường không thể biết họ đang đi đâu?

*Phi-e-rơ* (*Ma-thi-ơ* 15:15-20). Phi-e-rơ không thỏa lòng cho đến khi được Chúa giải thích lời dạy về thức ăn. Chúa kiên nhẫn giảng giải lại ý nghĩa của bài học cho các môn đệ. Điều này dường như rõ ràng đối với chúng ta, nhưng thật mới lạ cho những người Do Thái chính thống. Bất cứ thứ gì đi vào miệng xuống dạ dày và cuối cùng phải thải ra. Thức ăn không bao giờ đọng đến tấm lòng. Nhưng điều gì ra từ miệng thì xuất phát từ tấm lòng, và điều này làm dơ dáy con người. Dĩ nhiên, hành động bao gồm lời nói. Thường thì hành động có sức mạnh hơn lời nói.

Một vài năm sau đó, Chúa phải nhắc lại bài học về thức ăn cho Phi-e-rơ khi Ngài chuẩn bị kêu gọi ông giảng Phúc Âm cho dân ngoại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:1-48). Sứ đồ Phao-lô nhắc đến điều này trong *I Ti-mô-thê* 4:3-6 và cũng bàn đến trong *Rô-ma* 14:1-15:13.

### Lòng Thương Xót: Ngài Đáp Ứng Nhu Cầu Của Người Ngoại Bang

*Ma-thi-ơ* 15: 21-39

<sup>21</sup> Đức Chúa Jê-sus đi từ đó, vào bờ cõi thành Ty-ơ và thành Si-đôn. <sup>22</sup> Xây có một người đàn bà xứ Ca-na-an, từ xứ ấy đến, mà kêu lên rằng: Lạy Chúa, là con cháu vua Đa-vít, xin thương xót tôi cùng! Con gái tôi mắc quỉ ám, khổn cực lắm. <sup>23</sup> Nhưng Ngài chẳng đáp một lời. Môn đồ bèn đến gần, cõ nài xin rằng: Xin thầy truyền cho đàn bà ấy về, vì người kêu van ở đằng

sau chúng ta. <sup>24</sup> Ngài đáp rằng: Ta chịu sai đến đây, chỉ vì các con chiền lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên đó thôi. <sup>25</sup> Song người đàn bà lại gần, lạy Ngài mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin Chúa giúp tôi cùng! <sup>26</sup> Ngài đáp rằng: Không nên lấy bánh của con cái mà quăng cho chó con ăn. <sup>27</sup> Người đàn bà lại thưa rằng: Lạy Chúa, thật như vậy, song mấy con chó con ăn những miếng bánh vụn trên bàn chủ nó rất sướng. <sup>28</sup> Ngài bèn phán rằng: Hỡi đàn bà kia, người có đức tin lớn; việc phải xảy ra theo ý người muốn! Cũng một giờ đó, con gái người liền được lành.

<sup>29</sup> Đức Chúa Jê-sus từ đó đi đến gần biển Ga-li-lê; rồi lên trên núi mà ngồi. <sup>30</sup> Bấy giờ có đoàn dân rất đông đến gần Ngài, đem theo những kẻ què, đui, câm, tàn tật và nhiều kẻ đau khác, để dưới chân Đức Chúa Jê-sus, thì Ngài chữa cho họ được lành. <sup>31</sup> Vậy, chúng thấy kẻ câm được nói, kẻ tàn tật được khỏi, kẻ què được đi, kẻ đui được sáng, thì lấy làm lạ lắm, đều ngợi khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên.

<sup>32</sup> Khi đó, Đức Chúa Jê-sus gọi môn đồ đến mà phán rằng: Ta thương xót đoàn dân này; vì đã ba ngày ở cùng ta, bây giờ không có chi ăn hết. Ta không muốn để họ nhịn đói mà về, e phải mệt lửi dọc đường chẳng. <sup>33</sup> Môn đồ thưa rằng: Ở nơi đồng vắng này, ta há dễ kiếm đâu đủ bánh, đặng cho dân đông dường ấy ăn no nê sao? <sup>34</sup> Ngài phán hỏi môn đồ rằng: Các người có mấy cái bánh? Môn đồ thưa rằng: Có bảy cái bánh, cùng vài con cá. <sup>35</sup> Ngài bèn biểu dân chúng ngồi xuống đất. <sup>36</sup> Đoạn, Ngài lấy bảy cái bánh và cá; tạ ơn rồi, bẻ bánh ra đưa cho môn đồ, môn đồ phân phát cho dân chúng. <sup>37</sup> Ai nấy ăn no cả, còn bánh thừa lượm được bảy giỏ đầy. <sup>38</sup> Số người ăn là bốn ngàn, không kể đàn bà con trẻ. <sup>39</sup> Bấy giờ Ngài cho đoàn dân về, rồi xuống thuyền mà qua bờ cõi xứ Ma-ga-đan.

Chúa Giê-xu không chỉ dạy họ rằng chẳng có vật thực nào không thanh sạch, Ngài còn thực hành lời dạy bằng cách đi vào xứ sở của người ngoại bang. Ngài rời khỏi địa phận xứ Y-sơ-ra-ên và lại lánh mặt để đi vào bờ cõi xứ Ty-rơ và Si-đôn. Theo quan điểm của người Do Thái thì dân ngoại bị xem là “ô uế”. Thực ra, người Do Thái muốn ám chỉ dân ngoại bang là “loài chó”. Việc Chúa Giê-xu quan tâm chăm sóc dân ngoại bang không có gì đáng ngạc nhiên (*Ma-thi-ơ* 12:17-21) mặc dầu vào lúc ấy, Ngài dành phần chăm sóc đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên (10:5-6).

*Những người bị quỷ ám* (*Ma-thi-ơ* 15:21-28). Chúa Giê-xu đang tìm cách ẩn dật (*Mác* 7:24), nhưng người đàn bà Ca-na-an này nghe được nơi Chúa Giê-xu trú ngụ và tìm đến với Ngài cầu xin

giúp đỡ. Hãy nhớ rằng cách Chúa trả lời người đàn bà không phải để dập tắt đức tin của bà ta nhưng làm cho đức tin ấy lớn lên. Lời đáp của người đàn bà cho thấy đức tin của bà đang lớn lên và bà không chịu để Ngài đi qua khi Ngài chưa nhận lời kêu xin của bà. Ông Samuel Rutherford đã phát biểu cách tuyệt vời với nguyên tắc này: “Chính công việc của đức tin đòi hỏi và thách thức sự nhân từ ra từ chỗ khó nhất của Đức Chúa Trời.”

Khi người đàn bà chạy đến với Chúa Giê-xu xưng Ngài là “Con vua Đa Vít”, bà tự đặt mình trong vai trò của người Do Thái; đây là điều bà không thể được vì bà là người ngoại bang. Dĩ nhiên việc xưng danh hiệu này chứng tỏ bà tin Chúa là Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời, vì “Con vua Đa vít” là danh xưng dành cho Đấng Mết-si-a (*Ma-thi-ơ* 22:42). Khi người đàn bà đến với Chúa Giê-xu bằng ngôn từ của người Do Thái, Ngài im lặng. Đương nhiên, Ngài biết lòng bà, và sự lặng thinh của Ngài lại khích lệ bà tiếp tục kêu xin.

Không chịu được cảnh có người cứ theo phía sau kêu xin, các môn đệ thưa với Chúa, “Xin Thầy truyền cho bà ấy về!” Chúng ta không biết chắc có phải họ muốn nói, “Xin Thầy ban cho điều bà ta cầu xin để bà ấy đi về” hay họ chỉ xin Chúa “Truyền cho bà ấy về!”. Trường hợp nào cũng bày tỏ sự lạnh nhạt của họ đối với người đàn bà lẫn người con gái bị quỉ ám. Lời đáp của Chúa trong câu 24; cho thấy có thể họ muốn Ngài đáp lời cầu xin của bà ấy.

Chúng ta không khỏi khâm phục sự nhẫn nại và lòng kiên trì của người mẹ ngoại bang này. Bà tiếp tục kêu xin lần thứ hai “Lạy Chúa, xin giúp tôi cùng!”; và lần này bà tránh không dùng danh xưng Đấng Mết-si-a. Bà đến với Chúa như một tội nhân cần ơn thương xót của Ngài, và bà không phàn nàn than trách điều gì. Trong lời đáp lại của Chúa Giê-xu, Ngài không gọi bà là “con chó” như cách người Pha-ri-si gọi một người ngoại bang. Trong tiếng Hy Lạp từ này có nghĩa “con chó con được cưng chiều” chứ không phải những chó bẩn thỉu chạy rong ngoài đường phố ăn những đồ cặn bã thừa thãi. “Con cái” ám chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa Giê-xu không đùa cợt người đàn bà, Ngài cũng không

làm cho tình cảnh trở nên khó khăn hơn. Ngài đang khơi gợi một đức tin đang lớn dần lên trong bà ta. Ngay lập tức người đàn bà nắm ngay lấy hình ảnh về bánh của con cái, và đây là điều Ngài muốn bà làm. Chúng ta có thể diễn giải lời đáp của bà ta: “Quả thật người ngoại bang chúng tôi không ngồi cùng bàn và ăn bánh như con cái. Nhưng mấy con chó con ở dưới bàn có thể ăn những miếng bánh vụn rớt từ trên bàn chủ nó!” Quả là một lời bày tỏ đức tin tuyệt vời! Đó là đức tin mà Chúa Giê-xu ghi nhận, và ngay tức khắc Ngài đã chữa lành cho con gái bà ta. Cũng nên ghi nhận rằng cả hai người có “đức tin lớn” được chép trong Phúc Âm Ma-thi-ơ đều là người ngoại bang: người đàn bà Ca-na-an này và viên thầy đội người La Mã (*Ma-thi-ơ* 8:5-13). Trong cả hai trường hợp, Chúa Giê-xu chữa lành người bệnh từ đằng xa. Theo ý nghĩa thuộc linh, dân ngoại bang bị “cách xa” cho đến khi Chúa Giê-xu chịu chết thay cho cả dân Do Thái lẫn người ngoại bang trên đồi Gô-gô-tha để họ có thể được hòa lại Ngài (*Ê-phê-sô* 2:11).

Người đàn bà có đức tin lớn vì bà kiên trì cầu xin và tin cậy khi mọi việc đều là những trở lực. Chắc chắn gốc gác của bà là một trở lực lớn: Bà là một dân ngoại. Phái tính cũng là hàng rào cản ngăn bà, vì hầu hết các Ra-bi Do Thái Giáo coi thường phụ nữ. Dường như các môn đệ không đồng tình với việc làm của bà, và chính lời của Đấng Christ cũng có thể khiến bà nghĩ rằng Chúa cũng không quan tâm đến bà. Nhưng tất cả những ngăn trở này chỉ khiến cho người đàn bà kiên trì cầu xin.

*Những kẻ bệnh và người tàn tật (Ma-thi-ơ 15:29-31).* Rời khỏi bờ cõi thành Ty-rơ và Si-đôn, Chúa Giê-xu đến địa phận xứ Đê-ca-bô-lơ. Xứ Đê-ca-bô-lơ bao gồm mười thành phố liên minh lại với nhau và được chính quyền La Mã cho phép đúc đồng tiền riêng, điều hành tòa án và có quân đội riêng. Đây là phần đất có đa số dân ngoại bang sinh sống.

Tại đó Chúa Giê-xu chữa lành người đàn ông bị điếc và câm (*Mác* 7:31-37). Dầu Chúa đã dặn người được chữa lành phải im lặng, nhưng anh ta và bạn hữu của mình đã thuật lại phép lạ này ra các miền chung quanh. Sự việc này làm cho một số lớn dân

chúng tụ họp lại - gồm có những kẻ què, đui, câm, tàn tật, nhiều kẻ đau khác nữa. Chúa Giê-xu đã chữa lành cho họ, và dân ngoại bang “ngợi khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên”.

Chúng ta không thể tránh khỏi ngạc nhiên về nét tương phản giữa những người ngoại bang này với các nhà lãnh đạo Do Thái hiểu biết Lời Kinh Thánh Cựu Ước. Dân ngoại bang ngợi khen Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, còn các bậc lãnh đạo Y-sơ-ra-ên lại nói rằng Chúa Giê-xu cùng hội với quỷ Sa-tan (*Ma-thi-ơ* 12:22-24).

Các phép lạ của Chúa không làm cho cư dân các thành Giu-đa ăn năn (*Ma-thi-ơ* 11:20), nhưng dân ngoại lại tin nhận Ngài. Đáng lẽ chính các phép lạ Ngài làm thuyết phục dân Giu-đa tin rằng Ngài là Đấng Mết-si-a (*Ma-thi-ơ* 11:1-6; *Ê-sai* 29:18-19; 35:4-6). Chúa Giê-xu thán phục đức tin của người lính và người mẹ ngoại bang, nhưng Ngài ngạc nhiên về lòng vô tín của dân Ngài (*Mác* 6:6).

*Những người đói khát* (*Ma-thi-ơ* 15:32-39). Các nhà phê bình đã cáo giác những người viết sách Phúc Âm cố tình bóp méo các lời tường thuật để chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu làm nhiều phép lạ. Họ cho rằng việc hóa bánh nuôi 4.000 người chỉ là nhại lại phép lạ Chúa đã cho 5.000 người ăn. Nếu xem kỹ lại các bản tường thuật chúng ta sẽ thấy rằng lời cáo buộc này không đúng và các nhà phê bình đã nhận định sai. Bảng so sánh dưới đây chỉ ra những điểm khác biệt giữa hai lần hóa bánh.

- Hóa bánh nuôi 5.000 người

Chủ yếu là người Giu-Đa ở Ga-li-lê gần thành Bết-sai-đa

5 cái bánh, và 2 con cá

12 giỏ đầy còn dư lại

Đám dân đông ở với Ngài 1 ngày

Phép lạ xảy ra vào mùa xuân

Dân chúng tìm cách tôn Ngài làm Vua

- Hóa bánh nuôi 4.000 người

Chủ yếu là dân ngoại bang ở xứ Đê-ca-bô-lơ

7 cái bánh, và “một vài con cá”

7 giỏ đầy còn dư lại

Đám dân đông ở với Ngài 3 ngày

Phép lạ xảy ra vào mùa hè

Dân chúng không có phản ứng nào cả

Vì đám dân đông 4.000 người ở với Ngài đã 3 ngày, nên họ đã dùng hết phần ăn mang theo. Lòng thương xót của Chúa chúng ta không cho phép Ngài để cho đoàn dân bị đói trên đường trở về nhà, nếu không cho họ ăn họ sẽ ngất xỉu dọc đường. Động cơ đầu tiên Ngài làm phép lạ này chỉ vì Ngài muốn chu cấp nhu cầu vật chất cho con người. Dân chúng đã thấy những phép lạ Ngài làm và ngợi khen Đức Chúa Trời, do đó phép lạ này không nhằm mục đích rao truyền một sứ điệp hoặc chứng tỏ chức vụ chân chính của Ngài.

Tuy nhiên, phép lạ này có mục đích đặc biệt cho các môn đệ Ngài. Chúng ta ngạc nhiên khi thấy họ quên việc Chúa hóa bánh nuôi 5.000 người (đọc kỹ *Ma-thi-ơ* 16:6-12). Mười hai môn đệ áp úng trong khi đáng lý họ phải nói, “Chúa Giê-xu đã hóa bánh và cá, vì vậy chúng ta không cần phải lo lắng!” Dĩ nhiên, có thể họ nghĩ rằng Ngài sẽ không làm phép lạ giống như vậy trong xứ ngoại bang, hoặc có thể do lần trước đám đông đã cố tôn Ngài làm Vua sẽ làm cho Chúa Giê-xu tránh lập lại phép lạ ấy.

Giống phép lạ nuôi 5.000 người, phép lạ này xảy ra trong tay của Ngài. Khi Chúa Giê-xu bẻ bánh và trao cho các môn đệ, bánh được nhân lên gấp bội. Ai nấy ăn và no nê. Hơn nữa Chúa Giê-xu ra lệnh thu lại tất cả bánh còn dư lại để khỏi bỏ phí. Khả năng thực hiện phép lạ không cho phép phạm sự ban cho của Đức Chúa Trời.

Chữ được dịch những giỏ trong *Ma-thi-ơ* 15:37 có nghĩa “một cái thúng lớn”. Cùng một loại giỏ đã được dùng để giồng Phao-lô xuống khỏi vách thành Đa-mách (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 9:25). Chữ được dịch những giỏ trong *Ma-thi-ơ* 14:20; có nghĩa “một cái giỏ bằng sợi cây liễu gai”, loại giỏ người ta dùng mang thức ăn hoặc đựng các loại hàng hóa khác. Hai từ khác nhau này được sử dụng là một bằng chứng khác nữa cho thấy hai phép lạ hoàn toàn khác

nhau.

Chúa Giê-xu không ban phát sứ điệp về “bánh của sự sống” cho đám đông như Ngài đã làm cho người Do Thái tại thành Ca-bê-na-um, sau phép lạ hóa bánh cho 5.000 người (*Giăng* 6:22). Bánh Ma-na trong Cựu Ước và “bánh của Đức Chúa Trời” ắt sẽ xa lạ đối với người ngoại bang. Chúa Giê-xu luôn luôn giảng dạy phù hợp với nhu cầu và khả năng hiểu biết của dân chúng.

Trước khi kết thúc *Ma-thi-ơ* chương 15, chúng ta hãy ôn lại vài bài học thuộc linh chúng ta đã học được.

(1) Kẻ thù của lẽ thật thường là những người theo tôn giáo truyền thống của con người. Quỷ Sa-tan thường dùng “tôn giáo” để che mờ tâm trí của tội nhân đối với chân lý đơn giản trong lời Đức Chúa Trời.

(2) Chúng ta phải coi chừng bất kỳ hệ thống tôn giáo nào cho phép chúng ta biện hộ cho tội lỗi và không vâng theo lời Đức Chúa Trời.

(3) Chúng ta cũng phải coi chừng sự thờ phượng chỉ trên môi miệng mà không xuất phát từ tấm lòng.

(4) Nếu chúng ta trau dồi người bề trong, thì Đức Chúa Trời sẽ hình thành người bề ngoài cho chúng ta theo ý Ngài muốn. Sự thánh khiết thật xuất phát từ bên trong.

(5) Không dễ gì thoát ra khỏi truyền thống. Có điều gì đó trong chúng ta cứ muốn níu kéo quá khứ và không chịu thay đổi. Ngay cả Phi-e-rơ đã phải hai lần học bài học này.

(6) Chúng ta không dám giới hạn đạo Đấng Christ trong một quốc gia hoặc dân tộc nào. Phúc Âm của Chúa đến “với người Do Thái trước tiên” (*Rô-ma* 1:16), nhưng ngày nay ân sủng dành cho mọi người khắp mọi dân tộc, “Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu” (*Rô-ma* 10:13).

## Sự Ngạc Nhiên Của Vua

*Ma-thi-ơ 16*

Các biến cố ghi lại trong *Ma-thi-ơ* chương 16 tạo nên một bước ngoặt đáng nhớ trong chức vụ của Chúa chúng ta. Lần đầu tiên Ngài nhắc đến Hội Thánh (*Ma-thi-ơ* 16:18) và công khai nói về sự chết của Ngài trên thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 16:21). Ngài bắt đầu cho môn đệ biết trước Ngài sẽ bị bắt, chịu chết trên thập tự giá và sống lại. Nhưng, như chúng ta thấy, họ chậm hiểu lời phán dạy của Ngài.

Chủ đề *đức tin* xuyên suốt qua các biến cố trong chương này. Khi nghiên cứu các biến cố này, chúng ta sẽ thấy bốn trình độ đức tin khác nhau và thế nào những loại đức tin này liên hệ đến Chúa Cứu Thế.

### Lòng Vô Tín - Thách Thức Chúa Cứu Thế

*Ma-thi-ơ* 16:1-4

<sup>1</sup> Những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến cùng Đức Chúa Jêsus, có ý thử Ngài, thì xin làm cho xem một dấu lạ từ trên trời xuống. <sup>2</sup> Nhưng Ngài đáp

rằng: Khi chiều tối đến, thì các người nói rằng: Sẽ tốt trời, vì trời đỏ. <sup>3</sup> Còn sớm mai, thì các người nói rằng: Hôm nay sẽ có cơn dông, vì trời đỏ và mờ mờ. Các người biết phân biệt rõ sắc trời, mà không phân biệt được dấu chỉ thì giờ ư! <sup>4</sup> Dòng dõi hung ác gian dân này xin một dấu lạ; nhưng sẽ chẳng cho dấu lạ chi khác ngoài dấu lạ của đấng tiên tri Giê-na. Rồi Ngài bỏ họ mà đi.

Nhằm bắt bí Chúa Giê-xu, hai tập thể tôn giáo đối lập đã liên minh lại ra sức chống đối Ngài. Họ đang chờ đợi lúc Ngài trở lại xứ Ga-li-lê. Dĩ nhiên phe Pha-ri-si là những người chú trọng truyền thống đương thời, trong khi người Sa-đu-sê có tư tưởng tự do hơn (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 23:6-10). Họ hiệp nhau thách đố Chúa Giê-xu: “Xin cho xem một dấu lạ từ trên trời để chúng tôi tin Thầy là Đấng Christ.”

Chữ được dịch là *dấu lạ* không chỉ có nghĩa là một phép lạ hoặc sự bày tỏ quyền năng nhưng còn có nghĩa là “một việc lạ lùng mà bởi đó người ta nhận biết một người hoặc xác nhận người đó là ai.”

Đây là lần thứ tư các nhà lãnh đạo giáo hội đòi xem một dấu lạ (*Giăng* 2:18; *Ma-thi-ơ* 12:38; *Giăng* 6:30).

Về sau họ lại yêu cầu cho xem dấu lạ (*Lu-ca* 11:14). Nhưng phép lạ không cáo trách con người cảm biết tội lỗi hoặc ban cho tấm lòng khát khao ơn cứu rỗi (*Lu-ca* 16:27-31; *Giăng* 12:10-11; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 14: 8-20). Phép lạ sẽ thêm lên sự mạnh mẽ cho những đời sống đặt lòng tin cậy Đức Chúa Trời, nhưng sẽ không giúp ích gì cho lòng vô tín.

Tại sao Chúa Giê-xu nói về thời tiết ở đây? Vì Ngài muốn vạch trần sự giả trá và lòng tối tăm cứng cõi của kẻ chống đối Ngài. Họ có khả năng xem xét các bằng chứng trong thế giới của Đức Chúa Trời và rút ra những kết luận giá trị, nhưng họ không nhìn thấy các bằng chứng Ngài đã trình bày cho họ. Kẻ thù của Ngài không chịu tin, do đó họ không thể tin được (*Giăng* 12:37). Người Pha-ri-si và Sa-đu-sê không thiếu bằng chứng; nhưng thiếu lòng thành thật và đức khiêm nhường.

Đòi hỏi dấu lạ cho thấy tình trạng xấu xa trong lòng họ: hung

ác và gian dâm. Ngài không lên án họ phạm tội gian dâm trong xác thịt, nhưng gian dâm thuộc linh (*Ê-sai* 57:1-21; *Gia-cơ* 4:4). Họ là người đang thờ lạy tà thần do bà tay con người dựng nên, đây là tội tà dâm thuộc linh. Nếu họ thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, ắt họ đã nhận biết Con của Ngài khi Đấng ấy đến thế gian.

Trước đây Chúa Giê-xu đã đề cập đến dấu lạ của đấng tiên tri Giô-na (xem *Ma-thi-ơ* 12:38-45). Đây là dấu hiệu về sự chết, sự chôn và sự sống lại. Bị đóng đinh, bị chôn và sống lại của Chúa Giê-xu chính thật là một dấu lạ cho dân Y-sơ-ra-ên biết chính Ngài là Đấng Mê-si-a của họ. Đó là dấu lạ Phi-e-rơ đã giảng trong ngày lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:22). *Ma-thi-ơ* 16:4 ghi lại lần thứ ba Chúa rời khỏi xứ Ga-li-lê. Trước đó Ngài đã bỏ đi để tránh vua Hê-rốt (*Ma-thi-ơ* 14:13) và người Pha-ri-si (15:21). Đó quả là một hành động đoán xét.

### Ít Đức Tin - Hiểu Nhầm Chúa Cứu Thế

*Ma-thi-ơ* 16:5-12

<sup>5</sup> Khi môn đồ đi đến bờ bên kia, quên đem bánh theo. <sup>6</sup> Đức Chúa Jê-sus phán cùng môn đồ rằng: Hãy giữ mình cẩn thận về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. <sup>7</sup> Môn đồ suy nghĩ và luận cùng nhau rằng: Đây là vì chúng ta không đem bánh theo. <sup>8</sup> Đức Chúa Jê-sus biết điều đó, thì phán rằng: Hỡi kẻ ít đức tin, sao các ngươi tưởng rằng ấy là vì cơ các ngươi không có bánh? <sup>9</sup> Các ngươi há chưa hiểu, cũng không nhớ năm cái bánh cho năm ngàn người, và các ngươi lượm được mấy giỏ đầy bánh thừa sao? <sup>10</sup> Lại há không nhớ bảy cái bánh cho bốn ngàn người, và các ngươi lượm được bao nhiêu giỏ đầy bánh thừa sao? <sup>11</sup> Các ngươi sao chẳng hiểu rằng không phải về bánh mà ta muốn nói đâu? nhưng hãy giữ mình về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. <sup>12</sup> Bấy giờ môn đồ mới hiểu rằng Ngài chẳng bảo giữ mình về men làm bánh, nhưng về đạo của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê.

Các môn đệ chỉ mang theo một ổ bánh (*Mác* 8:14). Chúng ta không được biết về mấy giỏ bánh còn dư lại sau phép lạ Chúa nuôi 4.000 người vừa xảy ra trước đó. Có lẽ môn đệ đã đem phân phát cho người khác. Nhân lúc thấy môn đệ lúng túng về việc không mang theo thức ăn, Chúa Giê-xu dạy họ một chân lý thuộc

linh quan trọng: Hãy giữ về men của người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê.

Các môn đệ hiểu nhầm lời dạy của Ngài; họ nghĩ rằng Ngài đang nói về bánh thuộc thể. Trong chức vụ của Chúa Giê-xu người ta thường giải thích sai lời dạy của Ngài theo nghĩa đen hơn là nghĩa thuộc linh. Ni-cô-đem nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang nói về sự sinh ra theo công lệ tự nhiên (*Giăng* 3:4), người đàn bà Sa-ma-ri cho rằng Ngài đang ám chỉ đến nước uống mức từ giếng (*Giăng* 4:11). Đám đông Do Thái trong nhà hội cho rằng Chúa Giê-xu đang nói về việc ăn thịt và huyết (*Giăng* 6:52) trong khi Ngài có ý mô tả kinh nghiệm thuộc linh (*Giăng* 6:63).

Như chúng ta đã nghiên cứu *Ma-thi-ơ* chương 13, men đối với người Do Thái là hình bóng về tội lỗi. Cả người Pha-ri-si lẫn Sa-đu-sê đã gieo vào trong tín lý của Do Thái giáo những giáo lý sai lầm. Phe Pha-ri-si là những người duy luật đã dạy dân chúng rằng muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và được vào nước của Ngài dành cho dân Y-sơ-ra-ên chỉ cần tuân thủ điều răn và các phép tắc của cha ông truyền lại. Người Sa-đu-sê có tư tưởng phóng khoáng hơn cho rằng không có vương quốc nào như vậy trên đất. Họ cũng bác bỏ chân lý về sự sống lại và sự hiện hữu của thiên sứ.

Tại sao khi Chúa đề cập đến men lại khiến cho các môn đệ suy nghĩ và bàn tán về việc họ thiếu bánh? Có thể các môn đệ dự định mua bánh nơi bờ biển bên kia, và nghĩ rằng Chúa Giê-xu muốn nhắc họ đừng mua bánh không tinh sạch mà người Do Thái không được phép ăn. Nếu các môn đệ nhớ cách nào Chúa đã hai lần hóa bánh, chắc chắn họ đã không phải lo lắng. “Ít đức tin” đã ngăn trở họ không hiểu được lời dạy của Chúa và khiến họ thiếu lòng nhờ cậy nơi quyền năng của Ngài để có thể thỏa mãn mọi nhu cầu.

“Ít đức tin” là một trong những tên gọi Chúa thích dùng cho môn đệ của Ngài (*Ma-thi-ơ* 6:30; 8:26; 14:31). Dĩ nhiên “ít đức tin” còn hơn là không có đức tin. Các môn đệ đã nhận lãnh nhiều bài học trước khi họ đạt được “đức tin lớn”.

**Giữ Đức Tin - Xưng Nhận Chúa Cứu Thế***Ma-thi-ơ 16:13-20*

<sup>13</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus đã vào địa phận thành Sê-sa-rê Phi-líp, bèn hỏi môn đồ, mà rằng: Theo lời người ta nói thì Con người là ai? <sup>14</sup> Môn đồ thưa rằng: Người nói là Giăng Báp-tít; kẻ nói là Ê-li; kẻ khác lại nói là Giê-rê-mi, hay là một đấng tiên tri nào đó. <sup>15</sup> Ngài phán rằng: Còn các người thì xưng ta là ai? <sup>16</sup> Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng: Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống. <sup>17</sup> Bấy giờ, Đức Chúa Jê-sus phán cùng người rằng: Hỡi Si-môn, con Giô-na, người có phước đó; vì chẳng phải thịt và huyết tỏ cho người biết điều nầy đâu, bèn là Cha ta ở trên trời vậy. <sup>18</sup> Còn ta, ta bảo người rằng: Người là Phi-e-rơ, ta sẽ lập Hội Thánh ta trên đá nầy, các cửa âm phủ chẳng thắng được hội đó. <sup>19</sup> Ta sẽ giao chìa khóa nước thiên đàng cho người; hễ điều gì mà người buộc dưới đất, thì cũng sẽ phải buộc ở trên trời, và điều gì mà người mở dưới đất, thì cũng sẽ được mở ở trên trời. <sup>20</sup> Đoạn, Ngài cấm môn đồ đừng nói cho ai biết rằng Ngài, Đức Chúa Jê-sus, là Đấng Christ.

Chúa Giê-xu cùng môn đệ Ngài vào địa phận dân ngoại bang, trong vùng Sê-sa-rê Phi-líp cách thành Giê-ru-sa-lem độ 120 dặm về phía bắc xứ Palestine. Địa phận này đặc biệt có nhiều tôn giáo khác nhau: Đó là trung tâm thờ lạy thần Ba-anh; có nhiều đền thờ thần Pan của người Hy Lạp; và Hê-rốt Đại Đế cũng đã xây một đền thờ tại đó để tôn thờ Sê-sa Augustus. Giữa khung cảnh mê tín đầy thần tượng này, Phi-e-rơ đã xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Và có thể trước đền thờ Sê-sa, Chúa Giê-xu đã phán một điều gây kinh ngạc: Ngài chưa lập nước Ngài, nhưng Ngài sẽ lập Hội Thánh Ngài.

Nếu có ai đó hỏi rằng, “Người ta nói tôi là ai vậy?” chúng ta sẽ cho rằng anh ta bị bệnh tâm thần hoặc kiêu căng. Nhưng trong trường hợp Chúa Giê-xu, việc xưng nhận đúng đắn Ngài là ai là nền tảng cho sự cứu rỗi (*Rô-ma 10:9-10; I Giăng 2:18-23; 4:1-3*). Thân vị và công việc của Ngài là một không thể tách rời. Thật ngạc nhiên khi thấy dân chúng nhầm lẫn về Chúa Giê-xu (*Giăng 10:19-21*). Có lẽ như Hê-rốt, dân chúng nghĩ Chúa Giê-xu là Giăng Báp-tít đã sống lại.

Lời tiên tri chép rằng Ê-li sẽ trở lại (*Ma-thi-ơ 4:5*), và một số

người cho rằng Đấng Christ đã làm ứng nghiệm lời tiên tri này. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu không thi hành chức vụ giống như Ê-li mà chính Giăng Báp-tít đến “trong tâm thần và quyền phép của Ê-li” (*Lu-ca* 1:13-17). Giê-rê-mi là vị tiên tri than khóc đã tan vỡ lòng mình khi thấy cảnh hoang tàn đổ nát của dân tộc. Quả thật chúng ta cũng thấy hình ảnh này trong Chúa Giê-xu, Con Người gánh đau thương.

Một điều dễ hiểu: Chúng ta không thể nào có kết luận xác thực về Chúa Giê-xu Christ qua việc thăm dò ý kiến quần chúng (Nhưng một số người đã tìm kiếm “tri thức thuộc linh” theo cách này). Điều quan trọng không phải ở những điều người ta nói, nhưng chính cá nhân bạn và tôi nghĩ gì? Những phán quyết của đám đông (dù đúng hay sai) không thể nào thay thế cho quyết định của cá nhân chúng ta được.

Phi-e-rơ đã trả lời đúng: “Chúa là Đấng Christ (Đấng Mết-si-a) Con Đức Chúa Trời hằng sống!”. Đây là điều Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Phi-e-rơ. Chính Chúa Giê-xu giải thích kinh nghiệm này trong *Ma-thi-ơ* 11:25-27. Sự mặc khải này không do kết quả tìm kiếm riêng của Phi-e-rơ, nhưng bởi ân sủng ban cho của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã giấu kín những điều này với người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đầy lòng kiêu ngạo, mà Ngài tỏ cho “trẻ thơ”, những môn đệ có lòng khiêm nhường.

Chúng ta nên biết rằng trước khi Phi-e-rơ tuyên xưng đức tin đã có những lời tuyên xưng đức tin khác. Na-tha-na-ên công nhận Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời (*Giăng* 1:49) và các môn đệ tuyên bố rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời sau khi Ngài dẹp yên cơn bão (*Ma-thi-ơ* 14:33). Phi-e-rơ bày tỏ đức tin của mình trong lúc đám đông rời bỏ Chúa Giê-xu sau khi nghe Ngài giảng dạy về bánh sự sống (*Giăng* 6:68-69). Thực ra, Anh-rê đưa anh mình là Phi-e-rơ đến cùng Chúa Giê-xu, cũng là hành động bày tỏ đức tin (*Giăng* 1:41).

Như vậy việc tuyên xưng đức tin lần này khác với những lần trước như thế nào? Trước hết Chúa Giê-xu yêu cầu sự tuyên xưng này. Đó không phải là việc đáp ứng tình cảm từ phía đám đông đã

chứng kiến phép lạ, nhưng là lời phát biểu chân thành hiểu biết của một người đã được Đức Chúa Trời dạy dỗ.

Hơn nữa, *Chúa Giê-xu chấp nhận lời tuyên xưng này* và căn cứ vào đó dạy họ một lẽ thật mới. Chắc hẳn Ngài vui mừng khi nghe Phi-e-rơ tuyên bố như vậy. Chúa biết rằng bây giờ Ngài có thể dẫn Phi-e-rơ vào những bước mới mẻ về những lẽ thật sâu nhiệm hơn cũng như tinh thần phục vụ. Tất cả sự hướng dẫn của Chúa dành cho môn đệ nhằm mở cho họ con đường dẫn đến kinh nghiệm này. Chúng ta hãy xem từng chữ và từng khái niệm quan trọng này.

*Vàng đá* - Các môn đệ là người Do Thái biết rõ Kinh Thánh Cựu Ước, họ hiểu ngay vàng đá chỉ về Đức Chúa Trời. “Chúa là Vàng Đá, công việc của Ngài là trọn vẹn...” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 32:4). “Đức Giê-hô-va là hòn đá tôi, đồn lũy tôi...” (*Thi Thiên* 18:2). “Trừ ra Đức Giê-hô-va ai là Đức Chúa Trời? Ngoại Đức Chúa chúng tôi ai là hòn đá lớn?” (*Thi Thiên* 18:31).

Nhưng chúng ta hãy xem các từ ngữ Hy Lạp mà Đức Thánh Linh soi dẫn Ma-thi-ơ sử dụng. “Người là *Petros* (một hòn đá), và Ta sẽ lập Hội Thánh Ta trên vàng đá này (*petra* - một vàng đá lớn)”. Chúa Giê-xu đã đặt tên mới cho Si-môn là Phi-e-rơ (*Giăng* 1:42) có nghĩa “hòn đá”. Theo chữ A-ram Sê-pha cũng có nghĩa là “hòn đá”. Ai tin Chúa Giê-xu Christ và xưng nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời làm Cứu Chúa đời mình đều là “hòn đá sống” (*I Phi-e-rơ* 2:5).

Chúa Giê-xu Christ là Vàng Đá móng và Hội Thánh được xây trên đó. Các tiên tri trong Cựu Ước đã nói như thế (*Ê-sai* 28:16; *Thi Thiên* 118:22). Chính Chúa Giê-xu phán dạy điều này (*Ma-thi-ơ* 21:42), Phi-e-rơ và các sứ đồ khác đều giảng dạy lẽ thật này (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:10-12). Thánh Phao-Lô khẳng định rằng nền Hội Thánh là Chúa Cứu Thế Giê-xu (*I Cô-rinh-tô* 3:11). Các sứ đồ và tiên tri đã lập nền này khi họ rao giảng Chúa Giê-xu Christ cho tội nhân hư mất (*Ê-phê-sô* 2:20; *I Cô-rinh-tô* 2:1-2; 3:11).

Nói cách khác, khi xem xét bằng chứng, chúng ta thấy toàn bộ lời dạy trong Thánh Kinh đều nói về Hội Thánh, là đền thờ Đức

Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 2:19-22) được xây trên nền tảng là Chúa Giê-xu Christ - chứ không phải trên Phi-e-rơ. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể xây dựng Hội Thánh Ngài trên một con người bất toàn như Phi-e-rơ? Về sau, chính Phi-e-rơ người từng xưng nhận Đấng Christ lại trở thành người can gián Chúa và suy nghĩ theo cách Satan (*Ma-thi-ơ* 16:22). Một số người lập luận, “Nhưng điều đó xảy ra trước khi Phi-e-rơ đẩy dấy Đức Thánh Linh”. Chúng ta hãy xem những việc sai lầm của Phi-e-rơ được chép trong *Ga-la-ti* 2:1-21, những sai lầm mà chính Phao-lô phải đích thân đối phó. Sự việc này xảy ra sau khi Phi-e-rơ đẩy dấy Đức Thánh Linh.

*Hội Thánh* – Đây là lần đầu tiên từ ngữ quan trọng này xuất hiện trong Tân Ước. Từ chữ *ekklesia* trong tiếng Hy Lạp (ek-klay-see-uh) chúng ta có từ tiếng Anh là “ecclesiastical” (thuộc giáo hội), nói đến mọi điều có liên quan tới Hội Thánh. Theo nghĩa đen là “Hội được gọi ra”. Từ ngữ này được dùng 114 lần trong Tân Ước và trong số ấy có 90 lần nhắc đến Hội Thánh địa phương (hội chúng). Tuy nhiên, khi sử dụng lần đầu tiên từ *ekklesia*, dường như Chúa Giê-xu nghĩ đến Hội Thánh chung. Ngài không chỉ thiết lập hội chúng địa phương, nhưng còn lập Hội Thánh cho cả thế giới bao gồm hết cả những ai tuyên xưng đức tin giống Phi-e-rơ.

Chữ *ekklesia* không phải là một từ mới đối với các môn đệ. Từ ngữ này được dùng để chỉ hội những công dân Hy Lạp được có công giúp việc cai trị thành phố hoặc quận hạt (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 19:32,39,41). Hơn nữa, bản dịch Cựu Ước ra tiếng Hy Lạp (Bản Bảy Mươi) dùng chữ *ekklesia* để mô tả hội chúng Y-sơ-ra-ên mỗi khi họ tập họp lại dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời (*Phục Truyền-Luật Lệ Ký* 31:30; *Các Quan Xét* 20:2). Tuy nhiên, điều này không có nghĩa hội chúng Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước là một “Hội Thánh” giống như các Hội Thánh thời Tân Ước. Nhưng Chúa Giê-xu đang giới thiệu cho các môn đệ một điều dạy dỗ mới mẻ.

Chúa Giê-xu nói về “Hội Thánh Ta” tương phản với những hội chúng khác. Đây phải là điều mới và khác biệt, vì trong Hội Thánh của Ngài, Chúa Giê-xu sẽ hiệp một mọi kẻ tin là người Giu-Đa và dân ngoại bang lại với nhau và tạo thành một đền thờ

mới, một thân thể mới (*Ê-phê-sô* 2:11-3:12). Trong Hội Thánh của Ngài, những khác biệt về màu da chủng tộc không còn quan trọng nữa (*Ga-la-ti* 3:28). Chúa Cứu Thế Giê-xu là Đấng tạo dựng và làm Đầu Hội Thánh này (*Ê-phê-sô* 1:22; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:18).

Trong Hội Thánh mỗi cá nhân tín hữu là một “viên đá sống” (*I Phi-e-rơ* 2:5). Tín hữu sẽ gặp nhau trong các Hội Thánh địa phương hoặc các hội chúng để thờ phượng Đấng Christ và phục vụ Ngài; nhưng họ cũng là một bộ phận thuộc Hội Thánh chung, là thành viên của đền thờ do Đấng Christ tạo lập. Chỉ có một Hội Thánh, một thân thể cho con dân Chúa và Hội đó phải được bày tỏ ra cho thế gian đều biết bởi tình yêu thương và sự hiệp một (*Giăng* 17:20-26).

*Các cửa địa ngục* - Tốt hơn nên dịch là “các cửa âm phủ.” Địa ngục là số phận cuối cùng dành cho mọi kẻ không tin sau khi bị xét xử trước tòa án lớn và trắng (*Khải Thị* 20:11-15). Âm phủ chỉ lãnh địa của người chết”. Nó chứa linh hồn những người chết không được cứu và sẽ đem trả những linh hồn ấy vào ngày sau rốt (*Khải Thị* 20:13; chữ “địa ngục” phải hiểu là “âm phủ”). Theo lời phán của Chúa Giê-xu, âm phủ ở dưới thấp (*Ma-thi-ơ* 11:23), và đó là tù ngục do Ngài nắm giữ chìa khóa (*Khải Thị* 1:18).

Dựa theo *Lu-ca* 16:19-31, một số người tin rằng tất cả những kẻ chết trước khi Đấng Christ chịu chết và sống lại đều xuống âm phủ - những người tin được ở nơi phước hạnh còn những kẻ không tin phải ở nơi đoán phạt. Ngày nay chúng ta biết chắc rằng Cơ Đốc nhân khi qua đời sẽ lập tức được vào ở trong sự hiện diện của Chúa Giê-xu Christ (*Phi-líp* 1:23; *II Cô-rinh-tô* 5:6-8).

Trong Kinh Thánh, “các cửa” tiêu biểu cho quyền hành và thế lực. Đối với người Do Thái cửa thành hay cổng thành cũng giống như tòa thị chính đối với người Tây phương. Công việc quan trọng được giải quyết tại nơi cổng thành (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 16:18; 17:8; *Ru-tơ* 4:11). “Các cửa âm phủ” hình bóng về quyền lực của sự chết và quỷ Sa-tan. Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-xu đắc thắng tử thần để con cái Ngài không còn bị sự chết

trói buộc. Đấng Christ sẽ “xông vào các cửa âm phủ” giải thoát những người bị cầm trong vòng tội mọi! Lời này được nhắc lại trong *Hê-bơ-rơ* 2:14-15; *I Cô-rinh-tô* 15:50 và một số câu Kinh Thánh khác.

*Chìa khóa Nước thiên đàng* - Chìa khóa là biểu hiện của quyền lực (*Ê-sai* 22:15, 22; *Lu-ca* 11:52). “Nước thiên đàng” không phải là trời, vì không có ai trên thế gian này mang chìa khóa lên trời! (Mọi câu chuyện đùa về “Thánh Phi-e-rơ gác cổng thiên đàng” bắt nguồn từ sự hiểu lầm này. Những câu chuyện ấy vừa trái với Kinh Thánh vừa xúc phạm đến vị sứ đồ). Chúng ta dùng chìa khóa để mở cửa ra vào. Sứ đồ Phi-e-rơ được giao đặc quyền mở “cửa đức tin” cho người Do Thái trong lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-41), cho người Sa-ma-ri (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:14), và cho dân ngoại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:1-48). Nhưng các sứ đồ khác cũng dự phần trong đặc quyền này (*Ma-thi-ơ* 18:18), và sứ đồ Phao-lô nhận lãnh quyền “mở cửa đức tin” cho dân ngoại ngoài xứ Palestine (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 14:27).

Trong phân đoạn này hoặc các phần khác trong Tân Ước chúng ta không thấy nói đến sứ đồ Phi-e-rơ hay những người nối gót ông có địa vị hoặc đặc quyền gì trong giáo hội cả. Trong cả hai thư tín Phi-e-rơ, tác giả không hề xưng nhận một chức vụ gì khác hơn là sứ đồ (*I Phi-e-rơ* 1:1), trưởng lão (*Ma-thi-ơ* 5:1), hay tôi tớ của Chúa Giê-xu Christ (*II Phi-e-rơ* 1:1).

*Buộc và mở* - Đây là cụm từ quen thuộc với người Do Thái, vì các thầy dạy đạo thường dạy họ về “buộc và mở”, nghĩa là cấm đoán hay cho phép. Lời phán của Chúa chúng ta trong *Ma-thi-ơ* 16:19; ám chỉ đến Phi-e-rơ. Nhưng sau đó lời phán trong *Ma-thi-ơ* 18:18; bao gồm tất cả các sứ đồ. Là đại diện cho Chúa, họ đang thực hành quyền phép theo lời phán của Ngài.

Các động từ tiếng Hy Lạp trong *Ma-thi-ơ* 16:19 rất là quan trọng. Bản Kinh Thánh *Expanded Translation* (Bản Dịch Mở Rộng) của Tiến sĩ Kenneth S. Wuest viết là: “... bất cứ điều gì người buộc ở dưới đất (cấm người ta làm), sẽ được buộc trên trời; và điều gì người mở dưới đất (cho phép người ta làm), cũng sẽ được mở trên

trời...". Chúa Giê-xu không phán rằng Đức Chúa Trời sẽ làm theo những gì họ làm trên đất, nhưng Ngài phán họ phải làm trên đất mọi điều gì Đức Chúa Trời đã định liệu. Hội Thánh được tạo dựng không nhằm làm cho ý muốn con người được thành trên trời bèn là làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời ở trên đất.

Các sứ đồ không chia rẽ chân lý về Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời cho người khác mãi đến sau khi Ngài sống lại và thăng thiên. Lúc ấy "dấu lạ về đấng tiên tri Giô-na" đã hoàn tất, Đức Thánh Linh đã được ban xuống, và sứ điệp đã được công bố. Dân Do Thái nói chung, và các bậc lãnh đạo giáo hội nói riêng, đều chưa sẵn lòng đón nhận tin mừng. Bạn hãy đọc sứ điệp của Phi-e-rơ tại ngày lễ Ngũ Tuần để thấy thế nào ông đã rao truyền về Chúa Giê-xu như là Đấng Christ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-41).

### **Đức Tin Phục Vụ - Bước Theo Đấng Christ**

*Ma-thi-ơ* 16:21-28

<sup>21</sup> Từ đó, Đức Chúa Jê-sus mới tỏ cho môn đồ biết rằng mình phải đi đến thành Giê-ru-sa-lem, phải chịu tại đó nhiều sự khốn khổ bởi những người trưởng lão, thầy tế lễ cả, cùng thầy thông giáo, và phải bị giết, đến ngày thứ ba phải sống lại. <sup>22</sup> Phi-e-rơ bèn đem Ngài riêng ra, mà can rằng: Hỡi Chúa, Đức Chúa Trời nào nỡ vậy! Sự đó sẽ không xảy đến cho Chúa đâu! <sup>23</sup> Nhưng Ngài xây mặt lại mà phán cùng Phi-e-rơ rằng: Ở Sa-tan, hãy lui ra ra đằng sau ta! Người làm gương xấu cho ta; vì người chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta.

<sup>24</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng môn đồ rằng: Nếu ai muốn theo ta, thì phải liêu mình, vác thập tự giá mình mà theo ta. <sup>25</sup> Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì cơ ta mà mất sự sống thì sẽ được lại. <sup>26</sup> Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì? Vậy thì người lấy chi mà đổi linh hồn mình lại? <sup>27</sup> Vì Con người sẽ ngự trong sự vinh hiển của Cha mình mà giáng xuống cùng các thiên sứ, lúc đó, Ngài sẽ thưởng cho từng người, tùy việc họ làm. <sup>28</sup> Quả thật, ta nói cùng các ngươi, trong các ngươi đứng đây, có một vài kẻ sẽ không chết trước khi thấy Con người ngự đến trong nước Ngài.

Sau khi bày tỏ thân vị của Ngài, bây giờ Chúa Giê-xu tuyên bố công việc của Ngài; vì hai điều này phải đi đôi với nhau. Ngài sẽ

lên Giê-ru-sa-lem, chịu khổ và chết, rồi Ngài sống lại từ trong kẻ chết. Đây là lần thứ nhất Chúa nói rõ về cái chết của Ngài, mặc dầu trước đó Ngài giữ kín việc này (*Giăng* 2:19; 3:14; 6:51; *Ma-thi-ơ* 12:39-40; 16:4). “Và Ngài nói tỏ tường điều đó với môn đệ” (*Mác* 8:32).

Phản ứng bàng hoàng của Phi-e-rơ khi nghe Chúa Giê-xu báo tin Ngài sẽ chịu chết chắc chắn cũng là cảm xúc của các môn đệ còn lại. “Hỡi Chúa, Đức Chúa Trời nào nỡ vậy! Sự đó sẽ không xảy đến cho Chúa đâu!” Chúa Giê-xu quay lại và quả trách Phi-e-rơ rằng, “Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta! Người làm hòn đá vấp chân Ta!” (theo nghĩa đen). Phi-e-rơ “hòn đá” vừa được Đức Chúa Trời chúc phước khen ngợi (*Ma-thi-ơ* 16:18) đã trở nên Phi-e-rơ hòn đá vấp chân không đem lại ích lợi gì cho Chúa Giê-xu!

Lỗi lầm của Phi-e-rơ là gì? Ông đang nghĩ theo cách của loài người, vì hầu hết con người đều muốn tránh đau khổ và chết chóc. Phi-e-rơ không nhìn vấn đề theo ý tưởng của Đức Chúa Trời. Chúng ta tìm thấy ý tưởng của Đức Chúa Trời ở đâu? Chính trong Lời của Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ có xu hướng cưỡng lại Lời Đức Chúa Trời. Khi được đầy dẫy Đức Thánh Linh Phi-e-rơ có đủ đức tin xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, nhưng ông không tin nổi Chúa Giê-xu chịu đau đớn và chết. Dĩ nhiên, quỉ Sa-tan đồng ý với Phi-e-rơ, vì nó cũng dùng chính cách ấy để cám dỗ Chúa Giê-xu trong đồng vắng (*Ma-thi-ơ* 4:8-10).

Ngày nay thập tự giá là hình ảnh của tình yêu và sự tận hiến mà mọi người công nhận. Nhưng vào thời đó, thập tự giá là hình cụ kinh khiếp dùng để xử tử phạm nhân. Người dân La Mã trong tầng lớp xã hội có học thức không nhắc đến hình ảnh thập tự giá. Thực ra, không có công dân La Mã nào bị đóng đinh trên thập tự giá cả; cái chết ghê sợ này chỉ dành cho kẻ thù của họ mà thôi. Chúa Giê-xu chưa bày tỏ cụ thể Ngài sẽ bị đóng đinh (Ngài đã nói điều này trong *Ma-thi-ơ* 20:17-19), nhưng các lời phán của Ngài dưới đây nhấn mạnh về thập tự giá.

Ngài dạy với các môn đệ về hai cách sống:

- |  |   |
|--|---|
| - Từ bỏ mình   | - Sống cho mình                         |
| - Vác thập tự giá mình                                   | - Coi thường thập tự giá                |
| - Bước theo Đấng Christ                                  | - Bước theo thế gian                    |
| - Vì Đấng Christ mất sự sống mình                        | - Vì chính mình giữ sự Sống             |
| - Từ bỏ thế gian   | - Được thế gian                         |
| - Giữ được linh hồn mình                                 | - Mất linh hồn mình                     |
| - Nhận được phần thưởng và sự vinh hiển của Chúa Cứu Thế | - Mất phần thưởng và vinh hiển của Chúa |

Từ bỏ mình không có nghĩa từ bỏ sự vật nhưng có nghĩa là dâng trọn vẹn chính mình cho Đấng Christ và chia xẻ sự nhục nhã và sự chết của Ngài. Sứ đồ Phao-lô mô tả điều này trong *Rô-ma* 12:1-2; *Phi-líp* 3:7-10; và *Ga-la-ti* 2:20. Vác thập tự giá không có nghĩa mang gánh nặng trên vai hoặc gặp phải những nan đề. (Lần nọ gặp một bà lão nói với tôi rằng chứng hen suyễn của bà là thập tự giá bà phải mang lấy!) Vác thập tự giá có nghĩa là đồng hóa mình với Đấng Christ trong sự bị từ chối, nhục nhã, đau đớn và sự chết của Ngài.

Nhưng sự đau đớn luôn luôn dẫn đến sự vinh quang. Đây là lý do tại sao Chúa Giê-xu kết thúc bài giảng ngắn ngủi này bằng lời ám chỉ đến Nước thiên đàng vinh hiển của Ngài (*Ma-thi-ơ* 16:28). Lời phán này được ứng nghiệm trong vòng một tuần lễ trên núi Hố Hóa Hình, được ghi lại ở chương sau.

## Sự Vinh Hiển Của Vua

*Ma-thi-ơ 17*

Chương sách mở đầu bằng cảnh tượng vinh hiển trên chót núi, và kết thúc với việc Phi-e-rơ bắt một con cá để nộp thuế. Hai sự việc thật khác biệt! Tuy vậy, Chúa Giê-xu Christ, Nhà Vua, là chủ đề của toàn chương sách. Ba sự kiện trong chương này cho chúng ta ba bức tranh về Vị Vua.

### Nhà Vua Trong Vinh Quang Của Ngài

*Ma-thi-ơ 17:1-13*

<sup>1</sup> Khỏi sáu ngày, Đức Chúa Jê-sus đem Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng là em Gia-cơ, cùng Ngài đi tể lên núi cao. <sup>2</sup> Ngài biến hóa trước mặt các người ấy, mặt Ngài sáng lòa như mặt trời, áo Ngài trắng như ánh sáng. <sup>3</sup> Nầy, có Môi-se và Ê-li hiện đến, nói chuyện cùng Ngài. <sup>4</sup> Phi-e-rơ bèn cất tiếng thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Lạy Chúa, chúng ta ở lại đây thì tốt lắm; ví bằng đẹp ý Chúa, thì tôi sẽ đóng ba trại tại đây, một cái cho Chúa, một cái cho Môi-se và một cái cho Ê-li. <sup>5</sup> Đang khi người còn nói, bỗng có một đám mây sáng rực che phủ những người ở đó; và có tiếng từ trong mây phán rằng: Nầy là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó! <sup>6</sup> Khi môn đồ nghe tiếng ấy, thì té sấp mặt xuống đất, và sợ hãi lắm. <sup>7</sup> Song Đức Chúa Jê-sus lại gập, rời môn đồ mà phán rằng: Hãy đứng dậy, đừng sợ! <sup>8</sup> Môn đồ bèn ngửa mặt lên, thì chỉ thấy một mình Đức Chúa Jê-sus mà thôi.

<sup>9</sup> Đang khi Đức Chúa Jê-sus và môn đồ ở trên núi xuống, thì Ngài ra lệnh

cấm rằng: Sự các người đã thấy chớ thuật lại cùng ai, cho đến khi Con người từ kẻ chết sống lại. <sup>10</sup> Môn đồ hỏi Ngài rằng: Vậy thì sao các thầy thông giáo nói rằng Ê-li phải đến trước? <sup>11</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật Ê-li phải đến mà sửa lại mọi việc. <sup>12</sup> Nhưng ta phán cùng các người rằng: Ê-li đã đến rồi, và người ta không nhận biết, song họ lại xử với người theo ý muốn mình; Con người phải chịu khốn khổ bởi họ cũng như vậy. <sup>13</sup> Môn đồ bèn hiểu rằng Ngài nói đó là nói về Giăng Báp-tít.

Ma-thi-ơ và Mác nói sự hóa hình xảy ra “cách sáu ngày sau”, trong khi Lu-ca cho biết “khoảng tám ngày sau” (*Lu-ca* 9:28). Không có sự mâu thuẫn nào ở đây; lời văn của Lu-ca tương đương cách nói của người Do Thái “khoảng một tuần sau đó”. Trong suốt tuần lễ ấy, tất hẵn các môn đệ suy gẫm và bàn luận điều Chúa Giê-xu muốn dạy về sự chết và sống lại của Ngài. Chắc hẳn họ thắc mắc điều gì sẽ xảy ra đối với lời hứa về Nước Đức Chúa Trời chép trong Cựu Ước. Nếu Chúa Giê-xu thiết lập Hội Thánh, vương quốc Ngài đã hứa sẽ như thế nào?

Nội dung chương sách không nêu tên nơi xảy ra phép lạ. Có lẽ phép lạ đã xảy ra trên Núi Hết-môn, gần thành Sê-sa-rê Phi-líp.

Sự Hóa Hình bày tỏ bốn khía cạnh vinh quang của Chúa Giê-xu Christ là Vua.

*Vinh Quang Của Chính Ngài.* Theo lời tường thuật, đây là lần duy nhất Chúa Giê-xu bày tỏ vinh quang trong chính con người của Ngài khi còn tại thế. Chữ biến hóa được dịch nghĩa là “biến hình”. Biến hình là sự thay đổi bên ngoài xuất phát từ bên trong. Khi con sâu làm kén và sau đó nở thành bướm, nó đã trải qua tiến trình biến thái. Sự vinh hiển của Chúa không phải là sự phản chiếu nhưng là sự toả sáng từ bên trong. Hình trạng bên ngoài của Ngài biến đổi khi Ngài để cho vinh quang rực rỡ của Ngài tỏa ra (*Hê-bơ-rơ* 1:3).

Phép lạ này chắc hẳn làm cho các môn đệ tăng thêm lòng tin cậy, nhất là Phi-e-rơ người vừa mới xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Nếu việc xưng nhận này xảy ra sau khi Chúa Hóa Hình, thì điều đó không có ý nghĩa bao nhiêu. Phi-e-rơ tin, công khai bày tỏ đức tin, và nhận được sự bảo đảm (xem *Giăng*

11:40; *Hê-bơ-rơ* 11:6).

Nhiều năm sau đó, sứ đồ Giăng đã thuật lại phép lạ này khi Đức Thánh Linh soi dẫn ông viết: "... chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con Một đến từ nơi Cha" (*Giăng* 1:14). Trong Phúc Âm Giăng, vị sứ đồ nhấn mạnh thần tính của Đấng Christ và vinh hiển trong con người của Ngài (*Giăng* 20:31; 2:11; 7:39; 11:4; 12:23; 13:31-32).

Chúa Giê-xu Christ đã từ bỏ vinh quang khi đến thế gian (*Giăng* 17:5). Sau khi đã hoàn tất công giá cứu chuộc trên thập tự giá, Ngài nhận lại vinh hiển vốn có nơi Ngài và bây giờ Ngài ban cho chúng ta cùng dự phần trong sự vinh hiển với Ngài (*Giăng* 17:22,24). Tuy nhiên, chúng ta không phải đợi đến khi vào nước trời mới dự phần trong sự "biến hóa vinh hiển" này. Khi chúng ta đầu phục Đức Chúa Trời, Ngài sẽ "biến hoá" tâm thần chúng ta nên mới (*Rô-ma* 12:1-2). Khi vâng phục Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Ngài biến đổi (biến hoá) chúng ta "từ vinh hiển qua vinh hiển" (*II Cô-rinh-tô* 3:18). Khi tra xem lời Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ nhìn thấy Con Đức Chúa Trời và được Thánh Linh Ngài biến đổi trong vinh quang của Ngài.

*Vinh Quang Của Vương Quốc Ngài.* Kết thúc lời giảng về việc vác thập tự giá, Chúa Giê-xu hứa rằng một vài môn đệ sẽ thấy "Con người ngự đến trong nước Ngài" (*Ma-thi-ơ* 16:28). Ngài chọn Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng làm chứng nhân cho sự kiện này. Ba người bạn và là cộng sự đồng làm việc này (*Lu-ca* 5:10) đã hiện diện với Chúa Giê-xu trong nhà của Giai-ru (*Lu-ca* 8:51), và họ cùng đi với Ngài vào vườn Ghết-sê-ma-nê trước khi Ngài thọ hình trên thập tự giá (xem *Ma-thi-ơ* 26:37).

Tiến sĩ G. Campbell Morgan đã nêu rõ rằng cả ba dịp tiện này đều có liên quan đến sự chết. Chúa Giê-xu muốn dạy cho ba vị môn đệ rằng Ngài chiến thắng trên tử thần (Ngài kêu con gái Giai-ru sống lại) và chịu đau đớn cho đến chết (trong vườn Ghết-sê-ma-nê). Sự hóa hình dạy họ rằng Ngài được vinh hiển trong sự chết. Sự hiện đến của Môi-se và Ê-li thật là quan trọng. Môi-se đại diện cho Luật Pháp và Ê-li đại diện cho lời tiên tri. Tất cả Luật

Pháp và lời tiên tri nói về Đấng Christ và đều được ứng nghiệm trong Chúa Giê-xu Christ (*Hê-bơ-rơ* 1:1; *Lu-ca* 24:27). Mọi lời chép trong Cựu Ước đều sẽ được ứng nghiệm. Vương quốc theo lời hứa sẽ được thiết lập (*Lu-ca* 1:32-33,68-77). Cũng như ba môn đệ đã chứng kiến Chúa Giê-xu vinh hiển trên thế gian, con cái Đức Chúa Trời sẽ nhìn thấy Ngài trong nước vinh hiển của Ngài trên đất (*Khải Thị* 19:11-20:6).

Phi-e-rơ hiểu rõ và không hề quên sứ điệp này. "... Chúng tôi đã tận mắt thấy sự oai nghiêm vinh hiển của Ngài... và vì vậy chúng tôi càng tin các lời tiên tri chắc chắn hơn..." (xem *II Phi-e-rơ* 1:12). Kinh nghiệm của Phi-e-rơ trên núi thánh làm cho ông càng tin lời tiên tri trong Cựu Ước. Điều quan trọng không phải thấy những cảnh tượng lạ lùng, nhưng là nghe lời phán của Đức Chúa Trời. "Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó" (*Ma-thi-ơ* 17:5).

Tất cả những người được sinh lại đều thuộc về Nước Đức Chúa Trời (*Giăng* 3: 3-5). Đây là vương quốc thuộc linh cách biệt với thế giới vật chất đời này (*Rô-ma* 14:17). Nhưng một ngày kia, lúc Chúa Giê-xu trở lại trần gian, sẽ có vương quốc vinh hiển 1,000 năm (*Khải Thị* 20:1-7) do Chúa Giê-xu Christ ngự trên ngôi Vua. Những ai đặt lòng tin cậy nơi Ngài sẽ trị vì với Ngài (*Khải Thị* 5:10).

*Vinh Quang Thập Tự Giá*. Các môn đệ phải học biết rằng đau đớn và vinh hiển luôn đi đôi với nhau. Phi-e-rơ ngăn Chúa lên Giê-ru-sa-lem để chịu chết, vì vậy Chúa Giê-xu nhắc nhở ông ta rằng nếu Ngài không chịu đau đớn và chết, sẽ không thể nào được vinh hiển. Chắc chắn Phi-e-rơ đã học được sự dạy dỗ này, vì trong thư tín thứ nhất ông nhấn mạnh đến "sự chịu khổ và vinh hiển" (*I Phi-e-rơ* 1:6-8,11; 4:12-5:11).

Môi-se và Ê-li chuyện trò với Chúa Giê-xu về "sự Ngài qua đời" và sẽ được ứng nghiệm tại thành Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca* 9:31). Ngài chịu đau đớn và chết không phải là một tai nạn, nhưng là ứng nghiệm lời tiên tri.

Phi-e-rơ dùng mấy chữ "khi tôi đi" để mô tả ông sắp qua đời

(*II Phi-e-rơ 1:15*). Đối với người tin Chúa, chết không phải là con đường một chiều đi thẳng vào trong quên lãng. Đó là một cuộc ra đi - sự giải thoát - khỏi ràng buộc của cuộc sống này để vào trong cuộc sống tự do vinh hiển nơi thiên đàng.

Do Chúa Giê-xu đã chịu chết và trả xong nợ tội, chúng ta được cứu rỗi - được chuộc mua và giải thoát khỏi xiềng xích tội lỗi. Hai môn đệ về làng Em-ma-út hy vọng Chúa Giê-xu sẽ giải phóng đất nước ra khỏi ách thống trị của đế quốc La Mã (*Lu-ca 24:42*). Sự chết của Ngài được ứng nghiệm không phải để giải phóng về chính trị, nhưng để giải phóng tâm linh, thoát khỏi đời ác này (*Ga-la-ti 1:4*); chẳng còn sống cuộc đời vô nghĩa không ra chi (*I Phi-e-rơ 1:18*); thoát khỏi tội lỗi (*Tít 2:14*). Sự cứu rỗi chúng ta nhận được trong Đấng Christ là đời đời không thay đổi.

*Vinh Quang Của Sự Vâng Phục*. Phi-e-rơ không thể hiểu vì sao Con Đức Chúa Trời lại qui phục con người tội lỗi và bằng lòng chịu đau khổ. Sự Hóa Hình là cách Đức Chúa Trời dạy cho Phi-e-rơ biết rằng Chúa Giê-xu được vinh hiển khi chúng ta từ bỏ mình, vác thập tự giá Ngài. Triết lý đời này dạy chúng ta “Hãy tự cứu lấy bạn!” nhưng Cơ Đốc giáo dạy “Hãy đầu phục Đức Chúa Trời!”. Khi Ngài đứng trong vinh hiển tại núi Hóa Hình, Chúa Giê-xu chứng minh cho ba môn đệ thấy sự vâng phục lúc nào cũng dẫn đến vinh hiển.

Khởi đầu là đau đớn, kết thúc vinh hiển; thập tự giá đi trước, mả miện theo sau.

Mỗi người trong số ba môn đệ đều cần chân lý này. Gia-cơ chịu tử đạo đầu tiên (*Công Vụ Các Sứ Đồ 12:1-2*). Giăng là môn đệ qua đời sau cùng, nhưng ông sẽ trải qua hoạn nạn bất bớ nặng nề trên đảo Bát-mô (*Khải Thị 1:19*). Phi-e-rơ sẽ kinh qua nhiều đau đớn và cuối cùng phó sự sống mình cho Đấng Christ (*Giăng 21:15-19; II Phi-e-rơ 1:12*).

Phi-e-rơ không tán thành thập tự giá khi lần đầu Chúa Giê-xu nói đến sự chết của Ngài (*Ma-thi-ơ 16:22*). Trong vườn Ghết-sê-ma-nê, ông đã dùng gươm để bênh vực Chúa Giê-xu (*Giăng 18:10*). Thực ra, ngay tại trên núi Hóa Hình, Phi-e-rơ cũng tìm cách thưa

với Chúa Giê-xu điều cần làm. Ông muốn dựng ba cái lều cho Chúa Giê-xu, Mô-i-se, và Ê-li - để tất cả có thể lưu lại đó hưởng vinh hiển! Nhưng Đức Chúa Cha ngăn cản Phi-e-rơ và Ngài dạy ông làm theo hướng khác: “Hãy nghe Ngài!” Đức Chúa Cha không cho phép con người đặt Con yêu dấu của Ngài ngang hàng với Mô-i-se và Ê-li. “Chỉ một mình Chúa Giê-xu” (*Ma-thi-ơ* 17:8) là hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Lúc Chúa Giê-xu và ba môn đệ từ trên núi trở xuống, Ngài căn dặn môn đệ không được tiết lộ những gì họ đã thấy cho ai ngay cả chín môn đệ kia. Nhưng ba môn đệ vẫn hoang mang bối rối. Họ đã học biết rằng Ê-li sẽ đến trước để chuẩn bị cho việc thiết lập vương quốc Y-sơ-ra-ên. Sự xuất hiện của Ê-li tại trên núi có phải ứng nghiệm cho lời tiên tri này không? (*Mác* 4:5-6).

Chúa Giê-xu đưa ra câu giải đáp có hai phần để trả lời câu hỏi của họ. Đúng vậy, tiên tri Ê-li sẽ đến như lời phán hứa trong *Mác* 4:5-6. Nhưng nói theo nghĩa thuộc linh, tiên tri đã đến trong con người của Giăng Báp-tít (xem *Lu-ca* 1:17; *Ma-thi-ơ* 11:10-15). Dân tộc đã để cho Giăng bị giết, và đòi xử tử Chúa Giê-xu. Tuy nhiên chương trình của Đức Chúa Trời sẽ ứng nghiệm bất chấp hành động của các nhà lãnh đạo tội lỗi.

Khi nào Ê-li sẽ đến để sửa lại mọi việc? Một số người cho rằng Ê-li là một trong “hai chứng nhân” mà chức vụ của họ được mô tả trong *Khải Thị* 11:1-19. Một số khác tin rằng lời tiên tri được ứng nghiệm qua chức vụ của Giăng Báp-tít để tiên tri Ê-li không còn hiện đến trong tương lai nữa.

## Nhà Vua Trong Uy Quyền

*Ma-thi-ơ* 17:14-21

<sup>14</sup> Khi Đức Chúa Jêsus và môn đồ đã trở lại cùng đoàn dân, thì có một người đến gần, quì trước mặt Ngài, <sup>15</sup> mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin Chúa thương đến con trai tôi! Vì nó mắc bệnh phong điên, phải chịu đau đớn quá; thường khi té vào lửa, và té xuống nước. <sup>16</sup> Tôi đã đem nó cho môn đồ Chúa, nhưng chữa không được. <sup>17</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Hỡi dòng dõi không tin và gian tà kia, ta sẽ ở với các ngươi cho đến chừng nào? Ta sẽ nhin nhục các

người cho đến khi nào? Hãy đem con đến đây cho ta. <sup>18</sup> Rồi Đức Chúa Jêsus quả trách quỷ, quỷ liền ra khỏi đứa trẻ, và từ giờ đó đứa trẻ được lành.

<sup>19</sup> Môn đồ bèn đến gần Đức Chúa Jêsus, mà hỏi riêng rằng: Vì cớ gì chúng tôi không đuổi quỷ ấy được? <sup>20</sup> Ngài đáp rằng: Ấy là tại các người ít đức tin: Vì ta nói thật cùng các người, nếu các người có đức tin bằng một hạt cải, sẽ khiến núi nầy rằng: Hãy dời đây qua đó, thì nó liền dời qua, và không có sự gì mà các người chẳng làm được.

Chúng ta từ núi vinh hiển xuống thung lũng với những nhu cầu. Chúa Giê-xu và ba môn đệ thành linh xuất hiện khiến cho đoàn dân ngạc nhiên (*Mác 9:15*). Người cha đau khổ đã mang đứa con bị quỷ ám đến với chín môn đệ để xin họ đuổi quỷ cho con trai mình nhưng các môn đệ không làm được. Các thầy thông giáo thấy thất bại của các môn đệ và nhân đó cãi lẽ với họ. Trong lúc môn đệ tìm cách bảo vệ mình, còn các thầy thông giáo tố cáo họ thì quỷ hầu như cướp lấy mạng sống của người con trai bất lực.

Khi so sánh các bản tường thuật trong các sách Phúc Âm về cảnh thương tâm này, chúng ta thấy đứa con trai một này quả thật đang ở trong tình trạng hiểm nghèo nửa sống nửa chết. Ma-thi-ơ chép rằng cậu bé mắc bệnh phong điên (mất trí), rất đau đớn và muốn tự sát, thường té vào lửa và ngã xuống nước. Mác cho biết cậu bé bị câm, thường ngã xuống đất sôi bọt mồm và nghiến răng. Sau khi bị như vậy, cậu bé mòn mỏi cứng đờ như xác chết. Bác sĩ Lu-ca cho biết cậu bé là con trai một, thường kêu la mỗi khi lên cơn co giật. Trong khi một số triệu chứng có thể do nguyên nhân tự nhiên gây ra, thì đứa trai này lại bị quỷ hành hạ. Các môn đệ bất lực không làm gì được. Chẳng có gì ngạc nhiên khi người cha chạy đến nơi chân Chúa Giê-xu.

Phản ứng đầu tiên của Chúa là buồn rầu. Khi nhìn các môn đệ đang bối rối, các thầy thông giáo đang cãi lẽ, và người cha với đứa con đang cần sự giúp đỡ, Ngài đau đớn trong lòng và phán: “Ta ở với các người và nhện các người cho đến chừng nào?” (*Lu-ca 9:41*). Lòng vô tín và tâm linh cứng cõi của họ là gánh nặng chất trên Ngài. Chúa chúng ta cảm thấy gì khi nhìn thấy Cơ Đốc nhân ngày nay mất đi năng quyền của Ngài?

Chúa Giê-xu chữa lành cho người con trai và truyền lệnh ma quỷ không được trở lại quấy phá cậu ta nữa (*Mác 9:25*). Tà ma cố “vật ngã cậu bé lần cuối cùng” để đấm đông nghĩ rằng nó đã chết (*Ma-thi-ơ 17:26*). Nhưng Chúa Giê-xu đỡ cậu bé ngồi dậy và giao cho cha nó, đoàn dân lấy làm lạ và ngợi khen sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Lu-ca 9:43*).

Đáng lý cả chín môn đệ đều có thể đuổi được quỷ. Chúa Giê-xu đã ban cho họ quyền phép này (*Ma-thi-ơ 10:1,8*), nhưng vì cớ nào đó họ đã đánh mất năng quyền của mình? Khi các môn đệ hỏi Chúa về nguyên nhân thất bại nhục nhã của họ, Ngài phán: Do họ thiếu đức tin (*Ma-thi-ơ 17:20*), thiếu sự cầu nguyện, và thiếu kỷ luật trong đời sống (*Ma-thi-ơ 17:21*, mặc dù câu Kinh Thánh này không có trong nhiều bản cổ sao).

Có lẽ chín môn đệ đã ganh tị vì họ không được chọn đi lên núi với Chúa Giê-xu. Trong lúc Chúa vắng mặt, họ bắt đầu sống theo ý riêng. Bỏ qua sự cầu nguyện; đức tin họ trở nên yếu đuối. Và rồi lúc sự khó khăn đến họ không chuẩn bị sẵn sàng. Giống như Sam-sôn, họ xung trận mà không biết rằng mình đã mất năng quyền (*Các Quan Xét 16:20*). Qua gương của các môn đệ chúng ta thấy tầm quan trọng của đời sống khỏe mạnh thuộc linh.

“Đức tin như hạt cải” không chỉ nói lên mức độ lớn nhỏ (Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng ngay cả đức tin nhỏ bé) nhưng còn nói đến sự sống động và lớn mạnh của đức tin ấy. Đức tin như hạt cải là mầm sống được nuôi dưỡng và lớn lên. Đức tin phải được vun xới để phát triển và kết nhiều quả cho Đức Chúa Trời (*I Tê-sa-lô-ni-ca 3:10; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3*). Nếu chín môn đệ liên tục cầu nguyện, tự giữ mình trong kỷ luật và suy gẫm lời Đức Chúa Trời, ắt hẳn họ đã đuổi quỷ thành công và cứu được cậu bé rồi.

Toàn bộ bức tranh này cho thấy những gì Chúa Giê-xu sẽ thực hiện khi Ngài rời thiên đàng vinh hiển trở lại trần gian này. Ngài sẽ chiến thắng quỷ Sa-tan và xiềng nó lại trong 1.000 năm (*Khải Thị 20:1-6*).

## Nhà Vua Trong Đức Khiêm Nhu

*Ma-thi-ơ 17:22-27*

<sup>22</sup> Đang khi Đức Chúa Jê-sus và môn đồ trải qua trong xứ Ga-li-lê, Ngài phán cùng môn đồ rằng: Con người sẽ bị nộp trong tay người ta. <sup>23</sup> Họ sẽ giết Ngài, nhưng đến ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại. Các môn đồ bèn lo buồn lắm.

<sup>24</sup> Khi đã đến thành Ca-bê-na-um, những người thu thuế của đền thờ đến hỏi Phi-e-rơ rằng: Thầy người có nộp tiền thuế chẳng? <sup>25</sup> Phi-e-rơ trả lời rằng: Có. Và khi Phi-e-rơ vào nhà, thì Đức Chúa Jê-sus hỏi đón trước rằng: Hỡi Si-môn, người nghĩ sao? Các vua thế gian thu lương lấy thuế ai? Thu của con trai mình hay là của người ngoài? <sup>26</sup> Phi-e-rơ thưa rằng: Người ngoài. Ngài phán rằng: Vậy thì các con trai được miễn thuế! <sup>27</sup> Song le, để chúng ta khỏi làm gương xấu cho họ, thì người hãy ra biển câu cá, bắt lấy con cá nào dính câu trước hết, banh miệng nó ra, sẽ thấy một đồng bạc ở trong. Hãy lấy đồng bạc đó, và đem nộp thuế cho ta với người.

Đây là lần thứ hai Chúa Giê-xu nhắc đến sự chết và sống lại của Ngài. Các môn đệ lo buồn và không dám hỏi Ngài về điều đó. Thực ra, các môn đệ không tin lời báo về sự sống lại của Ngài vì họ quên lời Ngài đã hứa (*Mác 16:14*). Nhưng kẻ thù nhớ những lời Ngài phán (*Giăng 2:19*) và đã hành động phù hợp (*Ma-thi-ơ 27:62-66*).

Thật là ngược đời: một vị Vua lại lâm vào cảnh nghèo túng quá đến nỗi không thể có nửa đồng bạc nộp thuế hằng năm cho đền thờ! Chúng ta đáng nên lưu tâm đến những đặc điểm độc đáo của phép lạ này.

*Chỉ có Ma-thi-ơ chép lại phép lạ này.* Ma-thi-ơ trước kia là một người thu thuế, đã chép Phúc Âm về Vị Vua, và phép lạ này khẳng định vương quyền của Chúa chúng ta. Các vua thế gian không thu lương lấy thuế của con trai mình. Chúa Giê-xu tự khẳng định Ngài không phải nộp thuế này vì Ngài là Con trai của Vua, Con Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, là Con Đức Chúa Trời Ngài lại quá túng thiếu đến nỗi không nộp được nửa đồng bạc, các môn đệ Ngài cũng nghèo như vậy. Ngài sử dụng vương quyền trên muôn vật để cung ứng nhu cầu.

Đức Chúa Trời ban cho A-đam và Ê-va quyền quản trị muôn vật, trong đó có cá dưới biển (*Sáng Thế Ký* 1:26; *Thi Thiên* 8:6-8). Loài người đã đánh mất quyền quản trị này do tội lỗi, vì vậy Phi-e-rơ không thể ra lệnh cho con cá để tìm thấy đồng bạc. Chúa Giê-xu đã thực hành quyền tể trị không những trên loài cá nhưng còn trên cả loài vật (*Ma-thi-ơ* 21:1-7) và loài chim nữa (*Ma-thi-ơ* 26:34,74-75). A-đam đánh mất quyền quản trị muôn vật chỉ vì ông không vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-xu Christ lấy lại quyền ấy bằng sự vâng lời (*Hê-bơ-rơ* 2:6).

Trong lúc con cái Chúa ngày nay không có trọn quyền trên muôn vật, nhưng một ngày kia chúng ta sẽ đồng trị với Đấng Christ và thực hành quyền tể trị với Ngài. Trong lúc đó, Đức Chúa Trời chăm sóc kẻ thuộc về Ngài và bảo đảm rằng tất cả muôn vật đang hành động vì cơ người tin cậy và vâng lời Ngài.

*Đây là phép lạ duy nhất Ngài thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu của chính Ngài.* Quí Sa-tan đã cám dỗ Đấng Christ dùng quyền thiên thượng để thỏa mãn nhu cầu của Ngài (*Ma-thi-ơ* 4:3-4), nhưng Ngài đã từ chối. Tuy nhiên trong trường hợp này, Ngài không dùng quyền năng Ngài cho riêng mình, vì những người khác cũng có nhắc đến trong phép lạ. “Để chúng ta khỏi làm gương xấu cho họ” là lời Chúa dùng giải thích cho phép lạ Ngài làm. Ngài không muốn dân chúng khó chịu vì Ngài là người Do Thái lại không đóng góp cho công việc đền thờ. Chúa Giê-xu không ngần ngại phá bỏ phép tắc lễ nghi do con người đặt ra, nhưng Ngài cẩn thận tuân giữ Luật Pháp Đức Chúa Trời.

Là Cơ Đốc nhân, chúng ta không được dùng sự tự do trong Đấng Christ làm thương tổn hoặc nguy hại đến người khác. Đúng ra, Chúa Giê-xu không phải nộp thuế; nhưng vì những lý do thiết thực, Ngài đã làm điều đó. Ngài cũng bao gồm cả Phi-e-rơ để lời làm chứng của họ không bị tổn hại.

*Đây là phép lạ duy nhất sử dụng đến tiền.* Bởi vì Ma-thi-ơ đã từng là nhà thu thuế, cho nên chúng ta chắc rằng ông ta sẽ quan tâm đến phép lạ này. Việc nộp thuế này có gốc tích từ thời Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:11). Tiền thuế lúc ban đầu được dùng làm

các lỗ mộng bằng bạc của khung Đền (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 38:25-27). Các khoản thuế sau này được dùng để trang trải các công việc của Đền tạm và sau đó là Đền thờ. Tiền bạc nhằm nhắc nhở người Do Thái nhớ rằng họ đã được cứu chuộc ra khỏi ách nô lệ trong xứ Ai Cập. Chúng ta đã được mua chuộc bằng huyết báu của Chúa Giê-xu Christ. (*I Phi-e-rơ* 1:18-19).

*Đây là phép lạ duy nhất sử dụng một con cá.* Chúa Giê-xu đã hóa cá ra nhiều cho Phi-e-rơ (*Lu-ca* 5:1-11), và phép lạ ấy được Ngài lập lại trong *Giăng* 21:1. Nhưng trong trường hợp này, Ngài chỉ dùng một con cá. Khi ta xem xét mức độ phức tạp của phép lạ, ắt chúng ta kinh ngạc. Trước tiên, có ai đó phải đánh rơi một đồng bạc xuống nước. Kế đó, một con cá đớp lấy đồng bạc và giữ nó trong miệng. Rồi cũng chính con cá đó - trong khi vẫn ngậm đồng bạc trong miệng - cắn lưỡi câu của Phi-e-rơ và bị Phi-e-rơ bắt lấy. Bạn không thể lý giải tất cả diễn tiến này theo cách tự nhiên được. Thật quá phức tạp để cho đó là do tình cờ may mắn, và cũng quá khó đối với tài xoay sở của con người.

*Phép lạ được thực hiện dành cho Phi-e-rơ.* Các môn đệ khác nộp thuế như thế nào chúng ta không được biết. Đây là một trong những phép lạ Chúa Giê-xu thực hiện cho Phi-e-rơ. Ngài chữa lành cho bà gia Phi-e-rơ (*Mác* 1:29-34), giúp Phi-e-rơ đánh bắt cá (*Lu-ca* 5:1-11), khiến ông ta đi bộ trên mặt nước (*Ma-thi-ơ* 14:22-33), chữa lành tai của Man-chu (26:47-56), và giải cứu Phi-e-rơ thoát khỏi tù ngục (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1). Chúng ta không lấy làm lạ khi Phi-e-rơ viết, "Lại hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài, vì Ngài hay săn sóc anh em" (*I Phi-e-rơ* 5:7).

Chúa Giê-xu biết điều Phi-e-rơ cần và Ngài có thể đáp ứng điều đó. Trong lúc bước vào nhà, Phi-e-rơ nghĩ rằng ông có một vấn đề cần phải giải quyết. Nhưng trước khi Phi-e-rơ có thể thưa với Chúa điều phải làm, Ngài đã phán với ông! Đức Chúa Cha đã ngắt lời Phi-e-rơ tại trên núi Hóa Hình (*Ma-thi-ơ* 17:5), và bây giờ Đức Chúa Con ngắt lời của Phi-e-rơ trong nhà. Nếu như chúng ta để cho Chúa Giê-xu điều hướng cuộc đời mình, chúng ta sẽ thấy Ngài thỏa mãn mọi nhu cầu vì danh vinh hiển của Ngài.

*Đây là phép lạ duy nhất không thấy ghi nhận kết quả.* Chúng ta trông chờ một câu Kinh Thánh khác nữa đại khái: “Và Phi-e-rơ đi ra biển, thả câu, và kéo lên bờ một con cá; và khi người banh miệng con cá ra, người thấy trong đó một đồng bạc và dùng nó nộp thuế Đền thờ cho mình và cho Chúa Giê-xu.” Nhưng không có câu 28 như vậy. Vậy thì làm thế nào chúng ta biết được phép lạ đã xảy ra? Bởi vì Chúa Giê-xu đã phán, điều đó tất sẽ thành! “Chẳng có một lời nào không ứng nghiệm” (ICác-vua 8:56).

Chúng ta phải khen ngợi Phi-e-rơ vì đức tin của ông. Dân chúng tại bờ biển quen thấy Phi-e-rơ mang lưới trong tay, chứ không phải cần câu và lưỡi câu. Nhưng Phi-e-rơ đã tin vào lời phán của Chúa, và Đức Chúa Trời đã tôn trọng đức tin của ông. Nếu chúng ta tin cậy nơi Vua, Ngài sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của chúng ta khi chúng ta vâng theo lời của Ngài.

## Sự Quở Trách Của Vua

*Ma-thi-ơ 18*

Tại sao một số con cái Đức Chúa Trời phải trải qua một thời gian khó khăn mới sống hòa hợp với nhau được? Có một bài thơ diễn tả vấn đề này rất đúng:

Sống trên trời với các thánh đồ ta yêu,  
Là điều vinh quang, thật vinh quang.  
Sống nơi thế hạ với các thánh đồ quen thuộc  
Lại là một chuyện khác!

Giữa vòng các Cơ Đốc nhân ngày nay có quá nhiều phân rẽ và bất hòa, vì vậy chúng ta rất cần lời dạy dỗ trong *Ma-thi-ơ* chương 18. Chúa Giê-xu quở trách các môn đệ Ngài vì lòng họ kiêu ngạo và tham muốn quyền lợi địa vị ở thế gian này, Ngài dạy họ ba điều quan trọng về cách nào để sống hiệp một và hòa thuận giữa vòng con dân Chúa.

### Đức Khiêm Nhường

*Ma-thi-ơ 18:1-14*

<sup>1</sup> Trong lúc đó, môn đồ lại gần Đức Chúa Jêsus, mà hỏi rằng: Ai là lớn hơn hết trong nước thiên đàng? <sup>2</sup> Đức Chúa Jêsus gọi một đứa trẻ đến, để ở giữa môn đồ, <sup>3</sup> mà phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, nếu các người

không đổi lại và nên như đứa trẻ, thì chẳng được vào nước thiên đàng đâu.

<sup>4</sup> Vậy, hễ ai trở nên khiêm nhường như đứa trẻ này, sẽ là lớn hơn hết trong nước thiên đàng. <sup>5</sup> Hễ ai vì danh ta chịu tiếp một đứa trẻ thể này, tức là chịu tiếp ta. <sup>6</sup> Song, nếu ai làm cho một đứa trong những đứa nhỏ này đã tin ta sa vào tội lỗi, thì thà buộc cối đá vào cổ, mà quăng nó xuống đáy biển còn hơn.

<sup>7</sup> Khốn nạn cho thể gian vì sự gây nên phạm tội! Vì sự gây nên phạm tội phải có; song khốn nạn thay cho ai là kẻ gây nên phạm tội! <sup>8</sup> Nếu tay hay là chân người làm cho người sa vào tội lỗi, hãy chặt và ném nó cho xa người đi; vì thà người què chân hay là cụt tay mà vào nơi hằng sống, còn hơn là đủ cả hai tay hay là hai chân mà bị quăng vào lửa đời đời. <sup>9</sup> Nếu con mắt người làm cho người sa vào tội lỗi, thì hãy móc mà ném cho xa người đi; vì thà người một mắt mà vào nơi hằng sống, còn hơn là đủ hai mắt mà bị quăng vào lửa địa ngục.

<sup>10</sup> Hãy giữ mình đừng khinh dể một đứa nào trong những đứa trẻ này; vì ta bảo các người, các thiên sứ của chúng nó trên trời thường thấy mặt Cha ta, là Đấng ở trên trời. <sup>12</sup> Các người tưởng thế nào? Nếu người nào có một trăm con chiên, một con bị lạc mất đi, thì há chẳng để chín mươi chín con lại trên núi, mà đi kiếm con đã lạc mất sao? <sup>13</sup> Quả thật, ta nói cùng các người, nếu người kiếm lại được, thì lấy làm vui mừng về con đó hơn chín mươi chín con không lạc. <sup>14</sup> Cũng thế ấy, Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư mất.

Có người định nghĩa chính xác sự khiêm nhường là “ân sủng mà bạn đã đánh mất ngay khi bạn nhận biết mình đang sở hữu!” Người ta cũng nhận định rõ ràng, “Sự khiêm nhường thật không phải là nghĩ mình hèn hạ, nhưng là không một mảy may để ý đến chính bản thân mình”.

*Cần phải có lòng khiêm nhường (Ma-thi-ơ 18:1).* “Ai trong chúng ta là người lớn hơn hết?” là đề tài các môn đệ bàn luận nhiều lần, vì chúng ta thường thấy vấn đề này xuất hiện trong sách Phúc Âm. Các diễn tiến mới xảy ra có thể khiến tình trạng càng tồi tệ, đối với sứ đồ Phi-e-rơ dù cho ông đã đi bộ trên mặt nước, ở với Chúa trên đỉnh núi, và đã nộp thuế bởi một phép lạ.

Sự việc Chúa Giê-xu bày tỏ cùng các môn đệ về sự đau đớn và cái chết hầu đến của Ngài chẳng có ảnh hưởng gì đến họ. Các môn đệ đang nghĩ về chính mình và tính xem họ sẽ được địa vị nào trong Nước thiên đàng. Vấn đề này cuốn hút các môn đệ đến nỗi

họ đã thực sự cãi nhau! (*Lu-ca* 9:46).

Thói ích kỷ và sự chia rẽ của con cái Đức Chúa Trời là điều đáng hổ thẹn đối với đức tin Cơ Đốc giáo. Điều gì gây nên những nan đề này? Tính tự cao - tự nghĩ mình quan trọng hơn điều mình thực sự có. Chính sự kiêu ngạo đã dẫn con người vào con đường tội lỗi trong buổi đầu sáng thế (*Sáng Thế Ký* 3:5). Khi con cái Chúa chỉ sống cho chính mình và không quan tâm đến người khác, lúc ấy mâu thuẫn và chia rẽ xảy ra (*Phi-líp* 2:1).

*Gương về sự khiêm nhường* (*Ma-thi-ơ* 18:2-6,10-14). Các môn đệ nín thở chờ đợi Chúa Giê-xu nêu tên ai là người lớn nhất trong vòng họ. Nhưng Ngài hoàn toàn không để ý gì đến sự trông mong của họ và Ngài gọi một đứa trẻ đến để ở giữa các môn đệ. Ngài dùng đứa trẻ này làm gương dạy họ về sự cao trọng thật.

Sự khiêm nhường thật có nghĩa là tự biết mình, tự chấp nhận mình, sống thật với chính mình - để làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Điều đó giúp tránh được hai thái cực: tự hạ thấp mình hơn địa vị đáng phải có (như Môi-se đã làm khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông, *Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:11), hoặc tôn cao mình lên hơn địa vị đang có (*Rô-ma* 12:3). Đời sống thật sự khiêm nhường không phủ nhận những ân tứ mà Đức Chúa Trời ban cho, nhưng sử dụng chúng để làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Một đứa trẻ trong trắng có những đức tính hướng đến sự khiêm nhường: tin cậy (*Ma-thi-ơ* 18:6), phụ thuộc, thích làm cho người khác vui mừng, không kiêu ngạo hoặc ham muốn được lớn hơn người khác. Tất cả chúng ta vốn có bản chất nổi loạn muốn trở thành người nổi tiếng chứ không thích làm tôi tớ phục vụ. Cần phải được dạy dỗ nhiều chúng ta mới có thể học được những bài học về khiêm nhường.

Các môn đệ muốn biết ai là người lớn hơn hết trong Nước thiên đàng. Nhưng Chúa Giê-xu khuyến cáo rằng nếu không khiêm nhường họ không thể nào vào được Nước Đức Chúa Trời! Họ phải biến đổi xoay hướng sự suy nghĩ - nếu không sẽ chẳng bao giờ có được Nước thiên đàng.

Trong những câu Kinh Thánh này dường như Chúa Giê-xu đang

pha trộn hai khái niệm: con trẻ là gương mẫu về sự khiêm nhường, và con cái của Đức Chúa Trời cho dù ở bất cứ lứa tuổi nào. Là Cơ Đốc nhân, không những vì Chúa Giê-xu chúng ta tiếp nhận các con trẻ; nhưng chúng ta cũng phải chấp nhận tất cả con cái của Đức Chúa Trời và tìm cách chăm sóc họ (*Rô-ma* 14:1). Gây cho một đứa trẻ phạm tội hoặc dẫn chúng đi sai đường là một việc hết sức sai lầm. Nó cũng nguy hại giống như việc gây cho một con cái Chúa vấp phạm bởi gương xấu của chúng ta (*Rô-ma* 14:13; *I Cô-rinh-tô* 8:9). Đời sống thật sự khiêm nhường chỉ nghĩ đến người khác chứ không nghĩ đến chính mình.

Chúa Giê-xu giải thích có thể chúng ta có bốn thái độ khác nhau hướng về trẻ con và do vậy chúng ta cũng có thái độ hướng đến sự khiêm nhường thật. Chúng ta có thể tìm cách trở nên khiêm nhường thật như trẻ con (*Ma-thi-ơ* 18:3-4), như đối với Chúa. Hoặc chúng ta chỉ tiếp nhận con trẻ (*Ma-thi-ơ* 18:5) bởi vì Chúa Giê-xu đã dạy chúng ta. Nếu không cẩn thận chúng ta sẽ làm cho các em sa ngã (*Ma-thi-ơ* 18:6), và kết cuộc chúng ta khinh để các em (*Ma-thi-ơ* 18:10).

Coi thường trẻ con là một hiểm họa, bởi vì Đức Chúa Trời coi trọng con trẻ. Khi tiếp rước con trẻ (hoặc một con cái Chúa), tức là chúng ta tiếp rước Đấng Christ (*Ma-thi-ơ* 18:5). Đức Chúa Cha chăm sóc con trẻ và các thiên sứ canh giữ chúng (*Ma-thi-ơ* 18:10). Giống như người chăn tốt, Đức Chúa Trời tìm kiếm những tội nhân hư mất và cứu vớt họ; chúng ta không được gây cho họ mất đức tin. Nếu người chăn lo chăm sóc một con chiên trưởng thành, thì việc bảo vệ cho các chiên con còn quan trọng hơn biết bao!

Ngày nay trẻ em bị bỏ bê và ngược đãi, chúng ta cần phải nghiêm túc chú ý lời cảnh cáo của Đấng Christ. Thà buộc cổ đá vào cổ người ấy ném xuống biển còn hơn để người ấy ngược đãi một trẻ nhỏ và phải chịu hình phạt của Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 18:6).

*Giá phải trả của sự khiêm nhường* (*Ma-thi-ơ* 18:7-9). Người thật sự khiêm nhường giúp ích xây dựng người khác, chứ không phá đổ họ. Người ấy làm viên đá lót đường cho kẻ khác bước lên,

và không làm hòn đá vấp chân ai. Vì vậy, bất kỳ điều gì làm tôi sa ngã phải dẹp bỏ khỏi đời sống tôi, vì nếu không, tôi sẽ gây cho người khác vấp phạm. Chúa Giê-xu đã phán giống như vậy trong *Bài Giảng Trên Núi* (5:29-30). Thánh Phao lô đã dùng mắt, tay, và chân để minh họa sự nhờ cậy lẫn nhau giữa các chi thể trong thân thể Đấng Christ (I *Cô-rinh-tô* 12:14-17).

Sự khiêm nhường bắt đầu bằng việc tự xét mình, và tiếp theo là quên mình. Chúa Giê-xu không dạy chúng ta làm hại đến thân thể, vì thân thể chúng ta có đau đớn cũng không thể nào thay đổi tình trạng thuộc linh trong lòng chúng ta được. Hơn nữa, Ngài đang dạy chúng ta thực hiện “cuộc giải phẫu tâm linh” trong chính con người chúng ta, loại bỏ bất kỳ điều gì khiến chúng ta sa sút yếu đuối và gây cho người khác vấp phạm. Người khiêm nhường sống cho Chúa Giê-xu trước hết và kế đến cho tha nhân - cuối cùng người mới nghĩ đến bản thân mình. Người vui mừng khi phải mất mát những điều tốt đẹp nếu điều đó đem ích lợi cho người lân cận. Có lẽ lời giải thích tốt nhất về điều này nằm trong *Phi-líp* 2:1-18.

### Sự Thành Thật

*Ma-thi-ơ* 18:15-20

<sup>15</sup> Nếu anh em người phạm tội cùng người, thì hãy trách người khi chỉ có người với một mình người; như người nghe lời, thì người được anh em lại. <sup>16</sup> Ví bằng không nghe, hãy mời một hai người đi với người, hầu cứ lời hai ba người làm chứng mà mọi việc được chắc chắn. <sup>17</sup> Nếu người không chịu nghe các người đó, thì hãy cáo cùng Hội Thánh, lại nếu người không chịu nghe Hội Thánh, thì hãy coi người như kẻ ngoại và kẻ thù thuế vậy. <sup>18</sup> Quả thật, ta nói cùng các người, hễ điều gì mà các người buộc ở dưới đất thì cũng sẽ buộc ở trên trời, và điều gì mà các người mở ở dưới đất thì cũng sẽ mở ở trên trời. <sup>19</sup> Quả thật, ta lại nói cùng các người, nếu hai người trong các người thuận nhau ở dưới đất mà cầu xin không cứ việc chi, thì Cha ta ở trên trời sẽ cho họ. <sup>20</sup> Vì nơi nào có hai ba người nhân danh ta nhóm nhau lại, thì ta ở giữa họ.

Chẳng phải lúc nào chúng ta cũng thực hành đức tính khiêm nhường. Nhiều lúc cố ý hay vô tình, chúng ta chọc giận người khác và làm khổ họ. Ngay cả Luật Pháp Cựu Ước cũng nhìn nhận “tội phạm do lầm lỡ” (*Dân Số Ký* 15:22), và vua Đa-vít đã cầu nguyện Chúa tha thứ “những lỗi ông không biết” (*Thi Thiên* 19:12), nghĩa là “những lỗi mắt tôi không thấy”. Chúng ta nên làm gì khi một con cái Chúa phạm tội nghịch cùng chúng ta hoặc gây cho chúng ta vấp phạm? Chúa Giê-xu cho chúng ta lời khuyên:

*Giữ kín vấn đề.* Hãy đến với người đã phạm tội và nói chuyện riêng với người đó. Có thể anh ta không nhận ra điều đã làm. Hoặc mặc dù anh ta có cố tình phạm tội, thái độ hạ mình và yêu thương của bạn sẽ giúp anh ta ăn năn xin lỗi. Quan trọng hơn hết, bạn hãy đến cùng người ấy với tư tưởng được người anh em của bạn, chớ đừng đến với ý nghĩ sẽ thắng cuộc tranh luận. Chúng ta có thể thắng cuộc tranh luận nhưng đánh mất anh em mình.

Phải lấy lòng nhu mì và khiêm nhường khi tìm cách sửa dạy anh em chị em mình (*Ga-la-ti* 6:1). Chúng ta không nên rêu rao lên án người có tội, hoặc đi kể cho mọi người biết về điều anh em mình vấp phạm. Chúng ta phải hết lòng yêu thương tìm cách giúp đỡ họ giống như cách chúng ta muốn họ đối xử khi chúng ta ở trong tình cảnh ấy. Chữ “sửa lại” trong *Ga-la-ti* 6:1 là từ y học trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “chỉnh lại cái xương bị gãy”. Hãy nghĩ đến sự kiên nhẫn và lòng nhân hậu cần phải có!

*Nhờ những anh em khác giúp đỡ.* Nếu người phạm lỗi từ chối không chịu sửa đổi, lúc ấy chúng ta có thể tự do bày tỏ gánh nặng với một hoặc hai tín hữu đáng tin cậy. Nên chia sẻ mọi việc chúng ta thấy và nhờ anh em trong Chúa cầu nguyện khuyên lơn người ấy. Cũng có thể chúng ta sai trong xử sự. Nếu người anh em thấy nguyên nhân xảy ra là đúng, lúc ấy sẽ cùng đi với chúng ta đến với người phạm lỗi cố thuyết phục anh ta một lần nữa. Không chỉ những anh em này bền lòng cầu nguyện và kiên nhẫn thuyết phục, nhưng họ còn là người làm chứng sự thật cho Hội Thánh về buổi nói chuyện (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 19:15; *II Cô-rinh-tô* 13:1).

Khi tội lỗi không được giải quyết cách chân thành, nó sẽ lây

lan. Vấn đề lúc đầu chỉ xảy ra giữa hai người bây giờ lớn dần kéo theo đến bốn năm người. Không có gì đáng ngạc nhiên khi cả Chúa Giê-xu và Phao-lô đều so sánh tội lỗi như men, bởi vì men làm cho tiêm nhiễm và lây lan.

*Nhờ Hội Thánh giúp đỡ.* Hãy nhớ, mục tiêu của chúng ta không nhằm để thắng một vụ kiện tụng nhưng để chinh phục được một anh em. Chữ “được lại” ở *Ma-thi-ơ* 18:15 được dùng trong *I Cô-rinh-tô* 9:19-20 nói đến việc chinh phục người bị hư mất; nhưng cũng thật quan trọng trong việc thuyết phục người đã được cứu. Đây là lần thứ hai Chúa chúng ta nhắc đến Hội Thánh (xem *Ma-thi-ơ* 16:18), và ở đây Chúa muốn nói đến Hội Thánh địa phương. Các môn đệ của Chúa được dạy dỗ trong nhà hội Do Thái Giáo, vì thế họ quen thuộc với kỷ cương của giáo hội.

Sự việc riêng tư giữa hai người bây giờ được công bố cho toàn Hội Thánh đều biết. Kỷ cương phép tắc của Hội Thánh ngày nay thường bị xao lãng, nhưng nó được nhắc đến ở đây và trong các thư tín (xem *I Cô-rinh-tô* 5:1-13; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 3:6-16; *II Ti-mô-thê* 2:23-26; *Tít* 3:10). Con cái trong gia đình cần phải có kỷ luật như thế nào thì con cái Đức Chúa Trời trong Hội Thánh cũng cần phép tắc thế ấy. Nếu đến lúc sự việc đưa ra cho toàn thể Hội Thánh, nhưng người phạm lỗi vẫn chưa đổi ý và ăn năn, lúc ấy người đó phải chịu hình thức kỷ luật. Anh ta không thể nào được mọi người đối xử như anh em thuộc linh, vì anh ta đã mất địa vị ấy. Anh ta chỉ được đối đãi như người ngoài Hội Thánh, dầu không bị khinh ghét nhưng không có mối tương giao thân thiết.

*Hãy giữ Hội Thánh trong sự kính sợ Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 18:18-20).* Điều then chốt là Hội Thánh phải ở trong tình trạng thuần khiết nhất trước khi kỷ luật một thành viên. Khi Hội Thánh kỷ luật một người nào, thực sự Hội Thánh đang tự kiểm điểm và xem xét chính mình. Đây là lý do Chúa thêm vào những từ ngữ nói về quyền phép, sự cầu nguyện, và thông công. Chúng ta không thể kiểm điểm người khác nếu không tự xem lại mình. Bất cứ điều gì chúng ta mở (cho phép) trong Hội Thánh chắc chắn trước đó đã được Đức Chúa Trời cho phép. (Xem các lời giải thích trong

*Ma-thi-ơ* 16:9).

Hội Thánh phải đặt dưới quyền điều khiển của Lời Đức Chúa Trời. Kỷ cương Hội Thánh không phải ám chỉ đến một nhóm cảnh sát Cơ Đốc cư xử một cách kiêu căng hùng hổ. Đúng hơn, điều đó có nghĩa Đức Chúa Trời đang thực thi quyền tể trị của Ngài trên và qua Hội Thánh địa phương để sửa dạy con cái Ngài đang sai phạm.

Không chỉ phải có thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời, nhưng còn phải thành tâm cầu xin (*Ma-thi-ơ* 18:19). Chữ *thuận nhau* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “giao hòa”. Hội Thánh phải hiệp ý trong sự cầu nguyện khi tìm cách khuyên dạy thành viên sai phạm. Chính qua sự cầu nguyện và tìm kiếm lời Đức Chúa Trời chúng ta sẽ hiểu được ý muốn của Đức Chúa Cha trong từng vấn đề.

Sau hết, phải có sự thông công (*Ma-thi-ơ* 18:20). Hội Thánh địa phương phải là cộng đồng thờ phượng, nhận biết Chúa đang hiện diện ở giữa. Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể cáo trách cả người phạm tội lẫn Hội Thánh, và Ngài cũng đoán phạt tội lỗi giữa Hội Thánh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:1-11).

Hội Thánh ngày nay rất cần sự thành thật. “Lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” là tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 4:15). Nếu chúng ta bày tỏ yêu thương không bởi lòng chân thật, đó chỉ là giả dối. Còn nếu chúng ta cố gắng nói ra lẽ chân thật nhưng không bởi tình yêu thương, thì đó có thể là một điều ác. Chúa Giê-xu luôn luôn lấy lòng yêu thương giảng dạy lẽ thật. Nếu lẽ thật làm cho đau đớn, đó là vì “Bạn hữu làm cho thương tích ấy là bởi lòng thành tín...” (*Châm Ngôn* 27:6).

Nhưng chúng ta nhớ kỹ rằng *khiêm nhu* phải đi trước *thành thật*. Một Cơ Đốc nhân kiêu ngạo không thể lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật được. Người ấy sẽ dùng lỗi lầm của anh em mình làm vũ khí để phá chứ không dùng nó làm công cụ xây dựng. Kết quả chỉ gây thêm chia rẽ và bất hòa.

Sự dối trá là tội lỗi đầu tiên xảy ra trong nội bộ Hội Thánh trong thời Tân Ước (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:1-11). A-na-nia và Sa-phi-ra tìm cách làm cho cả Hội Thánh tin rằng họ có đời sống thuộc linh cao hơn. Họ tự dối lòng mình khi nghĩ rằng có thể thoát

được sự lừa dối; họ nói dối anh em trong Đấng Christ và các lãnh đạo Hội Thánh; và đã tìm cách nói dối Đức Thánh Linh. Kết quả họ đã bị lên án và chết. Có thể Đức Chúa Trời không giết mọi người giả dối trong Hội Thánh ngày nay, nhưng thói đạo đức giả thực sự bóp chết Hội Thánh.

Vấn đề nội bộ thứ hai (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:1-7) liên quan tới những người đang bị bỏ bê không được chăm sóc. Các sứ đồ và môn đệ giải quyết vấn đề bằng lẽ thật và lòng yêu thương, kết quả Hội Thánh nhận được phước hạnh dồi dào từ nơi Chúa. Cần phải có lòng thành thật và tình yêu thương, hai điều này phải được thực hiện bằng đức khiêm nhường.

## Sự Tha Thứ

*Ma-thi-ơ* 18:21-35

<sup>21</sup> Phi-e-rơ bèn đến gần Đức Chúa Jêsus mà hỏi rằng: Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chăng? <sup>22</sup> Ngài đáp rằng: Ta không nói cùng ngươi rằng đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy.

<sup>23</sup> Vậy nên, nước thiên đàng giống như vua kia, muốn tính sổ với các đầy tớ mình. <sup>24</sup> Khi vua khởi soát sổ, thì có người đem nộp một tên kia mắc nợ vua một vạn ta-lăng. <sup>25</sup> Bởi vì người chẳng có gì mà trả, thì chủ dạy bán người, vợ con và gia tài người, đặng trả nợ. <sup>26</sup> Kẻ đầy tớ nấy bèn sắp mình xuống nơi chân chủ mà xin rằng: Thưa chủ, xin giãn cho tôi, thì tôi sẽ trả hết! <sup>27</sup> Chủ bèn động lòng thương xót, thả người về, và tha nợ cho. <sup>28</sup> Nhưng khi đầy tớ đó ra về, gặp một người trong bạn làm việc, có thiếu mình một trăm đơ-ni-ê, thì nắm bóp cổ bạn mà nói rằng: Hãy trả nợ cho ta! <sup>29</sup> Người bạn sắp mình xuống mà nài xin rằng: Xin giãn cho tôi, thì tôi sẽ trả cho anh. <sup>30</sup> Song người chẳng khứng, cứ việc bắt bỏ tù cho đến khi trả hết nợ. <sup>31</sup> Các bạn thấy vậy, buồn lắm, đến thuật lại cùng chủ mình mọi điều đã xảy ra. <sup>32</sup> Chủ bèn đòi đầy tớ ấy đến mà nói rằng: Hỡi đầy tớ độc ác kia, ta đã tha hết nợ cho ngươi, vì ngươi cầu xin ta; <sup>33</sup> ngươi há lại chẳng nên thương xót bạn làm việc người như ta đã thương xót ngươi sao? <sup>34</sup> Chủ nổi giận, phú nó cho kẻ giữ ngục cho đến khi nào trả xong hết nợ. <sup>35</sup> Nếu mỗi người trong các ngươi không hết lòng tha lỗi cho anh em mình, thì Cha ta ở trên trời cũng sẽ xử với các ngươi như vậy.

Khi bắt đầu sống trong bầu không khí khiêm nhường thành

thật, chúng ta phải dám liều và sẵn lòng chịu hiểm nguy. Nếu lòng khiêm nhường và thành thật không sinh bông trái tha thứ, thì các sợi dây thân ái không thể kiên toàn và mạnh mẽ được. Phi-e-rơ nhận ra nguy cơ rạn nứt mối tương giao với anh em nên hỏi Chúa Giê-xu cách ông phải xử trí như thế nào khi gặp người mắc lỗi với mình trong tương lai.

Nhưng Phi-e-rơ đã mắc một vài sai phạm nghiêm trọng. Đầu tiên, ông thiếu hạ mình. Ông đĩnh ninh anh em của ông sẽ phạm tội nghịch cùng mình, nhưng ông thì không nghịch lại anh em mình! Sai phạm thứ hai của Phi-e-rơ là đòi hỏi giới hạn và mức độ. Nơi nào có lòng yêu thương, nơi đó không hề có giới hạn hoặc mức độ (*Ê-phê-sô* 3:17-19). Phi-e-rơ nghĩ rằng ông đang bày tỏ đức tin và lòng yêu thương lớn lao khi tha thứ cho anh em mình ít nhất là bảy lần, trong khi các thầy dạy đạo cho rằng ba lần là đủ.

Chắc chắn Phi-e-rơ rất đổi kinh ngạc khi nghe Chúa đáp, “Đến bảy mươi lần bảy” (490 lần). Ai có thể tính nổi bấy nhiêu lần xúc phạm như vậy? Nhưng đó là điều Chúa muốn phán dạy: Lòng yêu thương “không chấp trách điều gì” (*I Cô-rinh-tô* 13:5, TKHĐ). Khi đã tha thứ cho anh em mình được nhiều lần như thế, lúc ấy chúng ta có thói quen tha thứ.

Nhưng Chúa Giê-xu không khuyên dạy tha thứ qua loa hoặc chiếu lệ. Tình yêu Cơ Đốc không mù quáng (*Phi-líp* 1:9-10). Sự tha thứ Đấng Christ đòi hỏi dựa trên lời dạy dỗ của Ngài trong các câu *Ma-thi-ơ* 18:15-20. Nếu một người phạm lại lỗi cũ, bởi lòng thương yêu tha thứ của anh em mình khích lệ người đó có đủ sức mạnh và năng lực để đắc thắng tội lỗi ấy. Nếu chúng ta lên án anh em mình, chúng ta phơi bày nỗi xấu hổ của họ. Tạo không khí yêu thương tha thứ là chúng ta tham gia vào việc Đức Chúa Trời bày tỏ sự thiện lành trong họ.

Thí dụ nêu trên minh họa năng lực của tha thứ. Thật là quan trọng khi thấy rằng thí dụ này không nói về sự cứu rỗi, vì cứu rỗi là sự đầy trọn của ân sủng và là sự ban cho không điều kiện. Xem ơn tha thứ của Đức Chúa Trời chỉ là một việc tạm thời là xúc phạm đến chính lễ thật Thánh Kinh (*Rô-ma* 5:8; *Ê-phê-sô* 2:8-9; *Tít* 3:3-

7). Thí dụ đề cập đến sự tha thứ giữa hai anh em trong Chúa, không phải giữa tội nhân hư mất và Đức Chúa Trời. Chương sách này nhấn mạnh đến một người tha thứ cho một người khác trong Hội Thánh (*Ma-thi-ơ* 18:15,21). Nhân vật chính trong phân đoạn này trải qua ba giai đoạn trong kinh nghiệm ơn tha thứ.

*Ông ta là một con nợ* (*Ma-thi-ơ* 18:23-27). Người đàn ông này thâm lạm ngân quỹ của nhà vua và khi vua tính sổ, tội lỗi ông bị phát hiện. Tổng số thuế thu được trong xứ Palestine mỗi năm vào khoảng 800 ta-lâng, vì vậy bạn có thể hiểu mức độ thiếu thành thật của người đàn ông này. Theo thời giá ngày nay, khoản tiền này có thể tương đương trên 10 triệu Mỹ kim.

Người đàn ông này nghĩ rằng ông ta có thể thoát được nợ. Ông ta thưa với vua cho mình có thời gian để có thể trả hết nợ. Chúng ta tìm thấy hai tội mà ông ta phạm ở đây: kiêu ngạo và thiếu lòng thành thật ăn năn. Người đàn ông không xấu hổ vì mình đã thâm lạm tiền bạc của vua; ông ta xấu hổ vì bị bắt. Và thực sự ông ta nghĩ rằng mình đủ khả năng kiếm tiền trả nợ vua. Trong nền kinh tế thời ấy, một người đàn ông phải làm việc 20 năm mới kiếm được một ta-lâng.

Ông ta ở trong tình thế vô vọng, ngoại trừ một điều: Vua là người đầy lòng thương xót. Vua chấp nhận sự mất mát và tha nợ cho tên đầy tớ. Điều này có nghĩa ông ta được vua ân xá, ông ta và gia đình sẽ không bị bỏ tù cho đến khi trả hết nợ. Người đầy tớ không xứng đáng với ơn tha thứ này; hoàn toàn do hành động yêu thương và nhân từ của người chủ.

*Ông ta là một chủ nợ* (18:28-30). Người đầy tớ rời khỏi vua ra về, gặp người bạn cùng làm việc mắc nợ ông ta 100 xu. Số nợ này không có ý nghĩa gì so với khoản tiền người đầy tớ nợ vua. Thay vì chung vui với bạn của mình vì được xóa nợ, ông ta xử tệ với bạn mình và đòi người ấy phải trả nợ cho mình. Người bạn mắc nợ cũng bày tỏ giống như người đầy tớ: "Xin giãn cho tôi thì tôi sẽ trả cho anh!" Nhưng người đầy tớ bất nghĩa không chịu tha cho người khác những gì ông ta muốn người khác làm cho mình.

Có lẽ về mặt luật pháp ông ta có quyền bắt bỏ tù người khác

nhưng trong lương tâm ông không có quyền làm như vậy. Chính ông ta đã được tha thứ - ông ta lại không thể tha thứ cho bạn mình sao? Ông ta và gia đình đã được tự do không bị tù tội lại không cho bạn mình tự do sao?

*Ông ta bị bỏ tù (Ma-thi-ơ 18:31-34).* Ban đầu nhà vua giải thoát ông ta khỏi bị tù, nhưng sau đó ông ta tự đưa mình vào tù. Ông thực thi sự công lý và bắt bạn mình bỏ tù. Nhà vua hỏi, “Vậy người muốn sống theo lẽ công bình ư?”. “Người sẽ có công bình! Hãy giam đũa đũa tở gian ác này vào ngục và làm khổ nó! Ta sẽ làm cho người như người đã làm cho người khác.” (Không thấy nói đến toàn bộ gia đình bị phạt tù, vì chính người cha trong gia đình đã bạc đãi với bạn của mình và nhớ đến ơn tha thứ của vua.)

Đóng chặt lòng khoan dung tha thứ là ngục tù tệ hại nhất của thế gian. Không tha thứ người khác, là tự giam hãm chính mình và gây ra nỗi khổ riêng cho mình. Tôi đã gặp một số người đau khổ nhất trong những năm tháng chức vụ của tôi, họ đều là những người không chịu tha thứ cho người khác. Họ chỉ sống để nghĩ cách trả thù người đã cư xử xấu với họ. Nhưng thực sự họ đang tự hành hạ mình.

Người đầy tớ này có điều gì sai chăng? Ông ta sai phạm giống như nhiều Cơ Đốc nhân: Họ đã nhận ơn tha thứ, nhưng thực sự trong lòng không kinh nghiệm ơn tha thứ một cách sâu xa. Vì vậy họ không thể chia sẻ sự tha thứ cho người xử tệ với họ. Nếu chúng ta chỉ sống theo lẽ công bình, luôn đòi hỏi điều gì mình có quyền hưởng, chúng ta sẽ tự giam mình trong tù ngục. Nhưng nếu sống theo sự tha thứ, chia sẻ những gì Đức Chúa Trời đã ban cho, lúc ấy chúng ta sẽ tận hưởng niềm vui và tự do. Phi-e-rơ đòi xin một thước đo công lý; Chúa Giê-xu phán với ông ta hãy thực hành sự tha thứ và quên đi thước đo.

Chúa Giê-xu nghiêm nghị cảnh cáo các môn đệ. Ngài không bảo rằng Đức Chúa Trời chỉ cứu rỗi những người tha thứ cho người khác. Chủ đề của thí dụ này là tha thứ giữa vòng anh em trong Chúa, chứ không phải sự cứu rỗi dành cho tội nhân hư mất. Chúa

Giê-xu cảnh cáo rằng Đức Chúa Trời không thể tha thứ nếu chúng ta không có lòng khiêm nhường ăn năn. Chúng ta bày tỏ tình trạng thật của lòng mình qua cách đối xử với người khác. Khi có lòng khiêm nhường ăn năn, chúng ta sẽ vui vẻ tha thứ cho kẻ khác. Nhưng nơi nào có sự kiêu ngạo và ý thích trả thù, nơi đó không thể có sự hối cải thật; và điều này có nghĩa Đức Chúa Trời không thể tha cho chúng ta được.

Nói cách khác, nhận ơn thứ tha của Đức Chúa Trời không thì chưa đủ ngay cả việc tha thứ cho người khác cũng vậy. Chúng ta phải kinh nghiệm ơn tha thứ trong lòng để rồi hạ mình xuống và rộng lòng nhân ái thứ tha kẻ khác. Người đầy tớ trong thí dụ không kinh nghiệm sâu xa về sự tha thứ và khiêm nhường. Ông ta chỉ vui khi được “thoát khỏi khó khăn”. Ông ta chẳng bao giờ thực sự ăn năn.

“Hãy ở với nhau cách nhân từ, đầy dẫy lòng thương xót, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy.” (*Ê-phê-sô* 4:32). “Nếu một người trong anh em có sự gì phàn nàn với kẻ khác, thì hãy nhường nhịn nhau và tha thứ nhau: như Chúa đã tha thứ anh em thế nào, thì anh em cũng phải tha thứ thế ấy” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:13).

## Những Giáo Huấn Của Vua

*Ma-thi-ơ 19:1-15*

Giai đoạn Nhà Vua “rút lui” khỏi đám đông sắp kết thúc, nhưng sự công kích của kẻ thù ngày càng mạnh mẽ và cuối cùng họ bắt và đóng đinh Ngài. Các nhà lãnh đạo giáo hội luôn đặt ra những câu hỏi về ngày Sa-bát và dấu lạ để tìm cách gài bẫy Chúa, nhưng không thể làm hại Ngài được. Họ lại tiếp tục thử Ngài, lần này họ đưa ra vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất - ly dị.

Ly dị là vấn đề nghiêm trọng và gây xôn xao dư luận ngày nay. Tỷ lệ các vụ ly dị cứ leo thang (vào thời điểm viết sách này, cứ 1,8 cặp cưới nhau có 1 cặp bỏ nhau), và tình trạng ly dị đã len lỏi vào trong gia đình các bậc lãnh đạo Hội Thánh. Người ta nhận xét rằng đời sống hôn nhân quá ngắn ngủi. Chúng ta cần xem xét lại những lời Chúa Giê-xu phán dạy về vấn đề này. Ngài giải thích bốn điều luật khác nhau liên quan đến hôn nhân và ly dị.

### Luật Tạo Dựng Ban Đầu

*Ma-thi-ơ 19:3-6*

<sup>3</sup> Người Pha-ri-si bèn đến gần để thử Ngài, mà rằng: Không cứ vì cơ gì người ta có phép để vợ mình chăng? <sup>4</sup> Ngài trả lời rằng: Các người há chưa

đọc lời chép về Đấng Tạo Hóa, hồi ban đầu, dựng nên một người nam, một người nữ, <sup>5</sup> và có phán rằng: Vì cố đó người nam sẽ lia cha mẹ, mà dính dứu với vợ mình; hai người sẽ cùng nên một thịt hay sao? <sup>6</sup> Thế thì, vợ chồng không phải là hai nữa, nhưng một thịt mà thôi. Vậy, loài người không nên phân rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp!

Thay vì trích dẫn sách *Phục Truyền Luật Lệ Ký*, Chúa Giê-xu trở về với sách *Sáng Thế Ký*. Điều Đức Chúa Trời đã thực hiện khi Ngài tạo dựng hôn nhân đầu tiên dạy chúng ta cách tích cực về ý định của Chúa đối với một người nam và một người nữ. Nếu xây dựng gia đình theo kiểu mẫu của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ không băn khoăn lo lắng về vấn đề ly dị.

*Lý do lập gia đình.* Một điều duy nhất không “tốt” trong công trình sáng tạo đó là con người sống một mình (*Sáng Thế Ký* 2:18). Người nữ được tạo dựng để đáp ứng nhu cầu này. A-đam không tìm được sự tương giao với loài vật. Ông cần một bạn đồng hành ngang bằng với mình để có thể tìm được hạnh phúc nơi người đó. Đức Chúa Trời dựng nên Ê-va để đáp ứng nhu cầu này.

Hôn nhân duy trì nòi giống. “Hãy sinh sản thêm nhiều và làm cho đầy đầy” là mạng lệnh Đức Chúa Trời giao cho đôi vợ chồng đầu tiên (*Sáng Thế Ký* 1:28). Từ buổi ban đầu Đức Chúa Trời phán rằng tình dục phải được thực hiện trong hôn nhân. Ngoài hôn nhân, tình dục trở thành sức mạnh tàn phá; nhưng trong hôn nhân đặt nền tảng trên tình yêu, tình dục có thể đem lại sự sáng tạo và xây dựng.

Hôn nhân là phương cách tránh tội gian dâm (I *Cô-rinh-tô* 7:1-6). Dĩ nhiên, một người nam không nên lập gia đình chỉ để hợp pháp hóa sự thèm muốn! Nếu anh ta có thèm muốn ngoài hôn nhân, chắc chắn sẽ phạm tội sau khi lập gia đình. Anh ta không nên nghĩ rằng lập gia đình sẽ giải quyết mọi nan đề riêng tư về tình dục. Nhưng hôn nhân là công việc Đức Chúa Trời chỉ định cho một người nam và một người nữ cùng chia sẻ vui buồn trong đời sống lứa đôi.

Phao lô dùng hôn nhân làm hình ảnh minh họa cho mối tương giao mật thiết giữa Đấng Christ và Hội Thánh (*Ê-phê-sô* 5:22-23).

Như Ê-va được dựng nên bởi xương sườn A-đam (Sáng Thế Ký 2:21), thì Hội Thánh cũng được khai sinh bởi sự đau đớn và khổ hình của Đấng Christ trên thập tự giá. Đấng Christ yêu Hội Thánh Ngài, nuôi dưỡng Hội Thánh bằng Lời Hằng Sống của Ngài, thánh hóa và chăm sóc Hội Thánh. Mỗi thâm giao giữa Đấng Christ và Hội Thánh là gương soi cho tất cả người chồng noi theo.

*Những đặc tính của hôn nhân.* Trở lại Luật Pháp nguyên thủy trong vườn Ê-đen, Chúa Giê-xu nhắc kẻ nghe đạo Ngài nhớ đến các đặc tính cơ bản của hôn nhân. Nếu ghi nhớ những đặc tính này, chúng ta sẽ biết cách xây dựng một gia đình hạnh phúc và bền lâu.

*-Đó là sự kết hợp thiêng liêng.* Đức Chúa Trời thiết lập hôn nhân, và do đó chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể kiểm soát tính chất và qui luật của hôn nhân. Không tòa án nào có thể thay đổi những gì Đức Chúa Trời đã tạo dựng.

*-Đó là sự kết hợp về thể xác.* Người nam và người nữ trở nên “một thịt”. Trong khi chồng và vợ phải hiệp lòng hiệp ý với nhau là điều quan trọng, thì mối liên kết cơ bản trong hôn nhân là phần thể chất. Nếu người nam và người nữ trở nên “một linh hồn”, thì sự chết sẽ không phân rẽ hôn nhân; vì linh hồn không bao giờ chết. Dù cho người nam và người nữ bất hòa nhau, “không thể tương hợp”, và không sống chung được, họ vẫn là vợ chồng; vì sự kết hiệp thành một thể chất.

*-Đó là sự kết hợp vĩnh viễn.* Theo kế hoạch Đức Chúa Trời sắp xếp người nam và nữ gắn bó trọn đời với nhau. Luật pháp ban đầu Đức Chúa Trời không hề nói đến “những cuộc hôn nhân thử nghiệm”. Luật pháp Đức Chúa Trời đòi hỏi người chồng người vợ bước vào đời sống hôn nhân trong sự hiểu biết và tin cậy nhau.

*-Đó là một thể hiệp nhất giữa một người nam và một người nữ.* Đức Chúa Trời không tạo dựng hai người nam và một người nữ, hai nữ một nam, hai nam hoặc hai nữ. Cho dù các nhà tâm lý học và luật học nào đó có nói gì thì “hôn nhân tập thể”, “hôn nhân đồng giới tính”, và những thay đổi khác thường trong hôn nhân đều là trái với ý chỉ của Đức Chúa Trời.

## Điều Răn Thứ Bảy

*Ma-thi-ơ 5:27-30*

<sup>27</sup> Các người có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội tà dâm. <sup>28</sup> Song ta phán cho các người biết: Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi. <sup>29</sup> Vậy nếu con mắt bên hữu xui cho người phạm tội, thì hãy móc mà quăng nó cho xa người đi; vì thà chịu một phần thân thể người phải hư, còn hơn là cả thân thể bị ném vào địa ngục. <sup>30</sup> Lại nếu tay hữu xui cho người phạm tội, thì hãy chặt mà liệng nó cho xa người đi; vì thà chịu một phần thân thể người phải hư, còn hơn là cả thân thể vào địa ngục.

Khi nói về vấn đề này Chúa Giê-xu không nhắc đến điều răn thứ bảy mà chỉ cần nhắc lại Bài Giảng Trên Núi (5:27-32). Chúng ta hãy xem xét những lời Ngài phán.

Chúa Giê-xu và các tác giả Tân Ước xác nhận mệnh lệnh “Người chớ phạm tội tà dâm” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 20:14*). Trong khi dường như chữ thông dâm nói đến nhiều hình thức dâm dục (xem *Mác 7:21; Rô-ma 1:29; I Cô-rinh-tô 6:13*), thì chữ *tà dâm* chỉ liên quan đến những người đã lập gia đình. Một người đã có gia đình quan hệ tình dục với người không phải vợ hoặc chồng của mình, đó là tội tà dâm hay ngoại tình. Đức Chúa Trời phán rằng ấy là việc làm sai và tội lỗi. Có vô số lời nhắc nhở trong Tân Ước chống lại tội tà dâm, bao gồm cả tội ngoại tình (*Công Vụ Các Sứ Đồ 15:20; I Cô-rinh-tô 6:15-18; Ga-la-ti 5:19; Ê-phê-sô 4:17; 5:3-12; Công Vụ Các Sứ Đồ 3:5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3-7; Hê-bơ-rơ 13:4*).

Điều răn này xác nhận sự thánh khiết của tình dục. Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên tình dục, Đức Chúa Trời bảo vệ nó, và Ngài hình phạt khi chúng ta vi phạm luật lệ của Ngài. Chính điều răn được nhắc lại trong Tân Ước cho chúng ta vâng theo. (Điều răn giữ ngày Sa-bát chỉ dành cho dân Y-sơ-ra-ên và không dùng cho Hội Thánh ngày nay). Chúng ta không nên nghĩ rằng được sống “dưới thời ân sủng”, chúng ta có thể xem thường luật pháp Đức Chúa Trời và tránh khỏi bị hình phạt. “Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt kẻ dâm dục và kẻ phạm tội ngoại tình” (*Hê-bơ-rơ 13:4*).

Tuy nhiên, Chúa Giê-xu giảng giải cặn kẽ hơn về vấn đề ngoại

tình. Ngài phán rằng ngoại tình có thể là tội phạm kín giấu trong lòng cũng như ngoài thể xác. Chỉ đơn giản kiểm soát hành vi của thân thể thì không đủ; chúng ta cũng phải làm chủ những ý nghĩ và ham muốn thầm kín nữa. Nhìn một phụ nữ mà động lòng tham muốn thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình. Điều này không có nghĩa chúng ta không thể ngưỡng mộ một dáng dấp yêu kiều, hoặc một bức tranh đẹp; vì có thể làm điều đó mà không phạm tội. Chính khi ánh mắt nhìn với ý định thỏa mãn ham muốn tình dục, chúng ta phạm tội ngoại tình trong lòng.

Một cuộc sống tình dục thánh khiết bắt nguồn từ những ham thích bên trong. Chúa Giê-xu nói đến mắt và tay, bởi vì thị giác và xúc giác thường thường là những bước đầu tiên hướng đến tội phạm tình dục. Dĩ nhiên, Ngài không ra lệnh chúng ta giải phẫu thân thể, bởi vì Ngài đang đề cập đến những ham muốn bên trong. Ngài dạy chúng ta phải giải quyết dứt khoát với tội lỗi, cất khỏi cuộc sống chúng ta bất cứ điều gì chiều theo những ham muốn sai trái của chúng ta. Chúng ta phải “đói khát sự công bình”.

Chúa Giê-xu không thay đổi Luật hôn nhân ban đầu tại vườn Ê-đen, Ngài cũng không hủy bỏ điều răn thứ bảy. Những lời dạy của Ngài đặt nền tảng vững chắc trên công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời và luật không thay đổi của Đức Chúa Trời.

### Luật Ly Dị của Môi-se

*Ma-thi-ơ 19:7-8*

<sup>7</sup> Họ lại hỏi Ngài rằng: Vậy chớ sao Môi-se đã dạy lập tờ để dặng để vợ đi?

<sup>8</sup> Ngài phán rằng: Vì cơ lòng các người cứng cõi, nên Môi-se cho phép để vợ; nhưng, lúc ban đầu, không có như vậy đâu.

Gống như nhiều người “tranh luận về tôn giáo”, những người Pha-ri-si này không thích tìm tòi chân lý. Họ chỉ quan tâm làm sao bảo vệ được chính mình và những gì họ tin. Đây là lý do người Pha-ri-si hỏi về sự để vợ trong Luật Pháp Do Thái chép trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký 24:1-4*.

Tôi gợi ý bạn nên đọc phân đoạn Kinh Thánh quan trọng này

trong bản *New American Standard Bible* để phân biệt các thì của động từ. Bản dịch này nói rất rõ rằng Môi-se chỉ ban cho một mệnh lệnh: Vợ đã bị để bỏ không thể trở lại với người chồng cũ nếu người ấy bị người chồng thứ hai đuổi đi. Môi-se không truyền mệnh lệnh ly dị; ông chỉ cho phép ly dị. Ông truyền rằng người chồng phải cho người vợ trước của mình chứng thư ly dị. Nhưng người vợ không thể trở lại với người chồng trước của mình sau khi có người chồng thứ hai và rồi lại ly dị lần nữa.

Đây thật là một luật khôn ngoan. Đầu tiên, người chồng sẽ cần nhắc trước khi vội vã bỏ vợ, bởi vì anh ta không thể cưới cô ấy trở lại. Hơn nữa, chắc chắn sẽ mất thời gian để tìm một thầy thông giáo (không phải ai ai cũng có thể viết được các chứng từ pháp luật), và trong suốt thời gian chờ đợi ấy hai người ly thân có thể làm hòa với nhau. Người Pha-ri-si đang diễn giải Luật Pháp Môi-se y như thể đó là một điều răn. Chúa Giê-xu quả quyết rằng Môi-se chỉ *cho phép* ly dị.

Nhưng Môi-se có ý gì đối với sự không tinh sạch nào đó nơi người nữ? Theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “sự trần truồng”, nhưng điều này không có ý nói đến tội phạm tình dục. Cụm từ ấy có nghĩa “điều xấu hổ nào đó” (xem *Sáng Thế Ký* 2:25; 3:7,10). Chính cách diễn giải cụm từ này đã phân chia thành hai trường phái Ra-bi Hillel và Rabi Shammai, đây là những học giả Do Thái nổi tiếng trong thế kỷ thứ nhất. Quan niệm của Hillel rất dễ dãi, họ nói rằng người chồng có thể ly dị vợ vì bất cứ lý do nào, trong khi Shammai có cái nhìn nghiêm khắc hơn họ cho rằng Môi-se đang nói về tội phạm tình dục. Chúa Giê-xu không ủng hộ trường phái nào cả, chắc chắn Ngài đã làm buồn lòng một đôi người.

Có vài luật hôn nhân đặt ra cho người Do Thái, chúng ta nên nghiên cứu để hiểu được bối cảnh. Thí dụ, nếu một người nam cưới vợ và khám phá ra rằng cô ấy không còn đồng trinh, anh ta có thể tố cáo nàng và nàng phải bị ném đá chết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:13-21). Dĩ nhiên, anh ta phải có bằng chứng; và nếu không có bằng chứng, anh ta sẽ bị phạt và phải sống suốt đời với người nữ ấy. Luật này bảo vệ người nữ như người nam.

Nếu người nam nghi ngờ vợ mình không chung thủy, anh ta sẽ áp dụng cách thức đã vạch ra trong *Dân Số Ký* 5:11-31. Ngày nay chúng ta không thể áp dụng thủ tục ấy được (chắc chắn có bao gồm sự đoán phạt của Thiên Chúa) bởi vì không còn có thầy tế lễ và bàn thờ.

Hãy nhớ rằng Luật Pháp Môi-se phạt tội chết đối với người phạm tội ngoại tình (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:22; *Lê-vi Ký* 20:10). Kẻ chống nghịch Chúa đưa ra luật này nhằm gài bẫy Ngài (*Giăng* 8:1). Trong khi đó chúng ta không thấy trong Cựu Ước nhắc đến người nào đã bị ném đá vì tội ngoại tình, đây là luật của Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm của Giô-sép (*Ma-thi-ơ* 1:18-25) cho thấy rằng người Do Thái thường ly dị hơn là ném đá để giải quyết người vợ ngoại tình.

Tại sao Đức Chúa Trời truyền mạng lệnh người nam hoặc người nữ phạm tội ngoại tình phải bị ném đá chết? Tất nhiên đây là một gương để cảnh cáo dân chúng, vì ngoại tình làm băng hoại chính cấu trúc xã hội và gia đình. Nếu muốn có một xã hội đảm bảo và Hội Thánh bền vững, phải có giao kết trong hôn nhân, và hứa chung thủy với nhau và với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời bảo vệ toàn dân Y-sơ-ra-ên bởi vì theo lời hứa Đấng Christ sẽ ra đời từ dân tộc ấy. Đức Chúa Trời chống nghịch việc ly dị trong dân Y-sơ-ra-ên vì nó làm cho dân tộc suy yếu và có phương hại đến sự ra đời của Đấng Mết-si-a (xem *Mác* 2:10-16).

Nhưng có một lý do khác để kết án tử hình: Việc xử tội chết người phạm tội cho phép người không phạm tội tự do lập gia đình lần nữa. Cái chết chấm dứt sự ràng buộc trong hôn nhân, vì hôn nhân là sự kết hiệp hai thể xác (*Rô-ma* 7:1-3). Các thế hệ con cháu trong dân Y-sơ-ra-ên phải được tiếp tục lưu truyền, đó là điều thật quan trọng để họ có thể bảo vệ được sản nghiệp của cha ông mình (*Dân Số Ký* 30:1-16).

Chúng ta nên để ý một sự kiện sau cùng trước khi kết thúc phần này: Việc ly dị mà Môi-se cho phép trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 24:1-22 thực sự cắt đứt mối quan hệ hôn nhân ban đầu. Đức Chúa Trời cho phép người phụ nữ lập gia đình trở lại, và cuộc hôn nhân

thứ hai của người nữ ấy không bị kể là ngoại tình. Người đàn ông thứ hai lập gia đình với cô ấy được gọi là “chồng” và không phải là kẻ ngoại tình. Điều này giải thích thế nào người đàn bà Sa-ma-ri có thể có năm đời chồng, và tuy đang sống với một người nhưng không phải là chồng (Giăng 4:16-18). Rõ ràng tất cả năm lần hôn nhân ấy đều hợp pháp và đúng theo Kinh Thánh.

Như vậy ly dị theo Kinh Thánh có nghĩa là chia cắt mối liên hệ hôn nhân. Người nam không thể dùng luật pháp phá đổ mối quan hệ này, nhưng Đức Chúa Trời có thể phá đổ. Cùng một Đức Chúa Trời Đấng ban luật pháp để nối kết con người lại với nhau cũng có thể chia lìa họ. Đức Chúa Trời có thể làm điều đó nhưng con người không làm được.

Sau hết, Chúa Giê-xu phán rõ ràng Luật ly dị theo Môi-se là sự nhượng bộ về phía của Đức Chúa Trời. Luật hôn nhân đầu tiên của Đức Chúa Trời không có chỗ cho vấn đề ly dị, nhưng luật đó đã được đặt ra trước khi con người phạm tội. Thay vì buộc hai người phải chung sống trong mối tương khắc để rồi mỗi người đi tìm an ủi nơi khác cách tội lỗi nên Đức Chúa Trời cho phép ly dị. Việc ly dị này bao gồm quyền tái hôn. Người Pha-ri-si không hỏi về sự tái hôn, vì điều này không thành vấn đề. Họ chấp nhận người trong cuộc sẽ tìm bạn đời khác, và điều này được luật pháp Môi-se cho phép.

### **Luật Hôn Nhân Của Chúa Chúng Ta**

*Ma-thi-ơ 19:9-12*

<sup>9</sup> Và, ta phán cùng các người, nếu ai để vợ mình không phải vì cơ ngoại tình, và cưới vợ khác, thì người ấy phạm tội tà dâm; và hễ ai cưới người bị để, thì phạm tội ngoại tình. <sup>10</sup> Môn đồ thưa rằng: Nếu phận người nam phải xử với vợ mình như vậy, thì thà không cưới vợ là hơn! <sup>11</sup> Ngài đáp rằng: Chẳng phải mọi người đều có thể lãnh được lời này, chỉ người sẵn có ban cho như vậy mà thôi. <sup>12</sup> Vì có người hoạn từ trong lòng mẹ; có người hoạn vì tay người ta, và có người tự mình làm nên hoạn vì cơ nước thiên đàng. Người nào lãnh nổi lời ấy thì hãy lãnh lấy.

*Ma-thi-ơ* 5:31-32

<sup>31</sup> Lại có nói rằng: Nếu người nào để vợ mình, thì hãy cho vợ cái tờ để. <sup>32</sup> Song ta phán cùng các người: Nếu người nào để vợ mà không phải vì cớ ngoại tình, thì người ấy làm cho vợ mình ra người tà dâm; lại nếu người nào cưới đàn bà bị để, thì cũng phạm tội tà dâm.

Khi Chúa Giê-xu phán “Vả Ta phán cùng các người”, Ngài đang tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời; vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể thiết lập hoặc thay đổi các luật lệ hôn nhân. Ngài phán rằng hôn nhân là sự kết hiệp vĩnh viễn chỉ có thể bị tan vỡ vì tội ngoại tình. Chữ thông dâm trong Tân Ước bao gồm nhiều tội phạm về tình dục. Sự thông dâm được định nghĩa như là “quan hệ tình dục giữa hai người không cưới nhau” không được áp dụng ở đây, vì Chúa Giê-xu đang dạy về những người đã có gia đình. Chúng ta có tin rằng 24.000 người nam phạm tội thông dâm theo sự lôi kéo của Ba-la-am (*Dân Số Ký* 25:1-18) đều là những người chưa lập gia đình không? Có phải lời khuyên bảo trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:20,29 chỉ gửi cho các thành viên độc thân trong Hội Thánh thôi sao?

Hôn nhân là sự kết hợp lâu bền giữa hai con người và chỉ có thể chấm dứt do sự chết hoặc ngoại tình. (Tôi muốn kể luôn cả trường hợp đồng tính luyến ái và hành vi đồi bại khác). Con người không thể phá đổ sự kết hợp này, nhưng Đức Chúa Trời có thể làm được. Dưới Luật Pháp Cựu Ước, tội nhân bị ném đá chết. Nhưng Hội Thánh ngày nay không giữ quyền hình phạt ấy (*Rô-ma* 13:1-4). Có phải tội ngoại tình và thông dâm phạm trong thời Luật Pháp nghiêm trọng hơn ngày hôm nay chăng? Hẳn nhiên là không! Có thể nói ngày nay những tội lỗi như vậy thậm chí còn tệ hại hơn trong ánh sáng đầy trọn của ân sủng Đức Chúa Trời mà chúng ta nhận được qua Chúa Giê-xu Christ.

Dường như ly dị trong Tân Ước đồng nghĩa với sự chết trong Cựu Ước: Nó cho phép người không phạm tội được quyền tái hôn.

Hãy lưu ý luật mới của Chúa chúng ta về hôn nhân và ly dị đặt cơ sở trên ba điều luật trước. Từ Luật hôn nhân nơi vườn Ê-đen

Ngài đưa ra nguyên tắc: hôn nhân là sự kết hợp hai con người và chỉ chấm dứt do nguyên nhân một trong hai người chết đi, và chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể cho phép kết thúc cuộc hôn nhân đó. Từ điều răn thứ bảy Ngài đưa ra nguyên tắc: ngoại tình thực sự làm tan vỡ hôn nhân. Từ Luật Ly Dị của Môi-se Ngài đưa ra nguyên tắc: Đức Chúa Trời có thể cho phép ly dị và chấm dứt hôn nhân, và người không phạm tội có thể tái hôn mà không mắc tội ngoại tình.

Lời dạy của Chúa cho thấy rằng dự trừ một điều kiện duy nhất để ly dị, đó là tội ngoại tình (thông dâm). Nếu hai người ly dị vì bất cứ lý do nào khác, rồi tái hôn, họ sẽ bị định tội là ngoại tình.

Chúa Giê-xu không dạy rằng người ngay lành phải ly dị nếu người phối ngẫu phạm tội. Tất nhiên giữa hai người có thể tha thứ, kiên nhẫn khuyên lơn sửa dạy và nối lại mối tương giao bị gãy đổ. Đây là giải pháp mà các tín hữu Cơ Đốc giải quyết vấn đề. Nhưng buồn thay bởi lòng chúng ta cứng cõi, đôi khi không thể hàn gắn sự đổ vỡ để cứu vãn tình trạng hôn nhân. Ly dị là sự chọn lựa cuối cùng chứ không phải là giải pháp trước nhất.

Những cuộc sống lứa đôi hạnh phúc không phải là ngẫu nhiên. Những cuộc hôn nhân ấy là kết quả của sự cam kết, yêu thương, hiểu biết lẫn nhau, hy sinh và chịu khó làm việc. Nếu vợ chồng làm tròn lời đính ước, họ sẽ tận hưởng sự gắn bó ngày càng nồng thắm đủ làm họ thỏa mãn và giữ họ chung thủy với nhau. Trừ khả năng cảm dỗ bất chợt đến, không một người chồng hoặc vợ nào nghĩ đến mối liên hệ với người khác, với điều kiện là mối dây ràng buộc của họ ngày càng sâu đậm và sung mãn. Và tình yêu trong sáng của chồng hoặc vợ là vũ khí mạnh mẽ chống lại cảm dỗ bất chợt xảy đến.

Phản ứng về lời phán dạy của Chúa Giê-xu Christ cho thấy họ không đồng ý với Ngài. Họ lý luận "Nếu không có cách nào thoát khỏi một cuộc hôn nhân bất hạnh, thì thà không lập gia đình là hơn! Chúa Giê-xu không muốn họ xem ly dị là một "lối thoát" vì như thế họ không có thái độ nghiêm túc đối với hôn nhân.

Trong *Ma-thi-ơ* 19:12, Chúa Giê-xu phán rõ rằng mỗi người

nam (và nữ) phải xem xét ý muốn của Đức Chúa Trời dạy về hôn nhân. Một số người sẽ không lập gia đình vì cơ không có khả năng sinh sản bẩm sinh. Những người khác không lập gia đình vì gánh lấy trách nhiệm trong xã hội; họ đã “mất khả năng sinh sản từ tay người ta”. Đứa con một phải chăm sóc cha mẹ cao tuổi có thể là hình ảnh trong lãnh vực này. Giống như Phao lô, một số người sống độc thân để có thể hầu việc Đức Chúa Trời tốt hơn. (I Cô-rinh-tô 7:7).

Hãy ghi nhớ Lời Chúa dạy rằng hôn nhân phải kèm theo phước hạnh Chúa ban cho con cái vì con cái là niềm vui thỏa cho những người lập gia đình. Chúa Giê-xu không xem con cái như là tai họa hoặc gánh nặng. “Hai người sẽ trở nên một thịt” được ứng nghiệm qua việc sinh sản con cái, và tình thương của cha mẹ được trưởng thành và sâu sắc hơn khi nó được chan hòa với mọi thành viên trong gia đình.

Cha mẹ đem con cái đến với Chúa Giê-xu để Ngài có thể chúc phước cho chúng. Ở đây không có ý niệm gì về phép báp-têm hoặc sự cứu rỗi. Con trẻ chưa đạt đến tuổi hiểu biết (*Ê-sai* 7:16) chắc chắn được cứu bởi sự chết của Chúa Giê-xu Christ (*Rô-ma* 5:17-21). Trẻ em sinh ra vốn là tội nhân (*Thi Thiên* 51:5) nhưng nếu chúng chết trước khi hiểu biết, chúng được tái sinh và được vào thiên đàng (*II Sa-mu-ên* 12:23; *Thi Thiên* 23:6).

Con trẻ được Chúa Giê-xu bồng ẵm trên tay Ngài và cầu nguyện cho chúng chắc chắn là một đặc ân. Ngày nay việc dâng trẻ tại nhà thờ nhằm làm theo gương tốt này. Thật hạnh phúc cho những trẻ em có cha mẹ lập gia đình trong ý muốn của Đức Chúa Trời, cha mẹ ấy luôn vâng lời Chúa, đồng thời dẫn chúng đến với Chúa Giê-xu để Ngài ban phước.

## Mệnh Lệnh Của Vua

*Ma-thi-ơ 19:16 - 20:34*

Không ai theo phò Vua lại không phải trả giá. Rốt cuộc, Ngài đã lên thập tự giá vì cơ tội chúng ta! Chúng ta có quyền thoát khỏi hy sinh và đau khổ không? Trong phần này, Chúa phán dạy nhiều mệnh lệnh thích đáng dành cho những ai muốn tin cậy Ngài và trở thành môn đệ của Ngài.

### Chúng Ta Phải Hết Lòng Kính Mến Đấng Christ

*Ma-thi-ơ 19:16-26*

<sup>16</sup> Này, có một người đến hỏi Ngài rằng: Thưa thầy, tôi phải làm việc lành chi cho được sự sống đời đời? <sup>17</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Sao người hỏi ta về việc lành? Chỉ có một Đấng lành mà thôi. Nếu người muốn vào sự sống, thì phải giữ các điều răn. <sup>18</sup> Người hỏi: Những điều răn gì? Đức Chúa Jêsus phán rằng: Những điều này: Đừng giết người; đừng phạm tội tà dâm; đừng ăn trộm cắp; đừng làm chứng dối; <sup>19</sup> Hãy thảo kính cha mẹ; và: Hãy yêu kẻ lân cận như mình. <sup>20</sup> Người trẻ đó thưa rằng: Tôi đã giữ đủ các điều này; còn thiếu chi cho tôi nữa? <sup>21</sup> Đức Chúa Jêsus phán rằng: Nếu người muốn được trọn vẹn, hãy đi bán hết gia tài mà bố thí cho kẻ nghèo nàn, thì người sẽ có của quý ở trên trời; rồi hãy đến mà theo ta. <sup>22</sup> Nhưng khi người trẻ nghe xong lời này, thì đi, bộ buồn bực; vì chàng có của cải nhiều lắm.

<sup>23</sup> Đức Chúa Jêsus bèn phán cùng môn đồ rằng: Quả thật, ta nói cùng các

người, người giàu vào nước thiên đàng là khó lắm. <sup>24</sup> Ta lại nói cùng các người, lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào nước Đức Chúa Trời. <sup>25</sup> Môn đồ nghe lời ấy, thì lấy làm lạ lắm mà nói rằng: Vậy thì ai được rồi? <sup>26</sup> Đức Chúa Jê-sus ngó môn đồ mà phán rằng: Điều đó loài người không thể làm được, song Đức Chúa Trời làm mọi việc đều được.

Ba sách Phúc Âm đầu tiên đều chép sự kiện này. Khi kết hợp các sự kiện, chúng ta biết người đàn ông này là một vị quan trẻ tuổi, giàu có - có thể là quan cai nhà hội. Chắc chắn chúng ta có thể khen ngợi người đàn ông trẻ tuổi này vì đã công khai tìm gặp Đấng Christ và hỏi Ngài về sự sống đời đời. Dường như chàng thanh niên này không giấu giếm điều gì và sẵn lòng lắng nghe lời phán của Chúa. Nhưng thật buồn, ông ta đã quyết định sai. Dường như sự việc diễn tiến xoay quanh một số câu hỏi quan trọng.

“Tôi phải làm việc lành chi cho được sự sống đời đời?” (*Ma-thi-ơ* 19:16-17). Chàng thanh niên bày tỏ lòng thành thật, mặc dầu theo anh ta, để đạt được sự cứu rỗi chỉ tập trung vào việc làm chứ không phải đức tin. Nhưng đây là điều người Do Thái thời đó mong đợi. Cho dù chàng có địa vị xã hội, đạo đức, và tôn giáo, nhưng chàng cảm thấy cần phải làm một điều gì nữa.

Nhưng lời đáp của Chúa không tập trung vào sự cứu rỗi. Ngài buộc chàng trai trẻ suy nghĩ cách nghiêm túc về chữ *nhân lành* anh ta dùng để xưng danh Chúa. Chúa Giê-xu phán, “Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng nhân lành, Người có tin Ta là Đấng nhân lành và là Đức Chúa Trời chăng?” Nếu Chúa Giê-xu chỉ là một thầy dạy đạo trong lịch sử, lời của Ngài chẳng có giá trị gì hơn những giáo huấn của bất kỳ bậc lãnh đạo tôn giáo nào khác. Nhưng nếu Chúa Giê-xu là Đấng nhân lành, tất nhiên Ngài là Đức Chúa Trời, vì vậy chúng ta nên chú tâm nghe lời Ngài dạy.

Tại sao Chúa Giê-xu nhắc đến các điều răn? Có phải Ngài thực sự muốn dạy con người nhận được sự sống đời đời là do làm theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời? Nếu ai giữ được các điều răn, tất nhiên người đó sẽ vào được Nước thiên đàng. Nhưng không ai giữ

giữ trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời, “Vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình trước mặt Ngài, vì luật pháp cho người ta biết tội” (Rô-ma 3:20). Chúa Giê-xu không giới thiệu Luật Pháp để chàng thanh niên biết cách làm theo hầu được cứu rỗi, nhưng để chàng ta thấy mình cần được cứu. Luật Pháp là chiếc gương soi chỉ cho thấy hiện trạng của chúng ta (Gia-cơ 1:22-25).

“Những điều răn nào?” (Ma-thi-ơ 19:18-19) Có phải người trai trẻ đang tránh né vấn đề Chúa đặt ra không? Tôi không nghĩ như vậy. Nhưng anh ta đang phạm một sai lầm, vì chẳng ai có thể tách rời Luật Pháp của Đức Chúa Trời ra từng phần riêng rẽ được. Phân biệt “coi trọng” hoặc “xem nhẹ” một điều răn nào trong Luật Pháp của Đức Chúa Trời là lạc mất mục đích toàn vẹn của Luật Pháp. “Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết cả” (Gia-cơ 2:10). Luật Pháp đại diện quyền tể trị của Đức Chúa Trời, không vâng theo điều gì dù nhỏ nhặt chúng ta vẫn chống nghịch lại Ngài.

Dĩ nhiên, vị quan trai trẻ chỉ nghĩ đến sự vâng lời bề ngoài. Anh ta quên rằng thái độ nằm ở trong lòng. Trong *Bài Giảng Trên Núi*, Chúa Giê-xu đã dạy ghen ghét đồng nghĩa với giết người, và tham muốn xác thịt là phạm tội ngoại tình. Chúng ta vui vì người trai trẻ này có nhân cách và đạo đức tốt. Nhưng tiếc là ông ta không nhận biết tội lỗi của mình, ăn năn và tin nhận Đấng Christ.

Chúa Giê-xu không trích dẫn điều răn đặc biệt phù hợp với anh, “Người chớ tham lam” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17). Đáng lẽ ra anh ta nên suy xét tất cả điều răn và không chỉ xem xét những điều răn Chúa Giê-xu nêu ra mà thôi. Có phải anh ta đang tìm kiếm cách nào để dằn để theo Chúa? Phải chăng anh ta đang tự lừa dối chính bản thân mình? Tôi tin anh ta bày tỏ lòng thành thật, trong khả năng anh ta có thể biết được. Nhưng anh ta không để cho ánh sáng lời Đức Chúa Trời xuyên thấu vào lòng mình. Chúa Giê-xu cảm thấy yêu mến người này (Mác 10:21), vì vậy Ngài tiếp tục tìm cách giúp đỡ anh ta.

“Tôi còn thiếu điều gì?” (Ma-thi-ơ 19:20-22). Trong Kinh Thánh

không có chỗ nào dạy chúng ta rằng một tội nhân nhờ bán hết gia tài mình và phân phát tiền bạc cho kẻ nghèo mà được cứu. Chúa Giê-xu không hề dạy điều này cho Ni-cô-đem, hoặc bất kỳ tội nhân nào mà câu chuyện của họ được ghi lại trong các sách Phúc Âm. Chúa Giê-xu biết rằng anh ta tham lam yêu của cải vật chất. Qua việc yêu cầu anh ta bán gia tài mình, Chúa Giê-xu đang buộc anh ta tra xét lại lòng mình và quyết định đâu là ưu tiên trong đời mình. Có được mọi phẩm chất đáng khen ngợi, người trai trẻ này vẫn chưa kính mến Đức Chúa Trời hết lòng. Của cải vật chất là cứu cánh trong đời sống anh ta. Anh không thể làm theo lời phán của Chúa, “Hãy đi bán... đến mà theo...”

Đáng ra chàng thanh niên đã có thể ra đi trong sự vui mừng và bình an, nhưng anh ta đã bỏ đi trong sự buồn rầu. Chúng ta không thể yêu thương và phục vụ hai chủ (*Ma-thi-ơ* 6:24). Chúng ta có thể biết chắc ngoài Chúa Giê-xu Christ, ngay cả của cải vật chất trong đời sống cũng không đem lại sự vui mừng hoặc thỏa lòng dài lâu. Sở hữu những tài vật là điều tốt miễn là chúng ta không đánh mất những giá trị mà tiền bạc không thể mua được. Nếu cuối cùng vị quan trẻ tuổi không đến với Đấng Christ, ông ta sẽ chết trong sự hư mất, ông ta chỉ là một trong những “người giàu nhất” trong nghĩa trang mà thôi.

“Vậy thì ai được cứu?” (19:23-26). Dân Do Thái thời đó tin rằng giàu có là bằng chứng Đức Chúa Trời ban phước. Bằng chứng này họ dựa trên lời hứa của Đức Chúa Trời ban cho dân tộc Do Thái từ buổi đầu của lịch sử dân tộc. Thật Đức Chúa Trời phán hứa ban cho ơn phước vật chất nếu họ vâng theo lời Ngài, và cất đi của cải họ có nếu họ không vâng theo mạng lệnh Ngài (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 26:1-28:68). Nhưng trong buổi đầu khai sinh dân tộc, thưởng phạt là cách duy nhất Đức Chúa Trời dùng để dạy họ. Chúng ta dạy dỗ con cái chúng ta cũng như vậy.

Tuy nhiên, thái độ thành tâm vâng lời không tùy thuộc vào sự ham thích được phần thưởng hay sợ bị hình phạt. Động cơ vâng lời xuất phát bởi lòng kính yêu Chúa. Trong cuộc sống và lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu, Ngài tìm cách chỉ cho con người biết rằng ơn

phước thuộc linh quan trọng hơn nhiều so với của cải vật chất có được. Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng, và Đức Chúa Trời muốn xây dựng nhân cách con người. Sự cứu rỗi là quà tặng của Đức Chúa Trời đáp lại lòng tin cậy của con người. Giàu có vật chất không bảo đảm rằng Đức Chúa Trời hài lòng về con người.

Là người Giu-đa mẫu mực, các môn đệ lấy làm ngạc nhiên về lời phán dạy của Chúa Giê-xu về người giàu. Câu hỏi họ nêu lên phản ánh quan điểm thần học của họ: “Nếu người giàu không thể được cứu, còn có hy vọng nào cho chúng ta?” Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu không phán rằng sở hữu của cải làm cho con người không thể thấy được Nước Đức Chúa Trời. Một vài nguyên bản của câu Kinh Thánh *Mác* 10:24 viết, “Thật khó vào Nước thiên đàng cho những ai đặt lòng tin cậy vào sự giàu có.” Đây chắc chắn là nội dung lời dạy của Chúa chúng ta. Áp-ra-ham là người giàu có, dầu vậy ông có đức tin lớn. Sở hữu của cải là điều tốt nếu của cải không làm chủ bạn.

Chúng ta không thể vừa theo Chúa và vừa sống theo của cải đời này. Không thể phục vụ Đức Chúa Trời lại phục vụ cho tiền bạc nữa. Tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác (*ITi-mô-thê* 6:6-10). Chúa Giê-xu Christ phán truyền cho mọi người muốn theo Ngài phải hết lòng kính yêu Ngài.

### Chúng Ta Phải Tuyệt Đối Vâng Lời Ngài

*Ma-thi-ơ* 19:27- 20:16

<sup>27</sup> Phi-e-rơ bèn thưa rằng: Này, chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo thầy; vậy thì chúng tôi sẽ được chi? <sup>28</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, đến kỳ muôn vật đổi mới, là khi Con người sẽ ngự trên ngôi vinh hiển của Ngài, thì các ngươi là kẻ đã theo ta, cũng sẽ ngồi trên mười hai ngôi, mà xét đoán mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. <sup>29</sup> Hễ ai vì danh ta mà bỏ anh em, chị em, cha mẹ, con cái, đất ruộng, nhà cửa, thì người ấy sẽ lãnh bội phần hơn, và được hưởng sự sống đời đời. <sup>30</sup> Song có nhiều kẻ ở đầu sẽ nên rốt, và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu.

20

<sup>1</sup> Vả, nước thiên đàng giống như người chủ nhà kia, tảng sáng đi ra, để mướn người làm công cho vườn nho mình. <sup>2</sup> Khi người chủ đã định giá với

người làm công, mỗi ngày một đơ-ni-ê, thì sai họ vào vườn nho mình. <sup>3</sup> Ước chừng giờ thứ ba, người chủ lại ra, thấy những kẻ khác rảnh việc đứng trong chợ, <sup>4</sup> thì nói cùng họ rằng: Các người hãy đi vào vườn nho ta, và ta sẽ trả tiền công phải cho. <sup>5</sup> Họ liền đi. Ước chừng giờ thứ sáu và giờ thứ chín, người chủ lại ra, cũng làm như vậy. <sup>6</sup> Ước chừng giờ thứ mười một, chủ ra, lại thấy những kẻ khác đứng trong chợ, thì hỏi rằng: Sao các người đứng đây cả ngày không làm gì hết? <sup>7</sup> Họ trả lời rằng: Vì không ai mướn chúng tôi. Người chủ nói với họ rằng: Các người cũng hãy đi vào vườn nho ta.

<sup>8</sup> Đến tối, chủ vườn nho nói với người giữ việc rằng: Hãy gọi những người làm công mà trả tiền công cho họ, khởi từ người rốt cho đến người đầu. <sup>9</sup> Những người làm công mướn từ giờ thứ mười một đến, lãnh mỗi người được một đơ-ni-ê. <sup>10</sup> Rồi tới phiên những người đầu đến, tưởng lãnh được nhiều hơn; song họ cũng lãnh mỗi người một đơ-ni-ê. <sup>11</sup> Khi lãnh rồi, làm bầm cùng chủ nhà, <sup>12</sup> mà rằng: Những người rốt ấy chỉ làm một giờ, mà chủ đãi cũng như chúng tôi, là kẻ đã chịu mệt nhọc cả ngày và đang nắng. <sup>13</sup> Song chủ trả lời cho một người trong bọn rằng: Bạn ơi, ta không xử tệ với người đâu; người há chẳng đã định với ta một đơ-ni-ê sao? <sup>14</sup> Hãy lấy của người mà đi đi; ta muốn trả cho kẻ rốt nầy bằng như đã trả cho người vậy. <sup>15</sup> Ta há không có phép dùng của cải ta theo ý muốn ta sao? Hay là người thấy ta ở tử tế mà lấy mắt ganh sao? <sup>16</sup> Đó, những kẻ rốt sẽ nên đầu và kẻ đầu sẽ nên rốt là như vậy.

Phi-e-rơ nhanh chóng nhận ra sự khác biệt giữa vị quan giàu có và các môn đệ nghèo khó: “Chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo Thầy; vậy thì chúng tôi sẽ được chi?” Chúa Giê-xu cho họ một lời hứa lớn lao về phần thưởng cả trong đời này lẫn trong đời sau. Họ sẽ đồng ngồi trên ngai cai trị khi Chúa lập ngai nước Ngài. Bất cứ điều tốt nào họ từ bỏ vì cơ Ngài họ sẽ được lãnh bội phần hơn. Nói cách khác, họ không hy sinh - nhưng đang đầu tư vào Nước Trời. Nhưng không phải mọi lợi ích đều nhận được trong đời này.

Tuy nhiên, Chúa Giê-xu tìm thấy trong câu hỏi của Phi-e-rơ động cơ sai lầm, phục vụ sai lầm. Đây là lý do Ngài cảnh cáo thêm rằng một số người có thể đứng đầu theo mắt họ nhưng lại đứng cuối trong sự phán xét, và nhiều người đang ở hàng cuối sẽ vượt lên hàng đầu. Lễ thật này được nêu rõ chi tiết trong thí dụ về những người làm công trong vườn nho.

Thí dụ nêu ra ở đây không có liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đồng

xu (công giá của một ngày làm việc thời đó) không tương trưng cho sự cứu rỗi, vì chẳng ai làm việc để được sự cứu rỗi. Thí dụ ấy cũng không nói đến phần thưởng, vì tất cả chúng ta sẽ không nhận phần thưởng giống nhau. “Ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo công việc mình đã làm “ (I Cô-rinh-tô 3:8).

Thí dụ trên nhấn mạnh thái độ đúng đắn trong sự phục vụ. Hãy để ý việc ngày hôm ấy có hai hạng người làm công: hạng người muốn có một hợp đồng làm việc với tiền công một xu một ngày, và hạng người không có một hợp đồng; đồng ý nhận bất cứ giá nào ông chủ trả cho. Hạng người làm công đầu tiên khăng khăng mặc cả với chủ.

Điều này giải thích lý do người chủ trả cho công nhân như ông đã làm: Chủ muốn những người được thuê đầu tiên (nhất mực đòi thỏa thuận) thấy số tiền ông trả cho những công nhân được thuê trễ hơn. Đó là cách duy nhất người chủ có thể bày tỏ cho người làm công thấy sự hào phóng của chủ.

Bạn hãy tự đặt mình vào vai trò người làm công được thuê đầu tiên nhưng nhận tiền công cuối cùng. Mỗi người trong số họ được nhận một xu, vì đó là số tiền đã chấp nhận trước khi vào làm việc. Nhưng hãy tưởng tượng họ ngạc nhiên như thế nào khi thấy các công nhân được thuê sau cùng mỗi người nhận một xu! Điều này có nghĩa là mỗi người trong số họ lẽ ra phải nhận được 12 xu! Nhưng những người vào làm lúc ba giờ chiều cũng nhận một xu - vì chỉ có ba giờ làm việc thôi. Những người đứng ở cuối hàng nhanh chóng tính lại tiền lương của mình: bốn xu cho một ngày làm việc. Khi người vào làm lúc trưa cũng nhận một xu, điều này cắt giảm đáng kể số tiền công của những người có hợp đồng, vì bây giờ họ sẽ chỉ nhận hai xu.

Nhưng người chủ chỉ trả cho mỗi người một xu tiền công. Dĩ nhiên, họ lầm lẫn cùng chủ nhà! Nhưng họ không lý luận gì, vì đã thỏa thuận làm việc với tiền công một xu. Họ nhận những gì đã đòi hỏi từ đầu. Nếu tin vào sự công bình của chủ, chắc chắn họ sẽ nhận nhiều hơn. Nhưng họ đã đòi thỏa thuận công giá trước khi làm việc.

Bài học dành cho các môn đệ Đấng Christ thật rõ ràng. Chúng ta không nên phục vụ Ngài vì muốn nhận phần thưởng như mong ước, và không nên yêu cầu phải biết những gì chúng ta sẽ nhận. Đức Chúa Trời vô cùng rộng rãi và đầy lòng nhân từ luôn ban cho tốt hơn điều chúng ta đáng được hưởng.

Bây giờ chúng ta có thể hiểu được những nguy cơ phía sau câu hỏi của Phi-e-rơ chép trong câu 27. Trước hết, nếu thật sự không xứng đáng, chúng ta không nên “tưởng” (*Ma-thi-ơ* 20:10) rằng sẽ nhận được nhiều hơn. Có thể làm công việc của Cha trên trời nhưng đồng thời không lấy lòng tốt làm theo ý muốn của Ngài (*Ê-phê-sô* 6:6). Nếu chúng ta phục vụ Ngài chỉ vì lợi ích (tạm thời lẫn đời đời), chúng ta sẽ hụt mất những phước hạnh tốt nhất mà Ngài dành ban cho chúng ta. Chúng ta phải nhờ cậy Ngài tuyệt đối và tin rằng Ngài luôn luôn ban cho điều tốt nhất.

Có nguy cơ dẫn đến sự kiêu ngạo. Phi-e-rơ hỏi, “Chúng tôi sẽ được chi?” Ấn dụ này đã cảnh cáo ông ta, “Làm thế nào người biết người sẽ nhận được điều gì?” Hãy coi chừng tính quá tự tin về phần thưởng Đức Chúa Trời sẽ ban cho, vì những kẻ đầu, sẽ trở nên rớt! Cũng như vậy, đừng nản chí thất vọng; vì những người tự xem mình là “tôi tớ vô ích” cuối cùng sẽ nhận tiền công trước nhất.

Hãy coi chừng nguy cơ nhìn những người làm công khác và so đo với họ. Phao lô nhắc nhở chúng ta trong *I Cô-rinh-tô* 4:5; “Chớ xét đoán sớm quá”. Chúng ta nhìn thấy người làm và công việc của họ, nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng.

Cuối cùng, chúng ta phải coi chừng kéo trách cứ Đức Chúa Trời và cảm thấy mình bị bỏ rơi. Nếu các người làm công nhận việc từ sáng sớm tin cậy và không mặc cả với chủ, chắc chắn chủ đã trả cho họ nhiều hơn. Chủ là người rộng rãi nhưng họ không tin cậy. Họ không thấy vui khi người khác nhận nhiều hơn, thay vào đó họ ganh tị và lằm bằm. Lòng nhân từ của chủ không đem họ đến sự ăn năn (*Rô-ma* 2:4). Điều đó vạch trần bản chất thật trong tâm địa họ: Họ sống vị kỷ! Bất cứ khi nào thấy một tôi tớ lằm bằm, chúng ta biết anh ta không đầu phục trọn vẹn ý muốn của chủ.

**Chúng Ta Phải Làm Rạng Danh Ngài***Ma-thi-ơ 20:17-34*

<sup>17</sup> Trong khi Đức Chúa Jêsus đi lên thành Giê-ru-sa-lem, Ngài đem riêng theo mười hai môn đồ, dọc đường, phán cùng họ rằng: <sup>18</sup> Này, chúng ta đi lên thành Giê-ru-sa-lem, và Con Người sẽ bị bắt nộp cho các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo, bọn đó sẽ luận giết Ngài. <sup>19</sup> Họ sẽ nộp Ngài cho dân ngoại hầu để nhạo báng, đánh đập, và đóng đinh trên cây thập tự; đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại.

<sup>20</sup> Bấy giờ, có mẹ của các con trai Xê-bê-ê cùng các con mình đến gần Đức Chúa Jêsus, lạy Ngài đặng hỏi một chuyện. <sup>21</sup> Ngài phán rằng: Người muốn chi? Thưa rằng: Xin cho hai con trai tôi đây ngồi một đĩa bên hữu Ngài, một đĩa bên tả, ở trong nước Ngài. <sup>22</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Các người không hiểu điều mình xin. Các người uống chén mà ta hầu uống không? Hai người thưa rằng: Chúng tôi uống được. <sup>23</sup> Ngài phán rằng: Thật các người sẽ uống chén ta; nhưng mà ngồi bên hữu hay bên tả ta, thì chẳng phải tự ta cho được; ấy là cho những người nào mà Cha ta đã sửa soạn cho.

<sup>24</sup> Mười môn đồ kia nghe sự xin đó, thì giận hai anh em. <sup>25</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus gọi đến mà phán rằng: Các người biết rằng các vua dân ngoại thì ép dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền thế mà trị dân. <sup>26</sup> Trong các người thì không như vậy; trái lại, trong các người, kẻ nào muốn làm lớn, thì sẽ làm đầy tớ các người; <sup>27</sup> còn kẻ nào muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi các người. <sup>28</sup> Ấy vậy, Con Người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người.

<sup>29</sup> Đường khi Đức Chúa Jêsus và môn đồ ra khỏi thành Giê-ri-cô, thì có một đoàn dân đông theo Ngài. <sup>30</sup> Này, có hai người mù ngồi bên đường, nghe nói Đức Chúa Jêsus qua đó, thì kêu lên rằng: Lạy Chúa, con cháu vua Đa-vít, xin thương xót chúng tôi! <sup>31</sup> Chúng rầy hai người ấy, biểu nín đi; nhưng họ kêu lớn hơn nữa, rằng: Lạy Chúa, con cháu vua Đa-vít, xin thương xót chúng tôi! <sup>32</sup> Đức Chúa Jêsus dừng lại, gọi hai người mù đến, mà phán rằng: Các người muốn ta làm chi cho? <sup>33</sup> Họ thưa rằng: Lạy Chúa, xin cho mắt chúng tôi được mở ra. <sup>34</sup> Đức Chúa Jêsus động lòng thương xót, bèn sờ đến mắt họ; tức thì hai người thấy được và đi theo Ngài.

Lần thứ ba, Chúa Giê-xu thông báo với các môn đệ Ngài sẽ bị bắt, bị đóng đinh và sống lại (xem *Ma-thi-ơ 16:21; 17:22*). Trong những lần trước, Ngài không chỉ rõ sẽ chết cách nào, nhưng lần này Ngài đề cập rõ về thập tự giá. Ngài cũng bày tỏ Ngài sẽ sống lại, nhưng sự điệp của Ngài không thấu đến lòng các môn đệ. Trái

ngược với lời phán về sự chết và đau đớn của Ngài chúng ta nghe thấy lời thỉnh cầu của Gia-cơ, Giăng và mẹ của họ là Sa-lô-mê. Chúa Giê-xu nói về thập tự giá, nhưng họ quan tâm đến địa vị. Họ muốn dành chỗ ngồi quan trọng trong nước Ngài! Chúng ta thấy rõ lòng hờn hỷ của bà Sa-lô-mê phía sau lời yêu cầu này, và nỗi thích thú của bà ấy khi tiến cử con của mình cho Chúa.

Trước khi phê phán việc làm của họ, chúng ta hãy lưu ý một số đặc điểm nổi bật trong sự kiện này. Trước hết họ thật sự tin vào lời cầu xin; và mạnh dạn tin vào lời Chúa Giê-xu phán hứa về việc ngồi trên các ngôi (19:28). Chữ “muôn vật đổi mới” trong câu ấy có nghĩa “sự tạo dựng mới” và ám chỉ đến trời mới đất mới mà Chúa Giê-xu và người theo Ngài sẽ cai trị khi Ngài trở lại trần gian. Về phần họ hẳn phải có đức tin để tin rằng Ngài sẽ thiết lập các ngôi vinh hiển này, vì Ngài vừa mới cho họ biết rằng Ngài sắp bị đóng đinh.

Nhưng có một vài điểm sai trong lời cầu xin của họ. Trước hết là họ thiếu hiểu biết. Chúa Giê-xu đáp, “Người không hiểu điều mình cầu xin”. Bà Sa-lô-mê không nhận biết rằng con đường dẫn đến vinh hiển phải trải qua khó khăn. Gia-cơ là môn đệ đầu tiên tử vì đạo, và Giăng phải sống những ngày gian khổ trên đảo Bát-mô. Cả ba mẹ con đều thích làm theo ý muốn của mình, chứ không theo ý muốn của Đức Chúa Trời, họ muốn đạt được phần thưởng theo cách của mình.

Một yếu tố khác, họ thiếu sự hướng dẫn của Chúa. Họ suy nghĩ theo cách thế gian: Gia-cơ và Giăng muốn chỉ huy các môn đệ khác theo cách những quan cai trị ngoại bang cai trị thần dân. Lời thỉnh cầu của họ theo ý muốn xác thịt (hưởng thụ), bởi vì họ đang cầu xin vinh hiển cho riêng mình, chứ không cho Đức Chúa Trời. Rất có thể họ thấy nhẹ nhõm khi thỉnh cầu với Chúa Giê-xu điều họ mong muốn trước khi Phi-e-rơ thỉnh cầu!

Sau hết, lời yêu cầu này không những thuộc thế gian và xác thịt đời này, nó còn thuộc về ma quỷ. Lời yêu cầu phát sinh bởi lòng kiêu ngạo. Quỷ Sa-tan đã tìm kiếm ngôi vị (*Ê-sai* 14:12-15) và thất bại. Quỷ Sa-tan đã dâng cho Chúa Giê-xu một ngôi nước

nhưng Ngài đã từ chối (*Ma-thi-ơ* 4:8-11). Quỷ Sa-tan thổi phồng cứu cánh (ngôi nước) chứ không đá động gì đến cách thức đạt đến cứu cánh ấy. Chúa Giê-xu khuyến cáo Sa-lô-mê và hai con trai của bà rằng ngôi vị đặc biệt chỉ dành sẵn cho những người xứng đáng. Không có ngõ tắt nào để vào Nước Đức Chúa Trời cả.

Lời thỉnh cầu này gây cho các môn đệ còn lại “căm giận” - có lẽ vì họ không nghĩ đến điều đó trước! Sự khôn ngoan từ trên cao luôn dẫn đến hòa thuận; sự khôn ngoan của thế gian đưa đến tranh cạnh (*Gia-cơ* 3:13-4:3). Ích kỷ chỉ đem lại bất hòa và chia rẽ.

Mối bất hòa này tạo cho Chúa Giê-xu có cơ hội dạy các môn đệ bài học thực tế về vai trò lãnh đạo. Trong vương quốc của Ngài, chúng ta không nên theo gương của đời này. Gương noi theo của chúng ta là Chúa Giê-xu, chứ không phải vị chủ tịch tập đoàn hoặc một người nổi tiếng giàu có nào đó. Chúa Giê-xu đến thế gian trong vai trò là tôi tớ; vì vậy, chúng ta nên phục vụ lẫn nhau. Ngài đến thế gian để phó sự sống mình; do đó chúng ta nên phó sự sống mình để phục vụ Ngài và người khác. Chữ tôi tớ trong *Ma-thi-ơ* 20:26 có nghĩa đơn giản là “một đầy tớ”. Danh từ “chấp sự” xuất xứ từ chữ này. Chữ tôi tớ trong *Ma-thi-ơ* 20:27 có nghĩa là “tôi mọi”. Không phải tôi tớ nào cũng là tôi mọi, nhưng tất cả tôi mọi đều là tôi tớ. Trong Hội Thánh ngày nay chúng ta thật buồn khi biết rằng có nhiều người nổi tiếng, nhưng ít ai chịu làm tôi tớ. Nhiều người muốn “cậy quyền thế cai trị người khác” (*Ma-thi-ơ* 20:25), nhưng ít người muốn mang khăn bưng chậu rửa chân người khác.

Chìa khóa đạt đến sự cao trọng không tìm thấy ở địa vị hoặc quyền thế, nhưng ở nơi nhân cách. Chúng ta đạt được ngôi vị do việc hy sinh cả mạng sống chúng ta chứ không do cầu xin trên môi miệng. Chúng ta phải đặt mình vào địa vị của Chúa Giê-xu Christ trong tâm tình phục vụ chịu khổ, vì chính Ngài cũng không thể đạt được vinh hiển nếu không bởi con đường thập tự giá. Lời chú giải hay nhất cho vấn đề này chép trong *Phi-líp* 2:1-18.

Để lời cầu xin có giá trị cao hơn, chúng ta phải thêm lên trong sự phục vụ. Nếu chúng ta phục vụ Ngài và anh em mình, chúng ta

sẽ không cầu xin theo ý riêng mình cách vị kỷ. Nếu chúng ta thành tâm nói rằng, “Lạy Chúa xin Ngài dạy, kể tôi tớ Ngài đang lắng nghe”, lúc ấy Ngài sẽ phán với chúng ta, “Hỡi kẻ tôi tớ hãy nói, Đức Chúa Trời người đang nghe”. Nếu lời cầu xin không làm chúng ta trở nên những tôi tớ tốt hơn, thì có gì đó chưa đúng trong các lời cầu xin ấy.

Lời cầu xin có làm chúng ta dễ dàng sống với người khác không? Hai môn đệ đã cầu xin theo ý riêng mình và biến mối thông công chung trở thành hỗn loạn! Lời cầu xin có khiến chúng ta giống Chúa Giê-xu Christ nhiều hơn không? Lời cầu xin có buộc chúng ta phải trả giá nào không? Cầu xin trong ý muốn Đức Chúa Trời không có nghĩa là chạy trốn nhưng là dấn thân. Nếu lời cầu xin không đem chúng ta đến gần với Thập tự giá là chúng ta đã đi ra ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời.

Bà Sa-lô-mê đã kinh nghiệm bài học này. Lúc Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên thập tự giá, có bà đứng bên chân thập tự (*Giăng* 19:25, “chị em của mẹ Ngài”) và chia xẻ nỗi đớn đau của Cứu Chúa. Bà không thấy hai ngai bên hữu và bên tả Chúa - bà chỉ thấy hai tên cướp trên hai cây thập tự hai bên Chúa. Và bà nghe Chúa Giê-xu giao con trai của bà là Giăng cho Ma-ri mẹ Ngài. Bà bị cáo trách vì tính ích kỷ của mình, và bà yên lặng thuận phục.

Sự kiện kết thúc chương 20 của sách Ma-thi-ơ là việc Chúa chữa lành cho Ba-ti-mê và bạn của anh ta cũng bị mù (*xem Mác* 10:46-52). Ở đây Chúa Giê-xu thực hành những gì Ngài vừa dạy các môn đệ. Ngài trở nên tôi tớ đối với hai người ăn xin mù bị người khác coi khinh. Đám đông vây quanh Chúa Giê-xu cố tìm cách bảo hai người mù nín thinh. Nhưng Chúa Giê-xu đã cảm thương và chữa lành cho họ. Ngài là người phục vụ ngay cả cho kẻ ăn xin.

Chương sách này chứa đựng một số lời dạy khó cho chúng ta tiếp nhận và thực hiện. Nếu chúng ta yêu những vật ở thế gian này, chúng ta không thể hết lòng yêu Đức Chúa Trời được. Nếu không hoàn toàn thuận phục ý chỉ Đức Chúa Trời, chúng ta không thể vâng theo Ngài trọn vẹn được. Nếu chúng ta tìm kiếm vinh

hiển cho riêng mình, hoặc nếu so sánh mình với anh em khác, chúng ta không thể làm vinh hiển danh Ngài. Chúng ta không thể nhìn biết Chúa Giê-xu là Vua nếu không yêu kính Ngài hết lòng, vâng lời Ngài trọn vẹn, và hết sức làm sáng danh Ngài. Nếu chúng ta làm được những điều này, chúng ta được chia phần với Ngài trong sự sống và vui mừng của Ngài, rồi một ngày kia chúng ta sẽ đồng trị với Ngài!

## SỰ PHÁN XÉT CỦA VUA

*Ma-thi-ơ 21:1 - 22:14*

Bây giờ chúng ta đi vào phần chính yếu thứ tư của *Phúc Âm Ma-thi-ơ*, “Vua Bị Chối Bỏ”. Trong phần này (*Ma-thi-ơ 21:1-22:14*), Đức Chúa Giê-xu chỉ rõ tội lỗi dân Y-sơ-ra-ên và giải thích tại sao các nhà lãnh đạo giáo hội chối bỏ Ngài và sứ điệp của Ngài.

### Mù Lòa Thuộc Linh

*Ma-thi-ơ 21:1-11*

<sup>1</sup> Vừa khi Đức Chúa Jê-sus cùng môn đồ gần đến thành Giê-ru-sa-lem, và đã tới thành Bê-pha-giê, bên núi Ô-li-ve rồi, thì Ngài sai hai môn đồ, <sup>2</sup> mà phán rằng: Hãy đi đến làng ở trước mặt các người, tức thì sẽ gặp một con lừa cái bị cột, với một con lừa con; hãy mở ra và dắt đến cho ta. <sup>3</sup> Nếu có ai nói chi với các người, hãy trả lời rằng Chúa cần dùng hai con lừa đó; tức thì họ sẽ gửi lừa đi. <sup>4</sup> Và, điều ấy xảy ra để cho ứng nghiệm lời của đấng tiên tri rằng:

<sup>5</sup> Hãy nói với con gái thành Si-ôn rằng:

Này, vua người đến cùng người,

Nhu mì, cỡi lừa

Và lừa con, là con của lừa cái mang ách.

<sup>6</sup> Hai môn đồ bèn đi, và làm y theo lời Đức Chúa Jê-sus đã dạy. <sup>7</sup> Hai người

dắt lừa cái và lừa con, trải áo mình trên lưng lừa, và nâng Ngài cỡi lên.<sup>8</sup> Bấy giờ phần nhiều trong đám dân đông trải áo mình trên đường; kẻ khác chặt nhánh cây mà rải ra giữa đường.<sup>9</sup> Đoàn dân đi trước và theo sau đều kêu lên rằng: Hô-sa-na con vua Đa-vít! Đáng khen ngợi cho Đáng nhân danh Chúa mà đến! Hô-sa-na ở trên nơi rất cao!

<sup>10</sup> Khi Ngài đã vào thành Giê-ru-sa-lem, thì cả thành đều xôn xao, nói rằng: Người nầy là ai? <sup>11</sup> Chúng trả lời rằng: Ấy là Đáng tiên tri Jê-sus ở thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê.

Vì là ngày lễ Vượt Qua cho nên có lẽ có khoảng hai triệu người bên trong và chung quanh thành Giê-ru-sa-lem. Đây là lần duy nhất trong chức vụ, Chúa Giê-xu thực sự lên kế hoạch bày tỏ mình ra giữa công chúng. Mãi cho đến lúc này, Ngài nghiêm cấm mọi người không được nói Ngài là ai, và Ngài cố ý tránh không xuất hiện ở nơi đông người.

Tại sao Chúa Giê-xu chuẩn bị cho sự bày tỏ này? Trước hết Ngài vâng theo lời Đức Chúa Trời và làm ứng nghiệm lời tiên tri trong *Xa-cha-ri* 9:9. Có thể lời tiên tri này chỉ dành cho Chúa Giê-xu Christ, vì Ngài là người duy nhất có đủ tiêu chuẩn làm Vua Y-sơ-ra-ên. Thường thường chúng ta không gắn liền con lừa không ra chi với vương quyền, nhưng đây là con vật thuộc hoàng gia của triều đình Do Thái (*I Các-vua* 2:32). Thực sự có hai con vật được nhắc tới, lừa cái và lừa con. Chúa Giê-xu cỡi trên lưng lừa con và lừa mẹ đi bên cạnh.

Bằng cách so sánh lời trích dẫn của Ma-thi-ơ với nguyên văn lời tiên tri trong *Xa-cha-ri*, chúng ta thấy một vài sự kiện thú vị. Lời tiên tri của *Xa-cha-ri* mở đầu bằng, “Hãy mừng rỡ cả thể!” nhưng Ma-thi-ơ lược bỏ phần này. Khi Chúa Giê-xu vào thành Giê-ru-sa-lem, Ngài khóc! Làm thế nào Ngài (hoặc dân chúng) có thể mừng rỡ khi sự đoán phạt đang đến gần?

Ma-thi-ơ cũng bỏ phần “Ngài là công bình và ban sự cứu rỗi.” Chúa chúng ta vào thành Giê-ru-sa-lem là một cử chỉ của lòng thương xót và nhân từ, chứ không phải là hành động của sự công bình hoặc đoán phạt. Ngài đã ban ơn cứu rỗi họ, nhưng họ từ chối không nhận lấy (*Giăng* 1:11). Dân Y-sơ-ra-ên lại nhìn thấy Vua,

Ngài sẽ đến trong đại quyền đại vinh (*Khải Thị* 19:11).

Con lừa con này chưa được ai cỡi (*Mác* 11:2), tuy vậy nó bằng lòng mang gánh nặng trên lưng nó. Dĩ nhiên sự hiện diện của lừa mẹ giúp đỡ nó. Nhưng chúng ta nhớ rằng người cỡi lừa là Vua, Đấng “có quyền cai trị công việc tay Chúa làm... tất cả loài chiên, bò, chim trời, cá biển và các loài thú rừng” (*Thi Thiên* 8:6-7). Việc Chúa Giê-xu cỡi con vật này và điều khiển nó là một bằng chứng khác chứng minh vương quyền của Ngài.

Lý do thứ hai giải thích việc Chúa Giê-xu công khai bày tỏ về Ngài giữa đám đông: Điều này buộc các nhà lãnh đạo Do Thái phải hành động. Khi thấy dân chúng tự phát diễn hành, họ quyết định phải giết Chúa Giê-xu (xem *Giăng* 12:19). Các lời tiên tri trong Thánh Kinh chép rằng Chiên Con Đức Chúa Trời phải bị đóng đinh vào ngày lễ Vượt qua. Cuộc diễn hành của Đấng Christ được nhiều người mến mộ tung hô đã kích động nhà cầm quyền ra tay hành động.

Dân chúng tung hô Chúa Giê-xu là Vua của họ cả bằng lời nói lẫn việc làm. Họ hô to HỒ-SA-NA có nghĩa “Bây giờ xin hãy cứu vớt!”. Họ trích dẫn lời Kinh Thánh trong *Thi Thiên* 118:25-26, là *Thi Thiên* nói về Đấng Mết-si-a. Cuối tuần đó, Chính Chúa Giê-xu nhắc đến *Thi Thiên* này và cho biết *Thi Thiên* ấy nói về chính mình Ngài (*Ma-thi-ơ* 21:42; *Thi Thiên* 118:22-23).

Chúng ta nhớ rằng đám đông dự lễ Vượt Qua bao gồm ít nhất là ba nhóm: Những người Giu-đa sống ở Giê-ru-sa-lem, đám đông đến từ Ga-li-lê, và những người thấy Chúa Giê-xu kêu La-xa-rô sống lại (*Giăng* 12:17-18). Tin tức về phép lạ này loan đi khắp nơi chắc chắn đã thu hút một đám dân đông như vậy. Dân chúng muốn chính mắt mình trông thấy người thực hiện phép lạ ấy.

Nhưng người Do Thái vẫn không nhận ra Chúa Giê-xu là Vua của họ. Điều gì đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên đui mù thuộc linh như vậy? Trước hết các người dạy đạo đã cất khỏi họ lẽ thật trong lời Đức Chúa Trời và thay vào đó là những lời do con người đặt ra (*Lu-ca* 11:52). Các bậc lãnh đạo không quan tâm lẽ thật; họ chỉ thích bảo vệ lợi ích của riêng họ (*Giăng* 11:47-53). Họ công khai

tuyên bố một cách mù quáng, ương ngạnh, “Chúng tôi không có Vua nào trừ ra Sê-sa!”. Ngay cả các phép lạ của Chúa cũng không làm họ tin được. Và họ càng chống nghịch lẽ thật bao lâu, họ càng trở nên mù lòa bấy lâu (*Giăng* 12:35).

## Đạo Đức Giả

*Ma-thi-ơ* 21:12-22

<sup>12</sup> Đức Chúa Jêsus vào đền thờ, đuổi hết kẻ bán người mua ở đó; đổ bàn của người đổi bạc, và ghế của người bán bồ câu. <sup>13</sup> Ngài phán cùng họ rằng: Có lời chép: Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện; nhưng các ngươi thì làm cho nhà ấy thành ra ổ trộm cướp. <sup>14</sup> Bấy giờ, những kẻ mù và què đến cùng Ngài trong đền thờ, thì Ngài chữa cho họ được lành. <sup>15</sup> Nhưng các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo thấy sự lạ Ngài đã làm, và nghe con trẻ reo lên trong đền thờ rằng: Hô-sa-na con vua Đa-vít! Thì họ tức giận, <sup>16</sup> và nói với Ngài rằng: Thầy có nghe điều những đứa trẻ này nói không? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Có. Vậy chớ các ngươi chưa hề đọc lời này: Chúa đã được ngợi khen bởi miệng con trẻ và con đương bú, hay sao? <sup>17</sup> Đoạn, Ngài bỏ họ, đi ra khỏi thành mà đến làng Bê-tha-ni và nghỉ đêm ở đó.

<sup>18</sup> Sáng mai, khi trở lại thành thì Ngài đói. <sup>19</sup> Thấy một cây vả ở bên đường, Ngài bèn lại gần, song chỉ thấy những lá mà thôi, thì Ngài phán cùng cây vả rằng: Mấy chẳng khi nào sanh ra trái nữa! Cây vả tức thì khô đi. <sup>20</sup> Môn đồ thấy điều đó, lấy làm kỳ, nói rằng: Cớ sao trong giây phút mà cây vả liền khô đi vậy? <sup>21</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu các ngươi có đức tin, và không nghi ngờ chi hết, thì chẳng những các ngươi làm được điều đã làm cho cây vả mà thôi, song dầu các ngươi biểu hồn núi này rằng: Hãy cất mình lên và quăng xuống biển, điều đó cũng sẽ làm được. <sup>22</sup> Trong khi cầu nguyện, các ngươi lấy đức tin xin việc gì bất kỳ, thấy đều được cả.

Chúa Giê-xu thực hiện hai hành động đoán phạt: Ngài dẹp sạch đền thờ, và rửa sả cây vả. Cả hai hành động đi ngược với cung cách bình thường trong chức vụ của Ngài, vì Ngài không đến thế gian để đoán xét, nhưng để cứu vớt kẻ có tội (*Giăng* 3:17). Cả hai hành động này nói lên sự giả dối của dân Y-sơ-ra-ên: Đền thờ là hang trộm cướp, và dân tộc (được biểu thị bằng cây vả) không có trái. Sự tham tiền bên trong và không kết quả bên ngoài là những bằng chứng cho thấy sự giả dối của họ.

*Dọn sạch đền thờ* (Ma-thi-ơ 21:12-16). Chúa Giê-xu cũng có hành động tương tự lúc Ngài bắt đầu thi hành chức vụ (*Giăng* 2:13-25). Bấy giờ sau ba năm, đền thờ lại bị ô uế bởi việc “kinh doanh tôn giáo” của các nhà lãnh đạo giáo hội. Họ đã biến Hành Lang Cho Người Ngoại Bang thành chỗ cho người Giu-đa sống ở nước ngoài có thể đổi tiền và mua bán các con sinh tế. Việc làm lúc đầu như là một dịch vụ thuận tiện cho khách hành hương ở nơi xa đến chẳng bao lâu đã biến thành việc mua bán sinh lợi. Những người buôn bán đã ra giá cắt cổ và không ai có thể cạnh tranh hay phản đối họ được. Các nhà sử học cho chúng ta biết rằng thầy tế lễ thượng phẩm An-ne là người quản lý sự nghiệp kinh doanh này, có các con trai của ông cộng tác nữa.

Mục đích của Hành Lang Cho Người Ngoại Bang trong đền thờ nhằm cho “những người ngoại” có cơ hội vào đền thờ để học biết về Đức Chúa Trời Chân Thần từ nơi dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng sự tồn tại của “chợ tôn giáo” làm cho nhiều người ngoại bang nhạy cảm quay lưng lại với lời làm chứng của người Y-sơ-ra-ên. Hành Lang Dành Cho Người Ngoại Bang được dùng làm nơi buôn bán vụ lợi, chứ không dùng cho công tác truyền giáo.

Khi Chúa Giê-xu gọi đền thờ là “Nhà Ta”, Ngài muốn khẳng định Ngài là Đức Chúa Trời. Khi Ngài gọi đền thờ là “Nhà Ta là nhà cầu nguyện”, Ngài muốn nhắc lại lời tiên tri *Ê-sai* 56:7. Toàn chương thứ 56 của sách *Ê-sai* tố cáo sự bất trung của các bậc lãnh đạo Y-sơ-ra-ên. Thành ngữ “hang trộm cướp” xuất xứ từ *Giê-rê-mi* 7:11 và là một phần trong sứ điệp dài mà Giê-rê-mi rao giảng tại cửa đền thờ, quở trách dân chúng về những tội giống như Chúa Giê-xu đã thấy và đoán phạt trong thời gian Ngài thi hành chức vụ.

Tại sao Chúa Giê-xu gọi đền thờ là “hang trộm cướp”? Bởi vì nơi những kẻ trộm ẩn nấu được gọi là hang. Các nhà lãnh đạo giáo hội và một số người dùng đền thờ và Do Thái giáo để che đậy tội lỗi của họ.

Đức Chúa Trời muốn gì trong nhà của Ngài? Đức Chúa Trời muốn có sự cầu nguyện giữa vòng con dân Ngài (*ITi-mô-thê* 2:1), vì sự cầu nguyện thật lòng là một dấu chứng cho thấy chúng ta

nương dựa nơi Đức Chúa Trời và đức tin chúng ta đặt nơi Lời Hằng Sống của Ngài. Ngài cũng muốn dân chúng được cứu giúp trong nhà Ngài (*Ma-thi-ơ* 21:14). Người có nhu cầu cảm thấy được tôn trọng và tìm được sự nâng đỡ khi có cần. Phải có quyền năng trong nhà Đức Chúa Trời, quyền năng hành động biến đổi cuộc đời con người. Ngợi khen là một đặc điểm khác của nhà Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 21:15-16). Chúa Giê-xu trích dẫn những lời này trong *Thi Thiên* 8:2.

*Rửa sả cây vả.* (*Ma-thi-ơ* 21:17-22). Việc Chúa Giê-xu rửa sả cây vả có thể làm chúng ta ngạc nhiên. Cùng một quyền năng đã làm cây khô héo cũng có thể khiến nó sống và sinh nhiều quả. Chắc chắn Chúa Giê-xu không qui tội cho cây vì không sinh trái.

Khi chúng ta xem xét thời gian và địa điểm diễn ra sự kiện này, chúng ta hiểu nó thấu đáo hơn. Chúa Giê-xu tiến gần về thành Giê-ru-sa-lem vào tuần lễ cuối cùng trong chức vụ công khai đối với dân tộc Ngài. Cây vả biểu tượng cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (*Lu-ca* 13:6-9; *Giê-rê-mi* 8:13; *Ô-sê* 9:10,16). Giống như cây vả này chỉ có lá nhưng không có trái, dân Y-sơ-ra-ên chỉ có hình thức tôn giáo bên ngoài nhưng không có kinh nghiệm đức tin kết quả từ nếp sống đạo. Chúa Giê-xu không tức giận cây vả, nhưng Ngài dùng cây vả này để dạy dỗ môn đệ Ngài.

*Đức Chúa Trời muốn sinh bông trái trong đời sống con cái Ngài.* Bông trái là sản phẩm của sự sống. Cây xanh tốt thường thường cho thấy sẽ có trái, nhưng trường hợp này thì không phải. Trong thí dụ cây vả (*Lu-ca* 13:6-9), người làm vườn dành nhiều thời giờ chăm sóc cây; nhưng bây giờ thời gian đã hết. Cây này không đem lại ích lợi và đang choáng chỗ.

Qua thí dụ này chúng ta có thể rút ra bài học ích lợi cho cá nhân, trong khi đó ý nghĩa chính yếu dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Giờ đoán phạt đã đến. Quan Tòa đã tuyên án phạt, nhưng bản án sẽ không được thực hiện cho đến bốn mươi năm sau. Khi người La Mã đánh chiếm và phá hủy thành Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ và làm cho dân chúng tản lạc.

Chúa Giê-xu dùng sự kiện này để dạy các môn đệ Ngài bài học

thực tiễn về đức tin và sự cầu nguyện. Đền thờ phải là “nhà cầu nguyện”, và dân sự phải là một dân tộc tin kính Chúa. Nhưng cả hai điều quan trọng này đều thiếu mất. Cũng vậy, chúng ta nên thức tỉnh về nguy cơ không kết quả.

### Không Làm Theo Lời Đức Chúa Trời

*Ma-thi-ơ 21:23 - 22:14*

<sup>23</sup> Đức Chúa Jêsus vào đền thờ rồi, đương giảng đạo, có các thầy tế lễ cả và các trưởng lão trong dân đến mà hỏi rằng: Bởi quyền phép nào mà thầy làm những sự nầy, và ai đã cho thầy quyền phép ấy? <sup>24</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ta cũng sẽ hỏi các người một điều; nếu trả lời được, thì ta cũng sẽ nói cho các người bởi quyền phép nào mà ta đã làm những việc đó. <sup>25</sup> Phép báp-têm của Giăng bởi đâu? Bởi trên trời hay là bởi người ta? Vả, họ bàn riêng với nhau như vậy: Nếu chúng ta đáp rằng: Bởi trên trời, thì người sẽ nói với ta rằng: Vậy sao không tin lời người ấy? <sup>26</sup> Còn nếu đáp rằng: Bởi người ta, thì chúng ta sợ thiên hạ, vì thiên hạ đều cho Giăng là đấng tiên tri. <sup>27</sup> Vậy, họ trả lời Đức Chúa Jêsus rằng: Chúng tôi không biết. Ngài bèn phán cùng họ rằng: Ta cũng không bảo cho các người bởi quyền phép nào mà ta làm những điều nầy.

<sup>28</sup> Các người nghĩ làm sao? Một người kia có hai đứa con trai; nói cùng đứa thứ nhất, mà rằng: Con ơi, bữa nay con hãy ra làm vườn nho. <sup>29</sup> Đứa ấy thưa rằng: Vâng; rồi không đi. <sup>30</sup> Đoạn, người cha đi đến đứa thứ hai, cũng bảo như vậy. Đứa nầy thưa rằng: Tôi không muốn đi. Nhưng sau ăn năn, rồi đi.

<sup>31</sup> Trong hai con trai đó, đứa nào làm theo ý muốn của cha? Họ đáp rằng: Đứa thứ hai. Đức Chúa Jêsus phán cùng họ rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, những kẻ đầu thuế và phường đi điểm sẽ được vào nước Đức Chúa Trời trước các người. <sup>32</sup> Vì Giăng đã theo đường công bình đến cùng các người, nhưng các người không tin, còn những kẻ đầu thuế và phường đi điểm đã tin người; và các người, khi đã thấy điều ấy, sau cũng không ăn năn đặt tin người.

<sup>33</sup> Hãy nghe lời ví dụ khác. Có người chủ nhà kia, trồng một vườn nho, rào chung quanh, ở trong đào một cái hầm ép rượu, và cất một cái tháp; rồi cho những kẻ trồng nho mướn, và đi qua xứ khác. <sup>34</sup> Đến mùa hái trái, người chủ sai đầy tớ đến cùng bọn trồng nho, đặt đầu hoa lợi. <sup>35</sup> Bọn trồng nho bắt các đầy tớ, đánh người nầy, giết người kia, và ném đá người nọ. <sup>36</sup> Người chủ lại sai đầy tớ khác đông hơn khi trước; thì họ cũng đối đãi một cách. <sup>37</sup> Sau hết, người chủ sai chính con trai mình đến cùng họ, vì nói rằng: Chúng nó sẽ kính trọng con ta. <sup>38</sup> Nhưng khi bọn trồng nho thấy con đó, thì nói với nhau rằng: Người nầy là kẻ kế tự đây; hê! Hãy giết nó đi và chiếm

lấy phần gia tài nó. <sup>39</sup> Họ bèn bắt con ấy, quăng ra ngoài vườn nho, và giết đi. <sup>40</sup> Vậy, khi người chủ vườn nho đến, thì sẽ xử với bọn làm vườn ấy thế nào? <sup>41</sup> Chúng trả lời rằng: Người chủ sẽ diệt đồ hung ác ấy cách khổ sở, và cho bọn trồng nho khác mướn vườn ấy, là kẻ sẽ nộp hoa lợi lúc đến mùa. <sup>42</sup> Đức Chúa Jê-sus phán cùng họ rằng: Các người há chưa hề đọc lời trong Kinh Thánh:

Hòn đá đã bị người xây nhà bỏ ra,  
 Trở nên đá đầu góc nhà;  
 Ấy là việc Chúa làm,  
 Và là một sự lạ trước mắt chúng ta, hay sao?

<sup>43</sup> Bởi vậy, ta phán cùng các người, nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các người, và cho một dân khác là dân sẽ có kết quả của nước đó. <sup>44</sup> Kẻ nào rơi trên hòn đá ấy sẽ bị giập nát, còn kẻ nào bị đá ấy rớt nhằm thì sẽ tan tành như bụi.

<sup>45</sup> Các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si nghe những lời ví dụ đó, thì biết Ngài nói về mình. <sup>46</sup> Họ bèn tìm cách để bắt Ngài; song sợ thiên hạ, vì thiên hạ tôn Ngài là đáng tiên tri.

22

<sup>1</sup> Đức Chúa Jê-sus lại phán ví dụ cùng chúng nữa, rằng: <sup>2</sup> Nước thiên đàng giống như một vua kia làm tiệc cưới cho con mình. <sup>3</sup> Vua sai đầy tớ đi nhắc những người đã được mời đến dự tiệc; nhưng họ không chịu đến. <sup>4</sup> Vua lại sai đầy tớ khác mà dặn rằng: Hãy nói với người được mời như vậy: Nầy ta đã sửa soạn tiệc rồi; bỏ và thú béo đã giết xong, mọi việc đã sẵn cả, hãy đến mà dự tiệc cưới. <sup>5</sup> Nhưng họ không đếm xỉa đến, cứ việc đi đường mình; kẻ nầy đi ra ruộng, kẻ kia đi buôn bán; <sup>6</sup> còn những kẻ khác bắt đầy tớ của vua, mắng chửi và giết đi. <sup>7</sup> Vua nổi giận, bèn sai quân lính diệt những kẻ giết người đó, và đốt phá thành của họ. <sup>8</sup> Đoạn, vua phán cùng đầy tớ mình rằng: Tiệc cưới đã dọn xong rồi; song những người được mời không xứng dự tiệc đó. <sup>9</sup> Vậy, các người hãy đi khắp các ngã tư, hề gặp người nào thì mời cả đến dự tiệc. <sup>10</sup> Đầy tớ đi khắp các đường cái, nhóm lại hết thấy những người họ gặp, bắt luận dữ lạnh, đến nổi trong phòng đầy những người dự tiệc.

<sup>11</sup> Vua vào xem khách dự tiệc, chợt thấy một người không mặc áo lễ, <sup>12</sup> thì phán cùng người rằng: Hỡi bạn, sao ngươi vào đây mà không mặc áo lễ? Người đó làm thinh. <sup>13</sup> Vua bèn truyền cho đầy tớ rằng: Hãy trói tay chân nó lại, và quăng ra ngoài nơi tối tăm, là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng.

<sup>14</sup> Bởi vì có nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn.

Cả ba thí dụ này được kể do các thầy tế lễ cả và các trưởng lão đòi hỏi Chúa Giê-xu giải thích bởi thẩm quyền nào Ngài đã dẹp sạch đền thờ. Là những người coi sóc đời sống tâm linh của dân

chúng, họ có quyền nêu câu hỏi này. Nhưng chúng ta ngạc nhiên vì sự dốt nát của họ. Chúa Giê-xu đã bày tỏ cho họ biết về Ngài trong ba năm thi hành chức vụ, nhưng họ vẫn không thấy sự thật. Họ muốn có bằng chứng nhiều hơn.

Ngài không có ý tránh né vấn đề khi nhắc họ nhớ lại chức vụ của Giăng Báp-tít. Giăng Báp-tít đã dọn đường cho Chúa Giê-xu. Nếu các nhà lãnh đạo chấp nhận chức vụ của Giăng, chắc chắn họ đã nhận Chúa Giê-xu. Thay vào đó, các bậc lãnh đạo tôn giáo đã để cho vua Hê-rốt bắt giam Giăng và giết ông trong ngục. Nếu họ không công nhận thẩm quyền của Giăng, thì họ không thừa nhận thẩm quyền của Chúa Giê-xu; cả Giăng và Chúa Giê-xu đều do Đức Chúa Trời sai đến với họ.

Một nguyên tắc cơ bản trong cuộc sống Cơ Đốc nhân là, chúng ta không thể học biết chân lý mới mẻ nếu không vâng theo những gì Đức Chúa Trời đã phán dặn chúng ta. “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì sẽ biết đạo lý Ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là Ta nói theo ý Ta” (*Giăng 7:17*). Các bậc lãnh đạo giáo hội đã chối bỏ lời rao giảng của Giăng Báp-tít, và vì vậy Chúa Giê-xu không thể bày tỏ cho họ chân lý mới được. Cả Chúa Giê-xu và Giăng Báp-tít đều ở dưới quyền hướng dẫn của Đức Chúa Trời.

*Họ chối bỏ Đức Chúa Cha (Ma-thi-ơ 21:23-32)*. Dĩ nhiên, vườn nho hình bóng về dân Y-sơ-ra-ên (*Ê-sai 5:1-30; Thi Thiên 80:8-16*). Hai người con trai đại diện cho hai tầng lớp người trong dân tộc ấy: những người theo đạo tự cho mình là công bình, và những người thâu thuế cùng kẻ có tội. Khi Giăng đến rao giảng sứ điệp về sự ăn năn, đám đông có đạo tỏ ra thích thú việc Giăng làm, nhưng họ không chịu ăn năn hạ mình để nhận lãnh báp-têm (*Ma-thi-ơ 3:7-12; Giăng 1:19-28*). Tuy nhiên, đám người ngoại đạo lại vâng theo lời giảng dạy của Giăng ăn năn tội lỗi mình và nhận lãnh báp-têm.

Các nhà lãnh đạo phạm hai tội: Họ không tin sứ điệp của Giăng Báp-tít và không chịu ăn năn tội lỗi của mình. Dĩ nhiên, họ cảm thấy rằng họ không cần phải ăn năn (*Lu-ca 18:9-14*). Nhưng khi

chứng kiến sự ăn năn đã thay đổi những người thu thuế và kẻ có tội, chắc chắn họ cũng được thuyết phục rằng sứ điệp của Giăng là đúng và sự cứu rỗi có thật. Các nhà lãnh đạo giáo hội cứ tiếp tục khước từ chứng cứ rõ ràng mà Đức Chúa Trời ban cho họ.

Khi từ chối Giăng, thực sự họ đã khước từ Đức Chúa Cha, Đấng sai người đến. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng nhân từ, thay vì đoán phạt họ, Ngài sai Con Ngài đến. Điều này dẫn đến thí dụ kế tiếp.

*Họ chối bỏ Đức Chúa Con (Ma-thi-ơ 21:33-46).* Chúng ta vẫn còn ở tại vườn nho. Thí dụ này đặt nền tảng trên Ê-sai 5:1-7 và qua đó Chúa Giê-xu nhắc cho người Do Thái nhớ rằng Đức Chúa Trời đã đối xử tốt lành với dân chúng. Đức Chúa Trời giải cứu họ ra khỏi Ai Cập và đem họ vào trong xứ đơm sữa và mật. Ngài ban cho họ mọi phước hạnh vật chất lẫn tâm linh và chỉ đòi hỏi họ sinh bông trái để làm vinh danh Ngài. Thỉnh thoảng Đức Chúa Trời sai tôi tớ Ngài (các đấng tiên tri) đến cùng dân chúng để thu hái kết quả. Nhưng dân chúng bạc đãi tôi tớ của Ngài, thậm chí còn giết họ nữa.

Chủ nhà phải làm gì? Có thể người sẽ sai quân lính đến tiêu diệt những người gian ác này. Nhưng thay vào đó người sai con trai của người đến với họ. Dĩ nhiên, điều này ám chỉ đến Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời. Ngài là "Người kế tự" (*Hê-bơ-rơ* 1:2). Thay vì chấp nhận và tôn quý con, họ quăng con đó ra ngoài vườn và giết đi. Chúa Giê-xu bị đóng đinh "ở ngoài cửa thành" (*Hê-bơ-rơ* 13:12-13), bị chính dân tộc của Ngài chối từ.

Dân chúng bị cuốn hút vào câu chuyện khi lắng nghe thí dụ và không nhận ra bản án cho chính mình. Chúa Giê-xu trích dẫn lời *Thi Thiên* 118:22-23 để giải thích cho họ hiểu rằng Ngài là Người Con đó và các nhà lãnh đạo giáo hội là những người trồng nho (*Ma-thi-ơ* 21:45). Đám đông đã dẫn lời Thánh Kinh trong *Thi Thiên* 118:26 để tung hô Chúa Giê-xu khi Ngài tiến vào thành Giê-ru-sa-lem, vì vậy lời Kinh Thánh này thật sự sống động trong tâm trí các thầy thông giáo và người Pha-ri-si.

Trong Cựu Ước, người ta thường ám chỉ Đức Chúa Trời như

một vầng đá hay tảng đá (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:4,18,30-31; *Thi Thiên* 18:2,31, 46). Hòn Đá cũng là một danh xưng của Đấng Mết-si-a. Đối với dân Y-sơ-ra-ên, Chúa Giê-xu là Hòn Đá vương mắc (*Ê-sai* 8: 14-15; *Rô-ma* 9:32-33; *I Cô-rinh-tô* 1:23). Dân Y-sơ-ra-ên khước từ Đấng Mết-si-a, nhưng bởi sự chết và sống lại của Ngài, Ngài đã thành lập Hội Thánh. Đối với Hội Thánh, Chúa Giê-xu là Hòn Đá góc nhà (*Ê-phê-sô* 2:20-22; *I Phi-e-rơ* 2:4-5). Vào ngày cuối cùng, Chúa Giê-xu sẽ đến như một Hòn Đá (*Dân Số Ký* 2:34) đập và phá hủy các nước ngoại bang, sau đó thiết lập nước vinh hiển của Ngài.

Hẳn nhiên, bậc cầm quyền Do Thái biết lời Kinh Thánh Chúa Giê-xu trích dẫn hàm ý nói về Đấng Mết-si-a. Họ là thợ xây đã loại bỏ hòn đá (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:11). Kết quả ra sao? Trước tiên Nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi dân tộc Y-sơ-ra-ên và cho một dân khác, đó là Hội Thánh (*I Phi-e-rơ* 2:9; và hãy lưu ý nội dung các câu 6-10). Những ai chống lại Đá này sẽ bị “giập nát”; những người mà Đấng Christ đoán phạt sẽ bị tan tành như bụi.

*Họ chối bỏ Đức Thánh Linh (Ma-thi-ơ 22:1-14)*. Chúng ta không nên nhầm lẫn thí dụ này với thí dụ về bữa tiệc lớn (*Lu-ca* 14:16-24) cho dù chúng có những yếu tố chung. Một lần nữa chúng ta gặp Người Cha và Người Con; Người Con còn sống và có thêm cô dâu. Lời gợi ý nói ở đây có hình bóng về Đức Chúa Giê-xu và Hội Thánh Ngài được miêu tả trong *Ê-phê-sô* 5:22-33. Giai đoạn được mô tả trong thí dụ này phải xảy ra sau khi Chúa sống lại, *thăng thiên* về trời và lúc Đức Thánh Linh giáng lâm.

Đức Chúa Cha vẫn đang mời gọi dân tộc Y-sơ-ra-ên đến dự tiệc, mặc dầu họ đã giết Con Ngài. Khi nghiên cứu bảy chương đầu tiên của sách Công Vụ, chúng ta khám phá rằng Phúc Âm chỉ giảng ra cho người Giu-đa chứ không cho ai khác (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:5,10,14,22,36; 3:25; 6:7). Chương trình của Đức Chúa Trời “trước tiên cho người Giu-đa” (*Rô-ma* 1:16; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:26). Các bậc cầm quyền đất nước phản ứng như thế nào về công việc của Đức Thánh Linh hành động qua các sứ đồ? Họ chối bỏ Lời Đức Chúa Trời và kết án Hội Thánh. Bậc cầm quyền Do Thái

đồng ý với Hê-rốt giết Giăng Báp-tít, đòi đóng đinh Chúa Giê-xu trên thập tự giá, và cũng chính họ đã ném đá Ê-tiên cho đến chết! Hơn nữa Hê-rốt đã giết Gia-cơ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1).

Trong thí dụ này Nhà Vua đã phản ứng ra sao đối với cách dân chúng đối xử các tội tớ Ngài? Ngài nổi giận và sai quân lính đến tiêu diệt chúng và đốt phá thành của họ. Rồi Ngài quay sang các dân khác và mời họ đến dự tiệc. Đây là bức tranh Đức Chúa Trời đối đãi dân Y-sơ-ra-ên. Họ chối bỏ Đức Chúa Cha khi không chịu vâng theo lời rao giảng của Giăng Báp-tít. Dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Đức Chúa Con khi bắt và đóng đinh Ngài. Bởi lòng thương xót và nhân từ của Ngài, Đức Chúa Trời sai các sứ giả khác. Đức Thánh Linh giáng trên các tín hữu đầu tiên và họ nhận lãnh quyền năng làm chứng rằng Chúa Giê-xu là Đấng Sống và Ngài có thể cứu vớt dân tộc Y-sơ-ra-ên (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:32-36; 3:19-26). Các phép lạ do các tín hữu đầu tiên thực hiện là bằng chứng Đức Chúa Trời đang hành động trong họ và qua họ.

Nhưng dân Y-sơ-ra-ên cũng chối bỏ cả Đức Thánh Linh! Đây là lời Ê-tiên lên án dân sự: “Các người cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:51). Do việc dân chúng ném đá Ê-tiên, Đức Chúa Trời không còn nhịn nhục đối với dân Y-sơ-ra-ên nữa mặc dầu Ngài hoãn cơn đoán phạt gần 40 năm. Trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:1-40 chúng ta thấy Phúc Âm được rao giảng trong xứ Sa-ma-ri, và trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:1-48 Phúc Âm được đem đến cho dân ngoại..

Theo tôi, sự chối bỏ cuối cùng là “tội nói phạm đến Đức Thánh Linh” mà Chúa Giê-xu đã phán trong *Ma-thi-ơ* 12:22-32. Đây là tội lỗi của cả dân tộc Y-sơ-ra-ên. Khi chối bỏ Giăng Báp-tít, họ chối bỏ Đức Chúa Cha; nhưng chức vụ của Đức Chúa Con vẫn còn đó. Khi chối bỏ Con Đức Chúa Trời, họ còn được tha thứ vì sự ngu dốt của mình (*Lu-ca* 23:34; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:17). Ngày nay không thể tha thứ cho bất cứ tội nhân nào chối bỏ Đấng Christ, vì sự chối bỏ này dẫn đến kết án linh hồn (*Giăng* 3:16-22).

Nhưng vẫn còn công việc của Đức Thánh Linh. Thánh Linh ngự giữa Hội Thánh trong ngày lễ Ngũ Tuần, và các sứ đồ đã làm

nhiều dấu kỳ phép lạ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:43; *Hê-bơ-rơ* 2:1-4). Các nhà lãnh đạo chối bỏ lời chứng của Đức Thánh Linh, và điều này dẫn đến sự phán xét sau cùng. Họ đã chối bỏ Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, vậy thì không còn có cơ hội nào khác.

Ngày nay người ta không phạm "tội chống nghịch Đức Thánh Linh" giống như cách dân Y-sơ-ra-ên đã phạm, bởi vì hoàn cảnh khác nhau. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đang làm chứng qua thân vị và công việc của Chúa Giê-xu. Chính Đức Thánh Linh cáo trách thế gian về tội lỗi của họ (*Giăng* 16:7-11). Những kẻ vô tín có thể chống lại Đức Thánh Linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:51), nhưng không ai biết được khi Đức Thánh Linh không còn quan tâm đến tội nhân hư mất thì con người sẽ khốn nạn như thế nào.

Các câu *Ma-thi-ơ* 22:11-14 có vẻ giống như phần phụ thêm cho thí dụ, nhưng những câu Kinh Thánh này cực kỳ quan trọng. Áo dự tiệc cưới do chủ tiệc cung cấp để mọi người đều được trang phục lịch sự và người nghèo không cảm thấy xấu hổ. Sự cứu rỗi dành cho từng cá nhân cách riêng tư. Chúng ta phải chấp nhận những điều Đức Chúa Trời ban cho chúng ta - sự công bình của Đấng Christ - và không cố tìm đường riêng cho mình. Vì các thí dụ này đều nhấn mạnh đến một dân tộc, cho nên sự nhấn mạnh đến cá nhân ở phần cuối cùng rất quan trọng.

Các bậc cầm quyền đã mắc phải chứng bệnh mù lòa thuộc linh, sống cuộc đời đạo đức giả, và cố tình không vâng theo lời Đức Chúa Trời. Thay vì lắng nghe lời cáo trách của Chúa Giê-xu và ăn năn, họ quyết định công kích và cãi lẽ với Ngài. Kết quả của họ là sự phán xét. Chúng ta phải cẩn thận đừng theo gương bất tuân của họ.

## Câu Trả Lời Của Vua

*Ma-thi-ơ 22:15-46*

Vào ngày thứ ba trong tuần lễ Vượt Qua, kẻ thù tìm cách nêu ra nhiều câu hỏi gài bẫy để buộc tội Ngài. Những người này vẫn còn căm tức vì cách Ngài đánh giá họ qua hàng loạt thí dụ. Ngài phơi bày ý đồ xấu xa của họ và cảnh cáo rằng họ đang tìm cho mình sự xét đoán. Các nhà lãnh đạo giáo hội không thích bị làm nhục trước đám đông. Họ dốc lòng quyết tâm hãm hại Chúa Giê-xu, mong sụp bẫy Ngài trong lời nói để có lý do bắt Ngài.

Nhưng có một lý do khác đối với các câu hỏi này, một lý do mà kẻ thù Ngài không nhận ra. Chúa Giê-xu sắp chịu chết như Chiên Con của Đức Chúa Trời, và việc kiểm tra con chiên kỹ lưỡng trước ngày lễ Vượt Qua là điều cần thiết (*Xuất Ê-díp-tô Ký 12: 3-6*). Nếu phát hiện bất kỳ tì vết gì trên mình con chiên, người ta không thể dâng nó làm của tế lễ. Chúa Giê-xu đã được kẻ thù của Ngài công khai tra xét, và họ không tìm thấy nơi Ngài có sai sót nào.

Dĩ nhiên, cuộc trao đổi giữa Chúa Giê-xu và các nhà lãnh đạo tôn giáo cũng là cơ hội cho họ tin nhận Chúa và được cứu rỗi. Thật ra, có một thầy thông giáo đã đến rất gần với Nước Đức Chúa Trời

Chúa Trời (*Mác* 12:32-34). Thậm chí trong giây phút cuối cùng, vẫn còn hy vọng cho tội nhân hư mất, nếu người đó chấp nhận lẽ thật, ăn năn tội và tin nhận Chúa Giê-xu Christ.

Có bốn câu hỏi được nêu ra trong cuộc đối chất công khai này, trong đó kẻ thù nêu lên ba câu hỏi và câu còn lại là của Chúa Giê-xu Christ.

### **Câu Hỏi Mang Tính Cách Chính Trị: Về Việc Nộp thuế**

*Ma-thi-ơ* 22:15-22

<sup>15</sup> Bấy giờ người Pha-ri-si đi ra bàn luận với nhau, để kiếm cách bắt lỗi Đức Chúa Jê-sus về lời nói. <sup>16</sup> Họ sai môn đồ mình với đảng vua Hê-rốt đến thưa cùng Ngài rằng: Lạy thầy, chúng tôi biết thầy là thật, và theo cách thật mà dạy đạo của Đức Chúa Trời, không tư vị ai; vì thầy không xem bề ngoài của người ta. <sup>17</sup> Vậy, xin thầy nói cho chúng tôi, thầy nghĩ thế nào: Có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không? <sup>18</sup> Đức Chúa Jê-sus biết ý xấu của họ, bèn đáp rằng: Hỡi kẻ giả hình, sao các người thử ta? <sup>19</sup> Hãy đưa cho ta xem đồng tiền nộp thuế. Họ đưa cho Ngài một đơ-ni-ê. <sup>20</sup> Ngài bèn phán rằng: Hình và hiệu nầy của ai? <sup>21</sup> Họ trả lời rằng: Của Sê-sa. Ngài bèn phán rằng: Vậy, hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời. <sup>22</sup> Họ nghe lời ấy, đều bợ ngợ, liền bỏ Ngài mà đi.

Người Pha-ri-si và phe đảng Hê-rốt thù địch nhau; nhưng vì có chung kẻ thù nên họ liên minh với nhau. Người Pha-ri-si chống việc thu thuế do đế quốc La Mã qui định vì (1) Họ không muốn phục tùng quyền lực ngoại bang; (2) Hoàng đế được tôn trọng như vị thần; và (3) họ muốn giữ tiền lại hơn là giao nó cho người La Mã. Còn đảng Hê-rốt thì vì ủng hộ vua Hê-rốt tán thành việc nộp thuế. Vì Hê-rốt được Hoàng đế Sê-sa ban cho quyền hành, nếu không có sự giúp sức của đế quốc La Mã, Hê-rốt chắc chắn sẽ khốn đốn trong việc cai trị.

Palestine là nước bị trị, và người Do Thái không mặn nồng gì với quân xâm lược. Mỗi loại thuế dân nghèo phải nộp là điều nhắc họ nhớ xứ sở họ đang bị ngoại nhân cai trị. Đảng Xê-lốt, một tổ chức của những người Giu-đa nhiệt huyết "hoạt động ngầm" thường tổ chức chống đối đế quốc La Mã. Họ chống lại mọi loại

thuế do nhà cầm quyền La Mã đặt ra.

Ta dễ thấy tại sao người Pha-ri-si và đảng Hê-rốt chọn việc nộp thuế để gài bẫy Chúa. Rõ ràng dù Chúa Giê-xu đứng ở phía nào, Ngài cũng tạo ra khó khăn cho chính Ngài và chức vụ của Ngài. Nếu không đồng ý nộp thuế, Ngài sẽ mắc lỗi với chính quyền La Mã. Nếu ưng thuận nộp thuế, Ngài sẽ bị rắc rối với người Giu-đa.

Chúa Giê-xu thấy ngay âm mưu của họ. Ngài biết mục đích thật sự của họ không nhằm tìm câu trả lời, nhưng tìm phương hãm hại Ngài. Họ chỉ đóng vai là người quan tâm đến việc nộp thuế, và điều này làm họ trở thành bọn đạo đức giả. Chỉ căn cứ vào yếu tố này thôi, Ngài có thể từ chối không trả lời cho họ. Nhưng Ngài biết mọi người chung quanh sẽ không hiểu. Đây là dịp tiện để Ngài làm cho kẻ thù Ngài phải ngậm miệng, đồng thời dạy cho dân chúng một bài học thuộc linh quan trọng.

Mỗi nhà cai trị đều đúc đồng tiền và cho in ảnh của mình lên đồng bạc đó. Đồng đơ-ni-ê có mang hình của Sê-sa, vì vậy đồng bạc ấy thuộc về Sê-sa. Chúa Giê-xu đáp, "Hãy trả cho Sê-sa những gì thuộc về Sê-sa, và trả cho Đức Chúa Trời những gì thuộc về Đức Chúa Trời". Qua câu trả lời đơn giản mà sâu sắc này, Chúa Giê-xu dạy một số chân lý quan trọng.

*Cơ Đốc nhân phải tôn trọng và vâng theo các bậc cầm quyền.* Các phần khác trong Tân Ước cũng dạy dỗ chân lý này (*Rô-ma* 13:1-14; *I Phi-e-rơ* 2:13-17; *I Ti-mô-thê* 2:1). Cơ Đốc Nhân có bốn phận công dân cả trên trời (*Phi-líp* 3:20) lẫn dưới đất. Chúng ta phải kính trọng nhà cầm quyền thuộc về thế gian (hoặc những lãnh đạo do dân bầu lên), tuân theo pháp luật, nộp thuế, và cầu nguyện cho hết thảy các bậc chấp chánh.

*Cơ Đốc nhân phải tôn kính và vâng lời Đức Chúa Trời.* Sê-sa không phải là Đức Chúa Trời. Chính quyền không thể ép buộc tôn giáo (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:29), họ cũng không được giới hạn sự tự do thờ phượng. Công dân tốt làm rạng danh đất nước mình bởi vì anh ta thờ phượng Đức Chúa Trời.

*Con người mang ảnh tượng của Đức Chúa Trời và thuộc về Ngài.* Hình ảnh của Sê-sa nằm trên đồng bạc nhưng con người

mang ảnh tượng của Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 1:26-27). Tội lỗi đã làm hỏng hình ảnh tốt đẹp của Đức Chúa Trời trong con người, nhưng qua Chúa Giê-xu Christ, con người có thể nhận lại ảnh tượng của Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 4:24; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:10).

Mối tương quan giữa tôn giáo và chính quyền có tính cách cá nhân và riêng tư. Con cái Đức Chúa Trời có quyền và bổn phận phục vụ trong chính quyền (hãy nhớ trường hợp của Đa-ni-ên và Giô-sép). Nhưng chính quyền kiểm soát Hội Thánh hoặc Hội Thánh chỉ phối chính quyền là điều sai.

### Câu Hỏi Mang Tính Cách Giáo Lý: Về Sự Sống Lại

*Ma-thi-ơ* 22:23-33

<sup>23</sup> Trong ngày đó, có người Sa-đu-sê, là kẻ nói rằng không có sự sống lại, đến gần Ngài mà hỏi rằng: <sup>24</sup> Thưa thầy, Môi-se có nói: Nếu người nào chết mà không có con, thì em sẽ lấy vợ góa anh để nối dòng cho anh. <sup>25</sup> Và, trong chúng tôi có bảy anh em. Người anh lấy vợ và chết đi, nhưng vì chưa có con nên để vợ lại cho em. <sup>26</sup> Người thứ hai, thứ ba, cho đến thứ bảy cũng vậy. <sup>27</sup> Rồi lại, người đàn bà cũng chết. <sup>28</sup> Vậy, lúc sống lại, đàn bà đó sẽ làm vợ ai trong bảy người? Vì cả bảy đều đã lấy người làm vợ. <sup>29</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Các người lầm, vì không hiểu Kinh Thánh, và cũng không hiểu quyền phép Đức Chúa Trời thể nào. <sup>30</sup> Vì đến khi sống lại, người ta không cưới vợ, cũng không lấy chồng, song những kẻ sống lại là như thiên sứ trên trời vậy. <sup>31</sup> Các người há không đọc lời Đức Chúa Trời phán về sự sống lại của kẻ chết rằng: <sup>32</sup> Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, hay sao? Đức Chúa Trời không phải là Chúa của kẻ chết, nhưng của kẻ sống. <sup>33</sup> Chúng nghe lời ấy, thì lấy làm lạ về sự dạy dỗ của Ngài.

Mặc dầu người Pha-ri-si và phe đảng Hê-rốt đã thua cuộc, nhưng phái Sa-đu-sê tham gia trận chiến và tìm cách công kích Chúa Giê-xu. Hãy nhớ nhóm người này chỉ thừa nhận ngũ kinh Môi-se. Người Sa-đu-sê không tin vào thế giới thần linh hoặc giáo lý sống lại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 23:8). Họ thường thách thức người Pha-ri-si chứng minh giáo lý sống lại qua Ngũ Kinh Môi-se, nhưng người Pha-ri-si không làm được.

Phái Sa-đu-sê đưa ra một trường hợp giả sử dựa trên luật pháp Do Thái về “hôn nhân để nối dõi người chết không con” chép trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 25:5-10. (Chữ *levirate* xuất xứ từ chữ *levir* trong tiếng La-tinh có nghĩa “người anh em chồng”, không có liên quan gì đến chi phái Lê-vi). Mục đích của phong tục này là để nối dõi người chết không có con cái. Trong nước Y-sơ-ra-ên, việc thừa kế gia đình là điều chính yếu, mỗi gia đình phải có người nam nối dõi. Khi ai đó không chịu giúp xây dựng gia đình cho người anh em đã chết thì bị mọi người chê bai.

Người Sa-đu-sê dùng sự kiện không có người nữ nào có thể có bảy chồng khi được sống lại, do đó họ bài bác sự sống lại. Giống như nhiều người ngày hôm nay, họ hình dung cuộc sống đời sau là sự kéo dài của cuộc sống hiện tại.

Nhưng Chúa Giê-xu cho thấy sự ngu dốt của họ. Họ không biết Kinh Thánh, cũng không biết quyền phép của Đức Chúa Trời, suy ra họ thật sự không biết Đức Chúa Trời. Trong cuộc sống đời sau không có nhu cầu lập gia đình bởi vì không còn có sự chết nữa. Do đó không cần phải sinh sản con cái để thay thế những người chết.

Chúa Giê-xu không phán rằng chúng ta sẽ là những thiên sứ khi được vinh hiển trong thiên đàng. Ngài dạy chúng ta sẽ “như các thiên sứ sáng láng”, lúc ấy chúng ta sẽ không có giới tính và không cưới vợ hoặc lấy chồng. Những câu chuyện phiếm chúng ta nghe và những phim hoạt hình chúng ta xem về người chết trở thành thánh thần hoàn toàn sai với Thánh Kinh.

Chúa chúng ta không vui khi bác bỏ quan điểm ngu dại của người Sa-đu-sê về cuộc sống trong tương lai. Ngài cũng muốn trả lời điều họ tuyên bố không có sự sống lại; và Ngài chứng minh điều đó qua Ngũ Kinh Môi-se! Ngài biết rằng họ chỉ chấp nhận các sách do Môi-se viết ra. Ngài nhắc họ nhớ lại lời Đức Chúa Trời phán với Môi-se chép trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:6, “Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp.” Ngài không phán, “Ta đã là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham...” vì điều đó có nghĩa Áp-ra-ham không còn nữa. Do lời phán “Ta là”, cho thấy rõ ba nhân vật đức tin này vào lúc ấy

vẫn còn sống. Và bởi sự lặp lại nhiều lần “Đức Chúa Trời của”, Chúa muốn phán rằng Ngài biết và yêu thương họ một cách riêng biệt.

Suy đoán về tương lai là điều nguy hiểm. Chúng ta nên yên nghĩ nơi thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời, vì chỉ trong Kinh Thánh chúng ta mới có câu giải đáp cho các thắc mắc của con người về tương lai. Thánh Kinh không nói cho chúng ta biết mọi việc trong cuộc sống tương lai, nhưng Lời Đức Chúa Trời khích lệ và soi sáng cho chúng ta. Chúa Giê-xu trả lời cho những người Sa-đu-sê ngu dại và dốt nát đầy đủ đến nỗi họ phải “cứng họng” (chữ *nín thinh* trong *Ma-thi-ơ* 22:34). Ngay cả đám đông cũng lấy làm lạ và ngạc nhiên về sự dạy dỗ của Ngài.

### Câu Hỏi Mang Tính Cách Đạo Đức: Về Luật Pháp

*Ma-thi-ơ* 22:34-40

<sup>34</sup> Người Pha-ri-si nghe nói Đức Chúa Jê-sus đã làm cho bọn Sa-đu-sê cứng miệng, thì nhóm hiệp nhau lại. <sup>35</sup> Có một thầy dạy luật trong bọn họ hỏi câu nầy để thử Ngài: <sup>36</sup> Thưa thầy, trong luật pháp, điều răn nào là lớn hơn hết? <sup>37</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. <sup>38</sup> Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. <sup>39</sup> Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình. <sup>40</sup> Hết thầy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra.

Có lẽ phe Pha-ri-si thích thú khi thấy đối thủ của họ, người Sa-đu-sê, bối rối. Một thầy dạy luật trong bọn họ biết Chúa Giê-xu đối đáp lưu loát (*Mác* 12:28) bèn nêu câu hỏi của mình: “Thưa Thầy, trong Luật Pháp, điều răn nào là lớn hơn hết?” (*Ma-thi-ơ* 22:36). Chúng ta có đủ lý do để tin rằng người này đặt câu hỏi với lòng thành thật và thái độ khiêm nhường.

Đây không phải là câu hỏi mới, vì các thầy dạy luật đã bàn luận nó trong nhiều thế kỷ rồi. Họ đã ghi lại 613 điều luật, gồm có 248 điều phải làm và 365 điều phải tránh. Chẳng ai có hy vọng thực hiện trọn vẹn tất cả mệnh lệnh này. Vì vậy, để dễ thực hiện,

các chuyên gia luật pháp đã chia các mệnh lệnh ra làm hai phần “nặng” (quan trọng) và “nhẹ” (ít quan trọng). Một người có thể chuyên làm những điều luật “nặng” và không bận tâm đến những điều nhỏ nhất tầm thường.

Giải pháp này cho thấy rõ sự nguy hiểm: Bạn chỉ cần phạm một điều luật, dù “nặng” hay “nhẹ”, cũng đã đắc tội trước mặt Đức Chúa Trời. “Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết cả” (*Gia-cơ* 2:10).

Chúa Giê-xu trích dẫn chữ “Shema” (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 6:4), lời tuyên xưng đức tin nhắc lại mỗi ngày trên môi miệng mọi người Do Thái chính thống. (Chữ “Shema” xuất xứ từ tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “nghe”. Lời xưng nhận đức tin bắt đầu bằng, “Hỡi Y-sơ-ra-ên, Hỡi nghe!”). Điều răn lớn nhất là phải yêu mến Chúa Trời với tất cả những gì chúng ta có - tấm lòng, linh hồn, tâm trí, sức lực, của cải, sự phục vụ. Yêu mến Đức Chúa Trời không phải “có thiện cảm với Ngài”, vì tình yêu thật bao gồm cả ý chí lẫn con tim. Nơi đâu có tình yêu, nơi đó sẽ có tâm tình phục vụ và vâng lời.

Nhưng chúng ta không thể tách rời lòng yêu mến Đức Chúa Trời ra khỏi tình yêu thương tha nhân; vì vậy Chúa Giê-xu cũng trích dẫn *Lê-vi* Ký 19:18 và liệt nó ngang bằng với kinh Shema. Tất cả Luật Pháp và lời tiên tri đều dựa trên nền tảng của hai điều răn này. Chúng ta có thể ghi nhận thêm rằng lời giảng dạy trong các thư tín Tân Ước hiệp với lời tuyên bố này. Nếu một người thật sự yêu mến Đức Chúa Trời, người đó cũng phải yêu mến anh em và người lân cận mình (*I Giăng* 3:10-18; 4:7-21).

Nếu có mối tương giao đúng đắn với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ không phạm điều răn của Ngài. Tình yêu là nền tảng cho sự vâng lời. Thật ra, tất cả mệnh lệnh và điều răn đều tóm tắt trong sự yêu thương (*Rô-ma* 13:8-10). Nếu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ yêu tha nhân; và nếu yêu người lân cận, chúng ta sẽ không muốn làm điều gì có hại đến họ.

Nhưng Chúa Giê-xu có ý sâu xa hơn khi truyền đạt câu trả lời lạ lùng này. Dân Do Thái sợ việc thờ lạy thần tượng. Khi Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời, họ phản đối vì không thể

thờ lạy một vật thọ tạo. Chúa Giê-xu công nhận sự thờ phượng và không trách phạt những ai tôn kính Ngài. Điều này có phải thờ thần tượng không? Không, vì Ngài là Đức Chúa Trời! Nhưng nếu Luật Pháp đòi hỏi chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và người lân cận, thì người Do Thái yêu mến Chúa Giê-xu không có gì sai cả. Nhưng thay vào đó họ lập mưu giết Ngài. Một ngày nọ, Ngài đã phán với họ, “Nếu Đức Chúa Trời là Cha các ngươi, thì các ngươi sẽ yêu mến Ta...” (Giăng 8:42). Họ chấp nhận quyền của Luật Pháp, tuy nhiên đời sống họ không vâng theo lời dạy của Luật Pháp.

Thầy thông giáo đã nêu câu hỏi về điều răn căn bản có vẻ khiêm nhường và thành thật. Không phải tất cả người Pha-ri-si đều là đạo đức giả. Ông ta công khai đồng ý với Chúa Giê-xu (Mác 12:32-33). Điều này chắc chắn làm cho bạn hữu trong giới Pha-ri-si của ông ta một phen hoảng sợ. Chúa Giê-xu biết rõ người đàn ông này có lòng thành thật, và Ngài khen ngợi trí khôn ngoan và tính khiêm nhường của ông ta. Ông ta tiến đến gần tới đích nhưng có vào được Nước Trời không? Chúng ta tin rằng được.

Chúa Giê-xu đã trả lời ba câu hỏi khó. Ngài giải quyết mối quan hệ giữa tôn giáo và bậc cầm quyền, giữa cuộc sống đời này và đời sau, giữa Đức Chúa Trời và người lân cận. Đây là những mối quan hệ thiết yếu, và chúng ta không thể làm ngơ trước lời dạy dỗ của Chúa. Nhưng có một câu hỏi quan trọng hơn những câu hỏi nêu trên mà Chúa Giê-xu đã chất vấn kẻ nghịch lại Ngài.

### **Câu Hỏi Mang Tính Cách Cá Nhân: Về Đấng Mết-si-a**

*Ma-thi-ơ 22:41-46*

<sup>41</sup> Khi người Pha-ri-si nhóm nhau lại, thì Đức Chúa Jê-sus hỏi họ rằng: <sup>42</sup> Về Đấng Christ, các ngươi nghĩ thế nào? Ngài là con ai? Họ đáp rằng: Con vua Đa-vít. <sup>43</sup> Ngài đáp rằng: Vậy, vì cớ nào vua Đa-vít được Đức Thánh Linh cảm động, gọi Đấng Christ là Chúa, mà rằng:

<sup>44</sup> Chúa phán cùng Chúa tôi:

Hãy ngồi bên hữu ta,

Cho đến khi nào ta để kẻ thù nghịch ngươi dưới chân ngươi? <sup>45</sup> Vậy,

nếu vua Đa-vít xưng Ngài là Chúa, thì Ngài làm con vua ấy là thế nào? <sup>46</sup> Không ai thừa lại được một lời, và từ ngày đó, chẳng ai dám hỏi Ngài nữa.

Chúa Giê-xu không diễn đạt câu hỏi này giống như Ngài đã hỏi các môn đệ, “Còn các ngươi thì xưng Ta là ai?” (*Ma-thi-ơ* 16:15). Đã từng biện luận với Ngài nên những người này không đồng tình với mục đích của Ngài, họ cũng không thành thật trong việc thẩm định Ngài. Chúa Giê-xu phải gợi ý gián tiếp với kẻ chống đối Ngài. Ngài đưa ra vấn đề như một câu hỏi về thần học, trong khi đó lại là câu quan trọng nhất mà họ chưa bao giờ đề cập đến.

Ngài hỏi họ, “Về Đấng Christ, các ngươi nghĩ thế nào?” Là những học giả uyên bác về Luật Pháp, họ biết câu trả lời: “Ngài là Con Vua Đa-vít. “Nếu được hỏi, có thể họ đã liên hệ đến nhiều chương đoạn trong Kinh Thánh Cựu Ước bao gồm *II Sa-mu-ên* 7:12-13; *Thi Thiên* 78:68-72 và *Mi-chê* 5:2. Khi họ đã trả lời câu hỏi của Ngài, Chúa Giê-xu nêu tiếp câu hỏi thứ hai, câu hỏi này được trích trong *Thi Thiên* 110:1 - “Chúa (Đức Giê-hô-va) phán cùng Chúa tôi rằng: “Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi nào Ta để kẻ thù nghịch ngươi dưới chân ngươi”.

Mọi học giả Do Thái chính thống đều giải nghĩa câu Kinh Thánh này nhằm vào Đấng Mết-si-a. Chỉ có Đấng Mết-si-a mới có thể ngồi bên hữu Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu tin vào thần cảm và sự chính xác của Lời Kinh Thánh Cựu Ước, vì Ngài phán rằng Vua Đa-vít nói những lời này “theo sự cảm động của Chúa Thánh Linh” (*Ma-thi-ơ* 22:43). Không ai dám nghi ngờ về sự chính xác và uy quyền của nội dung câu Kinh Thánh trên.

Chúa Giê-xu hỏi, “Nếu Đấng Mết-si-a là Con Vua Đa-vít, thì làm thế nào Đấng Mết-si-a lại có thể làm Chúa của Vua Đa-vít được?” Chỉ có một cách giải đáp cho câu hỏi này. Vì là Đức Chúa Trời, Đấng Mết-si-a là Chúa của Vua Đa-vít; vì là con người, Ngài là con của Vua Đa-vít. Ngài là “chối và hậu tự của Đa-vít” (*Khải Thệ* 22:16). *Thi Thiên* 110:1 dạy chúng ta biết về thần tính và nhân tính của Đức Chúa Giê-xu. Ngài là Chúa của Vua Đa-vít đồng thời cũng là Con vua ấy.

Trong thời gian thi hành chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu thường chấp nhận tước hiệu “Con Vua Đa-vít” (xem *Ma-thi-ơ* 9:27; 12:23; 15:22; 20:30-31; 21:9,15). Các nhà lãnh đạo đã nghe đám đông tung hô Ngài là “Con Vua Đa-vít” khi Ngài cỡi lừa vào thành Giê-ru-sa-lem. Việc Ngài công nhận tước hiệu này là bằng chứng Chúa Giê-xu biết chính Ngài là Đấng Mết-si-a, Con Đức Chúa Trời. Là Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu là Chúa của Vua Đa-vít; nhưng là người, Ngài là con vua ấy, vì Ngài sinh ra trong dòng dõi Đa-vít (*Ma-thi-ơ* 1:1,20).

Trong thời ấy các học giả không phân biệt rõ ràng về Đấng Mết-si-a. Họ thấy hai hình ảnh về Đấng Mết-si-a trong Cựu Ước và họ không thể nào dung hòa được hai hình ảnh ấy. Một hình ảnh nói đến sự đau khổ của người đầy tớ, một hình ảnh khác nói đến một quân vương đắc thắng và đang trị vì. Có hai Đấng Mết-si-a sao? Làm thế nào tội tử của Đức Chúa Trời lại chịu đau đớn và bị chết được? (Xem *I Phi-e-rơ* 1:10-12).

Nếu chịu lắng nghe lời Chúa Giê-xu phán dạy, tất họ đã biết chỉ có một Đấng Mết-si-a. Với hai bản tính: thần tính và nhân tính. Vì gánh thay tội lỗi nhân thế Ngài chịu khổ và chết như một con sinh tể. Rồi Ngài đắc thắng sự chết và sống lại, và một ngày kia Ngài sẽ trở lại để chiến thắng kẻ thù nghịch Ngài. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo giáo hội có suy nghĩ riêng của mình, họ không muốn thay đổi quan điểm. Nếu nghe theo lời giảng dạy của Ngài, chắc chắn họ nhìn nhận Ngài là Đấng Christ nhưng đây là điều họ không sẵn lòng.

Kết quả là kẻ thù nghịch Ngài phải lạng thình trong cuộc đối thoại ngày hôm ấy. Họ không dám hỏi Ngài điều gì nữa, không phải vì họ đã tin vào lẽ thật, nhưng vì họ sợ phải đối diện với lẽ thật. “Họ không dám hỏi Ngài câu nào nữa” (*Lu-ca* 20:40). Nhưng họ cũng không có can đảm đối diện với chân lý để có hành động phù hợp.

Nhận biết Chúa Giê-xu Christ là vấn đề sinh tử. Chứng cứ đã rõ ràng cho tất cả mọi người xem xét. Có thể chúng ta cố chấp khi tìm hiểu các chứng cứ để rồi lạc mất chân lý. Hoặc chúng ta thành

tâm và khiêm nhường tra xét để rồi khám phá ra chân lý cứu rỗi, chúng ta tin nhận và được cứu. Các bậc lãnh đạo giáo hội bị mù loà nặng nề vì những truyền thống sai lầm, vì địa vị, và tấm lòng ích kỷ kiêu ngạo đến nỗi không thể - và sẽ không - nhìn thấy lẽ thật và tiếp nhận lẽ thật.

Ngày nay chúng ta không nên phạm phải sai lầm tương tự.

## Vua Lên Án

*Ma-thi-ơ 23*

Đây là sứ điệp cuối cùng Chúa rao giảng giữa vòng dân chúng với lời lên án nặng nề nhắm vào tôn giáo sai lầm được ngụy trang dưới lớp vỏ lễ thật. Rất có thể có một số thường dân sững sốt trước lời dạy của Ngài, vì họ xem người Pha-ri-si là những người mô phạm.

Có lẽ chúng ta nên tự nhắc nhở không phải tất cả người Pha-ri-si đều đạo đức giả. Vào thời đó có khoảng 6.000 người Pha-ri-si, có nhiều người là “môn đệ tin theo Chúa Giê-xu” nhưng không thường xuyên nhóm họp. Hầu hết người Pha-ri-si đều là những nhà buôn thuộc giai cấp trung lưu và rất có thể họ đã thành thật trong việc tìm kiếm chân lý và sự thánh sạch. Danh xưng “Pha-ri-si” xuất xứ từ một thuật ngữ có nghĩa “biệt riêng ra”. Người Pha-ri-si biệt lập với dân ngoại, tránh xa những người Do Thái “ô ướ” không làm theo Luật Pháp (đó là “hạng đầu thuế và người có tội” *Lu-ca 15:1-2*), và bất cứ người nào chống lại truyền thống lâu đời đang chi phối cuộc sống của họ.

Trong vòng phe Pha-ri-si có vài người thật sự tìm kiếm lẽ đạo

thuộc linh. Ni-cô-đem (*Giăng* 3:1-36; 7:50-53), Giô-sép người A-ri-ma-thê (*Giăng* 19:38), và một người không nêu tên được ghi lại trong *Mác* 12:32-34 đã kín đáo theo Chúa. Ngay cả Ga-ma-li-ên cũng bày tỏ lòng bao dung đối với Hội Thánh mới thành lập (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:34). Nhưng hầu hết người Pha-ri-si dùng tôn giáo của họ để tiến thân và thâu góp của cải vật chất. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu công kích họ. Hãy lưu ý ba phần trong sứ điệp này.

### Lời Giải Thích Cho Đoàn Dân

*Ma-thi-ơ* 23:1-12

<sup>1</sup> Bấy giờ Đức Chúa Jê-sus phán cùng dân chúng và môn đồ Ngài rằng: <sup>2</sup> Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đều ngồi trên ngôi của Môi-se. <sup>3</sup> Vậy, hãy làm và giữ theo mọi điều họ đã bảo các ngươi; nhưng đừng bắt chước việc làm của họ, vì họ nói mà không làm. <sup>4</sup> Bọn ấy buộc những gánh nặng khó chịu, để trên vai người ta, còn mình thì không muốn động ngón tay vào. <sup>5</sup> Họ làm việc gì cũng cố để cho người ta thấy, mang cái thẻ bài da cho rộng, xú cái tua áo cho dài; <sup>6</sup> ưa ngồi đầu trong đám tiệc, thích ngồi cao nhất trong nhà hội; <sup>7</sup> muốn người ta chào mình giữa chợ, và ứng người ta gọi mình bằng thầy! <sup>8</sup> Nhưng các ngươi đừng chịu người ta gọi mình bằng thầy; vì các ngươi chỉ có một Thầy, và các ngươi hết thầy đều là anh em. <sup>9</sup> Cũng đừng gọi người nào ở thế gian là cha mình; vì các ngươi chỉ có một Cha, là Đấng ở trên trời. <sup>10</sup> Cũng đừng chịu ai gọi mình là chủ; vì các ngươi chỉ có một Chủ, là Đấng Christ. <sup>11</sup> Song ai lớn hơn hết trong các ngươi, thì sẽ làm đầy tớ các ngươi. <sup>12</sup> Kẻ nào tôn mình lên thì sẽ bị hạ xuống, còn kẻ nào hạ mình xuống thì sẽ được tôn lên.

Trong phần này, Chúa Giê-xu giải thích những sai lầm cơ bản trong tôn giáo của người Pha-ri-si.

*Họ có khái niệm sai về sự công bình (Ma-thi-ơ 23:2-3).* Trước hết họ nắm lấy quyền hạn không thuộc về mình. “Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đều ngồi trên ngôi của Môi-se...”, bản dịch theo nghĩa đen. Trong Kinh Thánh không có chỗ nào chép Đức Chúa Trời ban cho nhóm người này bất cứ quyền hạn gì. Quyền hạn duy nhất họ có được là Lời Đức Chúa Trời. Vì vậy, dân chúng vâng theo mọi điều người Pha-ri-si giảng dạy qua Kinh Thánh.

Nhưng dân chúng không phải vâng theo các truyền thống tập tục và những luật lệ do con người đặt ra.

Đối với người Pha-ri-si, công bình có nghĩa là tuân theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời bằng hình thức bên ngoài.

Họ làm ngơ tình trạng thật bên trong lòng. Tôn giáo bao gồm việc vâng theo vô số điều luật chi phối mọi chi tiết của cuộc sống, bao gồm cả những gì bạn làm với những gia vị trong tử thức ăn của bạn (*Ma-thi-ơ* 23:23-24). Người Pha-ri-si cẩn thận trong lời nói lời và theo những nghi lễ chuẩn mực, nhưng trong lòng họ không vâng theo Luật Pháp. Đức Chúa Trời muốn sự chân thật nơi bề trong (*Thi Thiên* 51:6). Giảng dạy không đi đôi với thực hành chỉ là công việc giả dối.

*Họ có khái niệm sai lầm về chức vụ* (*Ma-thi-ơ* 23:4). Đối với họ, thi hành chức vụ có nghĩa là truyền luật lệ cho dân chúng và buộc thêm gánh nặng trên vai người ta. Nói cách khác, người Pha-ri-si đặt khó khăn trên người khác nhiều hơn trên chính họ. Chúa Giê-xu đến để cất đi gánh nặng của con người (*Ma-thi-ơ* 11:28-30), nhưng tôn giáo theo luật pháp luôn làm cho gánh nặng thêm bi đát hơn. Chúa Giê-xu chẳng hề đòi hỏi chúng ta làm bất cứ điều gì mà Ngài không làm trước. Người Pha-ri-si ra lệnh người khác làm, nhưng họ không tham gia vào. Họ là người chuyên quyền trong tôn giáo, chứ không phải là người dẫn dắt thuộc linh.

*Họ có khái niệm sai lầm về sự cao trọng* (*Ma-thi-ơ* 23:5-12). Theo họ, thành công là được mọi người nhận biết và kính trọng. Họ không quan tâm đến sự chấp nhận của Đức Chúa Trời. Họ dùng tôn giáo để gây ảnh hưởng, chứ không làm sáng danh Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 5:16). Điều này còn có nghĩa tôn giáo được dùng làm đồ trang sức để phô diễn lòng mộ đạo của họ. “Những hộp kinh của người Do Thái” là những chiếc hộp làm bằng da được người Pha-ri-si đặt các phần Kinh Thánh vào trong đó. Họ đeo các chiếc hộp ấy trên trán hoặc trên tay, theo như lời dạy trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:8; và 1:18. Họ cũng kéo dài thêm kích thước của “các tua” trên ché áo của họ ((*Dân Số Ký* 15:38; xem *Ma-thi-ơ* 9:20).

Người Pha-ri-si cũng cho rằng địa vị là một dấu chỉ về sự cao trọng, vì vậy họ tìm chỗ ngồi cao nhất trong nhà hội và tại các bữa ăn đông người. Chỗ ngồi không có liên quan gì đến bản thân người ngồi. Albert Einstein viết, “Đừng cố sức trở thành một người thành đạt, nhưng tốt hơn nên trở thành người có giá trị.”

Họ cũng nghĩ rằng các danh xưng cao quý là dấu hiệu của sự cao trọng. Tước hiệu “Ra-bi” có nghĩa là “người vĩ đại của tôi” và các nhà lãnh đạo giáo hội thêm thường danh xưng này. (Ngày nay nhiều bậc lãnh đạo giáo hội thích bằng tiến sĩ danh dự). Chúa Giê-xu cấm các môn đệ dùng danh xưng Ra-bi vì tất cả họ đều là anh em, và chỉ một mình Chúa Giê-xu là Thầy của họ mà thôi (“Chủ” trong câu 8). Giữa vòng con cái Đức Chúa Trời có sự bình đẳng về mặt thuộc linh, dưới quyền tể trị của Chúa Giê-xu Christ.

Chúa Giê-xu cũng cấm họ dùng danh xưng cha có liên hệ đến phạm vi thuộc linh. Xưng hô với người cha về phần xác bằng tên gọi ấy chắc chắn là điều không sai, nhưng gọi một nhà lãnh đạo thuộc linh là cha là điều sai. Thánh Phao-lô tự ám chỉ là ông là “người cha thuộc linh” vì ông đã dùng Phúc Âm mà sinh con cái Chúa trong Chúa Giê-xu Christ (*I Cô-rinh-tô* 4:15). Nhưng Phao lô không yêu cầu họ dùng thuật ngữ này để gọi ông.

Danh xưng thứ ba Chúa Giê-xu cấm sử dụng đó là Chủ (c.10), từ đó mang nghĩa “người hướng dẫn, người giáo huấn, người lãnh đạo.” Từ này không giống với từ được dịch là “Thầy” ở câu 8 trong bản King James. Chữ Thầy đó có nghĩa “người thầy”, trong khi chữ ở đây có nghĩa “người đi trước và hướng dẫn”. Có lẽ từ tương đương trong ngôn ngữ hiện đại là “thẩm quyền”. Đức Chúa Trời đã đặt để các bậc lãnh đạo trong Hội Thánh, nhưng họ không được thay thế Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta. Một người lãnh đạo thuộc linh thật trực tiếp đưa bầy chiên của mình vào tự do và mối tương giao mật thiết với Đấng Christ, chứ không đưa họ vào sự ràng buộc với ý tưởng và tín lý của mình.

Sự cao trọng thật nằm trong sự phục vụ người khác, chứ không buộc người ta phục vụ mình (*Giăng* 3:30; 13:12-17). Con người không tạo ra được sự cao trọng thật; nó chỉ đến từ Đức Chúa Trời

khi chúng ta vâng lời Ngài. Nếu chúng ta tự tôn mình lên, Đức Chúa Trời sẽ hạ chúng ta xuống. Nhưng nếu chúng ta tự hạ mình xuống, đến lúc thuận tiện Đức Chúa Trời sẽ nhắc chúng ta lên (*I Phi-e-rơ 5:6*).

### ***Quở Trách Người Pha-ri-si***

*Ma-thi-ơ 23: 13-16*

<sup>15</sup> Khốn cho các người, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả hình! Vì các người đi khắp dưới nước trên bộ để khuyên một người vào đạo mình; và khi đã khuyên được rồi, thì các người làm cho họ trở nên người địa ngục gấp hai các người.

<sup>16</sup> Khốn cho các người, là kẻ mù dẫn đường, các người nói rằng: Nếu người nào chỉ đèn thờ mà thề, thì không can chi; song chỉ vàng của đèn thờ mà thề, thì phải mắc lời thề ấy.

Chúng ta không nên đọc các lời quở trách này với ý nghĩ Chúa Giê-xu không kiểm chế nổi sự giận dữ. Quả thật Ngài có tức giận tội lỗi của họ, và những tội lỗi họ gây ra cho dân chúng. Nhưng thái độ của Ngài là nỗi đau buồn vì tội lỗi của người Pha-ri-si và vì họ đui mù không nhìn thấy lẽ thật của Đức Chúa Trời.

Có lẽ cách tốt nhất khi giải thích tám “lời quở trách” này là đối chiếu với tám phước lành chép trong *Ma-thi-ơ 5:1-12*. Trong *Bài Giảng Trên Núi*, Chúa mô tả sự công bình thật; trong phân đoạn này Ngài nói đến sự công bình giả.

*Vào Nước thiên đàng - đóng cửa Nước thiên đàng (23:13; 5:3)*. Người có lòng khó khăn vào Nước thiên đàng, nhưng kẻ có lòng kiêu ngạo không vào Nước thiên đàng và còn ngăn trở người khác nữa. Động từ trong tiếng Hy Lạp cho thấy con người đang cố công ngăn cấm người khác. Chính bạn không vào Nước Đức Chúa Trời là điều tệ hại nhưng khi bạn ngăn trở không cho người khác vào đó là điều tệ hại hơn.

Bằng cách dạy những lời truyền khẩu do con người đặt ra thay cho lẽ thật của Đức Chúa Trời, người Pha-ri-si “đã đoạt lấy chìa khóa của tri thức” và đóng cánh cửa đi vào sự cứu rỗi (*Lu-ca 11:52*).

Những kẻ than khóc được yên ủi - những kẻ phá hủy bị đoán phạt (*Ma-thi-ơ* 23:14; 5:4). Câu này không có chép trong sách *Ma-thi-ơ*, nhưng có chép trong Phúc Âm *Mác* 12:40 và *Lu-ca* 20:47. Thay vì than khóc cho tội lỗi của mình, và than khóc với các bà góa thiếu thốn, người Pha-ri-si lợi dụng dân chúng để cướp bóc. Họ dùng tôn giáo làm bình phong che đậy sự tham muốn (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:5).

*Người nhu mì hưởng được đất - kẻ kiêu ngạo quăng những linh hồn vào địa ngục* (*Ma-thi-ơ* 23:15; 5:5).

Người qui đạo là người cải tâm theo một tôn giáo. Người Pha-ri-si ra đi chinh phục người khác trở lại với hệ thống giáo luật của họ, nhưng không đem những người này đến với Đức Chúa Trời hằng sống. Thay vì cứu rỗi linh hồn, người Pha-ri-si kết án linh hồn!

“Đứa con của địa ngục” đồng nghĩa với “đứa con của quỷ”, đó là từ Chúa Giê-xu dùng để gọi người Pha-ri-si (*Giăng* 8:44; *Ma-thi-ơ* 12:34; 23:33). “Đứa con của ma quỷ” là người chối bỏ phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời (sự xưng công bình bởi đức tin nơi Đấng Christ). Con người này chỉ phô trương sự công bình riêng của mình tùy thuộc vào hệ thống tôn giáo. Người trở lại đạo thường thường tỏ ra hăng say hơn hẳn người hướng dẫn mình, nhưng sự “sùng đạo gấp đôi” này chỉ sinh ra án phạt gấp đôi. Thật là một thảm kịch khi người ta nghĩ rằng mình đang vào thiên đàng trong khi thực sự họ đang tiến dần vào sự hư mất!

*Đói khát sự công bình - tham lam lợi lộc* (*Ma-thi-ơ* 23:16-22; 5:6). “những người mù dẫn đường” là cách mô tả làm cho người nghe phải bật cười. Trước đây Chúa Giê-xu đã dùng cách mô tả này (*Ma-thi-ơ* 15:14). Người Pha-ri-si không thấy chân giá trị của sự sống. Họ đã lẫn lộn những ưu tiên trong đời sống của mình. Họ thề thốt và dùng vật thánh để chứng minh cho lời thề đó - chẳng hạn vàng trong đền thờ hoặc của lễ dâng trên bàn thờ. Nhưng họ không chỉ đền thờ hoặc bàn thờ để thề. Chính đền thờ làm cho vàng nên thánh và bàn thờ làm cho của lễ nên thánh. Họ đang để Đức Chúa Trời ra ngoài những ưu tiên trong đời sống.

Chúa Giê-xu biết rằng người Pha-ri-si muốn có cả vàng lẫn của lễ trên bàn thờ. Đây là lý do người Pha-ri-si thực hành luật “Co-ban” - bất kỳ vật gì dâng cho Đức Chúa Trời không thể đem cho người khác (*Mác 7:10-13; Ma-thi-ơ 15:1-9*). Họ không tìm kiếm sự công bình của Đức Chúa Trời mà chỉ ham lợi lộc vật chất. Họ triển khai một “hệ thống tôn giáo” cho phép họ ăn cắp những điều thuộc về Đức Chúa Trời và người khác mà vẫn giữ được thanh danh.

*Được thương xót - từ chối sự thương xót (23:23-24; 5:7)*. Người Pha-ri-si tập trung vào những điều nhỏ nhặt. Họ đặt ra các qui định cho mọi lãnh vực chi li trong cuộc sống, trong khi đó họ quên những điều quan trọng. Thường thường các thầy dạy luật là những người khắc khe đến từng chi tiết nhỏ nhặt, nhưng không nhìn thấy những nguyên tắc quan trọng. Đám đông này không nghĩ gì về việc lên án một người vô tội, tuy vậy họ lại sợ không dám đi vào trường án Phi-lát vì sợ bị ô uế (*Giăng 18:28*).

Không có thắc mắc nào nói lên rằng Kinh Thánh Cựu Ước đã đòi hỏi của dâng phần mười (*Lê-vi Ký 27:30; Phục Truyền Luật Lệ Ký 14:22*). Áp-ra-ham đã dâng phần mười từ lâu trước khi có luật lệ này (*Sáng Thế Ký 14:20*), và Gia-cốp theo gương ông nội mình (*Sáng Thế Ký 28:20-22*). Các nguyên tắc dâng hiến Cơ Đốc dưới thời ân sủng được chép trong *II Cô-rinh-tô 8:1-9:15*. Chúng ta không chỉ vui lòng dâng một phần mười, nhưng cũng muốn dâng cho Chúa với lòng đầy dẫy tình yêu Chúa.

Công lý, thương xót và thành tín là những phẩm chất quan trọng mà Đức Chúa Trời tìm kiếm, không thể thay thế bằng việc vâng theo các luật lệ. Lưu tâm đến các chi tiết là điều tốt, nhưng chúng ta đừng bao giờ đánh mất nhận thức về những ưu tiên trong lãnh vực thuộc linh. Chúa Giê-xu không lên án việc dâng phần mười, nhưng Ngài cáo trách những người để cho sự lo lắng về luật pháp ngăn trở họ không phát triển được đặc tính Cơ Đốc nhân thật.

*Lòng trong sạch - lòng dơ dáy (Ma-thi-ơ 23:25-28; 5:8)*. Chúa Giê-xu dùng hai hình ảnh minh họa: bát đĩa, và ngôi cổ mộ. Cả hai hình ảnh nói lên cùng một chân lý: Có thể bên ngoài sạch sẽ

nhưng bên trong lại dơ dáy. Hãy tưởng tượng chúng ta đang sử dụng những bát đĩa bị dơ! Bất cứ món gì bỏ vào trong đĩa hay chén cũng thành ra dơ nhớp. Người Pha-ri-si cẩn thận giữ bề ngoài rất sạch, bởi vì đó là phần con người nhìn thấy; và họ muốn mọi người khen ngợi. Nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng (*I Sa-mu-ên 16:7*). Khi Đức Chúa Trời nhìn người bề trong, Ngài thấy “sự tham nhũng và quá độ” (c.25, *TKHD*).

Người Do Thái cẩn thận không đụng đến xác chết hoặc bất cứ vật gì có liên quan đến người chết, vì họ sẽ bị ô uế (*Dân Số Ký 19:11*). Họ tô trắng mồ mả để ai đó khỏi tình cờ đụng phải, đặc biệt điều này được thực hiện tại kỳ lễ Vượt Qua. Quả thật là một hình ảnh giả nhân giả nghĩa: tô trắng thật sạch đẹp bên ngoài nhưng bên trong đầy dẫy xương người chết và mọi thứ dơ dáy!

Chúa chúng ta hứa, “Phước cho kẻ có lòng trong sạch”. “Khá cẩn thận giữ tấm lòng con hơn hết, vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra” (*Châm Ngôn 4:23*). Ông D.L. Moody thường nói, “Hãy trau dồi đức độ, tiếng tốt sẽ tự nhiên đến”. Người Pha-ri-si chỉ muốn có danh tiếng mà không sống đúng tư cách.

*Người hòa giải và chịu bắt bớ là con cái Đức Chúa Trời - những kẻ buộc tội người khác là con cái ma quỷ* (*Ma-thi-ơ 23:29-33; 5:9-12*). Khi Chúa Giê-xu gọi người Pha-ri-si là “loài rắn... dòng dõi rắn lục”, Ngài đang coi họ giống hệt quỷ Sa-tan là con rắn (*Sáng Thế Ký 3:1*). Trong thí dụ về cỏ lùng, Chúa Giê-xu phán rõ ràng quỷ Sa-tan có một gia đình (*Ma-thi-ơ 13:38*). Sa-tan là kẻ giết người và nói dối (*Giăng 8:44*), và con cái Sa-tan sống theo gương nó. Người Pha-ri-si là kẻ nói dối (*Ma-thi-ơ 23:30*) và giết người (*23:34*).

Đối với Pha-ri-si việc xây dựng và tô điểm mồ mả các người tử vì đạo là công việc theo tập tục. Nhưng chính “tổ phụ của họ” đã giết các thánh tử đạo! Dĩ nhiên không phải tổ tiên về phần xác của họ, nhưng “tổ tiên về phần thiêng liêng” - những kẻ giả nhân giả nghĩa trong các thời trước.

Trên thế giới luôn có tín hữu giả, bắt đầu là Ca-in (*Sáng Thế Ký 4:1-15; I Giăng 3:10-15*). Người Pha-ri-si và phe đảng của họ

phạm tội đổ huyết công bình vì cơ “tôn giáo”. Người tử đạo đầu tiên trong Thánh Kinh Cựu Ước là A-bên (*Sáng Thế Ký* 4:1-26), và thánh tử đạo sau cùng được ghi lại trong Cựu Ước là tiên tri Xa-cha-ri (*II Sử Ký* 24:20-22- Kinh Thánh của người Do Thái kết thúc bằng sách *Sử Ký* thứ nhì, chứ không phải sách *Ma-la-chi*.)

Quá trình lịch sử của tội giết người sẽ đem lại kết quả gì? Đó là cơn đoán phạt khủng khiếp! “Dòng dõi này” (“dòng dõi rấn lục”, *Ma-thi-ơ* 22:33) sẽ gánh chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khi chén tội ác đã đầy (*Ma-thi-ơ* 22:32, *Sáng Thế Ký* 15:16). Một vài cơn đoán phạt đã xảy ra khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, và các cơn đoán phạt còn lại sẽ được thi hành trong cõi đời đời.

Khi ôn lại các lời Chúa chúng ta quở trách, chúng ta có thể hiểu tại sao người Pha-ri-si là kẻ thù nghịch Ngài. Ngài coi trọng người bề trong, họ quan tâm người bề ngoài. Ngài dạy một nếp sống thuộc linh dựa trên các nguyên tắc đạo lý, trong khi đó người Pha-ri-si tập trung vào việc giữ các luật lệ và lễ nghi tôn giáo. Chúa Giê-xu đánh giá thuộc linh theo bản chất trong khi đó người Pha-ri-si đo lường mức độ thiêng liêng qua các hoạt động tôn giáo và sự tuân giữ các luật lệ mất thấy. Chúa Giê-xu dạy sống khiêm nhường và hy sinh phục vụ nhưng người Pha-ri-si kiêu ngạo và dùng người khác để hoàn thành mục đích riêng của họ. Đời sống thánh khiết của Chúa Giê-xu lột trần lòng sùng đạo giả tạo và tôn giáo hời hợt của họ. Thay vì ra khỏi chốn tối tăm, người Pha-ri-si tìm cách dập tắt Ánh Sáng; và họ đã thất bại.

### *Sự Than Khóc Về Giê-ru-sa-lem*

*Ma-thi-ơ* 23:37-39

<sup>37</sup> Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, người giết các đấng tiên tri và ném đá những kẻ chịu sai đến cùng ngươi, bao nhiêu lần ta muốn nhóm họp các con ngươi như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh, mà các ngươi chẳng khứng! <sup>38</sup> Nay, nhà các ngươi sẽ bỏ hoang! <sup>39</sup> Vì, ta bảo, các ngươi sẽ không thấy ta nữa, cho đến lúc các ngươi sẽ nói rằng: Phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến!

Chúa Giê-xu phán những lời đau thương này để bày tỏ lòng thương yêu thành thật của Ngài đối với thành Giê-ru-sa-lem, và Ngài đau xót vì họ đã bỏ qua nhiều cơ hội cứu rỗi. “Giê-ru-sa-lem” ám chỉ toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Các nhà lãnh đạo đất nước đã phạm tội triền miên chối bỏ sứ giả của Đức Chúa Trời, thậm chí họ còn giết một số sứ giả. Nhưng bởi hồng ân của Ngài, Chúa Giê-xu đã đến để nhóm họp dân chúng lại và cứu vớt họ.

“Ta muốn... các người chẳng khứng” là lời tóm tắt thảm kịch của sự chối bỏ lẽ thật sau cùng. Ở đây không có sự đối chất nào về quyền uy của Chúa và trách nhiệm của con người, cả hai đều được nói đến. Đức Chúa Trời không thể áp đặt sự cứu rỗi trên con người; Ngài cũng không thể thay đổi hậu quả của lòng cứng cõi vô tín của họ. “Các người không muốn đến cùng Ta để được sự sống” (*Giăng 5:40*).

Hình ảnh gà mẹ túc con mình lại ấp trong cánh là hình ảnh quen thuộc. Môi-se dùng hình ảnh ấy trong bài giảng tạm biệt (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:11*), các chỗ khác trong Cựu Ước cũng có nhắc đến hình ảnh này (*Ru-tơ 2:12; Thi Thiên 17:8; 36:7; 91:4*). Đó là bức tranh nói về lòng yêu thương, sự quan phòng và sẵn lòng chết thế để bảo vệ kẻ khác. Chúa Giê-xu đã chịu chết vì tội lỗi của thế gian, trong đó có dân tộc Y-sơ-ra-ên; nhưng “dân Ngài không chịu nhận lấy” (*Giăng 1:11*).

“Nhà các người” có thể nói đến cả đền thờ lẫn thành phố Giê-ru-sa-lem, cả hai đã bị quân xâm lược phá hủy vào năm 70 sau Chúa. Đền thờ là “Nhà của Ta” (*Ma-thi-ơ 21:13*, nhưng bây giờ nó bị hoang phế trống không. Chúa Giê-xu rời bỏ đền thờ và thành phố rồi đi ra lên núi Ô-li-ve (*24:1-3*).

Dẫu vậy, Chúa Giê-xu để lại cho dân tộc Do Thái một lời hứa: Một ngày kia Ngài sẽ trở lại, dân chúng sẽ thấy Ngài và hô “Đáng ngợi khen cho Đấng nhân danh Chúa mà đến!” Đây là lời trích từ *Thi Thiên 118:26*, lời *Thi Thiên* nói về Đấng Mết-si-a đó được nhắc lại nhiều lần trong tuần lễ cuối cùng của chức vụ Ngài. Đám đông đã hô to những lời chúc tụng này trong ngày Chúa Nhật Lễ Lá (*Ma-thi-ơ 21:9*).

Lời hứa này sẽ được ứng nghiệm khi nào? Đến ngày tận thế lúc Chúa Giê-xu Christ trở lại trần gian để giải phóng dân Y-sơ-ra-ên và đánh bại kẻ thù của họ (*Rô-ma* 11:25-27; *Xa-cha-ri* 12:1-14). Việc dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Vua sẽ không ngăn cản kế hoạch cứu rỗi lớn lao của Đức Chúa Trời. Thay vì thiết lập vương quốc vinh hiển của Ngài trên thế gian, Chúa Giê-xu lập Hội Thánh Ngài (*Ma-thi-ơ* 16:18; *Ê-phê-sô* 2:11-22). Khi công tác ấy hoàn tất, Ngài sẽ trở lại và đem Hội Thánh Ngài về trời (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18). Lúc ấy sẽ có giờ đoán phạt trên thế gian (“ngày của Chúa,” “thì giờ bối rối của Gia-cốp”), cuối thời kỳ đoán phạt Ngài sẽ trở lại giải cứu dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta đọc lời quở trách nặng nề này mà không thể không ngạc nhiên về lòng kiên nhẫn và sự nhân từ của Đức Chúa Trời. Không có quốc gia nào được ban phước như dân Y-sơ-ra-ên, tuy nhiên cũng không có đất nước nào lại phạm tội chống lại lòng nhân từ của Đức Chúa Trời cho bằng dân Y-sơ-ra-ên. Họ là con kênh lưu dẫn phước hạnh của Đức Chúa Trời đến cho thế gian, vì “sự cứu rỗi bởi người Giu-đa” (*Giăng* 4:22). Tuy nhiên họ đã trải qua nhiều đau khổ đắng cay trong thế gian này.

Chúa Giê-xu sinh ra là một người Giu-đa, và Ngài yêu thương dân tộc của Ngài. Là người ngoại bang chúng ta phải cảm ơn Đức Chúa Trời vì người Giu-đa, vì họ cho chúng ta lời chứng về một Đức Chúa Trời thật, họ cho chúng ta Kinh Thánh, và Chúa Giê-xu Christ, Đấng Cứu Thế. Giống như Chúa Giê-xu, chúng ta phải yêu thương người Giu-đa, tìm cách chinh phục họ trở lại cùng Chúa, cầu thay cho hòa bình của Giê-ru-sa-lem, và khích lệ bằng mọi cách chúng ta có thể làm được.

## Vua Trở Lại

### *Phần một*

(*Ma-thi-ơ 24:1 - 44*)

Bài giảng trên núi Ô-li-ve phát sinh một số câu hỏi mà các môn đệ nêu lên khi Chúa Giê-xu phán với họ rằng một ngày kia đền thờ sẽ bị phá hủy. Trước hết, họ muốn biết khi nào sự đó xảy ra. Lời giải đáp này không có ghi trong Phúc Âm *Ma-thi-ơ* nhưng có chép trong *Lu-ca 21:20-24*. Thứ hai, họ hỏi về dấu chỉ ngày Đấng Christ trở lại trần gian. Câu hỏi này được trả lời trong *Ma-thi-ơ 24:29-44*. Trong câu hỏi cuối, họ muốn biết về dấu chỉ ngày tận thế. Chúa Giê-xu trả lời vấn đề này trong *Ma-thi-ơ 24:4-28*.

Chúng ta phải nhớ rằng bài giảng này nằm trong khung cảnh người Do Thái. Chúa Giê-xu nói về xứ Giu-đê (24:16), ngày Sa-bát (24:20), và lời tiên tri trong Đa-ni-ên có liên quan đến dân tộc Do Thái (24:15). Lễ thật đầy trọn về phước hạnh Hội Thánh vui hưởng (*ITê-sa-lô-ni-ca 4:13-18; I Cô-rinh-tô 15:51*) chưa được bày tỏ vì đó là sự mầu nhiệm (*Ê-phê-sô 3:1-12*).

*Ma-thi-ơ 24:1-44*; cho biết Chúa chúng ta đang bàn luận những sự kiện sẽ xảy ra trên thế gian trong suốt kỳ Đại Nạn. (Xem 24:8, nơi “sự đau đớn khi sinh nở” là biểu tượng về thời kỳ Đại Nạn; và

cũng xem các câu 21,29). Sau khi Hội Thánh được cất lên khỏi thế gian, sẽ có một thời gian “bình hòa và an ổn” (*ITê-sa-lô-ni-ca* 5:1-4) theo sau đó là thời kỳ khổ nạn kinh khiếp. Nhiều học giả Thánh Kinh tin rằng thời kỳ này sẽ kéo dài trong bảy năm (*Dân Số Ký* 9:24-27). Chính Chúa Giê-xu đã mô tả thời kỳ “đại nạn” này trong bài giảng trên núi Ô-li-ve. Cuối thời kỳ ấy, Chúa Giê-xu sẽ trở lại trần gian, đánh bại kẻ thù của Ngài, và thiết lập vương quốc theo lời hứa.

Chúa Giê-xu giải thích ba giai đoạn khác nhau trong kỳ Đại Nạn.

### Bắt Đầu Cơ Đại Nạn

*Ma-thi-ơ* 24: 1-14

<sup>1</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus ra khỏi đền thờ, đương đi, thì môn đồ đến gần để chỉ cho Ngài xem các nhà thuộc về đền thờ. <sup>2</sup> Ngài phán rằng: Các người có thấy mọi điều đó chăng? Quả thật, ta nói cùng các người, đây sẽ không còn một hòn đá nào chống trên một hòn khác mà không bị đổ xuống.

<sup>3</sup> Ngài đương ngồi trên núi Ô-li-ve, môn đồ tới riêng cùng Ngài, và nói rằng: Xin Chúa phán cho chúng tôi biết lúc nào những sự đó sẽ xảy ra? Và có điềm gì chỉ về sự Chúa đến và tận thế. <sup>4</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hãy giữ, kẻo có kẻ dỗ dành các người. <sup>5</sup> Vì nhiều người sẽ mạo danh ta đến mà nói rằng: Ta là Đấng Christ; và sẽ dỗ dành nhiều người. <sup>6</sup> Các người sẽ nghe nói về giặc và tiếng đồn về giặc: Hãy giữ mình, đừng bối rối, vì những sự ấy phải đến; song chưa là cuối cùng đâu. <sup>7</sup> Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; nhiều chỗ sẽ có đói kém và động đất. <sup>8</sup> Song mọi điều đó chỉ là đầu sự tai hại. <sup>9</sup> Bấy giờ, người ta sẽ nộp các người trong sự hoạn nạn và giết đi; các người sẽ bị mọi dân ghen ghét vì danh ta. <sup>10</sup> Khi ấy cũng có nhiều kẻ sẽ sa vào chước cám dỗ, phản nghịch nhau, và ghen ghét nhau. <sup>11</sup> Nhiều tiên tri giả sẽ nổi lên và dỗ dành lắm kẻ. <sup>12</sup> Lại vì cơ tội ác sẽ thêm nhiều, thì lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lẩn. <sup>13</sup> Nhưng kẻ nào bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu. <sup>14</sup> Tin Lành nầy về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến.

Các biến cố mô tả trong phần này là “đầu sự tai hại” (*Ma-thi-ơ* 24:8). Hình ảnh của một phụ nữ trong cơn sinh nở là bức tranh của kỳ Đại Nạn (*ITê-sa-lô-ni-ca* 5:5; *Ê-phê-sô* 13:6-11). Chúng ta

hãy xem xét một số biến cố quan trọng xảy ra trong giai đoạn bắt đầu cơn Đại Nạn.

*Mạo danh tôn giáo (Ma-thi-ơ 24:4-5)*. Dân Do Thái thường bị các tiên tri giả và Đấng Christ giả dẫn dắt sai lạc. Người cỡi trên con ngựa bạch chép trong *Khải Thị* 6:1-12 là *Kẻ dịch lại* Đấng Christ, con người độc tài nắm quyền thế giới sẽ dẫn các dân tộc đi sai lạc. Người bắt đầu sự nghiệp của mình bằng cách kiến tạo hòa bình, ký một giao ước với dân Y-sơ-ra-ên để bảo vệ dân tộc ấy thoát khỏi kẻ thù (*Dân Số Ký* 9:27). Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đón chào người này như là vị cứu tinh vĩ đại (*Giăng* 5: 43).

*Chiến tranh (Ma-thi-ơ 24:6)*. Hãy lưu ý rằng giặc giã không phải là dấu chỉ về ngày cuối cùng. Trên thế giới luôn luôn có chiến tranh xảy ra, và sẽ kéo dài cho đến ngày cuối cùng. Chiến tranh không báo cho chúng ta biết ngày tận thế và sự trở lại của Chúa chúng ta.

*Đói kém (24:7a)*. Chiến tranh và đói kém thường đi đôi với nhau. *Khải Thị* 6:6 cho thấy các loại lương thực chính có giá khá đắt, vì một “xu” là lương của một ngày làm công.

*Chết chóc (Ma-thi-ơ 24:7b-8)*. Động đất tạo ra đói kém, và cả hai là nguyên nhân gây ra dịch bệnh cướp đi mạng sống của nhiều người.

*Tử vì đạo (24:9)*. Cơ Đốc nhân luôn bị thế gian ghen ghét, nhưng ở đây chúng ta thấy sự bất bớ và giết hại gia tăng hơn trước. Mọi dân tộc đều sẽ tham gia vào sự bách hại. Chắc chắn điều này không thực sự xảy ra trong Hội Thánh đầu tiên.

*Loạn lạc khắp thế giới (24:10 -13)*. Những người đã từng tin cậy nhau sẽ phản bội nhau. Điều này cho thấy hôn nhân, gia đình, và các dân tộc sẽ bị xé nát tang thương vì thiếu mất lòng trung thành. Tội ác sẽ thêm nhiều (24:12), vì thậm chí sự can thiệp mạnh mẽ của luật pháp cũng sẽ không thể nào giữ được hòa bình. Câu 24:13 không có liên quan gì đến sự cứu rỗi cá nhân trong thời ân sủng hiện nay. “Sự cuối cùng” không có nghĩa kết thúc cuộc sống này; nó nói đến ngày chung kết của thời đại (24:14). Các Cơ Đốc nhân còn ở thế gian trong suốt thời kỳ bách hại ấy, bền lòng

giữ đức tin, sẽ được cứu khi Chúa trở lại trần gian trong ngày cuối cùng để giải cứu họ.

*Tin lành rao giảng khắp đất (24:14).* *Khải Thị 7:1-8* dạy rằng Đức Chúa Trời sẽ chọn lựa và đóng ấn 144.000 nhà truyền đạo Do Thái, là những người sẽ đem Phúc Âm của Nước thiên đàng rao giảng khắp thế gian. Câu Kinh Thánh không dạy rằng Phúc Âm của ân sủng Đức Chúa Trời phải được lan truyền đến mọi quốc gia trước khi Chúa Giê-xu có thể trở lại cất Hội Thánh Ngài lên không trung với Ngài. Chính sự tái lâm của Chúa vào cuối thời đại được đề cập đến ở đây.

### Giữa Cơn Đại Nạn

*Ma-thi-ơ 24:15-22*

<sup>15</sup> Khi các người sẽ thấy sự gồm giếc tàn nát lập ra trong nơi thánh, mà đáng tiên tri Đa-ni-ên đã nói (ai đọc phải để ý), <sup>16</sup> thì ai ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi; <sup>17</sup> ai ở trên mái nhà, đừng xuống chuyên của cải trong nhà; <sup>18</sup> và ai ở ngoài ruộng, đừng trở về lấy áo mình. <sup>19</sup> Đang lúc đó, khốn khó thay cho đàn bà có mang, và đàn bà cho con bú! <sup>20</sup> Hãy cầu nguyện cho các người khỏi trốn tránh nhằm lúc mùa đông hay là ngày Sa-bát; <sup>21</sup> vì lúc ấy sẽ có hoạn nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa. <sup>22</sup> Nếu những ngày ấy không giảm bớt, thì chẳng có một người nào được cứu; song vì cơ các người được chọn, thì những ngày ấy sẽ giảm bớt.

Thời điểm giữa kỳ Đại Nạn là giai đoạn quan trọng nhất, vì lúc ấy có một biến cố sẽ xảy ra đã được tiên tri Đa-ni-ên tiên báo cách đây nhiều thế kỷ (*Đa-ni-ên 9:24-27*). Xin lưu ý lời tiên tri này chỉ nói đến người Do Thái và thành Giê-ru-sa-lem (“dân người và... thành thánh người,” *Ma-thi-ơ 24:24*). Ứng dụng lời tiên tri này vào Hội Thánh hoặc bất cứ dân tộc nào hoặc nơi nào là hiểu sai lời Đức Chúa Trời.

Lời tiên tri nói đến bảy mươi tuần lễ và theo tiếng Hê-bơ-rơ chữ “tuần lễ” có nghĩa “tuần năm” hoặc bảy năm. Bảy mươi lần bảy tương đương với 49 năm. Nhưng thời gian 490 năm này bị phân chia thành ba phần:

(1) Trong suốt bảy tuần lễ (49 năm) thành phố Giê-ru-sa-lem sẽ được xây sửa lại và sự thờ phượng được tái lập.

(2) Sau 62 tuần lễ (434 năm) Đấng Mết-si-a sẽ đến thành Giê-ru-sa-lem và chịu chết thay tội lỗi của thế gian.

(3) Một vua sẽ ký hiệp ước với dân Do Thái trong một tuần lễ (bảy năm) để bảo vệ họ thoát khỏi kẻ thù.

Vua Si-ru đã ban chiếu chỉ xây dựng lại thành Giê-ru-sa-lem năm 445 TC. (*II Sử Ký* 36:22-23; *Ê-xơ-ra* 1:1-11). Thành phố được xây lại trong thời gian khó khăn. Trong tác phẩm cổ điển *The Coming Prince* (tạm dịch *Vua Sắp Đến*) (nhà xuất bản Kregel năm 1975), tác giả Robert Anderson chứng minh chính xác rằng có 482 năm tiên tri (mỗi năm gồm có 360 ngày) giữa thời gian ra chiếu chỉ xây dựng thành Giê-ru-sa-lem đến ngày Chúa Giê-xu cỡi lừa vào thành Giê-ru-sa-lem như là một Vị Vua.

Nhưng chúng ta phải giải thích tuần lễ bảy năm còn lại. Tuần lễ ấy nhằm vào thời gian nào? Hãy chú ý cùng một thành phố được xây dựng cũng sẽ bị phá hủy bởi “đân của vua hầu đến” (*Đa-ni-ên* 9:26), tức là người La Mã. (“Vua hầu đến” là danh xưng của Kẻ Địch Lại Đấng Christ.) Biến cố này xảy ra vào năm 70 sau Chúa. Nhưng dân Do Thái sẽ được tự do và thành phố được xây dựng trở lại. Vì một ngày nào đó trong tương lai, vua hầu đến (Kẻ Địch Lại Đấng Christ) sẽ ký giao ước với dân Do Thái trong bảy năm. Đây là thời kỳ thích hợp cho “tuần lễ” bị mất. Người sẽ lập giao ước bảo vệ họ khỏi mọi kẻ thù và cho phép họ xây dựng lại đền thờ. (*Đa-ni-ên* 9:27 nói về sự lập lại việc dâng của lễ, và điều này đòi hỏi phải có đền thờ).

Thời kỳ thích hợp cho giai đoạn bảy năm này là sau khi Hội Thánh được cất lên. “Thời kỳ khó khăn của Gia-cốp”, là thời Đại Nạn sẽ kéo dài bảy năm. *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:1-12 cho thấy rằng Kẻ Địch Lại Đấng Christ không thể xuất hiện cho đến khi Đấng Ngăn Trở nó đi khỏi. Đấng Ngăn Trở đó là Đức Thánh Linh ngự giữa Hội Thánh. Một khi Hội Thánh được cất khỏi thế gian, lúc ấy quỷ Sa-tan có thể ra tay và tạo nên Đấng Christ giả. Người sẽ lập giao ước trong bảy năm, nhưng sau ba năm rưỡi (“vào giữa tuần

lễ”) người sẽ phá bỏ giao ước đó. Kế đó chính người sẽ tiến vào đền thờ dân Do Thái và tự xưng là Đức Chúa Trời (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:3-4; *Khải Thị* 13:1-18).

Kẻ Địch Lại Đấng Christ sẽ tự dựng lên một hình tượng sống và đặt vào trong đền thờ, đồng bọn của người (tiên tri giả, *Khải Thị* 20:10) sẽ khiến toàn thế gian thờ lạy tượng ấy. Quỷ Sa-tan luôn muốn thế gian thờ lạy nó, và người ta sẽ thờ lạy nó vào giữa kỳ Đại Nạn (*Ma-thi-ơ* 4:8-11). Chúa Giê-xu gọi hình tượng này là “sự gớm ghiếc tàn nát”(24:15, Đa-ni-ên 9:27).

Có mấy chữ rất thú vị được chép ở cuối *Ma-thi-ơ* 24:15 - “ai đọc phải để ý”. Mấy chữ nói này cho thấy rằng những điều Chúa Giê-xu phán dặn có ý nghĩa lớn lao cho người đọc Phúc Âm *Ma-thi-ơ* trong ngày cuối rốt đời này. Qua việc đọc sách tiên tri *Đa-ni-ên* và lời phán dạy của Chúa Giê-xu, các Cơ Đốc nhân sẽ hiểu được các biến cố và biết phải làm điều gì. Đây là một bằng chứng khác cho thấy *Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve* ứng dụng cho con người trong kỳ Đại Nạn.

Các học giả nghiên cứu lời tiên tri đã suy đoán tại sao Kẻ Địch Lại Đấng Christ phá bỏ giao ước với dân Do Thái sau ba năm rưỡi. Người ta cho rằng người Nga xâm lăng Y-sơ-ra-ên, được báo trước trong *Ê-xê-chi-ên* 38:1-39:29, sẽ xảy ra vào thời điểm ấy. Chắc chắn dân Y-sơ-ra-ên sẽ thanh thản và cư ngụ an ổn vào thời gian ấy, vì được Đấng Christ giả che chở bảo vệ (*Ê-xê-chi-ên* 38:11). Vào lúc đó, Christ giả sẽ cai trị liên minh 10 quốc gia, “Hợp Chúng Quốc Châu Âu” (*Khải Thị* 17:12-13). Dĩ nhiên, nước Nga sẽ bị đánh bại hoàn toàn, không phải do dân Y-sơ-ra-ên, nhưng bởi Đức Chúa Trời Toàn Năng. Khi Christ giả thấy rằng kẻ thù vĩ đại của người là nước Nga bị đánh bại, người sẽ nhân cơ hội tiến vào thành Giê-ru-sa-lem, phá bỏ giao ước và chiếm lấy đền thờ. Người đọc lời tiên tri này trong ngày cuối cùng sẽ biết phải làm điều gì: Hãy rời khỏi xứ Giu-đê! Những lời dạy dỗ này giống như lời đã chép trong *Lu-ca* 21:20, nhưng chúng ám chỉ đến một thời điểm khác. Lời dạy dỗ chép trong sách *Lu-ca* ứng với cuộc vây hãm thành Giê-ru-sa-lem năm 70 SC, và “dấu hiệu” đó là các đội quân

đóng trại quanh thành phố. Lời dạy dỗ trong sách *Ma-thi-ơ* ứng với Cơ Đốc nhân người Do Thái ở giữa kỳ Đại Nạn, và “dấu hiệu” đền thờ bị ô uế bởi hình ảnh Kẻ Địch Lại Đấng Christ. Những người đã nhầm lẫn hai “sự kiện” ấy sau cùng đã tin rằng Chúa Giê-xu Christ đã trở lại vào năm 70 sau Chúa!

Toàn phân đoạn này chỉ nói đến người Do Thái, vì không có người tin Chúa nào lo âu về việc phạm luật ngày Sa-bát. Biến cố này dẫn vào “Cơn Đại Nạn”, vào nửa cuối tuần lễ thứ 70 chép trong sách *Đa-ni-ên* lúc cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống thế gian. Trong suốt ba năm rưỡi đầu của kỳ Đại Nạn, sự đoán phạt tự nhiên xảy ra: chiến tranh, đói kém, động đất, v.v. Nhưng trong ba năm rưỡi sau đó sẽ là sự đoán phạt siêu nhiên và khủng khiếp hơn.

Trong suốt thời kỳ này, Đức Chúa Trời sẽ chăm sóc những người Ngài lựa chọn (*Ma-thi-ơ* 24:22), đó là người Giu-đa và dân ngoại bang đã tin đạo và được đổi mới. “Người được lựa chọn” ở đây không phải ám chỉ đến Hội Thánh vì lúc ấy Hội Thánh đã được cất lên ít nhất trước thời gian ba năm rưỡi.

## Cuối Cơn Đại Nạn

*Ma-thi-ơ* 24:23-44

<sup>23</sup> Khi ấy, nếu có ai nói với các người rằng: Kia, Đấng Christ ở đây, hay là: Ở đó, thì đừng tin. <sup>24</sup> Vì nhiều christ giả và tiên tri giả sẽ dấy lên, làm những dấu lớn, phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng đến dỗ dành chính những người được chọn. <sup>25</sup> Này, ta đã bảo trước cho các người. <sup>26</sup> Vậy nếu người ta nói với các người rằng: Này, Ngài ở trong đồng vắng, thì đừng đi đến; này, Ngài ở trong nhà, thì đừng tin. <sup>27</sup> Vì như chớp phát ra từ phương đông, nháng đến phương tây, thì sự Con Người đến sẽ cũng thế ấy.

<sup>28</sup> Nơi nào có xác chết, thì những chim ó sẽ nhóm tại đó.

<sup>29</sup> Sự tai nạn của những ngày đó vừa mới qua, thì mặt trời liền tối tăm, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống, và thế lực của các tầng trời rung động. <sup>30</sup> Khi ấy, diêm Con Người sẽ hiện ra ở trên trời, mọi dân tộc dưới đất sẽ đấm ngực, và thấy Con Người lấy đại quyền đại vinh ngự trên mây trời mà xuống. <sup>31</sup> Ngài sẽ sai thiên sứ mình dùng tiếng kèn rất lớn mà nhóm lại những kẻ đã được lựa chọn của Ngài ở khắp bốn phương, từ cuối phương trời này cho đến tận phương kia.

<sup>32</sup> Hãy nghe lời ví dụ về cây vả, vừa lúc nhành non, lá mới đâm, thì các người biết mùa hạ gần tới. <sup>33</sup> Cũng vậy, khi các người thấy mọi điều ấy, khá biết rằng Con Người gần đến, Ngài đương ở trước cửa. <sup>34</sup> Quả thật, ta nói cùng các người, đòng dôi nẩy chẳng qua trước khi mọi điều kia chưa xảy đến. <sup>35</sup> Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi.

<sup>36</sup> Về ngày và giờ đó, chẳng có ai biết chi cả, thiên sứ trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một mình Cha biết mà thôi. <sup>37</sup> Trong đời Nô-ê thế nào, khi Con Người đến cũng thế ấy. <sup>38</sup> Vì trong những ngày trước nước lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả như thường cho đến ngày Nô-ê vào tàu, — <sup>39</sup> và người ta không ngờ chi hết cho đến khi nước lụt tới mà đùa đem đi hết thảy, — khi Con Người đến cũng như vậy. <sup>40</sup> Lúc ấy, sẽ có hai người nam ở trong một đồng ruộng, một người được đem đi, còn một người bị để lại; <sup>41</sup> và có hai người nữ đương xay cối, một người được đem đi, còn một người bị để lại. <sup>42</sup> Vậy hãy tỉnh thức, vì các người không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến.

<sup>43</sup> Hãy biết rõ, nếu người chủ nhà đã hay canh nào kẻ trộm sẽ đến, thì tỉnh thức, không để cho đào ngạch nhà mình. <sup>44</sup> Vậy thì các người cũng hãy चुc cho sẵn, vì Con Người sẽ đến trong giờ các người không ngờ.

Tình trạng của thế gian tồi tệ đến nỗi con người gần như mất hết hy vọng, và điều này tạo cho Christ giả cơ hội dễ dàng nhiều người. Quỷ Sa-tan có khả năng làm “những việc kỳ giả dối” (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9-12; *Khải Thị* 13:13-14). Việc một lãnh đạo tôn giáo làm các phép lạ không bảo đảm cho chúng ta biết ông ta thuộc về Đức Chúa Trời. Nhiều người Do Thái sẽ bị phỉnh dối, vì “người Do Thái đòi hỏi dấu hiệu” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Chúa Giê-xu làm những dấu lạ thật trong danh của Cha Ngài, nhưng dân Do Thái đã chối bỏ không nhận lấy Ngài (*Giăng* 12:37). Họ chấp nhận dấu kỳ phép lạ của Sa-tan.

Câu *Ma-thi-ơ* 24:27 cho thấy rằng Chúa Giê-xu sẽ thành linh trở lại thế gian, giống như chớp nhoáng. Sự kiện xảy ra trước ngày Ngài trở lại là các nước ngoại bang tập hợp tại Ha-ma-ghê-đôn (*Khải Thị* 16:13-6; 19:11). Các chim ó bay quanh các xác chết tạo nên bức tranh chết chóc khủng khiếp do hậu quả của trận chiến lớn này (*Khải Thị* 19:17-19). Những đổi thay trong vũ trụ được nhắc đến trong *Ma-thi-ơ* 24:29 xảy ra trước ngày tái lâm của Chúa Giê-xu Christ.

Chúng ta không được Kinh Thánh cho biết “điềm Con Người sẽ hiện ra ở trên trời” là gì, nhưng lúc ấy con người sống trên thế gian sẽ nhận ra. Khi Chúa Giê-xu đến với Hội Thánh, Ngài sẽ ngự nơi không trung và con cái Ngài sẽ được cất lên gặp Ngài tại không trung (*ITê-sa-lô-ni-ca* 4:17). Nhưng lần hiện đến của Chúa chúng ta vào cuối kỳ Đại Nạn sẽ là một sự kiện trọng đại, mọi mắt sẽ trông thấy Ngài (*Khải Thị* 1:7).

Sự kiện này có ý nghĩa đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu sẽ trở lại vào giờ dân Y-sơ-ra-ên sắp bị quân ngoại bang đánh bại (*Xa-cha-ri* 12:1-14). Ngài sẽ giải cứu dân Ngài, họ sẽ trông thấy Ngài và nhận biết Ngài là Đấng Mết-si-a của họ (*Xa-cha-ri* 12:9-14). Sẽ có sự ăn năn, rửa sạch, và trở lại trong cả đất nước dưới lãnh đạo nhân từ của Đấng Mết-si-a.

Chúng ta không nên lẫn lộn tiếng kèn trong *Ma-thi-ơ* 24:31 với “tiếng kèn của Đức Chúa Trời” được chép trong *I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:16. “Những kẻ Ngài chọn” chép trong *Ma-thi-ơ* 24:31 ám chỉ dân cư trên đất, cả Do Thái và ngoại bang, những người đã tin nhận Đấng Christ và được cứu rỗi. Trong Kinh Thánh Cựu Ước, các hoạt động của dân Y-sơ-ra-ên đều được thông báo bằng tiếng kèn (*Dân Số Ký* 10:1-36; *Giô-suê* 2:1). Y-sơ-ra-ên là một dân bị tản lạc trong nhiều thế kỷ. Thiên sứ sẽ dùng tiếng kèn để nhóm họp dân Y-sơ-ra-ên như các thầy tế lễ đã làm trong thời Cựu Ước (*Lê-vi Ký* 23:23-25).

Các học giả nghiên cứu lời tiên tri không đồng ý về tất cả chi tiết của các sự kiện xảy ra trong tương lai. Bảng tóm lược dưới đây là sự trình bày theo thứ tự các sự kiện phù hợp mà nhiều học giả tin cậy:

1. Hội Thánh được cất lên (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18; *I Cô-rinh-tô* 15:51-58). Điều này có thể xảy ra bất cứ lúc nào.
2. Người đứng đầu của 10 nước Châu Âu ký một hiệp ước 7 năm với dân Y-sơ-ra-ên (*Đa-ni-ên* 9:26-27).
3. Sau ba năm rưỡi, người hủy bỏ hiệp ước ấy (*Đa-ni-ên* 9:27).
4. Người tiến về thành Giê-ru-sa-lem và lập hình tượng người trong đền thờ (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:3-4; *Khải Thị* 13:1-18).

5. Kẻ Địch Lại Đấng Christ bắt đầu cai trị thế giới và buộc mọi dân cư trên đất phải thờ lạy và vâng lời mình. Lúc ấy Đức Chúa Trời giáng cơn Đại Nạn xuống thế gian (*Ma-thi-ơ* 24:21).

6. Các quốc gia nhóm hiệp tại Ha-ma-ghe-đôn để đánh nhau với Kẻ Địch Lại Đấng Christ và dân Y-sơ-ra-ên, nhưng khi thấy dấu hiệu Đấng Christ trở lại, chúng liên minh chống lại Ngài (*Xa-cha-ri* 12:1-14; *Khải Thị* 13:13-14; 19:11).

7. Chúa Giê-xu trở lại trần gian, chiến thắng kẻ thù, được người Do Thái tiếp nhận và Ngài thiết lập vương quốc của Ngài trên đất (*Khải Thị* 19:11; *Xa-cha-ri* 12:7-13:1). Ngài sẽ trị vì trên thế gian 1.000 năm (*Khải Thị* 20:1-5).

Mục đích của lời tiên tri không nhằm để thỏa mãn trí tò mò, nhưng để khích lệ các thánh đồ. Chúa Giê-xu kết thúc bài giảng của Ngài bằng ba lời khuyên bảo cụ thể, xoay quanh ba hình ảnh minh họa: cây vả, Nô-ê, và kẻ trộm ban đêm. Câu *Ma-thi-ơ* 24:36 nói rõ không ai biết ngày và giờ Chúa trở lại. Nhưng họ có thể biết được diễn biến của các sự kiện và không đến nỗi kinh ngạc.

*Cây vả* (c.32-35). *Lu-ca* 21:29 chép, “Hãy xem cây vả và các cây khác”. Trong Kinh Thánh cây vả thường là hình ảnh dân Y-sơ-ra-ên (*Lu-ca* 13:6-10; *Ô-sê* 9:10) và các cây khác là hình ảnh các nước trên thế giới. Có thể Chúa chúng ta gợi ý rằng chủ nghĩa dân tộc được gia tăng là một trong những dấu hiệu ngày cuối cùng. Chắc chắn các sự kiện trong tương lai bao trùm trước mắt họ. “Và khi các việc đó khởi xảy đến...” (*Lu-ca* 21:28a) cho thấy rằng một dấu hiệu không cần phải xảy ra hoàn toàn trước khi nó trở thành quan trọng đối với con cái Đức Chúa Trời.

Cây nứt chồi non chứng tỏ mùa hạ gần tới. Khởi đầu các dấu hiệu này cho thấy ngày của Chúa đã đến gần. Vào lúc ấy thế hệ còn sống trên thế gian sẽ chứng kiến các sự kiện này xảy ra. Thế hệ chúng ta thấy điềm báo trước của những dấu hiệu này. Chúng ta không tìm kiếm các dấu hiệu như thế nhưng tìm kiếm Đấng Cứu Chuộc (*Phi-líp* 3:20). Chúa Giê-xu có thể trở lại với Hội Thánh bất cứ lúc nào.

*Thời Nô-ê* (*Ma-thi-ơ* 24:36-42). Điểm nhấn mạnh ở đây là con

người không biết ngày nào cơn đoán phạt sẽ xảy ra. Nô-ê và gia đình ở trong tàu là bức tranh bảo vệ kỳ diệu của Đức Chúa Trời dành cho dân Y-sơ-ra-ên trong suốt thời tăm tối của cơn Đại Nạn. (Hê-nóc là hình ảnh Hội Thánh được cất lên trước cơn Đại Nạn (*Sáng Thế Ký* 5:21-24; *Hê-bơ-rơ* 11:5; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:1-10; 1:10).

Điều gì đã ngăn trở con người không nghe theo lời rao giảng của Nô-ê? Vì những lợi ích bình thường của cuộc sống - ăn, uống, cưới, gả. Họ đã đánh mất điều tốt nhất vì sống theo vật chất. Để cho mưu cầu vật chất cuốn hút đến nỗi chúng ta quên ngày Chúa Giê-xu trở lại là điều vô cùng nguy hiểm.

Động từ “được đem đi” trong *Ma-thi-ơ* 24: 39-41 có nghĩa “được cất khỏi trong cơn đoán phạt”. Đừng áp dụng các câu Kinh Thánh này cho việc Hội Thánh được cất lên để con cái Đức Chúa Trời được gặp Ngài tại nơi không trung. Trong suốt cơn Đại Nạn, sự phân rẽ sẽ xảy ra: Một số người sẽ bỏ mạng trong cơn hình phạt (được đem đi khỏi), trong khi những người khác còn lại đi vào nước vinh hiển. Cách dùng từ “đưa đem đi hết thủy” trong 24:39 làm rõ nghĩa cho sự kiện này.

*Kẻ trộm ban đêm* (24:42-44). Chúa Giê-xu dùng Nô-ê để cảnh báo rằng con người sẽ không biết ngày, và Ngài dùng hình ảnh tên trộm để nhắc nhở rằng họ sẽ không biết giờ nào Chúa mình sẽ đến. Sau khi Hội Thánh được cất lên, sẽ có thời gian hòa bình và an ổn trên đất (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:1). Sau đó cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời thành linh đổ xuống (*II Phi-e-rơ* 3:10).

Người còn sống trên thế gian trong suốt cơn Đại Nạn sẽ có thể giải thích ý nghĩa các sự kiện thông qua Kinh Thánh; nhưng họ không thể tính chính xác ngày giờ Đấng Christ trở lại. Thêm vào đó những ngày tai họa sẽ được “rút ngắn lại... vì con dân Chúa” (*Ma-thi-ơ* 24:22). Điều này có nghĩa số ngày khủng khiếp giảm bớt lại, hoặc có thể số giờ đen tối giảm bớt để con người trên thế gian chịu đau khổ ít hơn (*Khải Thị* 8:12).

Khi kết hợp những lời thôi thúc trong cả ba bức tranh, chúng ta có thể kết thúc: “Hãy biết rằng Ngài đã gần rồi! Vì vậy hãy thức

canh! Các ngươi hãy sẵn sàng!” Các Cơ Đốc nhân còn sống trong suốt giai đoạn lịch sử ấy chắc chắn sẽ tìm được sự an ủi lớn trong lời hứa của Chúa chép trong Thánh Kinh.

Trong khi lời giải thích của phần này có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên trong suốt cơn Đại Nạn, chúng ta có thể áp dụng lời Hằng Sống vào lòng chúng ta. Chúng ta không biết lúc nào Chúa sẽ tái lâm tiếp rước Hội Thánh Ngài. Vì vậy, chúng ta phải tỉnh thức, trông đợi và bền lòng. Chúa Giê-xu đã giải thích điều này cách chi tiết trong phần kế tiếp của *Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve* (Ma-thi-ơ 24:45-25:30).

Chúng ta nên thật biết ơn Đức Chúa Trời vì Ngài không định đoán phạt chúng ta, nhưng ban ơn cứu rỗi cho chúng ta lúc Chúa Giê-xu Christ hiện ra. Ngài đã cứu chúng ta thoát khỏi cơn thanh nộ hầu đến (II *Tê-sa-lô-ni-ca* 1:10; 5:9-10). Là con cái Đức Chúa Trời, chắc chắn chúng ta sẽ trải qua hoạn nạn (*Giăng* 16:33; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 14:22), nhưng không phải trải qua cơn Đại Nạn.

## Vua Trở Lại

### *phần hai*

*Ma-thi-ơ 24:45-25:46*

Chúng ta đã lưu ý trong phần đầu của *Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve* rõ ràng là cho người Do Thái. Khi đọc cẩn thận phần thứ hai này chúng ta thấy “khung cảnh” đã thay đổi. Chúa Giê-xu đang mô tả các biến cố trong Cơ Đại Nạn, và lần lượt nói rõ từng sự đoán phạt, cuối cùng là sự tái lâm của Ngài. Nhưng trong phần này, điều nhấn mạnh nằm ở chỗ Chúa trì hoãn ngày Ngài trở lại (*Ma-thi-ơ 24:48; 25:5,19*).

Có vẻ hợp lý khi ứng dụng *Ma-thi-ơ 24:45-25:30* cho Hội Thánh của chúng ta hiện nay về việc Chúa gia hạn ngày Ngài trở lại (*II Phi-e-rơ 3:1-18*). Phần kết thúc (*Ma-thi-ơ 25:31-46*) mô tả sự đoán phạt mà Chúa thi hành khi Ngài trở lại trần gian. Nhìn chung, những lời dạy dỗ trong *Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve* liên quan đến dân Do Thái (*24:4-44*), Hội Thánh xưng nghĩa (*24:45-25:30*), và các nước ngoại bang (*25:31-46*). Điều này tương ứng với ba thành phần nhân loại được Phao-lô nhắc đến trong *I Cô-rinh-tô 10:32*. Chúng ta đã nghiên cứu chi tiết sự tái lâm của Chúa có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên, và bây giờ chúng ta hãy xem sự trở lại của Chúa trong hai mối tương quan còn lại.

**Sự Tái Lâm Của Đấng Christ Và Hội Thánh Xưng Nghĩa***Ma-thi-ơ 24:45-25:30*

<sup>45</sup> Ai là đầy tớ trung tín và khôn ngoan, mà người chủ đặt cai trị đầy tớ mình, đặng cho đồ ăn đúng giờ? <sup>46</sup> Phước cho đầy tớ đó, khi chủ đến thấy làm như vậy! <sup>47</sup> Quả thật, ta nói cùng các ngươi, chủ sẽ đặt kẻ ấy coi sóc cả gia tài mình. <sup>48</sup> Nếu, trái lại, là một đầy tớ xấu, nó nghĩ thầm rằng: Chủ ta đến chậm, <sup>49</sup> bèn đánh kẻ cùng làm việc với mình, và ăn uống với phường say rượu, <sup>50</sup> thì chủ nó sẽ đến trong ngày nó không ngờ và giờ nó không biết. <sup>51</sup> Chủ sẽ đánh xé xương và định phần nó đồng với kẻ giả hình. Đó là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng.

25

<sup>1</sup> Khi ấy, nước thiên đàng sẽ giống như mười người nữ đồng trinh kia cầm đèn đi rước chàng rể. <sup>2</sup> Trong các nàng đó, có năm người dại và năm người khôn. <sup>3</sup> Người dại khi cầm đèn đi thì không đem dầu theo cùng mình. <sup>4</sup> Song người khôn khi cầm đèn đi thì đem dầu theo trong bình mình. <sup>5</sup> Vì chàng rể đến trễ, nên các nàng thấy đều buồn ngủ và ngủ gục. <sup>6</sup> Đến khuya, có tiếng kêu rằng: Kìa, chàng rể đến, hãy đi ra rước người! <sup>7</sup> Các nữ đồng trinh bèn thức dậy cả, sửa soạn đèn mình. <sup>8</sup> Các người dại nói với các người khôn rằng: Xin bớt dầu của các chị cho chúng tôi, vì đèn chúng tôi gần tắt. <sup>9</sup> Nhưng các người khôn trả lời rằng: Không, e chẳng đủ cho chúng tôi và các chị; thà các chị hãy đi đến người bán dầu mà mua. <sup>10</sup> Song trong khi họ đang đi mua, thì chàng rể đến; kẻ nào chực sẵn, thì đi với người cùng vào tiệc cưới, và cửa đóng lại. <sup>11</sup> Chập lâu, những người nữ đồng trinh khác cũng đến và xin rằng: Hỡi Chúa, hỡi Chúa, xin mở cho chúng tôi! <sup>12</sup> Nhưng người đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ta không biết các ngươi đâu. <sup>13</sup> Vậy, hãy tỉnh thức, vì các ngươi không biết ngày, cũng không biết giờ.

<sup>14</sup> Vả, nước thiên đàng sẽ giống như một người kia, khi đi đường xa, gọi các đầy tớ mà giao của cải mình. <sup>15</sup> Chủ đó cho người này năm ta-lâng, người kia hai, người khác một, tùy theo tài mỗi người; đoạn, chủ lên đường. <sup>16</sup> Tức thì, người đã nhận năm ta-lâng đi làm lợi ra, và được năm ta-lâng khác. <sup>17</sup> Người đã nhận hai ta-lâng cũng vậy, làm lợi ra được hai ta-lâng nữa. <sup>18</sup> Song người chỉ nhận một thì đi đào lỗ dưới đất mà giấu tiền của chủ.

<sup>19</sup> Cách lâu ngày, chủ của những đầy tớ ấy trở về khiến họ tính sổ. <sup>20</sup> Người đã nhận năm ta-lâng bèn đến, đem năm ta-lâng khác nữa, và thưa rằng: Lạy chúa, chúa đã cho tôi năm ta-lâng; đây này, tôi làm lợi ra được năm ta-lâng nữa. <sup>21</sup> Chủ nói với người rằng: Hỡi đầy tớ ngay lành trung tín kia, được lắm; ngươi đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập ngươi coi sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui mừng của chúa ngươi. <sup>22</sup> Người đã nhận hai ta-lâng cũng đến mà thưa rằng: Lạy chúa, chúa đã cho tôi hai ta-lâng; đây này, tôi

đã làm lợi ra được hai ta-lâng nữa. <sup>23</sup> Chủ đáp rằng: Hỡi đầy tớ ngay lành trung tín kia, được lắm; người đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập người coi sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui mừng của chúa người. <sup>24</sup> Người chỉ nhận một ta-lâng cũng đến mà thưa rằng: Lạy chúa, tôi biết chúa là người nghiêm nhặt, gặt trong chỗ mình không gieo, lượm lật trong chỗ mình không rải ra; <sup>25</sup> nên tôi sợ mà đi giấu ta-lâng của chúa ở dưới đất; đây nầy, vật của chúa xin trả cho chúa. <sup>26</sup> Song chủ đáp rằng: Hỡi đầy tớ dữ và biếng nhác kia, người biết ta gặt trong chỗ ta không gieo, và lượm lật trong chỗ ta không rải ra; <sup>27</sup> vậy thì người phải đưa bạc của ta lại cho người buôn bạc, rồi khi ta trở về, sẽ lấy vốn và lời. <sup>28</sup> Vậy, các người hãy lấy ta-lâng của người nầy mà cho kẻ có mười ta-lâng. <sup>29</sup> Vì sẽ cho thêm kẻ nào đã có, thì họ sẽ dư dật; nhưng kẻ nào không có, thì cũng cất luôn điều họ đã có nữa. <sup>30</sup> Còn tên đầy tớ vô ích đó, hãy quăng nó ra ngoài là chỗ tối tăm, ở đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng.

Chúng ta không nên ngạc nhiên khi Chúa thành linh thay đổi từ cuộc nói chuyện về sự tái lâm của Ngài có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên sang sự tái lâm có liên quan đến Hội Thánh. Không phải là chuyện bất thường trong Kinh Thánh đối với người nói hoặc viết thay đổi lối nhấn mạnh ở giữa một câu. Thí dụ, toàn bộ thời đại Hội Thánh xảy ra trong khoảng thời gian giữa chữ *được ban cho* và trong *Ê-sai* 9:5. Chúng ta cũng thấy một sự thay đổi đột ngột tương tự trong *Ê-sai* 61:2, nơi thời đại Hội Thánh diễn ra trong khoảng thời gian giữa “năm ban ơn của Đức Chúa Trời” và “ngày báo thù”.

Trong phần dành cho dân Y-sơ-ra-ên, Chúa Giê-xu chủ yếu mô tả những sự kiện bên ngoài trong phần này, Ngài mô tả những ý tưởng bên trong. Trong lúc mọi kẻ tin nhận Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa sắp về thiên đàng (*Giăng* 3:16-18; 17:24), thì không phải mọi kẻ tin đều sẵn sàng gặp Chúa.

Khi Chúa Giê-xu Christ tái lâm và đem Hội Thánh Ngài về trời, Ngài sẽ ngồi trên ngai xét đoán mà xét đoán các dân (*Rô-ma* 14:10-12; *II Cô-rinh-tô* 5:8-11). Ngài sẽ không đoán xét tội lỗi chúng ta, bởi vì tội lỗi chúng ta đã được Ngài đoán xét trên thập tự giá rồi (*Rô-ma* 8:1-4), nhưng Ngài xét đoán công việc chúng ta và sẽ ban thưởng cho những ai xứng đáng (*I Cô-rinh-tô* 3:9-15). Các

thí dụ này cho thấy Chúa Giê-xu sẽ phán xét ba nhóm tín hữu khác nhau.

*Đầy tớ trung tín và đầy tớ bất trung* (Ma-thi-ơ 24:45-51). Con dân Đức Chúa Trời trên thế gian được gọi là một gia đình (Ga-la-ti 6:10; Ê-phê-sô 2:19). Đức Chúa Trời đặt để các tôi tớ trong mỗi gia đình để sẵn sóc các thành viên trong gia đình. Điều này gọi cho chúng ta suy nghĩ về Hội Thánh địa phương, nhóm trong gia đình có những người hướng dẫn thuộc linh. Mục đích của việc lãnh đạo thuộc linh ấy là người hướng dẫn chăm sóc nuôi dưỡng đời sống tâm linh của tín hữu, chứ không phải tín hữu chăm lo người hướng dẫn! Sứ đồ Phi-e-rơ đã nắm lấy lẽ thật này và nhấn mạnh điều đó trong thư thứ nhất của ông (I Phi-e-rơ 5:1-4).

Làm mục sư hoặc chức viên khác trong Hội Thánh địa phương là việc quan trọng. Chúng ta phải thận trọng cân nhắc xem động cơ chúng ta có đúng đắn không và chúng ta có phục vụ Đấng Christ và con cái Ngài bằng tình thương hay không. Bằng lời nói lẫn việc làm, chúng ta phải dẫn dắt gia đình theo lối công bình (Ê-bơ-rơ 13:7-8). Các thành viên trong gia đình phải thuận phục sự chăn dắt thuộc linh, bởi vì một ngày kia cả con cái Chúa lẫn người hướng dẫn thuộc linh sẽ ứng hầu trước tòa án Đấng Christ (Ê-bơ-rơ 13:17).

Trách nhiệm của tôi tớ không phải để được nổi tiếng, nhưng để vâng lời. Tôi tớ phải cung cấp vật thực cần dùng cho gia đình khi gia đình cần đến. Tôi tớ phải mang ra khỏi “kho thuộc linh” của mình những vật mới và cũ (Ma-thi-ơ 13:52). Trong việc tìm kiếm những điều mới lạ hấp dẫn, một số thầy dạy Kinh Thánh đã quên chất bổ dưỡng thuộc linh trong lẽ thật của lời Đức Chúa Trời. Những người dạy đạo khác chỉ nghĩ đến nội dung xưa cũ đến nỗi không khám phá được những dạy dỗ và ứng dụng tươi mới của lẽ thật cũ. Ý mới phát sinh từ điều cũ, và điều mới làm cho điều cũ được đầy đủ ý nghĩa hơn.

Nếu người hướng dẫn thuộc linh làm công việc của mình trong tinh thần vâng phục thì khi Chúa trở lại, người ấy sẽ nhận phần thưởng. Nhưng nếu trễ nãi công việc mình lúc Chúa tái lâm, người

ấy sẽ bị đối đãi cách cay nghiệt. Tôi thích dịch 24:51 “Và sẽ xử phạt nó cách nặng nề và định phần nó đồng với kẻ giả hình...” (Ngay cả trong thời chuyên chế, người ta không thể nghĩ rằng một người chủ có thể chặt kẻ tôi tớ ra làm hai). Toàn bức tranh là sự đau đớn và hư mất. Điều này không đưa ra những biện pháp trừng phạt trước ngôi phán xét của Đấng Christ, bởi vì tại đó thân thể chúng ta sẽ được vinh hiển. Nhưng điều đó nhắc đến sự mất phần thưởng và lỡ đi cơ hội phục vụ Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu không khai triển lễ thật ở đây, nhưng qua các phần Kinh Thánh khác chúng ta biết rằng phần thưởng dành cho sự phục vụ trung kiên sẽ là một chức vụ trong vương quốc Ngài sẽ thiết lập trên thế gian (*Lu-ca* 19:11). Phần thưởng cho sự trung tín phục vụ là khả năng phục vụ lớn hơn. Theo tôi, không có phần trong vương quốc của Ngài là một thua thiệt lớn.

Điều gì đã gây cho người tôi tớ này sa ngã? Trong lòng anh ta có điều sai trật: Anh ta thôi mong đợi Chúa mình trở lại (*Ma-thi-ơ* 24:48). Anh ta sống giống như thế gian và bạc đãi đồng bạn của mình. Bất cứ khi nào các tôi tớ của Đức Chúa Trời không thể cùng làm việc với nhau, thì lý do thường là một ai đó đã quên rằng Chúa sẽ trở lại. Tìm kiếm và yêu mến trông đợi sự hiện đến của Chúa sẽ khích lệ chúng ta trung tín và yêu mến Ngài (*I Giăng* 2:28; *I Ê-sa-lô-ni-ca* 2:19-20).

*Những cô phụ dâu khôn và dại* (*Ma-thi-ơ* 25:1-13). Vào thời đó một đám cưới có hai giai đoạn. Đầu tiên chàng rể và bạn bè từ nhà mình đi đến xin rước dâu nơi cha mẹ của nàng. Sau đó cô dâu và chàng rể trở về nhà chàng rể để tổ chức tiệc cưới. Vấn đề đặt ra ở đây là chàng rể đã rước cô dâu của mình và đang trên đường trở về nhà. Tuy nhiên, chúng ta không nên nhấn mạnh quá xa hình ảnh Hội Thánh trong vai trò một cô dâu, vì nhiều điều trong chân lý này không được bày tỏ cho đến khi Phao-lô thi hành chức vụ (*Ê-phê-sô* 5:22).

Trải qua 2.000 năm Hội Thánh biết rằng Chúa Giê-xu sắp trở lại, nhưng có nhiều người đã trở nên mê muội và ngủ quên. Họ không còn thích thú mong đợi sự trở lại nay mai của Chúa. Kết

quả là có ít chứng nhân đây ơn rao giảng về sự tái lâm của Chúa.

Dầu thắp đèn nhắc nhở chúng ta về loại dầu đặc biệt dùng trong đèn thờ (*Xuất Ê-díp-tô Ký 27:20-21*). Dầu thường là biểu tượng của Thánh Linh Đức Chúa Trời, nhưng tôi tự hỏi liệu dầu đặc biệt này cũng là Lời Đức Chúa Trời chăng? Hội Thánh phải “giữ lấy đạo sự sống” trong thế giới mờ tối gian ác này (*Phi-líp 2:12-16*). Chúng ta cần phải gìn giữ lời nhện nhục của Ngài (*Khải Thị 3:10*) và tiếp tục rao truyền về ngày tái lâm của Chúa Giê-xu Christ.

Khi chàng rể và cô dâu xuất hiện, nửa số người phụ dâu không thể thắp đèn của mình vì không có dầu. Họ kêu lên “Đèn của chúng tôi sắp tắt!” Các cô phụ dâu khác có dầu thắp sáng được đèn của mình và giữ đèn luôn cháy sáng. Chính họ đã đi vào trong tiệc cưới và các cô gái dại dột bị bỏ ở ngoài vì không có dầu. Điều này nhắc nhở chúng ta không phải mọi người xưng là Cơ Đốc nhân đều sẽ vào Thiên Đàng, vì có một số người không thực lòng tin Chúa. Không có Thánh Linh và Lời của Đức Chúa Trời, không thể có được ơn cứu rỗi thật.

Chúa Giê-xu kết thúc ví dụ này bằng lời cảnh tỉnh mà Ngài đã phán trước đó: “Hãy tỉnh thức” (*Ma-thi-ơ 24:42; 25:13*). Điều này không có nghĩa đứng trên một ngọn núi và hướng mắt lên trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ 1:9-11*) nhưng chúng ta phải “thức canh và cầu nguyện” (*Ma-thi-ơ 26:38-41*).

*Các đầy tớ làm lợi cho chủ và đầy tớ biếng nhác (25:14-30)*. Chúng ta không nên lẫn lộn thí dụ này với thí dụ về các nén bạc (*Lu-ca 19:11-27*) mặc dầu cả hai thí dụ đều có những điểm giống nhau. Xin lưu ý mỗi đầy tớ trong thí dụ này đều nhận tiền (một ta-lâng trị giá bằng khoảng 20 năm tiền công) tùy theo khả năng làm việc của người thợ. Đầy tớ có nhiều khả năng nhận năm ta-lâng; người có khả năng trung bình nhận hai ta-lâng; người có ít khả năng nhận một ta-lâng.

Các ta-lâng tiêu biểu cho các cơ hội để chúng ta sử dụng khả năng của chúng ta. Nếu chủ giao năm ta-lâng cho người có ít khả năng, người đó sẽ bị hại vì trách nhiệm quá nặng. Nhưng nếu chủ

chỉ giao một ta-lâng cho người có nhiều khả năng, anh ta sẽ thấy mình bị xúc phạm và giảm giá trị. Đức Chúa Trời giao công việc và cơ hội tùy theo khả năng. Chúng ta đang sống trong thời kỳ giữa câu *Ma-thi-ơ* 25:18 và 25:19. Chúa đã giao trọng trách cho chúng ta tùy theo năng lực chúng ta có và ơn của Ngài. Chúng ta có đặc ân phục vụ Đức Chúa Trời và làm lợi của cả Ngài giao cho.

Ba người đầy tớ có thể chia thành hai hạng: trung tín và bất nghĩa. Các đầy tớ trung tín nhận ta-lâng của họ và đem làm lợi cho Chúa. Người đầy tớ biếng nhác đào đất chôn giấu số vàng của chủ. Thay vì tận dụng cơ hội, anh ta đã chôn chúng! Anh ta không có ý định làm điều ác, nhưng bởi vì không làm gì cả, anh ta phạm tội và đánh mất cơ hội phục vụ Chúa và phát triển đạo Ngài.

Hai người đầy tớ làm lợi cho chủ mỗi người đều nhận cùng một sự ban thưởng (*Ma-thi-ơ* 25:21,23). Sự khác nhau không phải ở phần thưởng được nhận nhưng ở tỉ lệ với công việc mỗi người được giao. Họ bắt đầu bằng vai trò đầy tớ, nhưng Chủ đã cất nhắc họ lên hàng lãnh đạo. Họ trung tín trong việc nhỏ, vì vậy Chủ tin cậy giao cho công việc lớn. Họ đã vất vả làm việc, và bây giờ họ hưởng sự vui mừng. Lòng tận trung đã đem lại cho mỗi người trong số họ khả năng phục vụ và trách nhiệm lớn lao hơn.

Người đầy tớ thứ ba không trung tín và không được chủ ban thưởng. Vì người này sợ thất bại, anh ta không bao giờ nỗ lực để thành công. Anh ta sợ hãi cuộc sống và trách nhiệm. Điều này làm anh ta thúc thủ vì lo âu, do đó anh ta đem chôn giấu ta-lâng để bảo vệ nó. Ít ra anh ta cũng có thể mang gởi tiền của chủ vào ngân hàng và thu được lợi cho chủ, mà không phải sợ rủi ro.

Những gì chúng ta không sử dụng cho Chúa, chúng ta sẽ dễ dàng đánh mất điều đó. Chủ quở trách người đầy tớ bất trung không làm lợi cho chủ, và lấy lại ta-lâng đã giao. Người có nhiều ta-lâng nhất sẽ được ban cho thêm.

Một số người nghĩ rằng người đầy tớ không làm lợi cho chủ không phải là tín hữu thật. Nhưng dường như anh ta đã là người tin Chúa thật, cho dù anh ta chứng tỏ mình vô dụng. “Chỗ tối tăm bên ngoài” trong *Ma-thi-ơ* 25:30 không phải ám chỉ nơi địa ngục, mặc

dầu đó là trường hợp thường ghi lại trong các sách Phúc Âm (*Ma-thi-ơ* 8:12; 22:13). Xây dựng hệ thống giáo lý thần học dựa trên các thí dụ thật là nguy hiểm, vì các thí dụ giúp minh họa cho lẽ thật thêm sinh động. Người đầy tớ này bị Chúa trách cứ, mất cơ hội phục vụ Ngài, và không nhận được phần thưởng cùng lời khen ngợi. Theo tôi, đó là chốn bên ngoài tối tăm.

Có thể người nhận một ta-lâng nghĩ rằng ta-lâng của mình không quan trọng. Anh ta không có năm ta-lâng hoặc hai ta-lâng. Tại sao lại thất vọng vì có một ta-lâng? Bởi vì anh ta được Đức Chúa Trời chỉ định làm người quản lý. Nếu không có những người một-ta-lâng như thế, thì có lẽ rất ít công việc được hoàn tất. Ta-lâng của anh ta có thể tăng thành hai và đem lại sự vinh hiển cho chủ.

Ba thí dụ này khích lệ chúng ta yêu mến sự hiện diện của Ngài, tìm kiếm trông đợi Ngài, và phục vụ Ngài cách chuyên tâm cho đến lúc Ngài trở lại. Chúng ta phải thức canh, rao truyền danh Chúa và phục sự Ngài. Có thể chúng ta không thành công theo con mắt loài người, hoặc được người ta yêu chuộng. Nhưng nếu trung tín và kết quả cho Chúa, chúng ta sẽ nhận phần thưởng.

### Sự Tái Lâm Của Đấng Christ Và Các Nước Ngoại Bang

*Ma-thi-ơ* 25:31-46

<sup>31</sup> Khi Con người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài. <sup>32</sup> Muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người nầy với người khác ra, như kẻ chăn chiên chia chiên với dê ra; <sup>33</sup> để chiên ở bên hữu và dê ở bên tả.

<sup>34</sup> Bấy giờ, vua sẽ phán cùng những kẻ ở bên hữu rằng: Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sắm sẵn cho các người từ khi dựng nên trời đất. <sup>35</sup> Vì ta đói, các người đã cho ta ăn; ta khát, các người đã cho ta uống; ta là khách lạ, các người tiếp rước ta; <sup>36</sup> ta trần truồng, các người mặc cho ta; ta đau, các người thăm ta; ta bị tù, các người viếng ta. <sup>37</sup> Lúc ấy, người công bình sẽ thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đói, mà cho ăn; hoặc khát, mà cho uống? <sup>38</sup> Lại khi nào chúng tôi đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước; hoặc trần truồng mà mặc cho? <sup>39</sup> Hay là khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đau, hoặc bị tù, mà đi thăm viếng Chúa? <sup>40</sup> Vua sẽ trả lời rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn

này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy.

<sup>41</sup> Kế đó, Ngài sẽ phán cùng những người ở bên tả rằng: Hỡi kẻ bị rửa, hãy lui ra khỏi ta; đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma quỷ và những quỷ sứ nó.

<sup>42</sup> Vì ta đã đói, các người không cho ăn; ta khát, các người không cho uống;

<sup>43</sup> ta là khách lạ, các người không tiếp rước; ta trần truồng, các người không mặc cho ta; ta đau và bị tù, các người không thăm viếng.

<sup>44</sup> Đến phiên các người này bèn thưa lại rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa, hoặc đói, hoặc khát, hoặc làm khách lạ, hoặc trần truồng, hoặc đau ốm, hoặc bị tù mà không hầu việc Ngài ư?

<sup>45</sup> Ngài sẽ đáp lại rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, hễ các người không làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này, ấy là các người cũng không làm cho ta nữa.

<sup>46</sup> Rồi những kẻ này sẽ vào hình phạt đời đời, còn những người công bình sẽ vào sự sống đời đời.

Phần này giải thích cho chúng ta biết Chúa Giê-xu Christ sẽ xét đoán các nước ngoại bang như thế nào. Chữ “các dân tộc” trong *Ma-thi-ơ* 25:32 có nghĩa “các dân ngoại bang”, và từ này thuộc giống trung tính trong tiếng Hy Lạp. Chữ ‘họ’ trong cùng câu ấy thuộc giống đực. Điều này có nghĩa các dân tộc sẽ nhóm hiệp trước mặt Chúa Giê-xu Christ, nhưng Ngài sẽ phán xét họ theo từng người. Ngài sẽ không phán xét theo từng nhóm dân tộc (người Đức, Nhật, Ý...) nhưng mỗi cá nhân trong các nước sẽ khai trình trước mặt Ngài.

Chúng ta không nên lẫn lộn sự phán xét này với sự phán xét trước tòa án lớn và trắng mô tả trong *Khải Thị* 20:11-15. Một số học giả nhập cả hai phân đoạn lại với nhau và gọi là “sự phán xét chung”. Kinh Thánh không cho biết gì về “sự phán xét chung”. Phiên tòa này diễn ra trên thế gian ngay sau trận chiến Ha-ma-gê-đôn. Tòa án lớn và trắng tiến hành tại nơi nào đó trên không trung (“trời đất đều trốn hết” *Khải Thị* 20:11). Phiên tòa ghi trong *Ma-thi-ơ* diễn ra trước khi thành lập vương quốc trên trần gian, vì Chúa phán với những người được cứu “nhận lấy Nước Thiên Đàng đã sẵn sẵn” (*Ma-thi-ơ* 25:34). Phiên tòa lớn và trắng sẽ được diễn ra sau 1.000 năm Đấng Christ trị vì (*Khải Thị* 20:7).

Chúng ta cần tránh một sai sót khác nữa. Không nên áp đặt phân đoạn Kinh Thánh này vào sự dạy dỗ về ơn cứu rỗi bởi việc

lành. Đọc Kinh Thánh cách hời hợt qua loa sẽ khiến ta nghĩ rằng giúp đỡ người lân cận là có đủ điều kiện để nhận được sự cứu rỗi và vào Thiên Đàng. Nhưng đây không phải là sứ điệp của phần đoạn Kinh Thánh này. Trên thế giới từ trước đến nay chưa hề có ai được cứu bởi việc làm.

Các thánh đồ trong thời Cựu Ước được cứu bởi đức tin (*Hê-bơ-rơ* 11:40); các thánh đồ trong thời Tân Ước được cứu cùng một cách như vậy. Phúc Âm của “làm việc thiện” không phải là sứ điệp của Thánh Kinh. Cơ Đốc nhân có bốn phạm làm việc lành (*Hê-bơ-rơ* 13:16; *Ga-la-ti* 6:10), nhưng đây không phải là phương cách người không tin có thể được cứu.

Nếu chúng ta nhớ lại ba nhóm người đã được nói ở phần trước chúng ta sẽ hiểu được vấn đề này: Có chiên, dê và người anh em. Những người mà Vua gọi là “anh em ta” là ai vậy? Có thể họ là những người Do Thái tin đạo trong cơn Đại Nạn. Đây là những người đã nghe 144.000 chứng nhân rao giảng sứ điệp và tin theo Chúa Giê-xu Christ. Bởi vì những người Do Thái tin đạo này không nhận “dấu hiệu của con thú” (*Khải Thị* 13:16-17), cho nên họ không thể mua bán trao đổi. Lúc ấy làm thế nào họ sống sót được? Do lòng yêu thương quan tâm của người ngoại bang đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ và họ đã chăm sóc người anh em của Ngài.

Điều thú vị trong phiên tòa này là cá nhân các con chiên ngạc nhiên về điều họ nghe. Họ không nhớ đã thấy Chúa Giê-xu Christ và cung cấp sự cần dùng cho Ngài lúc nào. Nhưng khi yêu thương chăm sóc các tín hữu Do Thái, thì họ đã làm cho Đấng Christ. Động cơ giúp đỡ của họ không phải vì phần thưởng nhưng do lòng yêu thương hiến dâng. Thực ra, những người ngoại bang này có thể mất mạng sống khi tiếp đãi và chăm sóc những người Do Thái không nơi nương tựa này. Chúa Giê-xu phán với các môn đệ “Ai rước các người tức là rước Ta”; và quả thật điều này cũng ứng dụng đối với các anh em Ngài.

Những người được kể là dê bị đoán phạt vì họ không tin nhận Chúa Giê-xu Christ và bày tỏ đức tin ấy qua việc chăm sóc anh em

của Ngài. Hình như họ đã nhận lãnh dấu của con thú và chỉ lo lắng riêng cho chính mình và những gì thuộc về họ, nhưng không có thời gian quan tâm đến số người Do Thái còn sót lại đang chịu đau đớn trên thế gian (*Khải Thị* 12:17). Tội sơ sót cũng giống như tội cố ý (*Gia-cơ* 4:17). Không làm điều thiện cũng kể như làm điều ác.

Khi so sánh hai bản án (*Ma-thi-ơ* 25:34,41), chúng ta khám phá một số chân lý mới lạ. Khởi đầu là chiên được Cha ban phước; nhưng không nói dè bị "Cha rửa sả". Chiên (người công chính) hưởng được Nước Thiên Đàng, và sự thừa hưởng đặt nền tảng trên sự tái sinh. Vì họ đã được sinh lại bởi đức tin, cho nên họ hưởng được Nước Thiên Đàng.

Nước Thiên Đàng được sẵn sẵn cho cá nhân những người đã được cứu, nhưng câu *Ma-thi-ơ* 25:41 không nói đến hồ lửa đời đời dành cho những người gian ác (dê). Hồ lửa đã để dành cho ma quỷ và các kẻ thuộc về nó (*Khải Thị* 20:10). Đức Chúa Trời chẳng hề chuẩn bị địa ngục cho con người. Thánh Kinh không có bằng chứng nào cho thấy Đức Chúa Trời an bài cho con người phải vào địa ngục. Nếu tội nhân nghe theo quỷ Sa-tan, và bước theo con đường của nó, họ sẽ đến nơi ma quỷ sẽ đến - nơi đau đớn đời đời trong hỏa ngục. Chỉ có hai số phận đời đời: hình phạt đời đời cho những người từ chối không tiếp nhận Đấng Christ hoặc sự sống đời đời cho những người tin nhận Ngài.

Người công chính (chiên) được đưa vào Thiên Đàng để cùng dự phần trong vinh quang của Đấng Christ. Hội Thánh sẽ cùng trị vì với Đấng Christ, và dân Y-sơ-ra-ên sẽ tận hưởng sự trọn vẹn của lời hứa qua miệng các đấng tiên tri. Tất cả muôn vật sẽ dự phần trong sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 8:19-21). Chúa Giê-xu Christ sẽ cai trị trên ngôi Đa-vít tại Giê-ru-salem (*Lu-ca* 1:30-33), và sự bình an sẽ ngự trị trong 1.000 năm (*Ê-sai* 11:1-16).

Khi đọc lại *Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve*, chúng ta nên nhắc lại một vài sự kiện. Đầu tiên Đức Chúa Trời chưa hoàn tất chương trình của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu phán rõ ràng

trong bài giảng này là dân Y-sơ-ra-ên sẽ được tẩy sạch tội lỗi và tin đến danh Đấng Mết-si-a. Đức Chúa Trời không bỏ dân Ngài (*Rô-ma* 11:1).

Kế đến, các lời hứa trong Cựu Ước về Nước Thiên Đàng sẽ ứng nghiệm. Cơ Đại Nạn sẽ là thời kỳ rất khó khăn cho dân cư trên thế gian. Nhưng đó sẽ là thời gian “khổ nạn” để chuẩn bị cho sự khai sinh Nước Thiên Đàng. Đau khổ sẽ dẫn đến vinh hiển.

Thứ ba, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế gian này. Ngày nay Ngài không giáng những cơn hình phạt trên thế gian bởi vì đây là thời ân sủng như lời Ngài phán dạy, “Anh em được hòa thuận lại cùng Đức Chúa Trời” (*II Cô-rinh-tô* 5:14). Trời đất im lặng bởi vì tội lỗi con người đã bị đoán phạt tại thập tự giá. Qua Con của Ngài Đức Chúa Trời đã phán một lần đủ cả, và Ngài sẽ không phán dạy thế gian này nữa cho đến ngày, Ngài cho cơn đoán phạt đến trong suốt kỳ Đại Nạn.

Thứ tư, là Cơ Đốc nhân và là chi thể trong Hội Thánh Đấng Christ chúng ta không tìm kiếm dấu lạ. “Người Giu-Đa đòi dấu lạ” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Sẽ không có dấu lạ nào được bày tỏ trước khi Đấng Christ thành linh hiện ra tại không trung để tiếp rước Hội Thánh Ngài. Tuy nhiên, khi thấy một số dấu lạ trong cơn Đại Nạn bắt đầu xảy ra (“Khi các việc đó khởi xảy đến” *Lu-ca* 21:28), chúng ta cảm nhận sự cuối cùng đã gần. Dường như những căng thẳng và xung đột xảy ra giữa các nước đang gia tăng đến mức thế giới đòi hỏi phải có một nhà độc tài, và quĩ Sa-tan chuẩn bị sẵn ứng cử viên của nó.

Cuối cùng, cho dù có nhìn nhận lời tiên tri như thế nào chăng nữa, chúng ta cũng biết rằng Chúa Giê-xu sắp trở lại. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta phải thức canh và chờ sẵn. Chúng ta không nên bỏ phí dịp tiện. Có thể chúng ta không có nhiều khả năng hoặc ân tứ, nhưng chúng ta vẫn có thể trung tín với tiếng gọi của Ngài đã ban cho chúng ta.

## SỰ CHUẨN BỊ CỦA VUA

*Ma-thi-ơ 26:1-56*

Các biến cố đang tiến dần đến cao điểm. Nhà Vua sửa soạn chịu đau đớn và chết. Sự chuẩn bị gồm ba giai đoạn tại ba địa điểm khác nhau. Khi nghiên cứu các giai đoạn này, chúng ta có thể hiểu sự bất đồng ngày càng lớn giữa Chúa Giê-xu và kẻ chống nghịch Ngài.

### **Tại Làng Bê-tha-ni: Tôn Thờ Tương Phản Với Hoang Phí**

*Ma-thi-ơ 26:1-16*

<sup>1</sup> Và, Đức Chúa Jê-sus đã phán những lời ấy xong rồi, thì phán cùng môn đồ rằng: <sup>2</sup> Các người biết rằng còn hai ngày nữa thì đến lễ Vượt Qua, và Con Người sẽ bị nộp để chịu đóng đinh trên cây thập tự.

<sup>3</sup> Bấy giờ các thầy tế lễ cả và các trưởng lão trong dân nhóm lại trong tòa thầy cả thượng phẩm tên là Cai-phe; <sup>4</sup> và bàn với nhau dùng mưu chước gì để bắt Đức Chúa Jê-sus mà giết. <sup>5</sup> Song họ nói rằng: Không nên làm trong ngày lễ, e trong dân chúng sanh ra điều xào xạc chẳng.

<sup>6</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus ở làng Bê-tha-ni, tại nhà Si-môn là người phung, <sup>7</sup> có một người đàn bà cầm cái chai bằng ngọc trắng đựng dầu thơm quý giá

lắm, đến gần mà đổ trên đầu Ngài dương khi ngồi ăn. <sup>8</sup> Môn đồ thấy vậy, giận mà trách rằng: Sao phí của như vậy? <sup>9</sup> Dầu này có thể bán được nhiều tiền và lấy mà bố thí cho kẻ nghèo nàn. <sup>10</sup> Đức Chúa Jê-sus biết điều đó, bèn phán cùng môn đồ rằng: Sao các người làm khó cho người đàn bà đó? Người đã làm việc tốt cho ta; <sup>11</sup> vì các người thường có kẻ nghèo ở cùng mình, song sẽ không có ta ở cùng luôn luôn. <sup>12</sup> Người đổ dầu thơm trên mình ta là để sửa soạn chôn xác ta đó. <sup>13</sup> Quả thật, ta nói cùng các người, khắp cả thế gian, hễ nơi nào Tin Lành này được giảng ra, thì cũng thuật lại việc người ấy đã làm để nhớ đến người.

<sup>14</sup> Bấy giờ có một người trong mười hai sứ đồ, tên là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, đến tìm các thầy tế lễ cả, <sup>15</sup> mà nói rằng: Các thầy bằng lòng trả cho tôi bao nhiêu đặng tôi sẽ nộp người cho? Họ bèn trả cho nó ba chục bạc. <sup>16</sup> Từ lúc đó, nó tìm dịp tiện để nộp Đức Chúa Jê-sus.

Ma-thi-ơ không nhằm cung cấp cho chúng ta lịch trình diễn tiến các sự kiện của tuần lễ cuối cùng theo trình tự thời gian. Lúc này ông vẫn tắt nhắc lại bữa tiệc tại làng Bê-tha-ni và hành động tôn thờ đẹp đẽ Ma-ri đã thực hiện. Các nhà lãnh đạo tôn giáo đang họp nhau lại để tìm mưu chống nghịch Chúa Giê-xu, nhưng các bạn hữu Ngài nhóm lại để bày tỏ tình yêu và lòng tận hiến với Ngài. Hơn nữa, khi nối kết hai câu chuyện, Ma-thi-ơ cho thấy mối tương quan giữa tấm lòng tôn kính Chúa của Ma-ri và sự phản trắc của Giu-Đa. Chính sau bữa tiệc tại làng Bê-tha-ni, Giu-Đa đến nơi các thầy tế lễ và hiến kế giao nộp Chúa (*Mác* 14:10-11). Lời Chúa quở trách khiến Giu-đa liền phản ứng như vậy.

Bữa tiệc diễn ra “sáu ngày trước lễ Vượt Qua” (*Giăng* 12:1) tại nhà Si-môn, một người bị phong. Rõ ràng người đã được Đức Chúa Giê-xu chữa lành bệnh phong. Ít nhất có 17 người dự bữa tiệc này: Si-môn, Ma-ri, Ma-thê, La-xa-rô, Chúa Giê-xu, và Mười Hai Sứ Đồ. Đúng với tính cách của Ma-thê là “người thạo việc” trong gia đình, nàng lo việc phục vụ bữa ăn (*Lu-ca* 10:38-42). Ba nhân vật chính trong sự kiện này là Ma-ri, Giu-đa và Chúa Giê-xu.

*Ma-ri* (*Ma-thi-ơ* 26:7). Chỉ có Phúc Âm Giăng cho biết rõ người đàn bà này là Ma-ri, em của Ma-thê và La-xa-rô. Ma-ri được nhắc đến ba lần trong các sách Phúc Âm, và trong mỗi trường hợp Ma-ri đều ngồi nơi chân Chúa Giê-xu. Nàng ngồi dưới chân

Chúa nghe lời Ngài (*Lu-ca* 10: 38-42); nàng sắp mình xuống nơi chân Ngài với nỗi đau thương sau cái chết của La-xa-rơ (*Giăng* 11:28-32) và nàng thờ lạy nơi chân Chúa khi xúc dầu thơm cho Ngài (*Giăng* 12:1). Ma-ri là một phụ nữ yêu mến Chúa sâu sắc. Nàng tìm thấy phước hạnh nơi chân Chúa, mang gánh nặng đặt nơi chân Chúa, và dâng điều tốt nhất nơi chân Chúa.

Khi kết hợp các bản ghi chép trong các sách Phúc Âm, chúng ta biết rằng nàng xúc dầu nơi đầu và chân Chúa, rồi dùng tóc lau chân Ngài. Mái tóc là sự vinh hiển của phụ nữ (*I Cô-rinh-tô* 11:15). Nàng dâng sự vinh hiển của mình cho Chúa và thờ lạy Ngài bằng của dâng quý giá người mang theo. Chính hành động yêu thương và tận hiến ấy đã tỏa hương thơm cho khắp nhà.

Do đã nghe lời Ngài giảng dạy, Ma-ri biết rằng chẳng bao lâu nữa Chúa Giê-xu sẽ chịu chết và bị chôn. Nàng cũng biết rằng thân xác Ngài sẽ không cần phải chăm sóc theo tục lệ dành cho người chết vì thân thể Ngài không phải hư nát (*Thi Thiên* 16:10; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:22-28). Nàng đã xúc dầu cho Chúa thay vì xúc xác Ngài sau khi Ngài chết. Đó là hành động của đức tin và lòng yêu mến Chúa.

*Giu-đa* (26:8-9). Các môn đệ không biết bản chất thật của Giu-đa. Lời Giu-đa phê phán Ma-ri nghe có vẻ “thiên liêng” đến nỗi họ hiệp với Giu-đa chê trách Ma-ri. Chúng ta biết lý do thật sự Giu-đa muốn bán bình dầu ấy: Tiền bán được sẽ sung vào trong ngân quỹ và người có thể sử dụng tiền ấy (*Giăng* 12:6).

Giu-đa là một hình ảnh bi thảm. Người được Chúa kêu gọi làm môn đệ Đấng Christ và được xưng là sứ đồ như bao sứ đồ khác (*Mác* 3:13-19). Người nhận lãnh quyền năng chữa bệnh (*Ma-thi-ơ* 10:1-4), và có thể người đã sử dụng quyền này. Không phải có năng quyền làm phép lạ là bằng chứng được ơn cứu rỗi (*Ma-thi-ơ* 7:21-29), nhưng là do vâng theo lời phán dạy của Đức Chúa Trời.

Mặc dầu ở trong nhóm các môn đệ, cùng làm việc với Đấng Christ, nhưng Giu-đa không phải là môn đệ thật. Khi Chúa Giê-xu rửa chân cho các môn đệ, Ngài phán rõ rằng một người trong số họ (*Giu-đa*) chưa được tinh sạch (*Giăng* 13:10-11). Giống như nhiều

Cơ Đốc nhân ngày nay, có những Giu-đa “ở” trong tập thể người tin đạo nhưng không “thuộc về” tập thể ấy.

Hãy lưu ý mỗi lần Ma-ri tìm cách làm điều gì cho Chúa Giê-xu, nàng đều bị hiểu lầm. Ma-thê chị nàng hiểu lầm khi Ma-ri ngồi nơi chân Chúa nghe lời Ngài dạy. Giu-đa và các môn đệ hiểu lầm khi nàng xúc dầu cho Chúa Giê-xu. Bạn hữu và xóm giềng hiểu lầm khi người ra khỏi nhà tìm gặp Chúa Giê-xu sau khi chôn cất La-xa-rơ (*Giăng* 11:28-31). Khi chúng ta dâng điều ưu tiên trong đời sống cho Chúa Giê-xu Christ, chắc chắn chúng ta có thể bị hiểu lầm chỉ trích từ những người cho rằng họ tin thờ Ngài.

Tại sao Giu-đa theo Chúa Giê-xu ba năm, nghe lời phán dạy của Ngài, dự phần trong chức vụ của Ngài, nhưng rồi lại phản bội Ngài? Một điều chắc chắn: Giu-đa không phải là nạn nhân của hoàn cảnh hoặc công cụ thụ động của Đức Chúa Trời. Chính lời tiên tri đã cho biết một trong những người thân cận Đấng Mết-si-a sẽ phản Ngài (*Thi Thiên* 41:9; 55:12-14). Nhưng điều này không làm nhẹ bớt trách nhiệm của Giu-đa. Chúng ta không nên xem Giu-đa là kẻ tử đạo vì đã làm ứng nghiệm lời tiên tri này.

Chúng ta không thể nào hiểu trọn vẹn khối óc và con tim của Giu-đa, nhưng chúng ta biết chắc rằng người có nhiều cơ hội để được cứu. Người thường được Chúa Giê-xu nhắc nhở cảnh tỉnh; nơi Phòng Cao, thậm chí Chúa Giê-xu đã rửa chân cho Giu-đa. Có lẽ Giu-đa nhìn thấy trong Chúa Giê-xu tia hy vọng dân Y-sơ-ra-ên được tự do về chính trị. Nếu Chúa Giê-xu thiết lập vương quốc của Ngài, thì Giu-đa, người giữ túi bạc, chắc chắn có địa vị quan trọng. Khi Chúa Giê-xu nhiều lần từ chối không làm Vị Cứu tinh về mặt chính trị, Giu-đa quay gót chống lại Ngài. Quỷ Sa-tan tìm thấy một công cụ sẵn sàng trong con người Giu-đa. Quỷ Sa-tan đặt để ý tưởng phản Ngài trong tâm trí Giu-đa (*Giăng* 13:2) và rồi nhập vào để sai khiến Giu-Đa phản nộ Chúa Giê-xu cho kẻ thù (*Giăng* 13:27).

Cuộc đời Giu-đa là lời cảnh tỉnh cho những ai giả bộ phục vụ Đấng Christ nhưng tấm lòng lại cách xa Đức Chúa Trời. Con người Giu-đa cũng là bài học nhắc nhở cho người bỏ phí cơ hội và

cuộc đời của mình. Khi thấy Ma-ri đập vỡ bình dầu quý giá xức chân Chúa Giê-xu, Giu-đa hỏi, “Sao phí của như vậy?” Tuy nhiên, Giu-đa đã phí dịp tiện, cuộc đời và linh hồn của mình! Chúa Giê-xu gọi ông ta là con trai của sự hư mất (*Giăng 17:12*)

*Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 26:10-16).* Chúa Giê-xu lập tức bênh vực Ma-ri, vì Ngài luôn che chở kẻ thuộc về Ngài. Ngài quở trách Giu-đa cùng các môn đệ khác và Ngài khen ngợi Ma-ri vì việc làm bày tỏ lòng yêu thương tận hiến của nàng. Không có điều gì chúng ta lấy lòng yêu thương dâng cho Chúa Giê-xu lại trở thành hoang phí. Việc Ma-ri xức dầu thơm cho Chúa không những làm Chúa Giê-xu đẹp lòng và tỏa mùi thơm khắp nhà, nhưng còn đem phước hạnh cho toàn thế giới. Hành động dâng hiến của Ma-ri khích lệ chúng ta yêu mến và phục vụ Đấng Christ bằng khả năng tốt nhất của chúng ta. Sự phục vụ như vậy mang lại phước hạnh cho người khác mà có thể chúng ta không biết cho đến khi gặp Ngài.

Chúa Giê-xu không chỉ trích các môn đệ vì họ quan tâm đến người nghèo. Ngài đoái thương đến người nghèo, và chúng ta cũng nên như vậy. Ngài đang khuyên họ coi chừng đừng đánh mất cơ hội tôn thờ Chúa. Họ luôn có cơ hội để giúp đỡ người nghèo. Nhưng họ sẽ không có Ngài luôn luôn để thờ lạy nơi chân Ngài và sửa soạn cho sự qua đời của Ngài.

### **Trong Phòng Cao: Trung Thành Tương Phản Với Phản Bội** *Ma-thi-ơ 27:17-30*

<sup>17</sup> Trong ngày thứ nhất ăn bánh không men, môn đồ đến gần Đức Chúa Jê-sus mà thưa rằng: Thầy muốn chúng tôi dọn cho thầy ăn lễ Vượt Qua tại đâu? <sup>18</sup> Ngài đáp rằng: Hãy vào thành, đến nhà một người kia, mà nói rằng: Thầy nói: Giờ ta gần đến; ta và môn đồ ta sẽ giữ lễ Vượt Qua trong nhà người. <sup>19</sup> Môn đồ làm y như lời Đức Chúa Jê-sus đã dạy mà dọn lễ Vượt Qua.

<sup>20</sup> Đến tối, Ngài ngồi ăn với mười hai sứ đồ. <sup>21</sup> Khi đương ăn, Ngài phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi rằng: Có một người trong các ngươi sẽ phản ta. <sup>22</sup> Các môn đồ lấy làm buồn bực lắm, và lần lượt hỏi Ngài rằng: Lạy Chúa, có phải tôi không? Ngài đáp rằng: <sup>23</sup> Kẻ nào để tay vào mâm với ta, ấy là kẻ sẽ phản ta. <sup>24</sup> Con người đi, y theo lời đã chép về Ngài; song

khốn nạn thay cho kẻ phản Con người! Thà nó chẳng sanh ra thì hơn!<sup>25</sup> Giu-đa là kẻ phản Ngài cất tiếng hỏi rằng: Thưa thầy, có phải tôi chẳng? Ngài phán rằng: Thật như người đã nói.

<sup>26</sup> Khi đương ăn, Đức Chúa Jêsus lấy bánh, tạ ơn rồi, bẻ ra đưa cho môn đồ mà rằng: Hãy lấy ăn đi, nầy là thân thể ta. <sup>27</sup> Ngài lại lấy chén, tạ ơn rồi, đưa cho môn đồ mà rằng: Hết thầy hãy uống đi; <sup>28</sup> vì nầy là huyết ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội. <sup>29</sup> Ta phán cùng các người, từ rày về sau, ta không uống trái nho nầy nữa, cho đến ngày mà ta sẽ uống trái nho mới cùng các người ở trong nước của Cha ta.

<sup>30</sup> Khi đã hát thơ thánh rồi, Đức Chúa Jêsus và môn đồ đi ra mà lên núi Ô-li-ve.

*Sửa soạn Cho lễ Vượt Qua* (26:17-19). Mua sắm và chuẩn bị các vật dụng cần dùng cho lễ Vượt Qua là điều cần thiết. Cũng cần tìm một nơi trong thành phố Giê-ru-sa-lem đông đúc để tổ chức buổi lễ. Vì vậy Chúa Giê-xu sai Phi-e-rơ và Giăng tiến hành các công việc chuẩn bị quan trọng này (*Lu-ca* 22:8). Hai người phải đi theo một người mang vò nước và người đó sẽ chỉ cho họ một cái phòng rộng rãi ở trên lầu. Một người đàn ông mang vò nước là điều hết sức bất thường, vì công việc này thường thường do phụ nữ đảm nhận.

Chắc chắn Phi-e-rơ và Giăng phải tranh thủ lo sắm sửa bánh, rau đắng cũng như rượu nho cho bữa tiệc. Họ phải tìm một chiên con, giết chiên con nơi đền thờ và lấy huyết đặt nơi bàn thờ. Họ phải quay nguyên con chiên trên lửa, và rồi bữa tiệc bắt đầu.

*Công bố kẻ phản bội* (*Ma-thi-ơ* 26:20-25). Cho đến giờ phút chót các môn đệ cũng không nhận ra Giu-đa là kẻ phản bội. Họ không thấy có sự phân biệt nào trong cách Chúa đối đãi Giu-đa, đây là một lời chứng lạ lùng về lòng nhân từ thương xót của Chúa chúng ta. Trong lễ Vượt Qua khi các môn đệ đang dùng bữa, Chúa Giê-xu thông báo có kẻ phản bội đang hiện diện. Các môn đệ nhìn nhau, tự hỏi ai là kẻ phản Ngài. Họ bèn hỏi Chúa Giê-xu, "Lạy Chúa, có phải tôi không?" Cách đặt câu hỏi cho thấy họ mong Chúa trả lời không phải họ.

Giu-đa đang nằm tựa bên trái Chúa; đây là chỗ ngồi vinh dự trong bữa tiệc. (Điều này có thể giải thích lý do tại sao các môn đồ

lại bắt đầu cãi lẩy nhau cho biết ai sẽ được tôn là lớn hơn hết trong đám mình. Xem *Lu-ca* 22:24-30). Giăng đang ngồi tựa bên hữu Chúa, vì vậy ông có thể dựa vào ngực Chúa Giê-xu (*Giăng* 13:23). Dùng bánh với nhau là hành động bày tỏ sự thân mật, nhất là bánh được nhúng vào đĩa nước chấm. Thật là một vinh dự khi người chủ tiệc trao cho một mẩu bánh. Chúa Giê-xu đã trao bánh cho Giu-đa (*Thi Thiên* 41:9), Giu-đa nhận bánh từ tay Chúa và trong lòng biết rằng mình đang phản bội Ngài. Đối với Chúa Giê-xu, ban bánh là một cử chỉ ân cần của lòng mến khách; đối với Giu-đa, nhận bánh là hành động phản bội xấu xa. *Ma-thi-ơ* 26:24 cho thấy cả cái nhìn của con người lẫn Đức Chúa Trời trong sự kiện này. Theo quan điểm của Chúa, sự phản trắc của Giu-đa đã được Thánh Kinh báo trước và là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời. Nhưng theo cách nhìn của con người, Giu-đa có hành động đê tiện và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc làm của ông ta. Quyền tể trị của Thiên Chúa và trách nhiệm của con người không trái ngược nhau, mặc dầu có thể chúng ta không hiểu được hai điều ấy kết hợp với nhau như thế nào để làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời.

Sau khi Giu-đa nhận bánh, quỷ Sa-tan nhập vào lòng người (*Giăng* 13:27). Và người đi ra thực hiện lời cam kết với các thầy tế lễ mà giao nộp Chúa Giê-xu vào tay họ; thậm chí vào lúc ấy các môn đệ khác không biết Giu-đa đang làm gì. “Người liền đi ra, khi ấy trời đã tối” (*Giăng* 13:30). Đối với Giu-đa mọi sự vẫn còn là đêm tối.

*Thiết lập lễ Tiệc Thánh (Ma-thi-ơ 26:26-30).* Sau khi Giu-đa đã rời khỏi phòng, Chúa Giê-xu thiết lập một điều mới mẻ, đó là lễ Tiệc Thánh (*I Cô-rinh-tô* 11:23-34). Ngài dùng bánh không men và chén trong lễ Vượt Qua, để làm hình bóng về sự chết của Ngài. Bánh bẻ ra ngụ ý thân thể Ngài phải tan nát vì tội lỗi của nhân loại. “Nước trái nho” (*Ma-thi-ơ* 26:29) là hình ảnh về huyết của Ngài bị đổ ra để tha tội cho nhiều người. Thánh Kinh không cho biết có điều đặc biệt hoặc mẫu nhiệm nào xảy ra cho bánh và chén. Vẫn là bánh và “nước trái nho” nhưng giờ đây có ý nghĩa sâu xa hơn: đó là thịt và huyết của Chúa Giê-xu Christ.

Tiệc Thánh nhắc nhở chúng ta trông đợi ngày Đấng Christ trở lại. Chúng ta sẽ giữ bữa tiệc yêu thương này cho đến lúc Ngài đến. (*I Cô-rinh-tô* 11:26). Lễ Vượt Qua cho thấy Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi của thế gian (*Giăng* 1:29). Tiệc Thánh cho chúng ta biết rằng công tác lớn lao này đã được hoàn tất.

Trong *Ma-thi-ơ* 26:29, Chúa Giê-xu thêm vào sự vinh hiển tương lai trong Nước Thiên Đàng. Chúa Giê-xu đã ăn bánh, cá và mật sau khi Ngài sống lại (*Lu-ca* 24:41-43; *Giăng* 21:9-15). Nhưng không có chỗ nào chép Ngài đã uống nước trái nho sau khi sống lại. Ngay cả lúc Ngài đối diện với sự chối bỏ của dân Ngài và sự đau đớn trên thập tự giá, Ngài đang nghĩ về vương quốc sẽ được thành lập bởi sự hy sinh của Ngài. Theo tục lệ người ta uống bốn chén trong lễ Vượt Qua, mỗi chén liên quan đến một trong bốn lời hứa chép trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 6:6-7. Chén thứ ba (“Ta sẽ chuộc các ngươi”) là chén Chúa Giê-xu dùng trong Tiệc Thánh, hình ảnh về sự cứu chuộc mà Ngài sẽ hoàn tất. Chén thứ tư được ứng nghiệm sau khi thiết lập Nước Thiên Đàng.

Bản Thánh Ca mà Chúa Giê-xu và môn đệ hát trước khi rời khỏi phòng cao là một phần của các bài ca truyền thống, các *Thi Thiên* 115-118. Hãy đọc các *Thi Thiên* này dưới ánh sáng của sự chết và sống lại của Đấng Christ để thấy thế nào những *Thi Thiên* này mang một ý nghĩa mới mẻ. Bạn hãy tưởng tượng tâm trạng Chúa chúng ta như thế nào khi Ngài có thể hát ngợi khen Đức Chúa Trời trong lúc đang đối diện với sự chối bỏ, đau đớn và chết chóc.

### **Vườn Ghết-sê-ma-nê: Thuận Phục Tương Phản Với Chống Cự**

*Ma-thi-ơ* 26: 31-56

<sup>31</sup> Ngài bèn phán rằng: Đêm nay các ngươi sẽ đều vấp phạm vì cơ ta, như có chép rằng: Ta sẽ đánh kẻ chân chiên, thì chiên trong bầy sẽ bị tan lạc. <sup>32</sup> Song sau khi ta sống lại rồi, ta sẽ đi đến xứ Ga-li-lê trước các ngươi. <sup>33</sup> Phi-e-rô cất tiếng thưa rằng: Dầu mọi người vấp phạm vì cơ thầy, song tôi chắc

không bao giờ vấp phạm vậy. <sup>34</sup> Đức Chúa Jêsus phán rằng: Quả thật, ta nói cùng người, chính đêm nay, trước khi gà gáy, người sẽ chối ta ba lần. <sup>35</sup> Phi-e-rơ thưa rằng: Dầu tôi phải chết với thầy đi nữa, tôi chẳng chối thầy đâu. Hết thầy môn đồ đều nói y như vậy.

<sup>36</sup> Rồi Đức Chúa Jêsus cùng môn đồ đi đến một chỗ kêu là Ghết-sê-ma-nê. Ngài phán rằng: Hãy ngồi đây đợi ta đi cầu nguyện đàng kia. <sup>37</sup> Đoạn, Ngài bèn đem Phi-e-rơ và hai người con của Xê-bê-đê đi với mình, tức thì Ngài buồn bực và sầu não lắm. <sup>38</sup> Ngài bèn phán: Linh hồn ta buồn bực cho đến chết; các người hãy ở đây và tỉnh thức với ta. <sup>39</sup> Rồi Ngài bước tới một ít, sắp mặt xuống đất mà cầu nguyện rằng: Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén nầy lia khỏi Con! Song không theo ý muốn Con, mà theo ý muốn Cha.

<sup>40</sup> Kế đó, Ngài trở lại với môn đồ, thấy đang ngủ, thì Ngài phán cùng Phi-e-rơ rằng: Thế thì các người không tỉnh thức với ta trong một giờ được! <sup>41</sup> Hãy thức canh và cầu nguyện, kẻo các người sa vào chước cám dỗ; tâm thần thì muốn lấm, mà xác thịt thì yếu đuối. <sup>42</sup> Ngài lại đi lần thứ hai, mà cầu nguyện rằng: Cha ơi! Nếu chén nầy không thể lia khỏi Con được mà Con phải uống, thì xin ý Cha được nên. <sup>43</sup> Ngài trở lại nữa, thì thấy môn đồ còn ngủ; vì mắt họ đã đừ quá rồi. <sup>44</sup> Đoạn, Ngài bỏ họ lại mà đi cầu nguyện lần thứ ba, và lập xin như lời trước. <sup>45</sup> Rồi Ngài đi đến với môn đồ, mà phán rằng: Bây giờ các người ngủ và nghỉ ngơi ư! Này, giờ đã gần tới, Con người sẽ bị nộp trong tay kẻ có tội. <sup>46</sup> Hãy chờ dậy, đi hè, kia kẻ phản ta đến kia.

<sup>47</sup> Khi Ngài còn đương phán, xảy thấy Giu-đa là một người trong mười hai sứ đồ đến với một bọn đông người cầm gươm và gậy, mà các thầy tế lễ cả và các trưởng lão trong dân đã sai đến. <sup>48</sup> Đứa phản Ngài đã trao cho bọn đó dấu nầy: Người nào mà tôi sẽ hôn, ấy là người đó, hãy bắt lấy. <sup>49</sup> Tức thì Giu-đa đến gần Đức Chúa Jêsus, mà rằng: Chào thầy! Rồi hôn Ngài. <sup>50</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus phán cùng nó rằng: Bạn ơi! Vậy thì vì việc nầy mà người đến đây sao? Rồi chúng nó đến gần tra tay bắt Đức Chúa Jêsus.

<sup>51</sup> Và nầy, có một người trong những người ở với Đức Chúa Jêsus giơ tay rút gươm ra, đánh đầu gối của thầy cả thượng phẩm, chém đứt một cái tai của người. <sup>52</sup> Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Hãy nạp gươm vào vỏ; vì hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết vì gươm. <sup>53</sup> Người tưởng ta không có thể xin Cha ta lập tức cho ta hơn mười hai đạo thiên sứ sao? <sup>54</sup> Nếu vậy, thế nào cho ứng nghiệm lời Kinh Thánh đã chép rằng việc nầy tất phải xảy đến? <sup>55</sup> Lúc bấy giờ, Đức Chúa Jêsus cầm chúng rằng: Các người đem gươm và gậy đến mà bắt ta, khác nào như ta là kẻ cướp. Ta thường ngày ngồi trong đền thờ và giảng dạy tại đó, mà các người không bắt ta. <sup>56</sup> Nhưng mọi điều ấy phải xảy đến, hầu cho những lời các đấng tiên tri đã chép được ứng nghiệm. Khi ấy, hết thầy môn đồ bỏ Ngài mà trốn đi.

Tại núi Ô-li-ve có một khu vườn riêng nơi Chúa Giê-xu thường lui

tới cầu nguyện (Giăng 18:2). Ghết-sê-ma-nê có nghĩa là “nơi ép dầu”, một tên gọi đầy ý nghĩa trong sự đau đớn Ngài chịu nơi khu vườn đó.

*Chúa báo trước các môn đồ sẽ thoái lui (Ma-thi-ơ 26:31-35).* Lời tuyên bố này có lẽ được ứng nghiệm lúc các môn đệ bỏ Ngài và trốn đi. Chúng ta thường nhắc đến Phi-e-rơ như là một vị môn đệ không trung thành với Chúa, nhưng tất cả các môn đệ đều rời bỏ Ngài. Chúa Giê-xu trích dẫn *Xa-cha-ri* 13:7 để cảnh báo cho các môn đệ Ngài, nhưng Ngài còn thêm một lời hứa: Ngài sẽ sống lại và gặp họ tại xứ Ga-li-lê. Nhưng rất tiếc, các môn đệ không chú ý gì đến lời hứa về sự sống lại của Ngài. Trong ngày Ngài sống lại, các thiên sứ nhắc họ nhớ lại cuộc hội ngộ tại xứ Ga-li-lê (*Ma-thi-ơ* 28:7,10).

Khi Phi-e-rơ không đồng ý với lời phán của Chúa, là lúc bắt đầu tội chối Chúa. Phi-e-rơ không chịu chấp nhận chữ “tất cả” gồm có ông trong đó. Thay vì làm cho Phi-e-rơ yên lòng, Chúa cảnh cáo riêng ông: Ông sẽ chối Chúa ba lần! Phi-e-rơ nghĩ rằng ông tốt hơn những người khác, nhưng Chúa Giê-xu phán rằng ông sẽ là kẻ hèn nhát hơn những người khác.

Phi-e-rơ cương quyết bác bỏ lời phán của Đấng Christ và các môn đệ khác cũng đồng lòng như vậy. Nếu như Phi-e-rơ lắng nghe lời phán của Chúa Giê-xu và vâng theo, chắc chắn ông sẽ không chối Ngài đến ba lần.

*Chúa hoàn tất sự thuận phục (Ma-thi-ơ 26:36-46).* Ngài để tám môn đệ ở tại lối ra vào khu vườn, trong khi đó Ngài đem Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ đi xa hơn. Đây là lần thứ ba Ngài đem ba môn đệ này đi riêng với Ngài. Họ ở riêng với Ngài trên Núi Hố Hình (*Ma-thi-ơ* 17:1) và trong nhà của Giai-ru nơi Ngài kêu con gái Giai-ru sống lại (*Lu-ca* 8:49). Ngài muốn họ tỉnh thức và cầu nguyện. Ngài đang trải qua giờ phút khó khăn, và sự hiện diện của các môn đệ sẽ an ủi khích lệ Ngài. Chúng ta không nên nghĩ rằng chính nỗi sợ chết đã làm Chúa đau đớn tại vườn Ghết-sê-ma-nê. Ngài không sợ sự chết, nhưng Ngài đối diện cái chết với lòng can đảm và bình an. Ngài sắp “uống cạn chén đau thương” mà

Cha Ngài đã dành sẵn, và điều này có nghĩa Ngài gánh tội của thế gian trong thân thể Ngài (*Giăng* 18:11; 2:24). Nhiều người yêu mến Chúa đã bị bắt, bị đánh đập và bị giết vì cơ đức tin của họ. Nhưng chỉ có Chúa Giê-xu mang lấy tội lỗi và sự rửa sả vì cơ con người (*II Cô-rinh-tô* 5:21; *Ga-la-ti* 3:13). Đức Chúa Cha không hề rời bỏ những kẻ thuộc riêng về Ngài, tuy nhiên Ngài đã lia bỏ Con Ngài (*Ma-thi-ơ* 27:46). Đây là chén mà Chúa Giê-xu bằng lòng uống vì tội lỗi chúng ta.

Chúa Giê-xu không vật lộn với ý chỉ của Đức Chúa Trời hoặc chống lại ý muốn của Cha Ngài. Ngài tự thuận phục ý định của Đức Chúa Trời. Là một người trọn vẹn, Ngài cảm thấy gánh nặng tội lỗi quá lớn, và tâm linh thánh khiết của Ngài ghê tởm tội lỗi. Tuy nhiên là Con Đức Chúa Trời, Ngài biết rằng đây là sứ mạng của Ngài trong thế gian. Sự mầu nhiệm về nhân tính và thần tính của Ngài trong khung cảnh này thật linh động vô cùng.

Phi-e-rơ và đồng bạn của ông hứa trung thành với Thầy của mình cho đến chết, tuy nhiên họ đã ngủ quên! Họ cần phải cầu nguyện cho chính mình, vì sự nguy hiểm rất gần họ. Và chắc chắn sẽ ý nghĩa biết bao cho Chúa của họ nếu như họ tỉnh thức và cầu nguyện với Ngài. Họ đã thất bại, nhưng Thầy của họ đã thành công.

*Chúa bị bắt* (*Ma-thi-ơ* 26:47-56). Chúa Giê-xu biết rằng Giu-đa và quân lính bắt Ngài đến gần, vì vậy Ngài đánh thức các môn đệ dậy và chuẩn bị cho họ đối diện với những điều sắp xảy ra. Việc bọn lính và những người coi giữ đèn thờ cầm gươm và gây cho thấy Giu-đa thực sự không hiểu Chúa Giê-xu. Giu-đa nghĩ rằng quân lính sẽ phải tìm kiếm Chúa Giê-xu ẩn núp trong vườn và phải đánh nhau với các môn đệ mới bắt Ngài được. Nhưng Chúa Giê-xu tiến đến và yên lặng nộp mình trong tay họ. Chắc chắn không cần phải có Giu-đa giao nộp Ngài bằng một cái hôn phản bội, vì Chúa Giê-xu nói cho bọn lính biết Ngài là ai.

Thật thảm thương khi thấy Giu-đa xem thường mọi thứ ông ta đụng đến. Tên của ông có nghĩa là sự khen ngợi (*Sáng Thế Ký* 29:35), nhưng ngày hôm nay ai còn dám đặt tên cho con trai mình

là Giu-đa? Giu-đa dùng nụ hôn làm vũ khí, chứ không phải là dấu hiệu của sự thương yêu. Vào thời đó, các môn đệ có thông lệ hôn thầy của mình. Nhưng trong trường hợp này, nụ hôn không phải là biểu hiện sự thuận phục hoặc tôn kính. Các động từ trong tiếng Hy Lạp cho thấy Giu-đa hôn Chúa Giê-xu nhiều lần.

Vào thời điểm này, vài môn đệ khác hỏi Chúa, “Thưa Chúa, chúng tôi nên dùng gươm đánh chăng?” Lúc Ngài ở với họ trên phòng cao, Chúa Giê-xu đã phán với họ về gươm (*Lu-ca* 22:31-38). Chúa Giê-xu đang chuẩn bị cho họ một cách sống khác. Họ cần phải dùng bất cứ phương tiện nào Chúa chu cấp để sẵn sóc và bảo vệ họ an toàn. Họ sẽ sống giữa thế giới thù địch, và Ngài không luôn luôn thi thố phép lạ để cứu giúp họ.

Vấn đề ở đây là các môn đệ hiểu lầm lời phán dạy của Ngài. Như thường lệ họ hiểu lời Ngài theo nghĩa đen, “Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây.” Và Ngài phán với họ rằng, “Đủ rồi” (*Lu-ca* 22:38). Phi-e-rơ đã cãi lại lời phán của Chúa Giê-xu, ông phủ nhận và không vâng theo lời của Ngài (lúc ông ngủ gục). Bấy giờ ông hành động trước khi nghe lời phán của Ngài. Với lòng hăng hái bảo vệ Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ đã dùng gươm chém đứt tai của Man-chu. Phi-e-rơ không chờ đợi Chúa phán dạy điều ông phải làm, nhưng (giống như Môi-se ở Ai Cập, *Xuất Ê Díp Tô Ký* 2:11-15) Phi-e-rơ vội vã tin vào cánh tay mạnh mẽ của mình. Nếu Chúa Giê-xu không chữa lành cái tai của Man-chu, có thể sẽ có đến bốn cây thập tự trên đồi Gô-gô-tha!

Việc các quan coi đền thờ đã không bắt Chúa Giê-xu khi Ngài ở trong đền thờ chứng tỏ rằng có chương trình tể trị của Đức Chúa Trời trên đời sống của Ngài. Những điều này không tình cờ xảy ra, nhưng có chuẩn bị trước. Đó là tất cả phần việc Đức Chúa Trời thực hiện trong chương trình cứu chuộc của Ngài, tuy vậy con người tội lỗi phải chịu trách nhiệm cho việc làm của mình. “Người đó bị nộp theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời, các người đã mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23).

Đĩ nhiên họ không có quyền bắt Ngài. Ngài không phạm luật

pháp, không phạm tội ác nào. Họ đối đãi Ngài như một tên trộm cướp - tuy vậy chính Giu-đa là tên trộm cướp! Các môn đệ mạnh mẽ hứa ở với Ngài, đã lia bỏ Ngài. “Nầy, giờ đến, là khi các người sẽ tản lạc, ai đi đường nấy, và để ta lại một mình; nhưng ta không ở một mình, vì Cha ở cùng ta” (Giăng 16:32). Sau đó, ngay cả Cha Ngài cũng lia bỏ Ngài!

Mỗi chúng ta phải có quyết định: Sẽ dùng gươm để tự vệ hoặc chấp nhận chén đau thương? Tôi sẽ chống cự hoặc thuận phục ý muốn Đức Chúa Trời? Chén chúng ta nhận lấy thường là chén đau khổ nhưng cuối cùng sự đau thương ấy dẫn đến vinh hiển. Chúng ta không cần phải sợ uống chén, vì Đức Chúa Cha đã dành sẵn đặc biệt cho chúng ta. Ngài biết khả năng nhận lấy chén của chúng ta, và Ngài giao chén ấy theo sự khôn ngoan và lòng thương yêu của Ngài.

## Vua Bị Xử Án

*Ma-thi-ơ 26:57-27:26*

Sau khi bị bắt, quân lính giải Chúa Giê-xu đến nhà của An-ne, nguyên là thầy tế lễ thượng phẩm, ông gia của Cai-phe thầy tế lễ thượng phẩm đương nhiệm (*Giăng 18:3*). An-ne, nhà chính trị tài ba, ở một mức độ nào đó ông ta là “cố vấn” trong hội đồng quản trị đền thờ. Kế đó, Chúa Giê-xu bị điệu đến Cai-phe và đến sáng họ giải Ngài đến tòa công luận. Họ nộp Ngài cho tổng trấn Phi-lát và Phi-lát tìm cách giao Ngài cho vua Hê-rốt xét xử (*Lu-ca 23:6-12*). Nhưng Hê-rốt đã gửi trả Ngài lại cho Phi-lát.

Ma-thi-ơ tập trung lưu ý vào bốn người có liên quan trong vụ xét xử Chúa và sự đau đớn của Chúa.

### Cai-phe

*Ma-thi-ơ 26:57-68*

<sup>57</sup> Những kẻ đã bắt Đức Chúa Jêsus đem Ngài đến nhà thầy cả thượng phẩm Cai-phe, tại đó các thầy thông giáo và các trưởng lão đã nhóm lại. <sup>58</sup> Phi-e-rơ theo Ngài xa xa cho đến sân của thầy cả thượng phẩm, vào ngồi với các kẻ canh giữ đặng coi việc ấy ra làm sao. <sup>59</sup> Bảy giờ các thầy tế lễ cả và cả tòa công luận kiểm chứng đối về Ngài, cho được giết Ngài. <sup>60</sup> Dầu có nhiều người làm chứng đối có mặt tại đó, song tìm không được chứng nào

cả. Sau hết, có hai người đến, <sup>61</sup> nói như vậy: Người nầy đã nói: Ta có thể phá đền thờ của Đức Chúa Trời, rồi dựng lại trong ba ngày. <sup>62</sup> Thấy cả thượng phẩm bèn đứng dậy mà nói với Ngài rằng: Những người nầy làm chứng mà kiện người, người không thưa lại gì sao? <sup>63</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus cứ làm thinh. Thấy cả thượng phẩm lại nói với Ngài rằng: Ta khiến người chỉ Đức Chúa Trời hằng sống mà thôi, hãy nói cho chúng ta, người có phải là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời chăng? <sup>64</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật như lời; vả lại, ta nói cùng các người, về sau các người sẽ thấy Con Người ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời, và ngự trên mây từ trời mà xuống. <sup>65</sup> Thấy cả thượng phẩm bèn xé áo mình mà nói rằng: Nó đã nói phạm thượng; chúng ta còn cần gì người làm chứng nữa sao? Các người vừa nghe lời phạm thượng đó, thì nghĩ làm sao? <sup>66</sup> Chúng trả lời rằng: Nó đáng chết! <sup>67</sup> Họ bèn nhổ trên mặt Ngài, đấm Ngài, lại có kẻ vả Ngài, <sup>68</sup> mà nói rằng: Hỡi Đấng Christ, hãy nói tiên tri đi; cho chúng ta biết ai đánh người.

Theo Luật Pháp Cựu Ước, thầy tế lễ thượng phẩm phải thi hành chức vụ cho đến khi qua đời. Nhưng khi quân đội La Mã cai trị đất nước Y-sơ-ra-ên, họ đã dành quyền bổ nhiệm chức vụ tế lễ thượng phẩm. Theo cách này chính quyền La Mã có thể nắm chắc trong tay một nhà lãnh đạo giáo hội sẵn lòng hợp tác với chính sách đô hộ của họ. An-ne thi hành chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm từ năm thứ 6 SC, cho đến năm 15 SC, và năm con trai của ông cũng như Cai-phe, người con rể, đã tiếp nối chức vụ của ông. Cai-phe là thầy tế lễ thượng phẩm từ năm 18-36 SC, nhưng An-ne vẫn còn quyền hành phía sau ngôi vị (xem *Lu-ca* 3:2).

Cả An-ne và Cai-phe đều thuộc phái Sa-đu-sê, có nghĩa là họ không tin vào sự sống lại, thế giới thần linh, hoặc năng quyền của bất cứ sách Cựu Ước nào trừ Ngũ Kinh của Môi-se. Chính gia đình thầy tế lễ thượng phẩm điều hành “việc mua bán trong đền thờ” mà Chúa Giê-xu đã hai lần phá đổ trong thời gian Ngài thi hành chức vụ. Dĩ nhiên, những con người này thật vui mừng khi bắt được kẻ thù của mình. Cai-phe đã tuyên bố rõ ràng ông dự định dâng Chúa Giê-xu làm con sinh tế để cứu cả dân tộc (*Giăng* 11:47-54).

Thầy cả thượng phẩm vội vàng triệu tập Hội Đồng Quốc Gia,

gồm những nhà lãnh đạo, các trưởng lão và các thầy dạy luật (*Mác 14:53*). Trong khi Hội Đồng Quốc Gia tập trung, Cai-phe và những người giúp việc ra sức tìm nhân chứng có thể đưa ra bằng chứng chống lại Chúa Giê-xu. Họ quyết định Chúa Giê-xu có tội, nhưng họ làm ra vẻ đang xử án theo luật pháp.

Vì không tìm được người làm chứng nào nói đúng sự thật họ muốn (tự thân điều này minh chứng Chúa chúng ta vô tội), cho nên các nhà lãnh đạo sắp đặt những người làm chứng dối để buộc tội Chúa Giê-xu. Luật pháp Môi-se nghịch lại những người làm chứng dối (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 19:15-21*), nhưng ngay cả những nhà lãnh đạo tôn giáo cũng bóp méo Lời Đức Chúa Trời để đạt được những mục đích vị kỷ của mình. Có hai lời chứng đã ứng nghiệm theo văn bản của luật pháp. Nhưng việc họ chủ tâm nói dối đã phá vỡ lời văn lẫn tinh thần của Luật Pháp. Những người làm chứng trịch dẫn một lời phán của Chúa Giê-xu đã dạy trong ngày đầu chức vụ của Ngài: “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại!” (*Giăng 2:19*). Nói nghịch lại đền thờ là một vấn đề nghiêm trọng; về sau Ê-tiên đã chết vì đạo cũng do chính lời buộc tội này (*Công Vụ Các Sứ Đồ 6:12-14; 7:45-50*).

Khi đối diện với lời cáo buộc này, Chúa Giê-xu làm thinh không nói lời nào. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai 53:7. Chúa Giê-xu không thể phủ nhận Ngài đã phán như vậy, nhưng Ngài cũng không thể giải thích ý nghĩa thiêng liêng của lời phán ấy cho những người chỉ tư duy theo cách của thế gian. Qua thái độ đối với kẻ chống nghịch, Chúa Giê-xu đã nêu một gương cho chúng ta noi theo (*I Phi-e-rơ 2:18-23*).

Khi Cai-phe thấy những lời chứng dối không kết tội được Chúa Giê-xu, ông tìm mưu kế khác. Ông ta đặt Chúa Giê-xu dưới áp lực của lời thề. Trong thời đại chúng ta việc khai man và không tôn trọng với sự thật cứ diễn ra, khiến chúng ta không thể hiểu đúng tầm mức quan trọng khi người Giu-đa dùng lời thề. Dĩ nhiên điều này dựa theo Luật Pháp của họ (*Dân Số Ký 30:2; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7; Lê-vi-Ký 19:12*). Cai-phe biết Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Con Đức Chúa Trời (*Giăng 10:30-33*), vì vậy ông buộc Chúa Giê-

xu phải thề về lời tuyên bố đó. Thầy tế lễ khôn ngoan này biết Chúa Giê-xu không thể tránh né câu trả lời.

Chúa Giê-xu khẳng định Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài ứng dụng lời Kinh Thánh trong *Thi Thiên* 110:1 và (*Dân Số Ký* 7:13 và chính Ngài, cả hai câu Kinh Thánh đều nói về Đấng Mết-si-a. Trong hai lời trích dẫn này, Chúa Giê-xu báo trước Ngài sẽ sống lại, thăng thiên về trời và tái lâm trong vinh quang. Khi phán điều này Ngài có ý định ban ơn cứu rỗi cho những ai tin cậy Ngài nhưng đối với Cai-phe đó là bằng chứng để ông kết tội Chúa.

Không xem xét kỹ các chứng cứ buộc tội, Cai-phe đã tuyên án. Việc Chúa Giê-xu bị ngược đãi sau khi Ngài bị kết án quả thật là hành động phi pháp và vô nhân đạo. Dĩ nhiên, tất cả những việc làm này phơi bày tâm địa độc ác của thầy tế lễ. Đồng thời cũng ứng nghiệm lời tiên tri về Đấng Mết-si-a (*Ê-sai* 50:6).

### Phi-e-rơ

*Ma-thi-ơ* 26: 69-75

<sup>69</sup> Bấy giờ Phi-e-rơ vẫn ngồi ngoài sân. Có một người đẩy tờ giấy đến gần, mà nói cùng người rằng: Người cũng là kẻ ở với Jê-sus, người Ga-li-lê. <sup>70</sup> Song Phi-e-rơ chối trước mặt chúng mà rằng: Ta không hiểu người nói chi. <sup>71</sup> Khi đi ra ngoài cửa, lại có một đẩy tờ giấy khác thấy người, bèn nói cùng kẻ ở đó rằng: Người này cũng ở với Jê-sus, người Na-xa-rét. <sup>72</sup> Song Phi-e-rơ lại chối và thề rằng: Ta chẳng hề biết người ấy. <sup>73</sup> Một chập nữa, những kẻ ở gần đó đến gần nói với Phi-e-rơ rằng: Chắc thật, người cũng thuộc về đảng ấy, vì tiếng nói của người khai người ra. <sup>74</sup> Người bèn rửa mà thề rằng: Ta không biết người đó đâu! Tức thì gà gáy. <sup>75</sup> Phi-e-rơ nhớ lại lời Đức Chúa Jê-sus đã phán rằng: Trước khi gà gáy, người sẽ chối ta ba lần. Đoạn, người đi ra và khóc lóc cách đắng cay.

Phi-e-rơ bị mọi người chê trách vì theo Chúa “xa xa” (*Ma-thi-ơ* 26:58) nhưng đó không phải lỗi lầm. Lỗi lầm là ông cứ bám theo Chúa. Đáng lý ra là Phi-e-rơ phải đi khỏi chỗ đó! Chúa Giê-xu đã báo trước cho Phi-e-rơ biết ông sẽ chối Ngài. Chúa Giê-xu cũng trích dẫn lời đấng tiên tri *Xa-cha-ri* 13:7 phán rằng “chiên sẽ tản lạc”. Cuối cùng Chúa Giê-xu đã dứt khoát truyền lệnh cho các

môn đệ đừng đi theo Ngài: “Hãy để cho những kẻ này đi” (*Giăng* 18:8-9). Nếu Phi-e-rô đã chịu nghe lời và làm theo, chắc chắn ông không chối Chúa một cách nhục nhã như vậy.

Sứ đồ Giăng cũng có phần trong sự thất bại này, vì ông đã cùng với Phi-e-rô theo sau Chúa Giê-xu và cả hai đã vào trong sân nhà thầy tế lễ thượng phẩm (*Giăng* 18:15-16). Chúa Giê-xu đã phán dặn họ phải “tỉnh thức và cầu nguyện” kéo họ sa vào cám dỗ (*Ma-thi-ơ* 26:41). Nhưng thay vào đó họ đã ngủ gục, để rồi phải sa vào cám dỗ và Phi-e-rô vấp ngã.

Hành động chối Chúa của Phi-e-rô là cao điểm của một chuỗi thất bại. Lần đầu khi Chúa Giê-xu báo cho Phi-e-rô biết ông sẽ bị quỷ Sa-tan sàng sảy, Phi-e-rô khẳng định ông có đức tin và khả năng trung thành với Chúa. Vì kiêu ngạo Phi-e-rô đã không đồng ý với lời phán của Chúa! Thậm chí ông còn tự so sánh mình với các môn đệ khác và mạnh mẽ tuyên bố, dầu mọi người có thể sa ngã, nhưng ông vẫn trung thành.

Phi-e-rô đứng sưởi ấm bên ngọn lửa của kẻ thù cho thấy ông bị thất bại như thế nào. Phi-e-rô chối Chúa là điều nhục nhã hơn bao giờ hết vì hai người hỏi ông chính là hai đứa tớ gái. Lần thứ ba do một người đàn ông, một người đang cùng đứng xem, chất vấn ông nhưng Phi-e-rô lại thất bại. Người đàn ông này có họ hàng với Man-chu mà Phi-e-rô đã chém đứt tai (*Giăng* 18:26). Vì vậy hành động nông nổi của Phi-e-rô cứ ám ảnh ông ngay cả sau khi Chúa Giê-xu đã chữa lành cho Man-chu.

Bản tường thuật của sách Mác cho biết gà sẽ gáy hai lần (*Mác* 14:30). Sau khi Phi-e-rô chối Chúa lần thứ ba, thì gà gáy lần thứ hai (*Mác* 14:72). Điều này có nghĩa tiếng gà gáy thứ nhất là lời cảnh báo cho Phi-e-rô, đáng lý ra khi nghe gà gáy ông phải lập tức rời khỏi nơi đó. Phi-e-rô đã thất bại hoàn toàn sau lần chối Chúa thứ ba và tiếng gà gáy thứ hai vang lên.

Tiếng gà gáy nhắc Phi-e-rô nhớ lại lời phán của Chúa Giê-xu. Nếu Phi-e-rô nhớ và vâng theo lời dạy của Chúa, chắc chắn ông sẽ không bao giờ chối Thầy của mình. Chính ngay lúc ấy Chúa Giê-xu quay lại nhìn Phi-e-rô (*Lu-ca* 22:61), và ánh mắt yêu thương ấy

đã làm tấm lòng của vị sứ đồ tan nát. Phi-e-rơ đi ra ngoài khóc lóc cách đấng cay.

Sau khi Ngài sống lại, Chúa Giê-xu gặp riêng Phi-e-rơ và phục hồi chức vụ sứ đồ cho ông (*Mác 16:7; I Cô-rinh-tô 15:5*). Chúa Giê-xu cũng phục chức cho ông cách công khai (*Giăng 21:15-19*). Phi-e-rơ nhận được một số bài học quan trọng qua kinh nghiệm chua xót ấy. Ông cần phải chú ý đến lời dạy của Chúa, thức canh cầu nguyện, và không cậy vào sức riêng mình.

### Giu-đa

*Ma-thi-ơ 27 :1-10*

<sup>1</sup> Đến sáng mai, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão trong dân hội nghị nghịch cùng Đức Chúa Jêsus để giết Ngài. <sup>2</sup> Khi đã trói Ngài rồi, họ đem nộp cho Phi-lát, là quan tổng đốc.

<sup>3</sup> Khi ấy, Giu-đa, là kẻ đã phản Ngài, thấy Ngài bị án, thì ăn năn, bèn đem ba chục miếng bạc trả cho các thầy tế lễ cả và các trưởng lão. <sup>4</sup> mà nói rằng: Tôi đã phạm tội vì nộp huyết vô tội! Song họ đáp rằng: Sự đó can gì đến chúng ta? Mặc kệ người. <sup>5</sup> Giu-đa bèn ném bạc vào đền thờ, liền trở ra, đi thất cổ. <sup>6</sup> Nhưng các thầy tế lễ cả lượm bạc và nói rằng: Không có phép để bạc này trong kho thánh, vì là giá của huyết. <sup>7</sup> Rồi họ bàn với nhau dùng bạc đó mua ruộng của kẻ làm đồ gốm để chôn những khách lạ. <sup>8</sup> Nhân đó, ruộng ấy đến nay còn gọi là "ruộng huyết." <sup>9</sup> Bấy giờ được ứng nghiệm lời đấng tiên tri Giê-rê-mi đã nói rằng: Họ lấy ba chục bạc, là giá của Đấng đã bị định bởi con cái Y-sơ-ra-ên, <sup>10</sup> và đưa bạc ấy mà mua ruộng của kẻ làm đồ gốm y như lời Chúa đã truyền cho ta.

Để dân chúng không thể bắt bẻ rằng cuộc họp được triệu tập vội vàng đêm qua là sai Luật Pháp, Hội Đồng Do Thái đã họp lại vào buổi sáng và đọc bản án chính thức kết tội Chúa Giê-xu. Giờ này tất cả mọi người đều có thể tham dự phiên tòa. Có thể Ni-cô-đem và Giô-sép người A-ri-ma-thê không tham dự buổi xử án hoặc từ chối không đồng tình với bản án (*Giăng 19:38-42*). Nhưng người Giu-đa không có quyền thi hành án tử hình (*Giăng 18:31*), vì vậy Chúa Giê-xu bị giải đến Phi-lát, quan toàn quyền La Mã. Chỉ có Phi-lát mới có quyền kết án tử hình phạm nhân.

Vào lúc này, Giu-đa quay lại nơi xử án. Chứng kiến phiên tòa

xét xử Chúa và nghe đọc phán quyết của tòa án, Giu-đa nhận ra rằng Chúa Giê-xu bị kết án tử hình. Giu-đa cảm thấy tiếc nuối và ân hận cho hành động của mình. Từ ngữ Hy Lạp đã dịch là “ăn năn” ở trong *Ma-thi-ơ* 27:3; cho thấy không phải do buồn rầu vì tội lỗi dẫn đến sự biến đổi trong ý định và hành vi, nhưng đó là sự hối hận vì việc đã làm, sự tiếc nuối dẫn đến tuyệt vọng. Phi-e-rơ thực sự đã ăn năn, và Chúa Giê-xu rịt lành cho ông. Nhưng Giu-đa không ăn năn, và điều này khiến ông treo cổ tự tử.

Giu-đa đã bán Chúa Giê-xu với giá của một tên nô lệ (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 21:32). Trong cơn tuyệt vọng, ông ném trả bạc vào đền thờ và bỏ đi. Luật pháp Môi-se không cho phép sử dụng loại tiền dơ bẩn này vào công việc đền thờ (*Phục Truyền Luật Lệ* Ký 23:18). Các nhà lãnh đạo Do Thái cẩn thận tuân thủ Luật Pháp trong khi đó họ đang phạm tội hủy hoại Luật Pháp. Họ dùng tiền ấy mua “đám ruộng của thợ gốm” dùng làm nơi chôn cất khách lạ.

*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:18-19 cho chúng ta hiểu biết thêm về sự kiện này. Giu-đa tự bỏ đi, bị ám ảnh bởi tội ác khủng khiếp của mình, và cuối cùng đã thắt cổ tự tử. Rõ ràng sau mấy ngày người ta mới phát hiện thi thể của Giu-đa, vì nó đã trương lên và ruột gan đổ ra ngoài. Có lẽ cành cây nơi Giu-đa treo cổ bị gãy gãy nên sự cố như vậy.

*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:18 không nói Giu-đa tự tử trong đám ruộng các thầy tế lễ đã mua bởi đồng tiền bán Chúa. Chắc chắn việc Giu-đa treo cổ sẽ làm ô uế đám đất và các thầy tế lễ sẽ chẳng bao giờ mua đám ruộng ấy. *Ma-thi-ơ* 27:7 chép rằng các thầy tế lễ mua một đám ruộng; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:18 chép rằng tiền thưởng của Giu-đa đã được dùng để mua đám ruộng. Giu-đa không thể mua đám ruộng với số tiền ấy vì ông ta đã giao trả lại cho các thầy tế lễ. Các thầy tế lễ gọi nghĩa địa ấy là “ruộng huyết” vì người ta đã mua nó bằng “giá của huyết”. Việc Giu-đa tự sát làm cho đám ruộng nhuộm thêm mùi ô uế, vì chính ông ta là người đóng tiền.

Nhưng, tại sao Ma-thi-ơ liên hệ sự kiện này với lời của đấng tiên tri Giê-rê-mi trong lúc lời tiên tri lại được chép trong *Xa-cha-*

ri 11:12-13 ? Có thể giải thích rằng lời tiên tri trong Xa-cha-ri là do Giê-rê-mi nói lên (chú ý *Ma-thi-ơ* 27:9) và nó trở thành một phần trong lời truyền khẩu của người Giu-đa. Về sau lời truyền khẩu này đã được tiên tri Xa-cha-ri chép lại. Chắc chắn tiên tri Giê-rê-mi có liên quan đến vụ mua một đám ruộng (*Giê-rê-mi* 32:6), liên quan đến nhà một người thợ gốm (*Ma-thi-ơ* 18:1), và đến nơi chôn cất người chết (19:1-12). Có lẽ *Ma-thi-ơ* đang liên hệ các sự kiện trên đây để làm bối cảnh cho lời tiên tri do Xa-cha-ri chép lại.

### Phi-lát

*Ma-thi-ơ* 27:11-26

<sup>11</sup> Đức Chúa Jê-sus đứng trước quan tổng đốc, quan hỏi rằng: Có phải người là Vua của dân Giu-đa không? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Thật như lời. <sup>12</sup> Trong lúc các thầy tế lễ cả và các trưởng lão kiện Ngài, Ngài không đối đáp gì hết. <sup>13</sup> Phi-lát bèn nói cùng Ngài rằng: Họ có nhiều điều làm chứng kiện người, người há không nghe đến sao? <sup>14</sup> Song Đức Chúa Jê-sus không đáp lại một lời gì, đến nỗi làm cho quan tổng đốc lấy làm lạ lắm.

<sup>15</sup> Phàm đến ngày lễ Vượt Qua, quan tổng đốc thường có lệ tha một tên tù tùy ý dân muốn. <sup>16</sup> Đang lúc ấy, có một tên phạm nổi tiếng, tên là Ba-ra-ba. <sup>17</sup> Khi chúng đã nhóm lại, thì Phi-lát hỏi rằng: Các người muốn ta tha người nào, Ba-ra-ba hay là Jê-sus gọi là Christ? <sup>18</sup> Vì quan ấy biết bởi lòng ghen ghét nên chúng đã nộp Ngài. — <sup>19</sup> Quan tổng đốc đương ngồi trên tòa án, vợ người sai thưa cùng người rằng: Đừng làm gì đến người công bình đó; vì hôm nay tôi đã bởi cố người mà đau đớn nhiều trong chiêm bao. — <sup>20</sup> Song các thầy tế lễ cả và các trưởng lão dỗ chúng hãy xin tha Ba-ra-ba và giết Đức Chúa Jê-sus. <sup>21</sup> Quan tổng đốc cất tiếng hỏi rằng: Trong hai người nầy, các người muốn ta tha ai? Chúng thưa rằng: Ba-ra-ba. <sup>22</sup> Phi-lát nói rằng: Vậy, còn Jê-sus gọi là Christ, thì ta sẽ xử thế nào? Chúng đều trả lời rằng: Đóng đinh nó trên cây thập tự! <sup>23</sup> Quan hỏi: Song người nầy đã làm việc dữ gì? Chúng lại kêu la lớn hơn rằng: Đóng đinh nó trên cây thập tự! <sup>24</sup> Phi-lát thấy mình không thắng nổi chi hết, mà sự ồn ào càng thêm, thì lấy nước rửa tay trước mặt thiên hạ, mà nói rằng: Ta không có tội về huyết của người nầy; điều đó mặc kệ các người. <sup>25</sup> Hết thấy dân chúng đều đáp rằng: Xin huyết người lại đổ trên chúng tôi và con cái chúng tôi! <sup>26</sup> Phi-lát bèn tha tên Ba-ra-ba cho chúng; và khiến đánh đòn Đức Chúa Jê-sus, đoạn giao Ngài ra để đóng đinh trên cây thập tự.

Bôn-xơ Phi-lát là viên toàn quyền thứ sáu do chính quyền La Mã cử đến cai trị xứ Giu-đê. Ông không được người Do Thái thích vì đã nhiều lần cố tình vi phạm luật pháp xứ này và làm phiền hà dân chúng. Ông ta sẵn sàng giết người để hoàn thành các mục tiêu của mình (*Lu-ca* 13:1). Địa vị của Phi-lát luôn luôn bấp bênh bởi vì quan hệ của ông với người Y-sơ-ra-ên trở nên xấu đi và vì chính sách thay đổi của người La Mã đối với người Giu-đa.

Các nhà lãnh đạo Do Thái tố cáo Chúa Giê-xu phạm ba tội. Họ tuyên bố rằng Ngài đã dẫn dắt dân tộc đi sai lạc, ngăn cấm việc nộp thuế, và tự xưng là Vua (*Lu-ca* 23:2). Đây là những lời buộc tội thuộc về chính trị, loại tội phạm mà một quan toàn quyền La Mã có thể xử lý. Phi-lát tập trung vào tội thứ ba - tội Chúa Giê-xu đã tuyên bố Ngài là Vua - bởi vì tội này đe dọa nền an ninh của chính quyền La Mã. Nếu giải quyết được “cuộc dấy loạn” này, Phi-lát có thể làm hài lòng người Giu-đa và đồng thời làm cho hoàng đế La Mã nở nụ cười.

Phi-lát hỏi, “chính người là Vua dân Giu-đa phải không?” Chúa Giê-xu cho ông ta câu trả lời rõ ràng: “Thật như lời người nói”. Tuy nhiên, lúc ấy Chúa Giê-xu hỏi lại Phi-lát rằng có phải ông ta (*Giăng* 18:34-37) đang nghĩ về “vương quyền” của người La Mã chăng. Nếu vậy, Chúa Giê-xu không phải là vị vua ấy. Chúa Giê-xu giải thích cho viên toàn quyền hiểu rằng vương quốc của Ngài không thuộc về thế gian này, nước Ngài không cần có quân đội, những kẻ theo Ngài không đánh trận. Hơn nữa, nước Ngài là triều đại của lẽ thật.

Cuộc đối thoại khiến Phi-lát tin rằng Chúa Giê-xu không phải là một người bạo loạn nguy hiểm. Phi-lát quyết định, “Ta chẳng thấy người có tội lỗi gì cả”. Nhưng các quan cai trị người Giu-đa đòi Phi-lát kết tội Chúa Giê-xu. Họ nhắc lại lời cáo buộc của mình và khi mô tả đầy đủ chi tiết về những lời cáo giác của họ, họ nói rằng Chúa Giê-xu là người Ga-li-lê. Khi Phi-lát nghe điều này, ông thấy có cách thoát khỏi tình trạng khó xử của mình, bởi vì xứ Ga-li-lê thuộc quyền cai trị của Vua Hê-rốt. Có thể Hê-rốt không hài lòng về Phi-lát vì ông đã giết các công dân của Hê-rốt

(Lu-ca 13:1). Chắc chắn Phi-lát nghĩ đây là cơ hội để ông làm hòa với Hê-rốt.

Ma-thi-ơ không ghi lại cuộc xử án của vua Hê-rốt A-c-ríp-ba (Lu-ca 23:6-13). Hê-rốt là người đã giết Giăng Báp-tít và dọa giết Chúa Giê-xu (Lu-ca 13:31-32). Chúa Giê-xu yên lặng trước mặt vua Hê-rốt, vì Hê-rốt đã bịt tai trước tiếng nói của Đức Chúa Trời. Tất cả những gì vua có thể làm là nhạo báng Chúa Giê-xu và chuyển trả Ngài lại cho Phi-lát. Nếu Phi-lát hy vọng trút bỏ được rắc rối, ắt ông ta đã thất vọng. Tuy nhiên, thủ đoạn này đã giải quyết được mối bất hòa giữa hai nhà cai trị.

Phi-lát muốn giải quyết rắc rối nhưng không có quyết định cụ thể nào về Chúa Giê-xu. Là một quan toàn quyền La Mã, ông ta thể phải giữ đúng kỷ cương phép nước. Nhưng là nhà chính trị, ông ta biết phải chịu theo ý muốn của dân chúng. Phi-lát hết đưa ra quyết định này lại dẫn đến quyết định khác, ông cứ lẩn quẩn trong sự tránh né. Ông chất vấn Chúa Giê-xu thêm nữa, nhưng Ngài không trả lời.

Phi-lát muốn gỡ rối bằng cách áp dụng tập tục ân xá tù nhân. Thay vì chọn một tù nhân vô danh tiểu tốt nào đó, Phi-lát cố tình chọn tên tù phạm nguy hiểm nhất ông đang giam giữ đó là Ba-na-ba. Ba-na-ba là tên trộm cướp (Giăng 18:40) và là gã giết người (Mác 15:7). Phi-lát lập luận rằng đám đông sẽ từ chối Ba-na-ba và đòi tha cho Chúa Giê-xu, vì có ai muốn tha một tên giết người và trộm cướp lộng hành trong xã hội?

Nhưng Phi-lát đã tính sai. Mặc dầu Chúa Giê-xu săn sóc dân chúng qua hành động chữa lành người bệnh và kêu kẻ chết sống lại, nhưng dân chúng vẫn từ chối Ngài và chọn xin tha cho tên giết người. Phi-lát nhận ra rằng cuộc náo loạn trong dân chúng đang tiếp tục nổi lên, và ông không thể để cho điều này xảy ra. Đây chính là điểm các nhà cai trị muốn tránh - cuộc náo loạn trong kỳ lễ Vượt Qua (Ma-thi-ơ 26:5) - họ tự sắp đặt để buộc Phi-lát phải hành động. Viên toàn quyền đã hành động hoàn toàn ngoài ý muốn cá nhân và không đặt trên nền tảng chính trực. Ông ta trả tự do cho người có tội và kết án người vô tội. Con người vô tội đó là

Con Đức Chúa Trời.

Phi-lát thực hiện ba bước nhằm trút bỏ mọi trách nhiệm. Trước hết, ông rửa tay và tuyên bố ông không có tội trong việc kết án này. Thứ hai, ông nói rằng Chúa Giê-xu là người công chính không đáng chết. Thứ ba, ông cho phạt Chúa Giê-xu rồi thả Ngài, nhưng các nhà lãnh đạo tôn giáo không chấp nhận giải pháp dung hòa nào cả. Cuối cùng, họ dùng một đòn giáng phủ đầu Phi-lát khiến ông không còn cách nào tự vệ được: “Nếu quan tha người này, thì quan không phải là trung thần của Sê-sa; vì hễ ai tự xưng là Vua, ấy là người xướng lên nghịch cùng Sê-sa vậy!” (*Giăng* 19:12). Đến lúc này, Phi-lát chịu thúc thủ, người sai đánh đòn Chúa Giê-xu và giao Ngài cho chúng đóng đinh trên thập tự giá.

Vì người Giu-đa không thể hành hình tội phạm, cho nên họ cần có sự trợ giúp của nhà cầm quyền La Mã; và Phi-lát đã phát lệnh. Dĩ nhiên, tất cả điều này xảy ra để ứng nghiệm lời tiên tri. Dân Giu-đa không đóng đinh tử tội; họ xử tử phạm nhân bằng cách ném đá. *Thi Thiên* 22:1-30 do một người Giu-đa viết về cảnh đóng đinh thật sống động. “Chúng nó đâm lủng tay và chân tôi” (*Thi Thiên* 22:16). Chúa Giê-xu đã bị rửa sả vì cơ chúng ta, vì “kẻ nào bị treo ắt bị Đức Chúa Trời rửa sả” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:23; *Ga-la-ti* 3:13). Nhưng Đức Chúa Trời vẫn hành động để làm trọn mục đích thiên thượng của Ngài.

Phi-lát biết điều đúng, nhưng ông không làm. Ông “muốn làm đẹp lòng dân chúng” (*Mác* 15:15). Giu-đa đã đầu hàng ma quỷ mà phạm tội trọng trước mặt Đức Chúa Trời (*Giăng* 13:2,27); Phi-e-rô không chống lại được cám dỗ của xác thịt khi ông chối Chúa; nhưng Phi-lát nhượng bộ thế gian và nghe theo yêu cầu của dân chúng. Phi-lát tìm kiếm con đường dễ dãi, nhưng không tìm kiếm lẽ công bình. Phi-lát được lịch sử ghi lại là con người kết án Chúa Giê-xu.

## Vua Chịu Khổ Và Chết

*Ma-thi-ơ 27:27 - 66*

Ma-thi-ơ và các tác giả Phúc Âm khác ghi lại các sự kiện lịch sử về sự đau khổ và chết của Chúa chúng ta. Còn có các tác giả thư tín Tân Ước giải thích ý nghĩa thần học của sự kiện này. Lịch sử chép rằng “Đấng Christ đã chết”, nhưng thần học giải thích, “Đấng Christ chết vì tội chúng ta...” (*I Cô-rinh-tô 15:3*). Chúng ta hãy xem xét những nỗi đau đớn khác nhau mà Chúa chúng ta phải mang lấy trong thời gian ấy.

### Ngài Bị Quân Lính Nhạo Báng

*Ma-thi-ơ 27: 27-30*

<sup>27</sup> Lính của quan tổng đốc bèn đem Đức Chúa Jêsus vào công đường, và nhóm cả cơ binh vây lấy Ngài. <sup>28</sup> Họ cởi áo Ngài ra, lấy áo điều mà khoác cho Ngài. <sup>29</sup> Đoạn, họ đương một cái mào gai mà đội trên đầu, và để một cây sậy trong tay hữu Ngài; rồi quì xuống trước mặt Ngài mà nhạo báng rằng: Lạy Vua của dân Giu-đa! <sup>30</sup> Họ nhổ trên Ngài và lấy cây sậy đánh đầu Ngài.

Bản án chính thức buộc tội Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Vua dân Giu-đa (*Ma-thi-ơ 27:37*). Quân lính lợi dụng cơ hội kết tội

này để nhục mạ vua. Đó là cách đối xử độc ác với tù nhân vô tội sau khi đã bị đánh đòn. Nhưng Phi-lát chẳng làm gì để ngăn chúng lại. Ông ta vui vì tù nhân đã thoát khỏi tay mình.

Trước hết bọn lính lột áo choàng Ngài ra và mặc cho Ngài một cái “áo choàng của lính”. Bạn hãy tưởng tượng Hoàng Tử Bình An (*Ê-sai* 9:6) lại mặc chiếc áo lính bị rách tả tơi! Ma-thi-ơ miêu tả chiếc áo choàng có màu đỏ tươi, trong khi Mác dùng từ màu tím. Không có gì trái ngược trong hai cách giải thích; “đỏ điều” là cách miêu tả hay nhất cho chiếc áo đã bị phai màu. Bạn thử nghĩ Chúa chúng ta cảm thấy thế nào khi bọn lính choàng chiếc áo này lên thân thể rướm máu của Ngài.

Vua thì phải có vương miện, vì vậy quân lính đan một cái mũ bằng gai và đội lên đầu Ngài. Họ trao cho Ngài một cây sậy làm vương trượng, và rồi quì xuống trước mặt Ngài và chế giễu rằng, “Lạy Vua dân Giu-đa!” Họ say sưa nhạo báng mà không nhận ra rằng Đấng họ đang chế giễu ấy lại là Vua các vua và Chúa các chúa.

Kế đến họ làm một việc mà không có thần dân nào đối đãi với vua của mình cả: Họ nhổ trên Ngài và lấy cây sậy đánh trên đầu Ngài. Bọn lính thay nhau nhục mạ Ngài, một số quì trước mặt Ngài, số khác đánh trên đầu Ngài hoặc khắc nhổ vào mặt Chúa (*Ê-sai* 50:6). Chúa Giê-xu chịu mọi nhục nhã đau đớn không một lời than van hoặc chống lại (*I Phi-e-rơ* 2:18-23). Sự thuận phục của Ngài không phải là dấu hiệu của sự yếu đuối nhưng đó là dấu hiệu của sức mạnh.

## Ngài bị đóng đinh

*Ma-thi-ơ* 27: 31-38

<sup>31</sup> Khi đã nhạo báng Ngài rồi, thì họ cởi áo điều ra mà mặc áo của Ngài lại, rồi đem Ngài đi đóng đinh trên cây thập tự.

<sup>32</sup> Khi họ đi ra, gặp một người ở thành Sy-ren tên là Si-môn; thì bắt người vác cây thập tự của Đức Chúa Jê-sus. <sup>33</sup> Đã đi tới một chỗ gọi là Gô-gô-tha, nghĩa là chỗ cái Sọ, <sup>34</sup> họ cho Ngài uống rượu trộn với mật đắng; song Ngài nếm, thì không chịu uống. <sup>35</sup> Họ đã đóng đinh Ngài trên cây thập tự rồi, thì

bắt thăm mà chia nhau áo xống của Ngài. <sup>36</sup> Rồi họ ngồi đó mà canh giữ Ngài. <sup>37</sup> Phía trên đầu Ngài họ để cái bảng đề chữ, chỉ về án Ngài, rằng: Người này là Jê-sus, Vua dân Giu-đa.

<sup>38</sup> Cũng lúc đó, họ đóng đinh hai tên trộm cướp với Ngài, một tên ở cây thập tự bên hữu, một tên ở cây thập tự bên tả.

Đóng đinh là hình phạt đau đớn và khổ nhục nhất dùng để xử tử một phạm nhân. Chúa Giê-xu không chỉ chịu chết nhưng... “thậm chí chết trên cây thập tự” (*Phi-líp 2:8*). Thông thường công dân có quốc tịch La Mã không bị đóng đinh trên thập tự giá. Thực ra, người ta không bao giờ nhắc đến hình ảnh thập tự giá trong xã hội có học thức, vì vậy mọi người đều khinh bỉ án tử hình này.

Quân lính dẫn Chúa Giê-xu ra ngoài thành phố đến nơi hành hình (*Hê-bơ-rơ 13:12-13*). Phạm nhân buộc phải mang cây thập tự của mình (hoặc ít nhất phải vác cái thanh ngang), và phải đeo một tấm bảng trên cổ để thông báo cho mọi người biết về tội ác của mình. Sau đó tấm bảng được treo phía trên đầu của tội nhân trên thập tự giá để mọi người đều thấy.

Trong khi bản tường thuật không nói rõ nhưng dường như Chúa Giê-xu không thể vác thập tự, và điều này làm đám đông đi chậm lại. Khi nhớ lại Ngài đã thức suốt đêm, bị quân lính đánh đòn, và sỉ nhục, chúng ta có thể kết luận rằng Ngài bị kiệt sức. Chúa Giê-xu bắt đầu vác thập tự giá mình (*Giăng 19:17*). *Mác 15:22* viết, “Bọn lính đem Chúa Giê-xu lên đồi Gô-gô-tha” (dịch theo nghĩa đen). Điều này cho thấy bọn lính phải giúp đỡ Ngài trong đoàn diễu hành, vì chữ “đem” có nghĩa là “mang, vác”.

Cuộc hành hình này được thực hiện gấp rút. Người ta sắp tổ chức lễ Vượt Qua, và các nhà lãnh đạo Do Thái không muốn ngày lễ thánh của họ bị ảnh hưởng bởi các thầy còn treo trên thập tự giá (*Giăng 19:31*). Để đẩy nhanh cuộc hành hình, bọn lính chọn một du khách viếng thăm Giê-ru-sa-lem, đó là Si-môn người Sy-ren. Ông ta đã đến Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua, và bây giờ ông ta chịu nhục vì bị buộc phải vác thập tự của một tội phạm vô danh! Quân lính La Mã có quyền điều động mọi người (*Ma-thi-ơ 5:41*).

Mác nói đến Si-môn như thế khi đọc đến sách Mác người ta sẽ nhận ra ngay ông ấy: “cha A-léc-xan-đơ và Ru-phu” (Mác 15:21). Hình như hai người con này là những thành viên có tiếng tăm trong Hội Thánh. Có thể qua kinh nghiệm nhục nhả này đã đem đến cho Si-môn và gia đình của ông cơ hội gặp Chúa và trở thành Cơ Đốc nhân. Si-môn đến Giê-ru-sa-lem để dâng chiên con trong lễ Vượt Qua và ông đã gặp Chiên Con của Đức Chúa Trời Đấng hy sinh thay cho ông.

Theo thông lệ người ta cho các phạm nhân sắp bị đóng đinh uống rượu thuốc để xoa dịu cơn đau. Nhưng Chúa Giê-xu không chịu uống; Ngài muốn tỉnh táo trong khi làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, điều này ứng nghiệm lời Kinh Thánh trong *Thi Thiên* 69:21.

Theo lệ thường bọn lính chia nhau của cướp được tại buổi hành hình. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri trong *Thi Thiên* 22:18. Sau khi bắt thăm chia áo dài của Ngài xong (*Giăng* 19:23-25), bọn lính ngồi xuống và “canh giữ Ngài” (*Ma-thi-ơ* 27:36). Dù sao, mọi người đều biết Chúa Giê-xu này là một người làm phép lạ. Không ai biết có bao nhiêu người theo Ngài, nhưng nếu có thì có lẽ lúc ấy họ cũng đang chuẩn bị để giải cứu Ngài. Trong tập thể môn đệ của Ngài có một người theo đảng Xê-lốt (*Ma-thi-ơ* 10:4; -”Si-môn đảng viên Xê-lốt”), đó là một nhóm người cuồng tín không từ một thủ đoạn nào khi họ nổi loạn chống lại chính quyền La Mã.

Kết hợp các bản ghi chép trong các sách Phúc Âm, chúng ta đạt được lời luận tội đầy đủ được treo phía trên đầu Ngài: “Đây là Giê-xu, người Na-xa-rét, Vua dân Giu-đa.” Các nhà lãnh đạo Do Thái không đồng ý những gì Phi-lát cho viết, nhưng chỉ có lần này Phi-lát không thay đổi ý định (*Giăng* 19:21-22). Về một ý nghĩa nào đó, tước hiệu này chứng tỏ đó là “truyền đạo đơn” đầu tiên từng được viết ra. Nó thông báo cho một trong hai tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài biết rằng Ngài là Đấng Cứu Thế và là Vua. Tên cướp ấy mạnh dạn tin vào sứ điệp ngắn ngủi này và cầu xin Chúa Giê-xu cứu mình!

**Người Giu-đa Nhạo Báng Ngài**

*Ma-thi-ơ 27:39-44*

<sup>39</sup> Những kẻ đi ngang qua đó chê cười Ngài, lắc đầu, <sup>40</sup> mà nói rằng: Người là kẻ phá đền thờ và dựng lại trong ba ngày, hãy cứu lấy mình đi! Nếu người là Con Đức Chúa Trời, hãy xuống khỏi cây thập tự! <sup>41</sup> Các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão cũng nhạo Ngài rằng: <sup>42</sup> Nó đã cứu kẻ khác mà cứu mình không được. Nếu phải Vua dân Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy xuống khỏi cây thập tự đi, thì chúng ta mới tin. <sup>43</sup> Nó nhờ cậy Đức Chúa Trời; nếu Đức Chúa Trời yêu nó thì bây giờ Ngài phải giải cứu cho, vì nó đã nói rằng: Ta là Con Đức Chúa Trời. <sup>44</sup> Hai tên trộm cướp bị đóng đinh trên cây thập tự với Ngài cũng nhức móc Ngài như vậy.

Chúa Giê-xu không bị xử tội trong một tòa nhà yên tĩnh, cách xa sự ồn ào và nhộn nhịp của thành phố. Ngài bị hành hình nơi một xa lộ có đông người qua lại, vào một ngày có thể có hàng trăm người đi lại. Việc bản cáo trạng của Ngài được viết theo ba thứ tiếng - Hy Lạp, Hê-bơ-rơ, và La-tinh - cho thấy có một đám đông người thuộc mọi chủng tộc trên thế giới đã đi ngang đồi Gô-gô-tha, “nơi được gọi là cái Sọ”. Điều này tự nó cũng là sự sỉ nhục vì khách qua đường có thể nhìn thấy và không tiếc lời nhức móc nạn nhân. Hơn nữa, điều này đã được tiên tri trong *Thi Thiên* 22:6-8.

Đám đông thường dân chê cười khinh bỉ Ngài chưa đủ, các nhà lãnh đạo Giu-đa cũng góp lời mắng nhức Ngài. Họ nhắc lại lời Ngài phán hứa sẽ xây lại đền thờ trong ba ngày (*Giăng* 2:19; *Ma-thi-ơ* 26:61). “Nếu người có thể làm được điều đó, hãy xuống khỏi cây thập tự và chứng tỏ người là Con Đức Chúa Trời!

Thật ra, chính việc Ngài ở trên thập tự giá minh chứng Ngài là Con của Cha Thiên Thượng.

Các bậc lãnh đạo tôn giáo nhạo báng lời Ngài tuyên bố là Đấng Cứu thế. “Nó đã cứu kẻ khác; mà cứu mình không được” (*Ma-thi-ơ* 27:42). Ngài đã cứu người khác. Nhưng nếu Ngài tự cứu mình, thì chẳng có ai được cứu cả! Ngài không đến để cứu sự sống mình, nhưng Ngài đã đến phó mình làm giá chuộc nhiều người.

## Đức Chúa Cha từ bỏ Ngài

*Ma-thi-ơ 27: 45-56*

<sup>45</sup> Từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín, khắp cả xứ đều tối tăm mù mịt. <sup>46</sup> Ước chừng giờ thứ chín, Đức Chúa Jê-sus kêu tiếng lớn lên rằng: Ê-li, Ê-li, lam-ma-sa-bách-ta-ni? nghĩa là: Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi? <sup>47</sup> Có mấy người đứng đó, nghe kêu, thì nói rằng: Nó kêu Ê-li. <sup>48</sup> Liền có một người trong bọn họ chạy lấy một miếng bông đá, và thấm đầy dấm, để trên đầu cây sậy mà đưa cho Ngài uống. <sup>49</sup> Nhưng kẻ khác thì lại nói rằng: Hãy để vậy, coi thử có Ê-li đến giải cứu nó chăng. <sup>50</sup> Đức Chúa Jê-sus lại kêu lên một tiếng lớn nữa, rồi trút linh hồn.

<sup>51</sup> Và nầy, cái màn trong đền thờ bị xé ra làm hai từ trên chí dưới, đất thì rung động, đá lớn bể ra, <sup>52</sup> mồ mả mở ra, và nhiều thầy của các thánh qua đời được sống lại. <sup>53</sup> Sau khi Đức Chúa Jê-sus đã sống lại, các thánh đó ra khỏi mồ mả, đi vào thành thánh, và hiện ra cho nhiều người thấy. <sup>54</sup> Thấy đội và những lính cùng với người canh giữ Đức Chúa Jê-sus, thấy đất rung động và những điều xảy đến, thì sợ hãi lắm, mà nói rằng: Thật người nầy là Con Đức Chúa Trời. <sup>55</sup> Và, có nhiều người đàn bà đứng coi ở đằng xa, là người đã đi theo Đức Chúa Jê-sus từ xứ Ga-li-lê để hầu việc Ngài. <sup>56</sup> Trong những đàn bà đó có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri, mẹ của Gia-cơ và Giô-sép, và mẹ hai con trai của Xê-bê-đê.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh vào lúc chín giờ sáng, và Ngài bị treo dưới nắng từ chín giờ cho đến trưa. Nhưng đến ban trưa một màn đêm kỳ lạ bao trùm khắp đất. Đây không phải là trận bão cát hoặc hiện tượng nhật thực, như một số nhà thần học phái tự do gợi ý. Đó là sự tối tăm từ trên trời kéo dài đến ba tiếng đồng hồ. Như thể tất cả tinh tú đang cảm thương Đấng Tạo Hóa. Trước ngày lễ Vượt Qua, có ba ngày tối tăm tại xứ Ai Cập (*Xuất Ê Díp Tô Ký* 10:21-23); và có ba giờ tối tăm xảy ra trước khi Chiên Con của Đức Chúa Trời chịu chết đền tội cho nhân loại.

Chúa Giê-xu đã phán ít nhất ba lần trước khi sự tối tăm này xảy ra. Trong khi chúng đóng đinh Ngài, Ngài liên tục cầu nguyện, "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì" (*Lu-ca* 23:34). Ngài đã phán với tên trộm cướp ăn năn và bảo đảm với anh ta một chỗ ở trong thiên đàng (*Lu-ca* 23:39-43). Ngài cũng giao mẹ của Ngài cho vị môn đệ Ngài yêu, đó là Giăng lo chăm sóc bà, (*Giăng* 19: 18-27). Nhưng khi sự tối tăm xảy ra, Chúa Giê-

xu yên lặng trong suốt ba giờ.

Sau ba giờ đó, màn đêm tan đi. Chúa Giê-xu kêu lên, “Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi?” Đây là lời trích dẫn trực tiếp trong *Thi Thiên* 22:1. Chính trong suốt thời gian tối tăm đó Chúa Giê-xu đã gánh chịu tội lỗi vì chúng ta (*II Cô-rinh-tô* 5:21). Ngài đã bị Đức Chúa Cha từ bỏ! Sự tối tăm là biểu tượng của cơn đoán phạt Ngài gánh chịu, khi Ngài “đã nên sự rửa sả” vì chúng ta (*Ga-la-ti* 3:13). *Thi Thiên* 22:2 nói lên một khoảng thời gian sáng và khoảng thời gian tối tăm; *Thi Thiên* 22:3 nhấn mạnh sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết lại chấp nhận Con Ngài trở nên tội lỗi được?

Chúa Giê-xu kêu lên những từ này bằng tiếng Hê-bơ-rơ, và những người đứng đó không hiểu Ngài nói gì. Họ nghĩ rằng Ngài đang gọi Ê-li đến cứu Ngài. Nếu họ chịu lắng nghe kỹ và tham khảo trong *Thi Thiên* 22:1-30, ắt sẽ hiểu lời phán của Ngài.

Liên tiếp rất nhanh Chúa phán ba lần nữa. Ngài phán, “Ta khát” (*Giăng* 19:28) điều này ứng nghiệm *Thi Thiên* 69:21. Một người thấy thương Ngài bèn lấy bông đá tẩm rượu chua cột vào đầu cây gậy đưa cho Chúa nhắm. Những kẻ khác thì đứng đợi xem Ê-li có đến cứu Ngài không.

Sau đó Chúa Giê-xu kêu lớn tiếng, “Mọi việc đã được trọn! Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha!” Sự việc Chúa kêu lớn tiếng cho thấy Ngài hoàn toàn tỉnh táo. Kế đó Ngài trút linh hồn và qua đời.

Mặc dầu Ngài “nhơn sự yếu đuối đã bị đóng đinh” (*II Cô-rinh-tô* 13:4), nhưng Ngài đã thực hành quyền năng lạ lùng khi Ngài chết. Ba phép lạ xảy ra đồng thời: Bức màn trong đền thờ bị xé ra làm hai từ trên xuống dưới; cơn động đất làm mồ mả mở toang; một số các thánh đã qua đời được sống lại. Bức màn trong đền thờ bị xé rách là hình bóng dạy dỗ một chân lý kỳ diệu về con đường được mở ra để con người có thể đến cùng Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 10:14-26). Giờ đây không cần có đền thờ, thầy tế lễ, bàn thờ, hoặc của tế lễ nào nữa. Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác cứu rỗi

trên thập tự giá.

Cơn động đất nhắc chúng ta nhớ những gì đã xảy ra tại núi Si-na-i khi Đức Chúa Trời trao luật pháp của Ngài cho lãnh tụ Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:16). Trận động đất tại đồi Gô-gô-tha báo hiệu cho chúng ta biết rằng mọi đòi hỏi của luật pháp đã được thỏa mãn và sự rửa sả của luật pháp được cất bỏ vĩnh viễn (*Hê-bơ-rơ* 12:18-24). Bức màn bị xé làm đôi chứng tỏ Ngài đã chinh phục tội lỗi; trận động đất minh chứng Ngài chinh phục và làm trọn Luật Pháp; và sự sống lại bày tỏ Ngài đắc thắng cõi chết.

Chúng ta không được Kinh Thánh cho biết các thánh được sống lại này là ai. Họ chỉ là những Cơ Đốc nhân đã chết. Bản Kinh Thánh King James cho rằng họ không ra khỏi phần mộ cho đến sau khi Chúa Giê-xu sống lại; Bản Kinh Thánh New America Standard Bible đồng ý với quan điểm này. Thật khó tin rằng họ đã được sống lại vào chiều thứ sáu nhưng còn lưu lại trong phần mộ cho đến ngày Chúa Nhật. Bản Kinh Thánh NIV cho rằng các thánh này được sống lại ngay tức khắc và ra khỏi phần mộ của họ, nhưng họ không viếng thăm Giê-ru-sa-lem cho đến sau khi Chúa Giê-xu từ kẻ chết sống lại. Không chắc có nhiều người Giu-đa có mặt tại phần mộ trong ngày lễ Vượt Qua, bởi vì họ sợ bị ô uế bởi thầy người chết. Có thể sự sống lại của các thánh đồ đã xảy ra vào lúc ấy mà không người nào phát hiện ra.

Kết quả của những sự việc này là lời làm chứng của viên thầy đội và những người chứng kiến khác. “Quả thật người này là Con Đức Chúa Trời”. Điều này có bày tỏ đức tin cứu rỗi không? Không hẳn là thế. Nhưng chắc chắn cho thấy nhiều tấm lòng rộng mở cho chân lý.

Giăng là môn đệ duy nhất có mặt tại chân thập tự giá lúc Chúa Giê-xu tắt hơi (*Giăng* 19:35). Nhưng có nhiều phụ nữ đang đứng nhìn ở cách xa, chắc chắn đó là những người đã giúp đỡ Ngài trong thời gian Ngài thi hành chức vụ (*Lu-ca* 8:2). Ba người phụ nữ có tên là: Ma-ri Ma-đơ-len, người đã được đuổi khỏi bảy quỷ (*Lu-ca* 8:2) Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép, bà cũng là người có mặt tại mộ trống trong buổi sáng phục sinh (*Ma-thi-ơ* 28:1; *Mác* 16:1) và

Sa-lô-mê, mẹ của Gia-cơ và Giăng. Sa-lô-mê đã cầu xin Chúa Giê-xu ngồi cao trong nước thiên đàng cho các con trai của bà. Chúng ta thắc mắc tự hỏi bà Sa-lô-mê cảm thấy thế nào khi thấy Chúa Giê-xu bị treo trên thập tự giá.

### Mộ Ngài được quân lính canh giữ

*Ma-thi-ơ 27: 57-66*

<sup>57</sup> Đến chiều tối, có một người giàu, ở thành A-ri-ma-thê, tên là Giô-sép, chính là một môn đồ của Đức Chúa Jê-sus, <sup>58</sup> đến nơi Phi-lát mà xin xác Đức Chúa Jê-sus. Phi-lát bèn truyền cho. <sup>59</sup> Giô-sép lấy xác Ngài bọc trong tấm vải liệm trắng, <sup>60</sup> và đưa để trong một cái huyệt mới mà người đã khiến đục cho mình trong hòn đá; đoạn, lăn một hòn đá lớn đến trước cửa mồ, rồi đi. <sup>61</sup> Có Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri khác ở đó, ngồi đối ngang huyệt.

<sup>62</sup> Đến ngày mai (là ngày sau ngày sắm sửa), các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si cùng nhau đến Phi-lát, <sup>63</sup> mà nói rằng: Thưa chúa, chúng tôi nhờ người gian dối này, khi còn sống, có nói rằng: Khỏi ba ngày thì ta sẽ sống lại. <sup>64</sup> Vậy, xin hãy cất người canh mả cẩn thận cho đến ngày thứ ba, kéo môn đồ nó đến lấy trộm xác đi, rồi nói với dân chúng rằng: Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Sự gian dối sau đó sẽ tệ hơn sự gian dối trước. <sup>65</sup> Phi-lát nói với họ rằng: Các người có lính canh; hãy đi canh giữ theo ý các người. <sup>66</sup> Vậy, họ đi, niêm phong mả Ngài lại, cất lính canh giữ, lấy làm chắc chắn lắm.

Nếu không có sự can thiệp của Giô-sép người A-ri-ma-thê và Ni-cô-đem (*Giăng 19:38*), thì thi thể của Chúa Giê-xu có thể không được chôn cất tử tế. Giô-sép và Ni-cô-đem đã đến tin nhận Chúa Giê-xu, dầu họ không công khai chứng tỏ đức tin của mình. Có thể nói Đức Chúa Trời đã giấu kín họ để họ có thể lo cho thi thể của Chúa Giê-xu. Vì là một người giàu có, ông đã chuẩn bị một ngôi mộ mới, vì vậy Giô-sép đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong *Ê-sai 53:9* - "Ngài bị chết như một tử tội nhưng lại chôn trong mộ người giàu" (TKHĐ).

Lẽ ra Giô-sép không nên chuẩn bị ngôi mộ đó cho chính ông. Ông là một người giàu có và chắc chắn ông không muốn mình được an táng gần nơi hành hình. Nhưng làm như thế ông đã chuẩn

bị ngôi mộ cho Chúa Giê-xu, và ông chọn địa điểm gần đồi Gô-gô-tha nhờ thế ông và Ni-cô-đem có thể an táng thi thể của Đấng Christ cách nhanh chóng. Có thể Giô-sép và Ni-cô-đem đã ở trong vườn chờ đợi đến khi Chúa Giê-xu tắt hơi. Lúc họ đem Chúa Giê-xu xuống khỏi thập tự, họ đã bị ô uế và không thể nào dự lễ Vượt Qua. Nhưng điều này có ảnh hưởng gì? Họ đã tìm thấy Chiên Con của Đức Chúa Trời!

Tương phản với lòng yêu thương chăm sóc của các bạn Chúa Giê-xu dành cho Ngài, chúng ta lưu ý đến mưu mô và thủ đoạn của các nhà lãnh đạo Do Thái. Các môn đệ không nhớ lời Chúa Giê-xu phán hứa ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại, nhưng kẻ thù của Ngài thì nhớ. Phi-lát cho phép các bậc lãnh đạo giáo hội cho quân lính canh gác nơi chôn xác Chúa. Việc canh gác này được chính quyền La Mã đóng ấn niêm phong tảng đá chặn cửa mộ. Tất cả mọi việc là do Đức Chúa Trời, vì bây giờ không ai - bạn hay thù - có thể đánh cắp xác Chúa được. Vô hình chung, các nhà lãnh đạo giáo hội và chính quyền La Mã đã hợp tác nhau để chứng thực cho sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ.

## Vua Chiến Thắng

*Ma-thi-ơ 28*

Nếu có bất cứ điều gì chứng minh cho vương quyền của Chúa Giê-xu Christ, thì đó là sự sống lại của Ngài. Chương cuối của sách *Ma-thi-ơ* tường thuật sự đắc thắng của Chúa Giê-xu Christ, một sự kiện đầy kích động mà các Cơ Đốc nhân ngày nay cùng có phần trong chiến thắng ấy. Đó là: Hãy chú ý các giai đoạn khác nhau trong kinh nghiệm của Cơ Đốc nhân về sự sống lại của Ngài.

### Họ Nghĩ Rằng Ngài Đã Chết

*Ma-thi-ơ 28:1*

<sup>1</sup> Sau ngày Sa-bát, ngày thứ nhất trong tuần lễ, lúc tảng sáng, có Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri khác đến thăm mộ.

Những người đàn bà đã nấn ná tại thập tự giá là những người đến thăm mộ vào sáng sớm sau ngày Sa-bát, mang thêm dầu thơm để xức xác Chúa. Các bà ấy nghĩ rằng Ngài chết. Thực ra họ băn khoăn không biết làm thế nào lăn được hòn đá lấp cửa mộ (*Mác 16:3*). Điều đáng lưu ý là họ không tin vào sự sống lại của Chúa

như Ngài đã phán dạy họ nhiều lần (*Ma-thi-ơ* 16:21; 17:23; 20:19; 26:32).

Chúng ta đừng bao giờ xem nhẹ tầm quan trọng của sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Thế giới tin rằng Chúa Giê-xu đã chết, nhưng họ không tin Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Sứ điệp của Phi-e-rơ trong ngày lễ Ngũ Tuần nhấn mạnh đến sự sống lại. Thực ra, sự sống lại được đề cập suốt cả sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*. Ý nghĩa của sự phục sinh là gì?

*Sự phục sinh minh chứng Chúa Giê-xu là Con Đấng Chúa Trời.* Chúa Giê-xu phán rằng Ngài có quyền giao mạng sống Ngài và cũng có quyền lấy lại (*Giăng* 10:17-18).

*Sự phục sinh xác nhận chân lý của Kinh Thánh.* Cả trong Kinh Thánh Cựu Ước và lời giảng dạy của Chúa Giê-xu, sự sống lại của Ngài được mô tả rõ ràng. (xem *Thi Thiên* 16:10; 110:1). Nếu Chúa Giê-xu không sống lại bước ra khỏi phần mộ, thì những lời Kinh Thánh này sẽ không thật.

*Sự phục sinh bảo đảm cho chúng ta sự sống lại trong tương lai.* Vì Chúa Giê-xu đã chết và sống lại, cho nên một ngày kia chúng ta sẽ sống lại giống như Ngài (*1 Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18). Thật ra, toàn bộ kết cấu đức tin Cơ Đốc giáo đặt nền tảng trên sự phục sinh. Nếu gạt bỏ sự Phục sinh của Chúa Giê-xu Christ chúng ta không còn có hy vọng gì.

*Sự phục sinh là bằng chứng của sự đoán xét trong tương lai.* “Vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ...” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:31).

*Sự phục sinh là nền tảng cho chức tế lễ trên trời của Đấng Christ.* Vì Ngài sống bằng quyền năng của sự sống đời đời, cho nên Ngài có thể cứu chúng ta “cách toàn vẹn” (*Hê-bơ-rơ* 7:23-28). Ngài sống để làm Đấng Trung Bảo cho chúng ta.

*Sự phục sinh ban năng lực cho nếp sống Cơ Đốc.* Chúng ta không thể nào sống cho Đức Chúa Trời bởi sức riêng của chúng ta. Chỉ khi quyền năng sống lại của Ngài hành động trong và qua

chúng ta thì chúng ta mới có thể làm theo ý chỉ của Ngài và làm vinh danh Ngài.

*Sự phục sinh bảo đảm cho chúng ta cơ nghiệp đời đời trong tương lai.* Vì chúng ta có hy vọng sống, nên chúng ta có thể kinh nghiệm nếp sống đầy hy vọng. Niềm hy vọng của trần thế thì yếu dần theo thời gian rồi chết hẳn. Nhưng niềm hy vọng trong một Cứu Chúa sống thì cho chúng ta có một tương lai vinh hiển.

Bất cứ khi nào con dân Chúa nhóm nhau lại trong ngày thánh của Chúa họ đều chứng thực rằng Chúa Giê-xu đang sống và Hội Thánh của Chúa đã gọi nhuần ơn phước thuộc linh. Lúc các môn đệ của Chúa nhóm lại trong ngày Chúa Nhật đầu tiên, họ hoang mang và thất vọng.

## Họ Nghe Ngài Đã Sống Lại

*Ma-thi-ơ 28: 2-8*

<sup>2</sup> Và này, đất rung động dữ dội, vì có thiên sứ của Chúa ở trên trời xuống, đến lăn hòn đá ra mà ngồi ở trên. <sup>3</sup> Hình dung của thiên sứ giống như chớp nhoáng, và áo trắng như tuyết. <sup>4</sup> Vì đó, những lính canh sợ hãi run rẩy, trở nên như người chết. <sup>5</sup> Song thiên sứ nói cùng các người đàn bà đó rằng: Các người đừng sợ chi cả; vì ta biết các người tìm Đức Chúa Jê-sus, là Đấng bị đóng đinh trên thập tự giá. <sup>6</sup> Ngài không ở đây đâu; Ngài sống lại rồi, như lời Ngài đã phán. Hãy đến xem chỗ Ngài đã nằm; <sup>7</sup> và hãy đi mau nói cho môn đồ Ngài hay rằng Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Đây này, Ngài đi trước các người qua xứ Ga-li-lê; ở đó, các người sẽ thấy Ngài. Ấy, ta đã bảo các người.

<sup>8</sup> Hai người đàn bà đó bèn vội vàng ra khỏi mộ, vừa sợ vừa cả mừng, chạy báo tin cho các môn đồ.

“Và này, đất rung động dữ dội”(Ma-thi-ơ 28:2). Hai thiên sứ hiện ra (Lu-ca 24:4) và một trong hai thiên sứ lăn hòn đá ra khỏi cửa mộ. Dĩ nhiên bọn lính đang canh gác quá đỗi sợ hãi về quyền năng siêu nhiên thành linh xảy ra. Hòn đá được lăn ra để Chúa Giê-xu bước ra, vì Ngài đã rời khỏi mộ. Hòn đá được lăn ra khỏi mộ để mọi người có thể tự mình mục kích ngôi mộ trống không.

Một trong hai thiên sứ phán với các người đàn bà và trấn an nỗi sợ hãi của họ. “Ngài không ở đây đâu! Ngài sống lại rồi! Hãy đến

xem!” Chúng ta nên nhớ rằng những người phụ nữ này cũng như các môn đệ không nghĩ đến việc Chúa Giê-xu sống lại.

Họ đã thấy gì nơi phần mộ? Vải liệm nằm trên phiến đá, vẫn còn được quấn theo hình dáng của xác người (*Giăng* 20:5-7). Chúa Giê-xu đã nằm trong tấm vải liệm và Ngài để lại làm bằng chứng Ngài đã sống lại. Chúng nằm đó trống không. Không có dấu hiệu nào cho thấy có sự chiến đấu, các tấm vải liệm không tung tóc bừa bãi. Ngay cả khăn trùm đầu (quấn quanh khuôn mặt Chúa) cũng được xếp cẩn thận ở một chỗ. Chúng ta không thể nhìn thấy chứng cứ này giống như các môn đệ trong buổi sáng Phục Sinh đầu tiên. Nhưng chúng ta có bằng chứng là lời Đức Chúa Trời. Dây trói sự chết không giữ được Chúa Giê-xu (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:24). Ngài đã hứa sẽ sống lại từ kẻ chết, và Lời của Ngài không bao giờ sai đời.

Sự biến đổi nổi bật trong cuộc đời của các môn đệ đầu tiên là một bằng chứng khác về sự phục sinh của Ngài.

Hôm trước họ sợ hãi và chạy trốn trong thất bại. Nhưng ngày hôm sau họ rao báo về sự phục sinh của Ngài và bước đi trong chiến thắng mừng rỡ. Thật ra, họ sẵn lòng chết vì chân lý của sự sống lại. Nếu tất cả các sự kiện này là một chuyện bịa đặt, thì không bao giờ cuộc đời họ có thể biến đổi hoặc khiến họ có thể phó mạng sống mình như người tử đạo.

Có trên 500 người cùng lúc tận mắt xem thấy Chúa Giê-xu sống (*I Cô-rinh-tô* 15:3-8). Các lần hiện ra của Đấng Christ phục sinh thật sự bằng xương bằng thịt đến nỗi người ta không thể giải thích các sự kiện ấy là do ảo giác hoặc lừa dối. Mọi người thấy Ngài thì đều ngạc nhiên sửng sốt. Chắc chắn không thể có đến trên 500 người bị ảo giác cùng một lần như vậy. Ngay cả sứ đồ Phao-lô, là kẻ bắt bớ Hội Thánh, cũng thấy Đấng Christ sống lại; kinh nghiệm đó đã biến đổi cuộc đời ông (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 9:1-30).

Sự tồn tại của Hội Thánh, Kinh Thánh Tân Ước, và Ngày Chúa Nhật là những bằng chứng thêm vào tỏ rõ Chúa Giê-xu hiện đang sống. Trái qua nhiều thế kỷ, Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa

Trời, và họ coi trọng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát. Rồi một biến cố xảy ra: Người Giu-đa và ngoại bang hiệp một trong Hội Thánh và trở nên con cái Đức Chúa Trời; họ gặp nhau vào ngày thứ nhất trong tuần lễ, ngày Chúa Nhật. Kinh Thánh Tân Ước sẽ vô giá trị nếu Chúa Giê-xu chết, vì mỗi phần của Tân Ước đều nói đến một Đấng Christ sống.

Dĩ nhiên, mỗi Cơ Đốc nhân đều kinh nghiệm quyền năng sự sống lại trong đời sống mình. Trong cuộc sống nội tâm, chỉ đơn thuần kinh nghiệm chủ quan sẽ không chứng minh được sự sống lại của Chúa, nhưng khi kết hợp với các bằng chứng khác thì sự kiện phục sinh sẽ thêm sức thuyết phục. Các tín đồ các tà giáo thường đem những kinh nghiệm của mình ra để chứng minh lẽ thật của họ, còn Cơ Đốc nhân thì có chiều dày của lịch sử giáo hội, có Kinh Thánh và có các nhân chứng khả tin làm hậu thuẫn thêm cho các kinh nghiệm của mình.

“Hãy đi nói” theo sau “Hãy đến xem”. Chúng ta không được giữ kín tin tức Đấng Christ Phục Sinh cho riêng chúng ta. Thiên sứ sai mấy người đàn bà đi nói cho các môn đệ Đấng Christ biết tin Ngài sống lại. Đáng lẽ họ mong đợi tin vui ấy, nhưng họ hoài nghi không tin khi nghe đến.

## Họ Gặp Chúa Sống Cách Cá Nhân

*Ma-thi-ơ 28: 9-15*

<sup>9</sup> Này, Đức Chúa Jêsus gặp hai người đàn bà đó, thì phán rằng: Mừng các người! Hai người cùng đến gần, ôm chân Ngài, và thờ lạy Ngài. <sup>10</sup> Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Đừng sợ chi cả; hãy đi bảo cho anh em ta đi qua xứ Ga-li-lê, ở đó sẽ thấy ta.

<sup>11</sup> Trong khi hai người đàn bà đó đi đường, thì có mấy tên lính canh vào thành thuật lại cho các thầy tế lễ cả biết mọi việc đã xảy đến. <sup>12</sup> Các thầy bèn nhóm lại cùng các trưởng lão đặng bàn luận, xong rồi, thì họ cho những lính đó nhiều tiền bạc, <sup>13</sup> mà dặn rằng: Các người hãy nói rằng: Môn đồ nó đã đến lúc ban đêm, khi chúng tôi đương ngủ, mà lấy trộm nó đi. <sup>14</sup> Nếu điều ấy thấu tai quan tổng đốc, thì chúng ta sẽ khuyên giải người, và làm cho các người khỏi lo sợ. <sup>15</sup> Mấy tên lính đó lấy bạc, và làm theo như lời. Tiếng ấy đã đồn ra trong dân Giu-đa cho đến ngày nay.

Chính lúc chúng ta vâng theo lời Đức Chúa Trời thì Ngài đến với chúng ta. Chúa Giê-xu đã hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len trong vườn (*Giăng* 20:11-18; *Mác* 16:9). Bạn lưu ý sau khi sống lại, trước hết Chúa đã hiện ra hai lần cho các phụ nữ có lòng tin kính Chúa. Những phụ nữ trung thành này không chỉ là người sau cùng rời khỏi đồi Gô-gô-tha, nhưng họ cũng trước nhất đến thăm mộ. Họ đã được Chúa Giê-xu ban thưởng vì lòng tận hiến cho Ngài.

“Mừng các người!” có thể dịch là *ân sủng*. Thật là lời chào tuyệt diệu trong ngày Phục Sinh! Mấy người phụ nữ gieo mình dưới chân Ngài, ôm chân Ngài và thờ lạy Ngài. Chắc chắn trong lòng họ cũng có nỗi sợ hãi, vì Ngài liền trấn an họ, “Đừng sợ!”

Không chỉ có thiên sứ giao nhiệm vụ cho họ, nhưng Chúa cũng sai bảo họ. Nhóm từ “anh em ta” cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa Đấng Christ và các môn đệ của Ngài. Sáng sớm hôm ấy Chúa Giê-xu đã phán với Ma-ri Ma-đơ-len giống như vậy (*Giăng* 20:17). Chúa Giê-xu tăng thêm sức mạnh cho lời chỉ dạy của thiên sứ rằng các môn đệ sẽ gặp Ngài tại xứ Ga-li-lê (xem *Ma-thi-ơ* 28:7). Trong vườn cầu nguyện Chúa Giê-xu đã phán dạy các môn đệ rằng Ngài sẽ từ kẻ chết sống lại và gặp họ tại xứ Ga-li-lê; nhưng họ đã quên lời Ngài (*Ma-thi-ơ* 26:31-32).

Trong khi các môn đệ theo Ngài thờ lạy Đấng Christ sống lại, thì những kẻ không tin đang tìm mưu phá đổ bằng chứng sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Vào lúc này, một số binh lính nhận ra rằng họ đã trải qua cảnh trạng kinh hoàng. Dấu niêm phong của chính quyền La Mã bị phá tung, tảng đá bị lăn đi, và xác chết không còn ở trong mộ nữa. Đối với một binh lính La Mã không hoàn thành nhiệm vụ canh gác có thể phạt tội chết (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:19; 16:27-28). Nhưng bọn lính tinh khôn, chúng không báo tin cho Phi-lát hoặc cho cấp trên của mình mà đi báo tin cho các thầy tế lễ Do Thái giáo. Họ biết rằng các thầy tế lễ sẽ lo giấu nhẹm phép lạ cũng như bản thân họ nữa! Các thầy tế lễ bàn luận với các trưởng lão và bọn lính, họ thêu dệt một câu chuyện để giải thích lý do ngôi mộ trống không: Xác chết đã bị đánh cắp.

Xem xét câu chuyện này, chúng ta thấy việc Chúa Giê-xu sống

lại đã thực sự được chứng minh. Nếu thi hài của Chúa Giê-xu bị đánh cắp, thì ai đã làm việc ấy, bạn bè hay kẻ chống nghịch Ngài? Bạn bè Ngài không thể làm điều đó được vì họ đã bỏ đi và tin rằng Chúa Giê-xu đã chết. Kẻ thù của Ngài sẽ không lấy cắp xác Ngài vì họ đang tìm cách ngăn chặn niềm tin vào sự sống lại của Ngài. *Kìa mà!* Chắc chắn họ không đạt được mục đích nếu dời xác Ngài đi nơi khác. Và nếu đã đánh cắp xác Ngài, tại sao họ không loan tin ấy ra và triệt tiêu lời làm chứng của sáng sớm Chúa Nhật hôm ấy?

Bất cứ ai lấy cắp xác chết chắc chắn sẽ mang thi thể còn nguyên vãi liệm. Nhưng vãi liệm còn để nguyên lại trong mộ được xếp đặt ngay ngắn. Đây là cảnh tượng khó xảy ra trong một vụ lấy trộm xác chết.

Các nhà lãnh đạo tôn giáo đã trả tiền cho hành động phản bội của Giu-đa. Họ cũng dùng tiền để bọn lính phao tin người ta đã đánh cắp xác Chúa Giê-xu. Chắc chắn mấy tên lính La Mã này đã đòi một khoản tiền lớn, vì mạng sống của chúng đang bị đe dọa. Nếu cấp trên nghe chúng không hoàn thành nhiệm vụ, chúng có thể bị xử tử. Mặc dù câu chuyện lọt đến tai Phi-lát, nhưng dường như ông không mong đợi tin ấy. Ông tin rằng Chúa Giê-xu đã chết (Mác 15:43-45), và tất cả điều đó không ảnh hưởng gì đến ông. Xác Chúa Giê-xu biến mất không tạo nên khó khăn gì cho Phi-lát.

Nhà văn Mark Twain đã viết: "Lời nói dối có thể lan khắp thế giới trong khi sự thật vẫn nằm yên một chỗ." Trong bản chất con người có điều gì đó khiến con người dễ tin sự dối trá. Không đợi cho đến khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong ngày lễ Ngũ Tuần và lời chứng quyền năng của các sứ đồ, người Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem đã khám phá ra sự thật: Chúa Giê-xu Christ đã sống lại! Bất kỳ ai có lòng thành thật tìm hiểu bằng chứng này sẽ kết luận rằng sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ là một sự kiện có thật trong lịch sử không ai có thể chối cãi được!

Chúa chúng ta cũng hiện ra cho hai môn đệ về làng Em-ma-út ngày hôm ấy (Lu-ca 24:13-2), và hiện ra cho mười môn đệ tại phòng cao trong thành phố Giê-ru-sa-lem (Giăng 20:19-25). Một

tuần lễ sau, Ngài hiện ra cho mười một môn đệ và giải đáp cho sự không tin của Tho-ma (*Giăng* 20:19-25). Trong Chúa Nhật Phục Sinh đầu tiên, Chúa Giê-xu cũng hiện ra đặc biệt cho Phi-e-rô (*Lu-ca* 24:33-35; *I Cô-rinh-tô* 15:5).

Sáng sớm hôm ấy, các môn đệ và mấy người phụ nữ nghĩ rằng Chúa Giê-xu đã chết. Rồi họ nghe tin Ngài sống lại. Sau khi nghe tin họ gặp Ngài bằng xương bằng thịt. Lại thêm một chặng đường mới trong kinh nghiệm theo Chúa của họ.

### Họ Chia Xẻ Tin Mừng Cho Người Khác

*Ma-thi-ơ* 28:16-20

<sup>16</sup> Mười một môn đồ đi qua xứ Ga-li-lê, lên hòn núi mà Đức Chúa Jê-sus đã chỉ cho. <sup>17</sup> Khi môn đồ thấy Ngài, thì thờ lạy Ngài; nhưng có một vài người nghi ngờ. <sup>18</sup> Đức Chúa Jê-sus đến gần, phán cùng môn đồ như vậy: Hết cả quyền phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho ta. <sup>19</sup> Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp-têm cho họ, <sup>20</sup> và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi. Và này, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế.

Một vài học giả Kinh Thánh xem “buổi họp mặt trên núi” tại xứ Ga-li-lê tương đương với sự hiện ra của Chúa cho “hơn 500 anh em xem thấy cùng một lúc” (*I Cô-rinh-tô* 15:6). Sự việc có một số người hiện diện nghi ngờ sự sống lại của Ngài cho phép ta suy đoán có trên mười một môn đệ có mặt vào lúc ấy, vì bây giờ các môn đệ không còn nghi ngờ về Chúa phục sinh. Sự thăng thiên của Chúa không xảy ra vào lúc này, nhưng về sau, sau khi Ngài đã dạy dỗ thêm sức cho môn đệ Ngài tại Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca* 24:44-53).

*Ma-thi-ơ* 28:18-20 thường được mọi người gọi là “Đại Mạng Lệnh”, mặc dầu lời phán này không đầy đủ hơn lời phán trong các sách Phúc Âm khác, và cũng không phải là lời phán sau chót trước khi Chúa Giê-xu rời họ về trời. Tuy vậy, đây là mệnh lệnh dành cho chúng ta là những kẻ tin, vì vậy chúng ta phải hiểu các yếu tố trong mạng lệnh này.

*Quyền Phép* (28:18). Trong câu này, chữ quyền năng có nghĩa là “Thấm quyền hay quyền phép tức được phép sử dụng quyền năng. Cả sách *Phúc Âm Ma-thi-ơ* nhấn mạnh đến quyền phép của Chúa Giê-xu Christ. Ngài giảng dạy đầy uy quyền (*Ma-thi-ơ* 7:29). Ngài thực hành quyền phép trong việc chữa lành tật bệnh (8:1-13), và ngay cả Ngài có quyền tha thứ tội lỗi nữa (9:6). Ngài có uy quyền trên quỷ Sa-tan, và giao cho các sứ đồ quyền năng đuổi quỷ chữa bệnh (10:1). Kết thúc sách *Phúc Âm, Ma-thi-ơ* cho chúng ta thấy rõ rằng hết thảy quyền phép đều thuộc về Chúa Giê-xu.

Vì Chúa Giê-xu Christ ngày nay có mọi quyền phép cho nên chúng ta có thể vâng lời Ngài mà không sợ hãi. Cho dù Ngài dẫn dắt chúng ta đi bất cứ nơi đâu, chúng ta phải đối diện với bất cứ hoàn cảnh nào, Ngài cũng đang nắm quyền kiểm soát. Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu đánh bại mọi kẻ thù và giành lấy cho Ngài mọi quyền năng.

Cơ Đốc giáo là đức tin đòi hỏi sự truyền giáo. Chính bản chất của Đức Chúa Trời đòi hỏi điều này, vì Đức Chúa Trời tiêu biểu cho tình yêu thương và Ngài không muốn một ai bị chết mất (*II Phi-e-rơ* 3:9). Sự chết của Chúa chúng ta trên thập tự giá dành cho cả thế gian. Nếu chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời và có cùng bản tính của Ngài, chúng ta sẽ khao khát nói về tin tức tốt lành cho thế giới hư mất.

Khi đọc sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, chúng ta hiểu rằng Hội Thánh đầu tiên hoạt động trên nền tảng quyền năng tối thượng của Chúa. Họ thi hành sứ mạng của Ngài trong danh Ngài. Họ nương cậy nơi quyền năng và sự hướng dẫn của Ngài. Họ không đương đầu với thế gian hư hoại bằng năng lực riêng nhưng trên quyền phép của Chúa Giê-xu Christ.

*Hành Động* (*Ma-thi-ơ* 28:19-20a). Động từ trong tiếng Hy Lạp dịch chữ “hãy đi” thật sự không phải là một mệnh lệnh nhưng là một phân từ hiện tại (đang đi). Mệnh lệnh duy nhất trong trong Đại Mạng Lệnh là “khiến mọi người trở nên môn đệ của Chúa” (dạy dỗ muôn dân). Chúa Giê-xu phán: “Trong khi các người đi ra, hãy

khiến muôn dân trở nên môn đệ TA.” Cho dù chúng ta ở bất cứ nơi nào, chúng ta cũng phải làm chứng nhân cho Chúa Giê-xu Christ và tìm cách dắt đưa người khác đến với Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 11:19-21).

Từ ngữ “môn đệ” là một tên gọi quen thuộc nhất đối với những tín hữu đầu tiên. Được gọi là môn đệ có ý nghĩa lớn lao hơn là một người tin đạo hoặc một thành viên trong Hội Thánh. Người học đạo có thể là thuật ngữ tương đương cho từ ngữ trên. Một môn đệ (người học đạo) tự gắn liền với thầy của mình, đồng cảm với thầy, học tập nơi thầy và cùng sống với thầy. Người học không chỉ lắng nghe nhưng còn làm theo. Chúa chúng ta kêu gọi mười hai môn đệ và dạy họ để họ có đủ khả năng dạy người khác (*Mác* 3:13).

Lúc ấy môn đệ là người đã đặt lòng tin cậy vào Chúa Giê-xu Christ và công khai bày tỏ đức tin qua việc nhận lễ báp-têm. Người giữ sự thông công với anh em trong đức tin để được dạy dỗ về lẽ thật của đức tin (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:41-47). Người cũng có khả năng đi ra dắt đem người khác về cùng Chúa và dạy họ giữ đạo sự sống. Đây là kiểu mẫu của Hội Thánh trong thời Tân Ước (*II Ti-mô-thê* 2:1-2).

Nhiều khi chúng ta đã xa rời kiểu mẫu này. Ở hầu hết các Hội Thánh, chỉ có mục sư là có nhiệm vụ giảng đạo, chinh phục tội nhân hư mất, và lấy thêm người được cứu vào trong Hội Thánh - trong khi các thành viên Hội Thánh chỉ đóng vai trò hô hào (nếu như họ nhiệt thành) hoặc chỉ là người chứng kiến. Những “người cải đạo” tin Chúa, chịu báp-têm, và được ban cho quyền thông công với anh em, rồi họ nhập vào những khán giả khác. Hội Thánh sẽ lớn mạnh nhanh biết bao, các thành viên trong Hội Thánh sẽ mạnh mẽ và hạnh phúc hơn biết bao nếu mỗi tín hữu đều trở nên môn đệ của Chúa. Phương cách duy nhất một Hội Thánh địa phương có thể “kết quả và sai trái hơn” (thay vì phát triển theo cách “tăng thêm số sinh sản”) là chương trình phát triển đạo Chúa có hệ thống hẳn hoi. Đây là trách nhiệm của mỗi một tín hữu, và không chỉ dành cho một nhóm nhỏ những người đã được “sai đi”.

Chúa Giê-xu mở trí các môn đệ hiểu được lời phán dạy của

Ngài (*Lu-ca* 24:44-45). Họ biết điều Ngài muốn họ dạy cho những người họ đưa dắt trở lại đạo. Chinh phục người khác đến với Đấng Christ chưa đủ, chúng ta cũng phải dạy họ về Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời. Đây cũng là một phần trong Đại Mạng Lệnh của Chúa.

*Khả Năng* (*Ma-thi-ơ* 28:20b). Chúa Giê-xu không chỉ “ở giữa” khi môn đệ Ngài nhóm họp (*Ma-thi-ơ* 18:20), nhưng Ngài còn ở với khi họ tản lạc khắp thế gian làm chứng nhân cho Ngài. Nếu Chúa Giê-xu còn ở trên thế gian, Ngài không thể làm trọn lời hứa này. Chính lúc Đức Thánh Linh ngự đến, khi ấy Chúa Giê-xu có thể ở với con cái Ngài cho dù họ ở bất cứ nơi nào.

Tiến sĩ G. Campbell Morgan kể về một kinh nghiệm trong cuộc đời của ông có liên quan đến lời phán dạy này. Trong buổi đầu của cuộc sống theo Chúa, mỗi tuần một lần Morgan thường đến thăm một số phụ nữ cao tuổi để đọc Kinh Thánh cho họ nghe. Khi đến phần cuối của sách *Ma-thi-ơ*, Morgan đọc, “Và này, Ta thường ở cùng các ngươi cho đến tận thế.” Ông thêm, “Đó không phải là một lời hứa kỳ diệu sao?” Một bà nhanh nhẹn đáp lại, “Này cháu ơi, đó không phải là lời hứa - đó là một sự kiện!”

Chúng ta không cần một điều kiện nào để được gặp gỡ hoặc ngay cả tin Ngài; vì *Chúa Giê-xu Christ ở cùng chúng ta*. Thánh Phao-lô khám phá điều này là thật khi ông đang tìm cách thành lập Hội Thánh trong thành phố Cô-rinh-tô cứng cõi vô tín. Vâng theo mạng lệnh này, Phao-lô đến với thành phố ấy (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 18:1), chinh phục người ta cho Đấng Christ, làm báp-têm cho họ (18:8) và dạy họ lời Đức Chúa Trời (18:11). Khi bị thử thách, Phao-lô được Chúa thăm viếng đặc biệt: “Đừng sợ... vì Ta ở cùng ngươi...” (18:9-10).

Nhóm từ “cho đến tận thế” cho thấy Chúa chúng ta có một kế hoạch; Ngài là Chúa của lịch sử. Khi Hội Thánh đi theo sự dẫn dắt của Ngài và vâng theo lời Ngài dạy, Hội Thánh làm trọn mục đích của Ngài trên thế gian. Một ngày kia tất cả sẽ đi đến chung cuộc; trong khi chờ đợi, chúng ta phải hết lòng trung tín với Chúa.

---

# Phúc Âm Ma-thi-ơ

---

## Cho Bạn Biết Về Vua Của Bạn...

---

**Như** Warren W. Wiersbe đã nói trong lời mở đầu, Phúc Âm Ma-thi-ơ đã được nhiều học giả Kinh Thánh xem là tài liệu quan trọng nhất về đức tin Cơ Đốc. Các nhà sử học cũng cho biết Phúc Âm Ma-thi-ơ là sách được Hội Thánh đầu tiên đọc và trích dẫn nhiều nhất.

Với tập giải nghĩa này, Warren W. Wiersbe giúp chúng ta thấy thế nào Phúc Âm Ma-thi-ơ trình bày Chúa Cứu Thế Giê-xu như một vị Vua, đồng thời dẫn chúng ta bước vào tình yêu sâu đậm và trung thành với Ngài, Vua trên muôn vua.

### Warren W. Wiersbe

*Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.*